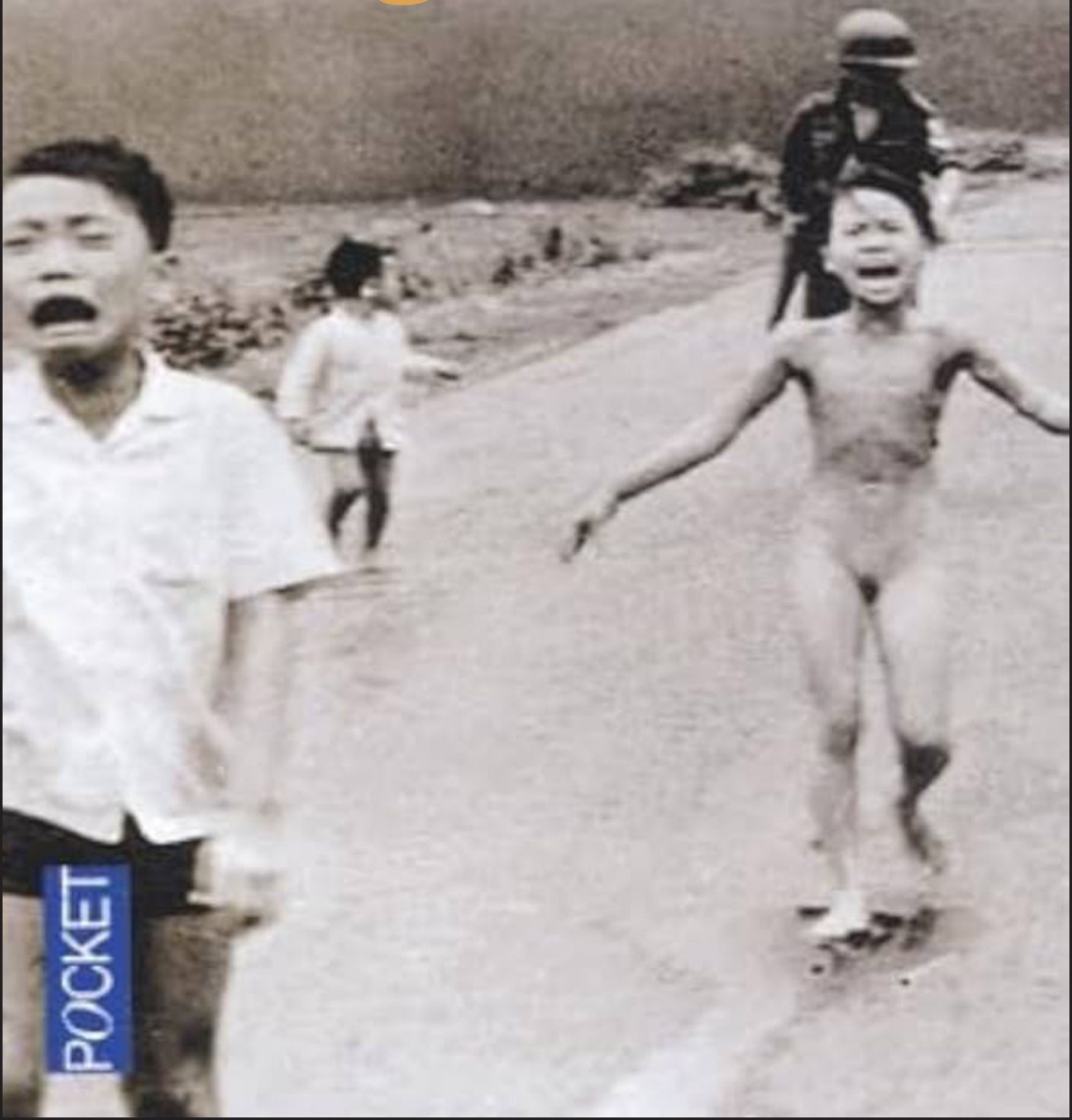


Denise Chong

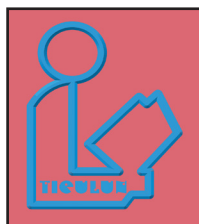
Cô Gái Trong Bức Ảnh



POCKET

CÔ GÁI TRONG BỨC ẢNH

DENISE CHONG



Minh Điền chuyển ngữ

Lời khen ngợi dành cho *Cô Gái Trong Bức Ảnh* :

«Đây là một cái nhìn sâu sắc và hấp dẫn về cuộc sống tại Việt Nam trong và sau chiến tranh. Khi kể lại cuộc sống dưới các chế độ chính trị khác nhau, Chong khéo léo duy trì sự cân bằng tinh tế và không đưa ra phán xét. Cô miêu tả một cách nhạy cảm cuộc đấu tranh với nghèo đói của gia đình Kim, cùng những mô tả về vụ tấn công và những năm dài phục hồi sau đó khiến người đọc đau lòng. Khả năng chấp nhận số phận và tha thứ cho những người đã gây ra nỗi đau cho mình của Kim thật đáng kinh ngạc. Tính cách và sức mạnh của cô thật truyền cảm hứng. *The Girl in the Picture* là một câu chuyện hấp dẫn về cuộc đời của một con người phi thường.»

Time Out

«*Cô Gái Trong Bức Ảnh* là minh chứng hùng hồn cho câu nói vĩ đại của Tagore : ‘Nghịch cảnh dù lớn, nhưng con người còn lớn hơn nghịch cảnh.’»

Dominique Lapierre, tác giả của *City of Joy* và *A Thousand Suns*

«Câu chuyện của Kim là một hành trình truyền cảm hứng về lòng dũng cảm kiên cường và sự quyết tâm ; một thông điệp của tình yêu, hy vọng và chiến thắng của tinh thần bất khuất.»

Focus

«Một câu chuyện có thật vô cùng cuốn hút mà bạn sẽ không thể đặt xuống.»

B Magazine

Lời Tựa

Bức ảnh Kim Phúc vẫn là một trong những hình ảnh khó phai mờ từ chiến tranh Việt Nam. Được chụp vào ngày 8 tháng 6 năm 1972, nó xuất hiện trên trang nhất của các tờ báo khắp thế giới năm đó và đã được tái bản vô số lần kể từ đó. George Esper, trưởng văn phòng cuối cùng của Hãng thông tấn Associated Press tại Sài Gòn, người ở lại cho đến khi các nhà báo nước ngoài còn lại bị lực lượng Cộng sản trục xuất, đã nói với tôi về sức mạnh của bức ảnh và tác động của nó đến chiến tranh Việt Nam : «Nó không chỉ ghi lại một tội ác của một cuộc chiến, mà là tội ác của mọi cuộc chiến», ông nói. «Có nhiều bức ảnh thương vong, nhưng bức này ám ảnh... Trong biểu cảm của cô bé là nỗi sợ hãi và kinh hoàng, đó cũng là cảm xúc của mọi người về chiến tranh. Bức ảnh này cho thấy hậu quả của chiến tranh, và nó sai trái, tàn phá đến mức nào. Người ta nhìn vào nó và nói, ‘Cuộc chiến này phải chấm dứt.’»

Như máy ảnh vẫn thường làm, cú bấm máy đó đóng băng một khoảnh khắc lịch sử, khiến cô bé trong ảnh mãi mãi là một cô bé. Nhưng thời gian không dừng lại với chiến tranh Việt Nam. Với người Mỹ, nó còn kéo dài thêm một năm, với người Việt, là ba năm. Kết thúc

của nó được ghi lại trong các trang sử - việc ký kết hiệp định ngừng bắn Paris ; chiếc trực thăng cuối cùng cất cánh từ nóc tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn ; thông báo đầu hàng của Nam Việt Nam trên Đài Phát thanh Sài Gòn ; chiếc xe tăng Bắc Việt đầu tiên đâm sập cổng Dinh Độc Lập. Tuy nhiên, nỗi đau chiến tranh không dễ dàng kết thúc như vậy. Và khi nhiều người vẫn vật lộn với câu hỏi tại sao chiến tranh Việt Nam xảy ra và kết thúc theo cách đó, chương sử ấy của nước Mỹ sẽ mãi còn dang dở.

Cô bé trong bức ảnh ban đầu vô danh khi hình ảnh của cô được truyền đi qua dịch vụ thông tấn AP, nhưng chỉ trong hai ngày, một phóng viên đã xác định được tên cô. Kim Phúc hồi phục từ những vết bỏng và trưởng thành từ thời thơ ấu. Và như thế, qua cuốn sách này, với cái nhìn rõ ràng hơn của thời gian, chúng ta có cơ hội nhìn lại cuộc chiến qua lăng kính cuộc đời cô - những gì nó mang lại cho một người nông dân bình thường ở Nam Việt Nam và hậu quả khi nó kết thúc, đồng thời xem xét tác động của bức ảnh đối với cuộc đời cô. Việc mở rộng tầm nhìn ra khỏi khung hình nổi tiếng đó trở nên dễ dàng hơn khi tôi phát hiện ra, đúng nghĩa đen, khung hình tiếp theo được ghi lại trong cuộc đời cô, do David Burnett chụp, người đã bỏ lỡ bức ảnh nổi tiếng vì đang thay phim khi cô chạy ngang qua. Bức ảnh đó chụp cô

từ phía sau, đang tiếp tục chạy xuống con đường. Một nhà báo - có lẽ là Alexander Shimkin, người đã hy sinh trong chiến tranh một tháng sau đó - chạy bên cạnh, cánh tay vươn ra phía sau cô. Sự nhân văn trong cử chỉ của ông dường như làm dịu đi nỗi kinh hoàng từ làn da cháy sém của cô.

Cuộc đời Kim bị định hình bởi những người muốn kéo cô trở lại làm trung tâm. Khi chế độ Cộng sản «tái phát hiện» cô là nhân vật trong bức ảnh nổi tiếng ở phương Tây, chính bức ảnh đó trở thành thứ chi phối và sắp đặt cuộc đời cô. Cô bị lợi dụng cho mục đích tuyên truyền, nhưng đồng thời, cô cũng là biểu tượng sống động *chấp nhận được* về nỗi đau chiến tranh. Một phần, chất napalm không bắn trúng mặt và tay cô, nên những vết sẹo có thể được che giấu dưới quần áo. Nỗi kinh hoàng từ những thương tổn do napalm - một loại vũ khí do Mỹ sản xuất và lần đầu được sử dụng rộng rãi trong chiến tranh Việt Nam - càng mạnh mẽ hơn và, một cách nghịch lý, dễ chấp nhận hơn khi để cho trí tưởng tượng tự hình dung. Hơn nữa, cô là người Nam Việt Nam, bị thương bởi chính phe mình, nên cô trở thành lời nhắc nhở rằng những tai nạn chiến tranh cũng có thể là tội ác chiến tranh.

Khi được phỏng vấn cho cuốn sách này, Kim là một nhân vật sẵn lòng, dù không phải lúc nào cũng thoải mái. Cô lớn lên trong bầu không khí chiến tranh. Trừ người Mỹ, bạn và thù đều giống nhau, nên càng ít nói và biết, càng an toàn. Chiến tranh thật khó hiểu - đặc biệt là với một đứa trẻ. Kim sinh ra trong chiến tranh, lên chín khi bị thương do trúng napalm và chỉ mười hai tuổi khi chiến tranh kết thúc. Từ đó cho đến năm hai mươi chín tuổi, khi cô đào thoát sang phương Tây năm 1992, cô sống dưới chế độ Cộng sản và trong một nền văn hóa chính trị nơi mọi thông tin đều được coi là nhạy cảm.

Việc đào thoát của Kim cho phép cô nói chuyện cởi mở, nhưng cũng gây khó khăn cho quá trình nghiên cứu của tôi. Tin đồn ban đầu sau khi cô đào thoát là cô không được chào đón ở Việt Nam. Do đó, khi tôi đến Việt Nam năm 1996, tôi không phỏng vấn cũng không yêu cầu phỏng vấn các nhà chức trách Cộng sản (không chỉ có khả năng chế độ từ chối yêu cầu của tôi, mà còn có thể từ chối cấp thị thực nhập cảnh). Thay vào đó, tôi nhập cảnh Việt Nam bằng thị thực du lịch và, nhờ những người từng làm việc với người Mỹ ở Nam Việt Nam nhưng đã không nói tiếng Anh từ đó làm thông dịch viên tạm, tôi lặng lẽ phỏng vấn gia đình, bạn bè và hàng xóm cũ của Kim ở đó. Vì vậy, các quan chức

Cộng sản trong cuốn sách này là những giọng nói được tái hiện từ ký ức của người khác ; cho đến khi Việt Nam trở thành một xã hội cởi mở hơn, đó là điều tốt nhất có thể làm được. Tôi cũng đến Cuba, nơi chế độ Việt Nam gửi Kim theo học đại học. Một lần nữa, tôi đi bằng thị thực du lịch và tiến hành nghiên cứu tương tự ở đó.

Độc giả có thể thấy hữu ích khi được giải thích về tên người Việt. Do họ ít và phổ biến, người Việt dùng tên riêng thay vì họ để xác định danh tính. Họ hiếm khi được sử dụng và thường chỉ gia đình gần biết. Ví dụ, Phạm Văn Đồng, từng là thủ tướng Việt Nam, sau lần đầu được nhắc trong văn bản, sẽ được gọi bằng tên riêng, Đồng. Ngược lại, theo thông lệ phương Tây, người ta sẽ gọi ông bằng họ, Phạm. Cuối cùng, hai lưu ý về tiếng Việt viết trong văn bản. Để đơn giản, tôi đã bỏ qua các dấu phụ chỉ cách phát âm và do đó, ý nghĩa cụ thể của từ. Và tôi thường kết hợp các âm tiết thành một từ, dù trong tiếng Việt, mỗi âm tiết là một từ riêng. Vì vậy, dù «Việt Nam» thực ra là hai từ, nó được kết hợp ở đây thành một.

Chương Một

Kim kéo nhẹ mép rèm cửa sổ phòng ngủ. Chỉ từ đó cô mới thấy được dấu hiệu sự sống bên ngoài. Cửa sổ phòng khách nhìn thẳng vào bức tường gạch của ngôi nhà bên cạnh. Dù một giếng trời trong phòng đó cho ánh sáng lọt vào, cảm giác trong căn hộ tầng hai của dãy nhà song lập vẫn là sự ngột ngạt, như con phố một chiều, một làn xe nơi gia đình Bùi sinh sống, trong một khu phố nghèo, chật chội nép sau khu phố Tàu nhỏ hơn trong hai khu phố Tàu nguyên thủy của Toronto. Tuy nhiên, từ cửa sổ phòng ngủ, nếu ai đó ngược mắt nhìn qua dãy xe đậu san sát và những mái nhà phẳng, nhọn lộn xộn đối diện, họ có thể thấy được quang cảnh đường chân trời hiện đại của trung tâm thành phố Toronto.

Ánh mắt Kim quét qua vỉa hè xem có ai đang theo dõi dãy nhà song lập không. Rồi hiên nhà phía dưới. Không một bóng người. Nhưng bằng chứng vẫn còn đó : một lon nước ngọt bị bẹp dúm và hộp giấy đồ trắng đặc trưng của bữa trưa Kentucky Fried Chicken từ cửa hàng ở đầu phố. Tối hôm qua lúc hoàng hôn, cô và Toàn, tin rằng họ đã vào căn hộ mà không bị phát hiện bằng cách đi lên cầu thang sau, nhìn qua cửa sổ này, và khi nhận

thấy vỏ lon nước ngọt cùng hộp giấy bị bỏ lại, đã đi đến cùng một kết luận - hai người phụ nữ họ vừa gặp trên vỉa hè đã theo dõi địa chỉ của họ trong một khoảng thời gian dài ngày hôm đó, ít nhất là đủ lâu để cảm thấy dói. Một trong số họ có máy ảnh. Kim đã cảnh báo chồng không nên mở cửa trước để dọn rác. Cô biết rõ điều này: ống kính máy ảnh có thể nhìn thấy rất nhiều.

Đêm hôm trước, Kim đã đi ngủ trong trạng thái bồn chồn. Cô đã gọi cho Michael Levine, luật sư kiêm đại diện của cô, người đang xử lý các yêu cầu từ truyền thông. «Nếu những người phụ nữ đó cố gắng vào nhà anh chị», ông nói, «hãy gọi cảnh sát.» Hình ảnh những người đàn ông mặc đồng phục khiến Kim lo lắng, và đêm đó, cô lại gặp cơn ác mộng chiến tranh quen thuộc. Đôi khi chúng liên quan đến bom, đôi khi là hỏa lực súng cối hoặc súng trường. Nhưng luôn có một điểm chung : cô là một đứa trẻ. Đêm đó, giấc mơ bắt đầu với cảnh cô đứng giữa một nhóm lính đang trò chuyện. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa họ. Tiếng súng vang lên. «Chúng ta phải chạy đi !» Kim hét lên. Cô chạy, hoảng sợ vì có thể bị giết. Nhưng khi chạy, cô mệt mỏi và không biết làm sao để tiếp tục.

Như thường lệ, cô tỉnh dậy để thoát khỏi cái chết. Cảm thấy lạnh như đá, cô làm điều luôn làm : đánh thức Toàn dậy. «Ôm em», cô thì thầm. Khi nước mắt ngừng rơi, như mọi khi, cô thấy mình đang an ủi anh : «Không sao đâu. Em phải chịu đựng như vậy.»

Toàn ra ngoài tìm việc, nhặt vỏ lon nước ngọt và hộp giấy trên đường đi. Kim tập trung vào những sự kiện đang diễn ra trong ngày : đồng nghiệp của nhiếp ảnh gia, hay đúng hơn là người không có máy ảnh, đã đồng ý, như Kim yêu cầu, gọi cho luật sư của cô. «Sau khi chỉ gọi cho anh ấy, sau đó tôi có thể làm việc với chị», Kim nói với cô ta. Suốt ngày hôm đó, Kim thấy mình chờ đợi điện thoại reo, mong Levine sẽ gọi để thông báo rằng hai người phụ nữ đã yêu cầu một cuộc phỏng vấn. Ngay cả chương trình phim truyền hình tiếng Tây Ban Nha buổi chiều mà cô thường xem cũng không thể khiến cô quên đi những câu hỏi lặp đi lặp lại trong tâm trí cô. Làm sao hai người phụ nữ đó biết địa chỉ của cô? Tại sao họ lại đợi cả ngày trên vỉa hè ? Ngày kết thúc, đánh dấu sự bắt đầu của cuối tuần, khi văn phòng luật của Levine đóng cửa.

Đến Chúa nhật, Kim cảm thấy nhẹ nhõm vì có nhà thờ để chiếm lấy tâm trí. Lời Chúa khiến cô quên đi mọi lo lắng. Nhà thờ của gia đình ở Ajax, cách Toronto một

giờ đi bằng xe van của nhà thờ, và ngoài mục sư, không ai ở đó biết về quá khứ của Kim. Vì cô và Toàn là người Việt Nam duy nhất trong giáo đoàn, có vẻ như quá khứ của cô sẽ không bao giờ được nhắc đến. Vào Chúa nhật, họ tham dự cả buổi lễ sáng và tối, dành khoảng thời gian giữa hai buổi lễ ở nhà một người bạn trong giáo đoàn.

Sau buổi lễ đầu tiên, cô và Toàn đến đón con trai mười một tháng tuổi, Thomas, từ khu chăm sóc trẻ của nhà thờ.

Kim cảm thấy một cú chạm khấn cấp vào vai. Đó là một người cha khác. «Ảnh của chị ở trên báo !» anh ta thốt lên.

Người đàn ông, người phụ trách mua báo cho phòng đọc của nhà thờ, giơ lên một tờ báo lá cải Toronto, The Sunday Sun. Đó là ấn bản ngày 19 tháng 3 năm 1995. «Bức ảnh gây chấn động thế giới» dòng tít trên trang nhất hô vang, bên trên bức ảnh một cô gái trẻ, khỏa thân và chạy trong hoảng loạn. Có một dòng tít khác, «Đứa trẻ của chiến tranh giờ là một phụ nữ sống ở Metro», bên cạnh một bức ảnh khác, ảnh Kim, mặc chiếc áo khoác cô đã mặc cả tuần.

Kim ngược mắt khỏi tờ báo. Rõ ràng, hai người phụ nữ đã có được bức ảnh họ tìm kiếm. «Vâng», cô nói. «Tôi là cô gái trong bức ảnh đó.»

Tờ báo đã đưa tin - rằng nhân vật trong một trong những bức ảnh nổi tiếng từ chiến tranh Việt Nam giờ đang sống ở phương Tây - là *The Mail on Sunday*, một tờ báo lá cải Anh. Tờ báo này đã bán bản quyền câu chuyện cho, trong số những tờ khác, *The Sunday Sun* của Toronto, đăng tải trải dài trên trang hai và ba. Đi kèm bài báo là những bức ảnh chụp Kim và Toàn đẩy con trai nhỏ trong xe nôi trên một con phố Toronto, và bức ảnh cha mẹ Kim trước ngôi nhà tranh vách đất của họ ở Trảng Bàng, Việt Nam. Bài báo bắt đầu :

Với những người hàng xóm ở một khu dân cư lao động tại Toronto, cô chỉ là một người mẹ trẻ bình thường, vô danh và nhút nhát. Nhưng với thế giới, cô sẽ mãi là biểu tượng con người của sự tàn bạo vô nghĩa và cái giá đắt máu của chiến tranh Việt Nam. Tháng tới sẽ là 20 năm kể từ khi chiến dịch quân sự vô ích của Mỹ cuối cùng kết thúc...

Trong vô số những bức ảnh và thước phim ghi lại cuộc chiến kinh hoàng và đẫm máu đó, một hình ảnh vẫn ám ảnh và mạnh mẽ nhất : một cô gái trẻ, khỏa thân và hoảng sợ, gào thét trong đau đớn khi chạy trốn khỏi

vụ ném bom napalm vào làng của gia đình cô, Trảng Bàng, cách Sài Gòn 40 dặm.

Ngày nay, Phan Thị Kim Phúc là một phụ nữ 32 tuổi. Từng bị người Việt Nam lợi dụng cho mục đích tuyên truyền chống tư bản, được chế độ Marx đưa ra làm bằng chứng đau đớn về chủ nghĩa thực dân Mỹ, giờ cô đang sống ẩn dật ở phương Tây, một người đào thoát khỏi những kẻ Cộng sản đã thao túng cô gần như suốt cuộc đời...

Câu chuyện này nhanh chóng được các hãng thông tấn quốc tế đưa tin. Chỉ trong vài ngày, điện thoại của Kim bắt đầu reo liên tục. Chẳng mấy chốc, cô mệt mỏi vì nghe những người gọi đến, toàn là người lạ, yêu cầu được nói chuyện với Kim Phúc. Cô bắt đầu để điện thoại đổ chuông, nhờ Toàn - nếu anh có ở nhà - trả lời và đưa số điện thoại của đại diện Kim. Mỗi khi chuông cửa reo liên tục, cặp đôi sẽ đến cửa sổ trước để quan sát người bên dưới. Thường thì đó là một nhà báo - hoặc ít nhất Kim đoán vậy, dựa vào túi máy ảnh trên vai hoặc cuốn sổ tay trên tay. Thường có một chiếc taxi đang đợi. Cuối cùng, khi không nhận được câu trả lời, nhà báo sẽ bỏ đi.

Ngày đêm, họ kéo rèm cửa sổ trước. Kim trở nên sợ hãi khi ra khỏi nhà vì lo rằng mình đang bị theo dõi, hoặc ai đó đang ẩn nấp, chờ cơ hội chụp ảnh cô. Mỗi khi chuông cửa reo, cô cố giữ cho đứa bé im lặng và tránh bước vào những chỗ sàn gỗ kêu cọt két. Giấc ngủ không giải thoát Kim khỏi lo lắng mà đẩy cô vào bóng tối của những cơn ác mộng tái diễn. Kiệt sức, cô dành cả ngày trong chiếc áo choàng màu ngọc lam.

Đây không phải là viễn cảnh cô từng hình dung khi, vài tháng trước, cô quyết định rằng để giúp đỡ gia đình, cô sẽ trở lại từ cuộc sống riêng tư và bán câu chuyện của mình ; đó sẽ là «công việc» của cô. Cô đã đến xin lời khuyên từ Nancy Pocock, một nhà hoạt động xã hội trọn đời đã ngoài tám mươi. Kim và Toàn, giống như nhiều người tị nạn Việt Nam và El Salvador ở Canada, gọi bà là «Mẹ Nancy.»

«Mẹ ơi, con muốn ngừng im lặng. Làm sao con có thể làm điều đó ?» Kim đã hỏi bà.

Nancy có một người bạn gia đình quen biết một luật sư giải trí nổi tiếng ở Toronto, nhưng trước khi giới thiệu, bà muốn chắc chắn rằng Kim hiểu một điều : một khi cô mời gọi sự chú ý của truyền thông, sẽ không có đường lui.

«Vâng, con biết. Con không thể im lặng nữa», Kim đã nói.

Nhưng sau một tháng thần kinh căng thẳng và những cơn ác mộng tái diễn, Kim bắt đầu có những suy nghĩ lại. Cô lo lắng rằng kế hoạch với đại diện của mình để truyền thông trả tiền cho sự nổi tiếng có thể trở thành vô ích, rằng, giống như hai người phụ nữ từ tờ báo lá cải Anh đó, truyền thông sẽ cố gắng lấy câu chuyện và ảnh của cô mà không trả một xu. Cô cảm thấy như những kẻ săn tin sẽ biến cô thành nạn nhân một lần nữa. «Tai nạn của hai người phụ nữ trên vỉa hè», cô than thở với Toàn, «giống như một quả bom rơi từ trên trời xuống.»

Chương Hai

Quốc lộ 1, con đường chạy về hướng tây bắc từ Sài Gòn qua biên giới Nam Việt Nam với Campuchia đến Phnom Penh, là một tuyến giao thương lâu đời. Đến đầu những năm 1960, dòng xe cộ qua lại đây như một cuộc diễu hành xuyên thế hệ : những chiếc xe bò kéo kẹt, xích lô máy và xe đạp, những chiếc Citroën cũ kỹ của Pháp, những xe tải-buýt ba bánh và bốn bánh, những chiếc xe gắn máy Honda và Lambretta đời mới cùng những chiếc xe tải GMC bóng loáng. Chiến tranh ở Nam Việt Nam - trước là với Pháp và giờ là với Mỹ - chỉ càng làm tăng lợi nhuận thương mại : mọi loại hàng hóa, đồ uống và thuốc lá mua từ Campuchia có thể được bán lại với giá gấp nhiều lần ở Sài Gòn.

Hoạt động thương mại này cũng tạo vỏ bọc thuận tiện cho những hoạt động du kích của các lực lượng nổi dậy và kháng chiến chống lại chế độ Sài Gòn. Thực tế, hành lang này đã vang vọng bước chân họ trong nhiều thập kỷ. Địa lý và chính trị cũng kết hợp một cách tự nhiên để hỗ trợ họ. Về phía tây bắc thủ đô Nam Việt Nam, địa hình là một đồng bằng rộng lớn được hình thành từ sự hợp lưu của hai hệ thống sông, sông Mekong, con sông lớn của Đông Dương (gồm Việt Nam, Campuchia và

Lào ngày nay), và sông Đồng Nai. Đồng bằng này đủ cao (khác với Đồng Tháp Mười ở phía tây nam thủ đô) để không bị ngập trong mùa mưa, cho phép lưu thông quanh năm. Nó tạo nên một dãy núi rải rác và rừng rậm, có hình dạng như những chiếc mũ bowler. Gần biên giới và sang bên kia, thảm thực vật chuyển thành rừng nhiệt đới, dày đặc đến mức ánh sáng mặt trời không thể xuyên qua. Những ngọn núi là căn cứ tự nhiên cho du kích và bàn đạp cho các cuộc tấn công khủng bố, trong khi rừng rậm cung cấp nơi ẩn náu và trụ sở lý tưởng. Và bằng cách vượt biên giới sang Campuchia vốn được coi là trung lập, những người chống đối Sài Gòn có được nơi ẩn náu chính trị ngoài tầm với của quân đội chính phủ Nam Việt Nam.

Là một phần của quốc lộ Nam Việt Nam, Quốc lộ 1 là con đường nhựa đầy ổ gà, rộng hai làn, trừ những đoạn cầu thu hẹp thành một làn. Thị trấn lớn cuối cùng và duy nhất trong khoảng bảy mươi lăm dặm giữa Sài Gòn và biên giới Campuchia, tiếp cận bằng một con đường rẽ từ Quốc lộ 1, là Tây Ninh, cách biên giới mười dặm và là thủ phủ của tỉnh cùng tên. Trong đoạn sáu mươi lăm dặm giữa Sài Gòn và Tây Ninh có hai «thị trấn huyện.» Đây không phải là các trung tâm đô thị mà là một tập hợp các làng xã. Cả hai đều thuộc tỉnh Hậu Nghĩa. Có nghĩa là «nghĩa sâu nặng», tỉnh này được Tổng thống

Nam Việt Nam Ngô Đình Diệm thành lập để hợp nhất các huyện có nhiều vấn đề chính trị nhất của các tỉnh lân cận, nơi những làng xã xa xôi hơn đã bị bỏ mặc cho du kích.

Từ Sài Gòn đi lên, thị trấn huyện đầu tiên là Củ Chi, cách thủ đô khoảng mười tám dặm. Xa hơn mười hai dặm nữa, nằm giữa Sài Gòn và Tây Ninh, là Trảng Bàng. Lối vào Trảng Bàng được đánh dấu bằng một cây cầu bắc qua con suối. Từ độ cao nhỏ đó, cách vài trăm thước, dấu mốc duy nhất của thị trấn hiện ra : một ngôi chùa có hai tháp. Một tấm biển cảnh báo người lái xe giảm tốc độ xuống mười dặm một giờ để vào khúc cua gấp. Do ngôi chùa trang trí công phu nằm ngay tại khúc cua, việc nhìn ngắm lâu hơn là không thể tránh khỏi.

Qua chùa, con đường thẳng lại. Nửa dặm xa hơn là một dãy nhà thấp lè tè chứa các văn phòng chính quyền huyện, một phòng khám, một trường trung học và khu chợ. Tuy nhiên, Trảng Bàng chủ yếu được biết đến nhờ ngã tư, nằm trước khu thương mại, nơi Quốc lộ 1 gặp Quốc lộ 19, một con đường thứ cấp chạy về hướng bắc tới biên giới Campuchia. Tụ tập trên quốc lộ tại ngã tư này là vài công trình tạm bợ với mái tôn, khoảng một chục quán ăn, giải khát và bánh kẹo phục vụ bữa sáng và trưa cho khách du lịch giữa Sài Gòn và biên giới.

Trong số các quán ở đây, quán của Phan Tùng được ưa chuộng nhờ tài nấu nướng tuyệt vời của vợ ông, Nữ.

Chính đoạn đường này, từ ngôi chùa đến ngã tư, sẽ gắn liền với số phận của gia đình Tùng và Nữ. Chính trên con đường này ở Trảng Bàng, một nhiếp ảnh gia sẽ chụp bức ảnh con gái họ, trở thành một trong những hình ảnh nổi tiếng nhất của chiến tranh Việt Nam.

Đứa con thứ năm và là con gái thứ ba của Tùng và Nữ sinh ngày 6 tháng 4 năm 1963. Cô bé được đặt tên là Phan Thị Kim Phúc. Phúc có nghĩa là «hạnh phúc» (nếu là con trai, nghĩa là «phúc lành»). Phan là họ của cha, Thị chỉ giới tính nữ, và Kim, có nghĩa là «vàng», là tên cô chia sẻ với hai chị gái. Với gia đình, cô được gọi là Phúc.

Năm Phúc chào đời mở đầu một cách đầy ám ảnh cho Nam Việt Nam. Tám năm trước đó, Ngô Đình Diệm đã tuyên bố vùng phía nam vùng phi quân sự, nơi chia cắt miền Bắc Cộng sản với miền Nam tư bản, là Việt Nam Cộng hòa và tự phong làm tổng thống. Đầu năm 1963, hai bên có cuộc đối đầu lớn đầu tiên trên chiến trường. Tại Ấp Bắc, một ngôi làng phía tây nam Sài Gòn, quân Cộng sản do Hà Nội lãnh đạo, dù ít hơn nhiều về số lượng và trang bị thô sơ, đã đánh bại quân đội chính phủ Nam Việt Nam. Chỉ huy Nam Việt Nam bắt tài đã

cố tình phớt lờ các cố vấn Mỹ tại hiện trường, vì biết rằng bản thân Tổng thống Diệm coi thất bại là cách để đảm bảo viện trợ tiếp tục từ Mỹ. Mùa hè năm đó, với sự tàn bạo đặc trưng và không nao núng, Diệm đàn áp cuộc nổi dậy của Phật giáo, ra lệnh cho quân đội nổ súng vào người biểu tình và tiến hành các cuộc đột kích đâm máu vào các chùa chiền. Cuộc phản đối leo thang. Một nhà sư ngồi giữa đường phố Sài Gòn, bình thản tưới xăng lên người, quẹt diêm và tự thiêu đến chết. Các nhà báo Mỹ, đã được báo trước, gửi hình ảnh rùng rợn này đi khắp thế giới.

Cách xử lý khủng hoảng Phật giáo của Diệm khiến chính quyền Mỹ càng thêm chán ghét chế độ mình ủng hộ, giờ đây họ coi nó là gây tổn hại cho nỗ lực chiến tranh. Mùa hè năm đó, nhiều nhà sư khác tiếp tục tự thiêu, và các cuộc đụng độ công khai với cảnh sát trở nên phổ biến. Để đối phó, Diệm tuyên bố thiết quân luật, một động thái khiến số phận ông được định đoạt. Các tướng lĩnh của chính ông đã sát hại ông và người em trai quyền lực, Nhu. Khi tin tức về cái chết của họ lan ra, đường phố Sài Gòn bùng nổ trong niềm vui, nhà tù mở cửa thả tù nhân chính trị, những ổ khóa trên cửa hộp đêm được tháo bỏ.

Rồi ba tuần sau vụ ám sát Diệm, vụ ám sát Tổng thống John F. Kennedy làm rung chuyển thế giới. Người kế vị ông, Lyndon Johnson, sẽ leo thang đáng kể nỗ lực chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, trong khi lãnh đạo Nam Việt Nam vẫn suy yếu bởi các cuộc đảo chính liên tiếp.

Hà Nội coi cuộc chiến với Mỹ là cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai. Cuộc chiến đầu tiên, chiến tranh Pháp-Việt Minh, đã diễn ra ở Việt Nam kể từ khi quân Nhật đầu hàng vào cuối Thế chiến thứ hai. Việt Minh, một mặt trận độc lập do Hồ Chí Minh sáng lập (tạo ra biệt danh của ông, Người Khai Sáng), đã giành quyền kiểm soát Hà Nội từ tay quân Nhật chiếm đóng và đổi tên miền Bắc thành Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quân đội Pháp trở lại nhanh chóng kiểm soát Sài Gòn và thuộc địa của họ ở miền Nam. Theo lời kêu gọi của Hồ, Việt Minh đã chiến đấu chống lại người Pháp để ngăn họ trở lại miền Bắc, đồng thời đuổi họ khỏi miền Nam. Chiến tranh Pháp-Việt Minh kết thúc vào năm 1954, khi Việt Minh tràn ngập đồn binh xa xôi của Pháp ở Điện Biên Phủ sau năm mươi bảy ngày vây hãm. Theo điều khoản của Hiệp định Geneva, một khu phi quân sự được thiết lập, và cuộc bầu cử thống nhất sẽ được tổ chức trong vòng hai năm. Hoa Kỳ, nước đã cung cấp viện trợ quân sự và kinh tế cho Pháp ở Đông Dương, cam kết chống đỡ chế độ Sài Gòn. Người Mỹ là bên duy nhất từ chối

chấp nhận Hiệp định Geneva.

Ở miền Nam, Diệm - khô hạn, cảm xúc thất thường, bài Cộng sản một cách khinh miệt - đã từ chối tổ chức bầu cử thống nhất. Ông được người Mỹ ủng hộ, những người, lo sợ sự thống trị của Cộng sản ở miền Bắc, sẽ không chấp nhận một Việt Nam thống nhất. Theo đó, Việt Minh quyết định theo đuổi thống nhất bằng cách nổi lại xung đột ở miền Nam. Năm 1960, những người yêu nước miền Nam thành lập một mặt trận kháng chiến chống lại chế độ Sài Gòn và tuyên bố đoàn kết với Việt Minh. Diệm gọi các du kích miền Nam là Việt Cộng. Chính cái tên này nhấn mạnh mối liên hệ của họ với chính sách Cộng sản của liên minh Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Cái tên này tồn tại, thay thế thuật ngữ Việt Minh.

Hà Nội chiến đấu trong cuộc chiến này với người Mỹ khác với cuộc chiến với người Pháp. Lần này, họ tiến hành một cuộc chiến tranh chủ yếu là du kích, sử dụng biệt động Việt Cộng được tuyển mộ từ người miền Nam, những người dựa vào vũ khí tự chế, như súng cối làm từ ống xả xe cũ và bẫy mìn làm bằng tre vót nhọn. Các đơn vị quân đội chính quy Bắc Việt, hay «bộ đội chủ lực», được dành cho các trận đánh quy ước và để tiến hành các cuộc tấn công rộng. Chiến lược của Hà Nội là thâm nhập và kiểm soát từng làng một, từ đó mở rộng ảnh

hưởng ra toàn tỉnh. Để thống trị miền Nam, quân đội chính quy và trang thiết bị quân sự đã được di chuyển qua khu phi quân sự dọc theo con đường sau này được biết đến với tên Đường mòn Hồ Chí Minh. Con đường ban đầu là một mạng lưới những lối mòn sơ khai băng qua suối núi, rừng rậm ẩm ướt và rừng nhiệt đới đầy muỗi, rắn độc và địa. Hành trình dài mười nghìn dặm này đi qua vùng thượng du Lào, quay trở lại cao nguyên miền Nam Việt Nam, rồi cắt ngang qua Campuchia dọc biên giới với Việt Nam, kết thúc khoảng sáu mươi đến bảy mươi dặm về phía tây bắc Sài Gòn.

Trong kế hoạch nhằm cắt đứt các tuyến tiếp tế cho miền Nam và tiêu diệt căn cứ của quân Cộng sản, máy bay Mỹ đã ném bom Đường mòn Hồ Chí Minh và rải chất diệt cỏ để làm trụi lá những khu rừng rộng lớn ở vùng giáp đông bắc Campuchia. Năm 1965, Tổng thống Johnson ra lệnh thực hiện các cuộc không kích đầu tiên lên miền Bắc Việt Nam, hy vọng ngăn cản Hà Nội tiếp tục chiến tranh và thống nhất đất nước. Cùng năm đó, ông cũng cử những binh lính Mỹ đầu tiên vào miền Nam Việt Nam.

Trong những năm tháng ấu thơ của Phúc, sức mạnh hủy diệt hiện đại của chiến tranh vẫn chưa xuất hiện và chưa được nghe thấy ở Trảng Bàng. Những cuộc đụng

độ trên chiến trường diễn ra xa xôi ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng cao nguyên miền Trung. Ở Trảng Bàng, cũng như ở Sài Gòn và Mỹ, ấn tượng của công chúng về cuộc chiến xa xôi không phải là máu me mà là sự đơn điệu và lặp đi lặp lại.

Đọc theo quốc lộ 1, cuộc sống hằng ngày hầu như không thay đổi từ thời chiến tranh Pháp. Ngay cả cảnh sát chính quyền cũng duy trì các trạm kiểm soát từ cuộc chiến này sang cuộc chiến khác. Du kích vẫn giữ những cách phá hoại cũ tại những địa điểm quen thuộc. Họ chặn đường bằng mìn tự chế, phá hủy cầu, tiến hành phục kích và ám sát. Ở những nơi như Trảng Bàng, chính quyền địa phương, không thể duy trì diện lực sau nhiều lần bị Việt Cộng phá hoại, đã quyết định không sửa chữa cho đến khi chiến tranh kết thúc. Bất kỳ ai đi đường đều biết một quy tắc bất di bất dịch : họ có thể sinh hoạt bình thường vào ban ngày, nhưng ban đêm thuộc về Việt Cộng.

Mỗi xóm hoặc cụm xóm tự xác định khu vực «an toàn» của mình ; mọi thứ bên ngoài khu vực này sẽ không được lực lượng an ninh địa phương tuần tra. Ranh giới của những khu vực có người ở được nhìn thấy rõ nhất từ trên cao. Ở Trảng Bàng, ranh giới kết thúc ở một phía nơi những cánh đồng lúa nhường chỗ cho hàng tre

và cây phượng vĩ dày đặc, ở phía khác là con sông, và ở những nơi không có ranh giới tự nhiên, ranh giới được đánh dấu bằng một hàng đất đắp cao ba feet. Chỉ những người nghèo khổ cùng cực, không có quyền lựa chọn nơi ở, mới không tuân theo những ranh giới này. Những người nghèo nhất trong các xóm thường là những gánh hàng rong, thường là phụ nữ - thường bị chồng bỏ rơi - vác những chiếc giỏ mây từ sáng sớm đến tận đêm khuya, bán đồ ăn vặt trong thị trấn. Con cái họ là những đứa trẻ mặc quần áo rách rưới, chân đất, mặt mũi lem luốc, không được đi học mà thay vào đó dành cả ngày rao bán lươn và cá trê tươi bắt được từ sông.

Trong gia đình Phúc, dòng họ của mẹ Nữ có gốc gác ở Trảng Bàng. Cha của Nữ, ông Dư Văn Kiệm, là một nông dân trung lưu. Ông thừa kế từ cha mình, người từng làm việc cho một công ty kỹ thuật Pháp trên đồn điền cao su, bảy mươi lăm mẫu (khoảng mười hai mẫu Anh) ở rìa phía đông Trảng Bàng. Ở Trảng Bàng, ông ngoại Kiệm được biết đến nhiều nhất vì lòng trung thành với gia đình và tôn giáo của mình, đạo Cao Đài. Tôn giáo này, chỉ phổ biến ở các tỉnh quanh Sài Gòn, được một viên chức dưới thời Pháp thành lập vào giữa những năm 1920, và tên gọi của nó bắt nguồn từ một thuật ngữ Đạo giáo có nghĩa là «tháp cao». Tôn giáo này dùng từ Cao Đài để chỉ Đức Chúa Trời, một đấng

thiên liêng được khắc họa bằng một con mắt thần bí, tượng trưng cho lương tâm vũ trụ. Con mắt này trang trí các đền thờ Cao Đài giống như cây thánh giá trang trí các nhà thờ Công giáo.

Vào thời điểm thành lập, Cao Đài là một trong nhiều phong trào nông thôn phản đối tình cảnh suy thoái của nông dân và việc mất tiếng nói trong các vấn đề hằng ngày dưới ách thống trị thực dân Pháp. Các tổ chức chính trị hoặc bán chính trị khác bao gồm Đảng Cộng sản Đông Dương non trẻ và giáo phái Phật giáo Hòa Hảo. Cao Đài tuyên bố mang đến sự mặc khải cuối cùng của mọi tôn giáo và lịch sử thế giới. Về giáo lý và nghi thức tôn giáo, nó chủ yếu là sự kết hợp của ba tôn giáo phương Đông, dựa nhiều vào Đạo giáo với niềm tin vào linh hồn và huyền bí, kết hợp Phật giáo và Nho giáo, và tôn thờ các vị thần tương ứng. Vay mượn từ nhiều nguồn khác nhau, tôn giáo này tận dụng sự phổ biến của thuyết duy linh ở châu Âu những năm 1930 và thông qua các đồng cốt và pháp sư, tham vấn nhiều nhân vật thế giới đã khuất - Lênin, Chúa Giêsu, Victor Hugo, Joan of Arc, Louis Pasteur và William Shakespeare. Mô phỏng theo Giáo hội Công giáo, nó thành lập Tòa Thánh và bầu một người tên Phạm Công Tắc, một trong những người sáng lập tôn giáo, làm giáo chủ, được gọi là Hộ Pháp.

Tòa Thánh, với ngôi đèn bằng đá vàng lớn như nhà thờ, có con mắt thần bí ở mọi cửa sổ trên bốn mặt, nằm cách thị trấn Tây Ninh hai dặm rưỡi. Vào ba ngày lễ quan trọng nhất trong lịch tôn giáo-ngày sinh của Đức Phật, Chúa Giêsu và Hộ Pháp (sau khi ông qua đời, ngày giỗ của ông được tổ chức), tín đồ Cao Đài và gia đình họ từ khắp nơi đổ về Tòa Thánh. Các nghi lễ tại ngôi đèn lớn là một cảnh tượng đầy màu sắc và long lanh, được chủ trì bởi giáo chủ và các cấp bậc hồng y, tổng giám mục, giám mục, linh mục, cùng nhiều chức sắc tôn giáo, lập pháp và hành chính, mặc áo choàng với màu sắc quy định. Khoảng mười ba trăm tín đồ, tất cả đều mặc đồ trắng, màu của sự tôn kính, lấp đầy ngôi đèn, phụ nữ và các cô gái mặc áo dài, chiếc áo dài mỏng manh, cổ cao, xẻ tà đến thắt lưng mặc với quần lụa.

Ông ngoại Kiệm trở thành một chức sắc nghi lễ, thường chủ trì các đám cưới, đám tang và hòa giải các tranh chấp địa phương. Vợ ông, bà ngoại Tào, theo chế độ ăn chay, một thực hành bắt buộc đối với các linh mục ; thực hành tôn giáo tối thiểu đối với tín đồ Cao Đài là kiêng thịt mười ngày mỗi tháng âm lịch. Khi có lời kêu gọi tín đồ xây dựng các đền thờ địa phương, ông ngoại Kiệm đã hiến một phần ba đất của mình để xây một ngôi đền ở Trảng Bàng. Năm 1948, ngôi đền màu hồng và nghệ tây nổi bật ở rìa phía đông thị trấn

mở cửa. Các nghi lễ đền thờ diễn ra bốn lần một ngày, vào lúc sáu giờ sáng, mười hai giờ trưa, sáu giờ chiều và mười hai giờ đêm. Luật tôn giáo yêu cầu tín đồ thực hiện một hành động tôn kính trước bàn thờ mỗi ngày, có thể là ở nhà. Việc đến đền thờ chỉ được yêu cầu hai lần mỗi tháng, vào ngày mùng một và ngày rằm.

Ngoài vai trò là một nhà hảo tâm của đạo Cao Đài, ông ngoại Kiệm còn nổi tiếng với những cây bưởi quý. Loại cây khó tính và tốn nhiều thời gian chăm sóc này thường là của những người khá giả. Những ai mua trái cây của ông ở chợ, nhận thấy vị ngon ngọt đúng như vẻ ngoài của lớp vỏ mịn đều, thường tìm đến nhà ông để xin mua một nhánh ghép. Bà ngoại Thảo là hình mẫu của truyền thống nông thôn, người vợ nông dân lam lũ, không được học hành, làm việc cật lực để chồng có cuộc sống nhàn hạ của một học giả. Hai ông bà có sáu người con : hai con trai mất sớm, bốn con gái sống sót.

Mẹ của Phúc, bà Nữ, là con gái thứ hai. Bà thừa hưởng tài nấu nướng từ bà ngoại Tào. Một trong những công việc hằng ngày của Nữ khi còn là thiếu nữ, ngồi trên đất trước nhà, là xay gạo thành bột lỏng để hấp và làm thành bánh trắng, một loại bánh cuốn, hoặc bánh canh, những sợi bún mềm dùng trong súp. Bà thu hút ánh nhìn của một tài xế xe tải đi ngang qua. Phan Tùng,

sống ở một xóm gần đó, là một thanh niên có học vấn trung học, được ban tặng sự quyến rũ và óc hài hước. Trong khi lái chiếc xe ba bánh của dì và tìm kiếm khách đi lại giữa Sài Gòn, anh chú ý đến cô gái đang miệt mài xay bột. Anh nghĩ bụng mình rất thích ăn bánh canh. Anh đánh giá nhan sắc của cô gái : «Cũng tạm được», anh quyết định. Nhìn thấy ngôi nhà phía sau cô làm bằng gỗ và gạch, anh đoán cô xuất thân từ một gia đình tử tế. Anh là con trai út trong hai anh em và mất cha khi mới hai tuổi. Với khả năng nhạy bén trong việc nắm bắt cơ hội, Tùng nhờ một người bạn giới thiệu họ với nhau. Năm 1951, họ kết hôn. Anh hai mươi tuổi ; cô mười bảy.

Sống chung dưới một mái nhà với cha mẹ vợ, và biết vợ mình mong muốn có một ngôi nhà riêng, Tùng nói với Nữ : «Bánh canh của em ngon lắm. Người ta sẽ trả tiền để ăn nó.» Súp bún là món ăn phổ biến và cơ bản nhất trong ẩm thực Việt Nam hằng ngày, được ăn như một món ăn vặt hoặc một bữa ăn, đặc biệt vào bữa sáng và trưa, nhưng cũng có thể ăn bất cứ lúc nào. Dù bất kỳ gia đình nào cũng có thể tự làm, nhưng ít người làm, mà thường đến các gánh hàng rong. Để kiểm chứng lời dự đoán của chồng, Nữ gánh đôi quang ra chợ. Bà ngồi xôm ở đó với bát đĩa và dụng cụ trước một bếp than, bán những sợi bún tươi mỏng trong nước dùng nóng

hồi, thêm một chút nước mắm lên men làm từ cá cơm và muối, ăn kèm với đĩa rau sống : giá đỗ, ớt, chanh cắt múi cau, và các loại rau thơm như húng quế và rau răm.

Sau ba năm, Nữ đã tiết kiệm đủ để dựng một ngôi nhà một phòng bằng gỗ và gạch trong khu đất gần nhà cha mẹ. Một năm sau, Nữ sinh con đầu lòng, và sau đó, cứ mỗi hai hoặc ba năm lại sinh thêm một đứa - luân phiên trai, gái. Người đỡ đẻ mỗi lần là chị gái của bà, dì Anh. Vì Nữ làm việc bảy ngày một tuần, khi sinh con đầu lòng, một bé gái, bà và Tùng nhận một người họ hàng xa, ông cố Đôn, làm người giúp việc và chăm sóc các con. Sự sắp xếp này phù hợp với ông cố ; vợ mới của cha già ông đã đuổi anh ta ra khỏi nhà. Vì nhu cầu của cửa hàng, Nữ cai sữa cho các con từ hai tuần tuổi bằng chế độ ăn cháo loãng pha đường, chỉ cho bú vào cuối ngày.

Năm cô và Tùng chuyển vào ngôi nhà riêng, Nữ có thể ngừng bán súp ngoài chợ và mở một quán mì súp. Cô thuê chỗ ở góc đông nam ngã tư trên Quốc lộ 1. Vị trí đông nam là lý tưởng nhất, vì đoạn rẽ rộng sang đường nhánh giúp xe đỗ thoải mái. Một bên quán của cô là quán bánh pie chanh và cà phê, bên kia là người bán báo. Tâm biển cô treo trên quán ghi «Cháo Lòng Thanh Tùng», kết hợp một cách êm tai tên chồng cô là Tùng

(Thành chỉ nam giới) với món súp đặc sản địa phương, cháo lòng. Món cháo gạo này - nấu từ nước dùng giò heo, gan và tim, thêm huyết heo đông khiến nó có màu nâu đỏ đậm - là món phổ biến dọc theo con đường. Tuy nhiên, các món khác của Nữ, đặc biệt là bánh canh mỏng mềm trong nước súp thơm nhẹ, và bánh tráng trong suốt ăn kèm rau sống tươi nhất, thịt heo nạc và rau củ thái sợi đẹp mắt, thể hiện sự tôn trọng ẩm thực lành mạnh, biểu tượng của sự sang trọng phương nam, cùng sự quan tâm đến màu sắc, hương vị và kết cấu. Nữ chưa từng phải đốt hình nhân giấy để xua đuổi tà ma cản trở việc kinh doanh.

Lợi nhuận tăng dần. Nữ thay những chiếc ghế tre thấp bằng bàn ghế thông thường. Cô mở rộng sang quán liền kề. Bà ngoại Thảo giúp mua sắm và nhặt rau - bà không nấu thịt vì ăn chay. Em gái út của Nữ, dì Bé, làm các việc nặng như dọn dẹp và gánh nước từ giếng. Nữ yêu cầu các con, khi lên bảy tám tuổi, phải chạy việc vặt ở chợ trước và sau giờ học, và dần dần phụ bán hàng. Thỉnh thoảng, Tùng phụ bán hoặc thu tiền, nhưng thường tránh quán, không thích ồn ào.

Sau bảy năm, vào năm 1960, Nữ mua được mặt bằng. Năm 1962, khi người Mỹ đến Việt Nam, việc kinh doanh phát đạt, lợi nhuận tăng vọt. Viện trợ quân sự Mỹ ồ ạt

khiến tiền lương tăng gấp đôi, gấp ba, biến người miền nam thành những người tiêu dùng cuồng mua sắm. Nữ mở rộng quán thành cơ sở mười bàn, tám mươi ghế. Nó mang vẻ vĩnh cửu : sàn đất nay được đổ bê tông mịn ; ghế tre thay bằng bàn ghế gỗ chạm khắc tương xứng. Việc nấu nướng, từ bếp than, nay dùng nồi gang cỡ lớn, và khách ăn bằng bát sứ viền vàng, mua từ thương nhân Campuchia. Những ngày đông khách, Nữ bán tới bốn trăm tô súp và một nghìn gói bánh tráng.

Năm 1967, bánh canh mang lại thành quả lớn. Lúc đó, Tùng và Nữ có sáu con, ba gái ba trai, ngủ chung trong vồng treo khắp nơi. Nữ kiếm đủ lợi nhuận để hiện thực hóa ước mơ của mọi nông dân : xây một ngôi nhà xứng đáng, vinh danh quá khứ và bảo đảm tương lai gia đình. Họ quyết định xây nhà mới gần đó, để gần gia đình. Ba trong bốn chị em của Nữ, cùng ông ngoại Kiệm và bà ngoại Thảo, sống như trong một khu gia tộc. Chị cả, dì Tiệm, đã chuyển đến thị trấn Tây Ninh sau khi kết hôn. Chị hai, dì Anh, và chồng xây nhà gần dì cạnh nhà cha mẹ, như Tùng và Nữ. Em gái thứ tư, dì Bé, bị coi là khó lấy chồng vì mắc chứng động kinh, sống cùng cha mẹ. Ông ngoại Kiệm và bà ngoại Thảo là tộc trưởng không chỉ với người thân. Ông Kiệm rộng lượng mời các gia đình Cao Đài bị bom đạn ở Tây Ninh đến tá túc trên đất mình. Mỗi lúc có mười đến mười hai

gia đình nông dân, dựng lều diên hình : khung lá cọ trát bùn, sàn đất nện, mái tranh, hai cửa không cửa sổ. Khi họ đi, gia đình khác đến thay.

Tùng và Nữ mua hai mẫu ruộng cách đó vài phút đi bộ. Tùng rào kín bằng hàng rào sắt cao. Gia đình ngắm nhà mới dần hình thành. Xây theo kiểu hiện đại, tường gạch, mái ngói, không dễ cháy như nhà gạch gỗ cũ hay nhà tranh vách đất diên hình, vốn nóng ban ngày và đột khi mưa lớn. Nhưng đường nét mái cầu kỳ, cửa gỗ đẹp và song sắt trang trí cửa sổ vẫn tôn vinh thiết kế truyền thống.

Thay vì hai cửa thông thường, nhà có bảy cửa. Thay vì một phòng, có ba : phòng khách trước ; phòng lớn phía sau là không gian sinh hoạt riêng, với vách ngăn chia bốn khu ngủ ; và phòng thứ ba sau cùng là bếp. Vài bước ra sau là nhà phụ bê tông có toilet xôm kiểu Pháp và bể nước rửa ráy. Giữa phòng trước và sau là hành lang lộ gió, nền bê tông mịn, thông ra sân bao quanh. Ngôi nhà cũ có thể đặt vừa nhiều lần trong nhà mới.

Nội thất được hoàn thiện phản ánh gia đình thành công. Sàn lát gạch đỏ. Xà nhà chạm khắc chéo nhau trên trần vòm. Cột, làm từ thân cây nguyên khối, chạm khắc và sơn tay, bốn cột hàng ngang phòng khách, và phòng sau, bốn ngang ba dọc. Đồ tre trúc cũ phải thay

vài năm một lần. Nhà mới có đồ gỗ. Món duy nhất họ đủ tiền làm bằng gỗ τέχ, loại gỗ phương bắc càng dùng càng sẫm bóng, là ván mới, trung tâm mỗi nhà, ban đêm là giường, ban ngày là trường kỷ, dịp lễ là bàn tiệc. Bàn thờ tổ tiên mới khảm xà cừ, ghé trước bàn thờ chạm hình quạ. Thợ mộc địa phương được thuê làm giường, tủ, khung gương và ghé bằng gỗ cẩm lai, loại gỗ vàng bền chắc được giới mới giàu miền nam ưa chuộng, mà Tùng và Nữ phải sang tỉnh khác mua. Còn có những nét hiện đại như đệm ghé. Tùng mua máy phát điện bơm nước từ giếng vào nhà, chạy tủ lạnh và TV mới. Cuối cùng, họ đào hầm trong nhà, lót bê tông dày, lót vào là lỗ trên tường sau phòng sinh hoạt. Dù hầm thiết kế để trú bom, họ không nghĩ sẽ dùng ; xây theo trào lưu giới nhà giàu miền nam.

Theo tính toán của Tùng, ông là nông dân giàu thứ ba Trảng Bàng. Hai người giàu hơn, sống gần khu kinh doanh, là lang bốc thuốc Bắc và thuốc tây Sài Gòn. Cả hai có nhà đẹp, xe hơi - một người có ba - trong khi Tùng mới mua xe máy. Dù vậy, cả ba vẫn chỉ là nông dân ; không có địa vị khác trong thôn. Khác biệt là nông dân giàu và con cháu có thể không phải làm đồng nữa. Vì thế, Tùng, Nữ và các con không thấy khó chịu khi nhớ lại lời trẻ con chê nghèo : «Mẹ mày chỉ là bán súp mì thôi !» Nhờ lợi nhuận từ nấu ăn của Nữ, họ đã xây

dựng được nhiều thứ.

Tùng và Nữ chọn ngày mà họ tin là tốt lành để chuyển từ nhà cũ sang nhà mới : Tết, năm mới âm lịch Việt Nam, khi tổ tiên từ thiên đàng về thăm gia đình ba ngày. Theo lịch Tây, đêm Giao thừa Tết 1968 là ngày 30 tháng 1. Đến lúc đó, Tùng và Nữ đã sẵn sàng. Ngôi nhà mới lộng lẫy. Bốn cột hiên treo vòng hoa thơm. Cảnh đào cảnh trong chậu nhiều màu được ép nở đúng dịp. Nải chuối, xoài, bưởi chất đầy giỏ. Để đón tổ tiên, cửa chớp kép ba lối vào được mở rộng. Bùa giấy treo ngưỡng cửa xua tà ma mang điềm xấu.

Suốt mấy ngày, Bác Cả chỉ đạo mọi người, kể cả trẻ con, trang trí khắp nhà. Tùng lau bàn thờ và ảnh người đã khuất. Nữ dành cả tuần ở bếp chuẩn bị bánh chưng, chè và mứt truyền thống.

Trong phòng khách, Tùng, Nữ, Bác Cả và sáu đứa con từ hai đến mười lăm tuổi chờ đúng nửa đêm. Khi chuông điểm, Tùng, với tư cách gia trưởng, sẽ đặt bánh chưng và chè đậu lên bàn thờ, cạnh nhang đang cháy và dưới ảnh tổ tiên, để đón họ từ thiên đàng. Ông sẽ cầu khấn tổ tiên phù hộ, rồi bữa tiệc bắt đầu. Liệu năm nay, tổ tiên có ban phước để may mắn tiếp tục ?

Ngay trước nửa đêm, tiếng súng nổ liên hồi vang lên từ đâu đó xa xa trong thị trấn. Các thành viên trong gia đình cho rằng đó là tiếng pháo do ai đó đốt sớm, thường là do quá phấn khích. Tiếng nổ lách tách ngày càng lớn, rồi một tiếng «ầm» vang lên trong đêm, tiếp theo là tiếng đạn trúng vào ngọn cây gần đó.

«Phao kích !» ai đó hét lên, nhận ra tiếng súng cối. «Nhanh lên ! Vào hầm ngay !» Người lớn dẫn lũ trẻ chưa hiểu chuyện ra phía sau nhà và đưa chúng xuống cái hố ở bức tường phía sau.

«Chiến tranh tấn công sài gòn !» là tiêu đề lớn trên một tờ báo ở Washington, D.C. Người Mỹ xem tin tức truyền hình tối ngày 31 tháng 1 đã chứng kiến những cuộc đấu súng và pháo kích trên đường phố thủ đô của Nam Việt Nam. Tin tức cho thấy quân Cộng sản đang tấn công một mục tiêu được cho là bất khả xâm phạm: đại sứ quán Mỹ. Vào lúc ba giờ sáng ngày Tết tại Sài Gòn, mười chín chiến sĩ biệt động Việt Cộng đã đột nhập vào khuôn viên đại sứ quán. Mãi đến sáu tiếng rưỡi sau, khi xác của năm người Mỹ và những kẻ xâm nhập Việt Cộng nhuộm đỏ mặt đất, quân Mỹ mới giành lại được đại sứ quán.

Trong cuộc tấn công sau này được gọi là Tổng tiến công Tết Mậu Thân, quân Cộng sản đã bất ngờ tấn công trên khắp cả nước. Điều bất ngờ đầu tiên là họ chọn thời điểm Tết, thường là thời gian ngừng bắn do chính quân Cộng sản áp đặt. Điều thứ hai là đây là một cuộc tấn công đô thị, cho thấy khả năng của kẻ thù từ nông thôn tiến vào thành phố, một sức mạnh trước đây không chỉ không được biết đến mà còn không thể tưởng tượng được. Các nhóm nhỏ biệt động Việt Cộng đã tấn công hơn một trăm thị trấn, bao gồm các tỉnh lỵ và huyện lỵ trên khắp Nam Việt Nam. Hà Nội chỉ điều quân chủ lực từ Bắc Việt Nam vào các tỉnh cực bắc của 43 tỉnh Nam Việt Nam. Việc Việt Cộng có thể thâm nhập Sài Gòn là điều không tưởng đến mức người Mỹ đã giao phó việc phòng thủ thành phố cho quân đội Nam Việt Nam.

Những bản tin truyền hình về Tổng tiến công Tết Mậu Thân đã đưa cuộc chiến từ xa xôi vào phòng khách của người dân Mỹ. Trong cuộc tấn công vào đại sứ quán ở Sài Gòn, người Mỹ nhìn thấy một kẻ thù đang đe dọa ngay ngưỡng cửa quyền lực của họ. Ngày thứ hai của cuộc tấn công đã tạo ra một trong những hình ảnh khó quên và gây ám ảnh nhất của cuộc chiến. Một phóng viên của Đài NBC và một nhiếp ảnh gia của hãng thông tấn AP đã ghi lại trên đường phố Sài Gòn cảnh viên tướng cảnh sát trưởng thành phố xử tử một nghi phạm

Việt Cộng đang co rúm người bằng một phát súng bắn thẳng vào đầu.

Ở hầu hết các thị trấn, cuộc tấn công kết thúc trong vài giờ, hoặc như ở Sài Gòn, vài ngày. Tại Trảng Bàng, những tiếng súng cối và bắn tỉa lẻ tẻ vẫn tiếp tục gây bất ngờ trong vài ngày, như những tiếng pháo còn sót lại. Trận chiến đẫm máu và dài nhất của cuộc tấn công sẽ diễn ra tại cố đô Huế ở vùng cao nguyên miền Trung. Quân Mỹ và chính quyền Nam Việt Nam sẽ mất 26 ngày để tái chiếm thành phố, trong thời gian đó, các đội Việt Cộng tàn bạo sẽ lùng sục từng nhà, bắt giữ và xử tử khoảng ba nghìn thường dân.

Dù quân Cộng sản chịu tổn thất nặng nề trong Tổng tiến công Tết Mậu Thân và không đạt được mục tiêu kích động người dân miền Nam nổi dậy tổng khởi nghĩa, nhưng cuộc tấn công đã thành công trong việc làm sụp đổ niềm tin của công chúng Mỹ vào những tuyên bố của chính phủ rằng họ đang thắng thế trong cuộc chiến. Các phóng viên Mỹ tại Sài Gòn từ lâu đã khiến chính quyền Mỹ khó chịu khi hàng ngày đưa tin về cuộc chiến bằng những hình ảnh bạo lực, cái chết và mất mát, thay vì những chiến công quân sự. Tuy nhiên, công chúng Mỹ ban đầu phần lớn ủng hộ sự can dự, và tiếp tục cảm thấy như vậy ngay cả khi thương vong tăng cao và lính

Mỹ trở về trong những chiếc túi thi thể. Các phương tiện truyền thông Mỹ đưa tin về cuộc tấn công đã buộc công chúng bắt đầu tự đặt ra những câu hỏi đau đớn về đạo đức của cuộc chiến mà nước Mỹ đã sa lầy, và suy nghĩ lại về sự can dự của quốc gia.

Chưa đầy hai tháng sau Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Tổng thống Johnson, viện dẫn sự chia rẽ của công chúng về cuộc chiến, đã tuyên bố một cách kịch tính rằng ông sẽ không tái tranh cử. Ông bắt đầu quá trình đàm phán hòa bình ở Paris và lên kế hoạch giảm quân số Mỹ tại Việt Nam (năm 1968, quân số Mỹ đạt đỉnh nửa triệu người). Mùa hè năm đó sẽ bị ảnh hưởng bởi vụ ám sát Thượng nghị sĩ Robert Kennedy, ứng cử viên tổng thống đảng Dân chủ, và những người biểu tình phản chiến bạo loạn bên ngoài hội trường đại hội đảng Dân chủ ở Chicago. Cử tri Mỹ đã bầu Richard Nixon vào Nhà Trắng, nhờ chiến dịch tranh cử hứa hẹn một «kế hoạch bí mật» để chấm dứt chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam.

Phúc sẽ không nhớ gì về cuộc sống của gia đình trong ngôi nhà cũ hay về Tổng tiến công Tết Mậu Thân. Ký ức của cô bắt đầu từ ngôi nhà mới, khi cô gần năm tuổi. Việc chuyển nhà của gia đình bị hoãn hai tuần để sửa chữa những hư hại do mảnh đạn cối gây ra, thay ngói và

vá những bức tường bị đạn bắn. Cải tạo đầu tiên của họ là gia cố hầm trú ẩn bằng thép Mỹ chất lượng cao. Tất cả các loại vật tư nhập khẩu, ban đầu dành cho các kho quân sự Mỹ ở Nam Việt Nam hoặc cho quân đội Nam Việt Nam sử dụng, đều dễ dàng xuất hiện trên các chợ đen địa phương.

Một ngày trong cuộc sống ở «ngôi nhà lớn» bắt đầu trước bình minh. Sau khoảng ba tiếng ngủ, vào lúc một giờ rưỡi, Nữ nhẹ nhàng rời khỏi chiếc giường, cẩn thận không làm phiền chồng và đưa con nhỏ nhất đang ngủ. Trên đường ra cửa sau, bà nhặt một đôi rổ phẳng. Bà đi bằng ngọn đèn lửa do Bác Cả làm, được tạo ra bằng cách đổ đầy mỡ lợn vào một đoạn tre dài khoảng một mét. Nữ sẽ đi chợ để mua các nguyên liệu cần thiết trong ngày như bánh canh (để đáp ứng nhu cầu món súp của mình, bà mua mì tươi, nhưng vẫn tự làm bánh tráng, loại bánh cuốn bằng bột gạo), củ năng, giá đỗ, đậu phụ, cà rốt, dưa chuột và sả, trước khi quay về cửa hàng dọc theo xa lộ. Bà ngoại Thảo cùng bà dậy từ sớm, giúp thái và cắt nguyên liệu. Tâm mảnh tre được kéo lên lúc năm giờ sáng để đón những vị khách đầu tiên.

Mãi sau khi những chú gà lười nhất đã thức dậy, Phúc và các anh chị em mới bắt đầu một ngày. Cha của họ, Tùng, đôi khi đã lang thang quanh làng, làm những việc mà những người đàn ông nhàn rỗi và có địa vị thường làm - uống trà đặc, đọc truyện cổ tích Trung Quốc hoặc Việt Nam, đánh bài, hút thuốc ; hai thú vui cuối cùng là sở thích đặc biệt của ông. Tùng, Nữ và Bác Cả cùng nhau làm các công việc ngoài trời. Gia đình nuôi lợn để bán. Chuồng phía sau có một trăm con lợn nái, và một vài con gà, vịt thả rông. Và còn có cả khu vườn. Hơn một trăm cây ăn quả trên mảnh đất của họ cho trái ổi - chính xác là bốn mươi hai cây ổi ; trái giòn, chua, rắc muối, là món khoái khẩu của địa phương - bưởi, mít, sapôchê, xoài, dừa, dứa, nhãn, cam vỏ xanh, chanh và chanh ta. Tùng cũng thử nghiệm với những loại trái cây được coi là kỳ lạ ở Việt Nam, như đào. Chỉ cây đu đủ và chuối không cần chăm sóc ; cần kỹ năng và kiên nhẫn để các cây ăn quả khác ra trái.

Bác Cả là người đưa lũ trẻ đến trường. Cho bữa sáng, ông nhặt trứng từ đàn gà và hái rau má từ vườn, một loại rau thơm ăn kèm với trứng vịt lộn. Tất cả bọn trẻ đều thích nhất những gì chúng tự chọn, nên Bác Cả cho chúng tiền để mua của những người bán hàng rong đi qua, những người có trong giỏ bánh mì baguette còn nóng, bánh mì trứng ngọt và món yêu thích, xôi dừa

trộn đường và vừng rang. Khi bốn anh chị lớn bay ra cửa, sách dưới cánh tay, Phúc và đứa em nhỏ nhất ở lại.

Phúc sẽ vẫy tay chào Bác Cả, đẩy cánh cổng sắt mở và nhảy xuống lối đi nhỏ quanh co giữa những cây chuối và vượt qua những cái rễ lồi lên của cây bóng mát. Vài phút sau, cô đã đến nhà bà ngoại Tào. Cô và những đứa trẻ hàng xóm cùng một người anh họ thường dành cả buổi sáng trong vườn bưởi của ông ngoại Kiểm. Chúng chơi trò mua bán ở chợ, dùng lá làm tiền. Các cậu bé coi cành cây là súng để chơi trò chiến tranh. Các cô bé bỏ chúng lại, thay vào đó đóng vai công chúa từ các truyền thuyết dân gian Việt Nam. Giữa buổi sáng, bà ngoại Tào, trở về từ cửa hàng mì, sẽ cho chúng một món quà là đồ ngọt nấu chín hoặc một loại đồ uống tráng miệng trộn với đá bào. Khoảng trưa, giọng nói của Bác Cả gọi Phúc về nhà. Cô sẽ trở về với một bàn ăn đã được dọn sẵn cơm và thường là gà quay hoặc cá nướng cùng rau tươi hái từ vườn.

Khi ánh nắng chiều nướng chín một ngày trôi đi trong sự nhàn nhã ngày càng tăng, trò chơi chuyển vào trong nhà. Những đứa trẻ hàng xóm nhỏ tuổi hơn và các anh em họ, cùng với những đứa chỉ đi học buổi sáng (học cả ngày bắt đầu từ lớp ba), tụ tập trong ngôi nhà lớn. Ông lão sẽ đưa đứa bé cùng những đứa trẻ muốn nép mình

vào vông, đu đưa và hát cho chúng ngủ. Bất cứ khi nào ông lão ngủ quên, Phúc trêu chọc ông bằng cách rắc muối lên môi hoặc nhỏ nước từ vôi vào rốn ông, khiến ông phải đuổi cô quanh vườn. Những cơn mưa chiều đến báo hiệu trò tiêu khiển yêu thích của lũ trẻ : đứng trần truồng dưới dòng nước mưa từ mái hiên để dòng nước ấm đẩy chúng trượt trên mặt sàn xi măng nhẵn. Bác Cả gọi mọi người lại ăn nhẹ trái cây vào buổi chiều muộn. Thường thì gia đình mua cả một xe xích lô đầy trái cây mà họ không trồng, như dưa hấu.

Trong ánh sáng cuối ngày, lũ trẻ muốn Bác Cả kể cho chúng nghe những câu chuyện ma. Trong mắt chúng, ông lão đã chứng minh sự tồn tại của ma quỷ khi thuyết phục linh hồn một cậu bé từ trên cây mít trở về với thân xác. Trẻ con rất thích trèo những cây này. Cậu bé bất tỉnh trong vườn của Tùng được cho là đã với lấy một quả chín - mỗi quả có thể nặng tới ba mươi pound - và ngã xuống. Cậu bé nằm trong cơn sốt ngày càng nặng suốt ba ngày đêm trước khi lời cầu khẩn của Bác Cả phát huy tác dụng.

«Hồi còn nhỏ, ta nghe nói ma thường lui tới ngôi làng gần rừng tre, cạnh con đường chính, nhưng ta không tin,» một trong những câu chuyện của ông lão bắt đầu. «Một ngày nhá nhem tối, ta đạp xe đến đó. Đột nhiên,

đạp xe càng lúc càng khó. Như thể ta đang chờ thêm ai đó. Ta không dám ngoái lại nhìn. Khi không thể đạp nổi nữa, ta vút xe xuống và bỏ chạy.» Đến lúc này, lũ trẻ đã bắt đầu rên rỉ. «Ta chạy cho đến khi không thể chạy thêm nữa. Ngó lại nhìn, ta thấy một khuôn mặt không có thân hình, của một người phụ nữ với mái tóc dài bay.» Tiếng rên rỉ biến thành tiếng la hét, xen lẫn những lời đòi nghe thêm câu chuyện khác.

Nữ về nhà sớm nhất là lúc chạng vạng. Nếu cửa hàng bận rộn đến tận chiều muộn, khi cô cuốn rèm tre xuống, cố định nó trước cửa, dọn dẹp ghế và quét dưới gầm bàn, trời đã tối. Mức độ mệt mỏi của cô thể hiện qua cách cô về nhà : nếu đi xích lô, cô được nghỉ ngơi hai mươi phút ; nếu đi bộ, cô lao vào những công việc ngoài trời đầy năng lượng. Mỗi buổi chiều muộn, lợn phải được cho uống nước và ăn bữa thứ ba trong ngày (nếu Tùng chuẩn bị đem chúng ra chợ, chúng sẽ được ăn thêm bữa thứ tư lúc nửa đêm). Chuồng lợn phải được xả nước và chuẩn bị thức ăn cho ngày hôm sau bằng cách nấu những mẩu vụn được giao từ cửa hàng mì, cùng với lúa chưa xay và đầu, xương, ruột bò mua từ một nhà máy gần đó.

Sau bữa tối, lũ trẻ làm bài tập về nhà. Rồi hầu hết chúng ngồi xem tivi cùng hàng xóm và họ hàng đã đến chơi. Đứa lớn nhất, Loan, ra ngoài vào buổi tối để thăm bạn bè. Nữ ngồi tính toán doanh thu trong ngày từ cửa hàng và thanh toán với các nhà cung cấp trực tiếp gạo, muối, mỡ heo và thịt heo. Họ giao hàng hàng ngày đến cửa hàng và đến nhà mỗi tối để nhận tiền. Sau đó, bà ngoại Thảo đến giúp Nữ xay gạo thành bột lỏng và làm bánh tráng cho ngày hôm sau. Một người sẽ đổ bột lên chảo nóng, phồng nó thành bánh. Người kia sẽ lấy bánh và treo lên giá tre ; độ ẩm của không khí đêm sẽ ngăn bánh khô cứng. Vài giờ sau, hai người phụ nữ sẽ đóng gói chúng cho cửa hàng. Bà ngoại Thảo về giường của mình, và Nữ chuyển sang ủi quần áo hoặc giặt giũ đồ đông đồ chất đông, hoặc dọn dẹp nhà cửa mà cô muốn làm. Đôi khi cô chọn cách trì hoãn giấc ngủ đến tối hôm sau, nếu lúc đó đã gần đến lúc bắt đầu một ngày mới.

Trong khung cảnh thanh bình của thời thơ ấu, Phúc tin rằng nghĩa vụ duy nhất của mình là tận hưởng niềm vui và, như «một công chúa trong ngôi nhà lớn,» tiếp đón bạn bè. Cô sống đúng với tên mình, luôn hạnh phúc. Người lớn khen ngợi nụ cười của cô ; trong một đất nước mà nụ cười nào cũng rạng rỡ, nụ cười của cô tỏa sáng nhất.

Dù không biết, chiến tranh đang dần len lỏi vào cuộc sống hàng ngày của cô một cách đáng ngại. Ngay cả trong sự yên tĩnh của vườn bưởi ông ngoại Kiêm, tiếng ồn của chiến tranh từ cách đó hai mươi dặm, ở biên giới Việt Nam-Campuchia, vang dội khắp bầu trời. Tiếng «boo-oom» của những quả bom thả từ máy bay B-52 Mỹ, bay ở độ cao sáu dặm, sẽ được theo sau bởi một sự rung chuyển đột ngột, dữ dội của lá cây trong vườn. Phúc và bạn bè vô thức quay đầu, không hề giật mình hơn khi một con chim gõ mỏ làm rụng một quả ôi chín xuống đất.

Cảm nhận đầu tiên của lũ trẻ về kẻ thù đến từ những cuộc chạm trán với điều không biết. Một lần, khi bà ngoại Thảo gọi chúng đến để nhận phần quà hàng ngày, hàng trẻ em tiến về phía cửa đột ngột dừng lại, suýt xô đổ nhau. Chúng nhìn nhau, hiểu ra ý nghĩa của một dấu chân trên đất làm bằng dép lốp. «Việt Cộng đã đến đêm qua !» một đứa thì thầm. Ai đó nhún vai, và cả đám chạy vào nhà, không nói thêm gì.

Trong khi kẻ thù vô hình, những người lính chính phủ thì không. Hình ảnh của họ, đẹp trai trong bộ quân phục, được dệt như một sợi chỉ óng ánh vào ký ức tuổi thơ của Phúc. Ký ức đầu tiên của cô về những người lính là một nhóm từng chia sẻ ngôi nhà của gia đình

trong vài đêm. Các anh trai cô thích chơi bóng đá với họ, trong khi bản thân cô bị cuốn hút bởi cách họ ủi quân phục và gấp chúng với những nếp gấp sắc nét. Có bốn thành viên trong gia đình làm việc cho quân đội : chồng của dì Anh làm việc trong một văn phòng tỉnh Hậu Nghĩa, nơi tất cả các vị trí hành chính cấp cao đều thuộc quyền quân sự ; và chồng của dì Tiêm cùng hai con trai của họ là lính chính phủ. Ngay từ đầu cuộc chiến, con trai cả đã hy sinh trong chiến đấu. Điều Phúc nhớ nhất về đám tang là lá cờ lụa vàng-đỏ của Nam Việt Nam phủ quanh quan tài, và những người lính đẹp trai xuất hiện để tỏ lòng tôn kính với chồng dì Tiêm, người mang cấp bậc đại úy.

Sau Tết Mậu Thân, chế độ Sài Gòn tìm cách tăng cường phòng thủ đất nước. Cùng với việc hạ độ tuổi «tình nguyện» nhập ngũ xuống mười tám (người Mỹ đã gửi những tân binh mười tám tuổi vào chiến trường trong ba năm qua), họ tổ chức một chương trình tuyển quân và huấn luyện trên toàn quốc cho lực lượng tự vệ địa phương. Những lực lượng này, được thành lập ở cấp tỉnh và huyện, được gọi là lực lượng «địa phương» và «dân quân». Thường thì chính họ là những người được Sài Gòn đưa ra tiền tuyến thay vì quân đội quốc gia chính quy. Các phóng viên chiến trường nước ngoài ở Sài Gòn gọi lực lượng tự vệ là «Ruff Puffs,» ám chỉ việc

họ được huấn luyện và trang bị kém hơn nhiều so với quân đội chính quy.

Đồn quân sự mới của huyện ở Trảng Bàng nằm ngay phía đông cây cầu bắc qua con suối trên Quốc lộ 1. Người dân địa phương gọi nó là «văn phòng Mỹ,» dù vào bất kỳ thời điểm nào, người Mỹ duy nhất ở đó có thể là cố vấn quân sự hoặc dân sự, người có thể được phân công đến một hoặc nhiều văn phòng ngoài thực địa. Thỉnh thoảng, lính Nam Việt Nam có mặt trong doanh trại, sống trong lều dưới ba mái che bằng xi măng.

Trên đường đi và về từ trường tiểu học, nằm bên kia xa lộ đối diện đền Cao Đài, Phúc đôi khi gặp những người lính đi từng đôi hoặc nhóm ba, vào thị trấn để ăn uống, hoặc trở về doanh trại.

«Chào Chú !» Phúc gọi, xưng hô với mỗi người là «Chú».

Chính chị gái lớn nhất, Loan, là người đưa một người lính chính phủ vào gia đình. Nhỏ nhắn, với mái tóc dài óng ả, và khuôn mặt trái xoan cùng đôi môi thanh tú được coi là chuẩn mực của vẻ đẹp, Loan cũng là một trong những cô gái ăn mặc đẹp nhất thị trấn, áo dài của cô làm từ lụa đầy màu sắc mà Nữ mua từ những người bán hàng Campuchia. Một người lính đóng quân

ở Trảng Bàng mà Loan gặp ở cửa hàng mì đã bày tỏ tình yêu với cô. Nhiều chàng trai đã làm điều đó trước đây ; nhưng Năng là người đầu tiên được cô đáp lại.

Năng, người chỉ có cha và em gái nhỏ ở Đà Nẵng, trở thành khách quen của gia đình vào những ngày nghỉ. Là thông dịch viên cho quân đội chính quy Nam Việt Nam, tiếng Anh của anh đủ tốt để có thể bình luận các chương trình truyền hình phát lại từ phương Tây. Anh liên tục cung cấp cho các em của Loan loại kẹo phương Tây yêu thích của chúng, kẹo cao su Wrigley's.

Năng đã giới thiệu với gia đình những người Mỹ đầu tiên và duy nhất họ từng gặp : hai người lính Mỹ tóc vàng, vạm vỡ. Mỗi lần anh đưa họ về nhà, khi họ đến nơi, đã có một đám trẻ tụ tập. «Hello My !» những người lính Mỹ gọi Phúc, chọn cô để bế lên vai. My, biệt danh của lính Mỹ dành cho các cô gái Việt, là cách chơi chữ từ hai trong số nhiều nghĩa của nó, «America» và «đẹp». Nó cũng là biệt danh mà Tùng và Nữ đặt cho Phúc khi sinh, vì nó còn có nghĩa là «mèo con mới sinh,» gợi nhớ đến sự bé nhỏ bất lực của cô. Mỗi khi những người lính Mỹ đến thăm, họ sẽ nâng Phúc và lũ trẻ lên cao hơn cả những gì chúng có thể trèo lên cây mít. Họ sẽ nhét chúng vào những chiếc bao tải quân dụng làm bằng nylon chắc chắn của Mỹ và tổ chức các

cuộc đua bao bố.

Chỉ trong vài tuần, Năng đã xin phép Tùng để cưới con gái ông. Tùng nghĩ Loan, mười sáu tuổi, còn quá trẻ ; cô vừa hoàn thành lớp mười và đang theo học một khóa đào tạo giáo viên. Buồn bã vì bị từ chối, Năng đã cố tự tử bằng cách uống quá liều thuốc, khiến Tùng phải nhượng bộ. Theo phong tục, ông và Nữ tổ chức một lễ ăn mừng kéo dài ba ngày (chỉ người nghèo mới có thể viện lý do mùa màng để rút ngắn nó). Cô dâu và chú rể ngồi trên một sân khấu hình trái tim, làm từ lá cọ và trang trí đầy hoa, được dựng trước hiên nhà. Để nuôi bảy mươi khách, Nữ không phải mượn bất cứ thứ gì.

Chưa kịp để con rể mới dọn vào ở, anh đã được điều đến một sư đoàn chiến đấu ở tỉnh Tây Ninh, đủ gần để có thể về nhà vào ngày nghỉ và bất kỳ lúc nào tạm yên tiếng súng. Đứa con đầu lòng của anh và Loan, một cậu con trai, báo hiệu một mùa trẻ con. Dì Anh sinh đứa con thứ hai, một cậu con trai. Và Tùng cùng Nữ đã có đứa con thứ bảy, cũng là con trai thứ tư của bà Nữ. Sự ra đời của đứa trẻ này nằm ngoài dự tính đến nỗi đứa con thứ sáu và cũng là con trai thứ ba của bà, khi đã bốn tuổi, vẫn còn bú mẹ.

Phúc lên bảy, đang học lớp hai thì lần đầu tiên cảm nhận được nỗi đau của chiến tranh và chứng kiến sự đau khổ. Anh trai Tâm của cô bỗng xông vào lớp học. «Anh rể mắt rồi !» anh nói với cô. Phúc chạy theo anh về nhà, vừa khóc vừa sợ hãi khi nghĩ đến việc sẽ phải nhìn thấy thi thể của Năng. Nhưng không có thi thể nào cả. Phúc chỉ thấy chị Loan đang khóc và không thể dỗ đưa con trai nhỏ đang gào khóc của mình nín. Những người lớn đứng xung quanh bàn tán rằng chắc hẳn đứa bé đã biết trước về cái chết của cha mình ; từ hôm trước, nó đã khóc không ngừng. Hai người lính từ đơn vị của Năng, những người mang thẻ bài và đồng hồ của Năng về cho Loan, đã kể lại rằng ngày hôm trước, Việt Cộng đã phục kích doanh trại của anh, ném lựu đạn qua cửa sổ và giết chết anh khi anh đang ngủ trong chiếc võng.

Một ngày sau, chiếc quan tài phủ cờ được đưa về và đặt trong nhà trước bàn thờ Đạo Cao Đài. Trong ba ngày, những người khóc thuê hát những bài ca theo nhạc cụ trước linh cữu. Vào ngày thứ ba sau khi chôn cất, gia đình cầu nguyện tại mộ để linh hồn Năng được siêu thoát về bàn thờ tổ tiên. Ông Tùng đặt ảnh của con rể đã khuất lên bàn thờ cùng với những bức ảnh của tổ tiên trong gia đình, hy vọng rằng linh hồn anh sẽ được yên ổn và không trở nên ác độc hoặc oán hận, như có thể xảy ra với những người chết trẻ hoặc chết một cách

kinh hoàng.

Bảy ngày sau khi Năng mất, cha và chị gái của anh từ Đà Nẵng đến. Họ đã lập tức lên đường khi nhận được bức điện của ông Tùng. Một cuộc tranh cãi lớn nổ ra. Cha của Năng muốn đưa con trai duy nhất của mình về quê hương, nhưng không có tiền để đưa thi thể về. Ông Tùng nhượng bộ, giữ thi thể diện vì lễ cầu siêu đầu tiên (vào ngày thứ tám, sau đó là ngày thứ mười bốn, thứ bốn mươi chín, và thứ một trăm, sau đó chỉ còn lễ giỗ hàng năm) chưa được thực hiện. Ông trả tiền cho việc quật mộ và vận chuyển thi thể về Đà Nẵng, đồng thời cho Loan và con trai đi cùng. Loan trở về Trảng Bàng một mình. Bố chồng cô yêu cầu cô để đứa cháu trai lại, đặc biệt là vì cô đang mang thai hai tháng và sắp có đứa con thứ hai của con trai ông để làm bạn.

Loan có một niềm an ủi nhỏ trong cái chết của chồng, đó là anh đã hy sinh vì chế độ Sài Gòn. Là một góa phụ chiến tranh hợp pháp, cô có thể công khai than khóc và nhận được sự chia buồn, cũng như tiền trợ cấp góa phụ từ quân đội chính phủ. Những người cha, chồng hoặc con trai khác đã lặng lẽ ra đi theo Việt Cộng thì nhiều năm không về nhà, hoặc không bao giờ trở lại. Không có tin tức, gia đình họ không biết liệu họ đã chết hay chưa. Thường khi có tin báo tử, cũng không có thi thể.

Hoặc nếu có thi thể, gia đình cũng không tổ chức tang lễ. Hàng xóm thì thầm về ai đó «khóc trong phòng đóng kín» hoặc «khóc trong lòng.»

Không ai biết rằng chỉ vài năm ngắn ngủi nữa thôi, vai trò sẽ đảo ngược, và việc đứng ở phe thắng hay thua trong chiến tranh sẽ là điều duy nhất quan trọng.

Chương Ba

Hai câu nói của người Việt đã khắc họa nỗ lực của người nông dân Việt Nam nhằm tác động đến số phận, và sự vô ích của việc cố gắng đó. Một câu cổ xưa, câu còn lại hiện đại. Câu đầu tiên là : «Bán anh em xa, mua láng giềng gần.» Câu thứ hai mô tả thử thách trong cuộc sống của người nông dân trong điều kiện chiến tranh du kích, như bị «kẹt giữa xôi và đậu.»

Từ thuở sơ khai, người Việt đã đối mặt với câu hỏi về việc đặt lòng trung thành của mình ở đâu, gần hay xa. Vào thế kỷ thứ nhất, hai bà Trưng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa thất bại, nhưng đã mở ra gần một thiên niên kỷ đấu tranh giành độc lập. Chín thế kỷ sau, người Trung Quốc bị đánh đuổi, và phải mất thêm chín thế kỷ nữa để người Việt mở rộng đế chế của mình xuống dọc bán đảo hình chữ S dài 1.000 dặm, tức là Việt Nam ngày nay, bằng cả chinh phạt và di dân. Trục Bắc-Nam tự nhiên đã chia cắt họ hàng, nhưng sự chia cắt được chính thức hóa ba lần trong ba thế kỷ : lần đầu vào thế kỷ XVIII, lần thứ hai dưới thời Pháp thuộc cuối thế kỷ XIX, và sau đó, khoảng sáu thập kỷ sau, khi chiến tranh Pháp-Việt Minh kết thúc.

Khi chiến tranh tái diễn dưới thời Mỹ, lòng trung thành quay trở lại tình trạng bí mật như thời chiến tranh với Pháp. Những người đoàn kết chống lại chế độ Sài Gòn hoặc là những người xâm nhập từ miền Bắc, hoặc là người miền Nam tham gia kháng chiến. Nhóm sau sống như những chiến sĩ biệt động trong rừng hoặc giữa dân chúng, sống một cuộc đời đầy nguy hiểm ở hầu hết mọi tầng lớp xã hội, từ Sài Gòn đến những làng quê nhỏ nhất, từ quân đội và cảnh sát đến các tập đoàn và truyền thông.

Người nông dân bình thường chẳng quan tâm đến chính trị và chỉ muốn được yên thân. Nhiều lắm là họ nghiêng về phe nào ít quấy rối họ hơn. Tuy nhiên, cả chính quyền Sài Gòn lẫn Việt Cộng đều tìm cách buộc họ phải bày tỏ thiện cảm, ít nhất là ban ngày lẫn ban đêm. Họ, như câu nói, bị kẹt giữa hai phe, giữa xôi và đậu - một món ăn hàng ngày ưa thích được làm bằng cách hấp gạo nếp trắng với đậu đen trong lá chuối, một khi đã chín thì không thể tách rời. Và người nông dân cũng vậy, sống trong sự kìm kẹp và lệ thuộc vào cả hai phe. Khái niệm về việc được chọn lựa lòng trung thành chỉ là giả tạo.

Gia đình Kim Phúc đã thừa hưởng cảm tình nông dân trong chiến tranh từ những lựa chọn được đưa ra ở thời ông bà cô. Quyết định của ông ngoại Kiệm và bà ngoại Thảo theo Đạo Cao Đài đã đặt người nông dân cùng phe với các giáo sĩ trong một phong trào nông dân phổ biến với các liên kết chính trị riêng (vào đỉnh cao đầu những năm 1950, một trong tám người Nam Việt Nam theo Đạo Cao Đài). Giống như các tổ chức bán chính trị mạnh mẽ khác thời đó, bao gồm giáo phái Phật giáo Hòa Hảo, tổ chức Cao Đài duy trì một đội quân lớn, phục vụ cho chính tổ chức của họ. Khi chiến tranh với Pháp nổ ra, phe Cao Đài đã chơi trò hai mang : họ thiết lập một liên minh mong manh với Việt Minh, đồng thời ủng hộ có điều kiện cho Pháp, để đổi lấy việc duy trì quyền tự trị trên những vùng đất họ kiểm soát xung quanh Tòa Thánh Tây Ninh và các khu vực ở Đồng bằng sông Cửu Long, nơi họ nắm giữ các vị trí quân sự quan trọng. Trong những năm cuối của cuộc chiến Pháp-Việt Minh, liên minh giữa Cao Đài và Việt Minh tan vỡ, và giáo phái này đã thỏa thuận với Pháp. Đổi lấy vũ khí, họ bảo vệ các đồn bót của Pháp ở Tây Ninh, và ngược lại, Pháp cho phép Cao Đài hoạt động tự trị tại tỉnh Tây Ninh, thậm chí được thu thuế riêng. Người Cao Đài đã đẩy lùi Việt Minh khỏi tỉnh này và trong vài năm, xây dựng một đế chế kinh tế trong hòa bình.

Tại tỉnh Hậu Nghĩa, nằm ngoài khu vực kiểm soát mạnh mẽ của Cao Đài ở Tây Ninh, cậu thanh niên Tùng, sau khi tốt nghiệp trung học, hy vọng trốn tránh việc bị Việt Minh tuyển quân bằng cách vào đại học ở Sài Gòn. Thay vào đó, người Pháp nhắm đến việc bắt cậu làm gián điệp theo dõi Việt Minh mỗi khi về thăm nhà. Tại đó, cậu bị quân đội Cao Đài ép buộc bỏ học. Trong hai năm trước khi kết hôn với Nữ, và hai năm đầu tiên của cuộc hôn nhân, cậu lái xe tải của di mình như một vỏ bọc cho những chuyến đi vào rừng, theo lệnh của quân đội Cao Đài, để ướp xác những người Việt Minh đã chết, chuẩn bị cho hành trình trở về nhà của họ. Cậu được giải phóng khỏi nhiệm vụ khi liên minh giữa Cao Đài và Việt Minh sụp đổ. Nhưng nhiều biến động hơn đã đến với Cao Đài khi Diệm lên nắm quyền năm 1955 ở miền Nam Việt Nam mới được tuyên bố, khi ông ta tìm cách dùng vũ lực để loại bỏ Cao Đài và các giáo phái chính trị-tôn giáo khác. Diệm săn lùng và bắt giữ các chức sắc Cao Đài, đồng thời sáp nhập quân đội của họ vào chính quyền. Hộ Pháp chạy sang Campuchia và qua đời ở đó năm 1959. Khi Diệm bị ám sát năm 1963, Tòa Thánh lại rơi vào tay người Cao Đài, nhưng đến lúc đó, đế chế đã thu hẹp đáng kể. Tuy nhiên, khoảng sáu nghìn quân nhân Cao Đài, những người không đầu hàng cũng không bị bắt, vẫn tiếp tục bảo vệ vùng đất

xung quanh Tòa Thánh.

Việc Nữ và Việt Cộng chạm mặt nhau là điều không thể tránh khỏi. Từ ngày đầu tiên thuê mặt bằng trên Quốc lộ 1, thói quen của bà đều đặn như nhau, ngày này qua ngày khác. Một khi rời khỏi gia đình đang ngủ và bước ra cửa sau, bóng tối của bà hòa vào những bóng đêm lang thang khác. Điều duy nhất có thể khiến bà sợ hãi là gặp phải một hồn ma vô định, trong đó có hồn ma của con rể đã chết. Bà luôn lo sợ nó có thể ẩn nấp ở rìa khu đất, không hài lòng với bức ảnh trên bàn thờ.

Sau Tết Mậu Thân, chiến lược của Cộng sản là tiếp tục gây sức ép lên chế độ Sài Gòn bằng cách tăng cường tấn công kinh tế vào thủ đô. Dải thương mại dọc Quốc lộ 1 là mục tiêu rõ ràng cho loại hình chiến tranh chiến thuật này. Lo lắng cho sự an toàn của Nữ trong giờ phút Việt Cộng hoạt động, Bác Cả đã làm cho bà một chiếc đèn lửa để nhận diện bà là một nông dân có việc làm hợp pháp trong đêm. Bị chói mắt bởi ánh sáng của chính mình, nhiều lần Nữ không nhìn thấy Việt Cộng - những người nguy trang bằng cách mặc bộ đồ ngủ đen và bôi đen mặt - cho đến khi bà chạm vai vào một người. Đôi khi, dưới ánh đèn, bà chỉ kịp nhận ra chiếc khăn rằn đen trắng, dấu hiệu đặc trưng của cách mạng miền Nam. Một khi đã lên đường, Nữ tắt đèn để dễ dàng tìm kiếm

những ụ đất giống như mộ, thường được đặt trong các ổ gà ; người ta phải cẩn thận tránh dây chằng sẽ kích hoạt mìn hoặc lựu đạn bên trong. Thường thì bà phải đi vòng qua những chướng ngại vật thô sơ được dựng lên từ mảnh vỡ và đồ đạc gãy.

Khi Tùng và Nữ xây nhà mới, Việt Cộng đề ý. Có thể chắc chắn rằng một ngôi nhà lớn như vậy, với hàng hiên có cột, bao quanh bởi hàng rào và cổng sắt rèn, sẽ có đầy đủ những thứ cơ bản như gạo và muối, cùng những vật dụng thiết yếu như xà phòng, băng gạc và thuốc men. Người Bắc Việt nhập những vật phẩm này từ Trung Quốc Cộng sản, nhưng chúng không thể đi xa dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh, nên du kích miền Nam phải dựa vào dân làng địa phương. Đối với mục đích của Việt Cộng, ngôi nhà của Tùng cũng nằm ở vị trí thuận lợi, ngay rìa khu vực «an toàn» của thị trấn, nơi Việt Cộng có thể lần trốn vào khu rừng rậm phía sau.

Những vị khách ban đêm luôn thông báo sự xuất hiện của họ theo cùng một cách. Từ trong bóng tối, một giọng nói vang lên : «Má ơi, mở cổng cho con.» Việt Cộng thường gọi nông dân là Má, Chú, Anh hoặc Chị.

Ai đó sẽ nhanh chóng mở cổng, nếu không phải Nữ hoặc Tùng thì là Bác Cả. Thường thì đó là một cậu bé tuổi teen, trông gầy gò đến kinh ngạc. «Chúng con đói lắm. Má ơi, cho chúng con xin ít gạo.»

Đôi khi, thay vì tìm kiếm đồ tiếp tế, những vị khách ban đêm đến để che giấu thương binh. «Má ơi, chúng con có một gói hàng nhờ Má giữ hộ», giọng nói từ cổng vang lên.

Ai đó sẽ dẫn họ vào cửa sau và vào nhà kho. Những người bị thương, vết thương được băng bằng giẻ dính máu, sẽ được đưa vào trong. Nếu không có đủ băng gạc hoặc thuốc men, Tùng hoặc Bác Cả sẽ ra chợ mua. Tối hôm sau, Việt Cộng sẽ quay lại đón đồng đội.

Ban ngày mang đến một thói quen khác. Quân đội và cảnh sát chính quyền sẽ đến và thấy giao thông đã ùn tắc, chờ họ dọn chướng ngại vật hoặc gỡ mìn hoặc thiết lập đường vòng. Cảnh sát cũng thường xuyên dựng chốt chặn, nghi ngờ mọi hàng hóa - từ lợn bị trói đến cà chua - che giấu vũ khí hoặc đồ tiếp tế cho Việt Cộng. Chính quân đội là những người dựng lên các biển tuyên truyền tràn ngập khắp miền Nam. Trên Quốc lộ 1, phía đông ngôi đền Cao Đài, có hai tấm biển. Một tấm liệt kê bốn cách để nói «Không» với Cộng sản : từ chối cung cấp đồ tiếp tế, không chứa chấp họ, cô lập họ bằng im lặng,

và từ chối cho họ phương tiện sinh nhai. Tâm còn lại, kèm theo hình vẽ một người mặc đồ đen chạy trước một tòa nhà đang cháy, cảnh báo : «Cộng sản, Việt Cộng và Bắc Việt đã giết người Công giáo và Phật tử, và họ sẽ phá hủy nhà cửa và nền kinh tế của bạn !»

Những cuộc tuần tra của quân đội dọc theo lối đi trong làng, với mục đích tìm kiếm Việt Cộng ẩn náu trong nhà dân, diễn ra không thường xuyên và được thực hiện một cách qua loa. Trong một lần hiếm hoi khi lính đến con đường mòn gần đền Cao Đài, nhà kho tại nhà Tùng đang chứa một Việt Cộng bị thương. Nghe tiếng hàng xóm chào đón những người lính đang đến gần, Nữ xếp các con từ lớn đến nhỏ trước hiên nhà. Hai đứa, con thứ hai của Loan và đứa út của bà, vẫn còn là trẻ sơ sinh. Nữ gợi ý điều mà bọn lính cho là hiển nhiên: «Không có Việt Cộng nào trốn ở đây đâu. Tội nhỏ sẽ sợ và khóc thôi !»

Trong số các con của bà, chỉ Loan và Ngọc, hai đứa lớn nhất, biết về những vị khách ban đêm. Chúng cũng giữ im lặng, cả bên ngoài lẫn trong gia đình. Lỡ may lời nói có thể bị nghe và lặp lại bởi những đứa nhỏ hơn. Nguy cơ trả thù từ cả hai phía đều rất lớn. Nếu chính quyền bắt giữ một thành viên trong gia đình vì nghi ngờ là Cộng sản, họ sẽ chịu đựng được tra hỏi và tra tấn tốt

hơn nếu có thể thành thực phủ nhận kiến thức về hoạt động hoặc cảm tình của những người khác. Nếu họ tố cáo Việt Cộng với chính quyền, hậu quả sẽ khôn lường. Trong rừng, Việt Cộng không thể phiên hà với tù nhân; xử tử đơn giản hơn.

Công chúng Mỹ muốn cho Richard Nixon thời gian để thực hiện «kế hoạch bí mật» chấm dứt chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, nhưng ít ai biết rằng tổng thống của họ lại quyết tâm đến vậy với vai trò của mình trong cuộc chiến. Ông nói về hòa bình ; ông cam kết tiếp tục cắt giảm quân Mỹ ; và một trong những hành động đầu tiên của ông với tư cách tổng thống năm 1969 là cử cố vấn an ninh quốc gia Henry Kissinger đến Paris, gặp đại diện chính quyền Sài Gòn và Việt Cộng. Tuy nhiên, riêng tư, Nixon không có ý định trở thành tổng thống Mỹ đầu tiên thua một cuộc chiến. Nguyễn Văn Thiệu, người từ năm 1967 giữ chức tổng thống Nam Việt Nam, tiếp tục cản trở nỗ lực của Mỹ trong cả việc gây chiến và tìm kiếm hòa bình. Nixon vẫn tin rằng cách duy nhất để buộc Bắc Việt đàm phán hòa bình trước việc rút quân Mỹ, và giành thời gian cho Nam Việt Nam chuẩn bị chiến đấu mà không có người Mỹ, là tiến hành chiến tranh một cách táo bạo, chứ không phải giảm quy mô.

Khi Nixon nhậm chức, ba mươi nghìn lính Mỹ đã chết trong cuộc chiến ; thêm mười nghìn người sẽ chết trong năm đầu tiên ông làm tổng thống. Dù sự ủng hộ của công chúng Mỹ đối với cuộc chiến đã đạt đỉnh trước khi ông nhậm chức, ông vẫn có thể lợi dụng sự mâu thuẫn của cái mà ông gọi là «đa số im lặng», những người yêu nước ủng hộ tổng thống và cảm thấy xa lánh phong trào phản chiến, coi đó là nơi chứa chấp những kẻ kích động, thậm chí là Cộng sản. Tuy nhiên, dù cảm tình của ai nghiêng về đâu, không người Mỹ nào có thể không bàng hoàng trước những tiết lộ năm 1969 về tội ác của Mỹ ở làng Mỹ Lai. Sau một nhiệm vụ thất bại năm 1968 nhằm truy quét Việt Cộng, một đơn vị bộ binh Mỹ đã tàn sát tới năm trăm thường dân Việt Nam, bao gồm trẻ em và trẻ sơ sinh. Vụ thảm sát Mỹ Lai đã phơi bày những vấn đề sâu xa và tinh thần sa sút của quân đội Mỹ ở Việt Nam, một phần ba hoặc hơn trong số đó nghiện ma túy.

Chính Nixon đã công bố tin tức lớn nhất về chiến tranh Việt Nam kể từ Tết Mậu Thân. Ngày 30 tháng 4 năm 1970, ông lên truyền hình toàn quốc thông báo rằng bốn ngày trước đó, ông đã cử quân Mỹ, cùng với lực lượng Nam Việt Nam, vào Campuchia để truy đuổi Cộng sản Bắc Việt. Nixon tuyên bố thành công trong mục đích của mình : thể hiện quyết tâm của Mỹ với tư

cách là cường quốc mạnh nhất thế giới. Trên thực tế, tình báo Bắc Việt đã đoán trước cuộc tấn công do Mỹ dẫn đầu vào Campuchia kịp thời để các đơn vị Cộng sản chạy trốn khỏi nơi ẩn náu trong rừng. Sự phản đối mà Nixon mong đợi, thậm chí là thích thú, từ phong trào phản chiến đã xảy ra. Tổng thống đã mở rộng chiến tranh trên bộ, và sự phản nộ bùng phát tại các trường đại học Mỹ. Bi kịch ập đến. Tại Đại học Kent State, lực lượng Vệ binh Quốc gia đã nổ súng vào một đám đông sinh viên, giết chết bốn người và làm bị thương chín người. Những thước phim truyền hình và bức ảnh báo chí ghi lại hình ảnh một thiếu niên đau đớn quỳ gối bên cạnh một thi thể đã cho thấy sự vô nghĩa của một cuộc chiến không mục đích.

Ngay cả những cựu binh Việt Nam trở về cũng tham gia vào các cuộc biểu tình tại trường học và đường phố sau đó. Quốc hội hành động, cấm quân đội Mỹ tham chiến tại cả Campuchia và Lào. Với ít lựa chọn hơn, chính sách công khai của Nixon đối với chiến tranh trở thành «Việt Nam hóa chiến tranh» : chuyển giao trách nhiệm chiến đấu chống Cộng sản từ Mỹ sang cho người Việt Nam Cộng hòa.

Sau ba năm tại nhiệm kỳ, Nixon đã giảm quân số Mỹ tại Việt Nam xuống còn một phần tư so với thời điểm sau khi ông đắc cử. Số thương vong cũng giảm tương ứng. Trong một tuần vào tháng 7 năm 1971, số lính Mỹ tử vong hàng tuần tại Việt Nam giảm xuống mức thấp kỷ lục là mười một người, so với hơn ba trăm người khi cuộc chiến ở giai đoạn ác liệt nhất. Nhưng khi số thương vong của Mỹ trong chiến tranh trên bộ giảm mạnh, số thương vong của người Việt Nam Cộng hòa bắt đầu tăng vọt. Tại Mỹ, các báo cáo chiến tranh dần biến mất khỏi trang nhất của báo chí và các bản tin truyền hình hàng đêm : người Việt giết người Việt rõ ràng không còn thu hút sự quan tâm của công chúng Mỹ.

Các phóng viên nước ngoài tại Việt Nam cũng nhận ra rằng đã đến lúc phải rời đi. Thời kỳ hoàng kim của việc đưa tin về cuộc chiến của Mỹ là những năm đầu tiên khi ít người ngoại quốc quan tâm đến những gì đang diễn ra và mọi người cần được thông báo, và một lần nữa trong Sự kiện Tết Mậu Thân khi cuối cùng, những cái chết, bạo lực và sự tàn ác mà họ đã ghi nhận trong nhiều năm đã chạm đến trái tim người Mỹ. Họ đã tiếc thương những đồng nghiệp tử nạn khi làm nhiệm vụ và mỗi lần tự hỏi, «Tại sao là họ, mà không phải mình ?» Họ rời đi với niềm tin rằng những ngày tháng đưa tin về cuộc chiến không hồi kết và không có giải

pháp đã kết thúc.

Nhiệm vụ theo dõi chiến tranh tại Việt Nam giờ đây thuộc về những người trong ngành tình báo quân sự. Vào mùa thu năm 1971, khi mùa khô đến, như thường lệ, họ đã nâng cao cảnh giác. Tại miền Nam, họ dự đoán sẽ có một số hành động phối hợp từ phía Cộng sản vào đầu năm 1972, khi mặt đất vẫn còn khô ráo và thuận lợi cho việc di chuyển của con người và trang thiết bị. Mùa mưa sau đó sẽ ngăn chặn mọi hành động quy mô lớn, vì khi những cơn mưa bắt đầu, thường là vào tháng 5, mặt đất sẽ ngập nước hoặc lầy lội. Kể từ sau Sự kiện Tết Mậu Thân, phía Cộng sản đã không phát động bất kỳ hành động nào tại miền Nam. Câu hỏi trong đầu những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng hòa là liệu sau cái chết của Hồ Chí Minh ở tuổi 79 vào năm 1969, những người khác có tiếp tục cuộc chiến thống nhất đất nước của ông hay không, và liệu các cuộc không kích của Mỹ trên Đường mòn Hồ Chí Minh có ngăn cản được việc Bắc Việt tiếp tế quân và trang thiết bị vào miền Nam hay không.

Câu trả lời đã đến vào ngày 30 tháng 3 năm 1972. Ngày đó, Hà Nội ra lệnh cho các lực lượng chủ lực Cộng sản, vốn đã ăn náu và chuẩn bị tại các căn cứ phía Nam từ tháng 11 năm trước, tấn công. Được Mỹ đặt tên

là Cuộc Tấn công Phục Sinh, quy mô của cuộc tấn công của Cộng sản thật đáng kinh ngạc. Nó sẽ diễn ra trong ba tuần và chia làm ba đợt liên tiếp : từ khu phi quân sự vào các tỉnh cực Bắc của Nam Việt Nam ; qua cao nguyên Trung phần đến bờ biển ; và, điều gây bất ngờ lớn nhất cho tình báo quân sự miền Nam, tiến quân từ Campuchia đến cách Sài Gòn khoảng sáu mươi dặm về phía bắc, đến thủ phủ tỉnh An Lộc.

Mục tiêu của Cộng sản là chính trị : thể hiện sức mạnh quân sự ấn tượng để buộc Mỹ phải nhượng bộ trong tiến trình hòa bình. Cuộc tấn công là một thử thách đối với lực lượng Việt Nam Cộng hòa, bởi lúc này, sự hiện diện của quân Mỹ trên chiến trường với vai trò là lực lượng chiến đấu và cố vấn gần như đã biến mất. Đến mùa xuân năm 1972, việc rút quân Mỹ theo kế hoạch đã cắt giảm một nửa tổng quân số so với cuối năm 1971, chỉ còn chưa đầy bảy mươi nghìn người tại Việt Nam. Trong số đó, chỉ có sáu nghìn là lính chiến đấu, với nhiệm vụ bị hạn chế nghiêm trọng. Số còn lại, chỉ một số ít là cố vấn - phân bố mỏng, chỉ một hoặc hai người ở cấp tỉnh, và hiếm khi có ai ở cấp huyện - chủ yếu chỉ còn nhân viên hàng không, hậu cần và hỗ trợ.

Trong cuộc phản công, lực lượng Việt Nam Cộng hòa dựa vào sự yểm trợ không quân của Mỹ để tạo nên sự khác biệt. Nixon đã không làm họ thất vọng : một ngày sau khi cuộc tấn công của Cộng sản bắt đầu, ông ra lệnh thực hiện các cuộc không kích trả đũa lớn bằng máy bay B-52 vào Bắc Việt và phong tỏa cảng chính Hải Phòng.

Phía Cộng sản đã sẵn sàng chiến đấu ; những ngày tháng ần náu đã làm tăng thêm quyết tâm của các binh sĩ miền Bắc, nếu cần, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng. Ngược lại, bộ chỉ huy và bộ binh Việt Nam Cộng hòa phần lớn thiếu kinh nghiệm và kỷ luật, không có quân Mỹ để củng cố tinh thần, đã tỏ ra không thể đương đầu với cuộc tấn công của Cộng sản. Phía Cộng sản đã lên kế hoạch cho một cuộc tấn công nhanh và rút lui như thường lệ, nhưng đến chính họ cũng bất ngờ, trong hai đợt tấn công đầu tiên, họ đã có thể chiếm giữ lãnh thổ và phát động một cuộc tấn công kéo dài. Tại các tỉnh cực Bắc, bộ chỉ huy Việt Nam Cộng hòa chọn cách rút lui thay vì chiến đấu. Hàng nghìn binh lính, cùng với thường dân hoảng sợ, đã chạy về phía nam dọc theo tuyến đường ven biển, hứng chịu hỏa lực không ngừng từ pháo binh Bắc Việt và tàu chiến Mỹ. Tại cao nguyên, lực lượng chính phủ đã không đến hỗ trợ các lực lượng tự vệ địa phương. Nếu phía Cộng sản không dừng lại, Việt Nam Cộng hòa có lẽ đã mất một nửa đất nước.

Nơi duy nhất quân đội chính phủ kháng cự mạnh mẽ là tại An Lộc. Phía Cộng sản, bị cản trở bởi các cuộc không kích của Mỹ trong việc tiếp tế cho quân đội, đã quyết định bao vây khốc liệt. Mãi đến giữa tháng 5, có vẻ như lực lượng đồn trú của chính phủ tại đây sẽ trụ vững. Nhưng cuộc bao vây kéo dài, các cuộc giao tranh lan rộng từ An Lộc, tùy thuộc vào nơi những binh sĩ Cộng sản rút lui xuất hiện để tấn công, tạo ra những «điểm nóng». Đến tháng 6, tình báo quân sự miền Nam chỉ có thể đoán được ý định của Cộng sản với các sư đoàn tại An Lộc : rút về căn cứ chính của Cộng sản gần biên giới Campuchia ; tập trung cho một cuộc tấn công lớn vào Sài Gòn ; hoặc giam chân lực lượng chính phủ để ngăn họ thực hiện trách nhiệm cuối cùng, đó là bảo vệ các cửa ngõ tiến vào thủ đô.

Khi Cuộc Tấn công Phục Sinh nổ ra, sự hiện diện thường xuyên duy nhất của các nhà báo nước ngoài trên chiến trường tại Sài Gòn là từ hai hãng thông tấn cạnh tranh chính, Associated Press (AP) và United Press International (UPI). Tuy nhiên, các văn phòng chính đã cắt giảm nhân viên thường trực. Những người sẵn sàng bù đắp khoảng trống là các phóng viên tự do và cộng tác viên được gọi là «Saigonhires», bao gồm những người nước ngoài đến Việt Nam vì khao khát một cuộc phiêu lưu châu Á và những người đến làm việc trong các công

việc viện trợ và khác trong thời kỳ Mỹ và chọn ở lại.

Ngay từ đầu cuộc tấn công, theo các báo cáo phản hồi (báo cáo về việc sử dụng tài liệu của hãng thông tấn bởi các tờ báo đăng ký), rõ ràng là văn phòng AP tại Sài Gòn đang mất thế thượng phong so với UPI về mặt hình ảnh. Để củng cố việc đưa tin, văn phòng chính AP tại New York đã cử Horst Faas, nhiếp ảnh gia trưởng của họ tại Đông Nam Á, đóng tại Singapore, vào. Faas, người gốc Đức, là một trong số ít phóng viên đã đưa tin về chiến tranh Việt Nam từ những ngày đầu tiên. Sau khi đã tạo dựng danh tiếng là một nhiếp ảnh gia chiến trường tại Congo, ông đến Việt Nam vào năm 1962. Ông ở lại đến năm 1970 và giành giải Pulitzer, giải thưởng báo chí cao quý nhất của Mỹ, cho tác phẩm của mình tại đây.

Chính những nhà báo như Faas đã sớm nhận ra lợi thế của việc thuê người Việt khi đưa tin về chiến tranh: họ rẻ, biết ngôn ngữ, có mối quan hệ và hiểu địa hình. Tại Sài Gòn, họ chạy việc vặt bằng xe máy và làm việc trong phòng tối, trên chiến trường họ mang thiết bị truyền hình và chụp ảnh. Họ chia sẻ trách nhiệm với các phóng viên viết bài. Cũng như không phóng viên nào rời văn phòng mà không đeo máy ảnh trên cổ, khi các «tay máy» trở về, các phóng viên viết bài dựa vào họ để lấy thông tin và ghi chú. Những cộng tác viên

người Việt của Faas bận rộn nhất trong cơn sốt của Sự kiện Tết Mậu Thân. Các cộng tác viên đã leo lên văn phòng AP trên tầng bốn của Tòa nhà Eden trên đường Pasteur (người Nam Việt Nam đã đổi tên thành Đại lộ Nguyễn Huệ, nhưng một số tên từ thời Pháp vẫn tồn tại), mang theo tám mươi đến một trăm cuộn phim mỗi ngày. Từ những cuộn phim đó, Faas có thể mua ba hoặc bốn bức ảnh, hoặc thường là một. Ông có quá nhiều cộng tác viên người Việt đến mức giới báo chí Sài Gòn gọi họ là «quân đội của Faas». Cái tên đó rất phù hợp : bản thân ông cũng giống như một vị tướng - một người đàn ông to lớn, nặng hơn hai trăm pound, với phong thái gắt gỏng đúng chất.

Vào tối ngày 7 tháng 6, hơn hai tháng sau khi Cuộc Tấn công Phục Sinh bắt đầu, Faas đang có một cuộc trò chuyện thông thường với một trong những nhiếp ảnh gia của AP, hỏi xem anh ta dự định đi đâu để chụp ảnh vào ngày hôm sau. Nhiếp ảnh gia đó là Huỳnh Công Út, 24 tuổi, thường được gọi là Nick Út. Nick biết nơi anh không muốn đến - An Lộc. Vì giao tranh đã chặn xa lộ, cách duy nhất để đến đó là bằng trực thăng. Mọi phóng viên chiến trường, kể cả những người dày dạn nhất, đều có một nỗi sợ hãi gần như ám ảnh về việc di chuyển bằng trực thăng. Nick rất mê tín ; trong chuyến bay cuối cùng đến An Lộc, anh đã đếm quá nhiều số mười

ba : số hiệu của trục thăng là 113, và có mười ba hành khách trên khoang. Khi phi công né tránh hỏa lực phòng không, Nick đã nhìn xuống cảnh quan bên dưới ngồn ngang những xác người đang thối rữa và đầy những hố bom trông hoác và cầu nguyện Đức Phật. *Ngay cả động vật cũng không thể sống sót ở đây*, anh tự nhủ. Những bức ảnh anh mang về đã phơi bày sự khắc nghiệt của cuộc sống dưới vòng vây : những người lính Nam Việt Nam, cạn kiệt lương thực và nước uống, phải sống nhờ rượu rần Việt Nam.

Nick có một ý tưởng khác. Anh muốn đi theo Quốc lộ 1, để kiểm tra thông tin anh nghe được về một điểm nóng giao tranh ở đó. Một người bạn, Lê Phúc Định, một phóng viên quay phim của NBC, đã nghe từ một chỉ huy quân sự địa phương rằng giao tranh gần Trảng Bàng đã chặn đường quốc lộ trong hai ngày qua. Vị chỉ huy, Thiếu tá Cường, được giới báo chí nước ngoài biết đến : ông ta đủ khôn ngoan để tự quảng bá mình, và họ coi ông là một quân nhân dày dạn, vì hầu hết các quận ở Hậu Nghĩa mà «Lính Rừng» của ông phải bảo vệ đều là căn cứ địa của Việt Cộng. «Mai anh nên lên đây», ông nói với Định, «vì sẽ có một trận đánh lớn.»

«Được rồi», Faas nói với Nick, «ngày mai anh đi kiểm tra chỗ đó đi.»

Nick sắp xếp để tài xế của AP đón anh bằng xe tải vào sáng hôm sau khi lệnh giới nghiêm kết thúc, lúc sáu giờ. Đi bằng xe không phải là phương tiện ưa thích của Nick. Chiếc xe gắn máy Honda của anh có thể đạt tốc độ năm mươi dặm một giờ, có thể len lỏi qua các phương tiện giao thông, vượt qua những chiếc xe bò chậm chạp, và dễ dàng tìm đường khác khi đường bị chặn. Nhưng Nick không biết điều gì đang chờ đợi trên Quốc lộ 1, và việc đi xe gắn máy khiến anh trở thành mục tiêu dễ dàng cho một tay bắn tỉa.

Ngay cả khi đứng chờ bên lề đường, suy nghĩ của Nick đã hướng về cuối ngày làm việc, về việc trở lại Sài Gòn kịp thời để thay quần áo và gặp bạn gái, cùng cô ấy đi ăn tối và đến câu lạc bộ, cố gắng quên đi những gì anh sẽ chứng kiến trong ngày.

Một bức chân dung của một trong những người anh trai lớn hơn của Nick, Huỳnh Công La, được treo trên tường phía trên máy sấy phim âm bản trong văn phòng AP. Toàn bộ văn phòng AP cùng nhiều phóng viên báo chí Sài Gòn đã đến dự đám tang của La vào năm 1965. La được Faas thuê vào năm 1963 khi mới hai mươi sáu tuổi. Chàng trai đẹp trai La đã nổi tiếng trong lĩnh vực điện ảnh, đặc biệt là đạo diễn và diễn xuất trong bộ phim «Mắt Người Tình» (anh có biệt danh «Mỹ» từ

những người hâm mộ ngôi sao điện ảnh). Ngay từ đầu, Faas nhận ra La là một nhiếp ảnh gia tài năng, và thấy rằng trí thông minh, sức hấp dẫn cùng khả năng tiếng Anh trên trung bình của anh cho phép anh dễ dàng tiếp cận với các chỉ huy quân sự Mỹ và Nam Việt Nam.

Một thời gian sau đám tang, góa phụ của La, Arlette mười chín tuổi, đến gặp Faas và hỏi liệu AP có thể giúp gì cho em trai của La. Cô đã dẫn Nick theo. Cậu bé gần mười bảy tuổi, đã bỏ học sau sáu năm đến trường. Faas nhìn cậu bé thấp bé, gầy gò mà cô mang theo, và nghĩ cậu trông chỉ khoảng mười tuổi.

«Về trường đi. Về nhà với gia đình đi», Faas nói với cậu.

«AP là gia đình của cháu rồi, cháu cũng muốn chụp ảnh», Nick trả lời.

Trong một gia đình có mười con trai và một con gái, Nick là con thứ mười, lớn hơn một trong hai cậu bé còn ở nhà với người mẹ góa. Chừng nào Nick không đi học, cậu sẽ là mục tiêu để cả Việt Cộng lẫn chính phủ chiêu mộ. Như hóa ra, người em út đã đáp lại lời kêu gọi nhập ngũ của Nick vào quân đội chính phủ ; tiện thể, mẹ của họ đặt tên cả hai là «Út», nghĩa là con út.

La, con thứ bảy, đã đưa Nick đến Sài Gòn sống cùng anh và vợ, hy vọng cậu sẽ học được chút tiếng Anh và, như anh, tìm được việc làm với một hãng tin phương Tây. Mỗi đêm, La mang về những chiếc máy ảnh cũ kỹ để dạy Nick cách sử dụng. Anh cũng mang về hàng chồng ảnh chiến trường phóng to ; anh có thể nói hàng giờ về giá trị nhiếp ảnh của chúng. Anh say sưa giảng về sự vô nghĩa của chiến tranh và nói rằng những bức ảnh phơi bày sự kinh hoàng của nó có thể giúp chấm dứt chiến tranh.

Nick đã hình dung rõ sự tàn ác của chiến tranh. Lớn lên ở Long An thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, cậu đã kinh hãi trước nhiều xác chết, chỉ vài giờ sau đã phồng lên một cách kỳ dị dưới cái nóng. Cậu đã thấy những cái đầu bị chặt treo trên cọc tre, điều thuốc lá vẫn kẹp giữa môi - một sự sỉ nhục cuối cùng để nhận diện người chết là Việt Minh.

Một ngày mùa thu năm 1965, La về nhà và nói với vợ rằng một nhiếp ảnh gia tình nguyện cho AP đã thiệt mạng. Bernard Kolenberg, trở lại Việt Nam chỉ một tuần sau một chuyến công tác vài tuần trước đó với một tờ báo Mỹ, đã chết trong vụ rơi máy bay quân sự Nam Việt Nam. «Anh sẽ là người tiếp theo», La nói với Arlette, tự đánh dấu số phận của mình.

Tám ngày sau, lời tiên đoán của La thành sự thật. Anh đã trở lại tiền tuyến ở Đồng bằng sông Cửu Long, nơi anh bị thương do đạn tiểu liên ba tháng trước. Khi đưa tin về cuộc chiến giữa quân đội Nam Việt Nam và Việt Cộng, anh bị trúng đạn vào ngực và cánh tay. Anh đang chờ được trực thăng sơ tán thì Việt Cộng tràn vào trạm cứu thương tạm thời và kết liễu những người bị thương.

Dù ban đầu Faas từ chối thuê Nick, Arlette vẫn kiên trì. Cuối cùng, Faas cho Nick chạy việc vặt cho kỹ thuật viên phòng tối. Nick tiếp tục mang những chiếc máy ảnh cũ về nhà để luyện tập chụp. Cậu bắt đầu bằng cách chụp ảnh quanh nhà, và của người giúp việc của Arlette, sau đó thử chụp từ cửa sổ xe tải AP, chụp người đang di chuyển, chụp giao thông trên đường phố Sài Gòn. Faas đã truyền đi một trong những bức ảnh của cậu : một cậu bé Việt Nam hút xì gà đang đánh bóng giày của một lính Mỹ. Nhưng bước ngoặt lớn đến vào buổi sáng không có nhiếp ảnh gia nào có mặt để xử lý tin tức mà Faas nhận được : một nhà sư Phật giáo phản đối sẽ tự thiêu. Faas cử Nick đi, và cậu trở về trong chiến thắng với những bức ảnh cận cảnh nhà sư bốc cháy, sau đó là thi thể cháy đen, ngồi thẳng, rồi gục xuống. Faas loại bỏ từng khung hình : «Những bức ảnh này xấu xí», anh nói với Nick. «Các tờ báo sẽ không đăng chúng đâu. Một bức ảnh tốt hơn sẽ là ai đó đang phủ lên thi thể, với

những người khác đứng nhìn phía sau, khóc.»

Dưới sự hướng dẫn của Faas và một đồng nghiệp khác tại AP, Henri Huet, Nick trở thành một nhiếp ảnh gia chiến trường lành nghề. Ngay từ đầu, Nick tin rằng số phận của anh trai mình, cái chết sớm, đang chờ đợi anh. Niềm tin đó thôi thúc anh đến những nơi có giao tranh, và không quay về cho đến khi có được bức ảnh ưng ý.

Trong năm thứ năm đưa tin chiến trường, Nick bị thương. Anh đang đưa tin về cuộc tấn công mặt đất vào Campuchia thì bị mảnh rocket găm vào bụng. Nhưng lần suýt chết nhất của anh đến một năm sau đó, khi anh suýt nữa trở thành một trong những người thiệt mạng trong vụ rơi trực thăng do không quân Nam Việt Nam điều khiển trên rừng Lào đầu năm 1971, khiến tất cả mười một người trên máy bay tử nạn. Bốn người trong số đó là phóng viên ảnh nước ngoài, bao gồm Larry Burrows huyền thoại của tạp chí Life, nhiệm vụ của họ là đưa tin về cuộc thử nghiệm lớn đầu tiên của «Việt Nam hóa chiến tranh», một cuộc tấn công của quân đội Nam Việt Nam - không có cố vấn hoặc quân đội Mỹ - vào quân đội Bắc Việt ở nam Lào (nó sẽ thất bại ; quân đội Nam Việt Nam chịu tổn thất nặng nề và phải rút lui). Nick đã nằm trong số các phóng viên chờ đợi

nhều ngày thời tiết xấu để được lên chuyến bay trực thăng tham quan các căn cứ của Nam Việt Nam trước khi gia nhập lực lượng mặt đất tiền tuyến. Vào phút cuối, Henri Huet đề nghị Nick nhường chỗ, giải thích rằng anh muốn hoàn thành nhiệm vụ cuối cùng trước khi nghỉ phép R&R ở Hồng Kông. Chính Huet là người đầu tiên gọi cậu là Nick, và vì thế nhiếp ảnh gia trẻ đã lấy tên này làm tên mình, để tưởng nhớ người thầy.

Arlette bắt đầu sợ rằng cô sẽ mất Nick vì chiến tranh. Một người anh khác của La, người vừa từ chiến trường trở về kịp lúc để gục lên quan tài của chồng cô trong đám tang, đã chết trong chiến trận vài tháng sau đó. Bản thân Arlette rất mê tín. Địa chỉ nhà cô ở Sài Gòn là 1010, và La đã bị giết vào ngày mùng 10 tháng 10. Cô nói chuyện với mẹ chồng về việc Nick có thể làm gì khác. Bà cụ phụ thuộc vào Nick để có tiền thuê nhân công làm ruộng, và để đóng thuế cho chính phủ cùng «đóng góp» cho Việt Cộng. «Út thích chụp ảnh», bà trả lời.

Vào tối ngày 5 tháng 6, một vị khách đêm đến nhà Tùng và Nữ. Anh ta là thủ lĩnh của một nhóm biệt động Việt Cộng. «Mẹ, đừng rời khỏi nhà», anh nói với Nữ. «Khách đang đào hầm. Khi chúng tôi xong việc, mẹ có thể đưa gia đình vào rừng.» Đây không phải là một yêu

cầu mà là mệnh lệnh. «Đừng vào thị trấn. Ở đó có lính chính phủ tập trung. Nếu mẹ vào đó, mẹ sẽ mang rắc rối đến cho mọi người !»

Khi tin tức về Cuộc Tấn công Mùa Phục Sinh lan ra, người dân khắp miền Nam lo sợ một sự lặp lại của Tết Mậu Thân, rằng Cộng sản sẽ «đánh khắp nơi.» Ở Trảng Bàng, nhà cửa bắt đầu bỏ trống khi người dân chọn chạy trốn, hầu hết là đến Sài Gòn. Theo cách nhìn của Tùng và Nữ, gia đình họ quá đông để di chuyển và không có nơi nào để đi. Dì Tiệm ở Tây Ninh không có chỗ cho họ, và họ không quen ai ở Sài Gòn. Tiệm mì vẫn có khách, và đàn vật nuôi cần được chăm sóc hàng ngày. Hơn nữa, ngôi nhà và tài sản là cả cuộc đời đầu tư của họ. Gia đình quyết định ở lại, đánh cược rằng số phận sẽ mỉm cười với họ.

Cuộc tấn công không hoàn toàn bất ngờ. Vài tuần trước đó, một người xâm nhập từ Hà Nội đã đến gặp Nữ trong tiệm. Qua dáng vẻ, Nữ chắc chắn cô ta là người miền Bắc. Cô gái yêu cầu Nữ quan sát các di chuyển của quân đội Nam Việt Nam dọc Quốc lộ 1. Nữ thấy mình không có lựa chọn nào khác ngoài việc đếm chính xác. Nếu cô bị thử thách thì sao ?

Chiều hôm đó, cô gái quay lại.

«Mẹ, sáng nay có khách như thường lệ không ?»

Nữ đưa ra con số, bao nhiêu xe tải, di chuyển theo hướng nào

Theo đúng dự đoán của Nữ, bà được yêu cầu đảm nhận nhiều rủi ro hơn. Một người liên lạc, mỗi lần là một người khác, mang đến một giỏ trầu cau : «Mẹ ơi, đây là vài miếng cau.» Những miếng cau được thái lát, luộc chín, phơi khô và phết một lớp vôi, là chất kích thích giúp miệng không bị khô. Bên trong giỏ cau giấu một mật thư, Nữ phải chuyển đi khi nghe được mật khẩu. Những lần khác, người liên lạc sẽ đưa cho Nữ một địa chỉ và bà phải tự đi giao thư. Vì Nữ không biết đọc và không thể rời cửa hàng mà không gây nghi ngờ, bà phải nhờ Tùng giúp. Việt Cộng tỏ lòng biết ơn, có lần mang đến cho bà một giỏ lá trầu to, khi tươi thì lý tưởng để gói thức ăn, khi khô thì dùng làm vải đa năng trong nhà. Một lần, trong chiếc lá trầu gói kín là một huy hiệu cờ Việt Cộng với ngôi sao vàng trên nền xanh và đỏ. Ngôi sao tượng trưng cho nhân dân, màu xanh là miền Bắc hòa bình, màu đỏ là miền Nam đầm máu.

Những người khách lạ đang đào hầm ngay dưới nhà gia đình. Suốt đêm, từ phòng bếp vang lên những tiếng đục cơ học bị bóp nghẹt. Những vết nứt bắt đầu xuất hiện trên sàn nhà.

Khoảng nửa đêm, người chỉ huy đến gặp Nữ. «Mẹ ơi, chúng con cần cửa nhà mẹ.» Khi họ bắt đầu tháo từng cánh cửa trong số bảy cánh, bao gồm cả cửa chớp đôi ở ba lối vào phía trước, Nữ giận dữ kêu lên : «Đừng làm thế !» Nhưng họ phớt lờ. Nhìn thấy qua những ô cửa trống những đồng súng và đạn dược, Tùng và Nữ quyết định rời đi càng sớm càng tốt. Họ chuẩn bị di chuyển đến đền Cao Đài, quyết định rằng tốt nhất nên ở gần nhà để có thể quay lại lấy thức ăn và thuốc men, chăm sóc lợn và đề phòng cướp bóc. Họ cũng không muốn đi xa vì sợ gặp phải tuần tra của chính quyền đêm đó, điều chắc chắn sẽ xảy ra nếu như lời Việt Cộng nói rằng quân chính phủ đang thiết lập vị trí trong thị trấn. Một lý do khác để không đi xa là Bác Cả ; bệnh dạ dày mãn tính của ông bỗng tái phát và ông chỉ có thể đi được vài bước. Tùng và Nữ dựng một chiếc võng để đỡ ông đi, sau đó đánh thức những đứa trẻ nhỏ hơn, chúng đã ngủ suốt mà không nghe thấy tiếng động.

Phúc, chín tuổi, dụi mắt và thấy trời vẫn còn tối. «Ôi, mẹ ơi !» cô bé reo lên vui sướng khi thấy Nữ. «Sao mẹ chưa đi đến cửa hàng ?!»

«Suyt ! Đừng hỏi gì cả !»

Phúc nhìn thấy một bóng người mặc đồ đen đứng ở cửa và bắt đầu khóc.

«Đừng lo,» người Việt Cộng trấn an cô bé. «Chúng tôi chỉ đến thăm thôi.»

Nữ xin phép rời khỏi nhà, viện lý do cần tìm giúp đỡ cho con đau ngày càng nặng của ông cụ. Người chỉ huy không phản đối. Trong bóng tối, cả gia đình vừa chạy vừa lảo đảo trên con đường mòn. Năm phút sau, họ lách qua cánh cổng phía sau khuôn viên đền và hướng đến một nhà phụ phía sau tòa nhà chính, thường được dùng cho các sự kiện xã hội và làm nơi ở cho các quan chức từ Tòa Thánh đến thăm.

Bên trong, gia đình thấy nhiều hộ hàng xóm cũng đã dựng lều, tổng cộng khoảng ba mươi người, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em. Trong số đó có bà ngoại Thảo, dì Bé, dì Anh và ba đứa con của dì. Chồng dì Anh đang đi vắng ở tỉnh khác, còn ông ngoại Kiệm đang ở Tòa Thánh Tây Ninh, nơi ông thường ở lại hàng tuần liền. Bên trong còn có tám đến mười lính chính phủ. Người lính có máy bộ đàm liên tục hỏi những người mới đến: Họ có biết Việt Cộng đang trốn ở đâu không ? «Họ ở khắp nơi !» Có bao nhiêu người ? «Chúng tôi không biết ! Có rất nhiều !» Những người lính bỏ qua. «Chúng tôi đang chờ cuộc tấn công lớn,» họ nói.

Sáng ngày 6 tháng 6 được báo hiệu bằng tiếng súng nhỏ vang xa. Tiếng đạn cối đầu tiên khiến mọi người lao vào những hầm tạm bợ trong các phòng ký túc xá đối diện sảnh chính, một cho phụ nữ và trẻ em, một cho đàn ông, phản ánh sự phân chia trong đền chính. Những hầm này là những bao cát chất đồng với các thanh gỗ đặt lên trên.

Chẳng mấy chốc, mọi người nhận ra rằng cuộc chiến đang diễn ra ở khu thương mại của thị trấn. Những người lính thư giãn. Bọn trẻ chơi đùa, chạy qua chạy lại trong sảnh. Vào giờ ăn trưa, các bà nấu cơm cho gia đình trong căn bếp nhỏ gần đó.

Chiều muộn, sau một khoảng im lặng dài, gợi ý rằng cuộc chiến đã tạm lắng hoặc kết thúc, một người phụ nữ xin phép về nhà lấy thức ăn cho gia đình. Những người lính nhún vai, không ý kiến. Người phụ nữ rời đi, và Nữ quyết định sẽ về nhà chăm lợn. Trên đường mòn, bà gặp chính người phụ nữ đó đang chạy về. «Nếu ở lại nhà, chị sẽ chết !» người phụ nữ hét lên. «Chính phủ sắp tấn công bằng rocket !»

Khi quân chiến đấu Mỹ lần đầu đến Việt Nam năm 1965, chỉ huy Mỹ đầu đầu về «luật tác chiến» trong cuộc chiến không có mặt trận này. Một trong những quy tắc bất thành văn của họ là cho phép không kích vào các

làng của Nam Việt Nam nếu lực lượng Mỹ nhận được chỉ một phát bắn tĩa từ khu vực chung. Trong khi nhiều lương tâm Mỹ băn khoăn về việc dân thường trở thành mục tiêu trong những điều kiện đáng ngờ, thì chỉ huy quân đội Nam Việt Nam không có mối bận tâm tương tự.

Nữ quay lại. Bà gần đến nhà phụ của đền thì một quả đạn pháo bay đến đập xuống đất trước mặt, khiến bà bị vùi lấp một nửa dưới đất. Một vài phút sau, không bị thương, bà đứng dậy và chạy vội vào trong. Ngày hôm đó không có chuyện gì thêm xảy ra, nhưng những người lính giữ đám đông ở lại thêm một đêm nữa.

Đến sáng ngày 7 tháng 6, cuộc chiến đã di chuyển từ khu thương mại của thị trấn ra rìa phía đông. Những quả rocket và đạn pháo nổ quá gần khiến dân làng khiếp sợ cho ngôi nhà của mình. Không khí trong những hầm chận chội trở nên ngột ngạt đến mức mọi người phải thay phiên nhau thở qua các lỗ thông hơi. Chiều muộn lại mang đến một sự im lặng kéo dài. Lo lắng cho đàn lợn lại thêm một ngày không có thức ăn và nước uống, Nữ xin phép về nhà. Quá nguy hiểm, những người lính nói, chỉ ra rằng quân đội Nam Việt Nam đã điều một đơn vị lính đến các vị trí gần đền và Việt Cộng có thể ở bất cứ đâu.

Sáng ngày 8 tháng 6, trên Quốc lộ 1 vừa qua Củ Chi, Nick và tài xế của anh gặp những người tị nạn ùn tắc trên đường, di chuyển về phía đông. Phụ nữ bế con, đàn ông và phụ nữ vác đòn gánh chất đầy quần áo, nồi niêu, trẻ em bế em bé và dắt trâu bằng dây thừng. Người già và bị thương ngồi trên xe bò. Vị trí của Trảng Bàng hiện rõ qua làn khói dày đặc trên bầu trời và những máy bay lượn vòng. Tiếng vũ khí do Liên Xô và Trung Quốc sản xuất xác nhận sự hiện diện của quân chính quy Bắc Việt. Ngay lập tức, Nick hiểu tại sao cuộc giao tranh lại kéo dài đến vậy. Lựu đạn rocket, súng không giật và pháo phòng không của địch là loại pháo di động có thể bắn từ khoảng cách xa mà vẫn gây thiệt hại nghiêm trọng.

Trước khi vào thị trấn, giao thông bị chặn lại bởi dây thép gai giăng ngang đường. Út đưa thẻ nhà báo bao chi cho cảnh sát quân sự, xác nhận anh là phóng viên. Anh chỉ có thể đi đến cây cầu nhỏ bắc cao. Ở đó có vài người lính và nhà báo đang đứng. Giống Nick, các nhà báo mặc quân phục chiến đấu, mua từ chợ đen Sài Gòn. Bộ đồng phục giúp họ dễ dàng di chuyển tự do trong quân đội.

Khi buổi sáng trôi qua, hơn một chục nhà báo nước ngoài đến. Ngoài Nick, còn có phóng viên ảnh NBC, người đã cho Nick tin tức về cuộc chiến, Lê Phúc Định. Anh ta đi cùng phóng viên Arthur Lord. Một đoàn truyền hình thứ hai thuộc Mạng lưới Truyền hình Độc lập Anh (ITN), với phóng viên Christopher Wain. Trong số các phóng viên báo in có Fox Butterfield của The New York Times. Có ít nhất ba nhiếp ảnh gia khác : một đối thủ của UPI, cũng là người Việt như Nick ; David Burnett, cộng tác viên của Life ; và Alexander Shimkin, cựu tình nguyện viên Peace Corps chuyển sang làm tự do. Ba nhà báo Anh, trong đó có William Shawcross của The Sunday Times, đến một cách tình cờ : chương ngại vật trên đường đã làm gián đoạn kế hoạch đi tham quan Tòa Thánh của họ.

Thiếu tá Cường, người đã thông báo tin tức tối hôm trước và thu hút nhiều nhà báo từ Sài Gòn, đang đứng trên cầu. «Tôi quyết định không sử dụng không kích ngày hôm qua,» vị thiếu tá nói với Fox Butterfield. «Nhiều binh sĩ yêu cầu tôi dùng không quân, nhưng dân làng phản đối. Một cuộc không kích và cả làng sẽ biến mất.» Ông ta cho rằng quân chính phủ đã đẩy lùi Việt Cộng, trong ngày đầu và thứ hai của cuộc chiến, từ chợ ra rìa phía đông thị trấn, gần đền.

Mục tiêu trong ngày thứ ba của cuộc chiến là đẩy Việt Cộng vào rìa rừng, và do đó ra khỏi thị trấn, để mở lại đường quốc lộ. Kế hoạch ngày hôm đó là mở một cuộc tấn công mặt đất với hỗ trợ không quân. Không cần phải nói, quân chính phủ sẽ không muốn đối đầu ngay cả với một đơn vị nhỏ của Cộng sản nếu không có hỗ trợ như vậy.

Hai hoặc ba lần sáng hôm đó, máy bay Nam Việt Nam thực hiện các đợt ném bom. Đó chủ yếu là các máy bay A-1E Skyraider lỗi thời, chạy bằng cánh quạt, bay thấp, mà Mỹ đã chuyển giao cho Nam Việt Nam từ sớm để huấn luyện cho các nhiệm vụ chiến đấu. Các đợt tấn công diễn ra theo cặp. Máy bay đầu tiên sẽ thả bom nổ mạnh nhằm phá nắp hầm hoặc đường hầm ; máy bay thứ hai sẽ rải napalm, để đốt cháy hoặc làm ngạt thở bất kỳ ai còn sống. Một vài lần sáng hôm đó, trực thăng vũ trang bay vào bắn vào rìa rừng để đáp trả hỏa lực phòng không. Các cuộc tấn công mặt đất diễn ra theo sau là những đợt ném bom : binh lính chính phủ di chuyển thành hàng dài, uốn lượn như những con sâu bướm qua những cánh đồng cỏ cao ngang thắt lưng. Nick chụp được những hình ảnh máy bay tiếp cận. Anh ghi lại cảnh binh lính nằm bò trên bụng nhắm bắn súng phóng lựu và khẩu đại liên, cùng những người lính vội vã đưa thương binh ra ngoài trên cáng. Đó là những

hình ảnh anh đã ghi lại hàng trăm lần trước đây.

Đám đông tại chốt chặn đường, nhiều người trong số họ đã bị kẹt ở đó ba ngày, giống như khán giả tại một hội chợ nhà nước. Mỗi khi nghe tiếng máy bay tiếp cận, họ đứng dậy, bị cuốn vào những vụ nổ và đám cháy cách đó nửa dặm. Trong những khoảng lặng, các bà mẹ và chị lớn bận rộn bắt chấy trên đầu những đứa nhỏ. Như thể những khoảng lặng là giờ giải lao, một cậu bé bán kem từ chiếc xe đạp của mình cho dòng xe cộ ùn tắc. Một số người trong đám đông, ngồi xỏm dưới bóng râm của xe, nhấm nháp chuối hoặc thưởng thức phần thịt ngọt dính của những quả vú sữa cuối mùa.

Đám đông tập trung trong nhà phụ đã trải qua buổi sáng thứ ba của cuộc chiến với những khoảnh khắc khi thì ồn ào chói tai và kinh hoàng, khi thì im lặng đến chết người và yên tĩnh. Không khí nồng nặc mùi thuốc nổ. Họ chỉ nhìn thấy những gì có thể quan sát được từ nhà phụ, qua các cửa sổ và cửa ra vào ở ba phía của tòa nhà. Họ nghe tiếng vo ve của máy bay, tiếng quạt trực thăng, tiếng nổ của đạn pháo, tiếng súng máy liên thanh. Những quả bom rơi gần khuôn viên đèn đến mức cành cây, thân cây, những mảng tường và mái nhà của những ngôi nhà gần đó rơi vào hàng rào, hoặc va vào tường và mái của nhà phụ.

Hai hoặc ba lần sáng hôm đó, không có cảnh báo, thế giới bên ngoài cửa sổ biến thành một màu đỏ rực. Khi thực tế trở lại tầm nhìn, lửa bùng lên giữa không trung, băng qua ngọn cây ; thậm chí mặt đất cũng ướt đẫm lửa. «Lửa đang rơi từ trời xuống !» dân làng kêu lên.

Một người lính giải thích về bom napalm : «Khi bạn nhìn thấy lửa, quả bom đã rơi xuống rồi.»

Trong những khoảng lặng im ắng, đôi khi đám đông bắt gặp hình ảnh những người lính Bắc Việt mặc đồng phục kéo đồng đội bị thương đến nơi an toàn. Đó là lần đầu tiên nhiều người nhìn thấy «lính từ Hà Nội.» Được trấn an bởi sự hiện diện của binh lính chính phủ để bảo vệ họ, họ cũng đồng ý rằng thật không thể tưởng tượng được rằng cả Cộng sản lẫn chính phủ sẽ tấn công một nơi linh thiêng.

Vào cuối buổi sáng hôm đó, các nhà báo nhận thấy bầu trời đang tối sầm lại. Những đám mây tạo thành một tấm chắn thấp. Cơn mưa chiều điển hình của những tháng mùa hè ẩm ướt nhất bắt đầu. Các nhiếp ảnh gia và quay phim truyền hình che thiết bị của họ bằng áo mưa quân đội, mua ở chợ Sài Gòn. Các nhiếp ảnh gia nhìn quanh xem có ai định về sớm không : mây che phủ có nghĩa là các cuộc không kích sẽ tạm dừng và do đó, các cuộc tấn công mặt đất cũng vậy.

«Anh nghĩ bức ảnh của ngày hôm nay là gì ?»

Họ so sánh ghi chép : những người tị nạn trên đường, người dân chạy khỏi thị trấn. Những nhà báo khác đến muộn hơn sáng hôm đó đã chạy vào hiện trường một cuộc đấu súng ở một làng phía đông Trảng Bàng.

«Có lẽ tôi sẽ về sớm hôm nay.»

«Mấy giờ ?»

Một số nói một giờ, số khác nói muộn nhất là hai giờ. Cuộc trò chuyện chuyển sang chủ đề nên đi đâu vào ngày mai để chụp ảnh.

Út lấy từ túi máy ảnh bữa trưa của mình gồm phô mai Pháp và bánh mì sandwich. Anh quyết định rời đi bất cứ lúc nào trước ba giờ vẫn có thể coi là sớm, nhưng anh sẽ cố gắng về lúc hai giờ vì dòng người tị nạn đông đúc. Một giờ trôi qua mà mây vẫn che phủ. Một số đồng nghiệp của anh đã rời đi, cho rằng Cộng sản và Việt Cộng cũng sẽ lợi dụng thời tiết để rút lui và rời khỏi thị trấn. Mưa vẫn tiếp tục. Một người lính bắt đầu rửa xe jeep của mình, mức nước từ con suối.

Những đứa trẻ trong nhà phụ, được tiếp thêm năng lượng nhờ thức ăn trong bụng, đang chạy xung quanh. Trong ba ngày qua, Phúc đã nhận đứa con thứ hai của dì

Anh làm em nuôi. Danh, cậu bé ba tuổi bụ bẫm, là đứa cháu mà cô yêu quý nhất.

Bỗng nhiên có sự náo động khi một con chim đen bay vào tòa nhà. Danh đuổi theo, chộp lấy nó giữa không trung.

Những giọng nói người lớn vang lên đầy lo lắng. «Đừng chạm vào nó ! Thả nó ra !»

«Danh ! Thả nó ra !» Phúc gọi cậu bé.

Cậu bé thả con chim nhưng buồn bã vì mất đồ chơi. Ngay cả khi con chim đã bay ra ngoài, những người lớn vẫn lắc đầu : «Chim bay vào nhà là điềm xui.»

Có lẽ một giờ hoặc hơn sau khi bắt đầu, mưa tạnh. Gió bắt đầu quét sạch những đám mây. Đây đó, ánh nắng chói chang xuyên qua bầu trời vẫn bị vẫn đục bởi khói đen từ những vụ ném bom và đám cháy buổi sáng. Một chiếc máy bay trinh sát nhỏ lượn trên bầu trời phía đông bắc bắt đầu tiếp cận. Hạ thấp phía trên hàng cây sau ngôi đền, nó bắn hai quả rocket phốt pho phun khói trắng khi va chạm. Ngay lập tức, một số binh lính chính phủ chạy ra từ một tòa nhà xây bằng gạch, vốn là lăng mộ của hai vị trưởng làng, bên ngoài cổng đền. Một số lao vào khuôn viên đền và ném lựu đạn khói màu tím

và màu mù tạt. Khói không màu từ máy bay trinh sát đánh dấu vị trí kẻ thù ; khói màu từ mặt đất xác định vị trí tiền đồn của quân Nam Việt Nam. Khoảng cách giữa hai vị trí đối lập có thể lên tới một trăm năm mươi thước. Việc gì xảy ra tiếp theo phụ thuộc vào các phi công thực hiện nhiệm vụ ném bom.

Những người lính trong nhà phụ đột nhiên trở nên hoạt bát. Một số đang chửi thề. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa họ, dường như về ý nghĩa của đám khói. Đột nhiên, họ quay sang những người dân làng đang bối rối: «Đi ra ngoài ! Mọi người đi ra ngoài ! Họ sẽ phá hủy tất cả !»

Tùng tập hợp các con và cháu của mình, hướng dẫn tất cả chạy về «căn cứ Mỹ.» Ông cho những đứa nhỏ nhất và già nhất chạy ra trước. Bà ngoại Thảo và dì Anh, bế đứa con chín tháng tuổi, cùng hai đứa con khác, bao gồm Danh ba tuổi, nằm trong nhóm chạy đầu tiên. Tiếp theo, ông cho những đứa trẻ ở độ tuổi trung bình chạy ra, bao gồm Phúc và hai anh trai của cô. Sau đó là những anh chị lớn nhất. Một số người lính hoảng loạn đã chạy ra cùng với những người dân làng đầu tiên. Những người còn lại ở phía sau quát tháo những người đi chậm, cố gắng thúc giục họ. «Chạy đi ! Chạy nhanh lên, không thì chết !» Trong số những người cuối cùng

rời đi là Tùng, ôm đứa con nhỏ nhất chạy ra, và Nữ. Cô dừng lại để bế con gái của Loan, đứa bé quá sợ hãi không dám chạy tiếp, đã dừng lại giữa đường.

Ba mươi đến bốn mươi binh lính và dân thường tạo thành một hàng ngũ không đồng đều từ nhà phụ, qua bên hông và mặt trước của ngôi đền, qua cổng chính và lên Đường số 1. Cách họ xuất hiện từ trên cao qua ống kính của một bầu trời bản thủ, một phần đang quang đãng, là điều gây tranh cãi.

Nick nhìn đồng hồ. Đã quá một giờ. Tôi có bức ảnh này rồi, anh tự nhủ, đứng yên khi một chiếc Skyraider của Nam Việt Nam tiếp cận. Đổi ý, anh vội vã ra khỏi bờ đê và lên đường. Tôi sẽ chụp thêm vài kiểu nữa, anh nghĩ, rồi tôi sẽ về nhà.

Nhanh chóng, rõ ràng là chiếc máy bay đã lệch hướng so với đám khói trắng và đã bay vào vị trí của quân chính phủ. Sau khi nhầm lẫn trong thao tác cơ bản nhất đó, thay vì hủy bỏ lượt tấn công, phi công lao xuống và thả hai quả bom. Không có tiếng nổ ; bom xẹt. Fox Butterfield hét lên đầy ghê tởm và tức giận : «Phi công này điên rồi ! Tôi qua hấn uống rượu à ?!»

Một lúc sau, chiếc Skyraider thứ hai tiếp cận với mục tiêu còn lệch hơn chiếc đầu tiên, đường bay thẳng về phía cây cầu trên xa lộ. Nó lao xuống theo kiểu xoắn ốc, một thao tác thường dùng khi bị bắn. «Chết tiệt !» Butterfield, không thể tin được rằng phi công thứ hai sẽ thả bom, nằm sấp xuống đất, cùng với một số người khác ở cầu, cả lính lẫn nhà báo.

Nick không rời khỏi đường. Anh giữ ống kính máy ảnh hướng về phía trước. Dinh, người quay phim NBC, tiếp tục quay. Cùng với anh, do thiết bị được kết nối với máy quay, là người phụ trách âm thanh, một nhân viên tự do người Việt được thuê trong ngày. Chiếc máy bay hạ thấp đến mức bất kỳ ai trên đường cũng có thể nhìn rõ dấu hiệu nhận dạng của Nam Việt Nam, những sọc đỏ trên nền vàng. Có một «quy tắc ứng xử» không thành văn khác mà người Mỹ đã thiết lập từ sớm trong chiến tranh : không được bắn vào người Việt Nam không vũ trang trừ khi họ đang chạy. Bất kỳ ai đang chạy đều có thể bị coi là Việt Cộng chạy trốn, và do đó là mục tiêu hợp lệ. Dù Nick và đồng nghiệp sợ hãi đến mức nào trước việc phi công sắp làm, họ vẫn tuân thủ quy tắc cơ bản khi tác nghiệp trong một cuộc ném bom : đứng yên, và ngẩng mặt nhìn phi công.

Chương Bốn

Khi những quả bom từ máy bay skyraider rơi xuống, Nick nhanh chóng hạ ống kính. Trong đầu, anh đã định hình khung hình : những bóng người mặc đồng phục in bật trên con đường ở tiền cảnh, và hai ngọn tháp của ngôi đền nổi bật giữa bầu trời rộng làm hậu cảnh. Anh có thời gian. Bom cứng rơi nặng nề xuống đất, nhưng những thùng napalm nhẹ hơn lộn nhào trong không trung trước khi chạm đất.

Khi va chạm, napalm bùng cháy dữ dội, bắn tung tóe khắp xa lộ và những cánh đồng hai bên. Ngọn lửa bốc cao. Những sắc màu vàng nghệ, đỏ máu, lửa và hoàng hôn tràn ngập khung ngắm. «Trời ơi ! Đẹp quá !» Trong khoảnh khắc đó, Nick tiếc vì mình chỉ chụp được ảnh đen trắng chứ không phải màu.

Dù cách xa hàng trăm mét, cơn sóng nhiệt vẫn như một cánh cửa lò gạch khổng lồ vừa mở ra. Lửa cuộn trào từ ngọn cây. Khói đen dày đặc cuộn cuộn bốc lên trời. Dần dần, khi tro tàn mịt bay xuống, khung cảnh chìm trong sắc xám. Mái đền tối màu của hai ngọn tháp hiện lên như ảo ảnh phía sau con đường và những cánh đồng đã bị san phẳng.

Những tiếng hét và la thẳng thốt vang lên.

«Chúa ơi ! Người ta bị ném bom rồi !» Ai đó hét lên. Đó là Shimkin, nhân viên Hòa bình đoàn từng ghi lại các vi phạm nhân quyền. Anh là người đầu tiên lao tới. Các nhà báo khác đuổi theo, một số ôm chặt những ống kính tele. Một người trong số họ, Christopher Wain của ITN, gọi đồng đội lại. «Khoan đã, mọi người. Còn một máy bay nữa kia kìa. Chúng ta không muốn thành thống kê đâu.» Ngay khi anh nói, chiếc máy bay thứ ba đang lượn trên khu vực cũng rời đi.

Những hình ảnh đầu tiên hiện ra, in bật trên nền khói như nét vẽ nguệch ngoạc của trẻ con trên tấm kính bẩn, là nhóm phụ nữ và trẻ em cùng một chú chó nhỏ màu đen. Một cậu bé bé em trên hông ; hai bé gái ôm chặt bao tải. Ánh mắt trống rỗng và hoảng loạn giống hệt nhau giữa người và vật, như thể họ không hiểu mình đang chạy trốn cái gì, hay chạy về đâu. Họ đón nhận một sự tiếp đón kỳ lạ-những nhà báo và binh lính mặc đồng phục giống nhau, một số chĩa những ống kính dài mà từ xa, trông chẳng khác gì nòng súng.

Hai người lạc đàn xuất hiện. Một phụ nữ đi trước, ở mép trái đường ; người thứ hai bên phải, theo thói quen tránh xe cộ. Khuôn mặt người đầu tiên in hằn nỗi đau thương tột độ. Bà bế một đứa bé, mặt và đầu lem luốc

đen, hướng ra ngoài. Đứa bé tỉnh táo, thậm chí đáng yêu, khi nó nhún nhảy theo từng bước chạy vội của mẹ.

«Chúa ơi...» Tiếng thét kinh hoàng đồng loạt vang lên, và mọi ánh mắt đổ dồn về người phụ nữ loạng choạng trên đường.

Một bà lão, khuôn mặt méo mó vì đau đớn, vật lộn tiến lên với thân hình đen cháy của một đứa trẻ không mảnh vải che thân trong tay. Chiếc quần thùng thình đập vào mắt cá, và mỗi bước chạy nặng nề khiến những mảng da cháy xém từ từ chi đứa bé bong ra.

«Người ơi ! Chạy đi đâu như vậy nè trời ? Chạy đi đâu như vậy nè trời ?»

Tiếng Việt của bà lão khiến hầu hết phóng viên không hiểu. Bà như đang nói với đứa bé trong tay, trong những khoảnh khắc cuối đời của nó.

Allan Downes, người quay phim cùng Wain, quay sang anh. «Tôi không thể quay cảnh này», anh nói. «London sẽ không dùng đâu.»

«Đề London tự lo !» Wain hét lên, xoay vai Downes mạnh mẽ để anh tiếp tục theo dõi người phụ nữ khi bà đi qua.

Các nhiếp ảnh gia báo chí biết đây sẽ là bức ảnh của ngày. Họ bấm máy liên tục đến khi hết phim. Ngay lúc đó, họ đã nghĩ đến khâu biên tập, tìm ra khung hình phân định giữa sự sống và cái chết. Người sống truyền tải nỗi kinh hoàng chiến tranh tốt hơn ; người chết chẳng còn biểu cảm.

Phúc, vốn không chạy nhanh, đã tụt lại sau hai anh em một vài bước. Khi lên đến xa lộ, cô nghe tiếng gầm rú của một chiếc máy bay bay thấp, và tò mò quay đầu nhìn. Cô chưa bao giờ thấy máy bay gần đến thế. Không dừng bước, cô nhìn nó thả bốn quả bom trước khi biến mất.

Từ lúc rời nhà phụ, bé đưa con nhỏ trên ngực, dì Anh đã lo lắng cho cậu bé Danh. Trong khi con gái bảy tuổi chạy nhanh phía trước, cậu bé ba tuổi đã nhanh chóng đuổi sức. Dì Anh thở phào khi một người lính chạy ngang bế thẳng bé lên.

Những người dân chạy khỏi nhà phụ tưởng rằng khói tím và khói mù tạt trong khuôn viên đền là mục tiêu ném bom, và một khi ra khỏi cổng chính, họ nghĩ mình đã an toàn. Những người lính ở trạm chỉ huy trong tòa nhà gạch vàng hiểu rõ hơn, vì chính họ đã bật khói màu để đánh dấu vị trí của mình và những người trú ẩn trong nhà phụ. Sau khi chiếc máy bay đầu tiên ném bom lệch

mục tiêu, chỉ huy Nam Việt Nam tại đây gấp rút liên lạc qua radio, cố gắng ngăn đợt ném bom thứ hai.

Một tiếng nổ chát chúa vang lên. Đứa bé của dì Anh bị văng khỏi tay, và bà quy xuống. Theo bản năng, bà ôm lấy chân trái. Những ngón tay ngay lập tức dính chặt vào nhau vì chạm phải cục napalm đang cháy. Người lính bé Danh trúng đòn napalm trực tiếp, khiến anh thiêu rụi và đứa trẻ bị bỏng nặng. Bà ngoại Thảo tìm thấy thi thể cháy đen của cháu trai và bế nó đi xa hơn. Một người đàn ông tên Đạo, vẫn mặc đồ trắng để hành lễ Cao Đài, thấy dì Anh ngã gục. Anh nhìn thấy đứa bé nằm sấp trên đường và hét lên trong phẫn nộ : «Họ ném bom trẻ con và em bé !» Anh nhờ một người phụ nữ đưa đứa bé đến nơi an toàn, rồi quay lại vùng lửa đang lan rộng và khói cuộn mù mịt.

Phúc bị một lực mạnh từ phía sau hất văng xuống đất. Kỳ lạ, cô không thấy sợ, chỉ tò mò, giống như phản ứng khi cô quay đầu nghe tiếng máy bay và nhìn nó thả bom. Cô chỉ tỉnh táo khi lửa bùng lên bao phủ mình. Nỗi sợ ập đến. Cô không biết mình đã đứng dậy, giật cổ áo đang cháy - như một phản xạ khi quá nóng - và những mảnh vải còn lại rơi xuống. Ký ức đầu tiên về ngọn lửa là hình ảnh lửa liếm lên cánh tay trái, nơi có một cục chất lỏng màu nâu đen ghê rợn. Cô cố gạt nó

đi, chỉ để hét lên vì đau đớn khi vết bỏng lan sang lòng bàn tay còn lại.

Trong khoảnh khắc đó, Phúc biết mình đã chạm vào da thịt bị cháy.

Cô bé bị trúng đạn napalm vào phần thân trên, phía bên trái. Lửa thiêu rụi bím tóc, làm bỏng cổ, gần như toàn bộ lưng và cánh tay trái. Như một linh hồn thoát xác, Phúc nhìn thấy chính mình bị bỏng và cảm thấy thương xót. Cô nghe thấy người khác nói về mình : «Ôi, cô bé tội nghiệp bị thương kìa, nhìn cô ấy xấu xí quá.»

Cô chỉ tỉnh lại khi nghe thấy giọng anh trai Tâm vang lên xuyên qua làn khói. Nhìn thấy anh và đứa em trai đang chạy phía trước, cô nhận ra mình phải theo họ, phải tiếp tục chạy. Cô cố gắng, nhưng một sự mệt mỏi cùng cực ập đến, và khi cơn nóng như thiêu đốt từ bên trong dâng lên, cô cảm thấy khát đến tuyệt vọng.

Tùng và Nữ, vừa ngỡ ngàng khi thấy mình còn sống, lo lắng cho các con phía trước. Lạc lối trong lửa và khói, họ nghe thấy tiếng kêu kinh hoàng của Phúc nhưng không thể tìm thấy cô. Họ nhìn thấy hai anh em của cô, rồi cuối cùng là Phúc loạng choạng như sắp ngã. Tùng tê liệt vì sợ hãi. Nữ cố đặt đứa cháu gái xuống, nhưng cô bé hoảng loạn bám chặt lấy bà. Nữ nhìn thấy Đào,

người mặc đồ trắng, và hét lên : «Con tôi ! Cứu con tôi với !» Sau đó, một bức tường lửa bùng lên buộc bà và Tùng phải lùi lại. Hình ảnh cuối cùng Nữ nhìn thấy về các con là Tâm đang kéo Phúc để giúp cô đứng vững. Giọng nói của Phúc vang vọng trong tâm trí bà : «Má ơi, nóng quá, nóng quá !»

Đã vài phút trôi qua kể từ khi người phụ nữ lớn tuổi bế đứa trẻ bị bỏng xuất hiện, và mọi máy quay đều ghi lại cảnh kinh hoàng đó. Nhiều phóng viên có cùng suy nghĩ : một ngày tưởng chừng không có gì đáng tin đã mang đến một bức chân dung cận cảnh về chiến tranh. Dù quân đội có giải thích thế nào về vụ ném bom nhằm bằng napalm, họ biết rõ một điều : trong mọi cuộc chiến, luôn có những thương vong «do phe mình», khi một bên vô tình giết chết binh lính hoặc dân thường của chính họ - hầu hết phóng viên ở đó đã từng bị hỏa lực phe mình bắn nhầm. Nhưng hiếm khi nạn nhân lại xuất hiện trước mặt, trong khi các phóng viên, như khán giả, đang chờ đợi điều gì đó xảy ra. Một số nhiếp ảnh gia, sau khi chụp những kiểu cuối cùng về người phụ nữ và đứa trẻ, bắt đầu cuộn phim và lắp cuộn mới. Máy Leica và Nikon thời đó rất khó tính, nếu không cuộn và lắp phim cẩn thận, chúng dễ bị kẹt. Những phóng viên khác đã nghĩ đến việc nhanh chóng trở về Sài Gòn. Không ai nghĩ rằng có thể có người khác bước ra từ biển lửa.

«... nóng quá, nóng quá !» Tiếng kêu của một đứa trẻ xé tan sự tĩnh lặng.

Trong số những người lính và phóng viên nghe thấy tiếng kêu đó, có lẽ chỉ người Việt mới hiểu : «... quá nóng, quá nóng !» Những người chạy về phía trước bao gồm Dinh của NBC cùng người phụ âm thanh, và Nick. Nick với lấy chiếc máy ảnh cuối cùng trong số bốn chiếc mang theo. Việc luôn giữ sẵn một máy ảnh đã lắp phim là thói quen của anh ; anh không bao giờ muốn phải hối tiếc vì bỏ lỡ một bức ảnh tuyệt vời chỉ vì hết phim.

Một nhóm trẻ em chạy ra. Một cô bé dắt tay một cậu bé nhỏ. Một đứa khác, khoảng bốn hoặc năm tuổi, vừa chạy vừa ngoái đầu nhìn lại phía sau. Đứa lớn nhất là một cậu bé khoảng mười hai tuổi mặc áo trắng và quần đen. Cậu chửi thề : «Đụ mẹ máy bay thả bom !» Khi nhìn thấy những người lính, cậu chuyển từ câu chửi «Đồ máy bay thả bom định giết em tao !» sang lời cầu xin : «Em tao cháy ! Cứu em tao với !»

Một cô bé hét lên, chạy ra trong tình trạng không mảnh vải che thân, hai tay buông thõng.

Christopher Wain, phóng viên của ITN, đưa tay ra để cô bé dừng lại. Nhìn từ phía sau, vết bỏng của cô rõ ràng. Cơ thể cô tỏa ra hơi nóng, những mảng da hồng và đen đang bong tróc. Nick tiến lên, lặp lại lời cầu xin nước của cô bằng tiếng Anh. Ai đó đưa bình nước lên môi cô. Những người lính khác bắt đầu đổ nước từ bình của họ lên da thịt vẫn còn cháy của cô. Nick đi lấy một tấm poncho để che đi sự trần trụi của cô bé.

Một người đàn ông cao lớn mặc đồ trắng tiến đến Nick và Dinh. Nhận ra họ là phóng viên và có phương tiện di chuyển, người đàn ông cầu xin họ đưa «con gái» của ông đến bệnh viện. Bệnh viện gần nhất là ở Củ Chi, trên đường về Sài Gòn.

Nick, run rẩy vì những gì vừa chứng kiến, bàn bạc với Dinh xem ai trong hai người sẽ đưa cô bé đi. Ai cũng đang vội về Sài Gòn. Ai cũng có hạn nộp bài riêng. Nick phải lo đối thủ từ UPI. Đội của NBC phải về kịp để phóng viên thu âm lời bình cho bản tin, sau đó gửi cả phim thô và bản thu ra sân bay Tân Sơn Nhất để kịp chuyến bay thường lệ hàng ngày, cuối cùng sẽ đến New York.

Họ quyết định Nick sẽ đưa cô bé đi. Khi anh dẫn cô đến xe tải của AP, người đàn ông mặc đồ trắng đưa thêm một nạn nhân khác. Khác với cô bé, người phụ nữ này

không thể đi mà không có người hỗ trợ. Nick cảm thấy bị giằng xé giữa việc làm điều nhân đạo, giúp đỡ cả hai, và việc chuyên nghiệp với công việc, nhanh chóng trở về Sài Gòn. Thời gian đang trở nên nguy hiểm. Trên đường sẽ có dân tị nạn làm chậm xe, thời gian bị mất khi dừng lại ở bệnh viện. Nick nhận ra, càng về muộn, anh không chỉ đặt mạng sống của mình mà cả tài xế vào nguy hiểm, nếu chẳng may họ phải đi đường vào lúc trời tối, giờ cao điểm của Việt Cộng.

Đám đông ở cầu đã tan. Những người dân cuối cùng thoát ra từ vụ ném bom đi lên đường, trong khi lính chăm sóc thương binh của họ và phóng viên tranh thủ gửi tin. Một người dừng lại an ủi Shimkin, đang quỳ gối khóc. «Đề tôi yên», anh nói. (Một tháng sau, khi làm cộng tác viên cho Newsweek, Shimkin sẽ thiệt mạng vì một quả lựu đạn sau khi anh và đồng nghiệp nhầm lẫn vượt qua phòng tuyến Cộng sản khi đưa tin về các trận đánh vẫn tiếp diễn ở cao nguyên trung phần.)

Ở một cánh đồng gần đường, Christopher Wain của ITN đang thực hiện một phóng sự đứng. Không có thời gian để hiểu hết bị kịch buổi chiều đó, anh kết thúc bài đứng của mình bằng câu : «... Một trong những món quà lưu niệm bán chạy nhất ở Sài Gòn là chiếc bật lửa Zippo khắc chữ. Như một dòng chữ khắc nói : ‘Xin lỗi

về điều đó !'»

Một trong những phóng viên cuối cùng rời đi là Fox Butterfield. Vẫn choáng váng trước hàng loạt sai lầm quân sự của không quân Nam Việt Nam trong một trận đánh nhỏ, anh muốn tìm hiểu xem họ đã giết bao nhiêu lính của chính mình. Khi đám cháy đã tạm lắng, anh tiến vào khu vực bị ném bom.

Một người lính, thấy người nước ngoài, hét lên «Không quân Nam Việt Nam số 10 !» mượn tiếng lính đánh số của lính Mỹ, trong đó số 10 là tồi tệ nhất. Ngồi trên xe và tòa nhà gần đó, cùng hai xe bọc thép đậu trên cánh đồng, bị bao phủ bởi lớp keo napalm đông cứng màu nâu và những sợi trắng xám. Lính vội xé quần áo bị cháy và giật ủng của đồng đội bị thương. Trong số họ có cả dân thường, bao gồm cha mẹ đi tìm con. Những chiếc jeep quân đội đầu tiên xuất hiện để chở xác và thương binh. Quân đội từ chối chở dân thường bị thương. Một cảnh sát đi ngang qua bằng jeep, nhưng cũng phớt lờ lời cầu xin của dân làng đưa người bị thương đến bệnh viện. Anh ta nói không thể làm gì nếu không có lệnh của cấp trên.

Chuyến đi về Sài Gòn dọc theo quốc lộ 1 với hai nạn nhân bị bỏng đầy căng thẳng. Ngay cả luồng không khí từ cửa sổ mở cũng không thể xua tan mùi thịt cháy kinh

hoàng. Tài xế phải né những người tị nạn, khiến chuyến đi trở nên xóc nảy. Mỗi lần cô bé bị thương kêu lên, Nick lại thúc giục tài xế đi nhanh, rồi quay lại an ủi cô: «Chúng ta sẽ đến bệnh viện sớm thôi.»

Khoảng bốn mươi lăm phút sau, xe tải dừng trước Bệnh viện Bạch Hà ở Củ Chi. «Làm ơn, giúp họ», Nick nói với y tá đang ngạc nhiên khi anh và tài xế để lại hai nạn nhân. «Xin lỗi, chúng tôi không thể ở lại, phải đi ngay.»

Trời đã tối. Ánh đèn le lói từ các cửa sổ. May mắn là sau Củ Chi, đường vắng người tị nạn và xe chạy nhanh hơn về Sài Gòn. Nick nghĩ về những cuộn phim của mình. Anh cầu nguyện Đức Phật : Làm ơn, cho những bức ảnh của con được rõ nét, đừng để đo sáng quá hay thiếu. Kể từ khi rời Trảng Bàng, anh không ngừng đổ mồ hôi. Trong đầu anh vang lên tiếng napalm, napalm. Đồng tử giãn nở khiến anh nhìn mọi thứ trong một quang sáng đỏ. Để trấn an mình, anh tự nhủ : Nếu không được, mình sẽ nói, xui xẻo thôi.

Một người đàn ông Nhật lớn tuổi, điều thuốc ngâm trên môi, đứng dưới cột đèn đường ở Sài Gòn. Đó là Jackson, kỹ thuật viên phòng tối của AP. Thấy xe tải AP đổ bên lề đường, ông vứt tàn thuốc xuống đất.

«Nicky, hôm nay có gì không ?»

«Phim của tôi hôm nay rất quan trọng.»

Họ lên lầu và Jackson biến vào phòng tối. Nick đi tới đi lui để lấy lại bình tĩnh.

Mười phút sau, Jackson mang ra vài cuộn phim âm bản để sấy. Vài phút sau, ông đặt chúng lên bàn đèn.

Nick đến bên cạnh. Anh thở phào nhẹ nhõm. «Hôm nay tôi có những bức ảnh napalm rất tốt.»

«Ở đâu ?»

Người kỹ thuật viên di chuyển một chiếc kính lúp trên các dải phim.

«Ôi trời ơi...» Anh ta ngược lên với vẻ kinh hãi. «Nicky, chuyện gì đã xảy ra vậy ?»

Thời hạn mà các kỹ thuật viên phải tuân thủ là giờ đặt trước mỗi tối với Đài Phát thanh Sài Gòn, khi văn phòng chi nhánh sẽ chuyển các bức ảnh qua sóng radio đến văn phòng AP tại Tokyo. Từ Tokyo, chúng được gửi bằng vệ tinh đến New York. Những bức ảnh gửi từ Sài Gòn vào đầu buổi tối sẽ xuất hiện trên các tờ báo ở Mỹ vào ngày hôm sau. Công việc trong ngày chỉ hoàn tất khi Tokyo xác nhận rằng các bức ảnh đã được

nhận. Vào một đêm trời quang đãng không có nhiều sóng, một bức ảnh có thể được truyền đi chỉ trong vòng mười một hoặc mười hai phút. Thường thì mất nhiều thời gian hơn, hoặc phải gửi lại.

Vì công việc chỉ bận rộn vào cuối ngày, mọi người thường dùng bữa trưa muộn và kéo dài. Hầu hết về nhà trong giờ nghỉ trưa, đôi khi để ngủ trưa. Khi Nick trở về từ Trảng Bàng, chỉ có Jackson ở lại. Hôm đó, Faas đã đi ăn trưa với phóng viên Peter Arnett, một phóng viên kỳ cựu khác tại Việt Nam và từng đoạt giải Pulitzer cho các tác phẩm của mình ở đây, người mà trụ sở chính của AP cũng cử đến để tăng cường đưa tin về Cuộc Tấn công Mùa Phục Sinh. Hai người ở tại nơi quen thuộc của họ, nhà hàng tại Khách sạn Royale, phục vụ ẩm thực Corse. Những ngày đầu của chiến tranh, hai người thường gặp các nguồn tin nhạy cảm trong quân đội Mỹ tại một bàn ăn được che khuất sau những tấm màn Trung Quốc.

Về danh nghĩa, biên tập viên ảnh trực ngày hôm đó là Carl Robinson. Tuy nhiên, anh ta nhường quyền quyết định cho Faas. Trụ sở chính không mấy hài lòng với kết quả làm việc gần đây của chi nhánh Sài Gòn, đó là lý do Faas được cử đến. Một phần trách nhiệm không được nói ra phải thuộc về Robinson và sự thiếu kinh nghiệm của anh ta. Hơn nữa, Robinson, một nhân viên tuyển

tại Sài Gòn, có được công việc này là nhờ Faas. Là con trai của một mục sư Methodist, Robinson đến Việt Nam năm hai mươi tuổi để làm việc như một cán bộ phát triển cộng đồng cho cơ quan viện trợ Mỹ USAID. Tràn đầy nhiệt huyết tuổi trẻ khi bắt đầu, năm năm sau, nản lòng trước thảm họa của Cuộc Tấn công Tết, anh ta bỏ việc. Anh gặp Faas tại một quán bar ở Sài Gòn và bày tỏ sự vỡ mộng với chính sách của Mỹ đối với Việt Nam. Anh không có ý định trở về sống ở Mỹ, và đã đính hôn với một phụ nữ Việt Nam có gia đình ở Sài Gòn. Faas thuê anh ngay lập tức.

Robinson trở về sau bữa trưa và thấy Jackson đã bắt đầu biên tập các bức ảnh trong ngày. Để tiết kiệm thời gian, việc biên tập được thực hiện từ các bản âm thay vì các bản in liên lạc. Biên tập viên xác định các lựa chọn ban đầu bằng cách đục lỗ ở các khung hình đó ở mép. Bằng cách này, ngay cả trong phòng tối, kỹ thuật viên cũng có thể cảm nhận được khung hình nào cần được rửa. Những khung này sau đó sẽ được rửa thành các bản in 5 x 7, từ đó lựa chọn cuối cùng sẽ được thực hiện.

Robinson hoặc Jackson chỉ cho người kia khung hình đáng chú ý của cô bé, chạy trần truồng vào ống kính. Jackson nhận xét rằng chắc chắn không có tờ báo nào ở Nhật Bản sẽ đăng nó. Hai người không cần thảo luận về

việc liệu đó có phải là một bức ảnh có thể sử dụng hay không ; chính sách của AP rất rõ ràng : không có ảnh khỏa thân phía trước.

Cùng nhau, họ xem xét các bản in. Robinson ấn tượng với chuỗi ảnh : từ máy bay thả bom napalm đến vụ nổ và những người dân làng xuất hiện trong hậu quả. Anh và Jackson đồng ý về hai hoặc ba bức nên được gửi đi.

Faas, trở về sau bữa trưa, bắt đầu biên tập lại-một thủ tục thông thường của AP. Robinson và Jackson đứng bên cạnh anh tại bàn ánh sáng. Một trong hai người chỉ vào khung hình trên một trong các dải phim âm bản của cô bé khỏa thân. Vì nó không bị đục lỗ, nên không có bản in. «Có bức này», một người nói, «nhưng chúng ta không thể sử dụng nó.»

Faas xem xét khung hình. «Chết tiệt !» anh thốt lên. Anh tự tay in bản âm. Cẩn thận, anh điều chỉnh một mảnh giấy giữa máy phóng và giấy ảnh, để cân bằng độ tương phản cao được tạo ra bởi ánh sáng cận nhiệt đới chói chang.

Không khí trong văn phòng, thay đổi bởi sự căng thẳng không lời khi đi ngược lại quy định, không còn là thường lệ nữa. Khi bản in hoàn tất, nhiệm vụ soạn chú thích thuộc về Robinson. Anh bắt đầu đánh máy : «Lực

lượng Nam Việt Nam theo sau những đứa trẻ hoảng sợ chạy xuống Quốc lộ 1, gần Trảng Bàng, Nam Việt Nam, ngày 8 tháng 6, sau một cuộc tấn công bằng bom napalm nhằm mục tiêu. Cô bé ở giữa đã xé bỏ quần áo đang cháy. Cô bị bỏng ở lưng. Quả bom lửa được thả từ một máy bay Skyraider của Nam Việt Nam.» Xong, anh kéo tờ giấy có keo ra khỏi máy đánh chữ, cắt gọn, liếm mặt sau và dán nó vào dưới bản in.

Ai đó trong văn phòng nhận xét rằng bóng đổ trên cơ thể cô bé tạo ra vẻ như có lông mu ở nơi không có. Faas gọi một kỹ thuật viên, bảo anh ta mang hộp màu trắng và xám của mình đến. Kỹ thuật viên bắt tay vào việc, và khi hoàn thành, mọi người khen ngợi sự khéo léo của anh và cười lớn. Một người đưa tin rời đi với bức ảnh đến Đài Phát thanh Sài Gòn.

Như thường lệ vào đầu buổi tối, các phóng viên từ các tổ chức tin tức khác ghé vào văn phòng AP. Fox Butterfield đến để xem những bức ảnh AP đã truyền đi sẽ đi kèm với bài viết của anh, tập trung vào hiệu quả quân sự của sai lầm đối với tinh thần chiến đấu của binh lính Nam Việt Nam. Chỉ một ngày trước đó, máy bay Nam Việt Nam đã ném bom nhằm vào chính lính dù của họ ở Mỹ Chánh, phía bắc Huế, giết chết chín người và làm bị thương hai mươi một người. Butterfield hài

lòng rằng AP đã gửi đi một bức ảnh bom napalm nổ trên xa lộ. Anh thấy rằng họ cũng đã gửi đi một bức ảnh của cô bé, nhưng không thấy cần phải sửa lại bài viết để đề cập đến cô.

Nhiếp ảnh gia của tạp chí Life, David Burnett, cũng ghé qua. Anh có thỏa thuận với AP để «rửa» phim của mình, nghĩa là kỹ thuật viên ở đó sẽ phát triển nó thành các dải âm bản mà anh có thể tự biên tập sau đó. Burnett nhìn thấy bức ảnh của cô bé. «Chắc chắn vượt xa bất cứ thứ gì tôi có», anh nói. Burnett đang nạp lại phim khi nhóm trẻ em cuối cùng chạy ra. Anh sẽ luôn nhớ lời khen của Faas dành cho Nick khi trả lời : «Hôm nay cậu đã làm tốt, Út.»

Tối hôm đó, Faas ở lại. Anh đã chuẩn bị tinh thần để «làm âm lên» nếu bàn biên tập ở New York loại bỏ bức ảnh. Anh không cần phải làm vậy.

Đêm ngày 8 tháng 6 buồn bã bao trùm Trảng Bàng. Chỉ huy Nam Việt Nam duy trì vị trí của binh lính và yêu cầu dân làng di chuyển đến một cánh đồng gần đó. Khi những ngọn lửa cuối cùng từ bom napalm tắt, Tùng và Nữ đã có thể kiểm tra tất cả các con của họ trừ Phúc. Đào, người hàng xóm mặc đồ trắng, kể cho họ nghe chuyện đã xảy ra, rằng các nhà báo sẽ đưa cô và Di Anh đến bệnh viện ở Củ Chi, trên đường về Sài Gòn.

Trong cánh đồng lầy lội, những người sống và người chết trong gia đình chờ đợi ánh sáng của buổi sáng. Thi thể Danh được cuộn trong chiếu tre, để chôn cất vào sáng hôm sau. Anh ta đã chết trong vòng một giờ sau cuộc tấn công. Con của Dì Anh khóc thút thít ; nó sẽ chết vì vết thương sáu tuần sau đó.

Không ai khác bị bỏng ngoại trừ Tâm, và vết bỏng của anh chỉ là nông. Napalm dính vào quần áo và anh chỉ bị bỏng gián tiếp. Vết thương của anh sẽ lành trong vòng một tháng.

Cái chết của hai con của Dì Anh là những cái chết dân sự duy nhất được biết đến trong cuộc tấn công bằng bom napalm. Nhiều năm sau, các báo cáo báo chí sẽ liên tục mắc sai lầm khi nói rằng Phúc đã mất hai anh trai trong vụ tấn công đó.

Khi đêm kéo dài, Nữ tin chắc rằng thi thể Phúc nằm trong nhà xác ở đâu đó. Tùng nhắc lại câu nói của nông dân : «Viên đạn có thể tránh bạn, nhưng bạn không thể tránh viên đạn.» Tuy nhiên, anh cố gắng an ủi vợ đang khóc bằng cách nhắc đến sự nhân từ của số phận : «Nếu đó là bất kỳ quả bom nào khác ngoài bom lửa», anh nói, «chúng ta đã chết hết rồi.» Hai vợ chồng chờ đợi ngày hôm sau đến, khi họ có thể đi tìm Phúc, và hoặc là thăm cô trong bệnh viện hoặc, như Nữ tin, mang thi thể cô về

nhà để chôn cất.

Ngày 9 tháng 6, bức ảnh của AP về cô bé chạy trốn khỏi cuộc tấn công bằng bom napalm ở Nam Việt Nam được các biên tập viên báo chí trên khắp thế giới chọn và in trên trang nhất của họ. Bức ảnh, cho thấy cô bé chạy thẳng vào ống kính, sẽ là hình ảnh duy nhất từ góc đó. Các đoạn phim của NBC và ITN phát sóng trên chương trình tin tức truyền hình của họ chỉ cho thấy cô bé chạy ngang từ một góc bên. Cả người quay phim và phóng viên của NBC đều tin rằng họ có cảnh quay đó, nhưng biên tập viên ở Hồng Kông - nơi phim thô được gửi đến để biên tập thành một bản tin trước khi gửi đến New York - đã loại bỏ những khung hình đó vì sự khỏa thân phía trước. Theo thông lệ thời đó, các cảnh quay không sử dụng bị loại bỏ thay vì lưu trữ.

Một số người trong giới báo chí Sài Gòn chúc mừng Nick về bức ảnh của anh và dự đoán sự nổi tiếng. Họ đã đúng : bức ảnh sẽ giành được mọi giải thưởng nhiếp ảnh quốc tế lớn trong năm đó, bao gồm cả Pulitzer. Nick khiêm tốn trả lời những dự đoán của đồng nghiệp : «Tôi chỉ quan tâm đến việc hoàn thành công việc và hỗ trợ mẹ tôi.»

Sáng ngày 9 tháng 6 diễn ra ở Trảng Bàng với không khí buồn bã. Binh lính mở một đường vòng quanh xa lộ bị cháy. Họ bắt đầu dọn dẹp đồng đồ nát từ các tòa nhà bị hư hại do đạn cối tại chợ. Mái của trường trung học gần đó đã bị phá hủy. Trong số các ngôi nhà ở Trảng Bàng, cứ ba nhà thì có một nhà bị hư hại nặng, chủ yếu gần ngôi đền.

Tùng và Nữ đi qua ngôi đền đầy vết tích chiến tranh, với những bức tường bị cháy xém và lỗ chỗ vết đạn, phủ đầy napalm đã đông cứng. Lối đi vẫn còn ướt ở nhiều chỗ do nước từ những cây bị đứt rễ chảy ra, ngổn ngang những mảnh đạn cối. Những trận bom đã làm lộ ra một mạng lưới đường hầm do Việt Cộng đào.

Hầu như mọi ngôi nhà đều chịu một số thiệt hại. Một số, như nhà ông ngoại Kiệm và dì Anh, không bị hư hại nặng và có thể sửa chữa được. Xa hơn dọc theo lối đi, nơi từng có một ngôi nhà tranh vách đất ngay trước nhà Tùng và Nữ, giờ chỉ còn một hố bom lớn. Nhiều năm sau đó, vào mỗi mùa mưa, hố bom này sẽ đầy nước, đủ sâu để có thể chết đuối.

Tùng và Nữ thấy ngôi nhà của họ, dù bị hư hại nặng, vẫn đứng vững. Càng đến gần, mùi tử khí bốc lên từ cảnh tượng gạch ngói vỡ nát, cây cối đứt gãy và đất đai nổ tung càng trở nên nồng nặc. Nữ phải lấy khăn

che mũi. Họ chỉ dừng lại ở cổng. Âm thanh duy nhất là tiếng ruồi vo ve. Nữ nhìn thấy xác thối rữa của hai con thiên nga của mình trước hiên nhà và nghĩ rằng cô sẽ nhớ tiếng kêu chói tai của chúng, cùng cách chúng mổ vào người lạ đến gần.

Hai người bắt đầu hành trình tìm Phúc. Họ hòa vào dòng người tị nạn mệt mỏi trên xa lộ. Khi đến Củ Chi vài giờ sau đó, họ không thu được kết quả gì ở bệnh viện địa phương. Nhân viên ở đó khẳng định họ chưa nhận bất kỳ đứa trẻ hay người phụ nữ nào bị bỏng do napalm trùng với mô tả về con gái họ và di Anh, đồng thời cho biết bệnh viện không có đủ trang thiết bị và nhân lực để điều trị cho các nạn nhân bỏng nặng như vậy. Họ khuyên hai vợ chồng nên thử đến bệnh viện lớn nhất Sài Gòn, Chợ Rẫy.

Lúc đó, ngày đã nhường chỗ cho đêm và cho Việt Cộng. Tùng và Nữ qua đêm trên hiên nhà của một người lạ ở Củ Chi.

Chiều ngày 9 tháng 6, một người mẹ đến một dãy nhà nhỏ thuộc Bệnh viện Nhi Đồng 1 Sài Gòn để thực hiện nghi thức hàng ngày bên giường bệnh của con trai đang hấp hối. Cậu bé bị bỏng nặng do pháo nổ tìm thấy sau lễ Tết, đang bất tỉnh. Người mẹ nhận thấy có một cô bé cũng bị bỏng nặng nằm cạnh.

Căn phòng nhỏ ngột ngạt dù cửa chớp đã mở. Người phụ nữ đi từ giường này sang giường kia, quạt cho từng đứa trẻ, đuổi ruồi khỏi mặt chúng.

Cô bé lúc tỉnh lúc mê.

«Danh ơi !» cô bé kêu lên. «Danh, chờ em với ! Em đi cùng anh !»

Tôi đó, người phụ nữ mang hoa quả đến chùa cầu nguyện Đức Phật, mong gia đình cô bé sẽ đến tiền đưa trẻ đang hấp hối.

Ngày 10 tháng 6, Tùng và Nữ tiếp tục đi bộ đến Sài Gòn. Tại Bệnh viện Chợ Rẫy, họ lại một lần nữa không tìm thấy gì và được khuyên đến Bệnh viện Nhi Đồng 1. Trời đã tối. Hai vợ chồng qua đêm thứ hai ngoài trời, lần này trên một chiếc ghế đá. Ngày 11 tháng 6, họ đi khắp thành phố đến bệnh viện thứ ba trong ba ngày liên tiếp, và nhận được câu trả lời tương tự rằng con gái họ không được nhập viện. Những nạn nhân bỏng do chiến tranh hiếm khi xuất hiện ở Sài Gòn ; thường thì họ đã chết trước khi đến được bệnh viện gần nhất.

Trước khi chấp nhận thất bại và bắt đầu tìm kiếm ở các nhà xác trong thành phố, Tùng và Nữ quyết định tự mình khám phá bệnh viện cuối cùng này. Tòa nhà

tám tầng có nhiều dãy phòng. Từng tầng, từng hành lang, từng phòng, họ lần tìm giữa đám đông người thân đang tắm rửa, thay băng, cho bệnh nhân ăn. Trong tuyệt vọng, họ lật những tấm drap giường bỏ đi, nhìn dưới đồng giày dép bên ngoài mỗi phòng, như thể con gái họ, không được chăm sóc, có thể bị bỏ lại đó. Sau vài giờ, họ trở lại tầng trệt.

Họ ngồi xuống, kiệt sức.

Một người lao công đi ngang qua. Ông đặt xô nước xuống và bắt đầu lau sàn, đi từ đầu này sang đầu kia của khu tiếp tân rộng lớn. Khi xong việc, ông lau dọc hành lang.

Tùng tiến đến gần người lao công. «Xin lỗi, ông có thấy một cô bé bị bỏng rất nặng được đưa đến đây không ? Có lẽ là ba ngày trước... Có thể cô bé đã không qua khỏi ?»

Người lao công dựng cây lau vào xô và ra hiệu cho Tùng và Nữ đi theo ông ra một hành lang bên ngoài. Ở đó, ông chỉ vào một dãy nhà nhỏ với cửa chớp lớn và tường ván lâu ngày bong tróc, bạc màu vì nắng. «Căn phòng đó», ông nói, «dành cho những đứa trẻ sắp chết.»

Hai ngày sau vụ tấn công, AP cử Peter Arnett cùng Nick Út đến Trảng Bàng để viết bài tiếp theo về ý nghĩa quân sự của cuộc đụng độ với Cộng sản tại đó.

Biên tập viên ảnh Carl Robinson là người đề xuất nhiệm vụ tìm kiếm cô gái. Ông mong muốn thoát khỏi mảng ảnh để viết những câu chuyện bị bỏ qua giữa bối cảnh tập trung vào phương trình quân sự của chiến tranh. Bài viết của ông trên bản tin ngày 10 tháng 6 xác định cô bé là Phan Thị Kim Phúc, 9 tuổi, đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 Sài Gòn.

Cùng ngày, hai phóng viên nước ngoài hợp lực truy tìm cô : Christopher Wain từ ITN và Michael Blakey, phóng viên truyền hình từ BBC. Cả hai đều được phân công tạm thời tại Việt Nam để đưa tin về Chiến dịch Mùa Hè.

Với sự giúp đỡ của đại sứ quán Anh, họ đã tìm ra cô bé vào ngày hôm sau tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 và dẫn nhà nhỏ đó. Giống như cậu bé nằm cạnh, cô bé có vẻ như bất tỉnh hoặc đang dùng thuốc an thần mạnh. Một người phụ nữ ngồi quạt cho cô.

Các phóng viên lập tức đi tìm y tá. Họ chất vấn : «Chuyện gì sẽ xảy ra với cô bé trong đó ?»

«Ồ, cô bé sẽ chết, có lẽ ngày mai, hoặc ngày kia.»

Sau vài cuộc điện thoại, hai người biết đến một phòng khám tư nhân của Mỹ nằm trong khuôn viên Bệnh viện Chợ Rẫy, gọi là đơn vị Barsky. Họ gọi đến đại sứ quán Mỹ. Một viên chức ở đó nói rằng đại sứ quán không phản đối việc chuyển cô bé, miễn là Bộ Ngoại giao Nam Việt Nam đồng ý.

Viên chức Bộ Ngoại giao tỏ ra do dự. «Nếu việc này được thực hiện», ông ta nói với hai nhà báo, «nó sẽ làm chính phủ Nam Việt Nam mang tiếng xấu.»

Wain không thể tin được. «Cả thế giới vừa chứng kiến không quân Nam Việt Nam ném bom vào chính người dân của họ, và việc này sẽ làm tình hình tồi tệ hơn cho các ông ?!»

Ông chờ đợi, nhưng không có câu trả lời. «Vậy, quyết định cuối cùng của ông là không ?» Ông rút ra một con dao Bowie, kỷ vật vũ khí Việt Nam. «Đây ! Sao ông không làm một việc tốt, đến bệnh viện và cắt cổ cô bé luôn đi !»

Sau một khoảng lặng dài, viên chức nhượng bộ, nói nhỏ : «Được rồi.» Vài ngày sau, các phóng viên sẽ có mặt tại Barsky, xin phép quay hình cô bé ở đó.

Tại căn cứ không quân Biên Hòa, cách Sài Gòn 15 dặm về phía bắc, Đại úy John Plummer dừng lại trên đường vào nhà ăn để lấy tờ Stars and Stripes, tờ báo quân đội dành cho lính Mỹ ở nước ngoài. Ông muốn kiểm tra tỉ số bóng chày ở quê nhà.

Ba tháng trước, quân đội đã cắt ngắn kỳ nghỉ phép của Plummer tại Alabama. Chiến dịch Mùa Hè bùng nổ, và Plummer, trong nhiệm kỳ thứ hai tại Việt Nam, được điều đến Biên Hòa. Nhiệm vụ của ông là phối hợp hỗ trợ không quân dưới sự chỉ huy chung của quân đội Mỹ và Nam Việt Nam, cho khu vực quân sự trải dài từ cuối Đồng bằng sông Cửu Long đến các tỉnh phía tây và bắc Sài Gòn, giáp biên giới Campuchia. Công việc chính của Plummer là lập kế hoạch cho 24 giờ tiếp theo của các cuộc không kích B-52 dành cho khu vực của ông. Dựa trên thông tin được chuyển tiếp, ông sẽ xác định khu vực mục tiêu sơ bộ của 10 đến 12 cuộc tấn công, chiếm khoảng một nửa tổng số cuộc tấn công phản công mỗi ngày, bằng cách đánh dấu các «ô hủy diệt» rộng một dặm vuông rưỡi trên bản đồ. Trước giờ tấn công dự kiến tối đa năm tiếng, ông sẽ được chỉ thị điều chỉnh các cuộc tấn công từ khu vực mục tiêu sơ bộ sang các mục tiêu ưu tiên. Ông cũng phối hợp trung bình 130 cuộc không kích của không quân Mỹ và 60 cuộc không kích của không quân Nam Việt Nam mỗi

ngày. Phần lớn đã được lên kế hoạch trước, một số ít là các cuộc gọi «Tac-E». Đây là những yêu cầu từ lực lượng mặt đất xin hỗ trợ không quân khẩn cấp chiến thuật, hay nói cách khác, các cuộc không kích tầm thấp. Thông thường, lính mặt đất đã đụng độ trực tiếp với địch hoặc có nguy cơ bị bao vây. Máy bay phù hợp cho các cuộc tấn công như vậy luôn sẵn sàng tại Biên Hòa.

Kể từ khi trở lại, Plummer làm việc 18 đến 20 giờ mỗi ngày. Thường thì không có thời gian về doanh trại cách đó sáu dặm, ông phải ngủ trong hầm tại căn cứ không quân. Tuy nhiên, ông thích về doanh trại hơn. Ở đó, ông có thể uống bourbon giá rẻ. Ông có thể uống nhiều mà không say, và vẫn có thể viện cớ rằng mình đã uống rượu nên cần nghỉ ngơi thêm giữa các ca làm việc. Ca làm việc kết thúc với cảnh Plummer vật người xuống giường và thầm nghĩ : «Lại thêm một ngày giết Việt Cộng.»

Giờ đây, Plummer ngồi xuống với khay thức ăn và mở tờ báo. «*Quả bom đặt nhảm chỗ... Và hơi thở của địa ngục*» cùng «*Tại sao lại là Trảng Bàng ? Nó chặn đường !*» là những tiêu đề phía trên bài viết của phóng viên AP Peter Arnett. Bên dưới là ba bức ảnh : một quả bom nổ giữa con đường ; một cô bé chạy trốn trong hoảng loạn, không mảnh vải che thân ; và những đứa

trẻ, trong đó có cô bé, đang được lính cứu giúp.

Plummer ghen ghét vì cà phê. Anh chửi thề : «Thằng khốn nạn dối trá ! Hắn nói dối tao !»

Cuộc gọi «Tac-E» mà Plummer xử lý từ Trảng Bàng chỉ là một yêu cầu thông thường. Anh nhớ rất rõ giọng nói của cô vấn vang lên từ radio : «Chúng tôi đang bị chặn đứng bởi lực lượng địch ở Trảng Bàng.»

«Mục tiêu của anh là gì ?»

Theo cô vấn, kẻ địch đã đào hào ở rìa thị trấn. Plummer sau đó đóng vai trò trung gian giữa cô vấn và bộ chỉ huy không quân, điều phối máy bay từ Biên Hòa. Chỉ trong vài phút, những chiếc máy bay của không quân Nam Việt Nam chất đầy bom nổ và bom napalm đã trên đường đến Trảng Bàng.

Phần còn lại của cuộc gọi cũng thường lệ, như Plummer nhớ lại. «Tình hình đồng minh của anh thế nào ?» anh hỏi.

Anh biết có thể có sự nhầm lẫn. Trong nhiệm vụ đầu tiên làm chỉ huy, đơn vị của anh đã đáp trả những gì họ nghĩ là hỏa lực địch sau một cuộc không kích do cô vấn Mỹ cùng đơn vị Nam Việt Nam yêu cầu, chỉ để nghe cô vấn hét lên qua radio : «Dừng lại ! Các anh đang bắn

vào chúng tôi !» Đơn vị của Plummer làm bị thương 20 người của cô vẫn.

Cô vẫn trả lời rằng «đồng minh» đã được sơ tán. Plummer yêu cầu xác nhận ; đó là thói quen của anh mỗi khi người ở mặt đất không yêu cầu anh phân bổ máy bay quan sát hoặc máy bay tiền phương để đánh dấu vị trí địch và mục tiêu. «Không vấn đề gì», cô vẫn xác nhận.

Plummer nhớ lại rằng cô vẫn quay lại radio vài phút sau để nói lời cảm ơn. «Những quả bom trúng mục tiêu - cảm ơn rất nhiều. Chúng tôi sẽ tiến vào ngay.»

Một người lính khác ngồi cùng Plummer trong nhà ăn. Plummer đưa anh ta xem tờ báo. «Tôi đã yêu cầu cuộc không kích đó», anh nói, chỉ vào tiêu đề và những bức ảnh.

«Tệ quá, anh bạn», người lính lắc đầu. «Tệ quá.»

Tùng và Nữ chuẩn bị tinh thần cho những gì họ sẽ thấy sau cánh cửa của căn nhà phụ. Con gái họ nằm co quắp trên giường. Một mảng màu nâu xám dính vào mái tóc cháy xém, khuôn mặt sưng tấy, và những miếng băng trên vết thương bốc mùi nhiễm trùng, dính đầy da chết và cháy đen. Trên chiếc giường bên cạnh là một

cậu bé, những vết bỏng của cậu đầy giòi bọ.

Nữ ôm con gái vào lòng, đựng đưa và khóc trong im lặng, những giọt nước mắt của một người mẹ.

Sau một khoảng thời gian dài tưởng chừng như vô tận, người phụ nữ ngồi cuối giường bên cạnh lên tiếng.
«Danh là ai vậy ?»

Nữ ngạc nhiên. «Ồ, cậu ấy đã chết một giờ sau khi bị thương.»

Qua làn sương mờ, Phúc chỉ nghĩ được một điều khi nghe tin về số phận của người anh họ : « ... chết có lẽ còn hơn.»

Cả Tùng và Nữ, khi nghe thấy tiếng động yếu ớt phát ra từ con gái, nhận ra rằng cô bé vẫn tỉnh táo, đã nhận ra giọng nói của mẹ.

Họ lập tức đi tìm vị bác sĩ duy nhất họ gặp trong lần tìm kiếm trước đó ở bệnh viện. Họ bám lấy áo ông - hành động cuối cùng của những người cha mẹ tuyệt vọng. Một ánh mắt nhận ra lóe lên giữa hai người đàn ông, và sau này họ sẽ nhớ lại rằng họ từng là sinh viên cùng nhau ở Sài Gòn. Tùng van nài : «Làm ơn, con gái chúng tôi đang bị bỏ mặc để chết.» Hai mươi phút sau, một chiếc xe cứu thương đã đậu trước cửa.

Các tòa nhà công cộng ở Sài Gòn được thiết kế để chống chọi với cái nóng ngột ngạt : hành lang và cầu thang mở ra ngoài trời ; cửa sổ lớn, có cửa chớp. Trong số những tòa nhà của Chợ Rẫy có một tòa nhà khiêm tốn hai tầng. Được xây bằng vật liệu Mỹ theo tiêu chuẩn Mỹ, nó được bịt kín để lắp điều hòa trung tâm và không có cửa sổ ở tầng trệt để ngăn chặn lựu đạn của khủng bố.

Hình ảnh ngọn lửa vĩnh cửu đại diện cho «Tổ chức Cứu trợ Y tế Trẻ em Quốc tế», một tổ chức từ thiện có trụ sở tại New York nhằm giúp đỡ trẻ em nạn nhân chiến tranh ở Việt Nam. Tổ chức này là sáng kiến của bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ tiên phong người Mỹ Arthur Barsky và một luật sư trẻ tên Thomas Miller. Năm 1968, tổ chức mở Trung tâm Phẫu thuật Tạo hình Quốc gia 54 giường tại Sài Gòn, thường được gọi là đơn vị Barsky, và một Trung tâm Hồi sức 120 giường ở phía bên kia thành phố, nơi bệnh nhân đến trước và sau phẫu thuật. Bệnh nhân không phải trả tiền ; kinh phí hoạt động đến từ chính phủ Mỹ và Nam Việt Nam.

Bác sĩ Barsky lần đầu nổi tiếng vào năm 1958 khi đưa 75 nạn nhân bị biến dạng do bom nguyên tử thả xuống Hiroshima đến một bệnh viện ở New York để phẫu thuật. Dự án đó khiến ông tin rằng tốt hơn nên

mang dịch vụ đến cho nạn nhân, và mời các bác sĩ, y tá giỏi nhất từ nước ngoài đến làm việc. Nam Việt Nam có ít cơ sở y tế hiện đại và thiếu hụt nghiêm trọng bác sĩ, y tá công, tình trạng càng tồi tệ hơn do mức lương cố định thấp và lạm phát thời chiến. (Nhân viên y tế chỉ dành đủ thời gian ở bệnh viện để nhận lương, dành thời gian còn lại để kiếm tiền nhanh bằng cách khác, như mua bán thuốc lá không đóng thuế.) Năm 1972, Việt Nam có một bác sĩ do chính phủ trả lương cho 40.000 dân ; so với Mỹ là một bác sĩ cho 600 người. Đất nước hầu như không có chuyên gia. Năm 1972, chỉ có một bác sĩ gây mê được đào tạo bài bản cho dân thường ở miền Nam. Dĩ nhiên, chỉ người giàu mới đủ khả năng phẫu thuật thẩm mỹ, thường phải ra nước ngoài và trả tiền tự nhân.

Chính sách nhận bệnh của Barsky là chọn ứng viên cho một ca phẫu thuật tạo hình duy nhất ; phẫu thuật tiếp theo vượt quá khả năng của họ. Danh sách chờ lên đến 370 người. Mỗi tuần một lần, các bác sĩ từ Barsky tổ chức mười phòng khám luân phiên-một ở Sài Gòn, chín ở các tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi chiến tranh. Ngay từ đầu, việc phân định đã khó khăn. Ai là nạn nhân chiến tranh hợp lệ hơn : Đứa trẻ bị trúng đạn tốc độ cao vào mặt hay đứa trẻ dẫm phải bẫy mìn tự chế ? Đứa trẻ bị dị tật bẩm sinh do suy dinh dưỡng ở một đất nước bị ném bom và rải chất độc, hay đứa trẻ bị

bỏng do nổ bếp dầu hỏa chạy bằng nhiên liệu máy bay Mỹ bị đánh cắp ? Không được phẫu thuật, mỗi đứa trẻ sẽ có một cuộc đời ngắn ngủi.

Vào chiều ngày 11 tháng 6, y tá trưởng trực là một phụ nữ xinh đẹp tên Liên Hương. Khi xe cứu thương chở một bé gái bị bỏng nặng cùng cha mẹ đến, cô gọi cho quản lý bệnh viện, Joyce Horn, một người Mỹ. Ban đầu, bà có ý định chuyển xe cứu thương đến bệnh viện khác ở Sài Gòn. Đây chỉ là lần thứ hai trong lịch sử Barsky có xe cứu thương đến mà không báo trước. Lần trước, Barsky đã từ chối nhưng cử một y tá đến chăm sóc đứa trẻ hàng ngày như một hành động nhân đạo. Horn thấy nạn nhân này là «vết bỏng mới» - dưới 72 giờ. Khả năng sống sót của nạn nhân bỏng như vậy rất thấp, và nếu Barsky nhận, Horn biết rằng do cần chăm sóc y tế đặc biệt, Barsky sẽ phải từ chối nhiều bệnh nhân khác, nguồn lực bị kéo căng đến giới hạn.

Y tá Hương trở nên kích động khi nghĩ đến việc từ chối bé gái. «Đừng đuổi cô bé đi !» cô van nài Horn. «Nếu làm vậy, cô bé sẽ chết !» Không có bệnh viện nào trong cả nước, kể cả Barsky, có đơn vị bỏng vô trùng để xử lý những ca như vậy. Các bệnh viện ở Việt Nam chỉ điều trị nạn nhân bỏng đã qua giai đoạn nguy hiểm.

Y tá chạy đi tìm bác sĩ trực. Chiều hôm đó, là bác sĩ Mỹ, một trong năm bác sĩ Việt Nam làm việc tại Barsky. Có lẽ đặc biệt vì làm trong một ngành do nam giới thống trị, bác sĩ Mỹ tự hào về việc tuân thủ quy tắc và tránh mọi thứ «gây ồn ào», cách người Việt gọi việc gây rắc rối.

Bác sĩ Mỹ đi kiểm tra. Cô bé trên cang tam bọ đang khóc. «Con bé đang đau đớn !» Bác sĩ Mỹ thốt lên. Với nỗi đau và cú sốc do bỏng, bà khó tin rằng cô bé vẫn tỉnh táo. «Chúng tôi sẽ cố gắng giúp con gái chị», bà nói với đôi vợ chồng đau khổ.

Thật may vì có bác sĩ Mỹ, quản lý bệnh viện tự nhủ khi cho đưa cô bé vào một trong hai phòng mổ của đơn vị, những căn phòng vô trùng duy nhất trong tòa nhà.

Khi nỗ lực chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam suy yếu, những nỗi kinh hoàng của chiến tranh dần phai mờ trong tâm trí công chúng. Ngân sách chính phủ cho các dự án xã hội và y tế ở Việt Nam cạn kiệt. Cuối năm 1971, chính phủ bắt đầu cắt giảm dần các khoản tài trợ trong hai năm. Để gây quỹ duy trì Barsky, tổ chức phải nhấn mạnh triết lý phi chính trị. Và đơn vị nỗ lực thể hiện sứ mệnh y tế, giữ trẻ em tránh xa chính trị và chính trị không can thiệp vào công việc hàng ngày. Người quản lý ở đây kiên quyết không cho phép nhân viên Cục Tình

báo Trung ương thăm vấn trẻ em. Như một bác sĩ đã nói một thập kỷ sau đó, «Chúng tôi biết rõ mình đang chăm sóc con cái của Việt Cộng, nhưng không ai nghĩ đến việc nói, ‘Các em không được đến đây vì thuộc phe đối lập.’»

Tổ chức mẹ của Barsky ở New York cuối cùng cũng chấp nhận sự cần thiết của việc đưa hình ảnh con người vào nỗi đau để giúp thúc đẩy sứ mệnh của mình. Đầu năm 1972, họ cho phép một đoàn làm phim quay phim tài liệu tại Barsky. Bộ phim *The Gooks* của Pierre Gaiseau, đồng sản xuất bởi tổ chức và Đài Phát thanh Canada, đã miêu tả chân thực một số nạn nhân : một bé gái bảy tuổi bị mù do mảnh rocket ; hai anh em mồ côi ba và bốn tuổi, một em bị hoại tử mắt, em kia mất một mắt và một bên má để lộ lưỡi và cổ họng ; bàn tay bồng của một em bé bảy tháng tuổi biến thành những khối mô sẹo ; một em tám tuổi bị liệt do viên đạn máy bay.

Ngày 15 tháng 6 năm 1972, bốn ngày sau khi Kim Phúc được nhập viện tại Barsky, tổ chức công khai ủng hộ tuyên bố của Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ William Proxmire, Chủ tịch Tiểu ban Phân bổ Ngân sách Đối ngoại của Thượng viện. Ông tuyên bố ủng hộ khoản ngân sách 550.000 đô la để xây dựng bệnh viện Barsky thứ hai tại Việt Nam, bên cạnh 160.000 đô la đã được

phân bổ trong năm để vận hành bệnh viện hiện có. Một phần tuyên bố của ông viết :

«Tuần trước, trên trang nhất của hầu hết các tờ báo, tôi đã thấy một trong những bức ảnh đau lòng nhất từ chiến tranh Việt Nam. Một cô bé đã xé bỏ quần áo bị cháy do bom napalm, chạy trong đau đớn và kinh hãi cùng những đứa trẻ khác. Cánh tay em đang rộng để giảm bớt nỗi đau từ làn da bị bỏng. Cô bé trong bức ảnh đã được đưa đến Trung tâm Phẫu thuật Tạo hình. Tên em, theo báo cáo, là Phan Thị Kim Phúc. Em 9 tuổi. Anh trai em cũng bị bỏng trong vụ ném bom đó đã tử vong. Các bác sĩ tại Trung tâm dự đoán Kim Phúc sẽ hồi phục...

... Kim Phúc không bị bỏng và anh trai em không bị giết bởi máy bay Mỹ. Phi công ném bom của Nam Việt Nam đã thả nhầm bom napalm khi cố gắng đánh bật quân Bắc Việt đóng quanh quê hương em ở Trảng Bàng gần Sài Gòn... Vậy 715.000 đô la là bao nhiêu ? Khoảng 28 lần thả bom 500 pound từ máy bay B-52. Ít hơn một phần mười giá trị ban đầu của một chiếc B-52...

... Đáng tiếc, không chỉ có một Kim Phúc... Là một Thượng nghị sĩ, tôi tin rằng chi phí bằng một phần nhỏ của một máy bay ném bom, vài quả bom là quá nhỏ so với những gì người dân Mỹ có thể chịu để giúp đỡ

những đứa trẻ vô tội này. Khoản bổ sung 715.000 đô la sẽ được bù đắp bởi các khoản cắt giảm viện trợ quân sự.»

Dự luật phân bổ ngân sách này đã không được thông qua.

Theo ý kiến của các bác sĩ phương Tây từng làm việc tại miền Nam Việt Nam đầy chiến tranh khi Barsky mới mở cửa, số trẻ em là nạn nhân chiến tranh cần phẫu thuật tái tạo ít nhất là 100.000. Trong sáu năm hoạt động, cho đến khi đóng cửa sau khi miền Nam đầu hàng năm 1975, Barsky điều trị trung bình 1.200 trẻ em mỗi năm, độ tuổi trung bình là tám. Một trong số đó sẽ trở nên nổi tiếng.

Chương Năm

Napalm, được sử dụng lần đầu trong súng phun lửa thời Thế chiến II, là một vũ khí cực kỳ nguy hiểm khi thả từ máy bay. Quả bom phát nổ và vỡ vụn, chất napalm dạng keo (tên gọi xuất phát từ sự kết hợp của axit naphthenic và axit palmitic) bám chặt vào bất cứ thứ gì nó rơi xuống. Nó cháy ở nhiệt độ 800 đến 1.200 độ C (so với nước sôi ở 100 độ C) và trong thời gian dài. Một lượng napalm đủ lớn sẽ thiêu rụi toàn bộ độ dày của da ; các nang lông, tuyến mồ hôi và đầu dây thần kinh cảm giác biến mất ngay lập tức. Trong trường hợp bỏng độ ba, vùng bị bỏng sẽ đỏ ửng, nhão và rỉ dịch. Nếu napalm tiếp tục cháy sâu hơn, ăn vào mỡ, cơ và các mô sâu khác, vết thương sẽ có mức độ nghiêm trọng như cháy đen độ bốn hoặc năm.

Vết thương do napalm đối với chiến tranh Việt Nam giống như vết thương do lưỡi lê trong Thế chiến thứ nhất. Các bác sĩ không mong đợi phải điều trị nạn nhân bỏng napalm, vì họ có nhiều khả năng tử vong hơn là cần chăm sóc y tế. Khả năng sống sót sau khi bị bỏng từ bất kỳ nguyên nhân nào phụ thuộc vào diện tích cơ thể bị bỏng ; hơn 10 đến 15% được coi là bỏng nặng và gây rối loạn chức năng của tất cả các cơ quan. Những

nạn nhân bị trúng trực tiếp một lượng lớn napalm sẽ bị bỏng ít nhất 25% cơ thể. Một phần ba trong số họ sẽ chết trong vòng nửa giờ do bỏng hoặc ngạt thở. Nhiều người đã tự làm lan napalm khi cố gắng gỡ nó khỏi da hoặc quần áo, hoặc khi cởi bỏ quần áo bị cháy.

Phúc bị bỏng độ ba hoặc nặng hơn trên 30 đến 35% diện tích cơ thể. Những vùng bị bỏng bao gồm gần như toàn bộ lưng, lan sang ngực bên trái, sau gáy và vào chân tóc, cùng toàn bộ cánh tay trái. Các vết bỏng nhẹ hơn do napalm bắn từ quần áo sang cánh tay phải, hông và bụng. Lòng bàn tay phải cũng bị bỏng do chạm vào napalm trên cánh tay kia, và em bị cháy xém má trái cùng cả hai tai. Sống hay chết đối với nạn nhân bỏng nặng phụ thuộc vào việc được đưa đến bệnh viện có đủ trang thiết bị và nhân viên để ổn định tình trạng trong vòng 24 giờ, tối đa 72 giờ.

Tại phòng mổ ở Barsky, ưu tiên cứu sống đầu tiên của bác sĩ Mỹ là giảm đau cho Phúc. Sốc là nguy cơ lớn nhất đối với nạn nhân bỏng, và chỉ riêng cơn đau cũng có thể gây ra sốc. Ngay cả vết bỏng napalm nhỏ nhất cũng cực kỳ đau đớn. Việc tìm tĩnh mạch để truyền máu và dịch cũng khẩn cấp không kém, phải được thực hiện liên tục trong ít nhất một tuần. Mất dịch cơ thể, không chỉ máu và huyết tương mà cả protein (rò rỉ ra ngoài

khi không còn da để giữ lại), cũng có thể gây sốc và suy tạng.

Bác sĩ đã sử dụng máu của Nữ, vì nó phù hợp. Tiếng thì thầm cảm ơn Đạo Cao Đài của cha mẹ khi máu bắt đầu chảy vào người em là một trong những ký ức cuối cùng của Phúc trước khi bất tỉnh. Tùng ở lại thêm một đêm, chỉ có Nữ tiếp tục hành trình. Trước khi đi, một y tá khẳng khẳng rằng bà phải ăn uống để bù lại lượng máu đã hiến. Bà được mời một bữa ăn - một miếng bít tết nếu muốn. Cuối cùng, dù miễn cưỡng, bà nhận một ly sữa, dù đó cũng là thứ đồ ăn bà không quen. Tối hôm đó, khi xuống xe buýt trước ngôi đền Cao Đài ở Trảng Bàng, bà đi vài bước rồi ngất xỉu vì kiệt sức.

Ngày hôm sau, tùng trở về trảng bàng để giúp Nữ dọn dẹp nhà cửa và đất đai - một nhiệm vụ ảm đạm. Họ tìm thấy ba xác Việt Cộng : một ở cửa hầm trong vườn; hai người trong nhà, một trong số đó ở vị trí súng máy, người chỉ huy đã xích mắt cá chân anh ta tại đó để đảm bảo anh chiến đấu đến chết. Tùng và Nữ đợi đến đêm để kéo từng xác đến một góc đất trống của ông ngoại Kiệm và chôn cất. Dù quân Việt Cộng rút đi đã không mang theo đồng đội tử trận, họ đã cố lấy đi chiếc máy khâu chân vịt của Nữ, thứ sẽ vô cùng quý giá trong hoàn cảnh thiếu thốn nơi rừng núi. Có lẽ nó quá nặng ;

Nữ tìm thấy nó gần đó, ở mép đất.

Việc dọn xác động vật thối rữa có thể làm ban ngày. Ba người - Tùng và hai người ông thuê - phải bỏ từng xác lợn vào bao tải thường đựng một trăm ký gạo rồi kéo đi chôn. Không thể tìm thấy tất cả lợn ; một số, như nhiều gà vịt, đã chạy thoát khỏi vườn trong lúc giao tranh. Người dân thị trấn bắt gặp chúng đã bắt giết để lấy thịt. Nữ tìm thấy vài con lợn còn sống, kiệt sức vì mất nước và gần chết.

Lần cuối cùng chào vĩnh biệt những «cựu chiến binh» của mình, cô đã giúp chúng thoát khỏi đau đớn. Âm ảnh bởi sự đau khổ của những con vật, cô thể sẽ không bao giờ nuôi lợn để giết thịt nữa. Những chuồng lợn sẽ bỏ trống và không được sửa chữa trong suốt thời gian cô và Tùng sở hữu ngôi nhà cùng mảnh đất này.

Việc dọn dẹp vườn khỏi những mảnh vữa, mảnh bom và đạn pháo tỏ ra mệt mỏi và nguy hiểm. Mỗi cây ăn quả đều bị hư hại theo cách nào đó : cháy xém, nứt toác, lỗ chỗ vết đạn hoặc bị đứt gốc. Tùng và Nữ lo sợ những nguy hiểm không nhìn thấy, đặc biệt là bom và lựu đạn chưa nổ bị chôn vùi. Nữ không thể tìm được ai trong thị trấn sẵn lòng nhận công việc này. Cuối cùng, cô nhờ một người mà thị trấn coi là «ngốc nghếch». Anh ta dành vài ngày để làm việc mà không gặp sự cố

nào. Lo ngại về việc đất bị nhiễm hóa chất, Tùng và Nữ buộc phải bỏ hoang vườn rau và vườn cây ăn quả. Khu vườn sẽ tự mọc lại ; sau này Nữ thu hoạch được phần ngọn của một số loại rau, nhưng không dám đựng đến các loại củ. Nhiều cây ăn quả tỏ ra kiên cường ; trong vòng một năm, những chồi non đã mọc lên từ thân cây bị đứt. Một số cây sau này sẽ ra hoa và - rất lâu sau khi gia đình rời khỏi ngôi nhà - lại kết trái như xưa.

Nữ và Tùng cọ rửa tường và sàn nhà để loại bỏ những vết máu và nội tạng người bắn tung tóe. Họ dọn dẹp gian nhà, vẫn còn ẩm ướt và nồng nặc mùi máu, khỏi những băng gạc cũ. Họ giữ lại đồ hộp từ Mỹ mà Việt Cộng bỏ lại, có lẽ ban đầu bị trộm hoặc được những người Nam Việt Nam tham những buôn bán riêng cho Cộng sản. Họ chuyển đi một chiếc giường và vài tủ quần áo bị hư hỏng nặng không thể sửa chữa. Gia đình bảo hàng xóm hãy tự do lấy đồ đạc hỏng làm củi đốt. Nhiều tháng sau, Bác Cả vẫn nhặt những mảnh đạn văng trong nhà và xử lý những vết cắt chúng gây ra cho lũ trẻ.

Bên ngoài ngôi nhà là một cảnh tượng đáng buồn, với những lỗ hổng lớn trên mái và các ô cửa trống hoác. Hầu hết cửa đã không còn nguyên vẹn sau khi bị dùng làm nắp đập hầm. Những bức tường bị đạn súng máy xuyên thủng. Trong những tuần sau, cán bộ từ văn phòng tỉnh

Hậu Nghĩa đến Trảng Bàng để đánh giá thiệt hại chiến tranh về tài sản và bồi thường. Theo chương trình này, do người Mỹ khởi xướng và chấm dứt khi họ rời đi, chủ nhà có thể nhận mức bồi thường tối đa tương đương khoảng bốn mươi đô la Mỹ. Tùng nhận được chín mươi tám tôn, mỗi tấm rộng ba feet dài sáu feet, và ba tuần lương thực cho gia đình - tất cả chỉ là một phần nhỏ so với chi phí sửa chữa nhà và những mất mát mà họ phải chịu đựng.

Sau một tuần dọn dẹp, Tùng và Nữ trở lại thăm Phúc. Tuy nhiên, Nữ nhận thấy mình gần như không thể chịu nổi khi đứng trước cửa phòng con gái vì mùi thối chết và thối rữa.

Cha mẹ Phúc gặp một người nước ngoài đang sốt ruột chờ họ. Theo những gì họ hiểu, người này đại diện cho một tổ chức viện trợ nhân đạo muốn đưa con gái họ từ Nam Việt Nam sang Tây Đức để điều trị. Cả Tùng và Nữ đều không nhận ra rằng việc chữa trị tại bệnh viện Barsky có lẽ là tốt nhất có thể ở Việt Nam, hay rằng các y tá sẽ nỗ lực cứu mạng con gái họ. (Nếu đây là một bệnh viện thông thường, người nhà bệnh nhân sẽ phải tự chăm sóc và ở lại để trả tiền thuốc cũng như, nếu cần, hối lộ. Họ chỉ biết rằng cho đến giờ, họ chưa phải trả bất cứ khoản nào, kể cả tiền xe cứu thương.)

Tùng và Nữ đều ám ảnh bởi suy nghĩ rằng con gái họ sẽ chết. Kể từ vụ tấn công bằng bom napalm, lời cầu khẩn duy nhất của họ là hướng về lòng từ bi của Đạo Cao Đài. Tùng đã mở sách cầu nguyện chính thức về «Nghĩ lễ Khẩn cấp» bao gồm tai nạn, bệnh tật và cái chết. Phản ứng của Nữ trước lời đề nghị của người nước ngoài là nếu họ muốn con gái sống, họ nên chấp nhận. Cô lập tức trở về Trảng Bàng để lấy giấy tờ cần thiết, nhưng khi quay lại, cô thấy Tùng kiên quyết phản đối. «Tôi không thể thăm mộ Phúc nếu nó quá xa», ông nói.

Tùng ở lại Sài Gòn, bên giường con gái trong tư thế sẵn sàng đón nhận cái chết. Giường của ông là một chiếc ghế dài trong khuôn viên bệnh viện, ông đánh dấu bằng cách treo khăn mặt và quần áo lên cây gần đó. Nữ chỉ đến thăm vào những ngày thứ Bảy khi Loan có thể thay cô trông cửa hàng mì. Thường thì cô nhờ một thành viên khác trong gia đình hoặc nhờ ai đó trong thị trấn đang lên Sài Gòn mang cho Tùng một giỏ thức ăn nấu sẵn và một gói tiền cho cả tuần.

Phúc vẫn trong tình trạng nguy kịch từ ba mươi đến bốn mươi ngày. Hơn 80% bệnh nhân bị bỏng nặng tử vong do nhiễm trùng hoặc các biến chứng khác trước thời điểm đó. Trong nhiều tuần, mỗi quan tâm chính là

duy trì sức lực của cô khi cơ thể chống chọi với tình trạng suy dinh dưỡng ngày càng nặng (do rò rỉ protein) và loại bỏ độc tố nhiễm trùng từ mô bị cháy lan khắp cơ thể. Nhiễm trùng là mối đe dọa thường trực, và khi không thể kiểm soát, cắt cụt chi là lựa chọn duy nhất.

Việc vệ sinh hàng ngày cho bệnh nhân bỏng gây ra nỗi đau không thể diễn tả bằng lời. Một trong những bác sĩ phẫu thuật tại Barsky, bác sĩ người Mỹ Mark Gorney, mô tả nỗi đau thể xác của quy trình hàng ngày này là dữ dội nhất mà con người biết đến. Theo lời ông, nó gây ra «vết thương cho tâm hồn» và giống như bị «lột da sống».

Tùng buộc mình phải chứng kiến, mỗi lần đều thấy khó khăn hơn lần trước. Vào lúc tám giờ mỗi sáng, bác sĩ đi tuần sẽ khám cho Phúc. Sau đó, các y tá đến đưa cô đến bồn tắm đặc biệt dành cho ca bỏng. Chiếc bồn - thường được dùng tại Barsky để làm mềm và loại bỏ da ghép không thành công và phải làm lại - được đổ đầy dung dịch xà phòng phẫu thuật và nước ấm. Các y tá gỡ băng cũ của Phúc, sau đó dùng vòi hoa sen cầm tay để loại bỏ da và mô chết, nhiễm trùng, dùng kéo nếu cần, trong khi cố gắng lờ đi những tiếng la hét không phải của con người phát ra từ Phúc. Việc loại bỏ mô chết là cần thiết để ngăn ngừa nhiễm trùng và cho phép mô

mới tái tạo. Cuối cùng, họ bôi thuốc kháng sinh tại chỗ và băng mới.

Khi Loan đến thăm, cô ngất xỉu vì tiếng la hét của em gái. Chỉ trong lần đầu tiên Phúc được ngâm trong bồn tắm đặc biệt, khi phải tháo băng đã ba ngày, thuốc gây mê mới được sử dụng. Việc sử dụng lặp lại hàng ngày là không thể. Các loại thuốc giảm đau khác, như Demerol, cuối cùng cũng mất tác dụng ; nổi đau và nổi kinh hoàng phải được chịu đựng. Một y tá cảnh báo nghiêm khắc với Tùng : «Chúng tôi không có đủ y tá để chăm sóc cả khách thăm nữa !»

Nhiều năm sau, khi các y tá Việt Nam nhớ về Phúc, họ sẽ gọi lại hình ảnh người cha ngồi bên giường cô. Hầu hết bệnh nhân tại Barsky đến từ các tỉnh, gia đình họ ở xa. Thường thì một hoặc cả hai cha mẹ đã chết hoặc bị giết bởi chiến tranh, và họ được chăm sóc bởi anh chị em lớn hơn. Trong suốt thời gian nằm viện tại Barsky, nhiều bệnh nhân không có một người thăm nào. Tuy nhiên, ngày này qua ngày khác, Tùng ngồi bên giường Phúc, chăm chú lắng nghe hơi thở của cô. Nếu nghe có vẻ yếu ớt, ông đứng dậy kiểm tra xem cô còn sống không. Tiếng rên rỉ thỉnh thoảng của cô khiến ông hoảng hốt, lo rằng mình đã lơ đãng. Ông ở lại sau giờ thăm bệnh thông thường, đợi đến khi các y tá chuẩn

bị tắt đèn trong phòng bệnh. Nếu họ đi lại gần đó, Tùng sẽ rời đi. Không y tá nào biết rằng ông chỉ lánh ra một chiếc ghế dài ngoài trời ban đêm. Nhưng nếu các y tá bận việc khác, ông trốn dưới giường Phúc. Ông giải thích với Nữ : «Nếu con chết trong đêm, anh sẽ có mặt để đưa con về nhà chôn cất.»

Một ngày, trong tháng thứ ba của sự kiên trì bên giường bệnh, Tùng đứng đó nhìn con gái và thấy điều mà ông chắc chắn là một nỗ lực có chủ ý của cô để mở mắt.

Ông cúi xuống. «Phúc», ông thì thầm, «con có biết ba không ?»

Không có câu trả lời. Ông hỏi lại.

«Biết.»

Chỉ một từ, nhưng sáng hôm sau, Tùng bắt xe buýt về Trảng Bàng. Ông đi thẳng đến cửa hàng mì : «Phúc đã tỉnh lại rồi !» ông nói với Nữ. Cô khóc khi nghe tin linh hồn con gái đã chọn ở lại với thể xác. Tuy nhiên, Nữ cảm thấy bị giằng xé. Sau nhiều tuần tin rằng con gái sẽ chết, cô tự hỏi cuộc sống của cô sẽ ra sao. Nữ cất lời cầu nguyện với Đạo Cao Đài : «Nếu Phúc sẽ xấu xí và dị dạng, tốt hơn là nó chết còn hơn sống. Nếu nó sống

nhưng không bình thường, thì xin Chúa hãy đưa nó đi.»

Phải mất vài ngày trước khi Phúc có thể nói nhiều hơn một từ - ban đầu chỉ là một tiếng «Uống» yếu ớt, và Tùng sẽ đáp lại bằng cách đút nước vào miệng cô bằng thìa. Cuối cùng, Tùng nói ra những lời ông đã giữ trong lòng nhiều tuần : «Phúc, con có sự sống, trước hết là nhờ máu của mẹ con ; và thứ hai, nhờ ba mẹ đã cầu nguyện với Đạo Cao Đài.»

«Thánh Mẫu», Phúc trả lời, gọi tên vị Thánh Mẹ của tôn giáo. Năm 1969, tín đồ Cao Đài ở Trảng Bàng đã xây một ngôi đền «mẹ» để thờ bà. Ngôi đền khiêm tốn này nằm cuối con đường từ các quán ăn uống trên Quốc lộ 19 hướng về Campuchia. Những lời đầu tiên của cô con gái nhỏ sau nhiều tuần giữa ranh giới sống chết được cha mẹ cô coi là dấu hiệu cho thấy cô nhìn thấy con đường sáng của Đạo Cao Đài thậm chí còn rõ ràng hơn họ.

Ba tháng kể từ vụ tấn công vào Trảng Bàng, Nick Út đã dành phần lớn thời gian đưa tin về Chiến dịch Mùa Hè đang suy yếu của Cộng sản. Quân Cộng sản đã kiểm soát các khu vực ở Tây Nguyên đến giữa mùa hè, và các tỉnh cực bắc đến mùa thu. Một ngày, cùng với biên tập viên ảnh Carl Robinson, anh đi dọc theo Quốc lộ 1 và dừng lại tại ngôi đền Cao Đài bên ngoài Trảng

Bàng. Cho rằng họ là phóng viên, một đám đông tụ tập là điều không thể tránh khỏi. Người lớn hỏi han họ về tin tức chiến sự, còn trẻ con thì đòi kẹo, kẹo cao su hoặc bút mực màu. Nick hỏi đường đến nhà của cha Kim Phúc. Anh đưa cho ông Tùng tấm ảnh 8 x 10 inch chụp cảnh con gái ông chạy thoát khỏi vụ tấn công bằng bom napalm.

Nick nói điều anh đến để nói : «Bức ảnh của tôi đã khiến tôi nổi tiếng. Tôi muốn nói lời cảm ơn.»

Ông Tùng, người đã được các nhà báo nước ngoài đến thăm Barsky cho xem bức ảnh này, đưa nó cho bà Nữ. Bà Nữ khóc đến mức tưởng như mình sẽ mù lòa. Họ cất bức ảnh vào ngăn kéo tủ quần áo. Ông Tùng nhận thấy mình có thể kim lòng được mười ngày, có lẽ mười lăm ngày, trước khi lại bị lôi cuốn trở về với hình ảnh đó. Bà Nữ ít khi cảm thấy nhu cầu nhìn lại bức ảnh hơn, nhưng khi bà muốn, bà sẽ nhờ chồng lấy nó ra để ông có thể ngồi bên cạnh khi nước mắt bà tuôn rơi.

Đứa con gái bị thương của họ, bức ảnh, cùng những lý tưởng và nghi lễ của đạo Cao Đài hòa quyện vào nhau, mang lại ý nghĩa đặc biệt cho cuộc sống trần tục của ông Tùng và bà Nữ. Trước vụ tấn công bằng bom napalm, gia đình họ tuy mạnh mẽ nhưng không quá sùng đạo Cao Đài. Họ theo đạo Cao Đài do truyền

thống gia đình, được thừa hưởng từ cha mẹ mình. Trên bàn thờ tổ tiên, họ treo một bức ảnh các vị thánh được tôn thờ trong đạo Cao Đài. Họ tuân thủ các yêu cầu tối thiểu của tôn giáo, cúi lạy trước bàn thờ Cao Đài vào một trong bốn thời điểm nghi lễ mỗi ngày. Ông Tùng, cùng con trai Ngọc và Bác Cả, tất cả đều mặc trang phục trắng tôn giáo, sẽ tụ tập trước bàn thờ gia đình. Đó vừa là nghi lễ, vừa là thú tiêu khiển. Họ sẽ đánh chiêng ba lần, thắp hương, và quỳ lạy. Sau đó, với sự phụ họa của các nhạc cụ gõ, họ sẽ tụng kinh cầu nguyện.

Sau khi Phúc bị thương, dù bận rộn đến đâu, bà Nữ vẫn đến thăm ngôi đền chính hoặc đền mẹ mỗi ngày một lần. Còn ông Tùng thể hiện lòng thành bằng cách ở bên cạnh Phúc tại Sài Gòn. Trừ khi bà Nữ nhận tin rằng ông cần về Trảng Bàng, ông sẽ ở lại đó cho đến khi bà trở về nhà vĩnh viễn, gần mười ba tháng sau. Với cha mẹ Phúc, vết thương của cô đã trở thành dấu mốc cho thấy số phận gia đình họ đã thay đổi. Chính xác như thế nào thì họ vẫn chưa biết. Họ dựa vào trí tuệ vô biên của Cao Đài để quyết định mức độ đau khổ trần gian của họ và con gái họ. Nhiều điều phụ thuộc vào mức độ biến dạng của cô và sức khỏe của cô sẽ bị ảnh hưởng như thế nào, nhưng họ dự kiến sẽ phải chăm sóc và chu cấp cho cô đến cuối đời. Họ và cô sẽ phải chịu đựng bao nhiêu đau khổ để chuộc tội, và họ có thể ban tặng bao nhiêu

ân huệ từ thế giới tâm linh cho cô một khi họ qua đời, phụ thuộc vào sự cân bằng giữa thiện và ác trong cuộc đời họ, quá khứ và hiện tại. Chỉ có Cao Đài mới có thể quyết định điều đó. Chỉ có một cách để lay chuyển Cao Đài nghiêng về phía họ, đó là tất cả họ phải trở thành những tín đồ tốt hơn.

Khi cuộc tấn công mùa xuân đang dần lắng xuống, tâm trạng của công chúng Mỹ đối với Việt Nam trở nên cứng rắn hơn. Người Mỹ muốn thoát khỏi nỗi đau chiến tranh. Cuối tháng 7 năm 1972, Quốc hội Hoa Kỳ đã bắt kịp tâm trạng đó. Họ đã thông qua một kịch bản để rút toàn bộ quân Mỹ khỏi Việt Nam sau khi các tù binh chiến tranh người Mỹ được thả. Tổng thống Nixon hiểu rõ thông điệp : hãy đạt được một thỏa thuận hòa bình và nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến của Mỹ.

Nixon đang trong chiến dịch tái tranh cử khi vào tháng 10, Henry Kissinger đạt được bước đột phá trong các cuộc đàm phán tại Paris với nhà đàm phán Bắc Việt. Lê Đức Thọ, người chỉ huy cả quân đội Cộng sản và lực lượng nổi dậy ở miền Nam, đã khiến Kissinger phải nhượng bộ và đồng ý để quân Cộng sản, sau khi ngừng bắn được thông qua, được ở lại những khu vực mà họ kiểm soát ở miền Nam : khoảng 25% lãnh thổ của Nam Việt Nam. Đổi lại, Thọ đã bỏ yêu cầu miền Bắc đòi

Tổng thống Nam Việt Nam Thiệu từ chức.

Kissinger mang thỏa thuận tạm thời mà ông và Thọ đã đạt được đến Sài Gòn. Dễ đoán là ông gặp khó khăn trong việc thuyết phục ông Thiệu hay do dự, người chỉ có mục tiêu duy nhất là trì hoãn việc rút quân của người Mỹ và làm chậm bước tiến của Cộng sản. Không có yếu tố quyết định là sức mạnh không quân Mỹ, tỷ lệ cuộc quân sự ở miền Nam nghiêng về phía Cộng sản, những người có ý chí chiến đấu mạnh mẽ hơn, mặc dù bị lực lượng mặt đất của Nam Việt Nam áp đảo về số lượng với tỷ lệ năm chọi một.

Khi người Mỹ thể hiện quyết tâm thúc đẩy một thỏa thuận, Cộng sản và chế độ Sài Gòn đã giao tranh để giành càng nhiều lãnh thổ ở miền Nam càng tốt, dự đoán rằng một thỏa thuận ngừng bắn sẽ được theo sau bởi một giải pháp chính trị cho cuộc xung đột.

Bên ngoài Sài Gòn, nơi vẫn kỳ lạ tách biệt khỏi sự khẩn cấp và đe dọa của chiến tranh, một dấu hiệu chắc chắn rằng chính phủ đang mất kiểm soát là sự xuất hiện của Việt Cộng giữa ban ngày. Ở Trảng Bàng, cảnh những người hàng xóm chạy tán loạn ra cánh đồng mở báo hiệu : Việt Cộng đang đến. Tốc độ là điều cốt yếu: người ta muốn tránh bị Việt Cộng bắt, nhưng đồng thời, bị nhìn thấy trong nhà cùng với họ có thể dẫn đến bị bắt

vì chứa chấp Cộng sản. Ông Cậu sẽ tập hợp các cháu, trên đường ra ngoài lấy vài gói cơm khô (những khẩu phần ăn quân đội Mỹ bị đánh cắp vẫn còn sẵn có) để duy trì sức lực cho đến khi an toàn trở về nhà. Tất cả họ chạy như thể tính mạng đang bị đe dọa, hy vọng đến được sự an toàn của cánh đồng mở trước khi bị quân đội hoặc cảnh sát chính phủ phát hiện đang chạy trốn. «Dừng lại !» là một mệnh lệnh phải tuân theo ; chạy trốn ngụ ý tội lỗi và có thể bị bắn vào lưng.

Trong khi các cuộc đàm phán hòa bình diễn ra ở Paris, một chương mới của chiến tranh đang mở ra ở các thị trấn huyện tranh chấp như Trảng Bàng. Sau cuộc tấn công của Cộng sản vào tháng 6, các làng xóm lân cận trở thành mục tiêu của cả Việt Cộng và quân đội Nam Việt Nam. Mùa thu đó, ba hoặc bốn lần, những trận pháo kích lại làm hư hại nhà cửa. Pháo kích luôn đến từ bên ngoài : đôi khi do Việt Cộng bắn, đôi khi do quân đội Nam Việt Nam. Vào những dịp hiếm hoi, một chiếc trực thăng bay qua nhiều lần và một giọng nói phát đi cảnh báo : «Rời khỏi nhà của bạn ! Nếu ở lại, bạn sẽ chết !» Khi trận pháo kích kết thúc, trực thăng sẽ quay lại, phát đi lời kêu gọi tất cả Việt Cộng đầu hàng chính quyền. Bất ngờ thường là chiến thuật của chính phủ. Thông thường, chỉ huy huyện, thường cách xa hàng dặm, hành động dựa trên tin tức tình báo rằng một số

ngôi nhà của nông dân đang bị Việt Cộng chiếm đóng hoặc được sử dụng làm nhà an toàn, chỉ cần bắn đủ đạn để tạo ấn tượng về sức mạnh. Việc bắn trúng bất kỳ mục tiêu cụ thể nào không quan trọng.

Trước sự khó lường của chiến tranh, ông Tùng chỉ sửa chữa nhà cửa một cách tạm bợ nhất. Thiệt hại đã phá hủy những gì được khôi phục sau cuộc tấn công vào tháng 6. Những cánh cửa chớp kép đặt tiền ở lối vào trước không được thay thế. Với một phần bức tường bên đổ sập và những lỗ thủng trên tường và trần nhà, người ta có thể nhìn xuyên suốt gần như đến tận phía sau nhà. Ông Tùng bắt đầu tận dụng các tấm tôn và những thanh gỗ vỡ từ phần nhà bị hư hại nặng không thể sửa chữa để chống đỡ những phần khác, và đóng những tấm bìa cứng che lỗ thủng. Ngôi nhà bị thương mang một vẻ ngoài tiêu điều ; ngay cả những chậu cây cảnh trước nhà cũng rụng lá, những chiếc chậu nứt vỡ không thể giữ nước.

Cuộc chiến ngày càng ác liệt ở Trảng Bàng buộc dân làng phải khéo léo cân bằng việc thể hiện lòng trung thành. Bà Loan là một trong những người «bị kẹt giữa xôi và đậu». Việc là một góa phụ chiến tranh mang lại cho bà một sự tín nhiệm nhất định, và là một giáo viên càng tăng thêm uy tín. Bà giữ một chức vụ tại trường

tiểu học. Bất cứ khi nào có thiệt hại do pháo kích gây ra cho các tòa nhà trong thị trấn, trưởng huyện sẽ đến gặp bà, yêu cầu bà thực hiện một bài phát thanh, được phát qua loa phóng thanh của thị trấn gắn trên các cột bê tông. Bà Loan tuân thủ. Như câu tục ngữ Việt Nam có câu : «Người ta đánh giá một người trước tiên qua giọng nói.» Kịch bản bà đọc lên lên án Việt Cộng và đổ lỗi cho họ về những thiệt hại.

Phía bên kia cũng nhắm vào bà Loan. Giáo viên là những cộng tác viên liên lạc lý tưởng cho Việt Cộng. Hầu hết các chiến sĩ biệt động miền Nam đều không được giáo dục hoặc được giáo dục kém, không có cơ hội đi học hoặc đã bỏ học ; dù thế nào, họ cũng có khả năng đã dành cả tuổi trẻ của mình trong rừng. Một đêm, một «vị khách ban đêm» xuất hiện tại nhà ông Tùng để «hộ tống» bà Loan vào rừng. Bà được giao một trong những công việc liên lạc nguy hiểm nhất : đọc to bản kê tội của một tù nhân trước khi họ bị xử tử. Bà Loan không dám từ chối Việt Cộng. Một đồng nghiệp - người phụ nữ từng là giáo viên lớp hai của Phúc - đã từ chối, và tin đồn rằng tên của bà đã nằm trong danh sách tử thần của Việt Cộng. Bà đã chạy đến Sài Gòn. Một lần, thi thể đầy máu của một thiếu niên được đặt trước cửa nhà cha mẹ cậu. Một lần khác, một thi thể được tìm thấy trong đồng tro tàn của một ngôi nhà tranh. Tin đồn

rằng cả hai người chết đều muốn rời bỏ Việt Cộng. Để tránh quá gần gũi với bất kỳ phe nào, bà Loan tìm cách chỉ thỉnh thoảng mới có mặt với Việt Cộng. Bà thường ở lại qua đêm với bạn bè trong khu kinh doanh, nơi gần các cơ quan chính phủ nhất và không có «vị khách ban đêm». Tổng cộng, Việt Cộng đã đến tìm bà bốn lần.

Mùa thu đó, có hai sự cố nghiêm trọng cho thấy gia đình ông Tùng đã không chứng minh được lòng trung thành với bên nào. Cả hai đều xảy ra tại cửa hàng của bà Nữ.

Trong một buổi sáng bận rộn như thường lệ, những người dậy sớm đang tìm bữa trưa. Một chiếc xe tải quân đội dừng lại bên đường, và những người lính đói bước xuống. Khoảng hai mươi lính đang tiến vào cửa hàng của bà Nữ thì hai quả lựu đạn phát nổ giữa họ. Mười bảy lính thiệt mạng. Trong số bốn đứa con của bà Nữ đang giúp phục vụ lúc đó, chỉ có Ngọc bị thương, một mảnh đạn găm vào đùi. Cảnh sát suy đoán rằng ai đó đi ngang qua trên một chiếc xe máy đã ném lựu đạn. Không có nhân chứng nào lên tiếng, và cảnh sát cũng không bắt giữ ai.

Sự việc thứ hai xảy ra vài tuần sau đó. Lần này, khách hàng của bà Nữ chủ yếu là một gia đình lớn từ Sài Gòn. Họ dừng chân trên đường đến thị trấn Tây Ninh để dự

tiệc mừng lễ đính hôn của con trai họ. Các tài xế đang chờ sẵn. Một vụ nổ lớn làm sập nửa cửa hàng, chôn vùi những vị khách dưới đồng đồ nát của mái nhà, tường, bàn ghế và bát đĩa. Mười chín người đã thiệt mạng. Trong số những người bị thương, Loan bị bỏng do nước dùng mà cô đang mang. Cánh tay trái của bà Nữ bị thương tổn do bỏng, bà choáng váng và thính giác bị tổn thương.

Chiều hôm đó, Loan vội vã đến Sài Gòn để tìm cha.

«Mẹ bị bắt rồi !» cô nói với ông, giải thích rằng cảnh sát quân sự tỉnh đã đưa bà Nữ đi bằng xe tải. Về lại Trảng Bàng, ông Tùng giải thích với các con : «Mẹ các con phải lên Sài Gòn, nên cha ở nhà với các con.»

Mười bảy trong số mười chín người chết trong vụ nổ thứ hai tại cửa hàng mì là từ bữa tiệc đính hôn. Hai cái chết còn lại khiến chính quyền phẫn nộ. Một nạn nhân là công chức, vừa được chuyển từ Sài Gòn đến để đứng đầu phòng thông tin và giáo dục huyện Hậu Nghĩa. Người kia là cảnh vệ quân sự của ông ta ; không có quan chức cấp cao nào đi mà không có người bảo vệ. Chiếc xe đạp để đậu ở góc cửa hàng nơi hai người ngồi có khung xe chứa đầy chất nổ.

Chiếc xe tải, với bà Nữ ở phía sau không thể nhìn ra ngoài, chạy lọc cọc khoảng hai giờ trước khi đến trại giam tỉnh. Bà Nữ được dẫn vào một tòa nhà và đi vào một căn phòng nhỏ trống trơn, nơi có khoảng một chục tù nhân khác, cả nam lẫn nữ. Không ai đến xem liệu bà có cần chăm sóc y tế hay không.

Sáng hôm sau, một cai ngục gọi bà ra để thẩm vấn. Bà ngồi trên ghế, đối diện với những người chất vấn.

«Ai đã để chiếc xe đạp đó ở đó ?»

«Tôi không biết.»

«Nói cho chúng tôi biết ai đã để nó ở đó !»

Ngày nào, quy trình cũng y như vậy. Bà bị đưa trở lại phòng giam biệt lập, và sáng hôm sau, mọi chuyện lại bắt đầu từ đầu. Những người thẩm vấn quát tháo bà, và càng khi bà phủ nhận mọi hiểu biết, họ càng cố ép bà thú nhận sự đồng cảm với Cộng sản. «Bà chỉ quan tâm đến Việt Cộng ! Bà nuôi họ ; bà chăm sóc họ ! Khai đi!» Khi bà không có ý định làm vậy, những người thẩm vấn gọi «dụng cụ» của họ. Họ dùng gậy đánh vào chân bà, gấn các điện cực vào đầu ngón tay bà. Tệ nhất là xô nước đổ xuống cổ họng bà trong khi một miếng vải phủ lên lỗ mũi, khiến bà có cảm giác ngạt thở.

Bà Nữ vẫn giữ được bình tĩnh. «Tôi không biết gì cả», bà kiên quyết nói.

Nhờ các mối quan hệ của mình và của chồng dì Anh trong văn phòng tỉnh, Loan đã tìm ra nơi mẹ cô bị giam giữ. Khi có thể đi được, cô mang đồ ăn nấu chín đến cho mẹ, và khi thấy cánh tay bị phồng rộp của bà, cô mang theo thuốc và băng gạc. Ba tuần trôi qua. Một buổi sáng, thay vì bị dẫn đi thẩm vấn, bà Nữ được đưa đến cổng trước và bị bỏ lại đó. Loan đã ở đó.

«Con đã phải trả bao nhiêu để đưa mẹ ra ?» bà Nữ hỏi. Con gái bà lắc đầu, giữ im lặng.

Từ cuối mùa hè đến mùa thu tại bệnh viện Barsky, vào bất kỳ ngày nào, vấn đề lớn nhất của ông Tùng là lén đưa vào phòng bệnh một chút trái cây hoặc kẹo cho Phúc. Bệnh viện Barsky nghiêm cấm thức ăn từ bên ngoài vì nhu cầu nghiêm ngặt tránh nguy cơ nhiễm trùng. Ngoài ra, việc quản lý chế độ ăn uống là rất quan trọng đối với quá trình hồi phục của bệnh nhân bỏng. Ông Tùng vui mừng khi thấy Phúc ăn ngon miệng hơn. Ông lén đưa cho cô một hoặc hai viên kẹo, và chia sẻ với cô một quả mãng cầu, loại trái cây màu xanh với phần thịt trắng dính và hạt đen lớn, có mùa ngắn, và ông biết đó là loại trái cây yêu thích của con gái mình. Các y tá người Việt cũng làm nger, giả vờ tức giận khi

họ tìm thấy một vỏ kẹo hoặc hạt đen lạc chỗ.

Khi các vết bỏng của Phúc không còn nhiễm trùng và sức khỏe cô đã hồi phục đủ, quá trình ghép da bắt đầu. Quá trình này, vốn làm tiêu hao sức lực của bệnh nhân, lại gây đau đớn mới. Mỗi mảnh da được lấy từ bệnh nhân để ghép sẽ để lộ mô bên dưới ra không khí, tương đương với việc gây ra vết bỏng cấp độ một hoặc hai. Vị trí lấy da phải được băng bó và giữ sạch để tránh nhiễm trùng nếu muốn lành lại. Nếu da ghép bị nhiễm trùng và không bám được, thì nó phải được loại bỏ trong bồn tắm dành cho bệnh nhân bỏng, và các vị trí lấy da lại bị khai thác để thử lại lần nữa. Các ca phẫu thuật ghép da của Phúc diễn ra suôn sẻ, một phần nhờ kỹ năng của bác sĩ phẫu thuật, phần khác nhờ sự chăm sóc của y tá.

Nhiều thập kỷ sau, khi Kim Phúc trưởng thành nổi bật trong mắt truyền thông quốc tế, nhiều hơn một bác sĩ phương Tây đã được công khai ghi nhận là người đã thực hiện phẫu thuật cho cô. Vào thời điểm chiến tranh, các bác sĩ nước ngoài làm việc luân phiên tại Barsky chỉ biết đến danh tiếng của bức ảnh khi họ tình cờ thấy nó ở nhà, nhiều tháng hoặc thường là nhiều năm sau sự kiện. Nhiều bệnh nhân họ điều trị tại Barsky có thể phù hợp với mô tả một đứa trẻ cần ghép da rộng trên phần thân trên. Người đáng lẽ nên đứng ra nhận công lao

là bác sĩ Mỹ, cùng một bác sĩ đã phá vỡ quy định của Barsky bằng cách nhận Kim Phúc làm bệnh nhân. Tuy nhiên, bác sĩ Mỹ, người rời Nam Việt Nam sang Hoa Kỳ khi chiến tranh kết thúc, không muốn trở thành tâm điểm chú ý, và không muốn làm Kim Phúc thất vọng khi cô tin rằng người nước ngoài là những người đã giúp đỡ cô. Ngoài ra, các bác sĩ phẫu thuật người Việt tại Barsky về mặt kỹ thuật đều dưới sự giám sát của các bác sĩ phương Tây. Và bác sĩ Mỹ nhận ra rằng, nếu không vì hoàn cảnh đặc biệt khi Phúc được nhận vào, bà có lẽ sẽ không nhớ rằng mình đã phẫu thuật cho cô, vì lịch trình phẫu thuật quá dày đặc.

Ngay cả khi các vết ghép da của Phúc lành lại, việc điều trị vẫn vô cùng khó chịu. Để ngăn da mới dính vào những chỗ không nên dính - cổ vào ngực và cánh tay vào hai bên sườn - cô được đặt trong hệ thống kéo và bất động trong bột toàn thân. Cuối cùng, khi bột được tháo ra, cô bắt đầu vật lý trị liệu, nơi cơn đau tăng dần là thước đo của sự thành công. Sự linh hoạt phải được khôi phục cho da ghép (nó liên tục co lại khi dính vào cơ thể), các đầu dây thần kinh bị tê liệt và cơ bị chôn vùi trong mô sẹo phải được đánh thức, và chức năng của các chi phải được phục hồi. Phúc cũng phải xây dựng lại sức mạnh. Những tuần bất động trên giường đã làm teo cơ và co rút cơ thể cô. Cô phải học lại cách

sử dụng tay chân, ngồi dậy, đứng, đi, tự ăn và mặc quần áo.

Vào tháng 11 năm 1972, sau gần sáu tháng tại Barsky - Phúc giữ kỷ lục thời gian nằm viện lâu nhất - quản lý Joyce Horn chuẩn bị đưa cô đến trung tâm phục hồi của tổ chức ở phía bên kia thành phố. Phúc năn nỉ được về nhà, nói rằng cô nhớ gia đình, và mọi người đồng ý, với điều kiện cô phải quay lại trung tâm định kỳ để tiếp tục theo dõi và vật lý trị liệu.

Horn đóng hồ sơ này một cách vui vẻ. Không giống như nhiều bệnh nhân khác của Barsky, từ những gì bà suy đoán, một cuộc sống gia đình đầy yêu thương và thoải mái đang chờ đón cô bé về nhà. Bà đã nghe các y tá người Việt nói rằng cha của Phúc là một quan chức cấp huyện, nên bà cũng cho rằng gia đình cô có cả điều kiện lẫn ảnh hưởng.

Chắc chắn, một lý do khiến Phúc sống sót qua những ngày đầu quan trọng là vì cô đến từ miền Nam khá giả, nơi thức ăn dồi dào và trẻ em được ăn uống đầy đủ, nên cô khỏe mạnh vào thời điểm bị thương. Horn cho hầu hết bệnh nhân xuất viện từ Barsky với nhiều cảm xúc lẫn lộn hơn. Nhiều người rời khỏi thế giới tốt đẹp nhất mà họ từng biết, được che chở khỏi sự kinh hoàng thực sự của hoàn cảnh bởi thói quen sống và vui chơi ở đó.

Bên trong Barsky, một khuôn mặt biến dạng ghê rợn không thành vấn đề ; nhưng ở thế giới bên ngoài, nó sẽ là vấn đề. Một thiếu niên bị mất nửa thân dưới, khi được hỏi sẽ làm gì khi xuất viện, đã trả lời không chần chừ : «Tôi sẽ tự tử.» Phúc là một trong những người may mắn : cô có các chi lành lặn, sẹo có thể che giấu và khuôn mặt không bị tổn thương.

Sau khi Phúc xuất viện, Robinson và Nick đã đến thăm cô ở Trắng Bàng, và sau đó Robinson đã đăng vài đoạn tin về những bất hạnh tiếp diễn của gia đình do chiến tranh.

Vài tuần sau, Joyce Horn nhận được một lá thư bất thường. Một nhóm lính cứu hỏa ở New York đã quyên góp được ba nghìn đô la mà họ muốn dùng để đưa Kim Phúc đi nghỉ ở đó. Như Horn nhớ lại nhiều năm sau, tình cảm được bày tỏ là «Sẽ thật tuyệt nếu cô bé được đi chơi vòng quay ngựa gỗ ở Công viên Trung tâm chứ?» «Xin đừng nghĩ theo hướng đó», bà viết trong thư trả lời. «Cô bé này bị thương nhẹ so với hầu hết.» Bà không thể không trách nhẹ : «Đừng chọn riêng một đứa trẻ ; hãy dùng tiền để giúp nhiều người hơn.» Bà gửi kèm địa chỉ của tổ chức mẹ của Barsky ở New York.

Văn phòng AP tại Sài Gòn sau đó nhận được một lá thư từ cùng nhóm lính cứu hỏa, tìm kiếm sự giúp đỡ trong việc chuyển khoản quyên góp đến gia đình Kim Phúc.

Văn phòng đã nhận được một số thư và bưu kiện, chủ yếu từ người Mỹ ở nước ngoài, nhiều cái chỉ đề đơn giản là «cô bé trong bức ảnh.» Mọi người gửi sách tô màu và bút chì màu, sách học tiếng Anh, búp bê, thường là quần áo - luôn quá lớn. Một số kèm theo tờ mười đô la Mỹ, hai mươi, nhiều nhất là năm mươi. Tổng cộng, những khoản quyên góp này lên đến vài trăm đô la Mỹ. Carl Robinson, biên tập viên ảnh, và Nick Út đã thuyết phục thư ký người Việt hữu ích của văn phòng đảm bảo rằng ông Tùng nhận được các bưu kiện và quyên góp. Vì việc người Việt giữ tiền Mỹ là bất hợp pháp, người thư ký, một góa phụ đã mất chồng trên chiến trường, phải đưa ông Tùng đến ngân hàng nơi AP có tài khoản để đổi đô la sang đồng trước khi trao cho họ.

Robinson và Nick thảo luận cách giúp đỡ những người lính cứu hỏa và giao lại vấn đề cho thư ký trong văn phòng. Lần này, Robinson quyết định không viết bài cho hăng thông tấn. *Đây là một nạn nhân đã được chăm sóc chu đáo, anh tự nhủ. Còn nhiều nạn nhân khác cần nghĩ đến.*

Richard Nixon tái đắc cử tổng thống vào tháng 11 năm 1972. Công việc chính vẫn là tìm kiếm hòa bình ; tuyên bố giữa chiến dịch của Kissinger rằng «hòa bình đã trong tầm tay» đã không thành hiện thực. Thiệu sẽ khăng khăng đòi một danh sách 69 thay đổi đối với thỏa thuận tạm thời mà Kissinger đã đạt được với Bắc Việt. Phản ứng của họ vào tháng 12 đó là ngừng đàm phán.

Nixon hết kiên nhẫn. Ông muốn có hiệp định ngừng bắn trước lễ nhậm chức vào tháng 1. Trong tối hậu thư yêu cầu Bắc Việt đàm phán «hoặc phải chịu hậu quả», ông ra lệnh mở chiến dịch ném bom dữ dội xuống miền Bắc Việt Nam. Bắt đầu từ ngày 18 tháng 12 và kéo dài đến ngày 30 tháng 12, với ngoại lệ tạm ngừng ném bom một ngày vào lễ Giáng Sinh, những chiếc B-52 của Mỹ đã dội bom xuống các mục tiêu quân sự ở Hà Nội và hành lang dài 60 dặm giữa thành phố và cảng chính của miền Bắc là Hải Phòng. Phản ứng của công chúng Mỹ đối với cái được gọi là «vụ ném bom Giáng Sinh» khá im lặng ; trên thế giới, đó là sự kinh tởm. Chín ngày sau khi Nixon cuối cùng ra lệnh ngừng ném bom, các cuộc đàm phán giữa Mỹ, Bắc Việt và Nam Việt Nam lại tiếp tục ở Paris.

Trong số các nhà báo nước ngoài đến Nam Việt Nam để đưa tin trước thời điểm hiệp định ngừng bắn Paris dự kiến có hai phóng viên từ tạp chí Stern, một tuần san lớn có trụ sở ở Hamburg. Nhiếp ảnh gia Perry Kretz và phóng viên Klaus Liedtke đến sân bay Tân Sơn Nhất, hy vọng như thường lệ sẽ được cấp thị thực nhập cảnh tại chỗ. Họ bị từ chối và lệnh phải rời khỏi đất nước. Kretz đoán rằng bài viết của anh trong Chiến dịch Mùa Hè Đỏ Lửa đã làm chế độ Sài Gòn phật ý ; anh đã chụp hình một người lính ngủ gục tại vị trí súng máy của mình.

Vì không có chuyến bay nào đến Hamburg trong ba ngày tới, cảnh sát Nam Việt Nam cho phép hai nhà báo vào Sài Gòn, chờ trong một khách sạn, dưới hình thức quản thúc tại gia. Kretz chọn sự sang trọng phai tàn của khách sạn Continental. Khách sạn trang trí công phu từ thế kỷ 19, xuất hiện trong tiểu thuyết Người Mỹ trầm lặng của Graham Greene, là nơi yêu thích của các nhà báo từ những ngày đầu của chiến tranh Mỹ. Nó nằm trên đường Tự Do (Tự Do có nghĩa là «tự do»), trước đây là Rue Catinat thời Pháp, nơi các phóng viên chiến trường đầu tiên đặt biệt danh cho các quán bar là «Đài Catinat» vì những tin tức tình báo quân sự có thể nghe lỏm được ở đó. Tại quầy bar sân thượng của Continental, thư giãn trên những chiếc ghế mây màu xanh đậm trên nền gạch

đen trắng, được làm mát bởi những chiếc quạt trần trên cao, người ta vẫn có thể gọi citron pressé, thức uống chua của Pháp.

Một nhân viên bảo vệ đứng ngoài cửa phòng khách sạn của hai nhà báo vui vẻ đưa họ đến và đi từ nhà hàng và quầy bar. Sáng ngày thứ hai, Kretz quyết định cứu vãn một câu chuyện từ chuyển đi thất bại. Anh tiếp cận người bảo vệ. «Chúng tôi muốn ra ngoài», anh nói. «Không lâu, không xa.» Anh mở lòng bàn tay, lộ ra một tờ 50 đô la Mỹ. Người bảo vệ nhận lấy và quay lưng lại.

Vẫn phòng AP cách đó hai dãy nhà. Ở đó, Kretz tìm thấy Peter Arnett. Anh giải thích tình cảnh của mình : «Tôi chỉ còn một ngày rưỡi. Có ý tưởng gì cho một bài viết không ?»

Arnett không ngần ngại. «Kim Phúc là một câu chuyện hay.»

«Kim Phúc là ai ?»

«Cô bé bị bỏng bởi bom napalm.»

«Cô ấy còn sống ?!»

Tại mỗi trạm kiểm soát trên Quốc lộ 1, Kretz và đồng nghiệp, để tránh bị hỏi hộ chiếu vì không có thị thực hợp lệ bên trong, đã giơ thẻ nhận dạng của Bộ Quốc phòng Mỹ. «Người Mỹ», cảnh sát nói, vẫy tay cho chiếc taxi đi qua.

Khi hai ngọn tháp của ngôi đền Cao Đài hiện ra, Kretz nhận ra nơi mình đang đứng từ ký ức về bức ảnh nổi tiếng. Họ tìm thấy Tùng ở nhà. Mặc quần đùi và áo may ô, ông đang đứng trên một chiếc ghế, dùng cưa để cắt bằng đầu những thanh tre, một phần của việc sửa chữa bức tường bị hư hại nặng của ngôi nhà. Tùng dẫn họ đến gặp Phúc. Cô đang ở sau nhà với bà ngoại Thảo, người đang ngồi xỏm giặt quần áo bằng tay. Phúc thấy thú vị khi Kretz kiên quyết bắt tay bà ngoại, bắt chấp đôi tay còn ướm đầy xà phòng. Bà cụ miễn cưỡng đồng ý, dù lời chào này xa lạ với cách người Việt, và đặc biệt không ngờ giữa một người đàn ông và một phụ nữ.

Đối với Kretz, sự hòa hợp khó tả giữa nhiếp ảnh gia và đối tượng đã có ngay từ đầu. Cùng với đồng nghiệp và tài xế taxi, người làm phiên dịch, Phúc vui vẻ dẫn họ tham quan ngôi nhà và khu vườn. Cô tạo dáng khi được yêu cầu. Trước nhà, cô chiều lòng khi Kretz đề nghị cô chơi đá bóng cùng mấy cậu bé. Có một khoảnh khắc hoang mang khi đồng nghiệp của Kretz, đồ mô hôi

hiều, đột nhiên cảm thấy choáng vì nóng. Sau khi nghỉ ngơi trong nhà và uống nước mát, ba người cùng Phúc đi theo lối mòn đến ngôi đền và con đường nơi vụ tấn công bằng bom napalm đã xảy ra. Kretz dành phần lớn thời gian chụp ảnh Phúc ở đó.

Khi đang nhìn qua ống ngắm, anh nhận thấy nụ cười của cô bé không còn rạng rỡ như trước. Anh hạ máy xuống.

«Kim !» Rồi trêu đùa, «Đừng buồn thế !»

Tài xế và Phúc nói chuyện với nhau. Cô đã bị cơn đau hành hạ vì nóng. Sự khởi phát đột ngột của cơn đau là điển hình đối với nạn nhân bỏng ; không có tuyến mồ hôi hoặc lỗ chân lông ở vùng bị bỏng và da ghép, cùng với tuần hoàn kém trong mô sẹo co rút, cơ thể không thể điều chỉnh nhiệt độ tốt. Nóng và lạnh được cảm nhận một cách đột ngột và dữ dội.

Kretz thấy khuôn mặt Phúc tối sầm. Anh lo lắng. «Chuyện gì vậy ? Có chuyện gì thế ?»

«Ánh nắng quá nóng với cơ thể cô ấy. Vết bỏng đang làm cô ấy đau.»

Kretz tự trách mình vì sự vô tâm. Dấu hiệu duy nhất anh nhận thấy về vết thương của Phúc là cử động đầu và tay cứng đờ khi cố bắt bóng. Kretz bối rối. Nếu cô bé đau đớn như vậy, tại sao cô vẫn tiếp tục buổi chụp hình? Trên đường trở về nhà, anh tự kết luận : *Cô bé chỉ là một đứa trẻ, nhưng chắc hẳn đang nghĩ : «Hãy tiếp tục, biết đâu những người nước ngoài này có thể giúp mình.»*

Về đến nhà, Phúc đi tắm để giảm đau. Kretz hỏi Tùng liệu anh có thể chụp ảnh những vết sẹo bỏng của con gái ông. Tùng nhăn mặt. Kretz thẳng thắn đề nghị với Phúc: «Nghe này, Kim. Chúng tôi đang ở đây. Tôi không có mặt khi chuyện xảy ra. Tôi phải nhìn thấy vết bỏng của em. Tôi phải thấy chuyện gì đã thực sự xảy ra với em.» Phúc đồng ý. Cô chưa biết ngại ngùng với cơ thể mình ; những đứa trẻ bằng tuổi hoặc nhỏ hơn thường chơi đùa khỏa thân dưới mưa, tắm chung, đi lại cởi trần và chân đất. Khi Phúc tắm, cô thay đổi hoàn toàn. Cô múc từng cốc nước từ hai chiếc chum sành đựng nước dành riêng cho việc tắm của cô, để nước chảy từ đỉnh đầu xuống khắp cơ thể.

Trong số những bức ảnh xuất hiện trong bài báo trên tạp chí Stern sẽ có một hình ảnh đầy ám ảnh về Phúc nhìn qua vai về phía máy ảnh. Sự trần trụi của cô phơi

bày nổi đau. Ông kính máy ảnh ghi lại những dòng sông da đỏ và tím bị đóng băng, chảy dọc ngang một cách giận dữ trên lưng và cánh tay trái của cô, cùng những vết sẹo bỏng như núi lửa phun trào trên mông. Trên đùi cô là những vết sẹo hình chữ nhật mờ nhạt, nơi da ghép đã được lấy đi. «Người Mỹ, cảm thấy tiếc cho những gì đã xảy ra với cô bé, đã gửi đồ chơi và thư», bài báo viết, và nhấn mạnh, «nhưng cô bé nói rằng cô muốn có thuốc chữa những vết thương trên lưng hơn.»

Khi trở về Hamburg, Kretz nhận ra mình không thể quên được nụ cười của cô bé, cũng như cách nó đột ngột tắt lịm vào buổi chiều hôm đó. Anh đến với nghề báo khá muộn. Hơn hai thập kỷ trước, anh rời công việc đầu tiên là thợ sắp chữ ở Đức để sống với họ hàng ở New York và học tiếng Anh. Sau nhiều công việc ở đó, bao gồm phục vụ bàn và pha chế rượu trong khi học nhiếp ảnh báo chí vào ban đêm, anh phục vụ trong hải quân Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên. Sau đó, anh làm việc trong bộ phận hình ảnh của sở cảnh sát thành phố New York, rồi một hãng thông tấn. Đây là năm thứ tư anh làm việc với Stern, phần lớn các nhiệm vụ của anh ở ngoài Đức là đến Đông Dương để đưa tin về chiến tranh.

Giá mà mình là bác sĩ, anh tự nhủ, một lời tự biện minh cho việc không thể làm gì hơn cho cô bé ngày hôm đó.

Vào ngày 27 tháng 1 năm 1973, 19 ngày sau khi các cuộc đàm phán ngoại giao nổi lại, Mỹ, Bắc Việt và Nam Việt Nam chính thức ký kết hiệp định ngừng bắn Paris. Cùng ngày, bộ trưởng quốc phòng tuyên bố lệnh động viên quân sự của Mỹ đã kết thúc. Nhưng hiệp định không chấm dứt việc tuyển quân của Nam Việt Nam hay Việt Cộng. Không ai ở Việt Nam mong đợi hòa bình - các tuyên bố của Nam Việt Nam cố ý tránh dùng từ này - chỉ là sự kết thúc can dự của Mỹ và một khoảng lặng trước khi chiến sự lại bùng nổ. Chưa đầy một ngày sau khi hiệp định được ký kết, mỗi bên đều buộc tội bên kia vi phạm ngừng bắn.

Ngày 19 tháng 3, lá cờ Mỹ cuối cùng được hạ xuống tại căn cứ quân sự cuối cùng của Mỹ ở Sài Gòn. Ngày 30 tháng 3, những quân nhân Mỹ cuối cùng rời Việt Nam để trở về nhà, và một ngày sau đó, Hà Nội trả tự do cho nhóm tù binh chiến tranh người Mỹ cuối cùng.

Khi Mỹ rút khỏi cuộc chiến, các hãng thông tấn nước ngoài mất hứng thú với việc đưa tin hàng ngày về xung đột ở Đông Dương. Những văn phòng đặt tại Sài Gòn hoặc đóng cửa hoặc cắt giảm mạnh nhân sự và nguồn

lực. Sự chú ý đến những khủng khiếp của chiến tranh chuyển sang các điểm nóng khác trên thế giới. Điều này cho phép Mỹ tiếp tục các cuộc không kích ở Lào và Campuchia trong vài tháng tiếp theo-cho đến khi Quốc hội Mỹ tức giận cắt toàn bộ ngân sách dành cho hoạt động quân sự của Mỹ trong khu vực. Cùng mùa hè đó, Tổng thống Thiệu công khai cáo buộc phe Cộng sản đang lên kế hoạch mở chiến dịch tấn công vào mùa khô tới. Trong khi phe Cộng sản tiếp tục quấy rối và chiếm các vùng lãnh thổ có thể, Thiệu trông chờ vào sự can thiệp của Mỹ để hỗ trợ miền Nam Việt Nam nếu quân Cộng sản mở chiến dịch công khai.

Với người Mỹ, Việt Nam không chỉ là một quốc gia mà còn là một cuộc chiến. Với họ, cuộc chiến cuối cùng đã kết thúc. Cái giá về nhân mạng mà người Mỹ phải trả được thống kê : khoảng 58.000 lính Mỹ tử trận ; 300.000 người trở về với thương tật ; gần 600 người bị bắt và giam giữ trong tay phe Cộng sản ; và 1.300 người vẫn mất tích tại Việt Nam, cùng nhiều người khác ở Đông Dương. Tại Mỹ, những cựu chiến binh trong số 3 triệu người từng tham chiến ở Việt Nam tìm kiếm ý nghĩa cho sự hy sinh của họ. Dù đạo đức trong sự can dự của Mỹ vào cuộc xung đột đó là gì, công chúng Mỹ đã chán ngấy việc nghe về nó. Việc chiến tranh ở Việt Nam chưa thực sự kết thúc, hay việc nhiều binh lính và

thường dân Việt Nam sẽ tiếp tục thiệt mạng, không còn là gánh nặng trên lương tâm của họ. Cuối năm trước đó, tạp chí Life xuất bản số đặc biệt thường niên «The Year in Pictures». Trong đó chỉ có một mục liên quan đến chiến tranh Việt Nam. Đó là hai trang ảnh chân dung Kim Phúc, 10 tuổi, đang cười tại nhà ở Trảng Bàng, kèm theo bức ảnh nổi tiếng chụp cô bé chạy trong hoảng loạn sau vụ ném bom napalm. Tiêu đề : «Kim Phúc, Ký ức bị che khuất bởi nụ cười».

Chương Sáu

Việc rời khỏi vỏ bọc an toàn của đơn vị Barsky để bước ra thế giới bên ngoài là một sự thay đổi quá đột ngột và khắc nghiệt đối với cơ thể của Phúc. Điều này thể hiện rõ ngay từ khoảnh khắc cô và cha bước ra khỏi cổng Bệnh viện Chợ Rẫy. Chuyến đi xích lô qua khu Chợ Lớn nhộn nhịp, khu người Hoa ở Sài Gòn, đến bến xe phía tây khiến những vùng da bị bỏng của cô, vốn mới được phủ bằng lớp da mỏng manh, phải chịu ánh nắng gay gắt. Phổi cô, bị tổn thương do vết bỏng, bị kích ứng bởi bụi bay qua cửa sổ mở của xe buýt. Con đau đầu của cô trở nên tồi tệ hơn do chuyến đi xóc nảy trên con đường nhựa bị hư hại bởi đạn pháo. Sau đó, cảnh ngôi nhà hư hỏng, nơi cô lần cuối nhìn thấy trước vụ ném bom napalm, khiến cô bị sốc. «Từ trong nhà có thể nhìn thấy cả mặt trời và mặt trăng !» Phúc thốt lên.

Hai lần trong hai tuần đầu tiên trở về nhà, Phúc bị những cơn đau dữ dội đột ngột hành hạ. Mức độ nghiêm trọng khiến Nữ lo lắng đến mức phải nhờ một thành viên trong gia đình chạy xe máy đi mời bác sĩ. Mỗi lần như vậy, gia đình đều sợ rằng Phúc, trong cơn đau điên cuồng, sẽ bị dòn đến bờ vực điên loạn nếu không có

thuốc giảm đau mà bác sĩ tiêm cho. Tùng và Nữ quyết định đưa Phúc vào trung tâm phục hồi của Barsky tại Sài Gòn như dự định ban đầu. Trong khi hầu hết bệnh nhân chỉ ở lại trung tâm trung bình hai đến ba tuần, Phúc đã ở lại bảy tháng. Các bác sĩ cho phép cô về nhà thăm gia đình mỗi lần một đến hai tuần, nhưng mãi đến tháng 7 năm 1973, mười ba tháng sau khi bị thương trong vụ ném bom napalm, cô mới thực sự trở về nhà vĩnh viễn.

Việc đưa trẻ trở về nhà vẫn giữ được tính cách vui vẻ và không than phiền như trước khi bị thương là minh chứng cho sức mạnh tinh thần của cô. Chính các y tá Việt Nam cũng kinh ngạc trước sự vui vẻ không ngừng của Phúc. Đây là phẩm chất hiếm thấy ở những nạn nhân nhỏ tuổi nhất của chiến tranh ; một số trẻ em thậm chí không thể mỉm cười trước những trò hề của Goofy hay Vịt Donald trong các bộ phim hoạt hình do Barsky mang từ Mỹ về. Sự chuyên nghiệp - và cả sự dũng cảm - của các y tá, những người cũng chính là người gây ra nỗi đau cho Phúc mỗi ngày trong quá trình tắm vết bỏng, được thể hiện qua việc họ xây dựng được mối quan hệ tin cậy và yêu thương với cô. Quá trình điều trị cứu sống Phúc cũng chính là một chấn thương tâm lý. Dù bao nhiêu thời gian trôi đi, chỉ cần nhắc đến việc tắm vết bỏng cũng khiến Phúc rơi vào trạng thái u ám

không lời. Tuy nhiên, nhờ sự chăm sóc của các y tá, cô đã thoát khỏi màn sương mù của nỗi đau, sự dày vò kéo dài và sự cô lập, được tái sinh.

Trong thời gian nằm viện, Phúc đã tìm thấy ước mơ của đời mình. Những tấm gương cô thấy tại Barsky đã thuyết phục cô : cô muốn trở thành một bác sĩ. Đây là một ước mơ cao cả đối với một cô gái xuất thân nông dân. Thông thường, gia đình sẽ quyết định ước mơ của con cái, phù hợp với địa vị xã hội của họ. Chỉ những gia đình ở thành phố, có điều kiện cho con học trường tốt nhất, mới có thể quyết định ai trong số con cái họ sẽ trở thành bác sĩ, dược sĩ, luật sư hay kỹ sư. Phúc giải thích mong muốn của mình với cha mẹ : «Cha mẹ đã cho con sự sống, nhưng các bác sĩ và y tá đã giúp con tiếp tục sống.»

Trảng Bàng mà Phúc trở về sau cùng đã thay đổi nhiều so với những gì cô từng biết. Theo điều khoản ngừng bắn, dân làng có thể tuyên bố theo bên này hay bên kia, và ở các tỉnh cực bắc, nhiều xóm làng treo cờ Việt Cộng. Khắp miền Nam, đặc biệt ở các thị trấn huyện như Trảng Bàng bao quanh Sài Gòn, chính quyền Sài Gòn đảm bảo lá cờ Việt Nam Cộng hòa pháp phới trên nóc hoặc được vẽ trên tường mọi tòa nhà công cộng.

Sự sống và cái chết đã để lại dấu ấn trong thời gian Phúc vắng nhà. Một năm sau vụ tấn công, Nữ sẽ sinh đứa con thứ tám, một cậu con trai thứ năm. Dì Anh mang những vết thương rõ rệt : bà đi khắp khiếm, các ngón tay một bàn tay co quắp như móng vuốt. Bà đã rời bệnh viện Sài Gòn vài ngày sau khi chồng tìm thấy bà ở đó, quá đau khổ khi nghe tin Danh đã chết và đứa nhỏ nhất đang yếu dần. Phúc được báo tin về cái chết của các em họ trong bệnh viện, nhưng ở nhà không ai nhắc đến mất mát đã hơn một năm trôi qua. Dì Anh sau đó sẽ sinh thêm bảy người con nữa.

Đôi khi khi thăm các em họ, Phúc bắt gặp dì nằm trên giường và tụng kinh nhập định. Giọng bà chuyển thành giọng người khác khi nhận tin từ thế giới linh hồn về Danh và Cường, đứa bé. Khi tỉnh lại, dì Anh kể về niềm hạnh phúc khi hai con trai được ở bên nhau. Bà kể đứa nhỏ thích trêu đứa lớn : «Danh xấu quá ! Bị bóng nhiều thế !»

Trong một năm Phúc vắng nhà, các anh chị em cô đã học được cách sống với chiến tranh. Từ vựng trong trò chơi chiến tranh của các anh trai, từng chơi bằng cành cây làm súng, giờ đã mở rộng bao gồm đạn cối, đạn pháo, rocket và lựu đạn.

Trong ngôi nhà từng đáng tự hào, giờ không còn đủ chỗ cho tất cả ngủ. Ba cửa trước mở toang và bức tường bên sụp đổ khiến phòng trước hoàn toàn lộ thiên. Hành lang một phần sụp đổ, không thể treo võng. Chỉ còn phòng sau để ngủ, Tùng và ít nhất một đứa trẻ khác phải ngủ nơi khác, thường là nhà người trông nom nhà cho họ hàng đã chạy vào Sài Gòn. Loan gần như chuyển vào thị trấn, chỉ về nhà ban ngày.

Phúc thấy Loan đau buồn. Người chị 21 tuổi có nhiều bạn bè bị quân đội gọi nhập ngũ từ năm 18 tuổi, nhiều người đã chết trận hoặc tàn tật. Và ngay sau khi Phúc về nhà, một buổi sáng cô thức dậy thấy cha đã đưa anh cả Ngọc đi trong đêm.

Cuộc chạy trốn bắt nguồn từ chuyến thăm vài ngày trước. Chỉ huy quân sự huyện cử người đến gặp Tùng. «Khi con trai ông 18 tuổi, nó phải đi lính», họ nói với Tùng. Chỉ vài đêm sau, một vị khách đêm đến nhà cũng tìm Tùng.

«Chúng tôi mời con trai ông gia nhập.»

«Con tôi không có nhà», Tùng đáp. Ông tính toán có thể trì hoãn ; chỉ một người đứng trước mặt. «Tôi muốn hỏi ý kiến nó trước.»

Ở miền Bắc, tuyên truyền có thể lay chuyển lòng người. Nhưng miền Nam không vậy. Hiếu thảo mạnh hơn ; con trai theo bên cha mẹ bảo, cùng phe với họ. Khi vị khách đêm ra về, Tùng đánh thức Ngọc. «Người rừng đến tìm con rồi !» Tùng đã chuẩn bị quần áo, chăn màn, ít tiền và thức ăn. Ngay trước bình minh, khi Việt Cộng thường đi ngủ, Tùng và Ngọc lên đường về hướng tây Tây Ninh đến Tòa Thánh.

Một năm trước, Tùng đã lên kế hoạch để không phải chọn gửi con trai theo bên nào trong chiến tranh. Ông quyết định nếu ngày đó đến, sẽ cho con trai học đạo Cao Đài. Ông cũng mong Ngọc không trở về làng, mà bắt đầu cuộc sống vợ chồng ở thành phố, nơi người ta ít quan tâm chuyện người khác. «Cha muốn con thoát số phận sống ở thị trấn nhỏ», ông giải thích với Ngọc về việc mua một căn nhà một phòng ở Tây Ninh gần Tòa Thánh, sẽ thuộc về Ngọc khi lập gia đình.

Hai cha con trình giấy tờ cho lính gác mặc áo trắng ở cổng ; mỗi trong mười hai cổng Tòa Thánh được canh gác 24/24. Sau bức tường là cả một thành phố. Nổi bật là ngôi đền tráng lệ mà gia đình, như hầu hết tín đồ Cao Đài, hành hương một hoặc nhiều lần mỗi năm. Giữa hàng chục công trình khác là nhiều tòa nhà hành chính, nhiều tòa theo phong cách thuộc địa Pháp. Ngoài ra còn

hai trường trung học, một đại học, bệnh viện 75 giường và nhà trẻ, trại mồ côi, viện dưỡng lão, phòng tập đàn nhạc, nhà xác, xưởng công trình công cộng và nhiều cơ sở kinh doanh như tiệm may, dệt, tiệm bánh, trạm xăng, xưởng mộc, lò rèn, thậm chí nhà máy in lịch. Nhiều nhà trọ được xây cho hơn một nghìn công nhân.

Tòa Thánh nhận Ngọc làm công nhân. Đổi lại, cậu được một phòng và hai bữa chay gồm cơm với canh mỗi ngày. Nhiều gia đình Cao Đài khác cũng coi Tòa Thánh là nơi ẩn náu cho con trai. Máu đã đổ nơi thánh địa khi một kẻ giết người vô danh ám sát thủ lĩnh quân đội Cao Đài cũ, nhưng tin đồn cho đó là mưu đồ nội bộ.

Khi Việt Cộng trở lại đêm sau, có hai người. «Con trai tôi theo đạo Cao Đài», Tùng nói. Họ bỏ đi không phản đối.

Cứ hai ba tuần, Tùng, thỉnh thoảng dẫn một đứa con, đi Tây Ninh mang cho Ngọc thứ đền không cung cấp : trà, cà phê, đường thốt nốt, sữa đặc. Nữ cũng gửi tiền tiêu vật. Ngọc cần ít, vì không hút thuốc hay uống rượu. Quyết định đưa cậu đến Tòa Thánh có vẻ đúng, khi ngày càng nhiều bạn bè cậu theo quân đội chính phủ.

Cả nhà đều thương Phúc vì cuộc sống thiếu thốn khó khăn nhất với cô. Tùng là người có nhiều thời gian nhất chăm lo nhu cầu của con, và Nữ trân trọng sự quan tâm của chồng. Ông đặc biệt yêu quý đứa con này, bà tự nhủ. Để giảm thiểu thiên vị, ông đặt món quà mừng Phúc về nhà giữa hàng chục búp bê và thú nhồi bông từ người lạ nước ngoài. Búp bê của ông trở thành món ưa thích của Phúc. Sản xuất tại Nhật, chạy pin, to bằng trẻ nhỏ, có thể đi, nhắm mở mắt, nói, khóc và hát bài tiếng Anh. Nó khiến bà ngoại Thảo sợ đến mức không dám mang ra trước mặt bà. Ngày càng nhiều quà từ nước ngoài gửi đến. Nhưng thường xuyên, khiến Phúc thất vọng, gia đình trả tiền nhận bưu kiện chỉ để thấy kẻ trộm đã lấy hết đồ hoặc thay bằng đá.

Nữ quan sát phản ứng đầu tiên của hàng xóm trước vết bỏng biến dạng của con gái. Trẻ con co rúm lại. Người lớn lắc đầu : «Tội nghiệp cháu quá», họ than vãn. Cho đến khi gia đình và bạn bè quen với tật nguyên của cô, mọi người im lặng ngượng ngùng trước sự vụng về của cô. Thường khi phụ giúp tiệm mì hay ở nhà, cô làm rơi chén. Trên bàn ăn, khi bát cơm sứ rơi xuống sàn, cô ngạc nhiên nhìn quanh, không biết nó đã rơi từ tay trái.

Nữ kêu gọi gia đình và hàng xóm, già trẻ, giúp Phúc tập luyện phục hồi sức mạnh và linh hoạt. Bà hướng dẫn : bà chú ý cách y tá xoay cổ Phúc trong khi ngăn cô xoay người theo, cách tập tay trái để phục hồi linh hoạt ở khuỷu tay và vai, và từng ngón tay, ngăn chúng co quắp hơn. Vài tháng sau Phúc mới đủ sức tự tập tay trái và tay phải.

Chỉ Nữ chịu được tiếng kêu của Phúc khi da căng và khớp cứng kéo giãn. Đau là phần tất yếu trong phục hồi nạn nhân bỏng ; càng vận động và linh hoạt, càng đau. Sự hồi phục có thể mất hai ba năm. Nữ nghiêm khắc với Phúc. «Rất đau», bà đồng ý, «nhưng con phải tập bây giờ nếu không muốn xấu mãi. Con phải tập nếu muốn tự sống phần đời còn lại. Mẹ không thể bên con mãi.»

Dần dần, Phúc lấy lại cảm giác ở tay chân nên cử động ít lộ vẻ khó khăn hơn. Thay vì phải cúi miệng xuống bát cơm trên bàn, tay trái lại có thể nâng bát lên. Từ từ, cô lấy lại sức. Dù không bao giờ có thể theo kịp bạn cùng tuổi, trong vòng một năm cô trông như mọi đứa trẻ khác, chạy chơi, đạp xe đi học. Nếu không biết về thương tật, khó nhận ra.

Phúc sẽ phải sống với những cơn đau và nhức đầu bất chợt suốt đời. Thường thuốc Tây y giảm đau đủ xoa dịu. Khi nóng bừng trong người, như khi phơi nắng lâu,

cô có thể tắm cho đỡ. Hàng ngày, ai đó được gọi mua cục nước đá đập vụn bọc khăn chườm lưng, cổ hay đầu Phúc khi cần. Gia đình cũng luôn để ý không để cô gãi tay trái đến chảy máu ; cô không cảm thấy móng tay cào cũng như không cảm thấy muỗi đốt. Khi cô kêu đau đốn, người gần nhất sẽ chạy đến vỗ và xoa lưng cho cô. Vào những dịp hiếm hoi khi cơn đau dường như vượt quá tầm kiểm soát, ai đó sẽ đi gọi Dì Anh, người sẽ tiêm cho Phúc mũi thuốc mà bác sĩ đã từng kê.

Phúc thấy cả gia đình mình đang nhường nhịn và hy sinh vì cô. Trong gia đình, cô thấy mẹ mình là người hy sinh nhiều nhất. Cô thấy mẹ cố kìm nén nước mắt khi nghe tiếng rên đau đốn của con gái. «Phúc, đừng khóc», Nữ nói. «Mẹ không thể gánh nổi đau của con, nhưng khi con khóc, mẹ mang thêm nỗi buồn.» Vì vậy, Phúc cố gắng không để nước mắt rơi. Con yêu mẹ ; con không được làm mẹ buồn. Cô không biết rằng, khi ra khỏi tầm mắt của con gái, nước mắt của Nữ đã rơi không kiểm soát.

Trong chiến tranh, miền Nam Việt Nam đã trở thành một quốc gia của những người tiêu xài. Người dân miền Nam chi nhiều tiền cho mỹ phẩm và các sản phẩm làm đẹp nhập khẩu hơn tổng thu nhập từ xuất khẩu của cả nước. Họ có thể chi tiêu vượt quá giá trị tổng sản

phẩm quốc nội (GDP), phần chênh lệch được tài trợ bởi viện trợ và chi tiêu quân sự của Mỹ. Trong khi đó, nền tảng kinh tế của miền Nam dần sụp đổ. Sản xuất công nghiệp và chế tạo giảm mạnh và trở nên phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, thiết bị và phụ tùng được tài trợ bởi viện trợ. Điều này thậm chí xảy ra trong các ngành công nghiệp truyền thống như sản xuất nước mắm. Trong thời kỳ người Mỹ hiện diện, hai ngành công nghiệp chính vẫn là sản xuất đồ uống và chế biến thuốc lá, giống như thời Pháp thuộc. Người dân đổ xô đến các thành phố, nhưng chỉ để làm những công việc tạm thời, kéo dài chừng nào người Mỹ còn ở lại. Ở những nơi như Đà Nẵng, nơi trong chiến tranh được coi là Sài Gòn thu nhỏ, những lao động này chiếm một nửa lực lượng lao động.

Sự rút lui của người Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam đồng nghĩa với việc đá bay chiếc chống đỡ nền kinh tế. Sau khi họ rời đi, chế độ Sài Gòn phải đối mặt với hai vấn đề kinh tế nghiêm trọng : thất nghiệp đô thị và lạm phát. Trong số những loại thuế mà chính phủ áp dụng hoặc tăng gồm có thuế đánh vào tiểu thương tăng gấp đôi, thuế đất tăng 20% và thuế giá trị gia tăng mới 10%. Để kiểm soát lạm phát, chính phủ liên tục phá giá đồng (21 lần từ giữa năm 1972 đến mùa thu năm 1974). Người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi các đợt tăng

giá : năm 1973, giá gạo tăng 55%, đường tăng 60% và xăng tăng 75%. Ở Trảng Bàng, sự gia tăng trộm cắp và cướp bóc trong khu thương mại là dấu hiệu của thời kỳ kinh tế khó khăn. Tùng và người con gái thứ hai, Dung - người đã đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn khi là đứa con lớn nhất ở nhà - sẽ đến cửa hàng mì ngay khi Nữ vừa rời đi. Nhiệm vụ của họ là trông coi cửa hàng qua đêm.

Chế độ Sài Gòn thiếu tiền - trong khi sống dưới mối đe dọa rằng bất cứ lúc nào, chiến tranh toàn diện có thể bùng nổ - không thể chi trả lương cho quân đội. Lương không được thanh toán. Những người lính không thể nuôi gia đình bằng số tiền ít ỏi họ nhận được, và nhiều người đã đào ngũ. Sau khi người Mỹ rút đi, những hành vi sai trái trong quân đội, vốn luôn là nơi nảy sinh tham nhũng, trở nên mất kiểm soát. Những người lính từ cấp cao nhất đến cấp thấp nhất đều tham ô tiền bạc, gạo và vật tư, ăn cắp quỹ lương và kiếm lời từ các giao dịch bất hợp pháp. Tuy nhiên, chủ nghĩa bè phái và tham nhũng bắt đầu từ trên xuống, với Thiệu và người thân của ông, và được phản chiếu bởi giới tinh hoa Sài Gòn. Như câu tục ngữ Việt Nam nói : «Con sâu làm rầu nồi canh.» Trong làn sóng phản đối ngày càng tăng, tầng lớp trung lưu Sài Gòn, với sự ủng hộ của sinh viên, trí thức không Cộng sản và các nhà lãnh đạo tôn giáo, đã lên tiếng yêu

cầu Thiệu từ chức. Mong muốn chung là có được sự ổn định chính trị, điều được cho là không thể đạt được nếu ông vẫn là tổng thống.

Vài tháng sau hiệp định ngừng bắn, trưởng huyện đến gặp Tùng và Nữ với một thông báo bất ngờ. Một số người Mỹ muốn tặng gia đình một khoản tiền. Buổi trao tặng sẽ diễn ra trước đền Cao Đài. Ông giải thích: «Chúng tôi không thể gặp tại nhà ông bà vì tình trạng của nó.» Vào ngày và giờ đã hẹn, một đoàn xe gồm chín chiếc, bảy xe jeep quân sự từ tỉnh Hậu Nghĩa và hai xe ô tô từ huyện, dừng lại trước đền từ Quốc lộ 1.

Các quan chức Việt Nam và một trong hai người Mỹ có mặt đã phát biểu ; người còn lại đang quay lại buổi lễ. Khoản tiền quyên góp bằng đồng, tương đương ba nghìn đô la Mỹ, là từ cộng đồng lính cứu hỏa ở New York. Mong muốn của họ là gia đình Kim Phúc sẽ dùng số tiền này để xây lại ngôi nhà bị hư hại do chiến tranh.

Một quan chức mời Tùng lên phát biểu.

Ông vừa mới bắt đầu - «Chúng tôi là một đất nước sống trong chiến tranh, nhưng những người từ các quốc gia khác đang chia sẻ» - thì tiếng rít của một quả đạn cối bay đến làm gián đoạn lời ông. Các quan chức vội vã chạy về phía xe của họ. Người đang cầm phong bì

màu nâu chứa tiền hét lên với Tùng : «Vì chiến tranh, trao tiền cho ông bà lúc này không có ý nghĩa gì. Sau khi chiến tranh kết thúc, chúng tôi sẽ trao lại !» Đoàn xe phóng đi.

Sau đó, bên trong ngôi đền nơi Tùng và Nữ tìm nơi trú ẩn, Tùng buồn bã nói : «Họ cho chúng tôi ném mùi tiền, nhưng chúng tôi không có cơ hội nuốt nó.»

Tối hôm đó, tiếng bước chân đánh thức Nữ. Nghi ngờ có trộm, bà tháo gói tiền đồng - lợi nhuận trong ngày từ cửa hàng mì - quán quanh eo và nhét những tờ tiền xuống dưới chiếu tre bên dưới chỗ Phúc và hai đứa nhỏ nhất đang ngủ. Phúc mở mắt thêm ngủ. Nữ ra hiệu im lặng, bảo cô giả vờ ngủ tiếp.

Hai gã đàn ông to lớn lừa cả nhà đang ngủ ra khỏi giường. Những kẻ xâm nhập trói họ vào hai cột riêng biệt trong nhà.

Một tên rút súng chĩa vào Nữ. «Việt Cộng cần một triệu đồng.»

Bà phủ nhận có số tiền đó. «Hôm nay chính phủ đã trao tiền cho các anh ! Việt Cộng cần nó ! Đưa nó cho chúng tôi !» Nữ giải thích về quả đạn cối đã làm gián đoạn buổi lễ trước đó. Những kẻ xâm nhập bức bối bắt

đầu lục soát nhà. Trong lúc đó, Bác Cả nói lỏng một nút dây đủ để cậu em trai bảy tuổi của Phúc thoát ra. «Chạy đến nhà bà đi !» ông nói với cậu bé. «Kêu cứu đi !» Cậu bé vừa chạy vừa hét suốt quãng đường đến đó. Khi ông bà đến với đèn pin, những kẻ xâm nhập đã bỏ trốn.

Sáng hôm sau, Loan chở Nữ trên xe máy đến văn phòng tỉnh Hậu Nghĩa, hy vọng nhận được khoản tiền góp. Ở Củ Chi, họ tiếp tục đi về phía nam dọc theo một con đường nhỏ. Hỏa lực cối buộc họ phải quay lại. Cuối cùng, Loan nhận được tin rằng khoản tiền đã được gửi trong một ngân hàng ở Sài Gòn, và chính phủ sẽ trao nó cho gia đình khi chiến tranh kết thúc.

Một năm sau hiệp định ngừng bắn, Tổng thống Thiệu tuyên bố rằng đất nước một lần nữa rơi vào tình trạng chiến tranh. Trong mùa khô đó, quân Cộng sản đã không, như Thiệu dự đoán một năm trước, mở chiến dịch tấn công. Thay vào đó, trong năm 1974, họ chỉ tập trung củng cố và mở rộng các căn cứ hiện có.

Thiệu chỉ sai một năm. Quân Cộng sản dự định mở cuộc tấn công không phải vào mùa khô năm 1974 mà là mùa khô năm 1975. Yếu tố bất ngờ là cuộc tấn công sẽ không nhắm vào các tỉnh phía bắc, như lực lượng miền Nam có thể mong đợi, mà vào miền Trung Việt Nam. Hà Nội tính toán rằng một thất bại quyết định của quân

đội miền Nam trước lực lượng Cộng sản ở đó sẽ đặt họ vào vị trí có thể tiến thẳng vào Sài Gòn trong mùa khô năm sau.

Để chuẩn bị cho cuộc tấn công mà họ dự kiến sẽ kéo dài hai năm, quân Cộng sản bắt đầu đưa quân chủ lực và vật tư xuống đường mòn Hồ Chí Minh. Quân Cộng sản cũng bắt đầu xây dựng một đường ống dẫn dầu kéo dài đến cách Sài Gòn 75 dặm, và thiết lập một mạng lưới vô tuyến hiện đại để Hà Nội có thể liên lạc trực tiếp với các đơn vị ngoài chiến trường. Không nơi nào thể hiện rõ sự quyết tâm giành chiến thắng trước miền Nam hơn trong quá trình mười năm biến đường mòn Hồ Chí Minh từ một mạng lưới đường mòn nguyên thủy thành một con đường có thể sử dụng được trong mọi điều kiện thời tiết, xuyên qua núi rừng, đủ rộng để xe tải, xe tăng và xe bọc thép di chuyển. Con đường giờ đây cũng được bảo vệ bởi các trận địa phòng không trên đồi, phòng trường hợp người Mỹ quay lại và tiếp tục ném bom để giải cứu miền Nam.

Người dân miền Nam không cần được thông báo rằng đất nước một lần nữa rơi vào chiến tranh. Cuộc chiến thực sự chưa bao giờ kết thúc. Khi nghe tiếng súng hoặc đạn cối, Phúc, hoảng loạn, chạy vào hầm trú ẩn ngay cả khi Ông ngoại đang hét lũ trẻ : «Nhanh lên !

Vào trong ! Vào trong !» Luôn luôn, cô cho rằng những người Việt Cộng vô hình đang bắn từ trong rừng. Cả người lớn và trẻ em đều biết rằng chạy vào hầm cũng là một canh bạc; tiếng đạn cối không cho biết nó được bắn từ đâu, hoặc sẽ rơi xuống nơi nào, xa hay gần. Trên đường bay, một quả đạn có thể dễ dàng va vào ngọn cây hoặc một tòa nhà và bắn tung tóe từ độ cao đó.

Chiến tranh đã nuôi dưỡng trong Phúc niềm tin rằng trong thời chiến, việc tính toán từng bước đi là vô ích. Cuộc sống, dường như, hoặc là may rủi hoặc là số phận. Một ngày nọ, Phúc đang ngồi trong cửa hàng mì, đủ gần để nhìn thấy ánh chớp lóe lên của đạn cối và nghe tiếng nổ của quả đạn. Cô quan sát cảnh tượng diễn ra như trong chuyển động chậm. Mọi người chạy tán loạn theo bất cứ hướng nào chân họ đưa đẩy. Một người phụ nữ đâm sầm vào một chiếc xe quân sự đang di chuyển chậm. Bà đứng dậy, và mặc dù máu chảy ròng ròng từ đầu, vẫn tiếp tục chạy.

Không báo trước, trong điệu nhịp đứt quãng của cuộc sống với cái chết, nhịp điệu có thể thay đổi từ chậm rãi thành cuồng loạn. Một người có thể đang cãi nhau với anh chị em một phút trước, và phút sau đã bị giết chết. Hai lần, có những tình huống suýt chết trong ngôi nhà. Ngay sau khi Loan tắt động cơ xe máy và dựa nó vào

tường, một quả đạn cối rơi xuống gần đó, khiến mảnh đạn bắn vào chiếc xe ngay lúc cô bước vào cửa bên. Một lần khác, Bác Cả đang ngồi xuống hầm trú ẩn sau đũa tre cuối cùng thì một mảnh kim loại nóng từ vỏ đạn nổ làm bàn tay ông chảy máu.

Phúc bắt đầu gặp những cơn ác mộng về chiến tranh lặp đi lặp lại. Trong một giấc mơ, cô và các anh trai đứng giữa những người lính mặc quân phục. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa họ, và tiếng súng vang lên. Trong giấc mơ khác, cô ở một khu phố lạ. Bom rơi, và lửa bùng lên khắp nơi. «Chúng ta phải thoát ra !» ai đó hét lên. Và như thường lệ, cô chạy, hoảng sợ vì bị giết. Tự thúc giục mình tiếp tục, cô trở nên mệt mỏi, mệt đến mức không biết làm sao để có thể đi tiếp.

Trong những giờ tỉnh táo, cũng như trong cơn ác mộng, Phúc vẫn chạy trốn chiến tranh. Cô muốn ngừng chạy ; cô muốn thứ khiến cô phải chạy cũng dừng lại. Cô chỉ muốn tắt cả kết thúc.

Chỉ có một cách để sống chung với sự tàn phá của chiến tranh : người ta phải tuân theo những thói quen và nhịp điệu bình thường của cuộc sống. Sau một năm trong bệnh viện, điều Phúc mong muốn nhất là trở lại cuộc sống bình thường, với cô đó là được đi học cùng bạn bè. Vào thời điểm bị tấn công bằng bom napalm,

cô đang học lớp ba. Khi trở về từ Sài Gòn, các bạn cùng lớp cũ của cô đã bắt đầu học lớp năm. Với sự giúp đỡ của Loan, vừa là giáo viên lớp bốn ban ngày vừa là gia sư sau giờ học, Phúc đã hoàn thành hai lớp trong một năm. Đến mùa hè năm 1974, cô đang ôn thi cho kỳ thi toàn quốc lớp năm. Lớp sáu được coi là bước chuyển từ thời thơ ấu sang tuổi thiếu niên, vì đó là bắt đầu của trường trung học (từ lớp sáu đến lớp mười hai).

Trường học và việc học hành mang đến cho Phúc nhiều nỗi thất vọng. Cô tiếc nuối khi trường học, nghe thấy tiếng đạn cối hoặc tiếng chiến sự gần đó, cho học sinh về sớm hoặc thậm chí đóng cửa một hai ngày. Trong lòng nhiệt huyết học tập, cô thấy mình bị đau đầu và chóng mặt. Sức chịu đựng của cô luôn không theo kịp mong muốn. Những nạn nhân bỏng có thể trông đã hồi phục, nhưng thường báo cáo các triệu chứng đau đầu và chóng mặt mà không có nguyên nhân sinh lý rõ ràng. Những triệu chứng này được cho là liên quan đến tổn thương tâm lý.

«Mẹ không muốn con phát điên vì học hành», Nữ nói với Phúc. «Con không cần phải là học sinh giỏi nhất. Điểm trung bình là đủ tốt rồi.»

Phúc đứng thứ mười sáu trong số học sinh lớp năm của bảy trường trong và xung quanh Trảng Bàng. «Nếu con không bị bỏng, con có thể đứng đầu !» cô nói với cha mẹ.

Thành tích này nâng cao lòng tự trọng của cô. *Mình không còn là trẻ con nữa. Mình đã lớn hơn rồi*, cô tự nhủ vào ngày sinh nhật lần thứ mười một của mình. *Mình phải bắt đầu quan tâm đến ngoại hình*. Trong sự tự nhận thức ngày càng tăng, sau mỗi lần tắm, cô sẽ soi cơ thể trong chiếc gương ba mặt. Cô cảm ơn Đạo Cao Đài. *Cảm ơn trời, mặt mình không bị bỏng. Dù tính cách mình có tốt như thiên thần, nhưng nếu khuôn mặt xấu xí, thà chết còn hơn*. Cô khao khát được mặc áo ngắn tay như những cô gái khác, nhưng cô biết điều đó sẽ không bao giờ xảy ra.

Phúc quyết định đánh dấu việc tốt nghiệp bằng hai cách : lần đầu tiên đi nha sĩ và xỏ khuyên tai. Loan đưa cô đi vài dặm bằng xe máy đến nha sĩ gần nhất. Di Anh xỏ lỗ tai cho cô, và Nữ đáp ứng yêu cầu của cô với một đôi bông tai vàng. Mỗi đứa trẻ trong gia đình đều có trang sức vàng riêng - mỗi cậu con trai có một dây chuyền và vòng tay, mỗi cô con gái có một vòng tay và dây chuyền với mặt hình trái tim - mà Nữ không cho phép chúng đeo vì lo ngại trang sức vàng sẽ thu hút

trộm cướp và bắt cóc. Do ngôi nhà không đủ an ninh, Nữ đã nhờ Tùng cất giữ trang sức cùng với số tiền tiết kiệm của gia đình bằng vàng ở một ngôi nhà an toàn hơn. Gia đình sau này sẽ phát hiện ra rằng Tùng đã dùng trang sức để trả nợ cờ bạc.

Nhiệm kỳ tổng thống của Richard Nixon đã bị suy yếu không thể cứu vãn bởi vụ bê bối Watergate bắt đầu từ việc nghe lén trụ sở quốc gia của Đảng Dân chủ vào mùa hè năm 1972. «Nếu không có chiến tranh Việt Nam, sẽ không có Watergate», một trợ lý của ông, H. R. Haldeman, sau này viết. Một sợi dây trong sự sụp đổ của Nixon là việc rò rỉ Tài liệu Lầu Năm Góc cho The New York Times năm 1971, tiết lộ chính sách bí mật của chính quyền trước đó ở Đông Dương. Sự tiết lộ đó đã góp phần làm thay đổi dư luận Mỹ chống lại sự can dự. Một Nixon chán nản đã tổ chức một đơn vị (gọi là «thợ sửa ống nước» vì họ có nhiệm vụ bịt các lỗ rò rỉ) để bí mật điều tra người đã sao chép và rò rỉ Tài liệu Lầu Năm Góc, Daniel Ellsberg. Đơn vị này tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đáng ngờ và bất hợp pháp khác, cuối cùng, khiến tổng thống bị liên lụy trong vụ che đậy vụ Watergate. Ngày 9 tháng 8 năm 1974, Nixon từ chức để tránh bị luận tội.

Cộng sản coi sự sụp đổ của Nixon là đưa giải thưởng Sài Gòn đến gần hơn. Sự không chắc chắn kéo dài ảnh hưởng đến kế hoạch tấn công của Cộng sản vào mùa xuân năm sau là liệu Nixon, sử dụng quyền phủ quyết tổng thống để tiếp tục chiến tranh bất chấp việc Mỹ rút quân, có can thiệp bằng hỗ trợ không quân, tài trợ của quốc hội hay cả hai hay không. Một trong những hành động cuối cùng của Nixon với tư cách tổng thống là ban hành luật giới hạn chi tiêu cho viện trợ quân sự Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa trong năm tới. Quốc hội nhanh chóng hạ mức giới hạn từ 1 tỷ đô la xuống 700 triệu đô la, gửi tín hiệu cho người kế nhiệm Nixon, Gerald Ford, rằng họ không quan tâm đến việc duy trì chế độ Thiệu.

Cộng sản đếm ngược thời gian của Việt Nam Cộng hòa vào tháng 1 năm 1975. Tháng đó, lực lượng Cộng sản chọn một tỉnh gần Sài Gòn, chỉ cách thủ đô năm mươi dặm về phía đông bắc, để thử sức kháng cự của lực lượng chính phủ. Cộng sản dễ dàng chiếm thủ phủ của tỉnh đó, đánh dấu lần đầu tiên họ «giải phóng» một tỉnh miền Nam. Sự im lặng tiếp theo của Mỹ khuyến khích Cộng sản tiến hành như kế hoạch với cuộc tấn công chính ở cao nguyên trung phần. Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Cộng sản tấn công một thành phố ở miền Trung Việt Nam.

Đến giữa tháng 3, các tin tức từ Sài Gòn được truyền qua máy telex ồn ào ở Mỹ báo cáo một cuộc tháo chạy điên cuồng của quân đội và dân thường xuống các tuyến đường ven biển phía nam. Không ai, kể cả Cộng sản, ngờ rằng phòng thủ của chính phủ sẽ sụp đổ nhanh chóng đến vậy ; chỉ trong vài ngày, nửa đất nước gần như được trao vào tay họ. Những người từng gắn bó với Đông Dương vội vã trở lại Việt Nam để đưa tin về những gì có vẻ là màn cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Tổng thống Thiệu đã phạm sai lầm chiến lược chết người khi ra lệnh cho lực lượng của mình rút từ cao nguyên trung phần về ven biển. Các đoàn quân rút lui bị bao vây. Thiệu cũng ra lệnh cho lực lượng Nhảy dù tinh nhuệ của mình về Sài Gòn, nơi ông lo sợ một cuộc đảo chính. Sau đó, ông đổi ý, bảo họ giải cứu Huế, thành phố đã bị Cộng sản chiếm giữ trong hai mươi sáu ngày kinh hoàng trong Tết Mậu Thân-nhưng đã quá muộn. Huế thất thủ ngày 25 tháng 3, Đà Nẵng ngày 30 tháng 3. Hàng ngàn binh lính và dân thường hoảng loạn lội xuống biển để lên thuyền. Người ta bám vào cầu thang sau và hốc bánh xe của máy bay, rơi xuống tử vong.

Hà Nội cảm nhận được quân đội Việt Nam Cộng hòa đang tháo chạy. Họ từ bỏ các mục tiêu giới hạn của cuộc tấn công và quyết định thực hiện đợt tấn công quân sự cuối cùng vào Sài Gòn. Cộng sản biết rằng họ có nhiều

nhất một tháng ; đến tháng Năm và bắt đầu mùa mưa, họ sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài rút lui và chờ đợi thời cơ khác.

Quân đội Việt Nam Cộng hòa rút lui sau một tuyến phòng thủ bảo vệ các vùng cực nam ngay phía trên Sài Gòn. Trong tuần thứ hai của tháng Tư, lực lượng Cộng sản tấn công cách thủ đô ba mươi lăm dặm tại Xuân Lộc, nơi có căn cứ quân sự Mỹ cũ. Lực lượng chính phủ ở đó đã kháng cự quyết liệt duy nhất trong cuộc phản công và, được không quân hỗ trợ tốt, đã giữ chân lực lượng Cộng sản.

Tại Sài Gòn, đại sứ Mỹ sẽ chậm trễ trong việc sơ tán người Mỹ, cũng như nhân viên và bạn bè không phải người Mỹ của họ, chủ yếu vì niềm tin rằng Sài Gòn có thể được bảo vệ và Washington sẽ cung cấp tiền, 700 triệu đô la theo luật. Ngày 15 tháng Tư, chính Kissinger đã kêu gọi Thượng viện. Mãi đến ngày 21 tháng Tư, khi Thiệu lên truyền hình từ chức để nhường lại vị trí cho phó tổng thống của mình, đồng thời phàn nàn rằng Gerald Ford đã làm Việt Nam Cộng hòa thất vọng, sự bất an mới gia tăng rằng thủ đô có thể thất thủ. Các chuyến bay sơ tán của Mỹ bắt đầu. Cảnh sát Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng bắt giữ và bắt giam bất kỳ người Việt Nam nào bị nghi ngờ cố gắng rời khỏi đất

nước. Cần phải lừa dối để đi qua các con phố thành phố, thường vi phạm lệnh giới nghiêm, qua cổng an ninh của sân bay Tân Sơn Nhất, và cuối cùng lên máy bay sơ tán của không quân Mỹ đang chờ. Chỉ những người có tên trong danh sách phê duyệt của chính phủ Mỹ mới có thể rời Việt Nam Cộng hòa.

Một số người đã đóng vai trò trong câu chuyện của Kim Phúc đã thoát khỏi miền Nam Việt Nam. Ngày sau khi Thiệu từ chức, hãng AP sơ tán Nick Út. Anh nói với mẹ rằng sẽ trở lại sau hai tuần, hoặc nhiều nhất là một tháng, tùy vào thời gian lực lượng chính phủ cần để bảo vệ Sài Gòn. Nick mang theo chị dâu Arlette và con gái mười tuổi của cô. Tài xế chiếc xe chở cô và những người phụ thuộc khác của AP đến sân bay đã đánh lừa cảnh sát đang truy đuổi bằng cách dừng ở một công viên thành phố và giả vờ đã ngoại. Carl Robinson gửi vợ Việt Nam và các con của họ, cùng một số anh chị em của vợ, trên chuyến bay sơ tán, còn bản thân ông ở lại thêm vài ngày. Quản lý của Barsky, Joyce Horn, lái một trong ba xe cứu thương Ford chở ba mươi sáu nhân viên đơn vị và gia đình họ từ bệnh viện đến sân bay. Trong số hành khách của cô có bác sĩ Mỹ và các con của bà, cùng một cậu bé ba tuổi bị bỏng bị bỏ lại tại Barsky mà không ai đến nhận, và người mà Horn sẽ nuôi dưỡng như con trai mình. Để qua mặt cảnh sát, tất cả đều được

cải trang thành bệnh nhân, bôi máu từ ngân hàng máu của Barsky và quần băng gạc. Một số có IV gắn vào tay, trong khi những người khác chống nạng.

Hai ngày sau khi Thiệu từ chức, Gerald Ford tuyên bố trong một bài phát biểu tại Đại học Tulane ở New Orleans rằng người Mỹ không có lý do gì để «tái chiến một cuộc chiến đã kết thúc.» Ba ngày sau, vào ngày 26 tháng 4, lực lượng Cộng sản đã đột phá tại Xuân Lộc. Đến lúc đó, Thiệu và gia đình đã rời đi Đài Loan, được cho là mang theo mười sáu tấn hành lý, bao gồm vàng thỏi và tiền tệ Mỹ.

Vào tuần cuối tháng 4, Trảng Bàng trở nên hoang vắng. Cảnh sát và chính quyền địa phương biến mất. Hầu như không có phương tiện nào lưu thông trên xa lộ, và các trạm kiểm soát thông thường đã bị bỏ hoang. Nhiều doanh nghiệp và tất cả các trường học đã đóng cửa. Nữ đóng cửa hàng. «Không ai muốn ăn», cô nói. Gia đình rút về nhà. Họ túm tụm ở phía sau, nói chuyện thì thầm và không nấu ăn, thay vào đó ăn trái cây dự trữ và lương khô gạo chín của quân đội. Nếu không có dấu hiệu sự sống, bao gồm cả khói từ bếp, những máy bay trinh sát bay qua hy vọng sẽ nghĩ ngôi nhà trống không.

Sự im lặng kỳ lạ khiến Tùng và Nữ lo sợ rằng cuộc tấn công sắp xảy ra. Họ quyết định rời khỏi nhà, nhưng vẫn ở trong tầm với để lấy thức ăn và thuốc men. Họ đến ngôi đền Caodai chính, nơi họ tìm thấy một số ít người hàng xóm đã có mặt ở đó.

Sáng hôm sau, tiếng đạn cối xé toạc không khí, khiến những mảnh đạn và rocket đập vào cửa trước và cửa sổ của ngôi đền. Những người hàng xóm cùng họ bên trong không biết phải làm gì. Gia đình quyết định đánh cược vào ngôi đền mẹ ở phía bên kia thị trấn. Họ lên đường theo con đường mòn. Vừa đến gần nhà, đạn pháo đâm sầm xuống đất. «Vào trong ! Vào trong !» người lớn hét lên. Khi mọi người đã qua cửa gần nhất, Nữ đếm đầu các con : «Một, hai, ba, bốn, năm...» Cô thở hồn hển. «Ôi không, tôi mất một đứa con ! Ai thiếu ? Ai?» Cô đếm lại hai lần trước khi nhận ra đứa thứ sáu và nhỏ nhất đang ở trong tay mình.

Trên đường chạy tiếp, khi đi ngang qua một cụm nhà tranh, Phúc nhìn thấy một mâm chuối xanh ngọt trên bàn thờ ngoài trời. Cô tách khỏi anh chị em để chạy về phía đó.

«Phúc !» anh trai Tâm hét lên. «Đi tiếp đi ! Đừng lấy cái đó !»

«Tại sao không ? Em đói và em thích nó !» Cô định chỉ lấy một quả chuối nhưng lại nhặt cả nải.

Trong đám đông tại đền mẹ có bà ngoại Thảo và hai chị em của Nữ, cùng con cái nhưng không có chồng. Trong ngày rước tiếp theo, rất nhiều dân làng đến nên không còn chỗ để nằm. Các gia đình bắt đầu hết thức ăn.

Chiều ngày thứ hai, một chiếc xe tải rên rỉ dừng lại bên ngoài. Để động cơ chạy, tài xế hét vào cửa : «Tôi đang lái xe đến Tây Ninh. Có ai muốn đi không ?» Suốt ngày, âm thanh ngày càng lớn của đạn cối và súng máy cho thấy một cuộc đụng độ sắp xảy ra. Tùng và Nữ quyết định đến Tây Ninh, đến ngôi nhà dành cho Ngọc khi kết hôn. Tài xế xe tải là một người đàn ông tên Liệu, kinh doanh vận chuyển gỗ từ rừng. Tùng và Nữ nhận lời đề nghị của Liệu, trả tiền trước. Họ và các con leo lên thùng xe, cùng hai vợ và chín con của Liệu.

Xe hơi, xe tải, xe bò, xe máy, xe chở quá tải người và đồ đạc, cùng người tị nạn đi bộ ùn tắc xa lộ, chạy về hướng Sài Gòn. Những người nông dân giơ tay dừng xe tải của Liệu, có cờ Caodai và áo dài trắng buộc ở đầu xe, mua vé lên xe. Liệu nói rõ : không mang theo đồ đạc. Mọi người đồng ý. «Tính mạng trước», họ nói. Đạn cối bắn đến khiến Liệu liên tục đạp phanh và tăng

ga. Nhiều lần, mảnh đạn rơi xuống mái kim loại của xe, khiến Liệu lái zigzag. Mỗi khi xe chậm lại hoặc dừng, những người tuyệt vọng nhảy lên ngoài xe ; một số bám vào mái, số khác bám vào thành xe.

Khoảng giữa đường đến thị trấn Tây Ninh, chuyển đi của họ bị cắt ngắn. Ở cả hai bên xa lộ tại một cây cầu cao là biển xe tải, xe tăng và xe bọc thép của quân đội Nam Việt Nam. Binh lính Nam Việt Nam khuyên Liệu rằng phía trước đang có giao tranh ác liệt. Liệu quyết định không tiếp tục vì nhiều lý do : trời sắp tối ; xe của anh không có đèn và gần hết xăng ; và, ngoại trừ gia đình anh, hầu hết hành khách đã không ăn trong nhiều ngày. Nếu phải bỏ chạy, cả họ và chiếc xe đều không đi xa được.

Liệu quay xe lại và khoảng nửa dặm sau rẽ vào một con đường nhỏ đến làng Giếng-giếng. NỮ có một ông chú ở đó mà cô nghĩ có thể giúp đỡ về nước, thức ăn, xăng cho xe tải, và chỗ trú qua đêm. Cô đến ngôi nhà có đầu hương treo trên cửa trước. Ngôi nhà được xây dựng bởi cha của ông chú, từng là đốc công trên một đồn điền cao su của Pháp.

Ông chú Thiệu đồng ý chia sẻ gạo ít ỏi của gia đình cho sáu đứa con của cô. NỮ tổ chức các phụ nữ trong đám đông hái rau muống, một loại rau rừng thân, luộc

với muối để cho mọi người ăn. Sau bữa ăn trong bóng tối của khu vườn, khoảng ba mươi người lớn, bao gồm Nữ và Tùng, trú trong hai nhà kho. Khoảng hai mươi đứa trẻ ngủ quanh bếp ở phòng sau của ngôi nhà. Ông chú Thiệu, vợ và con trai tuổi teen ngủ sau một bức tường bao cát ở phòng chính.

Trong ba hoặc bốn ngày đêm tiếp theo, làng là nơi trú ẩn khỏi chiến tranh. Trong khi tiếng pháo bất chợt vang lên từ bầu trời xa xăm, lũ trẻ chạy khắp đất của ông Thiệu, tự do chạy giữa nhà ông và nhà liền kề của con trai đã lập gia đình. Bản thân người lớn cũng cảm thấy yên tâm trước sức mạnh ẩn tượng của chính phủ cách nửa dặm trên xa lộ về hướng Tây Ninh; họ chưa từng thấy một màn trình diễn như vậy trong suốt những năm chiến tranh.

Ông chú Thiệu giữ chiếc radio bán dẫn Phillips sản xuất Mỹ bắt sóng Đài phát thanh Sài Gòn. Vào ngày 28 tháng 4, ông báo tin rằng Nam Việt Nam có tổng thống mới. Tướng Dương Văn («Lớn») Minh, người đã tổ chức cuộc đảo chính năm 1963 chống lại Diệm và dẫn đến vụ ám sát ông, được nông dân yêu mến và được coi là người có khả năng đàm phán các điều khoản hòa giải với Cộng sản.

Ngay cả khi Minh lên nắm quyền, từ mọi hướng đều có tin tức về việc Cộng sản tiến vào thủ đô. Các tuần tra của họ đã thăm dò phòng thủ của thành phố ở ngoại ô và thấy chúng hỗn loạn ; bất kỳ chỉ huy nào của Nam Việt Nam có thể lãnh đạo đã rời khỏi đất nước hoặc đang tranh thủ thoát ra. Những đêm vang lên tiếng âm ầm của xe tăng Cộng sản và đoàn xe tải tiến về phía thủ đô.

Sáng ngày 29 tháng 4, trên Quốc lộ 1 ngoài Trảng Bàng, trên cánh đồng phía đông đền Cao Đài, hai xe tăng và một số xe tải của quân đội Nam Việt Nam được bố trí phòng thủ trước hỏa lực địch từ hướng khu kinh doanh của thị trấn. Vài chục binh lính Nam Việt Nam đào hầm cá nhân. Trước giờ trưa, một phóng viên AP từ Sài Gòn lái xe lên Quốc lộ 1 dừng lại nói chuyện với người chỉ huy. Khi một vài binh lính nấu bữa trưa dưới bóng râm của một chiếc xe, vị thiếu tá giải thích nhiệm vụ cuối cùng của họ : «Chúng tôi sẽ đứng đây và chết», ông nói. «Đây là tiền tuyến. Không có ai xa hơn chúng tôi và cũng không có ai khác.»

Cùng ngày hôm đó, phái đoàn Hoa Kỳ bắt đầu rút quân khẩn cấp, thực hiện cuộc di tản bằng trực thăng lớn nhất từ trước đến nay. Người Nam Việt Nam hoảng loạn và tuyệt vọng, tuyên bố họ đã được hứa hẹn thoát

thân, cầu xin, cố hồi lộ và tranh giành để được đưa vào kế hoạch sơ tán. Trong mười tám giờ, trong thời tiết xấu dần và mưa, trực thăng Mỹ liên tục di chuyển giữa một căn cứ gần sân bay Tân Sơn Nhất và một hạm đội tàu Mỹ và tàu sân bay ngoài khơi. Bom đạn và pháo kích cuối cùng buộc họ phải sơ tán từ sân thượng tầng bảy của đại sứ quán Mỹ. Chiếc trực thăng cuối cùng cất cánh từ sân thượng đại sứ quán vào sáng sớm ngày 30 tháng 4. Sau đó cùng buổi sáng, còi báo động của thành phố vang lên ba lần, báo hiệu thành phố đang bị tấn công.

Vào lúc bình minh ngày 30 tháng 4, Liệu quyết định tiếp tục đến thị trấn Tây Ninh. Anh hút xăng từ chiếc Honda của một người hàng xóm của chú Thiệu để đưa chiếc xe tải của anh ấy đi xa. Đột nhiên, những loạt đạn pháo bắn tới dội vào xóm. Đám đông mà Liệu đã dẫn theo, bao gồm Tùng và gia đình anh, cùng gia đình chú Thiệu, chất đầy lên xe tải của Liệu và chiếc xe van của chú. Hai chiếc xe lao xuống đường khoảng một dặm, cuối cùng chú Thiệu tìm được một nơi trú ẩn dưới tán cây lớn.

Giữa buổi sáng, chú Thiệu kêu gọi mọi người im lặng. Ông chấp tay lên tai, vốn đã dán sát vào chiếc radio bán dẫn, để cố gắng nghe rõ hơn lời phát thanh của tướng

Dương Văn Minh. Vị tướng tuyên bố đầu hàng quyền lực cho phe Cộng sản và kêu gọi tất cả binh lính Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí.

«Kết thúc rồi,» chú Thiệu nói. «Chiến tranh kết thúc rồi.»

Những đứa trẻ bắt đầu reo hò. Phúc, 12 tuổi, cảm thấy choáng váng khi nghĩ rằng mình không còn phải sợ chết và giết chóc nữa, rằng cô có thể thoát khỏi sự kìm kẹp của hoảng loạn, khỏi việc phải đoán trước cái chết. Ban ngày, chạy trốn những loạt đạn cối, và ban đêm, trong những cơn ác mộng, cô đã kiệt sức vì chạy trốn chiến tranh. Trong tâm trí cô, kết thúc chiến tranh có nghĩa là gia đình có thể sống bình thường trở lại, có thể xây lại ngôi nhà lớn và cuộc sống trong đó. Khi cô chìm đắm trong những mơ tưởng đó, nhiều người lớn đã bật khóc. «Chúng ta thua rồi, chúng ta thua rồi,» họ nói.

Chương Bảy

Nửa giờ sau khi bản tin đầu hàng được phát sóng, chú Thiệu và Liệu lái xe cùng những người đi cùng trở về xóm của chú. Ở đó, họ thấy dân làng, già trẻ lớn bé, ùa ra khỏi nhà để ăn mừng. Trước khi Nữ kịp phản đối, hai đứa con tuổi teen của bà, Dung và Tâm, đã biến mất trong đám đông tụ tập. Theo lời bà, bốn đứa con nhỏ hơn ngoan ngoãn đi theo bà và Tùng, cùng chú Thiệu và vợ chú, vào trong nhà.

Một tiếng reo hò phấn khích vang lên từ xa lộ. Ai đó xông vào cửa nhà chú Thiệu : «Ra xem Việt Cộng đi ! Ra đi !» Vợ chú Thiệu, bắt chấp lệnh của chồng ở lại, lao ra ngoài.

«Con muốn đi ! Cho con đi !» Phúc nhìn Nữ với ánh mắt van xin.

«Con không được đi.»

Nữ kiên quyết không tin rằng chiến tranh có thể kết thúc dễ dàng như vậy. Bà đã không thấy một bóng dáng lính Cộng sản nào trong những ngày qua, trái ngược với sự phô trương lực lượng của quân đội Việt Nam Cộng hòa vài ngày trước đó trên xa lộ. Hôm nay cũng như mọi ngày thôi, bà tự nhủ. Không chỉ từ chối tham

gia vào cuộc ăn mừng lễ lên rừng chiến tranh có thể đã kết thúc, bà còn sợ điều tồi tệ hơn sắp xảy ra: nếu Việt Cộng đứng sau bản tin đầu hàng, mục đích của họ là dụ binh lính và người dân chính phủ ra đường để tạo ra một cuộc tắm máu cuối cùng thì sao ? Không một người miền Nam nào quên được chuyện đã xảy ra ở Huế trong Tết Mậu Thân.

Trên xa lộ, mọi người đổ xô đi xem đoàn xe quân sự Bắc Việt đi qua. Những chiếc xe tải, xe tăng và xe bọc thép, được trang bị bằng lá cây, lăn bánh, phát còi Việt Cộng. Trên đó là những người lính mặc quân phục, đội mũ cối và đi giày ống. Những người nông dân đứng bên đường nhìn chăm chăm, miệng há hốc, mắt mở to. Họ sửng sốt khi thấy kẻ thù đông đảo như vậy, mặc quân phục chỉnh tề, và trang bị vũ khí hạng nặng. Kẻ thù mà họ từng biết là những tên Việt Cộng đơn độc mặc đồ đen, mặt đen, lén lút di chuyển ban đêm. Người lính miền Bắc mà họ từng miệt thị tưởng tượng gầy gò đến mức, như câu nói ở miền Nam, năm người mới đủ sức trèo lên một cây đu đủ. Thay vào đó, những người đàn ông và những cậu thiếu niên cơ bắp đang mỉm cười nhìn xuống họ. Được che chắn khỏi ánh nắng dưới tán rừng, làn da của họ trắng trẻo và không tì vết.

Phúc sốt ruột chờ tin tức gián tiếp. Vợ chú Thiệu, thở hồn hển vừa chạy ra xa lộ rồi chạy về, phản bác tin đồn bằng quan sát của mình : «Việt Cộng không xấu xí chút nào ! Họ đẹp trai và khỏe mạnh. Họ trẻ và trắng trẻo lắm !»

Sự phấn khích của Phúc bị xáo trộn khi chị Dung trở về báo rằng vừa thấy hai lính Bắc Việt chết, bị giết bởi lựu đạn.

«Ch-cháu đi đâu vậy ?!» Chú Thiệu suýt nghẹn vì sợ hãi.

Dung đã theo đám đông đi xa đến tận cây cầu trên xa lộ hướng về Tây Ninh. Chú Thiệu nói rằng mình quen biết chỉ huy quận của chính phủ và giải thích rằng đó là một người lính sẽ chiến đấu đến chết chứ không đầu hàng. Ngay cả khi lời cảnh báo về những trận đánh tiếp theo vang lên, Dung đã chạy ra ngoài lần nữa. Bản chất con người là đứng về phe chiến thắng.

Sự im lặng gợi ý sự đầu hàng kéo dài. Sau bữa trưa, Liệu thông báo khởi hành đi Tây Ninh. Tùng và Nữ quyết định tiếp tục kế hoạch đến Tây Ninh, và tìm nơi trú ẩn cho gia đình ở đó cho đến khi có xác nhận rằng chiến sự thực sự đã kết thúc. Họ sợ việc di chuyển về hướng Sài Gòn là không an toàn, và cho rằng phe Cộng

sản chắc chắn sẽ gặp phải những ổ kháng cự khi tiếp tục tiến vào thủ đô.

Cảnh quan trên đường đến Tây Ninh nhuộm màu máu. Gần cây cầu, hàng chục thi thể binh lính từ cả hai phía nam và bắc nằm ngổn ngang trong cái chết. Ở giữa ngã tư Quốc lộ 1 với con đường rẽ nhánh về phía bắc vào thị xã Tây Ninh là một chiếc xe tải bị bỏ rơi của quân đội Việt Nam Cộng hòa, chất đầy xác binh lính chính phủ. Con đường ở đó ngổn ngang đồ dùng quân sự miền Nam : quân phục, mũ sắt, giày da, súng M-16, bình nước và phù hiệu đơn vị, thậm chí cả bật lửa và đồng hồ. Hình ảnh gợi lên là những người lính chính phủ đã vứt bỏ mọi dấu hiệu quân sự để hòa mình vào dân thường.

Từ trong thùng xe tải có bạt che của Liệu, Phúc thấy những chiếc xe tải quân đội Bắc Việt đi qua lại. Trong đó, cô lần đầu tiên nhìn thấy những người lính miền Bắc. Cô quyết định không nhìn thẳng ; hình ảnh quân phục gợi lại những ký ức về chiến tranh. Bị lắc lư bởi chuyển động của xe tải, từng dặm đường đến Tây Ninh, cô không ngừng nhủ thầm : Không còn tiếng súng, không còn bom đạn. Không còn tiếng súng, không còn bom đạn.

«Hãy trở về nhà của bạn. Nếu bạn không trở về nhà trong vòng ba ngày, bạn sẽ mất nhà. Hãy trở về nhà. Nếu bạn không trở về...»

Chiếc loa phát thanh vang lên lách cách được gắn trên một chiếc xe quân sự Bắc Việt. Chiếc xe đi qua nhà Ngọc trên Đường Tương Lai vài lần, con đường chính xuyên qua ấp Cống Bảy, một trong mười hai ấp được sắp xếp đồng tâm xung quanh Tòa Thánh và được đặt tên theo công tượng ứng trên bức tường bao quanh nó.

Chiều hôm trước, gia đình Tùng nằm trong dòng người tị nạn và đoàn xe tải Bắc Việt chở những người lính Cộng sản đổ về thị trấn và các ấp xung quanh Tây Ninh. Những chiếc xe quân sự đã thả lính xuống các tòa nhà công cộng, nơi họ sẽ sống cho đến khi đơn vị giải ngũ và họ được gửi trở về miền Bắc. Khi những nơi đó đã đầy, những người Cộng sản gõ cửa các biệt thự tư nhân và những ngôi nhà rộng rãi, yêu cầu chủ nhà «mời» lính vào. Gia đình đã thấy nhà Ngọc trống trơn, những người thuê đã bỏ đi, chỉ còn lại vài món đồ gỗ hỏng. Ngôi nhà có điện - một dấu hiệu chắc chắn rằng vùng Cao Đài quanh Tây Ninh đã may mắn thoát khỏi sự tàn phá của chiến tranh.

Gia đình đánh giá lại tình hình. Nữ sẽ là người đòi lại ngôi nhà, cũng như công việc kinh doanh gia đình. Phần còn lại của gia đình sẽ ở lại nhà Ngọc và chờ tin từ Nữ về tình trạng ngôi nhà gia đình ở Trảng Bàng. Nếu việc sửa chữa cần thiết quá nhiều, khiến gia đình không thể chuyển về ngay lập tức, họ có thể tạm thời sống trong nhà Ngọc. Nữ, mang theo đứa nhỏ nhất vẫn còn bú, lập tức lên đường đến Trảng Bàng.

Trong ấp Cống Bảy, những ngày đầu sau khi chiến tranh kết thúc yên bình nhưng lạ lẫm. Hai ngôi nhà gần nhà Ngọc có chỗ trống để lính nghỉ lại : một biệt thự bằng đá cẩm thạch trắng hai tầng sau bức tường cao và cổng khóa ngay sát bên ; và xa hơn trên đường, một biệt thự lớn thuộc về gia đình mà con đường Tương Lai được đặt theo tên. Nghe lời cảnh báo của mẹ - «Con có thể bị lạc đây !» - Phúc không dám bước ra khỏi nhà và khu đất.

Tuy nhiên, Phúc được hưởng lợi từ sự tò mò của Dung. Chị gái cô mang về những chi tiết về cách sống của những người lính Cộng sản. Ngay cả thói quen ăn uống của họ cũng khiến cô tò mò : họ chỉ ăn một lần mỗi ngày, một bữa ăn họ tự nấu gồm cơm và các loại thực phẩm khô có nhãn mác từ Trung Quốc. Những người lính coi những thứ mà người miền Nam coi là

bình thường là xa xỉ : nước múc từ giếng và xà phòng. Họ chỉ nói khi được hỏi và trả lời lịch sự tất cả các câu hỏi từ những người tò mò. Họ có một cách kỳ lạ để giữ mắt nhìn thẳng về phía trước, và những câu nói của họ nghe như đã được học thuộc : «Tôi còn quá trẻ để trở thành một người lính Cộng sản, nhưng sau khi nộp đơn năm lần, cuối cùng tôi cũng được chấp nhận.» Hoặc, «Bố mẹ tôi không cho phép tôi trở thành một người lính Cộng sản, vì vậy tôi phải bỏ nhà đi để gia nhập.» Dù sao đi nữa, hình ảnh được truyền tải là những chàng trai trẻ với ánh mắt hướng về vinh quang. Sẽ không mất nhiều thời gian để các cô gái miền Nam bắt đầu tán tỉnh họ.

Ở Trảng Bàng, những chiếc xe tải quân đội Bắc Việt đậu san sát dọc theo dãy cửa hàng ăn uống. Nữ hầu như không thể nhìn thấy cửa hàng của mình vì những người lính đang đi lại. Những trận đánh cuối cùng của chiến tranh đã để lại dấu ấn một cách ngẫu nhiên, khiến một số cửa hàng không bị hư hại, trong khi những cửa hàng khác bị phá hủy. Cô thấy cửa hàng của mình đã mất một phần bức tường phía trước ; một quầy hàng bên cạnh đã bị xóa sổ. Khi cô tiến lại gần, những người lính Cộng sản vẫy tay bảo cô đi chỗ khác. Họ đang sử dụng các cửa hàng làm doanh trại tạm thời nhưng cũng có mặt để ngăn chặn nạn cướp bóc.

Nữ tiếp tục đi xuống xa lộ và rẽ vào ngôi đền Cao Đài. Nó còn mang nhiều vết sẹo hơn, gây ra bởi mọi vũ khí chiến tranh - bom napalm, đạn pháo và súng - nhưng nó vẫn đứng vững. Cô đi theo con đường mòn. Nhà của ông Kiệm và bà Thảo vẫn nguyên vẹn một cách yên bình. Nhà của dì Anh bị hư hại nhưng có thể sửa chữa được.

Vài bước xa hơn, Nữ nhìn thấy một đồng đồ nát không lồ. Ngôi nhà gia đình không còn nữa. Những bức tường và toàn bộ mái nhà đã sụp đổ.

Không một tiếng động. Thậm chí không có cả ruồi.

Nữ thấy rằng những kẻ cướp đã đến trước cô. Những mảnh vỡ đã bị lật lên, được phân loại và sàng lọc.

Mặt trời thiêu đốt trên cao.

Nữ không biết mình đã đứng đó khóc bao lâu, nhưng cuối cùng, cô nhận ra rõ ràng quần áo dính vào lưng và các ngón chân bám vào đất. Cô đã mặc chiếc quần và áo này kể từ khi chạy khỏi Trảng Bàng. Vào một lúc nào đó trong những ngày cuối cùng trên đường chạy trốn, có lẽ cô đã đánh mất đôi dép của mình. Cô không thể nhớ lần cuối cùng mình ăn là khi nào.

Trong hai ngày tiếp theo, Nữ cùng đưa con nhỏ nhất của mình đứng bên đường đối diện cửa hàng của mình. Cô dựng một bếp lửa tạm bằng ba viên gạch xếp sao cho có chỗ để đốt củi bên dưới và ăn no bằng lá khoai lang hái từ những khu vườn bỏ hoang. Cô có sự đồng hành của những chủ cửa hàng khác, lo lắng chờ đợi xem những người Cộng sản sẽ làm gì với miền Nam tự bản sau khi thống nhất.

Đến ngày thứ ba, một sĩ quan quân đội nhân danh «chính quyền cách mạng nhân dân» lần lượt phỏng vấn từng người. Ông ta đăng ký từng doanh nghiệp và chủ sở hữu và ấn định phí giấy phép phải trả để đòi lại cửa hàng.

«Tôi không có nhiều tiền như vậy - » Nữ không biết làm sao để trả phí mà không cần xây dựng lại và mở cửa hàng trước. Con hoảng loạn dâng lên trong cô. Chúng tôi cần cửa hàng để sống, cô nghĩ.

« - Tôi chỉ có đất.»

Cô giải thích, và vài ngày sau, viên chức đưa ra một tài liệu. «Ký vào đây», ông ta bảo Nữ, «và cô có thể lấy lại cửa hàng của mình.» Vì không biết chữ, cô không biết rằng với chữ ký của mình, cô đã bán cho viên chức ngôi nhà bị phá hủy của gia đình và mảnh đất nó đứng

trên đó để trả phí giấy phép. Và vì vậy, gia đình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sống xa nhau, với các con và cha của chúng ở nhà Ngọc tại Tây Ninh, ít nhất cũng là một mái nhà che đầu, và Nữ sống và làm việc tại cửa hàng mì ở Trảng Bàng. Gia đình đành chấp nhận. «Chúng ta phải ăn», họ nói.

Trong lần đầu tiên trở lại Trảng Bàng, Tùng lục lọi đồng đồ nát nhưng không thể tìm thấy bất cứ thứ gì mà những kẻ cướp có thể bỏ sót. «Không còn lại một con búp bê hay đồ chơi nào để mang về cho con», ông nói với Phúc. Ông đã không tìm kiếm thêm sau khi tìm thấy một mảnh vỡ của chiếc quạt chằm khắc, từ chiếc ghế trước bàn thờ. Đừng phàn nàn. Hãy chấp nhận nó, ông tự nhủ.

May mắn thay, trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, ông đã giấu một số đồ đạc tại cửa hàng mì. Những thứ được cứu gồm trang phục trắng của gia đình mặc trong các lễ hội Cao Đài, bộ sưu tập sách cầu nguyện và truyện cổ tích, truyện tình cảm của ông, và một vali kỷ vật về sự nổi tiếng của Phúc : một album với bức ảnh của Nick Út và hồ sơ y tế của cô từ Barsky.

Phải mất ba năm Phúc mới dám đi bộ xuống con đường mòn. Cô đã nghĩ rằng, đến lúc đó, một ngôi nhà mới sẽ được xây dựng trên mảnh đất của họ. Từ xa, cô nhìn thấy những tàn tích bị đánh bom. Cô không tiến lại gần hơn. Một đám mây che khuất mặt trời, cô thăm than thở. Trước đây chúng ta có quá nhiều ; giờ chúng ta chẳng còn gì.

Sâu trong đất liền và thậm chí xa hơn từ vựa lúa Đồng bằng sông Cửu Long, cái nóng ở Tây Ninh cảm thấy ngột ngạt hơn nhiều so với Trảng Bàng. Gia đình Tùng đã quen với khung cảnh xanh tươi, nhiều cây cối của một vùng nông thôn ở rìa Trảng Bàng. Tây Ninh là một thành phố, với những dãy nhà ngăn nắp, đường nhựa. Những người sống trong các cộng đồng xung quanh Tòa Thánh hoặc điều hành doanh nghiệp ở chợ Long Hoa gần đó hoặc làm việc ở trung tâm thành phố.

Trong mười khối vuông của ấp Công Bảy, hàng chục ngôi nhà, hầu hết được xây bằng gỗ và gạch, san sát nhau. Những cây duy nhất là những cây mà chủ nhà trồng một cách chiến lược để che bóng mát cho ngôi nhà của họ. Ngôi nhà của Ngọc, được xây bằng gỗ với mái tôn, thể hiện sự bỏ bê của một tài sản cho thuê. Nó đang xuống cấp, cần sơn lại, và không có bóng mát. Vào ban ngày, ngôi nhà nóng như lò. Đến giữa buổi

sáng, người ta phải tìm chỗ nghỉ dưới một trong hai cây măng cầu ở phía sau. Khu đất cũng không có hàng rào bao quanh, nên nạn trộm cắp là mối lo thường trực. Khu đất phía sau gồ ghề, và muỗi đặc biệt phiền toái. Sàn nhà là đất nện, và đồ đạc bằng tre để lại đã gãy và xệ xuống. Nhà vệ sinh là một cái hố lót xi măng cách nhà một trăm bước. Ai sử dụng nó phải dừng lại ở giếng để lấy một xô nước mang theo. Sự sa sút của gia đình trở nên rõ ràng mỗi khi họ đến thăm dì Tiềm ở ấp Cổng Bốn cách đó ba ấp. Ngôi nhà của họ ở Trảng Bàng từng khiến ngôi nhà khiêm tốn của bà trông như nhà của những người họ hàng nghèo ; giờ đây, sàn xi măng và cây dừa che mát mái nhà gỗ của bà trông như một thứ xa xỉ.

Một lần nữa, điều kiện sống thô sơ của gia đình ảnh hưởng nặng nề nhất đến Phúc. Con đau lại trở thành người bạn đồng hành dai dẳng và đòi hỏi ; ngay cả thuốc giảm đau cũng không thể xoa dịu nó. Ban ngày, cô phụ thuộc vào đá. Ban đêm, khi cả gia đình ngủ không yên trong ngôi nhà nóng bức, ngột ngạt và chật chội, thường là Tùng phải chạy đến bên Phúc để đắp lưng hoặc chườm đá cho cô.

Mọi nhu cầu vật chất hoặc mong muốn của gia đình đều do Nữ đảm nhận, và danh sách chỉ ngày càng dài hơn. Thuốc giảm đau cho Phúc là một trong những thứ thiết yếu. Phải hy sinh nhiều thứ. Cô chỉ có thể mua được hai chiếc xe đạp - đã qua sử dụng - một cho Tùng và một cho Ngọc. Khi có thể mua chiếc thứ ba, nó được dành cho Phúc. Cô cần hạn chế tiếp xúc với ánh nắng mặt trời nóng bức, và trường học, cách đó một dặm, đối với cô là một quãng đường đi bộ dài và nóng.

Những điều chỉnh của gia đình với cuộc sống chia cắt thật nhiều. Ngọc rời khỏi Tòa Thánh trở về ; ngay khi chiến tranh kết thúc, phe Cộng sản đã giải tán bộ máy hành chính Cao Đài ở đó và tịch thu tất cả các tòa nhà trừ ngôi đền. Còn với Nữ, không chỉ bà bị cắt đứt mối quan hệ hàng ngày với các con, mà bà chỉ có thể về nhà nếu đóng cửa tiệm, điều bà làm mỗi năm một lần vào dịp Tết. Những đứa trẻ mất đi sự gần gũi với đại gia đình gồm ông bà, cô dì, chú bác và anh em họ. Quãng đường hai dặm đến nhà dì Tiệm đủ xa để, với lịch học và bài vở, các cháu chỉ có thể đến thăm nhiều nhất là mỗi tháng một lần. Gia đình thậm chí không thể đoàn tụ để an ủi nhau trong đau buồn : năm đầu tiên sau chiến tranh chứng kiến hai cái chết. Ông nội Kiệm đau yếu đã qua đời ; Tùng và Nữ mất đứa con thứ chín, cũng là con út của họ. Đứa bé lên con co giật và chết khi mới

ba tháng tuổi tại Trảng Bàng, chưa từng gặp các anh chị em ở Tây Ninh.

Dù gia đình Tùng có chung niềm tin tôn giáo với hàng xóm mới ở Tây Ninh, họ bị nhìn với ánh mắt nghi ngờ vì đã chuyển đến từ Trảng Bàng khi chiến tranh kết thúc - một khu vực được biết đến là nơi tranh chấp giữa Việt Cộng trong chiến tranh. Dù Tùng và gia đình có muốn kể về quá khứ, vì Tây Ninh là vùng không có chiến sự, không ai ở đó có thể hiểu trọn vẹn họ đã trải qua những gì trong chiến tranh, hay cảm giác khi thấy ngôi nhà gia đình bị phá hủy và cuộc sống bị đảo lộn.

Hai tuần một lần, Tùng bắt xe buýt từ Tây Ninh đến Trảng Bàng. Ông đi thẳng đến tiệm mì, chọn thời điểm đến thăm Nữ sau 10 giờ, khi công việc đã bớt bận rộn. Ông không đi đâu khác. Những người hàng xóm và bạn bè cũ nếu có gặp cũng không thêm nhận biết ông. Ông không thăm họ hàng ; những người thân ông gặp, bao gồm Loan, là những người đến tiệm mì để giúp việc. Nỗi sợ thường trực của Tùng là có ai đó vì lý do gì đó không ưa hoặc ghét ông, hoặc cảm thấy khó chịu với lời ông từng nói. Họ có thể là Việt Cộng, ông tự nhủ, và giờ đang ở vị trí có thể trả thù.

Đêm trước ngày chồng đến thăm, Nữ thức khuya để chuẩn bị món hầm. Để món ăn có thể để được vài ngày, bà ninh nó trong nước muối cho đến khi nước cạn hết. Tùng sẽ về nhà vào tối hôm đó - một thay đổi ngay lập tức sau chiến tranh là mọi người có thể đi lại tự do vào ban đêm - hoặc ngày hôm sau, mang theo một giỏ cơm và thức ăn đã nấu chín, cùng một gói tiền để gia đình xài cho đến chuyến thăm tiếp theo.

Như thường lệ, Nữ đã tìm thấy năng lượng để bắt đầu lại. Bà vay mượn khắp nơi và xây dựng lại công việc kinh doanh, từng cái bàn và bốn cái ghế một. Tiệm nghỉ ở tiệm của bà luôn đơn sơ : một chiếc giường tre gấp, một cái đinh để treo quần áo. Khi có chút thời gian, thường là lúc bà kiệt sức nằm vật xuống giường vào ban đêm, bà khóc vì hối tiếc rằng mình thậm chí không có thời gian để nhớ các con, chưa nói đến việc lo lắng cho sức khỏe của chúng. Tuy nhiên, mong muốn một số phận khác không nằm trong bản chất của bà. Người Việt dựa vào một câu tục ngữ cổ để ngăn nỗi lo về cách họ sẽ sống sót qua những biến động trong cuộc đời : «Trời sinh voi, trời sinh cỏ.»

Để vinh danh người yêu nước của họ, những người Cộng sản, ngay sau khi tiếp quản miền Nam, đã đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh và đặt tên mới

mang tính cách mạng cho các con đường. Rõ ràng ý định thực sự của phe Cộng sản không phải là chia sẻ quyền lực mà là chiếm đoạt nó. Hà Nội rõ ràng không quan tâm đến hòa giải dân tộc hay thành lập một chính phủ liên minh «lực lượng thứ ba» ; nhiều người yêu nước miền Nam đã tham gia mặt trận kháng chiến tin rằng một trong những thỏa hiệp này có thể xảy ra sau chiến thắng của phe Cộng sản. Thay vào đó, khi những người từng sống cuộc đời bí mật của một điệp viên Cộng sản nổi lên nắm quyền kiểm soát, «giải phóng» miền Nam dường như là một chiến dịch mới để chia rẽ kẻ thắng và kẻ bại, để khuất phục một bên dưới bên kia.

Sau chiến tranh, Hà Nội áp dụng mô hình miền Bắc cho miền Nam, tạo ra các «tổ» khu phố do một người lãnh đạo vừa là chính trị viên vừa là cảnh sát giám sát. Nhiệm vụ của họ là kiểm soát tư tưởng và hành vi phản động. Những cuộc trò chuyện giữa hơn hai người không có quan hệ họ hàng bị nghi ngờ. Nhân viên an ninh và cảnh sát, từ cả quân đội và dân sự, có mặt khắp nơi, mặc đồng phục và thường phục. Bất cứ lúc nào ngày hay đêm, họ có thể xông vào nhà mà không cần hỏi. Ở miền Bắc, nhà nước không gõ cửa trước khi vào, giống như một thành viên trong gia đình.

Rõ ràng và nhanh chóng, phe Cộng sản chỉ tin tưởng những người Cộng sản khác. Hà Nội dành các vị trí quyền lực - từ cấp tỉnh trở xuống đến trưởng thôn và nhân viên thu thuế địa phương - cho hàng ngàn binh lính Cộng sản đã nghỉ hưu được điều vào miền Nam, hoặc cho những cộng tác viên miền Nam của họ. Rất ít người trong số họ có đủ trình độ để đảm nhận những công việc này. Cái giá phải trả cho những năm sống trong rừng là nhiều người thậm chí không biết đọc hay viết. Tuy nhiên, sau khi đến nơi, người miền Bắc ngừng khoe khoang về «miền Bắc, nơi có mọi thứ.» Nhiều người tròn mắt, bối rối khi nhìn thấy ti vi, tủ lạnh và quạt trần. Rất ít người biết đến sự xa xỉ của điện. Tất cả đều ngạc nhiên khi thấy người miền Nam ăn mặc đẹp hơn và no đủ hơn bất kỳ người miền Bắc nào, và đủ giàu để sở hữu xe máy và ô tô-những thứ không tưởng đối với nông dân Bắc Việt. Người miền Nam thậm chí còn ăn nói lịch sự và có giáo dục, trái ngược với những gì người miền Bắc đã được dạy. Người miền Bắc điển hình đến từ những ngôi làng nghèo hơn bất kỳ nơi nào ở miền Nam. Họ sở hữu quần áo, có lẽ một cái ván để ăn và ngủ (nhưng không có đồ đạc nào đáng kể khác), dụng cụ nhà bếp và, có lẽ, một chiếc xe đạp để đi làm.

Thức ăn chính của họ thường là sắn, nếu ăn quá nhiều sẽ khiến da sùng và chuyển sang màu vàng. Bản năng của người miền Bắc khi nắm quyền là vơ vét của cải sắn có. Nếu viên sĩ quan quân đội đã lừa Nữ mất nhà không hành động nhanh, những người khác đã làm trước. Các cán bộ cạnh tranh ráo riết để bán lại ở miền Nam hoặc chuyển ra Bắc các mặt hàng tiêu dùng, đồ đạc, điều hòa, tủ lạnh, máy móc và thiết bị bị tháo dỡ từ các văn phòng, nhà máy và bệnh viện miền Nam ; thậm chí đồ đạc phòng tắm cũng bị lấy từ các khách sạn.

Việc tẩy não hàng loạt người miền Nam bắt đầu ngay lập tức. Dưới chân dung Hồ Chí Minh, các cán bộ từ tỉnh, huyện, thị trấn và thôn xóm cố gắng vượt mặt nhau, giảng bài bốn hoặc năm tiếng về cùng một chủ đề : sự lãnh đạo đầy cảm hứng của Đảng Cộng sản, đại diện của giai cấp vô sản, trong chiến thắng vĩ đại cuối cùng trước đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai ở Sài Gòn. Tùng và Ngọc tham dự các buổi họp ba lần một tuần ; lãnh đạo tổ dường như không quan tâm đến việc ông Cố không tham gia, như thể suy nghĩ của một ông già là không quan trọng. Ở Trảng Bàng, Nữ giải thích rằng bà đến muộn buổi họp đầu tiên vì nó bắt đầu quá sớm ; bảy giờ rưỡi vẫn là giờ cao điểm của buổi sáng. Cán bộ ở đó đe dọa bà, nếu đến muộn lần nữa, sẽ bị phạt hoặc đày đến «vùng kinh tế mới» - những vùng đất

đầy bụi rậm hoặc bị tàn phá bởi chất độc hóa học, nơi chế độ mới đưa những người thất nghiệp và gây rối đến. Những người hàng xóm sau này sẽ tranh nhau báo cáo việc Nữ trẻ treo cờ vào ngày lễ quân đội.

Chương trình cải tạo được đặt tên một cách nói giảm nói tránh bắt đầu một tháng sau khi tiếp quản đã xóa bỏ bất kỳ sự nghi ngờ nào mà người miền Nam vẫn còn dành cho chế độ mới. Ban đầu, nó có vẻ vô hại ; các binh lính miền Nam cũ được lệnh trình diện để cải tạo trong ba mươi ngày. Trong số những người đi có chồng của dì Anh và chồng cùng con trai của dì Tiêm. Ba mươi ngày trôi qua ; không ai trở về. Căng thẳng leo thang khi chế độ yêu cầu cải tạo không chỉ «binh lính giả» mà còn cả «chính quyền giả.» Lưới nghi ngờ phủ lên tất cả các cựu quan chức ở mọi cấp của chế độ Sài Gòn, cũng như các doanh nhân và lãnh đạo tôn giáo có liên hệ thực sự hoặc bị nghi ngờ với chế độ cũ hoặc lợi ích Mỹ. Tại Tòa Thánh ở Tây Ninh, cảnh sát ngăn cản giáo dân trong khi thu thập bằng chứng sau này được dùng để bắt giữ các lãnh đạo tôn giáo. Sau đó, đến lượt bác sĩ và giáo viên phải trình diện để cải tạo. Giáo viên ở trường trung học của Phúc được yêu cầu mang theo thức ăn và nước uống cho ba ngày. Nửa đêm, họ bị chất lên xe quân sự, chạy ba tiếng, rồi hành quân sâu vào rừng. Ở đó, họ bị bắt phát cây để xây đường. Đến ngày

thứ mười, một giáo viên giẫm phải mìn và thiệt mạng. Tất cả trở về nhà trong tình trạng ốm yếu nhưng không dám đăng ký xin trợ giúp y tế vì sợ bị khiển trách hoặc bị cho thuốc độc. Chỉ qua các kênh ngầm, gia đình mới có thể biết người thân bị đưa đi cải tạo đang bị giam ở đâu. Nhiều người bị hành quân đến các trại miền Bắc, quá xa để gia đình mang thức ăn và thuốc men đến. Một số sẽ không bao giờ trở về. Người thân được thông báo rằng họ đã chết vì một căn bệnh không xác định, hoặc tình trạng của họ là «được ân xá nhưng không được thả.»

Chồng của dì Anh không trở về cho đến năm tháng sau. Hình phạt nặng nề hơn dành cho chồng và con trai của dì Tiệm, cả hai đều là quân nhân cấp cao của Việt Nam Cộng hòa và bị nghi ngờ từng nằm trong số quân đội Cao Đài tham gia xây dựng chiến lược chống Việt Cộng. Người chồng bị giam sáu năm. Hai thập kỷ sau, người con trai vẫn bị giam giữ.

Cải tạo không giúp một người đủ điều kiện để có việc làm : «Suy nghĩ sai lầm có thể mất mãi mãi để sửa chữa,» các cán bộ nói. Bác sĩ và giáo viên miền Nam chỉ giữ được công việc cho đến khi họ bị thay thế bởi những người có bằng cấp cách mạng phù hợp.

Chồng của cô đã tự học cách sửa chữa xe gắn máy. Chồng của dì Tiêm trở về nhà trong tình trạng suy sụp ; dì phải nuôi ba đứa con nhỏ bằng nghề bán những món ăn làm từ dừa dẻo cho học sinh trên đường đến trường.

«Bà được miễn cải tạo», chính quyền nói với Loan, công nhận những lần bà đi vào rừng dưới sự hộ tống để phục vụ Việt Cộng trong chiến tranh. «Nhưng bà không thể lấy lại công việc dạy học.» Khoản lương hưu của một góa phụ cũng không còn được chi trả vì chồng bà là «ngụy quân». Chỉ có các cựu chiến binh Việt Cộng hoặc Cộng sản và gia đình của họ mới được hưởng phúc lợi nhà nước.

Qua nhiều năm, mỗi lần Loan cố gắng xin bất kỳ công việc nào trong biên chế nhà nước, kể cả vị trí nhân viên văn phòng tại một cửa hàng quốc doanh, bà đều bị từ chối : «Chồng bà là thông dịch viên cho Mỹ.» Bà phải chịu đựng những lời lăng mạ : «Ai làm việc cho Mỹ chỉ biết ngồi xem phim Mỹ và ăn sô-cô-la !» Ít nhất Loan có thể nói rằng bà làm việc tại cửa hàng mì của mẹ mình, giúp bà tránh bị trục xuất đến các vùng kinh tế mới. Qua nhiều năm, bà và con gái phải tự nuôi sống bằng cách bán dần những chiếc áo dài lụa đầy màu sắc của mình.

Hoa kỳ tiếp tục từ chối công nhận chế độ tại Hà Nội. (Các nước phương Tây khác, bao gồm Canada, đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Bắc Việt sau khi họ ký Hiệp định Paris.) Một tháng sau khi Hà Nội tiếp quản, Hoa Kỳ mở rộng lệnh cấm vận áp đặt lên toàn bộ đất nước, bao gồm cả miền Nam, lệnh này đã được áp dụng đối với Bắc Việt từ năm 1964. Họ cũng hành động để ngăn chặn viện trợ cho Việt Nam từ các tổ chức như Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Một trong những tác động của việc Hoa Kỳ cô lập Việt Nam là đẩy nhanh quyết tâm của Hà Nội trong việc đưa miền Nam tư bản đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ban đầu, Hà Nội chỉ quốc hữu hóa những lĩnh vực và ngành công nghiệp thuộc sở hữu của chế độ cũ. Nhưng ý tưởng thận trọng về việc chờ xem miền Nam sẽ phục hồi kinh tế sau chiến tranh như thế nào đã không tồn tại lâu. Hà Nội đã bỏ qua mức độ thiệt hại nặng nề của miền Nam do chiến tranh. Chỉ riêng sự tàn phá về vật chất đã lan rộng : đường xá, cầu cống và đường sắt bị đánh bom. Cấu trúc xã hội bị đảo lộn : các thành phố chật cứng những người mất nhà cửa và vô gia cư ; cuộc di tản trong những ngày hoảng loạn cuối cùng đã làm cạn kiệt tầng lớp tinh hoa có học thức và chuyên nghiệp của miền Nam.

Trong thái độ sẽ chiếm ưu thế trong suốt thập kỷ tiếp theo, Hà Nội cho rằng các chính sách và cơ cấu đã thành công trong việc chuyển đổi miền Bắc sang chủ nghĩa xã hội cũng đủ tốt để áp dụng cho miền Nam. Họ bỏ qua sự khác biệt rõ rệt giữa điều kiện ở miền Bắc và miền Nam trong hai lần tiếp quản của Cộng sản, cách nhau ba mươi năm. Trong khi người miền Bắc chủ yếu là nông dân và nghèo khó, người miền Nam phần lớn là thành thị và ít nhất thuộc tầng lớp trung lưu. Trong khi người miền Bắc đã bị khuất phục bởi nạn đói do các chính sách tàn bạo và sai lầm của quân Nhật chiếm đóng, người miền Nam lại chìm trong suy thoái kinh tế do sự rút lui của Mỹ. Những gì hiệu quả ở miền Bắc sẽ, trong thập kỷ tiếp theo, gieo rắc hỗn loạn và đẩy nhanh sự suy thoái của nền kinh tế miền Nam. Nó sẽ khuyến khích tham nhũng và hối lộ, từ cán bộ cấp cao đến cấp thấp. Dưới thời chế độ Sài Gòn, tham nhũng, dù khét tiếng hơn, chỉ là đặc quyền của giới tinh hoa và những kẻ thân cận của họ.

Hà Nội ngay lập tức hành động để đưa việc phân phối gạo dưới sự kiểm soát của nhà nước, ấn định giá mua ở mức tương đương với miền Bắc. Ở đó, cung đáp ứng đủ cầu. Ở miền Nam, tình trạng thiếu hụt diễn ra phổ biến. Nông dân từ chối bán với giá thấp và chuyển hướng sản xuất sang thị trường chợ đen. Cán bộ tại các cửa hàng

quốc doanh cũng làm tương tự với nguồn cung của nhà nước. Tình trạng thiếu hụt ngay lập tức trở thành một cuộc khủng hoảng.

Hà Nội cũng áp dụng chế độ tem phiếu đối với các mặt hàng thiết yếu, được bán thông qua các cửa hàng quốc doanh và hợp tác xã tiêu dùng. Họ đóng cửa các chợ tự do. Trong số ít những chợ còn hoạt động, các tiểu thương bị quấy rối bởi phí giấy phép cao ngất, thuế và tiền phạt. Họ nhắm vào người giàu, tìm cách loại bỏ những kẻ đầu cơ bằng cách đột ngột thu hồi đồng tiền đồng, giới hạn số tiền cũ có thể đổi lấy tiền mới. Kết quả là tình trạng khó khăn lan rộng chỉ sau một đêm. Trước khi kết thúc năm đầu tiên, những người Cộng sản đã tẩn công vào tầng lớp trung lưu thương mại bằng cách tập thể hóa các tiểu thương : nông dân nuôi heo, thợ may, thợ đóng giày, thợ làm đồ da, thợ in, thợ đan chiếu và công nhân xây dựng đều bị đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Ở Trảng Bàng, cuộc sống hàng ngày nhanh chóng trở nên giáo điều. Các chợ tự do biến mất trước khi bị đóng cửa. Nhà nước quyết định điều gì là tốt nhất cho công việc kinh doanh của Nữ. Họ quyết định khẩu phần hàng ngày tối đa của bà về gạo, thịt, nước tương, nước mắm, đường, muối, bột ngọt và các mặt hàng thiết yếu khác.

Việc mua sắm tại các cửa hàng quốc doanh tốn nhiều thời gian nhưng thu được rất ít. Chẳng bao lâu, gạo và thịt trở nên khan hiếm, hoặc chất lượng quá kém đến mức Nữ không thể mua chúng. Bà kiên quyết từ chối pha loãng súp của mình. Tôi không muốn lừa dối khách hàng, bà tự nhủ, thà đóng cửa sớm khi hết thức ăn để phục vụ.

Có hai loại người có thể làm giảm bớt khó khăn của cuộc sống mới. Thứ nhất là những người giàu có trước đây, với vàng hoặc tài sản giá trị được giấu kín mà họ có thể bán khi cần để mua thực phẩm trên chợ tự do hoặc chợ đen. Thứ hai là những người thuộc phe chiến thắng trong chiến tranh, những người có thể ngẩng cao đầu trong khi mọi người khác cúi mặt. Họ là những người đi từng nhà để mua đồ gia dụng ; họ là những người có tiền mặt, có xe tải để chở hàng đi và có chỗ tại nơi làm việc để cất giữ chúng cho đến khi có thể bán lại. Công việc trong biên chế nhà nước cho họ quyền được cấp sổ tem phiếu gia đình, và cung cấp cho họ cách thức để gian lận hoặc lách luật. Điều đó có giá trị hơn nhiều so với mức lương, vốn được ấn định theo biểu ở miền Bắc, không đủ để sống ở miền Nam.

Nữ và gia đình thuộc nhóm thứ ba : tất cả những người còn lại, phải tự lo cho bản thân. Lựa chọn của họ là mở một doanh nghiệp gia đình hoặc tìm thứ gì đó để bán. Khi mỗi gói tiền Tùng mang về nhà từ Nữ mua được ít hơn lần trước, Tùng và gia đình phải tìm cách kiếm tiền. Anh thử trồng cây tiêu khó tính nhưng phát triển nhanh trong chậu, bán hạt cho các lái buôn. Ngọc thử kéo một chiếc xe moóc phía sau xe đạp để vận chuyển hàng hóa và vào rừng kiếm củi đốt than. Anh mua những khối nước đá để đập nhỏ bán từng nhà, hoặc chạy theo đám đông để mua báo nhà nước - tuyên truyền vẫn rẻ - để bán lại làm túi gói thức ăn. Tùng và Nữ âm mưu buôn lậu hạt cà phê từ Trảng Bàng sang Tây Ninh, nơi chúng khan hiếm và có giá cao. Tùng sẽ khâu chúng vào trong ống quần và hy vọng thoát khỏi sự chú ý của cảnh sát xa lộ, những người lên xe buýt và tịch thu hàng hóa tùy ý, thường chia phần tham nhũng với tài xế.

So với miền Bắc, miền Nam vẫn sống tốt hơn. Nhưng điều đau lòng đối với người miền Nam là nhớ lại những ngày sung túc dưới thời Mỹ. Tùng và gia đình có thể nhớ lại khi trong nhà từng chứa những bao gạo trắng tinh nặng một trăm ký và họ có cá thịt trong mỗi bữa ăn, mỗi ngày. Giờ đây, một số bữa ăn chỉ có rau và gạo chất lượng kém. Họ từng mặc lụa và vải cotton in đẹp; giờ Nữ phải xếp hàng tại các cửa hàng quốc doanh để

mua vải cotton thô. Thuốc Tây từng sẵn có ; sau khi chiến tranh kết thúc, ngay cả thuốc sản xuất tại Việt Nam cũng khan hiếm. Có thể mất ba ngày để đến đầu hàng tại một hiệu thuốc quốc doanh, chỉ để trở về tay không. Đau đớn như sự tước đoạt đột ngột này là sự nhục nhã khi phải xếp hàng để mua hàng hóa kém chất lượng, và phải dành quá nhiều thời gian để kiếm tìm những thứ cơ bản. Mỗi gia đình cần ít nhất một người làm việc toàn thời gian chỉ để mua sắm, thời gian từng dành cho giao lưu, đi chùa, tận hưởng cuộc sống.

Ngay cả nhiều năm sau, nước mắt vẫn lấp lánh trong mắt Nữ khi bà nhớ lại rằng mình đã không thể nhận được sự chấp thuận của cán bộ để mua đồ cúng cần thiết cho hành trình của linh hồn ông ngoại Kiệm ; rằng vì chi phí quá cao, bà đã trì hoãn quá lâu việc đưa đứa con trai nhỏ bị sốt đến bác sĩ tư ; rằng bà chỉ có thể đánh dấu hôn lễ của Ngọc hai mươi tuổi với cô gái tên Thọ bằng một chuyến thăm nhà thông gia qua trà và bánh quy.

«Ai yêu trẻ em hơn Bác Hồ ?» Giống như mọi đứa trẻ, Phúc đã được dạy lời và giai điệu của bài tuyên truyền nổi tiếng nhất ca ngợi người yêu nước quá cố Hồ Chí Minh. Một phiên bản do dàn hợp xướng thiếu nhi trình bày được phát trên truyền hình, trên đài phát

thanh, trên loa phường. Không lâu sau, một phiên bản không chính thức đã được lan truyền. Nguyên bản là :

Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ
Râu Bác dài, tóc Bác bạc phơ
Em âu yếm hôn đôi má Bác...

Trong khi lời được hát thầm là :

Đêm qua em mơ gặp túi tiền
Trong túi tiền có bốn ngàn tư
Em vui sướng đi khoe với Bác
Bác mỉm cười. «Chia đôi nhé», Bác nói.

Và như vậy, dưới chế độ Cộng sản, trò diễn công khai một đảng nhưng tin một nẻo thậm chí được thực hiện bởi cả trẻ em. Trong trật tự xã hội mới, nhà nước, về lý thuyết, phải thay thế mọi sự gấn bó tình cảm khác : gia đình, trường học, công việc và giải trí, tôn giáo và truyền thống. Nhà nước thậm chí đánh thức mọi người dậy : lúc 4 giờ 30 sáng mỗi ngày, loa phát thanh bên ngoài nhà Ngọc bật lên với những bản nhạc hành khúc đầy tĩnh điện, trong khi một giọng nói kim loại thúc giục già trẻ tập thể dục : «4-3-2-1 ! 4-3-2-1 !» Đêm xuống mới chấm dứt những âm thanh chói tai của khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa, chỉ thị của Đảng và nhạc cách mạng. Văn hóa duy nhất được chấp nhận là văn hóa

cách mạng. Sách và nhạc bị coi là «độc hại và đồi trụy» hoặc «tác phẩm không mang tính xây dựng» khiến con người trở nên «yếu đuối» đều bị cấm - truyện cổ tích thiếu nhi, tiểu thuyết lãng mạn, truyện trinh thám và sách lịch sử về sự can thiệp của Pháp và Mỹ ở Việt Nam. Sợ bị phát hiện với bằng chứng phạm tội, Tùng đốt một đồng sách cổ điển và tiểu thuyết lãng mạn mà anh đã cứu được khỏi sự hủy diệt ở Trảng Bàng. Những người hoảng sợ nộp nhiều hơn yêu cầu - máy đánh chữ, từ điển, thậm chí cả kính mắt.

Phúc là thế hệ đầu tiên ở miền Nam được Đảng Cộng sản giáo dục. Trường học thay đổi hoàn toàn về mục đích và cách thức : tất cả sách giáo khoa đều từ miền Bắc ; các buổi học chính trị là về cuộc đời Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và «chiến thắng vĩ đại cuối cùng của chủ nghĩa yêu nước.» Chiến tranh được dạy y như cách nó đã và vẫn đang được dạy ở miền Bắc. Kẻ xâm lược là Mỹ ; họ đã thiết lập căn cứ chỉ huy ở miền Nam, đưa quân lính, máy bay, tàu chiến và vũ khí như hóa chất độc hại và bom napalm. Anh hùng là người miền Bắc; họ đã chịu đựng những trận bom của Mỹ. Có vô số ví dụ về lòng yêu nước và tình yêu với Đảng Cộng sản: thanh niên hiến thân làm giá súng máy, leo lên nơi cao để bắn máy bay địch ; phụ nữ và trẻ em mang cơm nóng và canh đến cho những người đang vận hành pháo

phòng không. Tóm lại, bài học là : mọi việc Đảng làm đều đúng và tốt ; mọi việc Mỹ và chế độ tay sai làm đều sai và xấu.

Thay đổi lớn nhất đến với «lao động vì chủ nghĩa xã hội» những ngày bên ngoài lớp học. Ở cấp tiểu học, là một ngày mỗi tuần ; ở cấp trung học, là hai tuần trong bốn tuần. Học sinh nhỏ tuổi về nhà với yêu cầu mang theo cào để nhặt lá trong sân trường, dụng cụ vệ sinh để rửa tường, bàn ghế và nhà vệ sinh của trường, dụng cụ để đào luống trồng rau trên đất trường. Học sinh lớn tuổi hơn được gửi đến làm việc tại các hợp tác xã : làm phân, sửa đồ gỗ, cắt giày từ nhựa, nuôi gà, cho lợn ăn.

Những ngày «lao động vì chủ nghĩa xã hội» là lần duy nhất Phúc để lộ rằng mình bị thương trong chiến tranh. Không ai biết, ngoại trừ có lẽ người thợ may địa phương, người có thể nhận thấy sự khác biệt trong số đo giữa tay áo trái và phải của cô. Khi công việc nặng nhọc và khiến Phúc quá mệt mỏi, hoặc phải ở dưới nắng nóng quá lâu, cô đến gặp giáo viên. «Em bị thương từ chiến tranh,» cô nói. «Em không thể làm việc đó.» Lần đầu tiên, để giải thích, cô phải kéo tay áo dài lên để lộ vết sẹo bỏng do bom napalm ; nạn nhân chiến tranh rất hiếm ở Tây Ninh.

Chỉ có Phúc và các em nhỏ của cô còn giữ được hứng thú với trường học. Chị gái lớn của cô, Dung, sớm bỏ học. Nơi từng là trường trung học để gặp gỡ bạn bè, giờ đã trở thành một đấu trường khác để giám sát, phê bình, tố cáo và bắt nạt công khai. Dung sợ hãi khi đến lượt mình làm lớp trưởng, khi cô phải chỉ ra những hành vi tư sản của bạn học : những cô gái để móng tay dài hoặc sơn móng, những cô gái và chàng trai tham gia vào những trò vô bổ như đi dạo, thưởng thức trà hay cà phê, hoặc nghe nhạc không phù hợp. Cô chán ngấy những buổi học chính trị bất tận, khó chịu vì bị sử dụng như lao động không công. Một số phụ huynh cho con nghỉ học. «Con chẳng học được gì,» họ nói. «Con có thể làm việc cho gia đình thay vì thế.» Dung chuyển đến Trảng Bàng, làm việc trong cửa hàng mì của mẹ cho đến khi cô kết hôn với một chàng trai làng làm nghề nông.

Phúc không có sở thích của hai chị gái là có nhiều bạn bè sôi nổi. Ảnh hưởng duy nhất cô tìm kiếm trong cuộc đời là tôn giáo. Vợ mới của Ngọc, một cô gái nhạy cảm và chu đáo, là tín đồ Cao Đài ngoan đạo. Thơ và Ngọc là tấm gương đạo đức để Phúc noi theo. Sự nghi ngờ của Ngọc với Đảng Cộng sản ngày càng mạnh mẽ, đồng thời lòng mộ đạo của anh cũng sâu sắc hơn. Với tính khí nóng nảy và thích nói thẳng, anh cố gắng truyền đạt lòng mộ đạo cho Phúc. Năm mười bốn tuổi,

cô quyết định trở thành tín đồ Cao Đài ngoan đạo hơn và, giống như bà ngoại Thảo, kiêng hoàn toàn thịt.

Đặc biệt khi ở Trảng Bàng, Phúc sống trong sự sợ hãi bị kiểm soát. Cô đã học được sự nguy hiểm của việc ăn nói bừa bãi. *Mẹ mình đã nói điều gì đó ngu ngốc*, cô tự nhủ, sau khi gia đình mất đất vào tay viên chức tham lam và người đàn ông từ chính quyền lợi dụng. Cô không đến thăm ai, chỉ ở trong cửa hàng, trông coi tiền bạc. Cô biết mẹ mình đánh giá cao và tin tưởng cô trong công việc đó ; bất cứ khi nào Tùng hoặc các anh chị em làm việc thu ngân, cuối ngày số tiền của Nữ luôn bị thiếu vì họ tự lấy tiền mà không nói với bà. Phúc không giúp được gì trong việc nấu nướng. Mẹ cô luôn cấm cô đến gần bếp, và hơn nữa, Phúc luôn sợ bị bỏng. Tiếng dầu bắn từ chảo đủ làm cô bối rối ; sau một trải nghiệm đau thương, tâm trí luôn ở trong trạng thái cảnh giác.

Khi Phúc mệt mỏi, điều xảy ra dễ dàng và thường xuyên, cô rút về một chiếc ghế đẩu trong góc. Cô chờ đợi những khoảnh khắc mẹ mình đến và ngồi bên cạnh. Tựa đầu lên vai con gái, Nữ thở dài. Cả hai đều im lặng. *Chỉ có mẹ mình đau khổ hơn mình*, Phúc tự nhủ.

Năm thứ hai sau khi tiếp quản, cửa hàng mì, thứ giúp gia đình sống sót trong biển khổ khó, bị tước đoạt. Một ngày, chính quyền gỡ bảng hiệu treo trên cửa hàng

của Nữ. Thay vào đó, họ treo một tấm bảng ghi : «Cửa Hàng Ăn Uống Nhà Nước.» Cùng một tấm bảng được treo tại bảy cửa hàng khác trên dãy phố. «Bạn là nhân viên nhà nước,» chính quyền nói với Nữ. «Công việc của bạn là nấu ăn.» Mức lương nhà nước trả cho bà rất thấp, chưa bằng một phần mười so với trước đây khi cửa hàng là của bà.

Chính quyền địa phương cử một quản lý và mười nhân viên khác đến. Người quản lý tiếp quản công việc mua sắm và đặt hàng mà trước đây Nữ phụ trách. Khách hàng không còn được phục vụ ; nhà nước coi đó là tư sản. Khách hàng giờ phải xếp hàng, đặt món và thanh toán tại quầy thu ngân. Đơn đặt hàng được chuyển đến đầu bếp. Khi thức ăn sẵn sàng, đầu bếp hô to số trên hóa đơn và nhân viên mang thức ăn đến cho khách hàng có số tương ứng. Đến giờ đóng cửa, tất cả trừ Nữ đều bỏ lại mọi thứ và đi, để bà dọn dẹp bàn cuối cùng, xếp ghế và quét sàn. Nữ hỏi người quản lý liệu nhà nước có thể thuê mẹ và các con gái của bà. «Họ không đủ tiêu chuẩn,» ông ta trả lời.

Họ không còn trông nghèo khổ như khi mới đến, Nữ tự nghĩ về những nhân viên mới, nhận ra họ là những người đã đến Trảng Bàng khi chiến tranh kết thúc và chuyển vào những ngôi nhà của người đã bỏ chạy. Bà

không trao đổi một lời nào với họ, thậm chí không biết tên họ. Bà không biết họ được trả lương bao nhiêu. Bà không giới thiệu Tùng với họ, và cảm nhận được ánh mắt lạnh lùng mỗi khi anh đến thăm. Vợ chồng bà do đó cảm thấy bắt buộc phải rút ngắn những lần gặp gỡ và nói chuyện tối thiểu. Sau khi ăn một bát mì - đương nhiên được trừ vào lương của Nữ - Tùng sẽ rời đi.

Mặc dù Nữ làm phần việc của mình là nấu ăn, các nhân viên dường như không quan tâm liệu khách hàng có nhận được món ăn hay không. Nữ tức giận khi thấy bát nước dùng hết hơi nóng, trong khi nhân viên ngồi xung quanh, không làm gì ngoài việc có lẽ là cắt móng tay, và khách hàng ngồi bồn chồn ở những bàn chưa được dọn dẹp, quá lo lắng để phàn nàn. Một ngày, Nữ không thể kìm nén được nữa.

«Phải ăn mì khi còn nóng !» bà nói với người quản lý. Ông ta quát lại : «Bà tập trung vào việc nấu ăn đi !» Bà là nhân viên duy nhất làm việc ổn định ở cửa hàng ; đó là một cánh cửa xoay với những người quản lý và nhân viên luôn thay đổi, và ngày càng ít khách hàng.

Khi lương của Nữ bị cắt, gia đình bà rơi vào cảnh nghèo đói mà họ chưa từng biết đến. Thịt và cá ngay lập tức biến mất khỏi bàn ăn. Khi không còn rau củ, mỗi bữa chỉ còn cơm, nêm với nước tương hoặc muối

ót chằm. Trong hoàn cảnh này, Bác Cả bị ốm nặng và nằm liệt giường. Tùng chăm sóc ông, và khi ông qua đời, Nữ khóc nhiều hơn cả khi cha bà mất. Ngôi đền Cao Đài địa phương phụ trách Cửa Bảy đã hỗ trợ tang lễ cho người nghèo. Họ cử một số phụ nữ trẻ đến hát kinh cầu nguyện, và những thanh niên kéo xe rông chở quan tài của ông đến đất chôn cất.

Phúc bị đau dai dẳng ở cánh tay trái, và biết rằng gia đình không đủ khả năng mua thuốc nếu được kê đơn, Tùng tự tay điều trị bằng cách băng bó lá chuối hàng ngày. Tuy nhiên, cánh tay cô ngày càng đau và sau một tuần đã chuyển sang màu đỏ sẫm và sưng to gấp đôi bình thường. Phúc hoảng hốt, cơn đau kinh khủng như bất kỳ cơn đau nào cô từng nhớ. Tùng sợ hãi đăng ký cho cô đi khám bác sĩ. Hóa ra cô có một sợi lông mọc ngược bị mắc kẹt và nhiễm trùng dưới mô sẹo. Bác sĩ đã lấy nó ra và nói với Phúc rằng cô cần kháng sinh. «Tiếc là,» ông nói thêm, «chúng tôi không thể cấp thuốc cho trường hợp của cô.» Không cần phải nói, những loại thuốc đó được dành riêng cho cán bộ Đảng, những người cũng được hưởng đặc quyền chăm sóc y tế nhanh chóng. Theo gợi ý của bác sĩ, Tùng hái và giã nát lá của một loại cây dại phổ biến ở Tây Ninh, họ trộn với muối để đắp và đun sôi làm thành một loại thuốc hiệu quả, dù vị đắng đến mức khó chịu.

Tình hình gia đình ngày càng tồi tệ buộc Phúc phải phụ thuộc hoàn toàn vào đá để giảm đau. «Anh lo rằng Phúc sẽ phát điên vì đau đớn», Tùng nói với Nữ. Bản thân việc mua đá cũng trở thành gánh nặng tài chính, nhưng Tùng khẳng định nó quan trọng hơn cả thức ăn cho gia đình. Cuối cùng, ông buộc phải bán dần một số tài sản của gia đình để mua thực phẩm. Đầu tiên là chiếc đồng hồ ; ông nói với gia đình rằng nếu cần biết giờ, họ có thể sang hỏi hàng xóm.

Khi tù đọng thức ăn nhà Ngọc trống rỗng nhất, gia đình bảy người, với Thơ đang mang thai, chỉ còn nấu một chén gạo mỗi ngày ; trong khi bình thường, họ tiêu thụ bốn chén gạo hai lần mỗi ngày. Vào chén gạo đó, Thơ thêm bốn chén bo-bo-thức ăn thường dành cho gia súc - và lượng nước gấp nhiều lần bình thường. Không ai đòi ăn thêm ; một cái bụng hơi đói còn hơn là no bằng bo-bo.

Tùng liều lĩnh nhờ sự giúp đỡ từ người hàng xóm sống trong biệt thự hai tầng màu trắng sau bức tường cao. Biết ông lão vừa trở về từ trại cải tạo, Tùng đánh cược rằng ông ta sẽ không tố giác mình với chính quyền. Trong chiến tranh, người hàng xóm này từng làm việc trong chương trình thuyết phục những người Việt Cộng đào ngũ sang phe Việt Nam Cộng hòa, và trước đó, ông

tham gia chương trình bồi thường chiến tranh do Mỹ tài trợ cho các chủ sở hữu tài sản - chương trình mà Tùng từng được hưởng lợi.

Ông lão xem cuốn album Tùng mang đến, bức ảnh báo chí về cô bé chạy khỏi vụ tấn công bằng bom napalm, những mẫu báo đã ố vàng và hồ sơ y tế từ bệnh viện Barsky. Ông không chắc đã từng thấy bức ảnh đó chưa, dù khi làm việc cho người Mỹ, ông có đọc báo nước ngoài. Ông nghe Tùng kể về khoản tiền 3.000 đô la mà lính cứu hỏa Mỹ quyên góp cho gia đình, vốn được giữ trong một ngân hàng ở Sài Gòn cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Ông lão nói rằng ông có thể nhờ các mối quan hệ trong các tổ chức quốc tế còn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hoặc ông nghĩ con gái mình, vợ của một phi công không quân Việt Nam Cộng hòa, có thể giúp đỡ. Cặp vợ chồng này đã rời đi Mỹ khi chiến tranh kết thúc và hiện đang sống ở Canada. Khi người hàng xóm gọi Phúc đến gặp, cô không hề biết lý do. Vài tuần sau, hai người đàn ông lặng lẽ gặp lại nhau. «Quá nguy hiểm», người hàng xóm nói, nếu thực hiện bất kỳ yêu cầu nào từ trong Việt Nam. Hai người không bao giờ nhắc lại chuyện này nữa.

May mắn thay, một quản lý mới ở cửa hàng mì, một người hợp lý, nhận thấy khách hàng đang tránh xa, và chỉ có những bàn do nhân viên ngồi quanh là đầy. Ông sắp xếp để cửa hàng được trả lại cho Nữ. Để trả phí cấp phép mới, bà ký tên chuyển nhượng mảnh đất cuối cùng gia đình còn sở hữu ở Trảng Bàng. Bị ô nhiễm bởi tàn dư chiến tranh và chỉ đủ lớn để trồng rau, nó nằm liền kề với tài sản cũ của gia đình và đã bị bỏ sót bởi viên sĩ quan quân đội lừa đảo bà. Nữ khôi phục tên chồng trên cửa hàng, và khách hàng bắt đầu quay trở lại.

Chương Tám

Kể từ khi chiến tranh kết thúc, gia đình Ngọc luôn đón Tết với sự mong chờ đặc biệt. Tùng và các con mong Nữ về nhà ; bà ở lại ba ngày Tết và đôi khi lâu hơn, tùy thuộc vào việc bà đánh giá ngày thứ tư hay thứ năm của năm mới là ngày tốt hơn để mở cửa hàng. Nhưng năm nay còn có thêm niềm vui khi Ngọc và Thor sinh đôi. Sinh non, hai bé gái chỉ được đảm bảo sống sót sau vài tuần, nhưng giờ đã khỏe mạnh.

Khi Tết Nguyên đán 1978 đến gần, nhà Ngọc nhộn nhịp hẳn lên. Phúc đang rửa lá chuối để gói bánh chưng. Một đứa em đang vo những viên bột gạo ngọt, đứa khác quét nhà. Hai đứa em trai nhỏ đang tắm ngoài sân bằng cách dội nước lên nhau. Hai bé sinh đôi nằm quấn khăn trên sàn nhà.

Một tiếng rít the thé phá tan không khí yên bình. Một tiếng nổ xé toạc không khí, theo sau là tiếng gạch vỡ và gỗ nứt. Tiếng la hét vang lên từ trong nhà và ngoài vườn. Hai ngôi nhà gần đó và một trường học bị trúng đạn ; nhà gia đình thì không sao. «Pháo kích !» ai đó hét lên. Phúc thấy mình nằm dưới gầm giường cùng một đứa em trai nhỏ, vốn nhớ cách xử lý khi nghe tiếng pháo. Vài phút sau, tiếng còi cứu thương vang lên từ xa

trong thị trấn.

Chưa bao giờ người dân Tây Ninh nghĩ rằng cuộc chiến leo thang từ các cuộc tấn công xuyên biên giới của Khmer Đỏ Campuchia lại lan đến thị trấn của họ, cách đó mười dặm. Trận pháo kích xảy ra ngay khi Hà Nội đề xuất điều kiện ngừng bắn và đàm phán với Campuchia. Gia đình Ngọc dừng mọi chuẩn bị cho Tết và đi lấy dụng cụ đào hầm. Tùng chọn một điểm đào hầm cách cửa sau vài bước dưới gốc cây sộp, hy vọng cành cây có thể che chắn thêm cho họ khỏi đạn pháo.

Khắp thị trấn và các làng xung quanh, mọi người cuồng cuồng đào hầm. Rất ít người có kinh nghiệm về sức mạnh hủy diệt của chiến tranh. Trong chiến tranh với Mỹ, thị trấn chỉ hai lần bị tấn công bởi lực lượng Việt Cộng hoặc Cộng sản : lần đầu là trong Tết Mậu Thân ; lần thứ hai vào năm sau, khi Việt Cộng chiếm một khu vực của thị trấn trong vài ngày. Khi đó, không ai trong thị trấn xây hầm trú ẩn. Lần này họ làm. Trong những ngày tiếp theo, chính quyền tổ chức người lớn và trẻ em thành các đội đào hầm. Người ta đào hào, đổ đất vào bao, dùng gỗ làm trần rồi đắp đất lên. Khắp thị trấn, những khu vườn bị đào bên cạnh nhà dân, cơ quan chính phủ, trường học và bệnh viện, mặt đường bị bóc lên theo từng khoảng đều đặn.

Ngoại trừ một số gia đình như nhà Tùng, hầu hết người dân thị trấn quá xa lạ với chiến tranh đến mức không hiểu ngôn ngữ của đạn pháo và tên lửa. Một số bối rối : họ nên chạy khỏi hay lại gần tiếng nổ ? Họ nên cầu nguyện thế nào : rằng nó sẽ rơi vào họ, hay tránh xa họ ? Rất ít người trong thị trấn từng nhìn thấy hoặc sử dụng hầm trú ẩn. Những người phụ trách tại các tòa nhà công cộng không biết cách tổ chức sơ tán hàng loạt: trong các cuộc diễn tập, chưa nói đến khi trận oanh tạc thực sự ập đến, họ là những người đầu tiên hoảng loạn.

Người Campuchia và người Việt Nam mang trong mình mối thù hằn chủng tộc hàng thế kỷ, bắt nguồn từ khi người Việt hình thành một quốc gia. Phần lớn miền nam Việt Nam ngày nay được tách ra và nhượng lại từ vương quốc Khmer cổ đại ; sự mở rộng về phía nam của người Việt phải trả giá bằng sự thu hẹp của Campuchia hiện đại. Việc Mỹ công khai mở rộng chiến tranh Việt Nam sang Campuchia và Lào - thông qua các chiến dịch ném bom trên Đường mòn Hồ Chí Minh và các cuộc tấn công trên bộ từ miền nam Việt Nam - đã đoàn kết hai kẻ thù truyền kiếp trên cùng một chiến tuyến : người Việt và người Khmer, lợi ích yêu nước của họ được đại diện bởi Việt Cộng và Khmer Đỏ, cả hai đều theo chủ nghĩa cộng sản, với Khmer Đỏ do Pol Pot bí ẩn lãnh đạo.

Một sự chia rẽ nghiêm trọng nổ ra giữa hai bên khi Việt Cộng ký Hiệp định Paris năm 1973. Khmer Đỏ cảm thấy đồng minh người Việt của họ đã phản bội sự nghiệp của họ tại Campuchia. Hiệp định đã làm im lặng bầu trời Việt Nam, nhưng trong bảy tháng tiếp theo (cho đến khi Quốc hội Mỹ cấm sự tham gia quân sự của Mỹ tại Đông Dương), người Mỹ chuyển hướng máy bay sang Campuchia, trong một chiến dịch ném bom cuối cùng, dữ dội nhằm vào các tuyến đường tiếp tế vào miền nam Việt Nam. Để trả đũa, Khmer Đỏ tấn công các kho vũ khí, bệnh viện và căn cứ của người Cộng sản Việt Nam bên trong Campuchia.

Sự kiện tại Campuchia diễn ra nhanh hơn tại Sài Gòn. Trung Quốc, nhìn thấy sự tiến công của Hà Nội vào Sài Gòn, đã vận động để kiểm soát và gây ảnh hưởng bằng cách viện trợ quân sự giúp Khmer Đỏ tiến vào thủ đô Campuchia, Phnom Penh. Họ tiến vào thành phố ngày 15 tháng 4 năm 1975, và hai ngày sau, thành phố thất thủ. Sài Gòn sẽ thất thủ hai tuần sau đó, nhưng điểm tương đồng kết thúc ở đó. Tại Việt Nam, Hà Nội tìm cách đưa miền nam phù hợp với miền bắc xã hội chủ nghĩa. Tại Campuchia láng giềng, Pol Pot, cai trị cái mà ông gọi là Campuchia Dân chủ, cực kỳ cực đoan, tiến hành thanh trừng đối thủ và gây ra những tội ác nhân danh việc tái tạo một xã hội Khmer mới từ «năm

không.» Ông biến Khmer Đỏ thành một cỗ máy giết người hiệu quả và tàn nhẫn, và Campuchia thành «cánh đồng chết.»

Kế hoạch diệt chủng của Pol Pot bao gồm việc giết hoặc đuổi tất cả người Việt khỏi Campuchia. Bắt đầu từ mùa xuân năm 1977, binh lính Khmer Đỏ tiến hành các cuộc tấn công giết người vào các làng Việt Nam tại và vượt qua biên giới tỉnh Tây Ninh. Trong khi các dân tộc thiểu số thường sống ở các khu vực biên giới, sự thay đổi biên giới Đông Dương qua nhiều thế kỷ khiến những ranh giới này trở nên vô nghĩa với người dân địa phương. Những người sống sót chạy trốn mang theo những câu chuyện kinh hoàng về sự tàn bạo thời trung cổ của những kẻ tấn công Khmer Đỏ. Mùa thu năm đó, một nhà báo Hungary đã nhìn thấy những túi tre cháy đen, những thi thể bị chặt đầu và những ngôi mộ tập thể, mặc dù chính quyền Việt Nam ngăn cản ông đăng tin. Truyền thông nhà nước Việt Nam duy trì vẻ ngoài quan hệ láng giềng bình thường, một phần để che giấu các cuộc tấn công trả đũa và hành động phòng thủ của Hà Nội bên trong biên giới Campuchia. Vào tháng 12, một đơn vị tinh nhuệ của quân đội Việt Nam tấn công từ sáu điểm dọc biên giới. Sáu ngày sau, vào ngày 31 tháng 12 năm 1977, trên Đài Phnom Penh, chính phủ của Pol Pot lên án Việt Nam là «kẻ xâm lược» và tuyên

bổ cắt đứt quan hệ ngoại giao. Căng thẳng ngay lập tức mở ra một mặt trận khác tại Đông Dương ; Trung Quốc tuyên bố ủng hộ Campuchia trong cuộc chiến với Việt Nam, kèm theo các lô hàng vũ khí.

Phúc thấy cuộc chiến này khó khăn hơn đối với cô ấy so với cuộc chiến đã in dấu lên tuổi thơ của cô. Bởi vì những trận oanh tạc chỉ tạm dừng một hoặc hai ngày rải rác, thị trấn phải duy trì trạng thái phòng thủ liên tục. Ngược lại, mặc dù cuộc chiến với Việt Cộng kéo dài, tính chất du kích của nó cho phép, thậm chí yêu cầu, nông dân tuân theo nhịp sống hàng ngày truyền thống. Họ ở trong các khu vực «an toàn» được xác định, biết các khu vực do một bên kiểm soát hoặc tranh chấp, và có thể tin tưởng rằng bất kỳ lực lượng Việt Cộng chiếm đóng nào cũng sẽ chỉ ở lại vài ngày, rồi biến mất. Phúc đã biết đến những vũ khí có sức hủy diệt khủng khiếp - không chỉ hỏa lực cối, mà còn máy bay thả bom và napalm. Cô nhận ra rằng thiệt hại gây ra cho Tây Ninh so sánh ra thì hạn chế, nhẹ và thậm chí nông cạn. Nhưng điều khiến người dân thị trấn lo lắng là nỗi sợ hãi trước những điều không biết : bị trúng đạn cối chết, hoặc trở thành nạn nhân của Pol Pot tàn bạo - những kết cục không thể lường trước được.

Trong phản ứng của mình trước chiến tranh, Phúc nhận thấy một nỗi buồn ngày càng sâu sắc. Cô thấy mình lúc chín tuổi, ngây thơ nhìn những thùng napalm lăn qua lăn lại từ máy bay, không nhận ra nguy hiểm cho đến khi lửa bao phủ cô. Lúc mười lăm tuổi, cô thấy mình thay đổi bởi hiểu biết về nỗi đau thể xác và nỗi đau mất mát. Những người sống sót sau chiến tranh biết rằng nó còn chứa đựng nhiều sự tàn nhẫn hơn cả cái chết.

Những trận pháo kích và hỏa lực cối thường diễn ra vào buổi chiều. Học sinh tại trường trung học của Phúc đã đào các hầm trú ẩn ở sân trung tâm ngay ngoài cửa lớp học. Mặc dù đạn cối chưa bao giờ trúng trường, những chấn thương như bong gân, bầm tím, thậm chí gãy xương là không thể tránh khỏi khi ba mươi đến bốn mươi học sinh chen lấn qua cửa và ngã chồng lên nhau trong hầm. Phúc sợ bị kẹt trong đám đông cũng như bị bỏ lại bên ngoài. Đi xe về nhà sau giờ học cũng căng thẳng ; người ta phải đạp xe nhanh, nhưng cũng phải sẵn sàng vút xe và chạy vào hầm trú ẩn ven đường.

Phúc cảm thấy an toàn nhất khi ở nhà, nơi việc chạy vào hầm ít hoảng loạn hơn. Cha cô, người đã hạn chế những chuyện về Trảng Bàng, đã có mặt để giúp đỡ. Cần nhiều người để chuẩn bị cho cặp song sinh vào

hầm : một người lấy sữa và bình nước nóng để giữ ấm cho chúng, một người đưa chúng đi, một người khác đón chúng. Một khi vào trong, sự chú ý chuyển sang những nguy hiểm trước mắt hơn : chuột và rắn. Một học sinh tại trường của Phúc đã chết sau khi bị rắn cắn trong hầm. Các anh trai cô được giao nhiệm vụ kiểm tra hầm vài lần một ngày, và thường xuyên hơn vào mùa mưa, khi hầm ngập nước vài inch.

Ngày trôi qua thành tuần, tuần thành tháng.

Bộ mặt Tây Ninh thay đổi. Thị trấn tràn ngập người tị nạn Việt Nam từ các khu vực biên giới. Các trại được dựng lên cho người Khmer chạy trốn khỏi Campuchia. Các phòng khám trong thị trấn quá tải ; các bác sĩ và y tá miền nam thất nghiệp được triệu hồi. Cái chết ghé thăm, không phải lúc nào cũng để lại một thi thể để chôn cất. Một người hàng xóm của Ngọc, một giáo viên làm việc tại một làng biên giới, trở về sau một cuối tuần ở Tây Ninh chăm sóc người thân bị ốm và phát hiện kinh hoàng một đồng sọ cháy, trong đó chắc chắn có sọ của chị cô, một giáo viên khác ở đó. Những cơn rùng mình lan khắp Tây Ninh trước những lời đồn về những thi thể bị chặt đầu làm tắc nghẽn các nhánh sông Mekong gần biên giới. Ngay lập tức, Thơ vút bỏ cá đánh bắt từ Campuchia, một thời là thực phẩm chính

của địa phương và giờ bị xa lánh. Quân đội Việt Nam tăng cường điều tra dân số, chủ yếu tại Sài Gòn, nhưng ngày càng nhiều gia đình ở Tây Ninh cũng tiễn con trai ra chiến trường. Động cơ của Hà Nội không chỉ là trả đũa đã rõ ràng với những người biết về các trại bí mật được thiết lập gần đó để huấn luyện một đội quân Khmer kháng chiến do Việt Nam lãnh đạo chống lại Pol Pot.

Ít tin tức đến được phương tây từ đông dương dưới chế độ cộng sản, và tin tức trên Đài Phnom Penh chỉ gọi lên sự ngạc nhiên trước sự kỳ lạ của những người anh em cộng sản chiến đấu với nhau. Tuy nhiên, sự tranh giành quyền lực giữa hai thủ đô cộng sản, Hà Nội và Bắc Kinh, là một phần lý do khiến Việt Nam mùa hè đó gia nhập khối thương mại của Liên Xô, COMECON (Hội đồng Tương trợ Kinh tế, bao gồm cả Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Romania và Bulgaria). Việt Nam trở thành quốc gia thành viên duy nhất, ngoài Cuba, nằm ngoài Đông Âu. Tuy nhiên, trong một nỗ lực cân bằng giữa các siêu cường, Việt Nam cũng theo đuổi việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Trên mặt trận đó, các cuộc đàm phán mùa thu năm đó tại New York đã đạt được bước đột phá. Bất ngờ, đại diện Việt Nam tuyên bố từ bỏ yêu cầu của Hà Nội rằng Mỹ thực hiện lời hứa bí mật mà Richard Nixon đưa ra

tại thời điểm ký kết Hiệp định ngừng bắn Paris năm 1973. Nixon đã cam kết với Bắc Việt rằng, nếu họ ký hiệp định, Mỹ sẽ trả 4,5 tỷ đô la tiền bồi thường chiến tranh. Việc Hà Nội từ bỏ yêu cầu này đã đẩy nhanh tiến trình đàm phán bình thường hóa đến mức các quan chức Mỹ, dẫn đầu bởi Richard Holbrooke, bắt đầu nghiên cứu bản thiết kế của biệt thự từng là lãnh sự quán Mỹ tại Hà Nội thời chính phủ thuộc địa Pháp như một địa điểm tiềm năng cho đại sứ quán mới.

Sau đó, Tổng thống Mỹ Jimmy Carter đột ngột gác lại việc bình thường hóa với Việt Nam. Điều Việt Nam không biết là các cuộc đàm phán bình thường hóa bí mật đã bắt đầu vào mùa hè đó giữa Washington và Bắc Kinh, và trong các cuộc đàm phán đó, Trung Quốc đã bày tỏ sự thù địch với Việt Nam. Thành công với Trung Quốc được công bố vào giữa tháng 12. Công chúng Mỹ không tỏ ra thất vọng trước thất bại trên mặt trận Việt Nam : từ mùa hè, các đài truyền hình Mỹ đã phát sóng những cảnh tượng đáng lo ngại về «thuyền nhân» chạy trốn. Những hình ảnh đó gợi lên sự ghê tởm của nhiều người Mỹ đối với chế độ Việt Nam, như một lời nhắc nhở, một lần nữa, rằng Việt Nam tốt nhất nên bị bỏ lại phía sau.

Đầu năm 1978, bầu không khí khủng hoảng bao trùm Việt Nam. Hà Nội thất vọng vì cho rằng người dân miền Nam chống lại chủ nghĩa xã hội : hàng hóa phân phối bị rò rỉ ra chợ đen ; các tập thể tan rã ; đầu cơ tích trữ, đặc biệt là gạo. Thay vì nhận lỗi từ chính sách xã hội chủ nghĩa, Hà Nội quyết định siết chặt các biện pháp. Họ đẩy mạnh tập thể hóa, mở rộng sang cả nông nghiệp. Sau đó, họ ra đòn chí mạng nhằm tiêu diệt tàn dư tư bản. Một buổi tối cuối tháng 3, cảnh sát đột kích vào nhà và cửa hiệu ở Chợ Lớn, khu phố kinh doanh của người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi chế độ ước tính một nửa lượng tiền lưu thông và phần lớn vàng dự trữ của miền Nam tập trung. Họ tịch thu cửa hiệu, vàng và chứng khoán của người Hoa. Để triệt tiêu tiền mặt, chế độ tiếp tục thu hồi tiền tệ. Sau đó, họ ép buộc những người Hoa vừa bị tước đoạt phải di chuyển đến các vùng kinh tế mới.

Trong khi đó, nổi sạo chiến tranh với Trung Quốc khiến người Hoa đổ xô đến biên giới Việt - Trung ; thậm chí còn đông hơn khi Trung Quốc tạm mở cửa. Giận dữ vì Trung Quốc ủng hộ Campuchia, Hà Nội cũng hoang mang về sức mạnh của người Hoa trong nước và muốn loại bỏ họ. Họ quyết định cho phép người Hoa rời đi chính thức, nhưng với một cái giá : 10 lượng vàng cho người lớn, 5 lượng cho trẻ em.

Với mức lương nhà nước của một cán bộ cấp thấp, được tính theo tiêu chuẩn miền Bắc, một lượng vàng tương đương 3 đến 5 năm thu nhập. Cán bộ tham nhũng nhìn thấy cơ hội kiếm lợi bằng cách đòi hối lộ. Thủ tục chính thức là những người muốn đi phải đăng ký tại công an ở một tỉnh ven biển miền Nam, nộp đủ giấy tờ, trả phí, sau đó chờ trong trại tập trung để được xếp lịch lên thuyền do nhà nước quản lý. Con thuyền, có công an đi cùng, sẽ đến một trại tập trung ven biển nhưng cuối cùng là đảo ngoài khơi cực Nam. Khi thuyền cập bến, người trên thuyền bị bỏ mặc tự đẩy ra biển.

Việc đăng ký khiến các gia đình trở thành mục tiêu giám sát và trả thù. Nó cho phép chính quyền có thời gian tước bỏ cơ hội học cao, sinh kế, nhà cửa và tài sản của họ. Rồi đi bất hợp pháp ít nhất giúp họ có cơ hội giấu vàng hoặc buôn lậu ra nước ngoài.

Từ đây, hành trình khốn khổ của thuyền nhân bắt đầu. Trong hai năm sau, khoảng 400.000 người Hoa và cả người Việt, dùng giấy tờ giả người Hoa, đã ra khơi trên những con thuyền tồi tàn từ bờ biển Việt Nam vào Biển Đông đầy hiểm nguy, hy vọng đến vùng biển quốc tế để được cứu hoặc cập bến Thái Lan, Malaysia hoặc bất kỳ đâu giữa Hồng Kông và Úc. Hơn 40.000 người sẽ chết trên biển. Tổng số người vượt biển khỏi Việt Nam sẽ

vượt 1 triệu trước khi cuộc di tản gần như kết thúc vào cuối thập niên 1980.

Hai năm đỉnh điểm từ 1978 đến 1980 trùng với thời kỳ thiếu thốn khủng khiếp ở cả miền Bắc và miền Nam. Sản lượng lúa hàng năm sau khi tiếp quản rất thấp, do rét đậm ở miền Bắc, mưa lớn, lũ lụt và bão ở miền Nam. Kể từ khi chiến tranh kết thúc, cơ quan thu mua lúa nhà nước ở miền Nam không đạt chỉ tiêu, chỉ đạt một nửa năm đầu tiên. Tình hình ngày càng tệ, đến năm 1978, khi giá chợ đen cao gấp 13 lần giá nhà nước, cơ quan này chỉ đạt 12% chỉ tiêu. Nông dân tiếp tục tích trữ lương thực cho gia đình và chợ đen. Nền kinh tế đình trệ. Nhà nước có ít ngoại tệ mạnh - nhập khẩu gấp 4 đến 5 lần giá trị xuất khẩu - để mua nhiên liệu, phụ tùng máy hoặc nguyên liệu cho nhà máy. Cuộc sống càng khó khăn khi lương thực, thuốc men, thiết bị y tế và quỹ được ưu tiên cho bộ đội Việt Nam chiến đấu ở Campuchia và những người khác canh giữ biên giới phía Bắc dài 797 dặm với Trung Quốc.

Đến mùa thu 1978, nhiều sư đoàn quân đội di chuyển qua Tây Ninh, chuẩn bị cho cuộc tấn công toàn diện vào Campuchia. Biết rằng Pol Pot tàn bạo đàn áp mọi kháng cự trong nước, Hà Nội kết luận rằng chính quân đội mình phải lật đổ hắn. Cuối tháng 12, bắt đầu mùa

khô ở Campuchia, quân đội Việt Nam tấn công. Trong vòng hai tuần, họ đã áp sát Phnom Penh. Pol Pot và một số lính Khmer Đỏ, cùng hàng trăm nghìn người Campuchia bị ép đi theo, rút về các vùng rừng núi biên giới phía Tây giáp Thái Lan, nơi họ tiến hành chiến tranh du kích. (Pol Pot lãnh đạo họ cho đến khi chết năm 1998.) Hà Nội ra lệnh chiếm thủ đô, sau đó đưa quân vào chiếm đóng đất nước.

Trung Quốc trả đũa hai tháng sau khi Việt Nam chiếm Phnom Penh. Sau khi bình thường hóa quan hệ với Mỹ, họ tấn công qua biên giới với Việt Nam mà không bị lên án. Tuyên bố mục đích là «dạy cho Việt Nam một bài học», trong 16 ngày tháng 2 năm 1979, quân Trung Quốc tàn phá dọc biên giới, san bằng nhiều làng, nhà máy và mỏ than của Việt Nam. Cuối cùng, hành động của Trung Quốc đẩy Việt Nam vào quỹ đạo Xô Viết trong cuộc tranh chấp Trung-Xô. Việc chiếm đóng Campuchia, nơi họ dựng lên một chế độ thân Hà Nội, và cuộc chiến chống Khmer Đỏ du kích kéo dài cả thập kỷ, làm cạn kiệt ngân khố vốn đã nghèo nàn của Việt Nam và trở thành «Việt Nam» của chính họ, một thuật ngữ ám chỉ cuộc chiến kéo dài và vô ích.

Người nông dân Việt Nam tìm niềm an ủi trong sự nghèo khó cùng cực có câu nói : «Cộng sản chỉ kiểm soát được bạn nếu bạn có tóc trên đầu.» Cán bộ an ninh ngày càng hung hăng và đe dọa trong những vòng tuần tra bất ngờ từ nhà này sang nhà khác. Sở hữu một chiếc quạt điện cũng đủ để chính quyền tăng thuế hoặc giao nhiệm vụ cho hộ gia đình. Kẻ mạo danh xuất hiện trước cửa trở thành vấn đề, vì đồng phục an ninh có thể mua được trên chợ đen : không ai dám đổi đầu với người có thể có thẩm quyền hợp pháp.

Không cán bộ an ninh nào nghi ngờ sự giàu có ẩn giấu trong gia đình Ngọc. Khi anh và Thơ có thêm một cặp song sinh nữa, nhiều người trong nhà phải ngủ dưới sàn. Điều đó không có nghĩa là tổ trưởng khu phố không đến thăm và nán lại. Và hầu như lúc nào ông ta cũng xuất hiện đúng lúc gia đình chuẩn bị dùng bữa. Việc chào đón tổ trưởng không chỉ bằng nụ cười bình thường, mà phải là nụ cười nhiệt thành, để thể hiện sự hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội.

«Anh ăn cơm chưa ?» Tùng hỏi. «Mời anh dùng cùng.»

«Ồ», tổ trưởng nói, điều chỉnh cây tăm giữa răng để giữ thể diện, «tôi đã ăn rồi - nhưng được, ăn thêm.»

Khô nhất là cán bộ cấp thấp sống bằng lương nhà nước, chỉ nhận 30 đến 40 đồng một tháng. Trên chợ đen miền Nam, một pound đường là 12 đồng, một pound gạo là 18 đồng. Sở gạo gia đình cho anh ta một số đặc quyền. Tuy nhiên, do thiếu gạo nghiêm trọng hơn ở miền Nam, Hà Nội đã cắt khẩu phần gạo hàng tháng ở đó xuống một nửa so với miền Bắc, vốn đã ở mức gần đói, chỉ bằng một phần năm tiêu chuẩn quốc tế về tiêu thụ ngũ cốc tối thiểu (4 đến 6 kg gạo, so với tiêu chuẩn quốc tế 13 đến 14 kg).

Lợi nhuận của Nữ ở tiệm mì, khoảng một lượng vàng mỗi một hoặc hai tháng, gấp 20 lần thu nhập của cán bộ cấp thấp. Nhưng với số tiền đó, bà nuôi 10 người lớn và trẻ em cùng 4 đứa con của Thọ. Bà cũng cố gắng giúp đỡ hai người góa phụ, bà Thảo và Loan. Chiến tranh với Campuchia mang lại một số cơ hội : Tùng và Ngọc thỉnh thoảng buôn thuốc lá nhập lậu từ Campuchia. Bất chấp lời khuyên của Nữ, Tâm, con trai thứ hai, bỏ học cấp 3 và không vào trường kỹ thuật. Thay vào đó, cậu cố kiếm tiền từ dân nhập cư ngày càng đông ở Tây Ninh bằng nghề chở hàng bằng xe đạp. Một vụ va chạm với xe tải làm hỏng một mắt của Tâm ; tật của cậu không phải do bom napalm như các phóng viên phương Tây sau này đưa tin, mà là do vụ tấn bom napalm làm Phúc bị thương.

Phúc nhìn với sự ghen tị những gia đình sống thoải mái hơn. Theo cô, họ là những người sống trong nhà cửa tử tế với đồ đạc đầy đủ, luôn có đủ ăn và có thể cho con đi học. Cô cho rằng họ có thể tích trữ và giấu vàng. Hoặc may mắn có người thân đã sang Mỹ sau chiến tranh và gửi tiền hoặc đồ về bán lại.

Đêm trước ngày giỗ Bác Cả, Phúc và Tâm đi xe buýt chiều muộn về Trảng Bàng để lấy đồ Nữ đã chuẩn bị. Bà dự định sẽ đến vào ngày hôm sau. Đêm khuya họ mới về đến Tây Ninh với những giỏ gạo, đồ ăn chín, hoa quả, rượu và thuốc lá. Đã qua nửa đêm khi Tùng và Thơ bày biện những bộ quần áo đẹp nhất dành cho dịp này và, kiệt sức, cùng mọi người đi ngủ.

«Phúc ! Dậy đi !» Một đứa em trai kêu lên. «Trộm vào nhà đêm qua ! Chúng lấy hết mọi thứ !»

Bàn thờ tổ tiên trống trơn ; đồ cúng, quần áo đẹp nhất đều biến mất. Bọn trộm đã lấy chiếc tủ vờ cạnh giường Tùng, chiếc radio, đồng hồ, tất cả tiền đồng của ông. Chúng lấy mọi vật dụng hàng ngày : bát đĩa, túi quần áo, chỉ chừa lại đồ đạc. Con chó nhà nằm bất động như bị thuốc mê ; những người trong gia đình thiếu ăn, không còn nghi ngờ gì nữa, miếng thịt đã bị ném đi. Em trai út của Phúc nhớ lại rằng khoảng chín giờ tối hôm trước, cậu đã bỏ qua một tiếng động dưới gầm giường,

nghĩ rằng đó là tiếng chó cào ; giờ nghĩ lại, hẳn đó là tên trộm đang chờ cả nhà đi ngủ.

Khi Nữ đến, ngôi nhà ngập tràn nước mắt và đau khổ. Chỉ để thay thế những thứ cơ bản nhất cũng phải mất hàng tuần nỗ lực, lục tung các chợ và tìm kiếm những gánh hàng rong. Trong một tháng, không ai trong gia đình có gì để mặc ngoài bộ quần áo họ mặc khi đi ngủ vào đêm xảy ra vụ trộm. Cuối cùng, Nữ gửi hai tấm vải - hoa văn dành cho các cô gái, trơn dành cho các cậu trai - cùng thêm tiền để đưa cho thợ may «thêm cánh» vào chiếc máy khâu của mình.

Tùng đau lòng khi biết bọn trộm cũng lấy đi chiếc vali chứa những kỷ vật về vết thương của Phúc, biết rằng những thứ bên trong - cuốn album với hình ảnh và bài báo, hồ sơ y tế - sẽ chẳng có giá trị gì trên đường phố. Mọi thứ về tôi đã biến mất, Phúc nghĩ, nhưng lại cảm thấy không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, việc mất chiếc xe đạp khiến cô đau lòng ; bọn trộm đã lấy đi cả ba chiếc. Cô sẽ không có chiếc nào khác khi còn sống ở Tây Ninh. Để rút ngắn thời gian đi bộ dưới nắng đến và từ trường, giờ đây cô đi tắt qua cánh đồng, dù luôn lo lắng về việc gặp phải «kẻ xấu» chực chờ cướp giật những người đi một mình.

Chán nản, cô khóc nức nở với Thơ. «Chúng ta lại trở về cảnh không có gì», cô nói. Chị dâu khuyên nhủ cô bằng những lời mà sau này Phúc sẽ lấy làm sức mạnh mỗi khi cảm thấy bị đánh bại : «Nếu quý xuống, cuộc đời là núi ; nếu đứng lên, cuộc đời dưới chân bạn.»

Trừ người già, có thể đoán chắc rằng bất kỳ ai - thậm chí có lẽ cả người Cộng sản - không hài lòng đều nghĩ đến việc trốn đi bằng thuyền. Những chuẩn bị rất phức tạp. Phải tìm cách che giấu những hoạt động như bán tài sản để gom tiền mua vàng trả cho một chỗ trên thuyền, làm giấy tờ Trung Quốc giả, chuẩn bị đường viên tẩm nước chanh làm lương khô, may áo phao tạm. Người ta cũng phải để lại cho người thân một ít vàng, phòng khi nỗ lực thất bại, để hối lộ cho việc được thả ra khỏi tù hoặc đối xử nhẹ tay hơn. Các cán bộ an ninh cảnh báo về việc cố gắng trốn đi. Họ dọa rằng nếu bị bắt, người ta có thể bị tịch thu toàn bộ tài sản. Họ kể về những gì chờ đợi những ai vượt qua tầm bắn của tuần tra ven biển : chết đói, khát trên biển, hãm hiếp, bắt cóc và giết hại bởi hải tặc Thái Lan, sự tàn nhẫn trong các trại tị nạn. Điều này không gây ngạc nhiên ; những ai có radio sóng ngắn đã nghe lời kể của người sống sót trên BBC World News. Điều quan trọng là một số người đã thành công. Và những ai không có tương lai ở Việt Nam sẵn sàng liều chết trên biển hơn là ở lại.

Vì nhà nước có cách giám sát giới trẻ, thông qua trường học hoặc đăng ký quân dịch, họ khó có thể thử hoặc thực hiện việc trốn đi. Tuy nhiên, vẫn có những vắng mặt đáng ngờ tại trường cấp ba của Phúc. Sau một cái nhìn trao đổi kín đáo giữa các bạn học, một người sẽ đạp xe qua nhà của học sinh vắng mặt. Nếu có người lạ ở đó, tin đồn lan truyền : «Họ đã đi rồi.» Một lần, cảnh sát bắt ngay một học sinh vừa trở lại sau một thời gian vắng mặt. Ai đó đã báo cáo về làn da rám nắng của cậu, gây nghi ngờ rằng cậu đã ra biển.

Phúc giữ kín ước mơ : *Tôi mơ được trốn đi.* Bề ngoài, tham vọng duy nhất của một người là sống hạnh phúc dưới chế độ Cộng sản. Cô thấy không cần nói gì với gia đình ; dù họ có tiền để đánh cược hy vọng trốn thoát cho một thành viên, cũng không ai trong gia đình biết bơi giỏi hoặc có kinh nghiệm trên biển. Một phần do bốc đồng, nhưng chỉ khi chắc chắn rằng mình không nói chuyện với người có khả năng là chỉ điểm, cô từng đặt vấn đề trốn đi như một câu hỏi. Phúc đi cùng cha dự lễ giỗ một người bên nội, và sau khi một thầy đồng làm lễ, cô đến thăm bà già tại nhà.

«Tôi muốn biết về tương lai của mình», Phúc nói.

«Cháu muốn bà xem điều gì ?»

Đây không phải lần đầu Phúc làm việc này. Khi còn nhỏ, cô và các anh chị em thường được cha mẹ cho vài đồng xu để hỏi vận mệnh. Khi lớn hơn, cô và bạn bè coi đó là trò giải trí. Phúc không coi trọng những lời xem bói, không như dì Anh hay cha mẹ cô, dùng nó như cách liên lạc với người đã khuất.

Phúc trả lời rõ ràng : «Cháu muốn đến một đất nước khác.»

Bà già buộc khăn đỏ lên đầu, quỳ xuống và bắt đầu cầu nguyện lớn tiếng.

Cuối cùng, bà quay lại nhìn Phúc.

«Hai người già sẽ xuất hiện trong đời cháu để giúp đỡ», bà nói.

«Họ sẽ giúp cháu xuất ngoại chứ ?»

«Ừ, ừ, cháu sẽ đi - nhưng, cháu sẽ trở về.»

Phúc muốn hiểu rõ : «Cháu sẽ không xuất ngoại suốt đời sao ?»

Thầy đồng mỉm cười. Buổi xem bói kết thúc. «Số mệnh của cháu là sẽ luôn có người tốt giúp đỡ», bà nói.

Phúc đưa tiền cho bà già. Điều bà nói là tin tốt, cô tự nhủ. Rồi, gạt bỏ gánh nặng của hy vọng hão huyền, cô thêm một ý nghĩ thoáng qua : Tôi không tin bói toán, nên tôi sẽ không chờ đợi hai người đó.

Đến mùa thu năm 1979, Việt Nam đối mặt với một cuộc khủng hoảng kinh tế quốc gia ngày càng trầm trọng và tình trạng gần như đói kém ở cả miền Bắc và miền Nam. Ở miền Nam, nguồn cung do cơ quan thu mua gạo nhà nước mua vào giảm năm thứ năm liên tiếp; trong năm thứ năm đó, nông dân chỉ bán được 10% mục tiêu của cơ quan. Hà Nội không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tái áp dụng một số yếu tố tư bản thị trường tự do vào miền Nam và nói lỏng cách tiếp cận giáo điều ở đó. Họ đưa ra các cải cách kinh tế thận trọng: tăng giá nông sản nhà nước và cho phép thị trường tự do hạn chế đối với nhà sản xuất ngoài kế hoạch nhà nước ; cho phép các hợp tác xã thủ công và hộ kinh doanh như chăn nuôi lợn, vốn như các doanh nghiệp khác bị buộc phải mua nguyên liệu từ nhà nước, được mua trực tiếp và bán phần dư thừa trên thị trường mở ; và dỡ bỏ các chốt kiểm soát trên xa lộ điều tiết việc vận chuyển hàng hóa thương mại. Trong hai năm rưỡi tiếp theo, những cải cách này sẽ dần được mở rộng và đủ để bắt đầu xoay chuyển tình trạng thiếu gạo và ngăn chặn sụp đổ kinh tế.

Trong ba năm cuối cấp ba, Phúc trải qua một sự hồi sinh của riêng mình. Kể từ khi bị thương, cô chưa bao giờ cảm thấy khỏe mạnh và mạnh mẽ như vậy. Những cơn đau đầu vẫn làm phiền cô, nhưng ít thường xuyên hơn. Cô nhìn cơ thể tuổi teen đang thay đổi của mình và thấy rằng khi ngực phát triển, những vết sẹo bỏng từng kéo dài từ lưng ra trước dường như đang thu nhỏ lại. Mái tóc dài ngang vai và tay áo dài che đi mọi vết sẹo. Vết cháy sém trên một bên má từ lâu đã biến từ một đốm đen thành một vết bớt và cuối cùng biến mất. Cô đã hoàn thiện những cử chỉ để che giấu bất kỳ dấu hiệu dị tật nào : để che đi sự ngắn hơn của cánh tay trái so với phải, khi đứng, cô buông lỏng tay phải tự nhiên, nhưng đặt tay trái lên hông. Và khi viết, cô ngồi nghiêng, đặt tay phải đủ xa trên mặt bàn để che đi sự cứng đờ từ cổ đến vai phải.

Cô tìm cách làm cuộc sống ngoài gia đình thêm sôi động. Vào các tối thứ Bảy, một người hàng xóm có tivi sẽ mở cửa cho cả xóm, và thường Phúc sẽ ghé qua. Nếu đó là chương trình cách mạng Xô viết thông thường, một bộ phim cổ điển Stalin như «Cách người ta tôi thép», đám đông sẽ tan biến. Nếu là nhạc truyền thống hoặc opera Việt Nam, Phúc sẽ ở lại cùng phần đông là người lớn tuổi. Giống như đa số bạn học, cô từ chối lời mời của bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh tham gia, hoặc ít nhất là các nhóm thảo luận, sự kiện xã hội và công tác tình nguyện trong cộng đồng. Cuối cùng, sợ hậu quả từ việc viện có nhiều lần, cô nhận lời mời đến một buổi gặp tại nhà anh ta. Cha mẹ anh ta có mặt, tiếp đón mười bạn học của cô với trà và trái cây. Cô là người duy nhất không phải đoàn viên. Nhận thấy cậu trai chỉ quan tâm đến mình, Phúc xấu hổ vì anh ta cư xử như vậy trước mặt cha mẹ. Điều đó khiến cô quyết định : cô sẽ không gia nhập Đoàn.

Dù vui khi các chàng trai để ý đến mình, Phúc luôn tự nhắc nhở rằng, vì vết thương, cô sẽ không bao giờ có thể cạnh tranh bằng vẻ đẹp hay sức mạnh. Cô sẽ không bao giờ có cả hai. *Một cách để khiến bản thân cảm thấy tốt hơn và mạnh mẽ hơn, cô tự nhủ, là trở thành tín đồ Cao Đài sâu sắc hơn.* Trong số các anh chị em, cô là người duy nhất cùng Tùng, Ngọc và Thơ tham gia bốn nghi lễ hàng ngày tại đền thờ ở xóm Công Bảy. Chỉ vào ba hoặc bốn ngày lễ tôn giáo lớn hàng năm, Tùng mới bắt cả nhà đến Tòa Thánh. Đó là một cuộc hành hương ngày càng ít người ; không bao giờ có ai tràn lên các ban công trên của ngôi đền lớn. Những tín đồ khác bị ngăn cản bởi sự hiện diện dày đặc của cảnh sát, niềm tin của họ thua trước nỗi sợ sự khinh miệt của Cộng sản với tôn giáo. Nội thất đền thờ phản ánh tình trạng suy tàn của tôn giáo ; cảnh sát đã đập vỡ chiếc cổng

đứng, cùng các đồ trang trí khác : bình hoa, tượng, hạc, phượng và rồng. Nạn phá hoại và trộm cắp là vấn đề thường xuyên. Không có tiền để tu sửa ; các viên gạch trên nền đá hoa xác định chín cấp bậc lên bàn thờ bị sứt mẻ nặng, cũng như tám cột thạch cao quán những con rồng đỡ lấy mái vòm ở phía cuối. Kể từ khi chính quyền Cộng sản giải thể bộ máy hành chính Cao Đài, mỗi ngôi đền đều phải dựa hoàn toàn vào tình nguyện viên để lấp đầy mọi vị trí, từ linh mục đến người trông coi.

Phúc đăng ký tham gia dàn hợp xướng nữ tại ngôi đền địa phương. Một thành viên trong đó trở thành người bạn thân nhất của cô ở Tây Ninh. Lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh kết thúc, Phúc cho phép bản thân chia sẻ những tâm sự, dù chỉ trong sự an toàn của ngôi nhà hoặc nhà bạn cô. Lớn hơn mười tuổi, Liên là con cả trong gia đình sáu người con sống trong ngôi nhà phía sau nhà Ngọc. Vì cha họ không trở về từ trại cải tạo, các cô gái phải bỏ học để nuôi gia đình. Mẹ và các con gái làm công việc may vá thủ công, đan khuy và cổ tay áo. Cả Nữ và mẹ Liên đều là những người tình nguyện đứng đầu nữ giới trong giáo xứ của họ. Vị trí này, mang cấp bậc của một người phục vụ nghi lễ, yêu cầu họ mỗi tháng một lần phải thuyết giảng tại ngôi đền địa phương và thăm hỏi, cầu nguyện cùng nữ giới trong mỗi gia đình. Liên và Phúc làm rạng danh mẹ họ : họ khoác

lên mình chiếc áo dài trắng và tụng kinh cùng dàn hợp xướng mỗi ngày một lần, và tùy vào thời điểm Phúc hoàn thành bài tập về nhà, họ cùng nhau tham dự buổi lễ tối lúc sáu giờ hoặc nửa đêm. Vào cuối tuần, họ tham dự cả bốn nghi lễ hàng ngày. «Con thích nó», Phúc nói với gia đình, mượn một từ ngữ chưa từng được sử dụng kể từ những ngày thơ ấu ở Trảng Bàng.

«Mẹ, mẹ có thấy tài xế cam bột hôm nay không ?»

Vào mùa hè khi trường học kết thúc, Phúc đến Trảng Bàng thường xuyên nhất có thể, cố gắng chia sẻ cuộc sống hàng ngày với Nữ. Giờ để mẹ và con gái trò chuyện bắt đầu từ lâu sau khi tấm màn tre được kéo xuống trước cửa, sau vị khách cuối cùng của quán mì. Đôi khi, Phúc đã ngủ từ lâu trên chiếc giường hẹp của Nữ, rồi tỉnh giấc khi mẹ cô đến đó, thường là sau nửa đêm. Nằm dựa vào sự mềm mại của bầu ngực mẹ, Phúc cảm nhận được sự an toàn của tuổi thơ đã bị cắt ngắn. Hai người lấy đi giấc ngủ của Nữ để trò chuyện, cuộc nói chuyện của họ bị ngắt quãng bởi ánh đèn pha từ những chiếc xe tải đi ngang qua.

Tài xế người Campuchia là một khách hàng thường xuyên, dừng chân trên đường đến Thành phố Hồ Chí Minh với một xe đầy cá khô và trên đường trở về, với một xe đầy gạo. Nữ đã nhận xét trước đó rằng mỗi lần

anh ta đến, anh ta đều tìm kiếm Phúc.

«Anh ấy nói với con hôm nay : ‘Anh yêu em.’»

«Hãy cẩn thận», Nữ cảnh báo. «Những tài xế xe tải không có cuộc sống gia đình. Họ để lại vợ ở nhà và có bạn gái trên đường. Kết hôn với những người như vậy không an toàn. Loại người đó không dành cho con.»

Chưa bao giờ Nữ lo lắng về hai cô con gái đầu khi nói đến con trai, nhưng với Phúc, bà nghiêm khắc và bảo vệ. Bà không cần phải lo lắng ; bản thân Phúc cũng đứng trên trạng thái cảnh giác về mặt cảm xúc. «Con không yêu anh ta», cô nói về bất kỳ ai tìm kiếm sự chú ý của cô và muốn có cô bên cạnh. Cô đã suy nghĩ về cả hôn nhân và con cái ; cô muốn nhưng không mong đợi cả hai. Các chàng trai nhìn tôi như một người bình thường, cô tự nhủ, nhưng một khi tôi trở nên thân thiết đủ để kết hôn với một người, anh ta sẽ phải nhìn thấy những vết sẹo của tôi. Một khi một chàng trai nhìn tôi như một người xấu xí và yếu đuối, làm sao anh ta vẫn có thể yêu tôi ?

Trong những cuộc trò chuyện hàng đêm, Nữ tìm cách hướng dẫn Phúc bằng cách vẽ nên những bức tranh bằng lời để mời gọi con gái đưa ra những lựa chọn tốt nhất cho cuộc đời mình, và ngăn cản cô khỏi những lựa

chọn khác. Thường thì Nữ kể lại những tin tức đáng buồn trong giáo xứ của bà. Bà vô cùng lo lắng về những ca thai chết lưu và thai nhi dị dạng, mà dân làng đổ lỗi cho chất độc màu da cam. Cái mà người Mỹ gọi là Agent Orange thì người Việt gọi là «chất độc chết người màu da cam», một thuật ngữ mà họ cũng dùng để bao hàm mọi chất ô nhiễm từ kho vũ khí chiến tranh mà họ sợ rằng mình đã phải tiếp xúc, từ những loại thuốc diệt cỏ thấm vào giếng nước đến những mảnh đạn chôn vùi đầy vào rễ rau trong vườn của họ. Cả Nữ và Phúc đều không dám nói lên nỗi sợ hãi lớn nhất của họ : ảnh hưởng của vết bỏng napalm đến khả năng sinh con, hoặc thậm chí sống sót qua thai kỳ. Tuy nhiên, Nữ không ngần ngại nói về những cuộc hôn nhân không hạnh phúc, về ly hôn và những người phụ nữ phải sống một mình. Bà nói, người ta phải mạnh mẽ và xinh đẹp để bắt đầu lại, để tái hôn.

Nữ sẽ hướng cuộc nói chuyện đến trật tự của vũ trụ vượt ra ngoài sự tồn tại trần thế của bà. «Trước khi cha mẹ đi đến kiếp sau», bà thường bắt đầu, «chúng tôi muốn biết rằng con được chăm sóc.» Nhẹ nhàng nhưng thuyết phục, bà nói về những người phụ nữ chọn cách cống hiến cuộc đời mình cho ngôi đền khi về già. Bà ca ngợi hai người mà bà biết đang sống những ngày cuối đời tại các ngôi đền địa phương : một người nghèo, sinh

ra trong cảnh không có gì ; người kia, trước đây giàu có, đã hiến tặng tất cả đất đai và tiền bạc cho tôn giáo. Về mặt tinh thần, họ bình đẳng. Cả hai đều không phải lo lắng về nhu cầu trần thế : ngôi đền cho họ nơi trú ẩn, và các tín đồ nuôi sống họ. Bản thân Nữ thường xuyên ghé qua với gạo và trái cây, để lại hai phong bì tiền, một cho ngôi đền và một cho họ. Bà miêu tả những «nữ tu» của tôn giáo này như những «thiên thần» mang lại sự an ủi trong những lời cầu nguyện của họ cho người bệnh và người đã khuất.

Tâm trí Phúc dễ dàng hướng về hình ảnh thiên đường đó. Là một bác sĩ, cô sẽ mang lại sự chăm sóc y tế cho những người cần thiết. Và khi về già, cô sẽ làm việc cho một ngôi đền, sống ở đó nếu cần.

Vào ngày sinh nhật thứ mười tám của cô, theo luật tôn giáo Cao Đài, một đứa trẻ bước vào tuổi trưởng thành, Phúc đã lựa chọn theo đạo Cao Đài suốt đời. Theo mong muốn của Nữ, cô trở về ngôi đền ở Trảng Bàng, để chính mẹ cô có thể thực hiện một phần nghi lễ chính thức kết nạp cô vào tôn giáo. Khi Phúc cúi mình trên sàn đá cẩm thạch mát lạnh, cô cảm thấy mãn nguyện. «Con sẽ cố gắng làm điều tốt», cô thề, «cho bản thân, cho mẹ, cho gia đình và cho tôn giáo của con.»

Hàng năm, những học sinh tốt nghiệp trung học ở miền Nam có thể tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học, vào giữa mùa hè tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc được chấp nhận phụ thuộc hoàn toàn vào điểm số do Cục Tuyển sinh Sinh viên quyết định. Điểm cuối cùng của mỗi học sinh là tổng điểm của hai phần : kết quả trong các kỳ thi (theo môn học, bao gồm các kỳ thi bắt buộc về tuyên truyền chính trị và đạo đức xã hội chủ nghĩa)

; và việc Cục gán điểm, cộng hoặc trừ, vào lý lịch cách mạng của một người xét đến ba đời. Do đó, dù điểm thi cao đến đâu, lý lịch cách mạng «không phù hợp» có thể phá hỏng cơ hội vào đại học.

Sau khi tốt nghiệp vào mùa hè năm 1981, Phúc đến Cục địa phương và đăng ký dự thi với hy vọng vào ngành y. Cô cũng nộp Giấy Chứng nhận Xác nhận Nhân thân về lý lịch cách mạng của mình. Mùa hè đó, Nữ cho cô tiền để thuê gia sư riêng. Các kỳ thi rất khó ; không hiếm trường hợp một học sinh phải thi hai hoặc ba lần mới đạt điểm tối thiểu. Tùy thuộc vào chỉ tiêu chuyên môn của chính phủ đặt ra trong năm đó, điểm chấp nhận thấp nhất có thể đưa một người vào khoa ít giá trị nhất (sư phạm) tại trường đại học ít danh tiếng nhất. Ngay cả sau khi vào đại học, một số người vẫn viết lại bài thi năm này qua năm khác với hy vọng cải thiện điểm số

để có thể chuyển sang một khoa tốt hơn (như kỹ thuật hoặc y khoa), hoặc một trường tốt hơn.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, những cơn đau đầu của Phúc trở lại. Để theo kịp nhịp độ học tập, cô phải uống ba hoặc bốn viên thuốc giảm đau mỗi ngày. Sẽ thế nào nếu được học như một sinh viên bình thường ? cô tự hỏi. Vì cô cúi đầu suốt mùa hè, truyền thống cuối hè thường ngắm hoa nở trên cây yêu thích của mẹ gần như trôi qua. Cây hoa đó là món quà từ Tâm, được nhổ từ rừng. Một chiếc xe tải anh lái bị hỏng ở đó, và trong khi chờ đi bộ ra vào lúc bình minh, anh bị mê hoặc bởi một mùi hương. Anh lần theo nó đến một cây có những bông hoa trắng lớn, những cánh hoa như hai lòng bàn tay mở ra, những nhị hoa cao như những con thuyền buồm cổ. Đó là hoa quỳnh nổi tiếng, được ca ngợi trong văn học và nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Nụ hoa của cây chỉ nở trong bóng tối và thường là sau nửa đêm. Khi chúng nở, như thể nước hoa của thiên nhiên đang tràn ra từ một chiếc lọ. Những nụ hoa trên cây của Nữ nở trung bình ba năm một lần. Những lần bà được gọi về nhà mà không có gì, bà bình thản : «Cây sẽ nở hoa khi thời gian của gia đình đến», bà nói.

Mùa hè này, cây có rất nhiều nụ. Khi nụ hoa đầu tiên bắt đầu nở, Nữ đánh thức Phúc đang ngủ.

Cả gia đình quay sang Nữ. «Mẹ, mẹ sẽ cầu xin điều may mắn gì ?»

Nếu họ là học giả hoặc nghệ sĩ, họ đã nháp rượu và cầm bút lên giấy, viết thơ hoặc vẽ tranh. Nữ nâng ly trà lên : «Quán mì sẽ có nhiều khách hàng và Phúc sẽ đạt điểm cao trong kỳ thi của mình.»

Tổng cộng, có mười bông hoa nở năm đó, nhiều nhất mà cây đó từng ra hoa.

Cục gửi cho Phúc điểm số cuối cùng của cô. Điểm cao nhất có thể đạt được là khoảng hai mươi mảy ; Phúc được chấm mười hai điểm, thiếu hai điểm so với tiêu chuẩn tối thiểu năm đó. Phúc hài lòng ; mục tiêu của cô đã trong tầm tay. Điểm số của cô dường như xác nhận rằng Cục coi lý lịch cách mạng của cô là trung lập. Bản thân cô đã nghĩ rằng không có gì cô báo cáo trong Giấy Chứng nhận Nhân thân có lợi hoặc có hại cho cô. Không ai trong ba đời trước là chiến sĩ Việt Cộng, không ai làm việc trong biên chế nhà nước, và cô không tham gia bất kỳ tổ chức Cộng sản nào. Mặt khác, cũng không có ai trong gia đình trực hệ của cô làm việc cho Pháp, chế độ Sài Gòn hay người Mỹ, và không ai là lính chính phủ. Cô đã nghĩ để thêm một dòng về trải nghiệm duy nhất của cô với chiến tranh : «Khi tôi chín tuổi, tôi bị thương bởi một quả bom napalm.»

Trong lớp tốt nghiệp của Phúc, học sinh từng đạt thành tích học tập cao nhất từ lớp sáu trở đi đã điểm thấp hơn mức tối thiểu. Ba lần nữa, học sinh đó sẽ viết lại bài thi ; nhưng văn phòng tuyển sinh không bao giờ chấm điểm cao hơn cho cô. Đến lượt ba người em nhỏ hơn, cũng là những học sinh xuất sắc, cũng không đạt được điểm tối thiểu. «Gia đình đó không có tương lai vì những gì người cha đã làm trước Giải phóng», người khác nói. Nhưng với Phúc thì khác : tỉnh Tây Ninh thông báo cô phải báo cáo vào mùa thu đó tại một trường «dự bị đại học» ở tỉnh Tiền Giang thuộc đồng bằng sông Cửu Long phía nam. Những trường khu vực như vậy chuẩn bị cho học sinh thi lại kỳ thi tuyển sinh đại học vào năm sau.

Chặng đầu tiên của chuyến xe buýt kéo dài cả ngày từ Tây Ninh là đến Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, Phúc đi xích lô qua thành phố đến một bến xe buýt khác và lên xe buýt đi về phía nam đến Tiền Giang, thủ phủ của tỉnh cùng tên, và cũng là tên của một nhánh chính của sông Mekong đổ ra Biển Đông. Thành phố rất đẹp ; những ngôi nhà được xây trên cọc qua hàng trăm lạch nước. Ban đầu, Phúc cảm thấy kinh tởm bởi mùi của bãi triều và nước lợ màu nâu theo thủy triều tràn vào, đọng lại thành những vũng nước tù trong mùa mưa. Tuy nhiên, thủy triều đã tạo nên nhịp điệu của thị trấn,

mỗi ngôi nhà dựa vào chúng để lấp đầy bể chứa nước xi măng riêng.

Trường học ở Tiền Giang phục vụ học sinh từ khoảng mười tỉnh. Các tỉnh nhà trả học phí cho học sinh, đồng thời cung cấp ký túc xá và một khoản trợ cấp hàng tháng cho ăn uống, sách vở và các chi phí khác. Tây Ninh là một trong những tỉnh nghèo hơn ; khoản trợ cấp hàng tháng không đủ để sống. Mỗi cuối tuần, Phúc thực hiện một chuyến đi khứ hồi trong ngày đến Trảng Bàng - Tây Ninh quá xa để đi trong một ngày - mang theo quần áo bẩn để giặt bằng nước giếng sạch hơn ở đó và trở về với đồ ăn nấu sẵn và tiền từ Nữ. Cô thường gặp cả hai cha mẹ ở đó, mẹ cô ở cửa hàng, bố cô ở nhà phụ của ngôi đền. Sau khi đưa Phúc qua trung học, Tùng giờ coi nghĩa vụ làm cha của mình hầu như đã hoàn thành. Theo truyền thống gia đình Việt Nam, công việc của cha mẹ là nuôi dạy các con nhỏ cho đến khi anh chị lớn đảm nhận trách nhiệm. Nữ giữ chiếc giường xếp ở cửa hàng và Tùng treo võng ở đền để đôi lấy việc chăm sóc nơi đó.

Khóa học sáu tháng không hề nặng nề. Phúc thích kết bạn mới và làm điều đó dễ dàng, đặc biệt vì họ đều đến từ cùng một tỉnh và thường cùng tôn giáo. Ban ngày, cô và bạn bè thích bắc cầu «khỉ» qua các lạch nước, được

đặt tên theo sự khéo léo cần thiết để điều hướng những cây cột mỏng manh buộc lại với nhau. Một thú tiêu khiển yêu thích là tụ tập vào nửa đêm trong một hầm mộ ở nghĩa trang liền kề để hỏi các hồn ma cư ngụ ở đó về dự đoán tình yêu tương lai và kết quả kỳ thi tuyển sinh năm sau.

Người bạn thân nhất của Phúc là bạn cùng phòng, cũng có tham vọng học y, và họ đã thỏa thuận sẽ cố gắng học cùng một trường. Triệu vừa vô tư vừa xinh đẹp. Phúc luôn vui vẻ và cười, nhưng luôn ý thức về nhiệm vụ trước mắt : học tập. Triệu có bạn trai, và Phúc thấy mình phải từ chối nhiều hơn một người tỏ tình. Người nhiệt tình nhất trong số họ là một sinh viên lớn tuổi, được giáo viên kính trọng vì hiểu biết sâu rộng về tất cả các môn học, vượt trội hơn cả họ. Quân đội đã làm gián đoạn việc học kỹ thuật của anh ta để gửi anh ta đến Campuchia, và giờ anh ta hy vọng chuyển sang ngành y. Dù thấy buồn cười khi nghe anh ta cảnh báo người khác «Kim Phúc là của tôi !», Phúc vẫn cứng rắn từ chối khi anh ta gửi cho cô một bức thư tình. «Anh muốn ở bên em và yêu em», bức thư bắt đầu. Điều đó xúc phạm đến sự đứng đắn của cô.

Ngay từ đầu, Phúc đã giữ bí mật với bạn cùng lớp và giáo viên, Triệu và chín người bạn cùng phòng khác, bí

mật ẩn dưới mái tóc dài và tay áo dài của cô. Họ nghĩ cô có niềm đam mê với nước dừa ; cô uống nó vì nghĩ nó tốt cho da. Trong một bài giảng hóa học về tính cháy của phốt pho, cô giữ kín câu hỏi trong đầu. Trong lớp, «bom napalm» vang lên trong tâm trí cô, cùng với hình ảnh cơ thể bốc cháy và những bình nước được đổ lên nó. Sau đó, cô tìm đến sách giáo khoa. Từ những gì đọc được, cô kết luận rằng nước sẽ làm nhiên liệu cho napalm vẫn đang cháy trên cơ thể cô. Cô giữ im lặng: Bên ngoài tôi đang cười, cô tự nhủ, nhưng bên trong tôi buồn. Mãi đến tuần áp chót của học kỳ cuối ở Tiền Giang, bạn cùng lớp mới có chút manh mối rằng cô là một học sinh không giống ai.

Vào cuối tháng tư, một chiếc xe ô tô màu đen rẽ vào quốc lộ 1 ở trảng bàng và dừng trước cửa hàng mỳ của nữ. Hai người đàn ông bước ra. Họ đang tìm «Tùng» mà cửa hàng được đặt tên theo biển hiệu phía trên. Người mà họ hỏi không phải là Tùng, như họ nghĩ, mà là con trai thứ hai của ông, Tâm.

«Bạn có con gái tên Kim Phúc không ?» họ hỏi.

«Cô ấy là em gái tôi», Tâm trả lời.

«Cô ấy có bị thương bởi napalm trong chiến tranh không ?»

Khi anh trả lời có, họ đưa ra một lá thư từ chính phủ Hà Nội, đó là lệnh cho các quan chức ở Thành phố Hồ Chí Minh tìm cô. Hai người này đến từ bộ thông tin của Ủy ban Nhân dân - cơ quan chính quyền chính thức từ Hà Nội trở xuống - của Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai ngày sau, Phúc được gọi ra khỏi lớp toán. Cô bước ra ngoài gặp bốn người đàn ông đứng ở hành lang. Họ nhìn chăm chăm, không nói gì.

«Vâng ?» cô hỏi lịch sự, mỉm cười.

Cuối cùng, một người lên tiếng. Giọng anh ta có vẻ hoài nghi. «Em là Kim Phúc ?»

«Vâng - em là Kim Phúc.»

«Em là cô gái trong bức ảnh ?»

Một ký ức lóe lên trong tâm trí Phúc : một tờ báo, có thể là tạp chí, được truyền tay giữa những người hàng xóm chen chúc trên hiên nhà lớn, như thể đó là chợ.

«Em là cô gái trong bức ảnh ?» một người bạn hỏi.

«Vâng», Phúc trả lời những người đàn ông. «Em là cô gái trong bức ảnh.»

«Em là Kim Phúc thật sao ?»

Cô cười. «Vâng, vâng - em là thật !»

«Nhưng, em trông rất - bình thường !»

Phúc hiệu. Cô kéo tay áo trái lên.

Cô trở lại lớp, vừa thấy buồn cười vì cuộc trò chuyện ở hành lang, vừa bối rối. Tại sao chính phủ lại quan tâm đến ai đó bị thương từ lâu như vậy ? Trong những ngày cuối cùng của học kỳ, cô suy ngẫm về bức ảnh. Cô đã không nghĩ đến nó kể từ khi, cùng với những kỷ vật khác của quá khứ mà bố cô đã cất trong vali, nó đã biến mất cùng với những tên trộm đã đột nhập vào nhà khi cả gia đình đang ngủ. Cô thừa nhận rằng, khi lần đầu được công bố, bức ảnh đã thu hút sự chú ý. Nhưng cô coi nó như một viên sỏi ném xuống ao. Những gợn sóng trên mặt nước đã lâu không còn. *Mọi thứ đã thay đổi nhiều kể từ khi chiến tranh kết thúc*, cô nghĩ. *Tại sao ai đó lại muốn nhặt viên sỏi đó từ đáy ao bây giờ ?*

Chương Chín

Năm 1980, năm thứ năm kể từ khi tiếp quản miền nam, lãnh đạo Đảng Cộng sản ở Hà Nội đã đề bạt vào hàng ngũ của mình một nhà ngoại giao chuyên nghiệp có hiểu biết về phương Tây. Sinh ra ở miền bắc trong một gia đình nông dân và từng bị Pháp bắt giam vì hoạt động kháng chiến, Nguyễn Cơ Thạch đã phục vụ Bắc Việt Nam trên các cương vị ngoại giao, bao gồm một nhiệm kỳ ở Ấn Độ, và đã lên đến cấp bậc thứ trưởng ngoại giao vào năm 1960, ở tuổi ba mươi lăm. Vai trò là trợ lý chính của phía Bắc Việt Nam trong các cuộc đàm phán hòa bình ở Paris đã đưa ngôi sao của ông lên cao. Bản thân Thạch sau đó đã dẫn đầu phía Việt Nam trong các cuộc đàm phán ở New York, đưa Việt Nam và Hoa Kỳ đến bờ vực bình thường hóa quan hệ.

Năm 1980, khi Thạch trở thành bộ trưởng ngoại giao và ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị (ông là thành viên nói tiếng Anh đầu tiên sau Hồ Chí Minh, hai năm sau ông được thăng chức ủy viên chính thức và kiêm phó thủ tướng), Việt Nam thời hậu chiến đang tìm cách thoát khỏi sự cô lập với phương Tây. Mục đích của họ rất thực tế : để Hoa Kỳ nói lỏng lệnh cấm vận thương mại chống lại họ. Là quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thứ

ba nghèo nhất thế giới, Việt Nam đang rất cần viện trợ và đầu tư. Đồng thời, đất nước cũng muốn giảm bớt sự phụ thuộc kinh tế vào Liên Xô. Đồng rúp Liên Xô đã hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam với giá trị tương đương một phần tư tổng sản phẩm quốc nội. Liên Xô viện trợ bằng cách mua các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (chủ yếu là dầu thô, gỗ và mía đường) với giá cao hơn thế giới, đồng thời bán cho Việt Nam lượng dầu mỏ nhiều hơn nhu cầu để Việt Nam có thể bán lại phần thừa và kiếm ngoại tệ mạnh nhằm mua lương thực và các mặt hàng nhập khẩu thiết yếu khác từ khối thương mại Liên Xô.

Được coi là người ôn hòa trong các vấn đề nội địa, Thạch có khả năng diễn giải quan điểm của phương Tây cho lãnh đạo Đảng, và sự nhạy bén để nhận ra rằng báo chí nước ngoài có thể giúp định hướng dư luận phương Tây ủng hộ Việt Nam. Khi từ bỏ yêu cầu Mỹ thực hiện lời hứa bồi thường chiến tranh của Nixon, Thạch đã nhận ra rằng việc yêu cầu người Mỹ thực hiện cam kết của một tổng thống bị mất uy tín là không được lòng dân. Tương tự, ông hiểu rằng phản ứng của người Mỹ đối với Việt Nam đầy cảm xúc. Tháng 12 năm 1981, Bộ Ngoại giao của ông đã mời phái đoàn cựu chiến binh Mỹ đầu tiên đến Hà Nội để thảo luận hai vấn đề gây tranh cãi tại Mỹ : tác động sức khỏe của chất độc da cam

và số phận của 2.477 quân nhân Mỹ chính thức liệt vào danh sách mất tích (MIA) tại Đông Dương (phần lớn ở Việt Nam, vài trăm ở Lào và một số ít ở Campuchia). Hai tháng sau, Richard Armitage, quan chức Mỹ cấp cao nhất đến Hà Nội kể từ khi đàm phán bình thường hóa bị gián đoạn năm 1977, đã đến để thảo luận vấn đề MIA. Không ai ngờ rằng chủ đề này sẽ chi phối chương trình nghị sự của Mỹ với Việt Nam trong mười năm tiếp theo. Được tài trợ dồi dào bởi các nhóm cánh hữu tại Mỹ, vấn đề này khơi gợi mối hận thù từ thất bại của Mỹ ở Việt Nam và khai thác cảm xúc của gia đình những người MIA. Thạch đã nhìn thấy một viễn cảnh khác : «Hãy nói với mọi người rằng chúng ta là bạn,» ông nói với các cựu chiến binh và báo chí nước ngoài vào năm 1981, «không phải kẻ thù.»

Đối với nhiều người Mỹ, nhắc đến Việt Nam gợi lại nỗi xấu hổ vì thất bại của Mỹ tại đây. Lời nhắc nhở đó lặp lại hơn 3 triệu lần thông qua các cựu chiến binh. Đối xử với họ bằng sự thờ ơ, thậm chí là sự khiển trách và khinh miệt, phải gần mười năm sau khi những người lính Mỹ cuối cùng rời Việt Nam, nước Mỹ mới dừng lại để tưởng nhớ những người đã phục vụ và hy sinh tại đó. Trong một tuần vào tháng 11 năm 1982, hàng nghìn cựu chiến binh, nhiều người ngồi xe lăn, tập trung tại Washington để tham gia các buổi tưởng niệm và lễ kỷ

niệm, đỉnh điểm là cuộc tuần hành vào Ngày Cựu chiến binh để khánh thành Đài tưởng niệm Cựu chiến binh Việt Nam mới. Thiết kế của đài tưởng niệm cũng là chủ đề tranh cãi : một bức tường mỏng, nghiêng bằng đá granite đen bóng, đặt trên một ngọn đồi cỏ, khắc tên 58.044 người bắt đầu từ người Mỹ đầu tiên tử trận và kết thúc bằng người cuối cùng. (Về sau, những đài tưởng niệm truyền thống hơn sẽ được xây dựng và tên của những người đã khuất được bổ sung vào bức tường.) Việc nước Mỹ chưa thể giải tỏa cảm xúc về Việt Nam thể hiện rõ qua đám đông thừa thớt dọc lộ trình tuần hành, những người biểu tình phản chiến đi phía sau, những lời nhẩn và kỷ vật đau lòng để lại tại bức tường, cùng những vụ tự tử sẽ xảy ra trong bóng tối của nó. Người ta nói rằng những đài tưởng niệm là cách để người sống trò chuyện với người đã khuất, những người đã chứng kiến điều không thể nói thành lời.

Trong năm dẫn đến kỷ niệm mười năm ký kết Hiệp định Paris, và mười năm sau khi người Mỹ rời Việt Nam, truyền thông phương Tây bắt đầu đổ xô đến Việt Nam. Họ chỉ nhìn một chiều, tập trung vào những câu chuyện «mười năm sau» để đoán. Các phóng viên phương Tây trở lại từng đưa tin về chiến tranh từ góc nhìn của người Mỹ và người Việt Nam Cộng hòa, và chỉ ở miền Nam ; họ chưa từng đưa tin từ phía Cộng sản. Một số ít được

chọn đã đưa tin về sự ra đi của những tù binh chiến tranh Mỹ cuối cùng khỏi Hà Nội, nhưng hầu hết lần đầu tiên nhìn thấy miền Bắc. Họ nhớ Sài Gòn xưa tự do phóng khoáng, nơi mọi thứ từ phương Tây đều có thể mua được ở chợ đen, nên họ bất ngờ khi thấy Hà Nội vắng bóng ô tô và xe máy, lạc hậu và nghèo nàn, những người bán hàng rong bán từng phong bì và điều thuốc lẻ, bút bi được bơm mực bằng kim tiêm. Khi các nhà báo vào miền Nam đến Thành phố Hồ Chí Minh, họ háo hức tìm kiếm sự khác biệt so với những gì đã thấy ở miền Bắc, đặc biệt là bất cứ điều gì gợi nhớ Sài Gòn xưa. Việc vẫn có thể mua bánh croissant từ tiệm bánh Pháp hoặc phim Kodak trên chợ đen trở thành điểm nhấn trong các bài viết của họ.

Một nhà báo trở lại lần đầu sau chiến tranh là phóng viên ảnh người Đức Perry Kretz, làm việc cho tạp chí Stern. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh buộc phải phỏng vấn những nhân vật mà người hướng dẫn đưa ra. Các nhà báo được đưa đến khách sạn Caravelle cũ. Trong chiến tranh, khách sạn do giáo phận Công giáo xây dựng từng là nơi hiện đại nhất thành phố. Giờ đây, nơi này là trụ sở của Bộ Thông tin, nơi hướng dẫn các nhà báo nước ngoài. Mục đích của những cuộc phỏng vấn này, như Kretz biết, là để truyền đạt phiên bản của phe Cộng sản về chiến tranh. Anh không ngờ rằng câu

hỏi của mình lại chạm đến nỗi đau riêng.

Kretz được giao phỏng vấn hai cựu chiến binh - một nam và một nữ - và được biết cả hai đều là «anh hùng cách mạng». Cộng sản, anh tự nhủ, khi nhận thấy trang phục và kiểu tóc nghiêm túc của người phụ nữ, cùng sự vắng mặt của lớp trang điểm. Được biết cô từng tham gia kháng chiến, anh hỏi cô trước : «Tại sao chị có nhiều huân chương thế ?» Cô trả lời rằng mình từng là «chiến sĩ du kích dũng cảm» trong kháng chiến. Sau đó, cô tiết lộ «chiến thắng vĩ đại» của mình là vụ đánh bom năm 1971 làm 27 người chết và 40 người bị thương tại một quán bar ở Sài Gòn trên đường Đồng Khởi - con phố mà người Mỹ gọi là Tự Do và người Pháp gọi là Rue Catinat. Chính cô đã ném lựu đạn từ chiếc xe máy của mình.

«Chị đã bỏ lỡ tôi,» Kretz nói với người phụ nữ đầy huân chương.

Mùa xuân năm đó, sau một tuần làm việc vất vả ở Tây Nguyên đưa tin về quân đội Mỹ, khi họ vấp phải một cuộc phục kích của Việt Cộng, Kretz đã thở phào khi trở lại Sài Gòn và ở tại Khách sạn Continental Palace. Anh đã tắm rửa, thay đồ và dùng bữa tối với một đồng nghiệp tại nhà hàng Pháp. Trên đường đến một quán bar gần đó sau đó, họ bị một người ăn xin cụt cả hai chân

chặn lại. Đồng nghiệp của Kretz bỏ vài đồng xu vào bàn tay đưa ra, nhưng bị ném lại. «Tôi nói anh biết,» Kretz nói, «đó là điếm xấu.» Quán bar đông nghịt người. Cảm thấy ngột ngạt, hai người chuyển đến chỗ ngồi trống dựa vào cuối tường. Vài phút sau, tiếng nổ vang lên. Kretz và đồng nghiệp là hai trong số chỉ ba người thoát chết hoặc bị thương nặng ; người còn lại là một bồi bàn. Đồng nghiệp của Kretz là người duy nhất bước đi - anh ta đến một quán bar khác tối hôm đó - trong khi Kretz bị tổn thương thính lực vĩnh viễn.

Trước khi rời Thành phố Hồ Chí Minh, Kretz đi dạo trên đường Đồng Khởi. Anh hoài niệm về những ngày nó còn là Tự Do, khi những cô gái quán bar xinh đẹp tay trong tay những người lính Mỹ cao ráo, đẹp trai. Giờ đây, các cô gái ngồi sau xe máy của bạn trai người Việt, chờ đợi điều gì đó sẽ không bao giờ xảy ra. Anh thấy vẫn còn những đứa trẻ đường phố làm phiền người nước ngoài như anh để bán thứ gì đó, nhưng trước đây chúng là người Việt, giờ đây chúng là những đứa con lai bị ruồng bỏ, sinh ra từ những bà mẹ Việt và những người cha Mỹ. Anh tìm thấy địa điểm cũ của quán bar nơi mình sống sót sau vụ tấn công của người phụ nữ ; nhà ăn tập thể tồi tàn ở đó khiến anh nhớ đến những nơi tương tự ở Đông Đức.

Trở về nhà ở Hamburg, Kretz tìm và phát hiện hai bài báo trong hồ sơ của mình : một bài báo cắt từ báo Sài Gòn về vụ tấn công khủng bố vào quán bar, và một bài từ nhiệm vụ cuối cùng của anh ở Nam Việt Nam, về cô bé Phan Thị Kim Phúc mười tuổi, nạn nhân của bom napalm, vừa xuất viện. Một phép màu khác, anh tự nhủ, so sánh việc họ thoát khỏi cái chết.

Khi mới bắt đầu làm báo, thái độ của Kretz đối với nghề nghiệp là : «Bạn đưa tin như bạn thấy, và bạn bước tiếp.» Từ Việt Nam, anh tiếp tục đưa tin về cuộc xung đột ở Nicaragua giữa phe quân Sandinista cánh tả và chính phủ cánh hữu do Mỹ hậu thuẫn. Tuy nhiên, có lẽ do cảm thông với tư cách là một người cha - con trai Kretz giờ đã chín tuổi - anh thấy mình bị cuốn vào những xúc cảm, thỉnh thoảng lén lút lấy đồ la từ túi và đưa vào tay một bà mẹ nghèo Nicaragua.

Nụ cười phai nhạt của Kim Phúc trong buổi chụp ảnh cùng nhau ngày hôm đó ở Trảng Bàng lặp lại trong tâm trí anh. Anh nhớ lại lời tự biện minh của mình : *Lẽ ra tôi nên làm bác sĩ*. Giờ đây, nó nghe như một lời bào chữa. Anh quyết định : sẽ tìm cô và xem cô sống ra sao.

Kretz liên hệ với đại diện Việt Nam tại văn phòng liên lạc ở Bonn (Tây Đức và Việt Nam chưa khôi phục quan hệ ngoại giao đầy đủ). Người phụ trách là một

phụ nữ nói tiếng Anh tên Tiến sĩ Nguyễn Lâm Phương. Bà không phải là bác sĩ y khoa ; bà dùng danh xưng để nhấn mạnh nền học vấn phương Tây của mình. Kretz nghĩ bà trông không giống một cán bộ miền Bắc bằng một ca sĩ hộp đêm ở Paris, với mái tóc ngố rậm, kiểu tóc pageboy và giày gót nhọn. Nhưng điều khác thường nhất là sự sẵn lòng giúp đỡ của bà. Kretz làm theo lời khuyên của bà và ông soạn một yêu cầu trên giấy tiêu đề của tờ Stern để bà ấy chuyển tới Hà Nội. Trong đó, ông giải thích mong muốn được gặp lại cô gái trong bức ảnh nổi tiếng, người mà ông đã gặp cách đây một thập kỷ.

Hơn một năm trôi qua không có hồi âm. Cuối cùng, vào mùa hè năm 1982, Phương mang tin rằng Kim Phúc đã được tìm thấy. Quá trình tưởng chừng quá dài không thể chấp nhận được này thực ra lại rất nhanh chóng theo tiêu chuẩn của bộ máy hành chính Việt Nam : Phương đã giấu Kretz sự thật rằng các mối quan hệ của bà ở Hà Nội thuộc cấp cao nhất : cha bà là bộ trưởng ngoại giao, Nguyễn Cơ Thạch. Tuy nhiên, phải vài tháng nữa Kretz mới có thể sắp xếp lịch trình để đến Việt Nam.

Hai ngày sau khi Phúc rời Tiền Giang và về đến nhà ở Tây Ninh, sẵn sàng tập trung ôn thi lại vào cuối mùa hè đó, bốn người đàn ông từng xuất hiện ở trường cô

lại đến bằng một chiếc xe tải. Họ đến để đưa cô đi gặp sếp của họ ở thành phố Hồ Chí Minh. Nhanh chóng, Phúc thay quần áo, chải tóc qua loa rồi lên xe. Khi xe đi ngang qua tiệm mì ở Trảng Bàng, cô mong được dừng lại để chia sẻ với cha mẹ niềm vui khi được hộ tống đến thành phố.

Tại bộ thông tin, Phúc được dẫn vào văn phòng của một người tên Thạch (không liên quan đến bộ trưởng ngoại giao). Là thông dịch viên cho các nhà báo nước ngoài đến thăm, ông cũng viết bài cho tờ nhật báo Cộng sản. Thạch rất hay nói, giải thích hào hứng với Phúc rằng cuộc tìm kiếm cô bắt đầu từ yêu cầu của một nhà báo Đức gửi tới Hà Nội. «Ông ấy đã gặp cháu mười năm trước và không thể quên cháu.» Mệnh lệnh từ Hà Nội gửi đến bộ thông tin ở thành phố Hồ Chí Minh là : tìm bằng được cô gái đó. Mệnh lệnh được chuyển đến Thạch. Khi các cán bộ ở Trảng Bàng báo cáo rằng gia đình cô gái đã rời khỏi đó khi chiến tranh kết thúc, Thạch mở rộng tìm kiếm ra các thị trấn và làng mạc khắp tỉnh Tây Ninh. Bước ngoặt đến một năm sau đó, khi các nhân viên của ông nhìn thấy biển hiệu tiệm mì ở Trảng Bàng.

Thạch và hai cán bộ an ninh hộ tổng Phúc đến khách sạn Majestic cũ, từng là khách sạn sang trọng và thanh lịch nhất thành phố thời chiến, nổi tiếng với tầm nhìn từ sân thượng ra dòng sông Sài Gòn nhộn nhịp. Ở đó, ba nhà báo nước ngoài đang chờ. Phúc nhớ một người là người Nhật. Những người khác cô nghĩ là «người Mỹ» - trong mắt người miền Nam Việt Nam, người nước ngoài phương Tây đều là người Mỹ ; còn với người miền Bắc, người nước ngoài phương Tây đều là người Nga. Các nhà báo muốn biết cô nhớ gì về vụ tấn công bằng bom napalm và thời gian nằm viện sau đó, cũng như hiện tại cô đang làm gì. Cô nói về ước mơ được học ngành y.

Chi tiết mà Phúc không thể đợi để kể với gia đình không phải về buổi phỏng vấn, mà là bữa trưa xa hoa sau đó ở nhà hàng tầng năm. Cô ăn ít vì đồ ăn không phù hợp với chế độ ăn chay của mình. Dù sao, tất cả những gì cô nghĩ là gia đình Ngọc có thể ăn cả tháng với số tiền mà bữa ăn đó tốn. Điều khiến cô ấn tượng nhất là niềm vui của Thạch khi cuối cùng ông có thể báo với Hà Nội rằng đã tìm thấy cô. Ông tự cười mình vì đã yêu cầu chính quyền phát tên cô qua loa phường. «Tôi đã rất khó khăn để tìm cháu», ông nói với cô, «nhưng tôi rất quyết tâm. Nếu cần, tôi đã lặn xuống biển hay trèo lên núi để tìm.» Phúc cười tươi. *Tôi chẳng là gì, tôi*

chẳng phải ai, và giờ tôi quan trọng đến thế sao ? Cô không hỏi gì thêm ; một công dân tốt dưới chế độ Cộng sản không hỏi gì cả.

Mùa hè đó trở nên sôi động lần thứ hai và thứ ba khi một chiếc xe cùng tài xế và, như mọi khi, một người giám sát đến đón Phúc từ Tây Ninh để phỏng vấn và ăn trưa ở thành phố Hồ Chí Minh, rồi đưa cô về sau đó. Gia đình Phúc rất vui cho cô. Mặt không vui duy nhất của việc nói về vụ bom napalm là nó khơi dậy những ký ức sống động đến mức những cơn ác mộng chiến tranh của cô tái phát. Cô đã không gặp chúng từ khi chiến tranh kết thúc ; chiến tranh Campuchia cũng không gây ra chúng, có lẽ vì không có các cuộc không kích hay ném bom.

Ngoài ra, mùa hè đó lặp lại mùa hè trước, với lịch trình học tập và tham gia các nghi lễ ở đền địa phương. Cô không còn đi với Liên nữa ; cô bạn này nằm trong số ngày càng đông những người ở nhà vì thứ mà Ngọc gọi là «rắc rối tôn giáo.» Nó bắt đầu khi chính phủ đóng cửa Tòa Thánh không cho thờ cúng hàng ngày. Giờ nó chỉ được mở vào ba hoặc bốn ngày lễ lớn trong năm. Những người trong đoàn đi khiếu nại quyết định của chính phủ đã biến mất và có tin đồn rằng họ bị bắt. Giống như Ngọc, Phúc không sợ. «Niềm tin của em

manh mẽ», cô nói với anh.

Cuối mùa hè đó, Phúc lại tham gia kỳ thi tuyển sinh. Cục chấm điểm cho cô cao hơn năm trước ba điểm, đủ để cô vào trường y ở thành phố Hồ Chí Minh, lựa chọn thứ hai của cô. Triệu vào được trường cao đẳng y tá ở đó, lựa chọn thứ ba của cô. Tháng 10 năm đó, Phúc chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh. Loan, vừa tái hôn với một góa phụ nam, đã mời Phúc đến sống cùng. Loan gặp chồng mới ở tiệm mì, khi ông đang trên đường đến biên giới Campuchia, nơi ông làm kỹ sư lâm nghiệp. Vì chủ của ông ở thành phố Hồ Chí Minh, hộ khẩu của ông cũng ở đó. Giấy tờ quan trọng này cần thiết cho mọi thứ từ sở hữu hoặc thuê nhà, mở doanh nghiệp, đi học và tìm việc đến khám chữa bệnh và đăng ký xe máy. Vợ chồng họ và con gái tuổi teen của Loan sống trong một căn hộ nhỏ ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, trên một con phố yên tĩnh sau tòa đại sứ Mỹ cũ.

Nữ lo chi phí cho Phúc : học phí, sách vở, đồ ăn, quần áo, thuốc men. Sinh viên trong thành phố được nhận khẩu phần gạo hàng tháng mà họ có thể mua ở trung tâm phân phối gạo tại trường. Nữ thay chiếc xe đạp bị trộm ở Tây Ninh ; Phúc sẽ cần nó trong thành phố, nơi dịch vụ xe buýt địa phương gần như không tồn tại. Từ ngày đầu tiên đi học vào tháng 10 năm 1982, Phúc bắt

đầu tập trung học hành nghiêm túc : yêu cầu để lấy bằng bác sĩ là năm năm đại học, sau đó là một năm thực tập ở bệnh viện. Loan giúp cô bằng cách đến Trảng Bàng nhận tiền và đồ ăn hàng tuần từ Nữ. *Mình có tương lai*, Phúc tự nhủ một cách hạnh phúc - điều mà chỉ một số ít người có đặc quyền ở Việt Nam có thể nói.

Tuy nhiên, khiến Phúc thất vọng sâu sắc là sau khi bắt đầu đi học, các cuộc phỏng vấn với nhà báo không dừng lại. Thứ từng là giải trí vào mùa hè giờ trở thành phiền toái và sự xâm phạm không mong muốn. Và Thạch không còn nữa. Những quan chức mới phụ trách cô, không dành cho cô chút tôn trọng nào như trước. Một cán bộ tên Hải Tâm từ tỉnh Tây Ninh tiếp quản các cuộc phỏng vấn của Phúc. Đó là đặc quyền của ông ta ; cô là cư dân thường trú của tỉnh Tây Ninh và do đó thuộc thẩm quyền của tỉnh, và với tư cách là đối tượng phỏng vấn, cô là trách nhiệm của văn phòng tuyên truyền, nơi Tâm đứng đầu. Trong khi Thạch còn trẻ, mới ba mươi tuổi đầu, Tâm đã lớn tuổi, gần sáu mươi. Người trước được giáo dục và tinh tế, từng sống cuộc sống kén ở Sài Gòn thời chiến, người sau chỉ học hết vài năm tiểu học rồi vào rừng nhiều năm, xuất hiện khi chiến tranh kết thúc để nhận phần thưởng là một công việc.

Trong tháng đầu tiên đi học, Tâm gọi Phúc mỗi tuần một buổi chiều để phỏng vấn. Không báo trước, một hoặc hai người giám sát từ tỉnh sẽ xuất hiện ở lớp học buổi sáng của cô để đưa cô về Tây Ninh. Theo yêu cầu của Tâm, các nhà báo nước ngoài muốn phỏng vấn Kim Phúc phải đến Tây Ninh, mang theo người giám sát và thông dịch viên chính phủ, do bộ thông tin ở thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

Ngay từ đầu, Phúc đã không thích Tâm nhưng còn sợ ông ta hơn. Những người khác dưới quyền ông ta, toàn những kẻ nhút nhát, tranh nhau tuân lệnh. Thấp bé và hóp má, thô lỗ và hách dịch, Tâm có nụ cười có thể bất tất tùy ý. Phình ra vì tự cao tự đại, ông ta sẽ đầu tiên nói chuyện với các nhà báo về chủ đề «Xây dựng Việt Nam dưới Chủ nghĩa Xã hội.» Sau đó, dưới sự hiện diện đáng ngại của vài cán bộ an ninh không rõ danh tính, cuộc phỏng vấn với Phúc sẽ diễn ra. Khi kết thúc, Tâm sẽ dẫn đoàn đến một tòa nhà khác trong khu phức hợp có tường bao quanh của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh để dự tiệc, nơi các nhân viên phục vụ sẵn sàng mang đồ uống cola, nước trái cây, bia và rượu của Việt Nam. Tất cả các dịch vụ này, cũng như phương tiện đi lại và phiên dịch, đều được thanh toán bằng «phí đại diện» mà chính phủ Việt Nam tính cho các nhà báo.

Sau đó, Tâm sẽ gọi Phúc vào văn phòng. Nụ cười biến mất, ông ta sẽ quở trách cô. «Đừng nói cái này !» hoặc «Đừng nói cái kia !» Ông ta giảng giải rằng cô đã làm chế độ xấu hổ bằng cách nói về những khó khăn của cuộc sống ở Việt Nam sau chiến tranh, về những lúc gia đình cô không đủ ăn. Trong những cuộc phỏng vấn đầu tiên hồi mùa hè đó, dưới sự giám sát của thông dịch viên Thạch, Phúc đã nói thoải mái về những điều đó mà không bị kiểm duyệt. Cô sẽ nhanh chóng học được điều gì được Tâm chấp nhận : cô có thể nói nhiều về nỗi đau thể xác từ vết bỏng napalm trong chiến tranh với Mỹ, nhưng không được miêu tả người dân đã chịu đựng dưới chế độ mới.

Sau mỗi cuộc phỏng vấn, Phúc phải tự tìm đường từ Tây Ninh về thành phố Hồ Chí Minh. Muốn tránh chuyến xe buýt dài và tốn kém, Phúc đã can đảm hỏi: liệu cô có thể đi nhờ xe của nhà báo nước ngoài về thành phố không, vì xe và tài xế của họ cũng đi cùng đường ? «Không !» Giọng Tâm vừa quở trách vừa buộc tội cô cố gắng liên kết với người nước ngoài, điều bị nghiêm cấm. Một lần, trong số các thông dịch viên, cô thấy gương mặt quen thuộc của Thạch. Cô mong được trao đổi nhiều hơn một nụ cười, nhưng cô thấy trong thái độ rụt rè của ông sự thừa nhận rằng giờ đây thuộc về thẩm quyền của Tâm.

Phúc bắt đầu cảm thấy như mình đang sống một cuộc đời kếp, vừa là sinh viên vừa là nạn nhân chiến tranh. Đến tháng 11, một tháng sau khi năm học bắt đầu, các cuộc phỏng vấn diễn ra thường xuyên hơn, ít nhất hai lần một tuần. Tâm bắt đầu sắp xếp chúng vào buổi sáng thay vì buổi chiều, để những người điều hành của ông phải đến đón cô từ nhà Loan vào tối hôm trước. Họ dường như không ngại giờ giấc khuya khoắt, có lần còn xuất hiện lúc một giờ sáng. Trên đường đi, chiếc xe thường xuyên bị hỏng-một vấn đề phổ biến do việc bảo trì và sửa chữa đường xá thiếu kinh phí. Ban đầu, họ đưa Phúc đến nhà Ngọc để ngủ qua đêm, nhưng thấy phiền phức khi phải quay lại đón cô vào sáng hôm sau, họ bắt đầu để cô ngủ trên ghế dài bên ngoài văn phòng của Tâm. Những ngày dài đằng đẵng ; các buổi tiếp tân sau phỏng vấn trở thành những bữa tiệc trưa với đủ món nóng lạnh, bày biện trên bàn trải khăn trắng và trang trí hoa tươi. Phúc chỉ uống một ly cola hoặc nước trái cây và ăn một lát bánh mì rắc muối. Ngày càng kéo dài, cô càng lo lắng về việc bỏ lỡ cả một ngày học.

Cô cố gắng bù đắp những bài giảng đã bỏ lỡ bằng cách mượn vở của bạn cùng lớp. Nhưng cô cũng bỏ lỡ các buổi thực hành trong phòng thí nghiệm, tại phòng khám và bệnh viện. Phúc nói chuyện với các giáo sư, vừa xin lỗi vừa giải thích.

«Tình huống này thật không thể chấp nhận được», một người trả lời.

«Đó không phải là lỗi của em», cô nài nỉ.

«Em sợ lắm», Phúc nói với Loan. «Em không muốn điều này nữa !» Cô không hiểu tại sao mình lại rơi vào hoàn cảnh này. «Tại sao lại có quá nhiều sự chú ý dành cho một bức ảnh ? Có rất nhiều nạn nhân khác của chiến tranh chống Mỹ, tại sao lại chọn em ?»

Đến tháng 12, Phúc ở Tây Ninh nhiều hơn là đến lớp. Cô lo lắng về kỳ thi cuối kỳ sắp tới. Trong những chuyến đi dài đến Tây Ninh, cô cố tình lờ đi người lái xe và người điều hành, chìm đắm trong sách vở.

Một buổi tối, Phúc không thể chịu đựng thêm những sự gián đoạn này. «Làm ơn, tôi không muốn đi nữa !» cô van nài người điều hành đứng ở cửa. «Để tôi học, làm ơn !»

«Công việc của tôi là đón cô.» Người điều hành quay lại chiếc xe đang chờ.

Để trả đũa, Phúc tìm cách gây khó dễ cho Tâm. Mình sẽ di chuyển như một con chim, cô quyết định. Cô bắt đầu qua đêm ở nhà những người bạn khác nhau của chị gái. Nhưng dù có trốn ở đâu, cô cũng không thoát khỏi

tâm mắt của những người của Tâm. Trò chơi nguy hiểm này có thể đã khiến ông ta nổi giận. Điều một người cộng sự của Tâm nói với Phúc khiến cô bối rối. «Chúng tôi muốn cô quay lại Tây Ninh», anh ta nói. «Chúng tôi có thể tìm việc cho cô.» Ngay lập tức, cô sợ hãi và vội vàng trả lời : «Tôi không muốn làm việc ở Tây Ninh. Tôi muốn học.» Trong một lần khác, anh ta đưa cô đến đài phát thanh, nơi cô đọc một kịch bản được đặt trước micro. «Cô có giọng nói tốt», người cộng sự nói sau đó. «Tôi không muốn công việc đó», Phúc trả lời. «Nghề nghiệp tôi muốn là bác sĩ.»

Cô đủ lo lắng về những gì sắp xảy ra để mạo hiểm, trong một bữa tiệc sau buổi phỏng vấn, hỏi một thông dịch viên từ Thành phố Hồ Chí Minh. Cô giả vờ ngây thơ để không gây nghi ngờ cho những người có thể nghe lén. «Tại sao lại có quá nhiều sự chú ý đến câu chuyện của tôi ?» cô hỏi. «Cô là tin ‘nóng’», anh ta trả lời. Đó là một cách diễn đạt cô không hiểu.

Vào tháng một, khi các lớp học kỳ một kết thúc, trưởng khoa gọi Phúc vào. Cô đã đoán trước cuộc gặp này, biết rằng nhà trường và cô sẽ phải có một sự thỏa hiệp. Tốt hơn là họ nên làm điều đó trước kỳ thi sắp tới.

«Cô không thể tiếp tục học ở trường này nữa», ông tuyên bố.

Phúc choáng váng.

«Tây Ninh đã chuyển hộ khẩu của cô trở lại tỉnh.»

Phúc kêu lên. «Tại sao ông để họ làm vậy ? Tại sao?»

Giọng ông trở nên xin lỗi. «Cô đến từ Tây Ninh. Theo quy định, sau khi học xong, cô cũng phải trở về Tây Ninh. Nhiều người cố gắng phá vỡ quy định, nhưng...»

Dân số chính thức của Thành phố Hồ Chí Minh là 3 triệu, nhưng không chính thức gần 4 triệu. Thành phố ẩn chứa nhiều người đã «trốn thoát» khỏi các vùng kinh tế mới hoặc tỉnh nhà, nơi hộ khẩu quy định họ phải sống. Cả gia đình sống dưới gầm cầu của thành phố, thà làm ăn xin còn hơn sống ở vùng biên giới khắc nghiệt. Những người khác trốn tránh chính quyền, di chuyển từ nhà này sang nhà khác trong khi lên kế hoạch vượt biên hoặc cố gắng rời đi hợp pháp nhanh hơn. Đến năm 1980, chế độ cho phép những người có thân nhân ở nước ngoài nộp đơn xin rời đi theo chương trình xuất cảnh có trật tự do Liên Hợp Quốc tài trợ (sự trì hoãn từ phía Hà Nội khiến chương trình này không hoạt động như dự định cho đến cuối những năm 1980), nhằm ngăn chặn dòng người vượt biên và giảm tải cho các trại tị nạn quá tải ở Đông Nam Á.

«Làm ơn, ông có thể giúp tôi tiếp tục học được không?»

Phúc đang yêu cầu điều không tưởng. Để tỉnh nhà từ bỏ hộ khẩu của một người đòi hỏi vô số hối lộ, vì các cán bộ nghi ngờ kế hoạch trốn thoát khỏi đất nước. Rất khó để một tỉnh khác cấp quyền tạm trú dù chỉ một tuần; và ngay cả khi đó, người đó phải chứng minh có thể mang đủ gạo để tự nuôi sống.

«Tây Ninh nói rằng cô đã trở thành một nhân vật quan trọng ở Việt Nam.» Trưởng khoa cố giải thích tình thế khó xử của mình. «Họ nói Thành phố Hồ Chí Minh không an toàn cho cô. Họ nói đúng. Nếu có chuyện gì xảy ra với cô thì sao ? Cô có thể bị bắt cóc. Nhà trường không thể bảo vệ cô. Tốt hơn là cô sống ở Tây Ninh.»

Cả hai im lặng.

«Tôi không thể làm gì được», cuối cùng trưởng khoa nói. «Cô là một sinh viên đặc biệt.»

«Đặc biệt ? Đặc biệt như thế nào ?» Phúc khóc.

Trong vài ngày tiếp theo, cô vẫn đến lớp, dù biết là vô ích. Cuối cùng, cô bắt xe buýt đến Tây Ninh và đi thẳng đến văn phòng Ủy ban Nhân dân. Người bảo vệ, quá quen với cô, lấy sổ tùy thân của cô mà không cần

gọi trước.

Trong văn phòng của Tâm, cô chờ ông ta lên tiếng trước. Chiếc quạt sàn ở góc phòng kêu vù vù. Cuối cùng, cô phá vỡ sự im lặng, nhưng một cách lịch sự. «Làm ơn, tại sao ông lại lấy hồ sơ của tôi ?»

«Cô không thể đến Thành phố Hồ Chí Minh để học. Cô là một nạn nhân quan trọng của chiến tranh. Tôi muốn cô ở đây. Công việc của cô là trả lời điện thoại và đánh máy cho tôi.»

«Tôi muốn nói cảm ơn - nhưng tôi muốn trở thành bác sĩ.»

Tâm bị xúc phạm. «Làm việc ở văn phòng tuyên truyền là một công việc tốt. Không vất vả. Rất nhiều người muốn có mà không được !» Ông ta quát lên : «Tại sao cô không muốn ?»

Phúc nhìn thẳng vào mắt ông ta và mượn một câu tục ngữ Việt Nam : «Khi tôi khỏe, tôi muốn cơm. Khi tôi ốm, tôi muốn canh. Tôi biết nhiều người muốn ăn cơm, nhưng tôi cần canh !»

Mặt Tâm tối sầm lại.

Phúc dừng chân trên chuyến xe buýt về Trảng Bàng. Cô kể với cha mẹ về việc Tâm muốn cô làm thư ký cho ông ta. Nữ vừa định hỏi thì Phúc ngắt lời. «Con không còn hơi sức nào để nói về người đàn ông đó nữa», cô nói. «Con sẽ trốn khỏi Tây Ninh.»

Khi con gái rời đi, mang theo gói tiền và thức ăn hàng tuần thường lệ, Nữ lắc đầu. «Phúc sẽ chết mòn trong bất kỳ công việc nào», bà nói với Tùng. Trong khi gia đình vui mừng khi thấy cô chăm chỉ học hành - «Phúc còn có thể làm gì khác ?» họ tự hỏi nhau - Nữ vẫn tin rằng con gái bị thương của bà không bao giờ có thể làm việc đủ để tự nuôi sống.

Vài ngày sau, một chiếc xe đen quen thuộc dừng trước cửa hàng mì.

Tâm hoặc những người điều hành của ông ta đã từng xuất hiện trước đây. Đôi khi họ đến để đưa Tùng và Nữ đến Tây Ninh, đưa họ ra mắt các nhà báo nước ngoài. Tuy nhiên, họ chỉ ở đó để được nhìn thấy, không phải để nói. Nếu một thông dịch viên đặt câu hỏi của nhà báo cho một hoặc cả hai người họ, Tâm quát mắng : «Không được hỏi mẹ hoặc cha ; phải hỏi Ủy ban Nhân dân.» Hoặc họ ở đó để đứng trong hàng đón tiếp. Một lần, một vị khách tặng Tùng một thùng thuốc lá ; người khác tặng một hộp kẹo. «Những thứ này không phải

cho các người», Tâm nói, tịch thu cả hai. «Chúng là của chính quyền nhân dân.»

Tâm bước ra khỏi xe. Ngay khi tiếp cận, ông ta nhìn chăm chăm vào họ và chỉ tay. Trong văn hóa Việt Nam, nhìn thẳng vào mắt là bất lịch sự, và chỉ tay là cực kỳ thô lỗ và hạ thấp nhân phẩm, một hình thức khiển trách dành cho chó. «Các người phải thuyết phục con gái mình quay lại Tây Ninh như tôi muốn», ông ta nói nghiêm khắc. «Nó đang làm gì ở đó ?»

«Chúng tôi không biết Phúc muốn làm gì», Nữ trả lời.

«Ra lệnh cho nó quay về !»

«Nó không còn là trẻ con. Nó đủ lớn để tự quyết định.»

Tâm lùi về phía chiếc xe đang chờ, ngón tay chỉ điên cuồng. «Nếu có chuyện gì xảy ra với nó, cả hai người sẽ vào tù !»

Phúc nhận ra không có điểm chạy trốn ; Tâm đã chứng minh ông ta có thể tìm thấy cô. Cô thấy các lựa chọn của mình rất hạn chế. Cô không đủ sức khỏe để làm việc trong cửa hàng mì ; cô không thể trở về Tây Ninh đồng nghĩa với việc thừa nhận thất bại ; vì vậy, Phúc quyết

định ở lại Thành phố Hồ Chí Minh cùng Loan. Trên hết, Phúc muốn tiếp tục học tập. Nhưng giấc mơ vào đại học - và trở thành bác sĩ - giờ đã tan vỡ. Cô chọn học tiếng Anh tại một trường tư thục, ba buổi tối mỗi tuần, với hy vọng một ngày có thể làm phiên dịch. Những lớp học tiếng Anh bất hợp pháp mọc lên như nấm sau làn sóng di cư của thuyền nhân. Nhiều người chuẩn bị vượt biên tin rằng tiếng Anh sẽ giúp họ khi cần cứu hộ trên biển và hòa nhập cuộc sống mới ở nước ngoài.

Phúc thấy tiếng Anh khó hơn bất kỳ môn học nào trước đây. Cô không thể theo kịp bài giảng để ghi chép và luôn phải mượn vở của bạn bè. Để luyện tập thêm, cô mua băng cassette của trường và nghe trên chiếc máy Panasonic cũ mua từ chợ đen. Trong khi bạn bè chỉ cần học một giờ, Phúc phải dành hai giờ. Đáng buồn là cô không thể học quá một giờ mà không bị đau đầu và chóng mặt. Kết quả học tập khiến cô thất vọng.

Tâm vẫn nắm quyền kiểm soát, liên tục đưa cô về Tây Ninh để phỏng vấn. Sự căng thẳng ngầm giữa hai người khiến lời nói dối về việc cô là sinh viên y khoa ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được duy trì. Tâm cần cô, và bản thân Phúc cũng không dám «gây ồn ào» để tránh những hình phạt hay trả thù khó lường.

Số lượng cuộc phỏng vấn không giảm mà còn tăng lên. Để tận dụng sự quan tâm của truyền thông quốc tế về những câu chuyện «một thập kỷ sau», Hà Nội tổ chức một hội nghị y tế quốc tế về ảnh hưởng của chất độc da cam, thu hút thêm nhiều nhà báo đến với Tâm. Ngoài phỏng vấn Phúc, họ còn được xem phim tài liệu về những cánh rừng bị tàn phá bởi chất diệt cỏ của Mỹ trong chiến tranh. Sau đó, Tâm sẽ cho họ xem những lọ thai nhi ngâm formaldehyde, thường thiếu miệng hoặc cằm.

Một tài xế đưa Phúc về Tây Ninh hào hứng kể lại tin đồn từ văn phòng : truyền thông phương Tây đưa tin Kim Phúc mà chính phủ Việt Nam giới thiệu là giả : «Họ nói người thật đang ở California.»

«Cái gì ?» Kim kinh ngạc.

«Nhưng Tâm biết rõ ông ta có Kim Phúc thật», tài xế nói. «Ông ấy bảo cô có vết sẹo để chứng minh.» Mùa xuân năm đó, Thông tấn xã Việt Nam ra tuyên bố rằng, trái với những tờ báo phương Tây «giật gân», Kim Phúc thực sự đang là sinh viên tại Việt Nam. Bài báo trích lời cô : «Tôi học y để mong không ai phải chịu đựng những gì tôi đã trải qua.»

Các nhà báo Việt Nam cũng tự tìm đến Phúc ngày càng nhiều. Họ không cần xin phép Bộ Ngoại giao và có thể bỏ qua Tâm ở Tây Ninh. Khi chế độ nói lỏng kiểm soát nền kinh tế, truyền thông nhà nước cũng thử nghiệm cách truyền tải thông điệp chính thức thay vì lặp lại những chính sách khô khan của Đảng. Các nhà báo Việt Nam thấy ở Kim Phúc một thể loại mới : «câu chuyện nhân văn.» Một nhiếp ảnh gia từ Hà Nội đưa Phúc đến một nhà trẻ để chụp ảnh. Ông giải thích : «Chiến tranh với Mỹ suýt giết chết em. Họ ném bom nhưng em không chết. Giờ chúng ta sẽ chụp ảnh em với trẻ em, để thể hiện em đang ôm lấy cuộc sống.» Phúc tìm và bế một em bé dễ thương. Một năm sau, bức ảnh giành giải quốc tế và được in lại nhiều lần ở Hà Nội với chú thích : «*Một thập kỷ sau : Kim Phúc và con gái nhỏ.*»

Phúc, với những ngày nhàn rỗi, không có gì ngăn cô tham gia các cuộc phỏng vấn ở Tây Ninh. Mùa xuân đó, có một đoàn khách nước ngoài khiến cô thấy vui. Đoàn truyền hình Hà Lan đến quay phim tài liệu trong vài ngày. Phúc trở thành ngôi sao của bộ phim, được đưa đón giữa Tây Ninh và Trảng Bàng để quay cảnh tại hiện trường : cửa hàng mì, ngôi đền, con đường nơi cô bị trúng bom napalm. Phúc diễn theo kịch bản : một lần nữa cô để lộ lưng bị bỏng cho «bác sĩ» của mình và

đóng vai sinh viên y khoa. Theo lệnh của Tâm, cô mặc chiếc áo blouse trắng, đồng phục của trường y tá ở Tây Ninh. «Cuối ngày nhớ trả lại cho tôi», ông ta dặn. Máy quay ghi hình Phúc ngồi cùng «các bạn cùng lớp» tại bàn dài, chăm chú nghe và ghi chép bài giảng về cột sống. Cô nghĩ cay đắng rằng mình đã học những điều này và hơn thế ở trường y. Dù vậy, vào chiều cuối cùng của buổi quay, Phúc thả lỏng ngắm hoàng hôn. Khi mặt trời đỏ rực sắp lặn, cô đủ thoải mái để nhờ phiên dịch hỏi nhiếp ảnh gia : «Anh ấy có thể quay cảnh đó được không ?»

Một năm sau, bộ phim Hà Lan giành hai giải nhì tại các liên hoan phim quốc tế, một ở hạng mục phim tài liệu ngắn tại Leipzig, và một cho phóng sự tại liên hoan truyền hình thường niên ở Monte Carlo. Các nhà báo Hà Lan được ghi nhận là những người đầu tiên tìm thấy Kim Phúc sau nhiều năm bị lãng quên.

Chuyến đi thứ hai của Perry Kretz đến Việt Nam cuối cùng cũng diễn ra. Sau bốn tháng chờ đợi để xin được thẻ nhà báo từ Hà Nội, đầu năm 1983, ông đến Tây Ninh để hoàn thành sứ mệnh cá nhân.

«Kim ! Chúa ơi !» Ông mở rộng vòng tay. Cô gái bước về phía ông không thể không bước vào đó. Ông ôm cô và theo phong cách châu Âu, hôn lên cả hai má.

Phúc không biết người «Mỹ» tóc bạc, da rám nắng này là ai, cho đến khi nghe ông kể về cuộc gặp mười năm trước. Câu chuyện về việc Kretz bị quân thúc chờ trực xuất và đến Trảng Bàng để tìm cô, khi được dịch sang tiếng Việt, biến thành chuyện đi từ biệt cô vào cuối chiến tranh vì ông «không thể nào quên em.»

Chỉ khi lật qua chồng ảnh đen trắng lớn ông mang theo, Phúc mới nhận ra nhà báo này là ai. Mỗi bức đều chụp cô ở Trảng Bàng : trong nhà, trên võng với các em họ, cầm cuốn sách-cô nhớ đó là quà của một y tá ở Barsky-ngồi trên ghế học bài, chơi bóng ngoài sân. Còn có những bức khác chụp ở đền và trên đường.

«Em có nhớ tôi không ?» Kretz hỏi.

«Một chút», cô đáp. Cô thoáng nhớ hình ảnh ông ép bà ngoại bắt tay, bắt chấp tay bà đang đầy xà phòng giặt đồ. Theo trí nhớ của cô, Perry Kretz là nhà báo duy nhất, nước ngoài hay Việt Nam, đến thăm cô sau vụ napalm. Thực tế, đã có rất nhiều người ; Carl Robinson đến nhiều lần, và cả Nick Út, «chú Út» mà cha mẹ cô nhắc đến như một người tốt bụng.

Đột nhiên, Phúc hiểu ra. Đây chính là nhà báo Đức đã khiến Thạch mất một năm tìm kiếm cô. Không một chút oán trách về những xáo trộn trong cuộc đời mình

sau đó, cô chỉ cảm nhận rằng đây là người đủ quan tâm để trở lại gặp cô dù đã mười năm trôi qua.

«Em khỏe không, Kim ?» Ông liên tục hỏi, và nói thêm : «Tôi cảm thấy như cha của em.» Trước khi rời đi, ông đưa cô danh thiếp. Đó là tấm danh thiếp duy nhất từ một nhà báo nước ngoài mà cô giữ lại.

Trong suốt buổi gặp, Phúc tiếp tục nói dối rằng cô là sinh viên y khoa ở Thành phố Hồ Chí Minh, và diễn vai một cô gái hai mươi tuổi hạnh phúc, dù vẫn chịu đau đớn và nhức đầu từ vết thương napalm. Trong đầu cô vang lên một giai điệu chói tai : Họ đã cướp mất việc học của tôi. Đây là lời nói dối !

Về Hamburg tại tòa soạn Stern, Kretz viết bài về Việt Nam nhưng không đề cập đến cuộc gặp với Kim Phúc. Ông trở về với tâm trạng nặng trĩu. Trong khi người nước ngoài khác có thể thấy một nữ sinh Việt Nam điển hình với nụ cười quyến rũ, ông lại nhận thấy sự gượng gạo trong dáng điệu và nét mặt buồn bã của cô.

Kretz mang ảnh của Phúc đến phòng khám Oggersheim, một trung tâm bỏng và chấn thương nổi tiếng ở Tây Đức, từng điều trị cho Niki Lauda, tay đua Công thức 1 người Áo, sau vụ tai nạn kinh hoàng ở Nürburgring năm 1976. Kretz nói chuyện với Giáo sư

Rudolf Zellner, bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ đứng đầu phòng khám, một đơn vị giảng dạy thuộc Đại học Heidelberg. Kretz hỏi liệu có thể gửi thuốc Tây để điều trị cho cô không. Zellner khẳng định : không thể làm gì từ xa, nạn nhân bỏng phải được khám trực tiếp. «Đây là cơ hội để giúp đỡ», Kretz nói với vợ, «và tôi sẽ nắm lấy.» Ngay khi gặp Kim Phúc, ông đã quyết định. Lúc đó ông không nói gì ; không nên nuôi hy vọng khi mọi thứ phụ thuộc vào sự hợp tác của phía Việt Nam.

Năm 1983 đánh dấu sự suy thoái không thể đảo ngược của cửa hàng mì của bà Nữ. Sau hai năm rưỡi cải cách kinh tế ở Việt Nam, Sự phản ứng dữ dội không thể tránh khỏi đã đến từ những người lãnh đạo Cộng sản bảo thủ. Hà Nội siết chặt cải cách và hạn chế sự hồi sinh của thương mại tư nhân, mà họ coi là «sự thái quá của chủ nghĩa tư bản». Họ nhắm vào các «doanh nghiệp không thiết yếu» như tiệm vải và nhà hàng với mức thuế khắc nghiệt, lên tới 90% doanh thu, với hy vọng buộc họ phải đóng cửa. Mỗi khi Nữ không thể đóng đủ số thuế hàng tháng, viên chức thuế dán một nhãn dán lên cửa tiệm, cấm mở cửa cho đến khi nợ thuế được thanh toán. Nhiều chủ tiệm trong hoàn cảnh đó đã mất doanh nghiệp vào tay nhà nước, như họ mong muốn.

Nữ đồ lỗi cho những rắc rối của mình vào vị trí của văn phòng thuế quận. Vì nó nằm ngay đối diện, viên chức có thể tuyên bố rằng anh ta có thể đếm chính xác số khách hàng của bà, thậm chí cả từng bát súp được phục vụ. Nữ than thở về việc nhà nước từng tiếp quản tiệm của bà, cho phép anh ta cũng biết được biên lợi nhuận của bà. Phúc nhìn thấy sự hần học của Tâm trong thu nhập ngày càng giảm từ tiệm. Cô không nói gì, cảm thấy nhỏ bé trước khả năng chịu đựng đau khổ của mẹ mình. Mẹ trả giá cho tôi mà không một lời phản nản, cô tự nhủ, khi nhận một gói thức ăn và tiền hàng tuần khác.

Mùa thu đó, khi các bạn cùng lớp cũ ở trường y bắt đầu năm thứ hai, Phúc chỉ có thể nghĩ về sự giả dối mà cuộc đời cô đã trở thành so với họ. Cô tránh gặp họ, để không bị dày vò bởi sự ghen tị. Ngoại lệ duy nhất là Triệu, người thường rủ cô đi ăn kem. Nhưng cô nhận ra mình giờ đây có rất ít điểm chung với người bạn vui tính đó. Nhanh chóng, Phúc chìm sâu hơn vào bất hạnh cho đến khi cô bị sa lầy trong một cơn trầm cảm nặng nề.

Khi nói chuyện với các nhà báo, Phúc bước vào ánh đèn sân khấu và đóng vai một sinh viên hạnh phúc, cuộc sống mà cô mong muốn ; khi họ rời đi, cô lại chìm

vào bóng tối, với cuộc sống đã bị áp đặt lên mình. Trên chuyến xe buýt trở về từ Tây Ninh, cô lặng lẽ oán trách: *Họ đã hủy hoại cuộc đời tôi. Tại sao họ làm điều này với tôi ? Tại sao ?* Phúc tìm thấy sự an ủi theo cách duy nhất cô biết, bằng cách hướng nội vào đức tin Cao Đài của mình. Cô chấp nhận rằng bất kỳ sai lầm nào cô đã phạm phải trong kiếp trước vẫn chưa được chuộc tội, ngay cả bởi nỗi đau và đau khổ do quả bom napalm gây ra. Ý chí của Cao Đài là cô phải chịu đựng thêm. Nhìn thấy mình không có tương lai, Phúc chỉ có một mong ước cho cuộc sống hàng ngày : cảm nhận được hạnh phúc vốn từng là một phần tự nhiên trong tính cách của cô. Trong những lời cầu nguyện, cô bỏ qua hàng loạt các vị thần, thánh và linh hồn của tôn giáo để hướng đến đấng thiêng liêng của Cao Đài : *«Xin Ngài, xin Ngài, mang lại cho con hạnh phúc.»* Nỗi tuyệt vọng của cô chỉ càng trở nên đen tối hơn. Phúc bối rối : *Tôi là một tín đồ mạnh mẽ ; tại sao lời cầu nguyện của tôi không được đáp lại ?* Một ngày, trên chuyến xe buýt trở về từ Tây Ninh, tinh thần xuống đến mức thấp nhất, Phúc khóc. *Tôi không muốn sống nữa.*

Cô bắt đầu rời khỏi nhà vào ban ngày. Cô không muốn Loan nhìn thấy mình buồn bã. Chị cô đã có đủ nỗi lo; Loan chưa bao giờ vượt qua được cái chết của người chồng đầu tiên, và cô cùng người chồng thứ hai,

có một đứa con gái tuổi teen đang được ông bà nuôi dưỡng, buồn phiền vì họ không thể có con cùng nhau. Hơn nữa, các mối quan hệ gia đình căng thẳng, khi con trai tuổi teen của Loan vừa trở về từ Đà Nẵng để đoàn tụ với mẹ.

Không có nhiều tiền để tiêu, Phúc chỉ có vài cách hạn chế để giết thời gian. Một ngày, cô lang thang vào Bảo tàng Tội ác Chiến tranh Mỹ. Cô nhìn thấy trên tường bức ảnh nổi tiếng của chính mình. Cô dừng lại đủ lâu để đọc chú thích : nó không nhận diện cô. Cô cảm thấy trống rỗng. Ngày qua ngày, cô thu hẹp phạm vi bước chân, cho đến cuối cùng cô chẳng làm gì ngoài việc đi quanh vài khu phố gần nhà. Nhưng một ngày, cô tình cờ đến một thư viện, và lần đầu tiên sau nhiều tháng, cô cảm thấy có động lực để tìm thứ gì đó giữ cho tâm trí mình hoạt động. Cô lấy từ khu vực về các tôn giáo thế giới - chưa bị kiểm duyệt bởi nhà nước, dù không còn lâu nữa - một cuốn sách về Phật giáo, một về Đạo giáo, một về Ấn Độ giáo, và cô đọc lần lượt từng cuốn một.

Một bản sao của Tân Ước trong Kinh Thánh Cơ đốc đã thu hút sự chú ý của cô. Sự mới lạ của những câu hỏi trong tâm trí khiến Phúc quay lại ngày này qua ngày khác - cô chỉ có thể đọc không quá một giờ mà không thấy mệt. Ban đầu ngạc nhiên, cô sớm cảm thấy bị xúc

phạm. Những mâu thuẫn giữa Kinh Thánh và Cao Đài làm cô khó chịu : tại sao Kinh Thánh nói rằng Chúa đã ban thịt - «thú vật, chim chóc và cá» - cho con người ăn ? Cao Đài nói ăn thịt là ô uế ; cô đã trở thành người ăn chay để thanh lọc bản thân ! Kinh Thánh nói Chúa Giêsu chết và sống lại. Cao Đài nói Chúa Giêsu đã tái sinh trong giáo hoàng của họ, Hộ Pháp. Vì Hộ Pháp đã chết, liệu Chúa Giêsu có thể tái sinh lần nữa không ? Cô tiếp tục đọc. Cô choáng váng trước tuyên bố mà cô coi là kỳ cục nhất của Kinh Thánh : rằng Chúa Giêsu Kitô có thể chuộc tội cho một người, rằng việc lên thiên đàng có thể là điều chắc chắn. Phúc cảm thấy bị xúc phạm : Sao họ có thể nói vậy ? Theo niềm tin Cao Đài của cô, nếu cô chết ngày mai, cô chưa chắc đã lên thiên đàng.

Tình cờ, vào khoảng thời gian này, một chàng trai trẻ đẹp trai, là trợ lý mục sư tại một nhà thờ Cơ đốc quanh góc nhà Loan, trở thành khách thường xuyên. Anh là họ hàng của chồng đầu tiên của Loan, Anh hơn Phúc năm hoặc sáu tuổi. Những chuyến thăm của anh trở thành hàng ngày khi con trai tuổi teen của Loan nhập viện để phẫu thuật. Biết những ngày của Phúc trôi qua nhàn rỗi - ngoại trừ khi cô ở Tây Ninh - anh mời cô cùng đến bệnh viện để chăm sóc cậu bé. Hai người gọi nhau theo cách gia đình, như anh em.

Trong mười ngày đến bệnh viện, qua những giờ trò chuyện, hai người khám phá và đánh giá cao sự tương đồng trong tính cách. Cả hai đều tin vào một cuộc sống yên bình và không quan tâm đến những gì những người cùng tuổi làm - đi chơi đêm tìm kiếm giải trí, hút thuốc, uống rượu. Vài ngày sau, chính Anh mới đề cập đến tôn giáo. Niềm tin tôn giáo là chủ đề chỉ được nói đến trong những người thân thiết. Trái với những gì Loan nói, Anh không thuộc tôn giáo «khác biệt», mà là tôn giáo «mới và tốt» ; trước đây là cách người Việt gọi Công giáo, còn sau là để chỉ Giáo hội Cơ đốc Việt Nam. Anh hỏi Phúc có đọc Kinh Thánh không, và cô có tin vào Chúa Giêsu Kitô không ? Phúc buột miệng : «Ồ ! Tôi có rất nhiều câu hỏi !»

Anh tặng cô một cuốn Kinh Thánh làm quà, và họ cùng nhau đọc nó. Những cuộc thảo luận hàng ngày của họ tập trung vào giáo lý của nó, và đặc biệt là liệu Chúa Giêsu có thể chuộc tội cho con người không. Phúc giữ vững niềm tin Cao Đài rằng một người phải tự trả giá cho tội lỗi của mình, rằng sự chuộc tội chỉ đến qua đau khổ, ăn năn và việc thiện, và thờ cúng các linh hồn tổ tiên, thánh thần với hy vọng nhận được sự nhân từ và tránh khỏi cơn thịnh nộ của họ. Anh nói rằng phúc âm của Kinh Thánh có những chân lý đơn giản hơn : «Trước mặt Chúa, con người chỉ là con người, không

hơn, không kém. Chúa ban cho bạn sự cứu rỗi như một món quà. Bạn không cần làm việc thiện để giành lấy nó; bạn không thể giành lấy nó. Dù bạn làm gì, Chúa vẫn sẽ cứu bạn.»

Cả hai đều kiên định với niềm tin của mình. Anh giảng rằng Chúa gửi Chúa Giêsu Kitô đến để cứu thế giới, và Ngài đã gánh tội lỗi của tất cả lên thập tự giá. «Những ai không theo Chúa Giêsu Kitô», anh nói, «sẽ dành kiếp sau của họ trong địa ngục.»

«Tôi không thể tin điều đó», Phúc đáp.

«Tôi mời bạn nghe bài giảng của mục sư tôi.»

Phúc kiên quyết : «Không thể được», cô nói. «Tôi không thể đi. Nếu tôi phản bội tôn giáo của mình, linh hồn tôi sẽ lang thang không nơi nương tựa. Thiên đàng không có chỗ cho những tín đồ phản bội Cao Đài.»

«Nếu bạn chưa sẵn sàng đến nhà thờ, sao không thử cầu nguyện với Chúa ? Mang gánh nặng của bạn đến với Chúa, xem bạn cảm thấy thế nào.»

Phúc tâm sự với Loan rằng những lời cầu nguyện tha thiết với Cao Đài của cô không được đáp lại. Cô hỏi ý kiến chị về đề nghị của Anh rằng cô cầu nguyện với Chúa từ phương Tây. Chị cô không thấy có vấn đề

gì. «Tôn giáo của anh ấy đến từ phương Tây, nhưng bạn không hạnh phúc», chị nói. «Sao không thử điều gì đó khác ?» Phúc làm theo một cách dè dặt, quyết định thử thách Chúa phương Tây trong lời cầu nguyện của mình : «Tôi sẽ đến thăm nhà thờ của Anh, nhưng tôi sẽ một mình ở đó. Ngài có thể cho tôi thấy một người bạn không ?»

Vài ngày sau, cô đứng bên ngoài tòa nhà nhỏ màu trắng với mái bằng và cây thánh giá trên đỉnh. Cánh cửa mở. Phúc bước vào và đứng ở phía sau. Mình không nên ở đây ; mình nên ở một ngôi đền Cao Đài, cô tự nhủ. Có một người duy nhất bên trong nhà thờ, một người phụ nữ ngồi ở hàng ghế giữa. Lấy hết can đảm, Phúc tiến lại gần. «Xin chào», cô nói nhẹ nhàng. Người phụ nữ trung niên đáp lại một cách ấm áp. Chúa đã trả lời lời cầu nguyện của tôi ! Trái tim Phúc tràn ngập hạnh phúc.

Hai người phụ nữ bắt đầu gặp nhau hàng ngày tại nhà thờ để cùng đọc Kinh Thánh, thảo luận về giáo lý và những chân lý trong đó. Sau hai tuần, Phúc đã sẵn sàng tham dự các buổi lễ Chúa nhật. Thường xuyên, Anh hỏi cô cảm thấy thế nào về nhà thờ và về Chúa Giêsu Kitô. Cô nhắc lại rằng cô sẽ đến nhà thờ của anh nhưng chỉ cầu nguyện với Cao Đài. Trong niềm hạnh phúc mới tìm thấy, Phúc tự hỏi liệu lần đầu tiên trong đời, cô đang

yêu. Cô hỏi Loan xem Anh có bạn gái không và khi biết anh không có, cô ngại ngần hỏi anh : «Chúng ta có thể là bạn trai bạn gái không ?» Anh trả lời nhẹ nhàng : «Cuộc đời tôi dành cho Chúa.» Được truyền cảm hứng, Phúc sẵn sàng thử thách Chúa lần thứ hai. «Lạy Chúa», cô cầu nguyện, «nỗi buồn của con quá lớn và quá nặng. Con cần sự giúp đỡ.»

Vị mục sư đang giảng giữa buổi lễ. «Có một người đàn ông luôn cố gắng làm điều thiện trong đời...»

Đó là mình, Phúc nghĩ.

«Trước mặt Chúa, người đàn ông này không khác gì bất kỳ ai khác. Trước mặt Chúa, tất cả đều là tội nhân. Mỗi người chúng ta đều có gánh nặng phải mang.»

Mục sư đang nói về trường hợp của tôi.

«Tại sao em phải gánh vác một mình ?»

Tôi cầu nguyện với Đạo Cao Đài, tôi cố gắng làm điều tốt, nhưng tôi vẫn đau khổ, vẫn mang gánh nặng.

«Hãy để Chúa Giêsu giúp em. Mở cánh cửa để Chúa Giêsu bước vào. Nếu Ngài biết em đã mở cửa, Ngài sẽ đến giúp em.»

Tội lỗi của tôi là bị mắc kẹt giữa Đạo Cao Đài và Cơ Đốc giáo ; tôi đã không để Chúa thực hiện công việc của Ngài.

«Ngài sẽ giải thoát em khỏi tội lỗi và mang đến cho em bình an cùng ánh sáng vĩnh hằng từ thiên đường...»

Khi mục sư kêu gọi mọi người tiến lên để chấp nhận Chúa Giêsu là đấng cứu rỗi, Phúc bước vào lối đi, khuôn mặt ướt đầm nước mắt của sự cứu rỗi.

Vào đầu xuân năm 1984, gia đình tụ họp ở Tây Ninh để đón Tết. Trước khi đến nhà Ngọc, Phúc ghé qua ngôi đền địa phương. Mọi thứ đúng như cô đã biết : trái tim lạnh giá, tinh thần đã chết với nó. Vào nửa đêm giao thừa, bữa tiệc với tổ tiên bắt đầu. Phúc từ chối mọi món ăn được đưa đến. «Không, con không ăn món đó», cô nói với nụ cười. Cô cảm thấy mạnh mẽ. «Con phải ăn gì đó chứ !» gia đình kêu lên. Đáp lại, Phúc đi vào bếp và mang ra một quả măng cầu trên đĩa. Cô cắt đôi quả và bắt đầu nhai phần thịt trắng, nhổ ra những hạt đen cứng. Không ai bình luận - tính khí xấu có thể làm hỏng vận may cho năm mới - nhưng Phúc nhìn thấy nỗi đau trên khuôn mặt mẹ mình.

Sáng hôm sau, mọi người chuẩn bị đến Tòa Thánh để cùng nhau cầu nguyện cho sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng và trường thọ. Đoàn hành hương bao gồm đại gia đình từ Trảng Bàng và những người thân khác, tất cả tụ tập sau đó tại nhà Ngọc để dự một bữa tiệc lớn hơn đêm trước. Nữ đưa cho Phúc một chiếc áo dài trắng mới. Phúc mỉm cười nói, «Con không mặc cái đó nữa.» Giọng cô nhẹ nhàng, kiểm soát. «Con không còn theo Đạo Cao Đài nữa. Kinh Thánh nói rằng con không được ăn thức ăn dùng để thờ cúng các linh hồn hoặc đến đền thờ các vị thần khác. Con kính trọng tổ tiên, nhưng con không còn thờ cúng họ nữa. Con chỉ theo Chúa Giêsu Kitô.» Với lời đó, cô rời khỏi nhà. Những lời giận dữ của mẹ cô đuổi theo : «Con không còn là con gái của mẹ nữa ! Mẹ xấu hổ vì có con ! Con sẽ phải trả giá đắt cho sự phản bội tôn giáo của mình !»

Tối hôm đó, Phúc lại từ chối tham gia bữa tiệc. Cô nhìn thấy mắt mẹ đầm lệ. Mẹ biết mẹ đã mất con, Phúc nghĩ. Vào ngày thứ ba của kỳ nghỉ, cô quyết định trở lại Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc đời đầu không thể tránh khỏi đã đến. Nữ lên tiếng trước : «Là mẹ của con, mẹ yêu con. Con đã là một đứa con gái ngoan và hiếu thảo. Con đã làm cho cha mẹ và gia đình tự hào», bà nói, «nhưng giờ con đã coi thường luật lệ của tổ tiên và của Đạo Cao Đài...» Nữ bật khóc, «và trước mặt gia đình và

hàng xóm !» Ngọc nói với Phúc. «Trong suốt cuộc đời, con chưa bao giờ làm điều gì xấu. Con có thể chuộc lỗi với cha mẹ và với Đạo Cao Đài.»

«Con không còn theo Đạo Cao Đài nữa.» Phúc kiên định. «Con là Cơ Đốc nhân.»

Nữ cố gắng lý lẽ. «Tôn giáo đó là ngoại lai. Đạo Cao Đài lớn hơn các tôn giáo từ phương Tây. Nếu con muốn Chúa Giêsu cứu rỗi và tha thứ cho con, con phải cầu nguyện từ trên cao.» Bà chọn cách nhẹ nhàng hơn. «Chúng ta đã trải qua nhiều khó khăn và Đạo Cao Đài đã giúp đỡ chúng ta. Gia đình phải đoàn kết trong một tôn giáo để chúng ta có thể cùng nhau lên thiên đường.»

Phúc nói với cả gia đình : «Mọi người làm theo ý mình. Con cầu nguyện với Chúa cho tất cả mọi người mỗi ngày, vì con muốn gia đình mình được cứu rỗi. Con hy vọng điều đó sẽ xảy ra.»

«Nếu con muốn theo Chúa, hãy xin Ngài nuôi con !
Hãy xin Ngài cho con gạo !»

Trước những lời cay nghiệt của mẹ, Phúc bỏ đi.

Khi chiếc xe buýt rên rĩ trên xa lộ, cô cảm thấy mạnh mẽ hơn bao giờ hết về sự thay đổi đức tin của mình. Lời từ biệt của cha cô nhẹ nhàng hơn mẹ. «Được rồi, Phúc», ông nói, tay đặt lên vai cô, «con đi theo Chúa Giêsu, nhưng cha sẽ cầu nguyện cho con.» Mặc dù không mang theo gói tiền, gạo hay thức ăn nào từ mẹ, Phúc không oán giận. *Con tha thứ cho mẹ*, cô tự nhủ. *Giờ con đã hiểu về tội lỗi và sự tha thứ. Với sự tha thứ, có hy vọng mới cho tương lai, nơi trước đây không có gì.*

Chương Mười

Phúc Bỏ Học Khóa Tiếng Anh, nghĩ rằng dù sao cô cũng không thể trả học phí cho học kỳ tiếp theo. Ngoài những cuộc phỏng vấn ở Tây Ninh, trọng tâm cuộc sống của cô là nhà thờ : cô tham dự các buổi lễ sáng và tối vào Chúa nhật, và không gặp phải phản đối từ Loan, đưa cháu trai và cháu gái đến các chương trình xã hội hàng tuần cho giới trẻ và trường Chúa nhật. Cô chỉ quan tâm đến việc chuẩn bị cho lễ rửa tội, cách đó hai Chúa nhật. Trong vài tuần qua, cô đã tham dự khóa học tiền rửa tội hai lần một tuần của Mục sư Anh.

Vào ngày rửa tội, Anh đưa cô đi khắp thành phố đến nhà thờ Cơ Đốc lớn nhất, nằm trên đường Trần Hưng Đạo. Anh dẫn cô lên tầng cao nhất, đến một căn phòng có bồn rửa tội, nơi cô cùng khoảng hai mươi người khác, từ một số nhà thờ Cơ Đốc trong thành phố, tham dự buổi lễ rửa tội do mục sư của nhà thờ chính cử hành.

Phúc đã để dành được một ít tiền mỗi tuần từ số tiền mẹ cô cho, cô phải tiết kiệm từng bữa ăn để dành. Đó chỉ là một khoản nhỏ nhoi và nhanh chóng cạn kiệt. Tình cảnh của cô trở nên tuyệt vọng. Nếu sống ở nông thôn, ít ra còn có cách xoay xở. Có thể hái chuối mọc khắp nơi, đặt bẫy cá ở ruộng hay hái rau muống đồng.

Nhưng ở thành phố, không có tiền đồng nghĩa với việc phải đi ăn xin. Phúc nhận ra sự thật rằng Loan và chồng không thể nuôi nổi cô, rằng mỗi bữa ăn có cô chỉ khiến cả nhà thêm đói. Lòng tự trọng cũng thôi thúc cô rời đi ; cô không muốn gia đình nhìn thấy mình vật lộn để sinh tồn.

Với vài món đồ ít ỏi - hai ba bộ quần áo, những viên thuốc giảm đau cuối cùng và cuốn Kinh Thánh - đựng trong túi ni-lông buộc vào ghi-đông xe đạp, Phúc đạp xe qua thành phố. Địa chỉ cô có trong tay là nhà một người họ hàng bên nội tên Hương, một người phụ nữ cô chưa từng gặp. Tùng và Hương có mối quan hệ như anh em ; cha mẹ Hương chỉ có con gái nên nhận Tùng làm con nuôi, vì gia đình ông có con trai dư. Nữ đã giúp đỡ gia đình này : trong những năm đầu chiến tranh Mỹ, bà từng cur mang hai đứa trẻ vài năm khi nhà họ bị bom phá. Cha Hương đưa cô và các chị gái lớn lên chiến khu theo Cộng sản, để vợ ở lại chăm sóc con nhỏ. Hương dành những năm chiến tranh trong rừng chăm sóc thương binh Cộng sản và Việt Cộng. Dù chỉ học hết tiểu học, sau chiến tranh, cô được vào Đại học Hà Nội - nơi con cái lãnh đạo Đảng theo học. Ở đó, cô quen biết một giáo sư vật lý đã có gia đình tên Đại, một đảng viên từng được đào tạo tại Moscow và Bắc Kinh. Đại xin Đảng điều cả hai vào Sài Gòn. Ông được phân công

giảng dạy tại một trường đại học ; cô trở thành bác sĩ tại một bệnh viện thành phố - theo chính sách thay thế bác sĩ miền Nam bằng những người có «lý lịch cách mạng» của chế độ. Sau đó, Đại ly dị vợ và cưới Hương.

Phúc đi qua cổng một bệnh viện, đến khu ký túc xá bê tông thấp tầng phía sau. Một phụ nữ xinh đẹp, trông chẳng hơn Phúc là mấy, và một người đàn ông lớn tuổi, thấp bé mở cửa. Phúc giới thiệu bản thân. Như cô mong đợi, Hương và Đại nhận cô ở lại. Căn phòng nhỏ trống trải, nền lát gạch men, tường bê tông trần. Một góc phòng có tấm rèm che khu vực có cống thoát nước. Bên cạnh là bồn rửa nhỏ. Không có nhà vệ sinh riêng ; mỗi tầng dùng chung một nhà vệ sinh. Góc khác có bếp điện và vài nồi, bát đĩa. Giường đặt giữa phòng. Phúc ngủ dưới sàn cho đến khi Hương xoay xở được chiếc giường tre gấp. Để có chút riêng tư, hai vợ chồng kéo rèm che quanh giường.

Hình ảnh người phụ nữ gầy gò, mặt vàng vọt, tóc xõa rũ rượi, chỉ có manh áo trên người khiến Hương và Đại nghĩ ngay đến cảnh nghèo khó. Nhưng họ ngạc nhiên trước thái độ vui vẻ và không hề than phiền của cô. Họ đoán chính điều đó khiến cô được lòng những người trong khu nhà hoặc bạn bè ngoài phố - những người họ cho là đã giúp cô tiền và thức ăn. Khi có đồ thừa, họ

mời cô ăn cùng, nhưng gần như chẳng bao giờ có. Phúc không trông chờ vào ai trong khu nhà mà dựa vào bốn người bạn : Triệu ; chị gái Triệu, một y tá ; con gái riêng của chồng Loan ; và Anh. Khi có thể, họ nhin một nắm gạo chia cho cô. Anh, người còn khó khăn hơn, thỉnh thoảng mua cho cô bát phở ở quán.

Hương và Đại thường về nhà thấy Phúc khóc, ngồi trên ghế vén áo phía sau để quạt mát lên lưng. Thuốc giảm đau hết sạch, cô thậm chí không có tiền mua đá lạnh. Lần đầu nhìn thấy những vết sẹo đen dọc lưng cô, họ sững sốt. Mỗi khi cô vật vã tìm chút dịu đi dưới vòi sen - may mắn là nước bệnh viện không giới hạn - hai người nhìn nhau, cùng nghĩ : «Thật tội nghiệp.» Dù chưa từng thấy bức ảnh Phúc nhắc đến, họ nhanh chóng quen với tiếng gõ cửa báo hiệu cán bộ Tây Ninh đến kiểm tra. Bản thân họ cũng lịch sự chào đón, lo lắng kéo Phúc để khách chờ lâu.

Với gia đình, Phúc cố gắng giữ thái độ bao dung như Cơ đốc giáo, như thể mọi chuyện vẫn «bình thường». Nhưng mỗi khi về Tây Ninh, cô hiếm khi ghé nhà Ngọc thăm chị và các cháu, chỉ thỉnh thoảng dừng lại Trảng Bàng thăm cha mẹ. Tùng và Nữ không hỏi han gì về cuộc sống của cô trong thành phố ; họ biết Hương và Đại - trong suy nghĩ của Nữ, đó là «người Cộng sản».

Phúc không xin tiền hay thức ăn, Nữ cũng chẳng cho. Không ai nhắc đến tôn giáo. Một lần về đúng dịp lễ, Nữ lấy ra chiếc áo dài trắng. Bà nhìn mặt con gái chờ câu trả lời. «Con không mặc nữa», Phúc lại một lần nữa đáp. Khoảng cách giữa những lần về thăm ngày một dài. Ngoài sự xa cách tinh thần với gia đình, Phúc ngày càng kiệt sức, không đủ sức ghé Trảng Bàng.

Việt nam buộc phải chấp nhận yêu cầu của chính phủ Mỹ chỉ tập trung vào một vấn đề : tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích (MIA) trong chiến tranh. Tuy nhiên, Việt Nam hy vọng dùng vấn đề này như đòn bẩy để Mỹ nói lỏng lập trường về việc Việt Nam đóng quân ở Campuchia, từ đó giảm bớt rào cản đỡ bỏ cấm vận kinh tế. Hà Nội không nhượng bộ trong việc rút quân khỏi Campuchia ; họ coi kiểm soát nước này là then chốt để đối phó Trung Quốc. Về kinh tế, dù có cải cách mở cửa, triển vọng vẫn ảm đạm. Thiếu vốn trầm trọng, Việt Nam oằn mình dưới gánh nặng nợ nước ngoài và ngân sách quân sự chiếm nửa tài sản quốc gia.

Việt Nam cũng muốn thoát khỏi ảnh hưởng của Liên Xô. Để trả nợ Liên Xô và các nước Đông Âu, họ phải cử hơn nửa triệu «lao động khách» sang làm việc với lương thấp. Hà Nội chưa bao giờ thoải mái với sự can thiệp của Liên Xô. Họ miễn cưỡng cho phép Liên Xô

mở rộng căn cứ tại vịnh Cam Ranh (hải cảng tự nhiên tốt nhất thế giới sau Sydney). Người dân Việt Nam tỏ ra chán ghét mọi thứ liên quan đến Nga. Họ tắt TV khi phát chương trình Nga, tránh xem phim Nga và không đăng ký học tiếng Nga. Họ cho rằng người Nga thô lỗ, hách dịch và thâm chế giễu các chuyên gia, cố vấn quân sự Nga tại Việt Nam, gọi họ là «người Mỹ không có đô la».

Trong hai vấn đề Hà Nội nghĩ có thể khiến Mỹ tiếp tục đối thoại, một đã mất giá trị vào tháng 5/1984. Vụ kiện tập thể của cựu chiến binh Mỹ và gia đình nạn nhân chất độc da cam chống lại bảy công ty hóa chất Mỹ đã được dàn xếp ngoài tòa với quỹ bồi thường 180 triệu USD.

Vấn đề còn lại là MIA. Các đoàn đại biểu Mỹ liên tục sang Hà Nội bàn luận. So với các cuộc chiến khác, số MIA của chiến tranh Việt Nam khá nhỏ : Thế chiến II có 79.000 ; Chiến tranh Triều Tiên 8.000 ; còn Việt Nam là 2.477. Thực tế, khả năng tìm thấy hài cốt từ những năm 1960 gần như bằng không. Trong khí hậu nhiệt đới, hài cốt phân hủy rất nhanh.

Việt Nam từ lâu đã ngừng tìm kiếm hài cốt của ít nhất 300.000 quân nhân mất tích trong các cuộc chiến với Pháp và Mỹ. Ở miền Nam, số thường dân thiệt mạng

trong chiến tranh Mỹ nhiều hơn binh lính. Ước tính 183.000 quân nhân và 415.000 dân thường miền Nam tử vong. Con số này ở miền Bắc là 925.000 binh sĩ.

Nỗ lực tìm kiếm MIA của Mỹ bắt đầu nghiêm túc vào năm 1984, khi Hà Nội trao trả hài cốt - những mảnh xương - của tám người. Trong hai năm tiếp theo, họ lần lượt trao trả thêm (đến năm 1992, con số giảm từ 2.477 xuống 2.202). Nhưng mỗi lần như vậy, Washington lại nhấn mạnh rằng bình thường hóa quan hệ là không thể cho đến khi vấn đề MIA được giải quyết triệt để. Dù quân đội Mỹ biết rõ một nửa trong số đó đã tử trận, 55 người khác từng bị bắt giữ, giới chức Mỹ vẫn ngậm tin Hà Nội còn giữ tù binh. Vấn đề MIA trở thành cái cớ để Mỹ trì hoãn nói lỏng lập trường với Việt Nam. Chừng nào vấn đề này còn tồn tại, nỗi day dứt về một cuộc chiến vô nghĩa và sự cay đắng vì thất bại sẽ được đổ lên đầu kẻ thù là Hà Nội.

Nhận thấy sự nổi tiếng của câu chuyện Kim Phúc với báo chí nước ngoài, Sở Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đã cử một phiên dịch viên cố định để hỗ trợ các cuộc phỏng vấn của cô. Được coi là một trong những người giỏi nhất, Việt vừa thông thạo tiếng Anh vừa hiệu quả trong giao tiếp với các phóng viên phương Tây ; họ nhận xét anh là người thân thiện, hữu ích và thấu hiểu

yêu cầu nghề nghiệp của họ. Phúc nhận thấy ở Việt sự ấm áp và cởi mở của người miền Nam mà cô từng thấy ở Thạch, người đã giúp tìm kiếm cô. Không như Thạch, Việt không hề tỏ ra sợ hãi hay khúm núm trước mặt Tâm.

Phúc cảm thấy gần gũi với Việt và anh cũng vậy. Hai người miền Nam này phối hợp ăn ý trong vai diễn của mình : cô là một nữ sinh giải thích về ước mơ học ngành y tại thành phố Hồ Chí Minh ; còn anh, nhiệt tình và khéo léo dịch lại. Khi họ tiếp xúc với hết phóng viên này đến phóng viên khác, Phúc luôn canh cánh mong muốn nói sự thật với Việt. Cô khao khát được tâm sự với ai đó ; bản năng mách bảo rằng anh là người cô có thể tin tưởng.

Một buổi chiều, cô bất ngờ đến văn phòng của anh tại bộ thông tin. Việt niềm nở đón tiếp, và Phúc không giấu diếm : «Em không thực sự học ngành y.»

«Không phải sao ?»

«Em đã mất chỗ học.»

Cô kể lại việc Tâm đã xóa hồ sơ của cô vì muốn cô trở về Tây Ninh. Không đề cập việc mẹ cô ngừng chu cấp, Phúc nói về cuộc sống bấp bênh của mình tại thành

phố Hồ Chí Minh : «Gia đình em phải đóng thuế cao cho cửa hàng mì... Em không có việc làm. Em không có tiền. Em sống bằng gì ?»

Việt rõ ràng bất bình. «Có điều gì đó không ổn. Những người có quyền lực đang lợi dụng em.» Nhưng cuối cùng, anh chỉ có thể đưa ra lời cảm thông. «Em đến từ Tây Ninh. Hồ sơ của em không thuộc thành phố chúng tôi. Dù chúng tôi ở thành phố Hồ Chí Minh không đồng tình với Tây Ninh, chúng tôi cũng không thể làm gì.» Anh lắc đầu đầy tiếc nuối. «Chúng tôi bất lực không thể giúp em.»

Việc biết rằng Việt đã ngầm tham gia vào màn kịch của mình khiến Phúc chìm sâu vào bóng tối. Sau mỗi buổi phỏng vấn, khi anh cùng các phóng viên rời đi bằng xe về thành phố Hồ Chí Minh, cô mệt mỏi bước lên xe buýt, gục xuống ghế. Cô thấy cuộc đời mình không có hình hài hay mục đích. Cô nghĩ về sự ngây thơ khi từng cầu nguyện với Đạo Cao Đài để được hạnh phúc. Giờ đây, cô khao khát điều gì đó phức tạp hơn nhiều : sự tốt lành. Biết rằng Chúa phương Tây đã từng đáp lời cô bằng cách gửi người phụ nữ trong nhà thờ, cô thử thách Ngài lần nữa : «Lạy Chúa, con cần ai đó cứu giúp con, một vị cứu tinh.» Ai có thể là người đó ? Cô không nghĩ ra ai ở Việt Nam có thể giúp mình. Rồi

cô chợt nhớ đến tên Perry Kretz. Ông ấy đã quan tâm đến mình đủ để quay lại, Phúc nghĩ. Cô viết thư cho ông, vừa là lời cầu xin sự cảm thông, vừa là lời cầu cứu. Ngay cả sau khi gửi thư, cô vẫn sợ bị bắt, lo lắng rằng nó có thể rơi vào tay kẻ xấu.

Những tuần trôi qua không có hồi âm. Sức khỏe của Phúc suy sụp. Cô khó ngủ. Cô từng dựa vào những bữa tiệc ở Tây Ninh để có thức ăn, và giờ cô gặp vấn đề về dạ dày, mà cô cho là do ăn thịt trở lại sau nhiều năm ăn chay. Hương chỉ có thể an ủi cô. Dù được phân công làm bác sĩ, cô chưa đủ trình độ ; cô đang học việc và tham gia các khóa học ban đêm do chế độ tổ chức ở miền Nam cho những người đã hy sinh việc học vì sự nghiệp cách mạng. Như Đài đã chỉ ra, nếu Phúc có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh, cô đã đủ điều kiện để có sổ khám bệnh, cho phép khám bác sĩ với chi phí thấp và nhận thuốc theo đơn. Nhưng điều này chỉ là lý thuyết; cô không có tiền để làm gì cả. Tuần nối tiếp tháng. Mỗi khi có tiếng gõ cửa, Phúc không còn hy vọng đó là người đưa thư với thư hồi âm từ Đức. Chỉ có người giám sát từ Tây Ninh.

Perry Kretz nhận thấy việc bác sĩ từ chối chẩn đoán vết bỏng từ xa cho thấy điều hiển nhiên : Kim Phúc phải được đưa đến gặp bác sĩ. Kretz đề xuất với nhà

xuất bản tại tạp chí Stern : «Chúng ta đã đăng ảnh cô ấy và viết nhiều bài về cô ấy. Tại sao chúng ta không làm gì đó cho cô ấy ? Tại sao không đưa cô ấy sang đây và xem chúng ta có thể giúp gì ?» Nhà xuất bản e ngại, lo rằng nhiệm vụ này sẽ khiến tạp chí bị chỉ trích vì chỉ quan tâm đến quảng cáo. Nếu thực hiện, phải giữ bí mật tuyệt đối. «Hãy tìm hiểu chi phí,» ông nói.

Coi đó là đồng ý, Kretz đàm phán sự hợp tác ba bên giữa Stern, phòng khám bỏng và bác sĩ Zellner, cùng tổ chức nhân đạo Terre des Hommes có trụ sở tại Paris. Sau đó, ông đưa đề xuất này đến Phương tại văn phòng liên lạc của Việt Nam ở Bonn. Cô chuyển nó đến Hà Nội.

Mỗi tuần một hoặc hai lần, Kretz gọi điện để kiểm tra phản hồi. Tháng trôi qua mà không có bất kỳ hồi âm nào. Phương, cũng cảm thấy bức bối, hứa sẽ hỗ trợ ông trong các giao dịch tương lai với Việt Nam khi cô về Hà Nội - cô dự kiến được điều chuyển sau một năm. Đối với Kretz, niềm an ủi trong thời gian chờ đợi là được trò chuyện dài với Phương về Việt Nam. Ông cảm thấy vui khi nghe cô chỉ trích cách phân loại người miền Nam của Cộng sản thành tốt hay xấu, tùy thuộc vào việc họ có quá khứ cách mạng «đúng» hay «sai».

Một năm trôi qua không có tin tức từ Hà Nội, Kretz nhận được thư của Kim Phúc. «Bác thân mến,» nó bắt đầu. Sau những lời chào hỏi xã giao, bức thư kết thúc một cách bí ẩn : «Cháu bị ốm và không có tiền.» Kretz gọi ngay cho Phương. Ông thẳng thắn : «Chúa ơi ! Một người có thể chết trong khi chờ Hà Nội quyết định !»

Đến giữa tháng 7 năm 1984, Phương thông báo với ông rằng Hà Nội đã đồng ý, Kretz có thể đến đón cô. Theo điều kiện của ông, ông và Kim Phúc sẽ rời Việt Nam sang Tây Đức mà không có người giám sát từ chính phủ Việt Nam đi cùng.

Việt xuất hiện trước cửa căn hộ của Hương và Đài. «Tôi sẽ đưa em đến gặp sếp của tôi,» anh nói với Phúc. Người đứng đầu văn phòng đối ngoại của thành phố Hồ Chí Minh là Vũ Hạc Bông. Trên đường đi, Việt tiết lộ tin của Bông : Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận lệnh từ Hà Nội chuẩn bị giấy tờ để Phúc sang Tây Đức điều trị y tế. Vui mừng, Việt kể lại những gì đã xảy ra khi thành phố Hồ Chí Minh thông báo với Tây Ninh : «Họ rất sợ,» anh nói. «Họ không muốn em đi. Họ nói với Hà Nội : ‘Nếu để Kim Phúc đi, cô ấy sẽ không bao giờ quay lại !’» Phúc thầm cảm ơn sự can thiệp thần kỳ của Chúa. Trong thử thách thứ hai này, Chúa đã lại đáp lời cô ; Ngài đã gửi Perry Kretz đến làm vị cứu tinh của cô.

Đây là cách Chúa mở ra cánh cửa cho một tương lai tốt đẹp hơn, cô tự nhủ, với tất cả niềm tin.

Một bên bàn là Kretz, Việt, Phúc và cha mẹ cô ; bên kia là Tâm cùng các trợ lý và cán bộ an ninh thường lệ. Tâm lên tiếng trước, chất vấn Kretz : «Tại sao ông đến đây ?»

«Tại sao tôi đến ? Tôi đến để đón Kim Phúc, đó là lý do.»

«Hãy giải thích rõ.»

«Cái quái gì thế này ?» Kretz tức giận. Ông nghĩ, mình đang bị tra hỏi như tù binh chiến tranh. Ông không chấp nhận điều này.

«Ông biết rõ mà. Tôi gặp cô ấy lần đầu trong chiến tranh, sau đó tôi quay lại vì muốn gặp lại cô ấy, và giờ tôi sẽ đưa cô ấy sang Tây Đức chữa bệnh.»

«Chúng tôi có thể làm điều đó tại Việt Nam.»

«Nếu các ông có thể làm ở Việt Nam, tại sao đến giờ vẫn chưa làm ? Tại sao phải chờ lâu như vậy ?»

Tâm khẳng định quyền lực theo cách duy nhất anh ta biết. «Người Mỹ các ông luôn nghĩ cách của mình là tốt nhất, các ông luôn cho rằng mình biết rõ hơn. Các ông

nghĩ rằng chính phủ Mỹ ->

Kretz ngắt lời. «Tôi sống ở Tây Đức. Tôi không hiểu ông đang nói gì.» Ông nhìn chăm chăm vào Tâm. «Nghe này, tôi đến đây để giúp đỡ. Tôi ở đây với sự ủng hộ của chính phủ các ông ở Hà Nội.»

Căn phòng im lặng ; người Việt chưa từng thấy sự thách thức như vậy. Phúc cảm thấy hoảng loạn. Chúa đã mở cánh cửa, cô nghĩ, và Tâm sẽ đóng sập nó lại.

Cuối cùng, Tâm lên tiếng. «Ông phải hiểu thái độ của chúng tôi. Cô ấy là con gái của tỉnh Tây Ninh. Chính quyền Tây Ninh chỉ muốn điều tốt nhất cho cô gái...»

Kretz đẩy ghế ra đứng dậy. «Đi nào, Việt. Chúng ta đi khỏi đây thôi.»

«Xin ông, xin ông !» Tâm ra hiệu. «Ngồi xuống đi.»

Tâm quát một mệnh lệnh bằng tiếng Việt, và ai đó vội vàng mang đến một số giấy tờ. Anh ta quay lại với Kretz. «Nếu ông nghĩ rằng có thể giúp cô ấy, thì chúng ta có thể tiến hành.»

Kretz ký vào giấy tờ, cam kết đảm bảo an toàn cho Kim Phúc trên đường đến Đức, và đảm bảo cô sẽ trở về Việt Nam. Ông đứng dậy. «Kim, đi thôi. Chúng ta phải

đi.» Cha mẹ Phúc và Việt cùng đứng lên, đi ra chiếc xe sẽ đưa họ về thành phố Hồ Chí Minh. Tâm sai hai người chạy theo họ.

Kretz nhìn chiếc túi vai bằng nhựa đen rách của Phúc với vẻ không tin nổi. Trong đó, cô đã đóng gói một bộ quần áo thay và vài gói mì khô mà Như nhất định bắt cô mang theo.

«Đó là tất cả hành lý của em ?» Kretz hỏi. «Em không có ví tiền à ?»

Phúc cười. «Em không có tiền !»

Trên xa lộ, Việt quay lại nhìn phía sau. «Họ cử người theo chúng ta rồi», anh báo cáo.

Ở Trảng Bàng, Kretz dừng lại để chụp ảnh đầu tiên tại quán mì, sau đó là đền Cao Đài. Mỗi lần như vậy, chiếc xe phía sau cũng dừng lại và hai người giám sát nhảy xuống. Tại ngôi đền, khi Kretz đang tạo dáng cho Phúc đứng chụp ảnh, một trong hai người đó chạy đến, hét lên với Kretz : «Không, không. KHÔNG !» Sau đó, quay sang Việt : «Bảo người Mỹ đó không được chụp ảnh ở đây !»

«Tại sao không ?» Việt hỏi lại.

«Chúng tôi tuân theo lệnh ! Ông ta không được phép!»

«Đây chỉ là một ngôi đền», Việt nói, «không phải căn cứ quân sự !»

«Anh không có quyền ra lệnh !»

Người giám sát đưa tay che trước ống kính máy ảnh của Kretz. «Không !»

Đó không phải là cách thuyết phục Kretz ; người giám sát giờ đây đang gặp nguy hiểm. Kretz cúi xuống để nhìn thẳng vào mắt anh ta. «Nếu anh không tránh ra, nếu anh cản trở tôi, tôi sẽ giết anh.» Dù giọng điệu đe dọa, người giám sát vẫn không nhúc nhích. Kretz đứng thẳng. Dáng vẻ và thân hình vạm vỡ của anh cho thấy khả năng sử dụng vũ lực vượt trội so với người bình thường. «Tốt hơn hết là anh nên tránh ra, nếu không sẽ có chuyện xảy ra trong thị trấn này.» Người giám sát lùi lại một bước.

Kretz quay sang Việt : «Tôi không muốn nhìn thấy một trong hai người đó» - anh vẫy tay về phía cặp đôi - «lần nữa.» Một cuộc trao đổi bằng tiếng Việt diễn ra, và vài phút sau, hai chiếc xe đi ngược chiều nhau trên xa lộ.

Chỉ có một chuyến bay thương mại từ Việt Nam đến một quốc gia không cộng sản, và nó khởi hành mỗi tuần một lần : chuyến bay của Air France vào sáng thứ Năm từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Bangkok. Phúc và cha mẹ cô đã dành đêm thứ Tư tại một khách sạn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cả Tùng và Nữ đều không lo lắng khi con gái họ đi một mình với người nước ngoài ; cả hai đều vui mừng vì cô sẽ được điều trị y tế và dùng thuốc Tây.

Sáng hôm sau, hai mươi thành viên gia đình, hàng xóm và bạn bè đã đến sân bay Tân Sơn Nhất để tiễn Phúc. *Cô đang ra đi* ; việc cô sẽ trở lại không làm giảm đi sự nổi tiếng của cô trong mắt họ. Cô tạo dáng chụp ảnh bên ngoài cổng khởi hành, rồi nắm chặt tay Kretz, lo lắng bước lên máy bay cho chuyến bay đầu tiên trong đời.

Tiếp viên hàng không chào đón hành khách đã khiến Phúc ngạc nhiên khi nhận ra cô. «Cô là cô gái trong bức ảnh !» Máy bay lăn bánh trên đường băng vẫn còn những vết đạn pháo từ những ngày cuối cùng của chiến tranh ; một số đoạn đường băng đã bị bỏ hoang, bê tông nứt nẻ với cỏ dại mọc um tùm. Khi máy bay cất cánh, sự lo lắng của Phúc nhường chỗ cho sự ngạc nhiên trước khung cảnh cuộc sống bên dưới.

Tại Bangkok, Kretz để Phúc đợi tất cả hành khách khác rời máy bay. Để tránh đặt chân vào nhà ga đông đúc, nơi anh sợ cô có thể bị nhận ra, anh đã sắp xếp với đại sứ quán Việt Nam tại đó để đẩy nhanh thủ tục nhập cảnh qua kênh ngoại giao và có một chiếc xe đợi sẵn trên đường băng. Thật thất vọng, một nhóm phóng viên đã chờ sẵn trên đường băng, máy ảnh sẵn sàng. Khi anh và Phúc xuất hiện, một viên chức đại sứ quán Việt Nam tươi cười bước lên cầu thang máy bay với một bó hoa lan. Đó là Thạch, người đã tìm thấy cô cho Kretz, và chính anh ta là người đã thông báo cho giới truyền thông địa phương. Tờ Bangkok Post ngày hôm sau đăng tin này trên trang nhất. Tiêu đề : «*Cô gái napalm tìm kiếm cách chữa trị những vết sẹo kinh hoàng.*» Bên dưới là hai bức ảnh : bức ảnh nổi tiếng ; và một bức khác chụp Phúc, đi dép, đội chiếc mũ rộng vành bằng vải mềm, áo blouse cũ kỹ phủ ngoài chiếc quần đen rộng thùng thình của Việt Nam, tay ôm bó hoa và nắm lấy tay Kretz.

Kretz đặt hai phòng tại khách sạn Siam Intercontinental, một trong những khách sạn năm sao của Bangkok. Thông thường, chế độ yêu cầu tất cả người Việt đi nước ngoài phải ở trong khu nhà khách của cơ quan ngoại giao, nơi họ có thể bị giám sát bởi người đi kèm. Không cần phiên dịch, Kretz truyền đạt những chỉ dẫn nghiêm ngặt của mình cho Phúc : cô

không được trả lời điện thoại ; và nếu có ai gõ cửa, cô phải nhìn qua lỗ nhòm trước, và chỉ mở cửa cho anh. Anh cũng sắp xếp một nhân viên bảo vệ túc trực bên ngoài phòng cô.

Khách sạn Siam, nằm trong khuôn viên 26 mẫu đất xanh tươi của một dinh thự hoàng gia cũ, là sự xa xỉ không tương đối với Phúc, từ sảnh đá cẩm thạch và người chơi đàn piano ở đó đến bảng điều khiển bên giường với các nút bấm từ xa và vòi nước bằng đồng cung cấp nước nóng lạnh. Tại Bangkok, Kretz có một ưu tiên : «Tôi sẽ đưa cô gái nghèo nhất từ đất nước nghèo nhất đi mua sắm.» Từ một cửa hàng bách hóa, Phúc chọn vài chiếc áo blouse mới tinh, quần ống loe và một chiếc mũ rom rộng vành. Kretz chọn cho cô một chiếc vali nhỏ bằng mây, viền da đỏ.

Tại Bangkok, Kretz và Phúc không gây chú ý ; trong một thành phố nổi tiếng với việc bán tình dục như du lịch, sự kết hợp giữa một người đàn ông Đức trong bộ đồ safari và một phụ nữ châu Á trẻ tuổi luôn tươi cười là chuyện bình thường. Phúc nhìn những tòa nhà hiện đại, cửa hàng và những người ăn mặc đẹp đẽ, no đủ qua lại, và nhớ lại những viên gạch vỡ nứt nẻ và những người ăn xin ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kể từ khi chiến tranh kết thúc, Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng nghèo

hơn, lạc hậu hơn, cô nhận ra. (Thái Lan đã vượt qua Nam Việt Nam về phát triển kinh tế trong chiến tranh ; trong khi Nam Việt Nam lãng phí sự giàu có được trợ cấp vào các mặt hàng xa xỉ, Thái Lan chuyển hướng sự giàu có từ nền kinh tế nông thôn đang thay đổi nhanh chóng vào việc phát triển lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.)

Kretz đồng ý với yêu cầu của Thạch để đưa Phúc đến đại sứ quán Việt Nam vào một buổi tối. Anh giới thiệu cô với đại sứ tại đó. «Giọng của cháu nghe quen», đại sứ nói. «Chúng ta đã gặp nhau trước đây chưa ?»

«Chưa - đây là lần đầu tiên.» Phúc mỉm cười e lệ.

«Tôi biết cháu là ai rồi !» vị đại sứ reo lên. «Tôi đã thấy cháu trong bộ phim Hà Lan !»

«Ồ !» Phúc rạng rỡ. «Cháu có thể xem nó được không ạ ? Cháu chưa bao giờ được xem.»

Thạch mở một cuốn băng video. Phúc bị mê hoặc bởi bộ phim dài 25 phút có tựa đề Kim Phúc, được lồng tiếng Việt. Người dẫn chuyện bắt đầu với cuộc chiến tranh Việt Nam và kể về vụ tấn công bằng napalm đã làm cô bị thương, và mười năm sau, cô là một sinh viên y khoa tại Việt Nam. Chưa bao giờ thấy mình trên phim, Phúc tự hào về màn trình diễn của mình : cô nói năng

rõ ràng, giọng nhẹ nhàng, nụ cười tươi tắn. Cô thích thú khi thấy trong phim những bức ảnh đen trắng của Perry Kretz, những bức ảnh anh đã mang đến cuộc đoàn tụ của họ. Cô yêu thích bản nhạc nền phát trên những bức ảnh đó của cô khi còn là một đứa trẻ, một bài hát thiếu nhi mà cô thuộc lòng :

Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ
 râu Bác dài, tóc Bác bạc phơ
 Em âu yếm hôn đôi má Bác...

Phản ghi công hiện lên khi mặt trời đỏ lặn xuống trong ánh sáng cuối ngày. Phúc quay sang Thạch :
 «Cháu thích nó lắm !»

Thạch đăng ký cho cả hai bữa tối cùng nhân viên. Đó là lần đầu tiên Phúc được nếm thử món ăn Việt Nam miền Bắc. Ẩm thực miền Bắc rõ ràng ít màu sắc và ít cay hơn miền Nam - ớt, rau thơm tươi và chanh không phát triển tốt trong khí hậu mát mẻ hơn của miền Bắc. Phúc không thích nó, và cô đặc biệt không thích món canh chua cá. Cô thích đồ ăn Thái trong các nhà hàng nơi cô và Kretz đã dùng bữa hơn.

Khi Thạch đưa Phúc trở lại khách sạn, Kretz lo lắng và tức giận đang đi lại bồn chồn. «Tôi phải chịu trách nhiệm về cô ấy !» anh nhắc nhở Thạch. Viên chức Việt

Nam đã trễ hẹn hai giờ. Trong lúc đó, Kretz đã gọi điện đến đại sứ quán. Vì đã quá giờ làm việc, không ai trả lời.

Kretz đưa Phúc đến Phương ở Bonn. Văn phòng liên lạc nằm ở vùng ngoại ô Bad Godesburg đầy cây xanh, một thị trấn spa cũ trên bờ đông sông Rhine và là địa điểm ưa thích cho các phái đoàn ngoại giao. Khách đến khuôn viên của Việt Nam trước tiên phải đi qua một người bảo vệ ở cổng, sau đó qua cánh cửa thép gia cố của tòa nhà, lối vào được giám sát bằng camera.

Bác sĩ Zellner đã đi gần 200 dặm từ Ludwigshafen để khám cho Phúc. Ông ấn tượng với chất lượng ca ghép da của cô và cách cơ thể cô thích nghi sau mười hai năm. Hầu như luôn luôn, nạn nhân bỏng cần phẫu thuật tiếp theo. Da được cấy ghép mỏng và không ổn định, dính không đều và gây ra co rút da, khớp và mô mềm. Việc phẫu thuật giải phóng những chỗ co rút đó thường giúp giảm đau mà nạn nhân bỏng phàn nàn, chủ yếu là do cố gắng duỗi các khớp cứng. Thông thường, ca phẫu thuật như vậy được thực hiện sau một đến ba năm kể từ lần ghép da đầu tiên. Càng chờ lâu, các chỗ co rút càng cứng lại như một tấm áo giáp. Giải phóng co rút da là phẫu thuật thông thường ; các khớp co rút là khó giải phóng nhất. Bác sĩ phát hiện Kim bị co rút da, nhưng

không bị co rút khớp. Giải phóng chúng sẽ giúp cô cử động cổ tự do mà không cần di chuyển cơ thể, duỗi tay gần như hoàn toàn trên đầu và kéo dài cánh tay trái để nó gần bằng cánh tay phải.

Phúc được chuyển đến phòng khám. Vào ngày thứ hai ở đó, cô trải qua ca phẫu thuật kéo dài hai tiếng rưỡi. Bác sĩ Zellner thực hiện hai thủ thuật : đầu tiên, ông cắt bỏ một dải mô sẹo lớn gần nách trái và sau đó phủ vết thương bằng da ghép từ hông ; thứ hai, ông rạch hai đường để giải phóng một dải mô sẹo trên cánh tay phải và một dải khác kéo từ bên trái cổ đến tai, kéo da gần đó che phủ vết rạch. Tại một cuộc họp báo sau đó, ông mô tả ca phẫu thuật là thông thường và nệnh nhân hồi phục tốt. Một tuần sau, anh phải làm lại ca ghép da đầu tiên cho Phúc, lần này sử dụng da hiến tặng từ đùi cô. Anh lên kế hoạch cho cô xuất viện vào cuối tuần thứ ba.

Phòng hồi sức của Phúc có view nhìn ra khuôn viên rộng lớn được chăm sóc kỹ lưỡng và một bãi đáp trực thăng. Quá trình hồi phục sau phẫu thuật rất đau đớn. Hàng ngày, Kretz gọi điện từ Hamburg, và cô có người bạn cùng phòng do Phương ở Bonn sắp xếp. Hằng, lớn hơn Phúc vài tuổi, thông thạo tiếng Đức, và trên danh nghĩa là người phiên dịch với bác sĩ và y tá. Dù Phúc ngay lập tức nhận ra lý do thực sự cô ấy ở đây là để

giám sát mình, hai người vẫn trò chuyện thoải mái. Nhiều năm trước, cha mẹ Hằng đã gửi cô sang Tây Đức để học trung học, và sau chiến tranh, cô ở lại. Giờ cô sống ở Ludwigshafen với bạn trai, cũng là người Việt, và cả hai đều không muốn trở về.

Sự ghen tị bao trùm lên Phúc. Cô suy ngẫm về cuộc sống ở phương Tây hẳn là như thế nào, và thấy mình đau đầu nhìn lên bầu trời đêm, tưởng tượng về một không gian không giới hạn. Một từ bắt đầu lướt qua tâm trí cô: trốn thoát. Tim đập thình thịch, cô thầm cầu nguyện : «Chúa ơi, con muốn đi. Nhưng bằng cách nào ? Có quá nhiều người xung quanh con.» Cô nhớ lại những giấy tờ mà Tâm đã bắt Perry Kretz ký. Nếu có chuyện gì xảy ra với mình, cô tự nhủ, Perry Kretz sẽ phải trả giá. Chấp nhận việc trở về Việt Nam, Phúc phó mặc số phận cho Chúa. Dù tự do không thuộc về cô, cô vẫn tin rằng Chúa muốn chuyển đi này là cách để thay đổi tương lai của cô tốt đẹp hơn.

Một ngày, người đưa thư đến phòng và trao cho Phúc một phong bì đề tên Kim Phúc. Ông yêu cầu cô ký xác nhận nhận nội dung : một nghìn mark Đức (khoảng ba trăm năm mươi đô la Mỹ). Người gửi chỉ được xác định bằng một số hộp thư Đức ; không có tên. Hằng chứng kiến toàn bộ giao dịch. «Giữ lấy đi», cô chỉ nói vậy với

Phúc. «Đừng để họ biết.» Số tiền này tương đương với thu nhập một năm của một người miền Nam, hoặc hai năm của người miền Bắc.

Để đánh dấu tình bạn ngắn ngủi, Hằng đề nghị tặng Phúc một món quà chia tay, thay đôi dép nhựa Việt Nam bằng một đôi giày da mới. Cô nhờ bạn trai đưa xe đến và bí mật đưa Phúc, người vẫn còn băng bó sau phẫu thuật, ra khỏi bệnh viện. Hằng tự lái xe đến một cửa hàng bách hóa ở trung tâm thành phố. Sau khi mua xong, họ đi đến thang cuốn xuống thì hai khách hàng người Đức, cả hai đều là đàn ông, dừng lại và nhìn chằm chằm vào Phúc. «Cô có phải là Kim Phúc không ?» một người hỏi. Phúc mỉm cười bí ẩn. Hằng khéo léo đưa tay qua tay Phúc và dẫn cô đi xem một giá quần áo. Khi thoát khỏi tầm mắt của hai người đàn ông, cô đẩy Phúc ra phía sau. Khi thấy an toàn, cô vội vàng đưa Phúc trở lại xe. Trên đường về bệnh viện, Phúc kìm nén mong muốn : *Hãy đưa tôi đi. Tôi muốn trốn thoát !* Hằng đùa một cách lo lắng : «Đưa em đi giống như mang theo một quả bom vậy !»

Trong các buổi tư vấn với bác sĩ Zellner, Phúc tỏ ra rất tôn trọng, thể hiện thái độ kính cẩn như các y tá. Ở buổi gặp cuối cùng, cô có một câu hỏi : «Ước mơ của cháu là giúp đỡ mọi người, trở thành bác sĩ. Liệu sức

khỏe của cháu có cho phép không ?»

Giống như những người khác đã đọc về bệnh nhân nổi tiếng của mình, bác sĩ nghĩ rằng Phúc đang học y tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi gặp cô, ông có nhận xét rằng cô không có vẻ phù hợp với một sinh viên y khoa. «Một bác sĩ phải có tinh thần mạnh mẽ khi đối mặt với bệnh nhân đang đau đớn», ông nói với cô. «Sẽ không tốt cho cô, người phải chịu đựng nỗi đau, khi nhìn thấy người khác đau đớn, và cũng không tốt cho bệnh nhân.»

Phúc chăm chú lắng nghe từng lời ông nói. Ông tiếp tục : «Cô phải yêu nghề thì mới trở thành một bác sĩ giỏi. Khi được cần đến, cô phải đi. Dù đã làm việc cả ngày, nhưng nếu nửa đêm được gọi, cô vẫn phải đi.» Ông gợi ý cô chọn một công việc ít áp lực hơn. «Tiếng Anh thì sao ? Cô có thể làm giáo viên hoặc hướng dẫn viên du lịch. Miễn là cô yêu nghề, cô có thể thực hiện ước mơ giúp đỡ mọi người và mang lại hạnh phúc cho họ.»

Hàng chục nhà báo có mặt tại buổi họp báo cuối cùng ở bệnh viện. Phương từ Bonn đến và làm phiên dịch cho Phúc. Đọc từ bản tuyên bố đã được Phương chuẩn bị sẵn, Phúc bắt đầu bằng lời cảm ơn những người đã giúp cô có được cơ hội điều trị. Bản tuyên bố tiếp tục :

«Hy vọng và ước mơ của tôi là một bệnh viện dành cho bệnh nhân bỏng có thể được xây dựng tại đất nước tôi, nơi những người không có cơ hội ra nước ngoài điều trị. Không chỉ có một Kim Phúc ở Việt Nam, mà còn rất nhiều người khác.» Theo kế hoạch, một tập đoàn Đức công bố khoản đóng góp ban đầu trị giá 1 triệu mark. Phúc tự ý thêm : «Tôi hy vọng bệnh viện bỏng ở Việt Nam có thể được đặt theo tên tôi.» Kết thúc buổi họp báo, Kretz nói rõ rằng lịch trình tiếp theo của cô là riêng tư.

Phương đưa phúc trở lại Bonn. Cho đến khi rời đi, gần ba tuần sau đó vào tuần đầu tháng Chín, cô sẽ ở trong khu tập thể của người Việt. Đây là thông lệ phổ biến của các lãnh đạo, nhân viên ngoại giao, công nhân và sinh viên Việt Nam khi ra nước ngoài, thường kéo dài thêm vài tuần, thậm chí vài tháng sau khi hoàn thành công việc chính thức (công tác, chữa bệnh hoặc học tập) để «giải trí» - chính xác hơn là để mua sắm. Nỗi ám ảnh của người Việt đi công tác, thường là người miền Bắc hoặc làm việc cho nhà nước, là nhồi nhét những chiếc túi nylon rẻ tiền với bất kỳ mặt hàng nhập khẩu nào họ có thể mua được. Một số người trục lợi một cách trắng trợn. Nhà chức trách sân bay Moscow từng phát hiện một túi ngoại giao đang quá cảnh từ một đại sứ quán Việt Nam ở Đông Âu chứa tám trăm chiếc quần

jean và hai nghìn chiếc đồng hồ kỹ thuật số. Một thành viên Bộ Chính trị thường đếm hành lý của mình bằng số lượng xe tải kéo đến khoang hàng của máy bay, chất đầy những thứ như gương, bàn là điện, nồi áp suất, máy bơm nước, phụ kiện thay thế cho bếp điện và máy may - bất cứ thứ gì có nhu cầu cao trong nước.

Ở Bonn, vì là phương Tây, chỉ người miền Bắc hoặc những người cách mạng đáng tin cậy từ miền Nam mới được phép ra ngoài khu tập thể mà không có người giám sát. Người được phân công đi cùng Phúc là Quang, tài xế. Phúc không có nhu cầu tiêu số tiền mark Đức mà cô có, cũng không đủ sức để ra ngoài. Cô rời phòng khám trong đau đớn, và cơn đau sẽ còn tệ hơn trước khi đỡ dần, cô cũng trở nên gầy hơn và yếu hơn so với lúc mới đến. Cơn đau khiến cô chán ăn. Quang làm ơn đi mua thuốc giảm đau và kem bôi cho cô. Theo yêu cầu của cô, anh cũng mua bốn thùng thuốc lá nhãn hiệu «555» để cô dành cho cha và các anh trai.

Phần lớn thời gian của Phúc là ngồi không trong phòng nhân viên. Quang luôn ở bên cạnh cô. Anh xúc động trước những giọt nước mắt của cô và nhạy cảm với nhu cầu của cô, sẵn sàng xoa lưng khi cơn đau ập đến. Cả hai đều giật mình khi một ngày, giọng nói của Phương vang lên như một cơn gió mạnh xuyên qua căn

phòng : «Đừng khóc ! Nếu cô khóc, cô sẽ là hòn đá chắn đường khiến những nạn nhân xứng đáng khác không được điều trị !» Những người khác trong văn phòng kể về mối quan hệ của Phương với cấp cao nhất với vẻ sợ hãi rõ rệt. Phúc sợ cô ấy hơn cả Tâm ở Tây Ninh. Sau đó, khi Phúc lau nước mắt, Quang an ủi : «Cô ấy đối xử tệ với tất cả chúng ta. Chúng ta không thể làm gì được. Chúng ta chỉ là những kẻ yếu thế và không có quyền lực. Nhưng», anh thêm, «tôi cảm thấy dễ chịu hơn mỗi khi gặp một người không giống cô ấy.»

Trong khi Phúc mệt mỏi trong khu tập thể, cô mơ hồ nhận ra rằng, bên ngoài, danh tiếng của cô đang lan rộng. Nhân viên đã thu thập các tờ báo và tạp chí tiếng Đức có bài viết về sự xuất hiện, quá trình điều trị và lưu trú của «Napalm-Mädchen» (Cô gái Napalm). Tuy nhiên, cô không có sức lực cũng như hứng thú để đọc chúng. Một vài món quà - thú nhồi bông và đồ dùng vệ sinh sang trọng - được gửi đến văn phòng, nhưng Phương mang đi hết. «Những thứ này không phải cho cô», cô nói với Phúc. «Chúng là để dành cho người khác.» Khi một cụ ông người Đức đến tặng cô một gói quà nhỏ được bọc kín, Phương làm cô xấu hổ : «Nói cảm ơn đi !»

Kretz từ Hamburg đến để chào tạm biệt. Anh mời Phương và Phúc đi ăn trưa. Phương chọn một nhà hàng trên sân thượng của một lâu đài thế kỷ XIII nằm trên một mũi đất nhô ra sông Rhine. Sau đó, theo gợi ý của Kretz, họ đi dạo dọc bờ sông, và anh mua cho Phúc một cây kem tại cửa hàng nước ngọt Capri nổi tiếng. Món quà chia tay của anh là cử hai phụ nữ từ tạp chí Stern đưa Phúc đi mua sắm. Phương và hai người giám sát cùng đi đến cửa hàng bách hóa. «Cô muốn mua gì ?» một trong hai người phụ nữ từ Stern hỏi khi cả nhóm đi từ tầng này sang tầng khác. Phúc nghĩ rằng trả lời sẽ quá thẳng thắn.

Cuối cùng, Phương là người tìm thấy thứ gì đó. «Cái này tốt để mua cho cô ấy», cô nói, chọn một chiếc áo choàng tắm dài bằng lụa màu tím. Phúc kìm nén lời đáp trong cổ họng : Tôi không cần thứ đó - có lẽ người sống ở Đức cần nó, chứ không phải người sống ở miền Nam Việt Nam. Một trong hai phụ nữ từ Stern nhìn quanh tìm quầy tính tiền. Khi thấy một chiếc gương cầm tay màu xanh, Phúc chỉ vào nó và nói to : «Tôi cần cái này. Tôi thích nó.» Người phụ nữ thứ hai mang cả bộ đồ vệ sinh, bao gồm lược, đĩa đựng xà phòng và hộp đựng bàn chải đánh răng, cùng một chú gấu bông màu xanh là một phần của gian trưng bày, đến quầy thanh toán.

Vào buổi sáng ngày khởi hành, Phúc đang xếp đồ vào chiếc vali mây nhỏ của mình. Cô sắp xếp những thứ còn chỗ để mang theo, bao gồm tạp chí và quần áo mà Kretz đã gửi từ Hamburg - Phúc nói rằng cô thấy những đêm hè ở Đức lạnh, và anh đã nhờ vợ gửi một số đồ từ tủ quần áo của bà. Phương bước vào và đứng nhìn cô. Phúc tặng cô ấy chú gấu bông màu xanh cho con gái nhỏ của Phương. «Nếu hành lý của cô nặng hơn hai mươi ký, cô sẽ phải trả tiền», Phương cảnh báo. «Cô không có tiền.» Cô nhặt chiếc áo choàng tím màu tím lên. «Ở miền Nam nóng lắm. Cô sẽ không dùng đến cái này đâu. Đưa nó cho tôi», và khi tôi trở về Việt Nam, tôi sẽ đưa nó cho cô.» Trong bữa ăn trưa cuối cùng của Phúc với nhân viên, Phương gọi đầu bếp đến trước mặt mọi người. «Anh nấu ăn dở tệ !» cô ta nói, đẩy món ăn không vừa ý về phía anh. «Tôi không thể ăn thứ này !» Trong lòng, Phúc khóc. *Tại sao, tại sao ? Cô ấy có địa vị cao, có mọi thứ. Vậy quà của những người khác dành cho tôi là cho ai ? Tại sao cô ấy lại xấu tính như vậy ? Tại sao trên đời lại có những người như thế ?*

Không thể cùng Phúc về nước, Kretz đề nghị Stern đặt vé cho cô trên chuyến bay Air France, từ Bonn qua Paris đến Thành phố Hồ Chí Minh. «Không an toàn», Phương nói. Cô bảo Quang và một người giám sát lái xe đưa Phúc đến Berlin ; từ đó cô sẽ bay đến Hà Nội.

Phúc ở một tuần tại đại sứ quán Việt Nam ở Đông Đức. Chồng của Phương cũng tử tế mời cô một buổi tối tại vườn bia Berlin. Sau đó, sau bảy tuần ở nước ngoài, vào ngày 11 tháng 9, được một «công nhân khách» hồi hương hộ tống, Phúc lên máy bay về Hà Nội. Cô không hào hứng khi lần đầu tiên nhìn thấy miền Bắc Việt Nam; có những quốc gia khác cô muốn đến hơn.

Tại sân bay Nội Bài vắng lặng, Phúc trình giấy tờ cho nhân viên. Anh ta nhận ra cô ngay lập tức. «Cô là Kim Phúc từ Đức về», anh nói. «Tôi đã thấy cô trên báo và tivi.»

«Thật sao ?» Phúc cảm thấy vinh dự.

Một tài xế và người giám sát đón cô. Cô ngạc nhiên trước khung cảnh nông thôn của sân bay ; bò gặm cỏ trên những cánh đồng liền kề. Những người đi xe đạp trên đường dường như không biết nhiều về ô tô. Sự nghèo khó ở đây khắc nghiệt hơn bất cứ thứ gì Phúc từng thấy ; cô thấy những túp lều tre ven đường như những ổ chuột, quần áo chỉ là giẻ rách. Ngay cả ở trung tâm Hà Nội, mọi người đi lại uể oải. Trong sự im lặng như tang lễ của những người đi xe đạp, cô cảm nhận được sự hiểu biết về đau khổ, về hy sinh.

Người giám sát đưa cô đến khách sạn Thống Nhất - cái tên mà nhà nước đặt cho một khách sạn ở mỗi thành phố là «Thống Nhất». Trước đây là Metropole và từng là một ví dụ tuyệt đẹp của khách sạn thuộc địa Pháp cuối thế kỷ, giờ nó trở nên xám xịt và tồi tàn vì bị bỏ bê, còn tồi tệ hơn cả khách sạn không mấy ấn tượng ở Thành phố Hồ Chí Minh mà Phúc đã ở lại một đêm trước khi ra nước ngoài. Nó mang đậm phong cách cộng sản, từ chiếc điều hòa nhỏ của Nga lắp trên cửa sổ đến bình thủy Trung Quốc đựng nước sôi để bên giường. Thực đơn nhà hàng với ẩm thực miền Bắc cũng chẳng có gì nhiều ; hầu hết các món đều bị gạch bỏ.

Thời gian ở đây của Phúc không yên tĩnh như cô mong đợi. Chuyến đến Hà Nội của cô trùng với lễ kỷ niệm 30 năm giải phóng khỏi Pháp của chế độ. Người giám sát từ bộ ngoại giao ở Hà Nội liên tục đến đón cô và đưa cô về văn phòng để phỏng vấn với một nhà báo khác, người Việt hoặc nước ngoài.

Các quan chức bộ ngoại giao tin rằng, vì học kỳ mùa thu đại học bắt đầu vào giữa tháng 10, Phúc có thể ở lại đến lúc đó. Trong tuần thứ hai tại Hà Nội, Phúc chuyển đến nhà riêng của một góa phụ, vợ của một đại úy quân đội miền Bắc. Người phụ nữ đầy đà này là mẹ của Minh, bạn của Quang, tài xế ở Bonn. Như một ân

huê cho Quang, Phúc đã mang một bức thư từ anh ta đề người phụ nữ giữ cho con trai mình, Minh.

Minh đã ở trong một nhóm chơi bóng chuyền trong khuôn viên đại sứ quán Việt Nam ở Bangkok, và Thạch đã gián đoạn trận đấu của họ để giới thiệu Phúc. Minh là người gây ấn tượng : ở tuổi hai mươi, anh ta có sự tự tin đi cùng với vẻ ngoài như ngôi sao điện ảnh. Như anh đã giải thích với Phúc lúc đó, anh đang ở Bangkok «tận hưởng» trên đường về Hà Nội từ Manila, nơi bộ ngoại giao cử anh đến học với một thầy chữa bệnh nổi tiếng người Philippines. Minh ngạc nhiên khi Phúc không biết về danh tiếng của mình.

Ở Hà Nội, mẹ của Minh là người ngạc nhiên khi tiếp một vị khách nổi tiếng như Phúc. Bà cho Phúc xem một chồng báo và tạp chí Việt Nam với những câu chuyện và hình ảnh về thời gian cô ở Đức. Bà ân cần hỏi thăm về sự thoải mái của Phúc ở khách sạn. Nghe cô phàn nàn về đồ ăn trong nhà hàng và nước rỉ sét từ vòi, bà góa phụ sắp xếp để bộ ngoại giao trả tiền cho bà để nuôi và chăm sóc Phúc.

Bà góa phụ dành nhiều thời gian đưa Phúc đi tham quan trên chiếc xe máy Nhật. Họ đi dạo quanh hồ Hoàn Kiếm huyền thoại ở trung tâm Hà Nội, được đặt tên theo một chiến binh thế kỷ 15, người đang đi thuyền thì

một con rùa vàng nổi lên từ mặt nước để lấy lại và trả về trời thanh kiếm mà ông đã dùng để đánh đuổi quân xâm lược Trung Quốc. Họ cũng đến thăm lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Giống như các điểm tham quan lịch sử khác, nó không khiến Phúc mấy hứng thú.

Bầu không khí yên tĩnh trong nhà bà góa phụ bị phá vỡ khi Minh trở về. Mọi thứ về anh ta đều ồn ào : âm lượng anh ta bật nhạc, cách ăn mặc - những băng đĩa nhạc lậu và áo sơ mi bóng bẩy, giày da anh mua ở Bangkok - cách anh ta tiệc tùng. Giải trí thay đổi : đêm này qua đêm khác, anh đưa Phúc trên chiếc xe máy của mình đến những con hẻm nhỏ của Hà Nội cổ, nơi họ ăn tối tại các nhà hàng với vô số bạn bè của anh. Ngoài khả năng chữa bệnh, Minh còn tuyên bố có thể cảm nhận được sự hiện diện của tiền bạc hoặc vật có giá trị trên người hoặc tâm trí của một người. Anh ta dụ dỗ Phúc đưa cho anh ba trong số bốn thùng thuốc lá «555» của cô, và luôn tìm cách để cô trả tiền nhà hàng - mặc dù anh luôn tìm được ai đó đổi mark Đức của cô với tỷ giá hối đoái chợ đen có lợi.

Khi ngày Phúc rời đi gần kề với ngày khai giảng học kỳ mùa thu, Minh tìm cách để cô ở lại thêm. Một vấn đề về tuyến giáp mà cô từng mắc phải khi còn nhỏ tái phát, biểu hiện qua bướu cổ to trên cổ. Minh nhận được

sự cho phép từ bộ ngoại giao để Phúc ở lại thêm một tuần để anh có thể chữa trị cho cô. «Hai người nổi tiếng nhất Việt Nam cùng nhau !» anh nói. Phúc bác bỏ tuyên bố về khả năng chữa bệnh của Minh, mặc dù đã chứng kiến sự tuyệt vọng của những người khác tin tưởng anh. Nhiều người lạ mang quà là gạo và trái cây đã đến gõ cửa nhà. Họ van nài Minh chữa trị cho con trai, con gái hoặc người thân của họ đang bị ung thư. Anh ta thô lỗ từ chối tất cả, chỉ muốn giải trí cùng Phúc.

Bản thân Phúc cũng không vội trở về Thành phố Hồ Chí Minh. Không ai ở Hà Nội biết rằng, không có gì chờ đợi cô ở đó. Cuối cùng, số mark Đức còn lại của cô sẽ cạn kiệt. Minh sẽ trở về với không trường học, không tiền và không gạo, cô tự nhủ. Khi những dư âm cuối cùng của chuyến đi nước ngoài tan biến, cô tự hỏi, Chúa đã định chuyến đi Đức của mình là cánh cửa mở ra tương lai như thế nào ?

Câu trả lời cho câu hỏi của cô được hình thành từ việc so sánh cuộc sống của cô với Minh và gia đình anh. Lương hưu quân đội của bà góa phụ và lương nhà nước của Minh thấp, nhưng đây là một gia đình sống như người giàu. Những chuyến đi nước ngoài của Minh giúp anh tiếp cận với hàng ngoại và ngoại tệ : bằng chứng là gia đình có ba chiếc xe máy ngoại đậu bên ngoài, trong

nhà có tivi, dàn âm thanh và quạt điện trong mọi phòng. Điều gì quyết định ai khổ và ai sống thoải mái ? Phúc hiểu : thứ phân biệt giữa họ là mối quan hệ với những người có địa vị quyền lực và đặc quyền. Phúc thấy rõ bước đi tiếp theo của mình : Mình phải nói sự thật với ai đó quyền lực hơn ở Hà Nội. Đột nhiên, cô nhận ra lý do thần thánh khi mình được đưa về qua Hà Nội thay vì bay thẳng từ Bonn đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ hội đến với một buổi tiếp tân tại bộ ngoại giao tổ chức để vinh danh cô gặp gỡ các nhà báo Nhật Bản, được chủ trì bởi quan chức cấp cao của Việt Nam trong bộ phụ trách tiếp đón các nhà báo nước ngoài. Ở tuổi năm mươi, Minh (không liên quan đến thầy chữa bệnh) đã tiếp đón Phúc trước đó. Cô nhận thấy rằng anh ta được những người làm việc dưới quyền kính trọng, rằng anh ta thể hiện quyền lực mà không đe dọa. Cô lại có linh cảm rằng đây là một quan chức mà cô có thể tin tưởng.

Cô tìm cách ngồi cạnh anh khi dùng tráng miệng và trà. Trên hai chiếc ghế bành thoải mái bọc vải trắng, cô bắt đầu một cuộc trò chuyện đầy ngập ngừng. Anh ngắt lời : «Cô có điều gì muốn nói với tôi không ?»

«Có !»

Minh vô cùng bất an trước những gì anh nghe được. «Không ai biết chuyện này cả», anh nói. «Điều này sai, rất sai.» Theo chỉ dẫn của anh, cô viết một lá thư gửi thủ tướng Phạm Văn Đồng, lặp lại những gì cô đã nói với Minh - rằng hai năm rưỡi trước, Tây Ninh đã xóa hồ sơ của cô khỏi trường học ở Thành phố Hồ Chí Minh, rằng cô đang sống ở đó trong tình trạng bấp bênh. Minh hứa sẽ tự tay chuyển lá thư của cô đến tay thủ tướng. Anh bảo cô chờ ở Hà Nội để nhận hồi âm.

Hai ngày sau, một trợ lý từ văn phòng Phạm Văn Đồng đến nhà bà góa phụ với một tin nhắn cho Phúc: thủ tướng muốn mời Kim Phúc đến dùng bữa tối với ông tại biệt thự của ông vào tối hôm đó.

Chương Mười Một

Tại trung tâm Hà Nội, không xa lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, có những khu biệt thự sang trọng từ thế kỷ XIX, sơn màu vàng đất với cửa sổ xanh lá, nằm giữa những khu vườn rộng rãi đầy hoa giấy và hoa thược dược. Đây là nơi ở của các thành viên Bộ Chính trị Việt Nam, cùng với trợ lý, vệ sĩ và nhân viên phục vụ. Ngôi nhà từng thuộc về Thống đốc thực dân Pháp giờ là nơi ở của Phạm Văn Đồng. Vợ ông, đang được y tá chăm sóc, sống trong một tòa nhà riêng trong khuôn viên. Con trai trưởng thành của họ, Dương, phục vụ trong quân đội và sống độc lập tại Hà Nội.

Trong mắt người dân Việt Nam, Phạm Văn Đồng 78 tuổi, cùng với vị tướng tài ba Võ Nguyên Giáp, người sáng lập lực lượng Việt Minh đánh bại Pháp tại Điện Biên Phủ và chỉ huy quân đội chống Mỹ, là những biểu tượng kết nối với tư tưởng và truyền thống của Hồ Chí Minh. Dù Đồng và Giáp trẻ hơn Hồ Chí Minh hơn mười lăm tuổi, bộ ba này luôn trung thành và gắn bó. Cả ba đều được giáo dục bằng tiếng Pháp tại Quốc Học Huế và cùng nhau tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào cuối những năm 1920. Cả ba đều từng bị giam cầm tại Côn Đảo (hòn đảo hoang ở Biển Đông mà

Pháp biến thành nhà tù cho tù nhân chính trị) và trải qua nhiều năm sống cuộc đời du kích.

Đồng trở về từ nhiều năm hoạt động Đảng ở miền nam Trung Quốc để trở thành một trong những cộng sự thân cận nhất của Hồ Chí Minh trong Thế chiến thứ hai. Ông nổi tiếng quốc tế với vai trò Bộ trưởng Ngoại giao của Hồ Chí Minh khi đại diện Việt Minh tại các cuộc đàm phán Geneva kết thúc chiến tranh với Pháp. Một năm sau, năm 1955, Hồ Chí Minh bổ nhiệm ông làm Thủ tướng, vị trí ông vẫn giữ đến lúc này. Đồng được biết đến như một người hòa giải, một nhà quản lý tài năng dù thận trọng, nhưng ông được kính trọng nhất nhờ uy tín đạo đức - khi ông quyết định sử dụng nó, và trong khuôn khổ hệ thống cứng nhắc còn chỗ cho những cân nhắc như vậy.

Đời tư của ông là tấm gương đạo đức trong Đảng. Cuộc chiến giành độc lập kéo dài đã chia cắt nhiều đảng viên như ông với vợ hàng năm trời, dẫn đến ly hôn và tái hôn trở nên phổ biến. Đồng sống xa vợ từ đầu những năm 1950 nhưng kiên quyết không ly hôn. Nhiều đảng viên lớn tuổi nhớ đến bà như cô gái tuổi teen xinh đẹp làm việc tại tiệm kem Zephyr đối diện nhà hàng bên hồ Hoàn Kiếm. Sau khi kết hôn, bà tham gia phong trào bí mật chống Pháp ở Hà Nội, còn Đồng sống cuộc đời

lần trốn. Ngay sau khi con trai họ chào đời, bà bị những cơn đau đầu dữ dội hành hạ, dấu hiệu khởi phát bệnh tâm thần khiến bà suy nhược. Đồng buộc phải gửi con vào Sài Gòn để người thân miền Nam nuôi dưỡng.

Đồng khác biệt với đồng nghiệp trong Bộ Chính trị. Trong khi họ khô khan, nghiêm khắc và xa cách, ông ấm áp và trù mến. Đam mê đất nước, ông thường xúc động khi nói về số phận phụ nữ và trẻ em trong chiến tranh. Những năm cuối đời, thị lực suy giảm, ông thích nghe radio hoặc nhờ ai đó đọc cho nghe tác phẩm của Victor Hugo hay Anatole France. Mỗi tối, ông dùng bữa cùng con trai Dương, và thứ Bảy hàng tuần, vợ ông cũng tham gia.

Vào buổi tối Phúc đến dùng bữa, trợ lý riêng của Thủ tướng đưa cô vào và Dương tiếp đón. Cha anh chào cô bằng nụ hôn lên cả hai má. Sau bữa tối, Dương rời đi và chỉ quay lại cuối buổi để chở cô về bằng xe máy. Trong phòng khách thơm ngát hoa thược dược, Đồng và Phúc có cuộc trò chuyện riêng.

Đồng nắm tay cô và lắng nghe hoàn cảnh của cô. Ông muốn nghe chi tiết về nỗi đau cô phải chịu do vụ ném bom napalm, và quá trình điều trị ở Đức. Ông hỏi về những cơn đau vẫn còn hành hạ cô. Ngoài mẹ, chưa bao giờ Phúc tâm sự với ai thoải mái như vậy. Cô thấy ở

dáng vẻ của Đồng hình ảnh một thiên thần. Cao lớn so với người Việt, ông có đôi mắt sâu thẳm, vầng trán cao và mái tóc trắng dày. Qua cách ông đồng cảm và nói về vết thương của cô, cô cảm nhận ông đã biết đến bức ảnh của cô từ lâu. Ông yêu cầu xem vết bỏng, và khi chạm vào những vết sẹo gồ ghề, nước mắt ông tuôn rơi.

Tôi biết ông ấy là một người vĩ đại, Phúc tự nhủ.

Cô cảm thấy cần giải thích lý do nói dối với các nhà báo rằng mình là sinh viên y khoa : «Cháu sợ. Cháu không muốn xung đột. Nên cháu im lặng. Khi các nhà báo đi khỏi, cháu chỉ biết khóc vì những gì đã xảy ra với mình.»

Kết thúc, Đồng hỏi cô muốn học gì. Cô kể lại lời khuyên của bác sĩ ở Đức rằng nên từ bỏ y khoa để chọn nghề ít áp lực hơn. «Cháu biết mình không thể làm việc nặng nhọc», Phúc thừa nhận. «Nhưng trong tim, cháu mong muốn giúp đỡ mọi người. Cháu không thể từ bỏ ước mơ đó.»

«Bác sĩ nói đúng. Việc học của cháu phụ thuộc vào sức khỏe», Đồng nói. «Cháu nên chọn môn khác. Tiếng Anh là lựa chọn tốt.»

Trước khi trở về Thành phố Hồ Chí Minh, Phúc lại đến dùng bữa với Đồng và con trai ông. Cô mang theo bức thư chỉ đạo từ Thủ tướng gửi trợ lý tại văn phòng ở thành phố. Theo yêu cầu của ông, họ viết thư tương tự gửi chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Ninh, với nội dung :

«... Kim Phúc sang Cộng hòa Liên bang Đức điều trị vết bỏng do bom napalm của Mỹ gây ra và trở về Hà Nội ngày 11/9/1984. Tuy nhiên, cô vẫn gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần và khối u trên cổ, nên chính quyền đồng ý cho cô ở lại Hà Nội đến ngày 20/10/1984 để điều trị.

Trong thời gian ở Hà Nội, cô có dịp gặp ông Phạm Văn Đồng, người đã hỏi thăm tình hình của cô. Ông khuyên cô học tập và lao động tốt. Để thực hiện lời khuyên của ông Phạm Văn Đồng, chúng tôi đề nghị chính quyền địa phương quan tâm đến trường hợp của cô, hỗ trợ cô trong việc học tập theo nguyện vọng, để cô có thể trở thành người có ích cho xã hội trong tương lai...»

Theo lệnh của Hà Nội, Tây Ninh chuyển hộ khẩu của Phúc đến một trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cô nhập học chương trình năm năm lấy bằng tiếng Anh. Trường miễn học phí và nhận cô dù lớp học

đã bắt đầu được ba tuần.

Phúc có dịp bày tỏ lòng biết ơn với Thủ tướng vào mùa hè sau đó. Các quan chức cấp cao ở Hà Nội thường rời khỏi cái nóng oi bức của thành phố để đến vùng khí hậu khô ráo hơn ở miền Nam, kết hợp công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh với nghỉ dưỡng ở bãi biển Vũng Tàu và núi rừng Đà Lạt. Khi ở biệt thự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng thường mời Phúc đến dùng bữa.

Mỗi khi Phúc có cuộc phỏng vấn với nhà báo nước ngoài, cán bộ từ Thành phố Hồ Chí Minh đến đón cô. Cô vui mừng nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ phải gặp lại Tâm. «Hắn đã mất tôi rồi», cô tự nhủ. «Tôi đã thoát.» Nhưng cha mẹ cô không may mắn như vậy. Sau khi cô sang Đức, Tùng nhờ Việt, người phiên dịch, giúp giảm bớt gánh nặng thuế khóa nặng nề đối với cửa hàng mì. Việt sắp xếp cho Tùng và Nữ gặp sếp của anh, Vũ Hắc Bông, tại văn phòng ngoại vụ, cũng là người mà trước đây anh từng đưa Phúc đến gặp. Nữ là người nói: «Chính quyền không ưa gia đình chúng tôi», và yêu cầu Bông dùng ảnh hưởng của mình với chính quyền Tây Ninh. Bông, một trí thức đáng kính, khỏe mạnh và tốt bụng, đưa cho Nữ một bức thư gửi chính quyền Tây Ninh : «...xin hãy xem xét trường hợp của mẹ nạn nhân

vụ ném bom napalm hiện đang ở Đức. Do hoàn cảnh đặc biệt của Kim Phúc, chúng tôi tại ngoại vụ rất quan tâm...»

Tây Ninh có lẽ xem bức thư này như sự can thiệp không phận sự của Thành phố Hồ Chí Minh. Dù không có ác cảm giữa Tâm và Kim Phúc, những người thu thuế đói khát, không còn nơi nào để vơ vét, vẫn có thể nhắm vào cửa hàng mì vì biết nó có khách hàng ổn định và kiếm được tiền. Hơn nữa, các tỉnh, đặc biệt là những nơi nghèo như Tây Ninh, không có nhiều dư địa tài chính do bị Hà Nội siết thuế quá mức. Trong thời gian Phúc ở Đức, Tâm đã ra lệnh đưa cha mẹ cô đến văn phòng để tiếp một đoàn nước ngoài muốn quyên góp cho họ, số tiền đồng tương đương khoảng hai trăm đô la Mỹ. «Số tiền này là dành cho cả thành phố không phải cho các bạn,» Tâm sau đó nói với Tùng và Nữ. Nếu các cán bộ ở Tây Ninh tin rằng Phúc và gia đình cô đang kiếm lợi từ việc đi nước ngoài và tiếp xúc với người nước ngoài, thì đó là vì, nếu ở vị trí của họ, họ cũng sẽ làm như vậy.

Khi chuyển về sống chung với Hương và Đại ở Thành phố Hồ Chí Minh, điều kiện sống của Phúc được cải thiện vì một số lý do. Hương và Đại có em bé mới sinh, nên họ được phép chuyển từ ký túc xá bệnh viện sang

một căn hộ rộng hơn. Phúc cũng có mark Đức. Nhận ra rằng việc có nguồn tiền mà chính quyền không biết sẽ nguy hiểm cho cô, chưa kể đến việc làm ảnh hưởng đến dì và chú, Phúc trình bày với Bông rằng cô cần hỗ trợ: «Chính phủ nên hỗ trợ tôi, vì chính phủ đã lấy đi việc học của tôi.» Ông đồng ý : «Đúng là nên như vậy. Cháu không nên phải lo lắng gì ngoài việc học.» Hàng tháng, Phúc đến văn phòng của ông để nhận một khoản trợ cấp nhỏ vừa đủ để cô sống qua ngày. Mỗi lần đến, ông sẽ thò tay vào túi để đưa thêm cho cô một ít đồng. Nếu ông không có ở đó, ông để lại một phong bì. Số tiền thêm đó giúp cô mua thuốc giảm đau, và có thể là một cây kem hoặc một cây bút mới.

Ngoài việc học, nhu cầu cấp thiết của Phúc là được nghe Mục sư Anh giảng đạo. Vài tháng trước khi cô đến Đức, mục sư của nhà thờ Anh đã bị bắt và Anh đã thay thế vị trí của ông. Phúc đến nhà thờ vào Chúa nhật đầu tiên cô có thể. Vĩa hè bên ngoài trông trơn một cách đáng ngại. Cửa đã khóa. Tấm biển ghi tên nhà thờ và giờ lễ đã biến mất.

Cô vội đến nhà Loan và thấy Linh, con gái Loan, ở đó. «Chú Anh đã xảy ra chuyện gì vậy ?»

«Chú ấy đã đi rồi,» Linh nói. «Chính quyền đã đóng cửa nhà thờ.»

Những người bạn Cơ đốc khác xác nhận việc Anh bị bắt. Tin đồn là chính quyền đã phát hiện Anh có trong tay những tờ rơi «phản động». Phúc muốn đến thăm ông trong tù, nhưng ông đã truyền đạt mong muốn chỉ có Chúa là người đồng hành.

Nhà thờ của Anh là một trong số nhiều nhà thờ Cơ đốc bị đóng cửa trong một đợt thanh trừng của chính quyền. Các nhà lãnh đạo đã bị bắt và những cáo buộc thông thường được đưa ra : các nhà thờ đã sử dụng «chiếc mặt nạ tôn giáo» để giảng chống lại nhà nước, lên kế hoạch phá hoại, đưa gián điệp xâm nhập và tích trữ vũ khí. Đợt đàn áp gần đây này diễn ra khi Hà Nội lo ngại rằng trong số những người đã trốn khỏi Việt Nam sang phương Tây ngày càng đông, có những kẻ âm mưu hoạt động chống phá chế độ và điều phối chúng từ xa.

Thỉnh thoảng, Phúc đi dự lễ Chúa nhật tại nhà thờ nơi cô được rửa tội, mà chính quyền cho phép mở cửa. Hàng ngày, cô dành thời gian để cầu nguyện và đọc Kinh Thánh. Mất tiền, có thể kiếm lại được, cô tự nhủ. Nhưng nếu mất đi thứ gì đó thuộc về tâm linh, bạn sẽ đói khát trong tâm hồn. Bạn có thể ăn gì ?

Bắt đầu từ mùa xuân năm 1985, nhịp độ phỏng vấn của Phúc với các nhà báo nước ngoài tăng lên chưa từng có. Truyền thông khắp thế giới đang quan tâm trở

lại đến chủ đề Việt Nam khi sắp đến kỷ niệm mười năm một lần nữa của chiến tranh : đó là ngày Sài Gòn sụp đổ. Việc có một sự sẵn sàng lớn hơn ở Mỹ để công khai xem xét chương đó trong quá khứ của quốc gia được thể hiện qua số lượng du khách đến Đài tưởng niệm Cựu chiến binh Việt Nam ở Washington. Bức tường đá granit xếp thứ hai sau Đài tưởng niệm Lincoln trong số các điểm tham quan được ghé thăm nhiều nhất ở thủ đô. Lần đầu tiên, dù còn mờ nhạt, có tiếng nói từ phong trào phản chiến trước đây và từ cộng đồng người Việt Nam từng sống ở Mỹ kêu gọi hữu nghị với các nước Đông Dương. Những suy đoán về một bước đột phá trong quan hệ giữa Hà Nội và Washington xuất hiện vào mùa xuân đó khi Hà Nội cho phép các quan chức quân sự Mỹ tăng cường các chuyến thăm để điều tra vấn đề MIA, từ bốn đến sáu lần một năm.

Các giáo sư và bạn cùng lớp của Phúc đã quen với việc các phóng viên, nhiếp ảnh gia và đoàn làm phim truyền hình đến lớp học để chụp ảnh cô và phỏng vấn họ. Khoảng một trăm năm mươi nhà báo nước ngoài, chủ yếu là người Mỹ, đã đến Thành phố Hồ Chí Minh để đưa tin về các lễ kỷ niệm chính thức dẫn đến ngày kỷ niệm 30 tháng 4. Hơn một lần, Phúc thấy mình là một trong nhiều đối tượng được phỏng vấn : một lần cô được ghép cặp với góa phụ của nhân vật trong một bức

ảnh nổi tiếng khác về chiến tranh, đó là bức ảnh một nghi can Việt Cộng bị bắn vào đầu bởi một tướng lĩnh Nam Việt Nam. Phúc tránh nói bất cứ điều gì với người góa phụ, thấy hai chữ «Cộng sản» hiện rõ trên khuôn mặt lạnh lùng của bà.

Trong số vô số cuộc phỏng vấn Phúc đã thực hiện, có một cuộc nổi bật trong tâm trí cô, không phải vì cuộc phỏng vấn mà vì những gì xảy ra sau khi nó kết thúc. Phóng viên đó là Arthur Lord của NBC, người đã đưa tin về vụ tấn công bằng bom napalm làm cô bị thương mười ba năm trước. Khi Lord hỏi Phúc liệu cô đã từng xem bản tin gốc chưa, cô trả lời chưa. Mặc dù cô đã xem một phần đoạn phim trong phim tài liệu của Hà Lan, nó không để lại ấn tượng lâu dài, có lẽ vì nó được chiếu đen trắng, với âm thanh gốc bị tắt để có thể chạy lời tường thuật. Cô bày tỏ sự tò mò. Ai đó bật một cuộn băng video. Cùng xem với Phúc là người bạn phiên dịch, Việt, người nói rằng anh cũng chưa từng xem nó.

Phúc xem cảnh mở đầu quả bom napalm nổ trên đường, sau đó là cảnh những người sống sót chạy ra khỏi làn khói đen. Cô thấy đứa con nhỏ của Dì Anh - đứa cháu đã chết vài tuần sau vụ tấn công - trong vòng tay của một người dân làng. Nó trông không bị thương nặng lắm, cô tự nhủ. Rồi bà ngoại cô bước vào khung

hình, vật lộn tiến lên với thi thể đen kịt của Danh.

«Người ơi !»

Giọng bà ngoại cô dường như đến từ một nơi sâu thẳm và tối tăm không thể biết. Nó cắt vào tim Phúc như những mảnh thủy tinh.

«Chạy đi đâu như vậy nè trời ? Chạy đi đâu như vậy nè trời ?»

Phúc co rúm người trước cảnh những mảng da rơi ra từ gót chân bị bỏng của Danh.

Rồi cô thấy chính mình trong tình trạng trần truồng, chạy ra, cùng với hai anh trai và những người cháu khác. Cô trả lời câu hỏi của bà ngoại thay cho Danh đang hấp hối : «Bà ơi, cháu không thể chạy ra được, không thể với gót chân bị bỏng như thế.»

Màn hình tối đen. Phúc ngồi im lặng, má ướm đầm nước mắt. Việt đang run rẩy. «Khủng khiếp,» anh liên tục nói. «Khủng khiếp.» Việc xem đoạn phim đối với Phúc là sự chết đi và sống lại của những ký ức về vụ tấn công bằng bom napalm. Hàng trăm cuộc phỏng vấn cô đã thực hiện chỉ tập trung vào hoàn cảnh của cô. Không nhận thức được sự kiện như được ghi lại trên phim, cô chỉ kể lại những gì cô thấy trong tâm trí : quay đầu khi

chạy khỏi ngôi đền để thấy những quả bom rơi từ máy bay, lửa trở thành thế giới của cô. Sau đó, mối quan tâm duy nhất của cô là chạy, và tiếp tục chạy.

Chưa bao giờ Phúc nghĩ về những gì đã xảy ra với những người khác bị mắc kẹt trong vụ tấn công bằng bom napalm trong khoảng thời gian trước khi cô xuất hiện trước ống kính máy quay. Những khoảnh khắc thiếu sót đó là một ẩn dụ cho sự hiểu biết của Phúc về chính cuộc chiến ; cô không biết nó đã bắt đầu như thế nào, kẻ thù là ai, ai đang chiến đấu với ai, ai đang thắng hay nó sẽ, hoặc có thể, kết thúc ra sao. Giờ cô hiểu rằng hai người cháu của cô đã chết một cách kinh hoàng. *Tại sao, cô tự hỏi, tại sao một đứa bé, một đứa trẻ, phải chịu đựng như vậy ?* Đoàn làm phim đang thu dọn, cất cuộn băng video đi. *Giờ tôi xem đoạn phim, Phúc tự nhủ, tôi hiểu tại sao người dân ở Mỹ cảm thông với nỗi đau của tôi. Giờ tôi biết chính mình đã trải qua những gì.* Cô hiểu lý do cô sống sót sau ngọn lửa của bom napalm - để trở thành biểu tượng sống của sự kinh hoàng của chiến tranh. *Đoạn phim, bức ảnh đã biến tôi thành. một khoảnh khắc lịch sử. Chỉ có tôi trong khoảnh khắc lịch sử đó. Tôi biết tôi không phải là nạn nhân duy nhất của chiến tranh, nhưng những người khác không có bằng chứng. Tôi có đoạn phim, tôi có bức ảnh và tôi có cơ thể.*

Vào tháng 6 năm 1985, giáo viên hướng dẫn học tập của Phúc gọi cô vào. Trường đại học đã nhận được lệnh từ Hà Nội : Kim Phúc phải đi Moscow vào tháng sau. Bốn năm một lần, một nước thuộc khối Cộng sản hoặc xã hội chủ nghĩa tổ chức một lễ hội thanh niên thế giới về các vấn đề xã hội chủ nghĩa. Lễ hội năm nay ở Moscow có chủ đề «chống đế quốc và chống chiến tranh.» Một năm trước đó, Việt Nam đã bắt đầu quy trình đề cử để chọn ra một trăm «con trai, con gái trung thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa.» Giống như các tổ chức thanh niên khác, trường đại học của Phúc đã đề cử một người. Tuy nhiên, Phúc đã được mời bởi ban tổ chức lễ hội ; Komsomol, hội đồng thanh niên Liên Xô, muốn cô là diễn giả và thành viên hội đồng.

«Nếu cháu muốn đi Moscow, cháu phải gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản,» giáo viên hướng dẫn của cô nói. «Chỉ thành viên mới được đi.» Mẫu đơn ông đặt trước mặt cô thường dùng cho học sinh trung học.

Phúc cười. «Được ạ !»

Moscow được dọn dẹp sạch sẽ và sáng bóng để chuẩn bị cho lễ hội kéo dài tám ngày. Đèn trang trí ngày lễ đã được treo lên ; người dân địa phương đã rửa xe ; một triệu người Moscow đã được đưa đi nghỉ ở các trại, và việc bán rượu vodka địa phương đã bị cấm. Những tám

biểu ngữ tuyên bố «Vì tình đoàn kết chống đế quốc, hòa bình và hữu nghị.» Vào ngày khai mạc cuối tháng 7, trước đám đông hơn một trăm nghìn người tại Sân vận động Lenin, và khi hàng trăm chim bồ câu được thả ra, nhà lãnh đạo Liên Xô Mikhail Gorbachev tuyên bố khai mạc lễ hội. Mười tám nghìn đại biểu đến từ một trăm năm mươi bảy quốc gia ; đoàn đại biểu Mỹ có ba trăm người.

Ban tổ chức Việt Nam loại Phúc khỏi việc tham gia diễu hành và biểu diễn văn hóa vì cô đến lễ hội với tư cách là khách mời của nước chủ nhà, không phải là thành viên của đoàn Việt Nam. Từ khán đài, cô ngắm nhìn những tà áo dài trắng thướt tha và những chiếc nón lá của các thiếu nữ Việt Nam. Bản thân Phúc có một lịch trình xuất hiện dày đặc. Cô di chuyển từ lớp học đến nhà hát, tiếp xúc với khán giả từ vài chục đến hàng nghìn người ; các sự kiện của cô bao gồm từ gặp gỡ giao lưu với các đoàn khác đến những «tòa án» bàn về chủ đề như chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa thực dân, cũng như hòa bình và giải trừ vũ khí. Chủ đề sau cùng đang được quan tâm, khi tổ chức Physicians for Social Responsibility do nhà hoạt động người Úc Helen Caldicott dẫn đầu giành giải Nobel Hòa bình năm đó nhờ vận động giải trừ vũ khí hạt nhân. Thường thì Phúc là một trong số các nạn nhân chiến

tranh được giới thiệu. Một câu chuyện khác cũng được nhấn mạnh, do một nhà hoạt động tôn giáo Mỹ kể lại, là vụ giết hại ba nữ tu và một nhân viên nhà thờ người Mỹ năm 1980 ở El Salvador bởi lực lượng an ninh của chế độ quân sự được Mỹ hậu thuẫn.

Phúc đã đôi mắt với vô số nhà báo, nhiều người trong số họ là phóng viên chiến trường dày dạn, nhưng chưa bao giờ cô trải nghiệm sự đồng cảm của một khán giả trực tiếp. Khi khán giả nhận ra người đứng trước mặt họ là ai, cảm xúc sẽ trào dâng như một cơn lũ. Ngay cả người điều phối, phiên dịch, và cuối cùng là chính Phúc cũng nghẹn ngào. Những tiếng khóc nức nở nhường chỗ cho những giọt nước mắt không thể kìm nén.

Câu hỏi : «Những ảnh hưởng lâu dài của vết bỏng do bom napalm là gì ?»

Trả lời : «Tôi tiếp tục chịu đựng nhiều nỗi đau cả về thể xác lẫn tinh thần. Đôi khi tôi nghĩ mình không thể sống nổi. Tôi bị đau đầu và những cơn đau sâu trong cơ thể... Tôi không biết liệu sức khỏe có cho phép tôi kết hôn hay có con hay không.»

Câu hỏi : «Cô có ghét nước Mỹ không ?»

Trả lời : «Tôi chưa bao giờ dùng từ ‘ghét’. Tôi không bao giờ ghét người dân, vì người dân không liên quan đến chiến tranh. Tôi coi người Mỹ là bạn, và tôi muốn nói chuyện với họ về chiến tranh. Đó là lý do tôi học tiếng Anh, để hiểu họ và để họ hiểu tôi.»

Câu hỏi : «Nếu gặp phi công thả bom napalm, cô sẽ nói gì với anh ta ?»

Trả lời : «Tôi muốn gặp anh ấy, nhưng không phải để nói về chiến tranh. Chiến tranh đã thuộc về quá khứ. Chúng ta không thể thay đổi lịch sử. Chiến tranh thật khủng khiếp, và tôi muốn chấm dứt chiến tranh, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Tôi muốn nói với anh ấy rằng chúng ta phải làm điều gì đó để xây dựng hòa bình.»

Cuối mỗi buổi gặp, mọi người đều vươn tay về phía Phúc như tìm kiếm sự giải thoát. Họ xin chữ ký của cô. Phúc đặc biệt nhớ một cựu chiến binh Mỹ. Ngồi trên xe lăn vì mất một chân trong chiến tranh, anh khóc nức ngay cả khi họ ôm nhau. «Xin lỗi», anh liên tục nói. «Tôi chỉ muốn nói xin lỗi.» Từ The New York Times đăng bài về một nhân viên thanh niên New York gặp Kim Phúc. «Tôi muốn rời đi ngay lập tức», anh nói với phóng viên, «và lên máy bay để kể với bạn bè : ‘Này, cô gái trong bức ảnh đó.’»

Khi lễ hội kết thúc, Phúc cảm thấy mình được đẩy lên sân khấu toàn cầu. Như để xác nhận điều này, khi đoàn Việt Nam tập hợp để trở về Hà Nội, nhà chức trách gọi cô lại. «Em phải ở lại», họ nói. Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) đã chọn cô để tận hưởng một kỳ nghỉ dài một tháng ở Liên Xô, một đặc ân hàng năm dành cho bốn người Việt.

Trong khi chờ ba người khác từ Việt Nam sang, Komsomol đưa Phúc vào ở tại khách sạn Lenin khiêm tốn nhưng thoải mái, gần Quảng trường Đỏ. Khoảng ba tuần sau, một phụ nữ và hai người đàn ông đến cùng cô. Tất cả đều ở độ tuổi cuối năm mươi hoặc lớn hơn, đều là những đảng viên Cộng sản kỳ cựu. Người phụ nữ là bộ trưởng của ủy ban trung ương tại Hà Nội, phụ trách lao động, thương binh và phúc lợi xã hội ; hai người đàn ông là sĩ quan quân đội và biên tập viên các ấn phẩm quân sự. Phúc nhớ tên người phụ nữ từ những bài học lịch sử về các anh hùng cách mạng miền Bắc. Bà bị bệnh về mắt tái phát khiến phải nhập viện ở Moscow, và nhóm bốn người chỉ còn ba.

Hành trình của họ bao gồm các điểm du lịch nổi tiếng - những địa danh ở Moscow, như lăng Lenin ; thành phố kiến trúc Leningrad ; Kiev, thủ đô xinh đẹp của Ukraine; và Sochi, khu nghỉ dưỡng nổi tiếng bên bờ Biển

Đen - cùng những điểm ít người biết đến như Tashkent ở vùng xa xôi Kazakhstan và Yakutsk ở Siberia. Ban ngày, hướng dẫn viên và phiên dịch Liên Xô đưa họ đi tham quan, ghé thư viện và bảo tàng ; ban đêm, họ tham dự các buổi biểu diễn văn hóa, bao gồm nhà hát Bolshoi, Kirov và các buổi hòa nhạc Tchaikovsky.

Điều Phúc thích nhất không phải là hành trình xuyên Liên Xô rộng lớn mà là sự tự do không có người giám sát của chính phủ Việt Nam. Cô có thể thoải mái với những người bạn miền Bắc, những người cũng hào hức gặp một người miền Nam như cô. Ba người họ nhanh chóng trở thành bạn bè. Phúc hỏi ý kiến một người đàn ông về cách đối xử hách dịch của Phương. «Cô ấy là con gái của bộ trưởng ngoại giao ; cô ấy có mọi thứ. Tại sao cô ấy phải đối xử với tôi, người chẳng có gì, như vậy ?» Câu trả lời của một người đàn ông khiến cô suy ngẫm nhiều. «Một nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ có người tốt, mà còn có cả người xấu», ông nói. «Hãy vượt lên trên những người đã đối xử tệ với em. Đừng để Phương chiếm lấy tâm trí em. Hãy giữ mối quan hệ với những người em cho là tốt.»

Cuối tháng 9, Komsomol đề nghị Phúc ở lại thêm vài tháng để thăm các chi nhánh của đoàn trên khắp đất nước. Họ giải thích : «Thanh niên Liên Xô ngày

nay chỉ muốn trở thành người tiêu dùng. Họ lớn lên mà không biết về chiến tranh và đau khổ. Chúng tôi muốn em giúp họ nhận thức để không quên đi.» Vì Hà Nội đã cử cô đến Moscow ngay từ đầu, Phúc đồng ý ngay mà không nghĩ đến việc năm học sắp bắt đầu.

Lịch trình của cô trong những tuần tiếp theo sẽ sánh ngang với một chính trị gia vận động tranh cử. Từ Moscow, cô đi đến nhiều thành phố đã từng đến, ở lại mỗi nơi đến một tuần và thăm các trường học, nhà máy, nông trại. Chủ nhà tặng cô một kỳ nghỉ hai tuần vào cuối tháng 10 tại một trong hơn hai trăm phòng khám và spa trị liệu ở Sochi. Ở những nơi khác tại Liên Xô, thời tiết báo hiệu mùa đông lạnh giá, nhưng ở Sochi, được che chắn khỏi gió bắc bởi những ngọn núi ôm lấy bờ Biển Đen, nhiệt độ ban ngày vào mùa thu có thể lên đến khoảng 70 độ F (khoảng 20 độ C). Từ khách sạn sang trọng đẳng cấp thế giới của Phúc, tầm nhìn là những hàng cọ và bãi biển. Mỗi ngày hai lần, taxi đưa cô đến và rời phòng khám, nơi cô được bác sĩ chăm sóc với liệu trình tắm, massage nước và bôi kem hàng ngày. Mô sẹ của cô từ cứng trở nên mềm mại ; những vùng da bong mất đi màu đen loang lổ và chuyển sang màu hồng trong mờ. Giấc ngủ thư giãn và những buổi đi dạo dọc bờ biển, vào núi giúp cô lấy lại cảm giác ngon miệng. Cô tăng được vài cân rất cần thiết. *Một ngày*

nào đó khi có tiền, mình sẽ quay lại, cô tự hứa.

Khi trở lại Moscow vào tháng 12, giữa các cuộc hẹn, cô bị sốc vì lạnh. Thành phố chìm trong tuyết mùa đông. Nếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Phúc đang tận hưởng tháng 12 và tháng 1 dễ chịu nhất trong năm, khi nhiệt độ trung bình 80 độ F (khoảng 25 độ C) thấp hơn vài độ so với mùa hè. Chủ nhà đưa cô đến cửa hàng bách hóa cao cấp gần Quảng trường Đỏ và trang bị cho cô áo khoác, mũ lông, ủng và găng tay. Tuy nhiên, Phúc đột ngột ngã bệnh. Cô khó thở và bị những cơn đau đầu dữ dội, không dứt.

Chưa bao giờ Phúc sợ căn bệnh do vết bỏng của mình đến thế. Nhà chức trách Liên Xô đưa cô vào bệnh viện ngoại ô Moscow, nơi các chuyên gia hàng đầu chăm sóc giới lãnh đạo Đảng và quan khách nước ngoài. Người nữ bộ trưởng Việt Nam vẫn ở đó hồi phục sau ca mổ mắt. Các bác sĩ thử nhiều phương pháp giảm đau cho Phúc, bao gồm cả châm cứu. Chúng có tác dụng chậm, vì cơ thể cô chủ yếu cần thích nghi với cái lạnh khắc nghiệt. Ngoài việc da bỏng khiến cơ thể thiếu lông chân lông để điều chỉnh nhiệt độ, phổi của cô có lẽ đã bị tổn thương vì sức nóng của bom napalm và không quen với việc hít thở không khí lạnh. Cú sốc có thể khiến các cơ quan nội tạng của cô bị tổn thương vĩnh viễn hoặc dễ

bị suy yếu. Tuy nhiên, đến cuối tháng 1, nhờ nghỉ ngơi, phòng ấm áp, thức ăn ngon và sự chăm sóc tận tình của các chuyên gia và y tá, sức khỏe của Phúc đã cải thiện đến mức cô sẵn sàng xuất viện.

Vài ngày trước khi xuất viện, người giám sát từ đại sứ quán Việt Nam tại Moscow đến đưa cô đến một nhà khách Liên Xô vào buổi tối. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đang ở đó trong chuyến công du Moscow và đã mời cô dùng bữa tối. Trong số hai mươi khách, một số là người Việt nhưng phần lớn là người Liên Xô, Phúc được ngồi ở vị trí danh dự bên cạnh ông Đồng. Họ trò chuyện suốt bữa tối. Khi cô kể về những cơn đau đầu khiến cô phải nhập viện, ông hỏi những câu hỏi mà một bác sĩ có thể hỏi : đau ở đâu ? cảm giác thế nào ? Điều này khiến Phúc nhớ đến nỗi đau của ông về vợ mình. Một lần, khi Phúc đi dạo với con trai ông Đồng là Dương trong khu vườn của biệt thự ở Thành phố Hồ Chí Minh, họ bắt gặp mẹ anh đang đọc báo. Phúc đã nói chuyện với bà ấy, và qua câu trả lời, cô nhận thấy bà có suy nghĩ như một đứa trẻ.

Đồng chuyển sang hỏi người phụ trách của Phúc về quá trình điều trị của cô tại bệnh viện và ý kiến của các bác sĩ ở đó. «Tôi mong cháu sớm khỏe lại», ông nói với Phúc.

Ông chuyển chủ đề sang việc tiếp tục học tập của cô khi trở về Việt Nam. Bất ngờ, ông đưa ra một đề xuất: «Cháu có muốn ở lại Moscow không ? Học đại học ở đây?» Ông nói nhiệt tình về chất lượng giáo dục cao của trường đại học và đặc quyền khi nhận bằng từ Moscow.

Phúc mỉm cười. Cái lạnh chỉ là một trong những điều cô không thích khi sống ở Moscow. Cô cũng có định kiến với mọi thứ thuộc về Nga như hầu hết người Việt. Trong năm tháng ở Liên Xô, cô chẳng buồn học thêm tiếng Nga ngoài từ «spasibo» để cảm ơn. Từ thành phố này đến thành phố khác, hướng dẫn viên Komsomol mua báo và tạp chí có bài viết về chuyến thăm của cô; Phúc chẳng giữ lại tờ nào. Thứ duy nhất cô thích của Nga là trứng cá muối, chỉ vì cô có thời gian làm quen với nó trong những buổi tiếp tân.

Cô cẩn thận chọn lời để trả lời : «Cháu chưa gặp cha mẹ từ mùa hè năm ngoái. Nếu cháu ở lại đây học, cháu sẽ xa nhà năm sáu năm. Thời gian đó quá dài. Cháu muốn trở về Việt Nam.»

Đồng cười, vui vẻ trước lý do cô muốn trở về.

Khi món phô mai được mang ra, ông lấy một phần lớn. «Cháu không ăn phô mai ? Cháu có biết Phạm Thùy Hằng ăn nhiều phô mai không ?» ông hỏi, nhắc đến một

ngôi sao điện ảnh Việt Nam xinh đẹp. «Cháu nên thử ăn phô mai đi», ông nói. «Nó rất tốt cho da.»

Cuối tháng 1, Phúc bay về Hà Nội. Cái lạnh ở đó lại là một bất ngờ khó chịu. Những cơn gió phương Bắc từ Siberia mang theo tuyết và mưa đá đến Moscow cũng mang đến Hà Nội một cơn mưa lạnh lẽo, u ám. Dù nhiệt độ ở Hà Nội khoảng 60 độ F (khoảng 16 độ C), không khí ẩm ướt. Phúc phải ở lại Hà Nội cho đến khi lấy lại được giấy tờ tùy thân, đã nộp khi rời khỏi đất nước.

Với sự đồng ý của Bộ Ngoại giao, Phúc ở nhà mẹ của Minh. Trong chuyến thăm kéo dài một tuần này, Phúc không vui vẻ gì. Ngôi nhà không có hệ thống sưởi. Tường mỏng và cửa sổ không có kính. Phúc không có áo khoác dày hay quần áo nhiều lớp như những người khác ở Hà Nội mặc trong nhà ; cô chợt nghĩ giờ mình có thể dùng chiếc áo choàng màu tím mà Phương đã giữ lại. Thay vào đó, Phúc co ro trong bộ đồ mùa đông Liên Xô.

Phúc đã gặp Minh trong ba tuần ở Hà Nội để chuẩn bị cho lễ hội thanh niên, nhưng tình bạn của họ không tiếp nối như trước. Lúc đó, anh ta thường xuyên đến ký túc xá đến mức mọi người gọi anh là «bạn trai của Kim Phúc.» Phúc bực mình khi nghe từ những người khác ở Bộ Ngoại giao rằng anh ta đang loan tin sẽ cưới cô. Anh

ta không đáp ứng tiêu chuẩn của Phúc về một người chồng tương lai. Cô thấy anh bừa bộn, luôn để mẹ dọn dẹp sau mình, và cái kính khi không được như ý. Một lần anh bật nhạc reggae hết cỡ, một lần khác phóng xe máy âm ỉ. Khi Phúc rời đi Thành phố Hồ Chí Minh, cô vui vẻ bỏ lại không chỉ quần áo Liên Xô, mà Minh cũng nhận lại, mà còn cả bản thân Minh.

Ưu tiên đầu tiên của phúc là gặp giáo viên hướng dẫn. Đã là tháng 2 và ba tuần sau khi học kỳ hai bắt đầu. Cô phải xin trở lại trường để tiếp tục nhận trợ cấp từ văn phòng đối ngoại. Cô cần tiền gấp ; sau một năm rưỡi, số mark Đức của cô đã cạn. «Em hy vọng có thể trở lại mà không gặp rắc rối gì», cô nói lịch sự.

Câu trả lời của giáo viên hướng dẫn khiến cô bất ngờ. «Trường không cho em trở lại.»

«Nhưng, nhưng - » cô áp úng. «Em nhận lệnh từ Hà Nội để đi Moscow...» Cô sẵn sàng cầu xin được quay lại trường.

«Tôi đã xem lễ hội ở Moscow trên TV và các hoạt động của em ở đó.» Ông nói rõ rằng ông chỉ miễn cưỡng chấp nhận cô trở lại. Tuy nhiên, còn một bất ngờ khác. «Em không thể vào năm thứ hai», ông nói. «Em phải học lại năm nhất. Nếu em không nổi tiếng, chúng tôi đã

không nhận em trở lại.»

Việc suýt mất tư cách sinh viên khiến Phúc nhận ra sự ngớ ngẩn của cuộc sống hai mặt. Cuộc sống được nuông chiều khi ở nước ngoài khiến cô quên đi thực tế khó khăn khi ở nhà. Cô buộc phải thừa nhận trường đã rất rộng lượng khi cho cô trở lại. Khi quay lại lớp, cô buồn bã nghĩ về bạn bè đang học giữa năm thứ hai. Cô 23 tuổi và lại học năm nhất, quay về điểm xuất phát, dù là học y khoa, khi cô 19 tuổi.

Ba tháng sau, vào tháng 6 năm 1986, một trợ lý từ Bộ Ngoại giao Thành phố Hồ Chí Minh vô tình tiết lộ với Phúc tin mà anh cho là thú vị : Hà Nội đã chấp nhận lời mời riêng cho Phúc đi diễn thuyết tại Mỹ, và đã lệnh cho Tây Ninh chuẩn bị giấy tờ cho cô.

Vài tuần trước lời mời này, đã có hy vọng quan hệ Hà Nội và Washington ấm lên, cho đến khi chính quyền Reagan làm nguội lạnh bằng cách một lần nữa khẳng định chính sách về MIAS. Tuy nhiên, mười một năm sau chiến tranh, ở Mỹ có mong muốn khép lại quá khứ đau thương về Việt Nam, thể hiện qua các nhóm cơ sở như Dự án Hòa giải Đông Dương, với mục tiêu không tham vọng như bình thường hóa quan hệ, mà chỉ chuẩn bị tâm lý cho người Mỹ về hòa giải. Mục tiêu này có thể hấp dẫn Hà Nội.

Phúc giấu nỗi thất vọng sâu sắc trước một mệnh lệnh khác từ Hà Nội. Vấn đề sức khỏe, tài chính, việc học gián đoạn, Moscow, và giờ - điều này ! Cô sợ phải vắng mặt hàng tuần, có thể hàng tháng ở Mỹ. Và nếu cô lại ốm ? Cô thấy những thất bại học tập lặp lại. Phúc tự nhủ: Đã đến lúc nghiêm túc ! Không lãng phí thời gian nữa. Mình phải tập trung hoàn thành việc học.

Cuối hè, một người phụ trách từ Tây Ninh mang thư của chủ tịch tỉnh Thường đến cho Phúc. Đó là lệnh triệu tập cô đến gặp ông. Việc hẹn giữa trưa khiến Phúc tức giận.

Thường nói thẳng : «Kim Phúc, chúng tôi có lệnh từ Hà Nội chuẩn bị giấy tờ cho em đi Mỹ.» Ông bắt đầu bài giảng. «Chuyến đi này không phải để chữa bệnh như ở Đức. Cũng không phải đi nghỉ như ở Moscow. Lần này, em phải làm việc.»

Nhiều năm qua, Kim bị giằng xé giữa điều cô buộc phải nói và điều cô muốn nói. Thông thường, cô sẽ giả vờ vui vẻ để giấu nỗi buồn. Nhưng lần này thì không. Giọng cô kiên định. «Em không muốn đi.»

Sự sốc trước sự táo bạo của cô nhanh chóng biến thành tức giận : «Cái gì ? TẠI SAO ?»

«Vì em lo cho việc học. Khi trở về từ Moscow, em gặp rắc rối với trường. Họ không muốn nhận em lại. Nếu không phải là em, họ đã không khoan dung như vậy. Em phải van xin mới được trở lại !» Giọng cô đầy bức bối. «Và giờ ? Em lại phải đi nữa ? Không công bằng ! Nếu em đi lần nữa, em sẽ phải học lại năm nhất.»

Lá bài cuối cùng của cô là sự tuyệt vọng. «Xin hãy để em yên mà học ! Khi học xong, em sẽ làm bất cứ điều gì anh yêu cầu. Hoặc em sẽ đi sau khi học xong. Bất cứ điều gì lúc đó, em sẽ đồng ý !»

Chủ tịch tỉnh kiên quyết. «Chuyên đi Mỹ này là công tác ! Em phải đi !»

«Xin hãy hiểu cho em.»

«Đây là lệnh từ Hà Nội. Em phải tuân theo !»

«Không.» Sự từ chối của Phúc khiến Thường sững sốt. Cô tiếp tục. «Em đang gặp rắc rối với trường.»

«Không quan trọng !»

«Em không thể đi. Em phải học xong đã.»

«Em phải đi ! Đây là lệnh của chính phủ. Em thuộc về trường ; trường thuộc về chính phủ. Không thể gây rắc rối ! Em sẽ chờ lệnh về thời gian đi !»

Phúc chán nản lên xe buýt về Thành phố Hồ Chí Minh. Xe chạy xóc nảy trên đường, gió và bụi của hàng trăm chuyến xe tương tự ủa qua cửa sổ mở. Phúc nghĩ về sự trớ trêu của số phận, về việc Việt Nam có nhiều nạn nhân chiến tranh không được báo chí quan tâm, không được ra nước ngoài chữa bệnh, không được đi nghỉ miễn phí. Người khác ghen tị vì cô được hưởng những đặc quyền đó. Phúc đã nghe lời đàm tiếu. «Tại sao lại chọn cô ấy?» một người trong đoàn Việt Nam đã hỏi, đầy bức tức, khi nhà chức trách chọn cô ở lại Moscow nghỉ dưỡng. Lúc đó, cô đã hả hê. Giờ, cô muốn nói : «Được thôi, hãy đổi vị trí cho tôi. Tôi chỉ là nạn nhân. Tôi chỉ là một đứa trẻ. Tôi không làm gì sai. Tôi không muốn được chọn. Tôi không muốn nữa !!»

Ngôi nhà thờ là dấu mốc duy nhất Phúc có thể nhận ra trong cơn bối rối. Cô đến đó hàng ngày để cầu nguyện : «Lạy Chúa, con phải hoàn thành việc học trước đã. Xin hãy giúp con tìm cách để con được tiếp tục học.» Cô cảm thấy cần tâm sự nỗi chán nản của mình với ai đó và tìm kiếm sự đồng cảm từ Hương và Đại. «Tôi đi đây đó, nhưng rồi vẫn phải về nhà», cô nói. «Ở nhà, tôi vẫn chỉ là một học sinh, không có tiền và thiếu gạo.» Họ nhún vai. *Chẳng ai quan tâm, Phúc nghĩ. Tôi phải tự quyết định cuộc đời mình.*

Suốt ba ngày đêm, cô không ngủ. Những lo lắng về tương lai kéo dài theo đêm và bám lấy cô như cái nóng ban ngày. Đến sáng ngày thứ tư, cô đã đưa ra quyết định: cô sẽ viết thư cho Đồng ở Hà Nội và làm theo những gì ông ấy chỉ bảo. Cô sẽ đặt mình vào tay ông.

Phúc không tin tưởng vào bưu điện, sợ rằng bức thư sẽ không đến tay ông hoặc đến quá muộn. Cô tìm được một chuyến đi về phía bắc ; một người bạn của Minh ở Thành phố Hồ Chí Minh biết ai đó đang chờ một chiếc xe của bộ ngoại giao về Hà Nội.

«Tôi có việc ở Hà Nội», Phúc thông báo với người giám sát của mình, cho ông biết rằng cô có thể trễ hạn đăng ký cho năm học đại học sắp tới.

Hành trình về phía bắc diễn ra chậm chạp. Trên xe có bốn người, bao gồm tài xế và hai người khác đi nhờ như Phúc. Tình trạng tồi tệ của những con đường khiến việc lái xe ban đêm trở nên bất khả thi, và cái nóng ban ngày khiến họ phải tìm cách giải nhiệt bằng những lần bơi ở các bãi biển ven biển. Không ai trong số họ quan tâm đến những di tích lịch sử của quá khứ xa xôi hay gần đây, từ những ngôi đền Hindu ở Phan Rang, có từ triều đại của một vị vua thế kỷ XIII, đến những con đường đầy vết tích chiến tranh của cuộc chiến Việt Nam. Bản thân Phúc cảm thấy vui vẻ trước khung cảnh gần thị

trần ven biển Hà Tĩnh vô danh ở miền Bắc Việt Nam trước đây : những ngọn đồi phủ đầy hoa dại, được tô điểm bởi những đám mây trên cao và biển cả phía dưới, gợi nhớ đến phong nền của những câu chuyện tình lãng mạn mà cô đã đọc trước khi chúng bị cấm.

Càng về phía bắc, Phúc càng lo lắng về việc tiêu hết tiền, vì giá đồ ăn và thức uống tăng cao. Một tuần sau khi khởi hành, họ đến Hà Nội. Phúc ở nhà người góa phụ. Cô chuyển bức thư của mình đến trợ lý của thủ tướng. Trong thư, cô giải thích lý do không muốn tuân theo lệnh sang Hoa Kỳ. «Cháu không muốn lãng phí thời gian xa trường học. Cháu đã mất quá nhiều thời gian rồi. Cháu cần sự yên tĩnh để hoàn thành việc học.» Cô đưa ra yêu cầu với Đồng : «Xin ông, ông có thể giúp cuộc sống của cháu được yên ổn không ? Đừng để quá nhiều người thường xuyên đến gặp hoặc xem cháu. Xin hãy giữ các nhà báo tránh xa.»

Dòng cuối cùng gợi lên một ý tưởng mà cô hy vọng có thể thảo luận trực tiếp với Đồng. «Hãy để cháu học ở Việt Nam hoặc nước ngoài, chỉ cần để cháu yên», cô viết. Cô biết điểm số của mình có thể là rào cản để đi nước ngoài, vì chúng chỉ ở mức trung bình. Tuy nhiên, cô cảm thấy mình xứng đáng được đi. Chính phủ đã kiếm đủ tiền từ tôi rồi, cô tự nhủ. Phúc nghĩ rằng khả

năng Hà Nội sẽ gửi cô đi nước ngoài là cao, nếu không vì lý do gì khác thì chỉ vì chính Đồng đã từng đề xuất Moskva. Nhưng Moskva là nơi cuối cùng cô muốn đến; cô tin rằng Hà Nội sẽ quá xấu hổ để yêu cầu Moskva nhận cô làm sinh viên sau khi cô cắt ngắn chuyến thăm ở đó. Hy vọng của cô là sẽ có cơ hội bày tỏ với Đồng mong muốn được sang Hoa Kỳ học tập. Ý tưởng này nảy ra sau khi Ngọc hào hứng nhắc đến một tờ báo Việt Nam đưa tin rằng, sau khi cô xuất hiện tại lễ hội ở Moskva, ba trường đại học Mỹ đã đề nghị nhận cô làm sinh viên.

Vào ngày cô chuyển thư, Phúc nhận được lời mời dùng bữa tối cùng thủ tướng và con trai ông. Khi chỉ còn hai người, cô chờ đợi ông phản hồi về bức thư của mình.

Ông nhẹ nhàng nói với cô lý do tại sao cô phải thực hiện lời mời này. «Có những người ở Hoa Kỳ đang chờ đợi nghe khi nào cháu sẽ đến. Tôi đã đồng ý với chính phủ rằng cháu nên đi.» Ông cố gắng an ủi cô : «Tôi luôn nói với chủ nhà của cháu, ‘Hãy chăm sóc Kim Phúc thật tốt,’ và tôi đảm bảo rằng họ sẽ chăm sóc cháu rất tốt.» Ông đề cập đến sự bất an của cô về sự chú ý không mong muốn từ công chúng. «Mọi người biết rằng cháu là nạn nhân nổi tiếng của chiến tranh. Khi

họ nhìn thấy cháu, họ hình thành mối liên kết giữa họ và cháu», ông nói. «Chính phủ không thể thay đổi điều đó.» Qua giọng điệu của ông, cô biết rằng ông đã kết luận những gì cần nói.

Phúc nói nhẹ nhàng nhưng kiên quyết : «Cháu phải hoàn thành việc học.»

Vị thủ tướng mỉm cười đầy tự hào. Mong muốn của cô là chân thành, ý định của cô là đáng trân trọng.

«Chúng ta sẽ từ chối lời mời đến Hoa Kỳ và, chừng nào cháu còn đi học, chúng ta sẽ giữ các nhà báo tránh xa cháu.»

Phúc nắm lấy cơ hội. «Cháu đã đọc một bài báo ở Thành phố Hồ Chí Minh nói rằng có ba lời mời cho em đi học ở Mỹ.»

Đồng trả lời ngay lập tức. «Hãy quên điều đó đi ; đừng nghĩ đến những lời mời đó.» Điều ông nói tiếp với Phúc đã là một chiến thắng đủ lớn : «Chúng ta sẽ tìm một nơi khác có sự an toàn cho cháu.»

Đó là tháng Mười, và ở hầu hết các quốc gia, năm học đã bắt đầu từ lâu, vì vậy Hà Nội phải nhanh chóng điều tra. Phúc chờ ở Hà Nội để nghe tin mình sẽ được gửi đi đâu. Trong thời gian đó, cứ hai hoặc ba ngày cô

lại dùng bữa tối với Đồng. Ông nói như thể là cha cô, biết rằng ông sẽ không gặp con gái mình trong một thời gian dài ; đó là những lời từ biệt.

«Chuyện giữa cháu và Minh thế nào rồi ?» ông hỏi một lần.

Sự thật là cô đã đóng cửa trái tim mình với người chữa bệnh. Một lần ở Hà Nội, cô đã nhờ Minh gửi một lá thư cho cha mẹ thông báo rằng cô đã đến đó an toàn. Một tuần sau, cô thấy nó vẫn nằm trong cặp của anh. Cô lấy nó ra. «Má ! Con đã nhờ con trai má gửi thư cho cha mẹ con. Hai lần con hỏi anh ấy đã gửi chưa. Hai lần anh ấy nói có.»

Cô đập phong bì xuống bàn. «Lá thư vẫn còn đây. Con trai má thật vô trách nhiệm !»

Người góa phụ bật khóc. «Đó là lỗi của má. Má đã nuông chiều nó. Má muốn con làm con dâu, nhưng má yêu con đủ để chỉ nói con làm con nuôi thôi.»

«Đừng lo, con không ngốc đến mức lấy con trai má đâu», Phúc lẩm bẩm.

Phúc nhận ra rằng Đồng có thể đang nghe tin đồn. Cô nói nghiêm túc, muốn làm yên lòng vị thủ tướng. «Cháu cần một người đàn ông tốt yêu thương cháu»,

cô nói. «Vì sức khỏe của cháu, cháu không phải là một cô gái bình thường. Minh có sự non nớt của một cậu bé. Anh ấy không phải là người đàn ông trong mơ của cháu. Kết hôn với anh ấy sẽ không mang lại hạnh phúc cho hôn nhân hay gia đình.»

Tuy nhiên, ông yêu cầu cô đưa Minh đi cùng lần sau. Trong bữa tối đó, Phúc thoải mái nhất, nói chuyện vui vẻ, cười đùa, ăn uống ngon miệng. Minh thì căng thẳng và hầu như không ăn gì. Lần sau khi Đồng dùng bữa với Phúc, ông nói với cô rằng ông hài lòng với sự phán đoán của cô trong tình yêu. «Tuy nhiên», ông nói thêm, «tôi muốn cháu một ngày nào đó có bạn trai.» Ông đưa ra lời khuyên sâu hơn. «Cháu phải hỏi người bạn trai có thể là chồng tương lai : ‘Anh có hạnh phúc trong hôn nhân ngay cả khi chúng ta không thể có con, hoặc có thể chỉ có một đứa con không ?’» Đây không phải là lần đầu tiên họ nói về con cái. Cô đã từng cho ông xem trang bìa tạp chí in hình cô với một bé gái, người mà chú thích nói là con gái cô. Mặc dù họ cười vì sai sót đó, Đồng đã nói về niềm vui đặc biệt khi làm cha mẹ.

«Chúa sẽ giúp cháu trong tình yêu», Phúc trả lời. «Cháu không thể đi tìm kiếm nó.»

«Được rồi.» Ông mỉm cười. «Tôi chỉ quan tâm đến hạnh phúc của cháu.»

Sau hai tuần chờ đợi, trợ lý của thủ tướng mang tin đến : Hà Nội và chính phủ Cuba đã đồng ý để Phúc theo học tại Đại học Havana. Cô sẽ bay ngay từ Hà Nội, qua Moskva.

Trước khi đến Cuba, Phúc muốn dành vài ngày với cha mẹ, chắc chắn rằng họ sẽ nhớ cô. «Cháu là con gái út trong gia đình», cô giải thích với trợ lý. Ông sắp xếp vé máy bay khứ hồi về Thành phố Hồ Chí Minh và chúc cô may mắn trong cuộc sống mới. «Thời tiết ở Cuba tuyệt vời lắm !» ông nói.

Chương Mười Hai

Chuyến bay của Phúc hạ cánh xuống Havana lúc ba giờ sáng. Cô bước ra ngoài, hít thở bầu không khí đêm mát lạnh và ngẩng mặt đón những hạt mưa nhẹ. Hai hành khách người Việt khác, cả hai đều từ Hà Nội, cởi bớt áo khoác, trong khi những người quản lý người Việt đưa ba vị khách mới đến về khu nhà khách tại đại sứ quán Việt Nam ở Havana. Cặp vợ chồng người Việt làm nhiệm vụ chăm sóc ở đó, đoán rằng những vị khách sau chuyến bay dài sẽ đói bụng, đã chuẩn bị sẵn một bữa ăn nhẹ. Đó là phở, món bún nước của miền Bắc, với nước dùng làm từ thịt bò thay vì thịt lợn như ở miền Nam. Dù đã khuya, không phải lúc để trò chuyện, nhưng Phúc không thể kìm được câu hỏi về đất nước mới mà cô sẽ đến để học tập.

«Ở Cuba thế nào ? Cuộc sống ở đây ra sao ? Người dân sống như thế nào ?»

Người chồng trả lời. «À, họ nói tiếng Tây Ban Nha -»

«Tiếng Tây Ban Nha !» Phúc vừa sững sốt vừa thất vọng.

Khi được thông báo sẽ được cử đến Cuba, Phúc coi đây là một bước tiến chứ không phải lùi. Cô hầu như không biết gì về Cuba, ngoại trừ việc Fidel Castro là lãnh tụ ở đó và những công nhân khách người Việt được gửi đến làm việc trong các nhà máy đường. Tuy nhiên, cô nghĩ rằng Cuba chỉ cách Hoa Kỳ một chuyến đi thuyền, và vì vậy cho rằng người Cuba cũng nói tiếng Anh như người Mỹ. Kim không biết rằng hai quốc gia này đã luôn trong tình trạng thù địch và nghi kỵ lẫn nhau kể từ khi Castro và nhóm du kích của ông lật đổ Tổng thống Cuba, nhà độc tài Fulgencio Batista, vào năm 1959, chấm dứt sự thống trị của các tập đoàn Mỹ đối với nền kinh tế Cuba. Tiếp theo là cuộc đổ bộ Vịnh Con Lợn thất bại vào năm 1961. Một năm sau, Washington và Moscow suýt châm ngòi Thế chiến III với Cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba, một cuộc đối đầu kéo dài 13 ngày về việc Liên Xô chuyển giao đầu đạn hạt nhân cho các căn cứ tên lửa của họ trên đất Cuba. Sau đó, Mỹ áp đặt lệnh cấm vận thương mại với Cuba.

Các đời tổng thống Mỹ tiếp tục củng cố chính sách chống Cuba. Những gì công chúng Mỹ biết về Cuba đến từ Miami, nơi hầu hết người Cuba lưu vong sinh sống sau khi Batista sụp đổ. Rất ít người Mỹ nghĩ đến việc du lịch đến Cuba. Kể từ năm 1983, Mỹ cấm các chuyến bay đến Cuba, và bất kỳ công dân Mỹ nào đến

đó mà không được chính phủ miễn trừ trước có thể gặp khó khăn khi quay lại Mỹ, đồng thời có nguy cơ bị phạt hoặc tịch thu hàng hóa mua tại Cuba.

Trong khối xã hội chủ nghĩa, Việt Nam và Cuba được coi là những người bảo vệ ưu tú của chủ nghĩa xã hội, chỉ sau Liên Xô và Trung Quốc. Chiến thắng của Việt Nam trước chủ nghĩa thực dân Pháp được ca ngợi là một thất bại lịch sử của cường quốc phương Tây, và cuộc cách mạng Cuba được ngưỡng mộ vì thành công mà không cần sự giúp đỡ của Liên Xô. Các quốc gia không liên kết trong Thế giới Thứ ba nhìn thấy ở Cuba của Castro một chiến thắng dân tộc, chống đế quốc. Trong chiến tranh Mỹ tại Việt Nam, Havana là nơi đặt đại sứ quán duy nhất của Bắc Việt ở Tây bán cầu. Người Cuba cũng tổ chức các cuộc biểu tình ồn ào chống Mỹ và ủng hộ Việt Nam tại Havana, và sau chiến thắng của miền Bắc, họ đổi tên nhiều con đường và trường học theo tên các anh hùng cách mạng Việt Nam. Việt Nam và Cuba có điểm chung là cùng bị Mỹ cấm vận, và cả hai đều là thành viên của khối thương mại COMECON do Liên Xô đứng đầu. Cuba gia nhập năm 1976, hai năm trước Việt Nam. Đồng rúp cũng là nền tảng của nền kinh tế Cuba, với việc Cuba trả nợ cho Liên Xô bằng đường tinh luyện và lao động khách.

Phúc cảm thấy suy sụp khi biết rằng cuộc sống hàng ngày và việc học của cô sẽ phải diễn ra bằng một ngôn ngữ mới. Vừa khi cô nghĩ cuối cùng mình có thể tập trung hoàn toàn vào việc học, thì giờ đây cô lại phải lùi thêm một năm nữa, lần này là để cố gắng thành thạo tiếng Tây Ban Nha. Cô không biết rằng ở Hà Nội, tiếng Tây Ban Nha là một ngôn ngữ phổ biến để học ; nhiều sinh viên miền Bắc hy vọng chế độ sẽ cử họ đến một trường đại học ở Cuba. Một lý do là khí hậu của Cuba. Những cơn gió mậu dịch đông bắc làm dịu đi ảnh hưởng của dòng hải lưu Gulf Stream ấm áp. Cứ khi nhiệt độ ban ngày bắt đầu tăng, những cơn gió mậu dịch bắt đầu thổi, và chúng vượt ve thành phố cho đến tận sáng sớm, khiến cho ngay cả trong mùa hè, khí hậu nhiệt đới của thành phố Cuba cũng cảm thấy mát mẻ.

Đại học Havana, nơi đã đào tạo một Fidel Castro trẻ tuổi ngành luật, là trường đại học danh tiếng nhất Cuba. Người chịu trách nhiệm về sự thoải mái và phúc lợi của sinh viên nước ngoài là Maritza Yip. Thấp bé và tròn trịa, với lớp sơn móng tay lấp lánh như một sự thừa nhận về quyền rũ nữ tính, Maritza giống như một người mẹ. Cô có sự đồng cảm đặc biệt với sinh viên gốc Á, vì bản thân cô là con gái của một người cha nhập cư Trung Quốc và mẹ là người Cuba. Cô cũng quen với việc xử lý các vấn đề sức khỏe của nạn nhân chiến tranh, vì chính

sách của trường đại học là chấp nhận sinh viên từ các quốc gia đang trong nội chiến, hoặc nơi Cuba đã can thiệp bằng quân đội và viện trợ, như Ethiopia, Angola và Nicaragua. Maritza đi gặp các giáo viên, nhân viên và bạn cùng phòng tương lai của Kim Phúc, mang theo một bản sao của bức ảnh nổi tiếng mà bản thân cô cũng biết rõ : «Những tội ác của Mỹ được công bố rộng rãi ở Cuba.» Tại Havana, Phúc được biết đến với cái tên Kim. Từ đó trở đi, ngoại trừ ở Việt Nam, bản thân Phúc cũng chọn Kim làm tên của mình.

Cuối mùa thu năm 1986, Kim trở thành sinh viên Việt Nam thứ mười bốn theo học tại Đại học Havana năm đó. Không chỉ là sinh viên mới duy nhất và cũng là người miền Nam duy nhất từ Việt Nam, cô còn là nữ sinh viên đầu tiên sau nhiều năm. Trong khi Hà Nội thường xuyên cử nữ công nhân khách và nữ nhân viên ngoại giao đến Cuba, họ lo ngại rằng nữ sinh viên sẽ làm phân tâm các nam sinh viên Việt Nam, những người có thể dễ dàng sa vào lối sống tình dục thoải mái ở đó và quên mất rằng họ đến Cuba để «học tập chăm chỉ, trở về phục vụ đất nước.» Trường đại học xếp Kim vào khoa dự bị để học tiếng Tây Ban Nha. Trường đại học nằm thuận tiện ở quận Vedado, trung tâm của Havana hiện đại, nhưng viện ngôn ngữ lại ở quận Siboney, một vùng ngoại ô ở rìa tây nhất của thành phố. Hầu hết sinh viên

ở đó là người Cuba năm cuối cấp ba, học ngoại ngữ với hy vọng Cuba sẽ cử họ ra nước ngoài du học.

Kim chưa ở Havana được hai mươi bốn giờ thì sự thay đổi khí hậu đột ngột đã đưa cô vào bệnh viện. Điều đã xảy ra trong lần đầu tiên cô tiếp xúc với tuyết ở Moscow lại tái diễn trong lần đầu tiên cô trải nghiệm những biến động áp suất không khí hàng ngày thường xuyên ở Havana ; cô bị suy nhược nghiêm trọng, đau đầu và đau đớn. Hoảng sợ, người quản lý của cô đã đưa cô đến Bệnh viện Manuel Fariardo dành cho người nước ngoài bằng xe cứu thương. Các bác sĩ ở đó đã kiểm soát được cơn đau của cô, và chế độ ăn giàu dinh dưỡng của bệnh viện với thịt, sữa, sữa chua và phô mai đã giúp cô khỏe lại. Sau vài tuần, Kim được xuất viện với tình trạng sức khỏe tốt hơn khi nhập viện. Cơ thể cô đã thích nghi, và những cơn đau chỉ còn là những cơn nhức đầu thoáng qua hoặc cảm giác ngứa ngáy sâu trong da. Ở Cuba, cô có thể sống mà không đau đớn đến ba tuần liền, và cô không còn phải chịu những cơn nóng bất ngờ như ở Việt Nam, khiến cô phải chạy vội vào tắm.

Maritza cảm thấy tình cảm sâu sắc và lâu dài dành cho Kim. Nhiều năm sau, bà vẫn ngạc nhiên về cô. «Một người đã từng đối mặt với cái chết gần đến thế mà lại

tràn đầy sức sống như vậy ? Luôn tươi cười với tất cả mọi người ?» Khu ký túc xá chính cũng nằm ở Vedado, trên đại lộ Malecón, con đường ven biển dài bốn dặm của Havana, chạy từ cửa cảng dọc theo Vịnh Havana và hướng về phía tây dọc theo Đại Tây Dương. Ký túc xá gồm hai tòa tháp bê tông được xây dựng bởi Cuba và thiết kế bởi Bulgaria, đơn giản nhưng được bảo trì tốt, mỗi tòa cao 24 tầng. Ba tầng đầu tiên dành cho văn phòng, bao gồm văn phòng của Maritza và nhân viên, cùng nhà ăn. Các tầng tiếp theo dành cho nữ sinh, và các tầng trên cùng dành cho nam sinh. Maritza sắp xếp cho Kim ở tầng bốn. Các tầng cao hơn có view nhìn ra biển xanh lấp lánh, nhưng lợi thế của tầng thấp là leo cầu thang không cửa sổ ngắn hơn mỗi khi thang máy hỏng, điều thường xuyên xảy ra. Kim chuyển vào một phòng với bảy bạn cùng phòng. Mỗi tầng có ba phòng, mỗi phòng tám người, và mỗi tầng dùng chung một phòng sinh hoạt chung và một nhà vệ sinh với một bồn cầu, một bồn rửa và một vòi sen.

Hòa, một người đàn ông cao, hói đầu ở độ tuổi bốn mươi, là người giám hộ mới của Kim. Trong thời gian ở bệnh viện Manuel Fariardo, ông là người duy nhất đến thăm cô. Cô cảm kích những chuyến thăm hàng tuần của ông vì cô không có ai khác để nói chuyện bằng tiếng Việt. Khi xuất viện, Hòa đã đón cô và trên đường

đến ký túc xá, dừng lại ở đại sứ quán để lấy một cái ly, một khăn tay và một cái xô nhựa, giúp cô tiết kiệm chi phí mua chúng. Một cái xô (những sinh viên khá giả hơn có hai cái) là vật dụng thiết yếu trong ký túc xá ; hàng ngày, người ta phải lấy nước từ bể chứa trên tầng để tắm và giặt giũ. Nước ở ký túc xá được bật hai lần mỗi ngày, mỗi lần một giờ, và trách nhiệm đổ đầy bể chứa trên mỗi tầng được luân phiên giữa các cư dân.

Những hành động tử tế ban đầu của Hòa bị phai nhạt bởi điều mà Kim coi là nhiệm vụ thật sự của ông : báo cáo nếu cô có bất kỳ sai sót nào. Ba ngày sau khi ở ký túc xá, một bạn cùng phòng báo cáo rằng ông đã đến hỏi những câu hỏi thẳng thừng về việc Kim Phúc đã làm gì. Đã thoát khỏi cuộc sống bị kiểm soát, Kim không muốn bị kéo lại vào vòng kiềm tỏa. Do đó, trong suốt thời gian ở Havana, cô tự «thăm» người giám hộ của mình mỗi hai hoặc ba ngày. Đại sứ quán Việt Nam cách đó mười phút đi xe buýt, ở khu vực Miramar từng là sang trọng, trên một trong những con đường rộng rãi với hàng cây sung và cọ, cùng những chậu cây kiêu Hy Lạp - La Mã. Khi đến gần, giống như những biệt thự cũ khác, đại sứ quán cho thấy sự thiếu bảo trì : nó được chống đỡ ở một số chỗ bằng gỗ, và vỉa hè phía trước là một đường đầy những vết nứt và vũng nước rò rỉ.

Sau khi tan học, Kim sẽ đến đại sứ quán, nhấn chuông ở cổng cao bị khóa và chờ bảo vệ mở cửa. Kim không bỏ qua việc các sinh viên Việt Nam khác ra vào đại sứ quán tự do. Cô cũng nhận thấy họ có người thân hoặc ít nhất là bạn thân làm việc ở đại sứ quán.

Kim và Hòa sẽ vào một phòng có bàn và bốn ghế, liền kề một phòng lớn hơn có tivi, ghế sofa và bàn bóng bàn.

«Em đã làm gì từ lần trước ?» luôn là câu hỏi mở đầu của ông. Thường thì một hoặc hai người khác từ đại sứ quán sẽ tham gia và thỉnh thoảng xen vào một câu hỏi.

Kim nghĩ Hòa thực sự quan tâm, luôn hỏi thăm sức khỏe cô, luôn hỏi : «Em có cần gì không ?» Nhưng ông cũng tò mò, hỏi cô đi cùng ai, hỏi tên. Kim luôn cảnh giác. *Họ không yêu quý tôi vô cớ. Họ biết tôi nổi tiếng, rằng tôi là nhân chứng của chiến tranh.* Khi cảm thấy đã cung cấp đủ thông tin, cô sẽ đứng dậy, đẩy ghế ra và tuyên bố : «Thôi, em phải về học bài đây !»

Du lịch nước ngoài là một đặc quyền ; sống ở nước ngoài lại là chuyện khác. Nỗi nhớ nhà suýt nữa đã khiến Kim gục ngã. Bị cô lập bởi tiếng Tây Ban Nha xung quanh, cô đã khóc vì nhớ gia đình ngay cả trong bệnh viện. Ở ký túc xá, các bạn cùng phòng của cô đều là

người Cuba, ít người nói tiếng Anh, ngôn ngữ duy nhất cô có thể giao tiếp cho đến khi học đủ từ vựng tiếng Tây Ban Nha. Trong khi Kim thích một «cuộc sống yên tĩnh», các bạn cùng phòng lại ồn ào, và cuộc sống tập thể rất náo nhiệt - nhạc rock Mỹ cạnh tranh từ nhiều máy cassette, và các bạn cùng phòng tán gẫu, chủ yếu về bạn trai, đến tận đêm khuya.

Tuy nhiên, Kim đã lên kế hoạch và tìm cách neo đậu cuộc sống mới trong đức tin Cơ đốc. Cô hy vọng sẽ kết bạn ở nhà thờ mới mà cô sẽ tham gia. Giáng sinh đang đến gần. Đây không chỉ là cơ hội để hoạt động tích cực ở nhà thờ, mà Kim còn mong ngóng được nhìn thấy người Cuba trong không khí lễ hội. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, ngay cả những người không kỷ niệm ngày sinh của Chúa Giê-su cũng nhân dịp này đi ra đường.

«Làm ơn cho tôi hỏi nhà thờ ở đâu ?» Kim hỏi một bạn cùng phòng.

«Có vài cái ở Old Havana.»

Đi về phía đông dọc theo Malecón từ ký túc xá, cô tìm thấy thị trấn pháo đài cũ, với những mặt tiền baroque, cột Hy Lạp và vòm La Mã từ thế kỷ XVI. Nó vẫn là một mê cung những con phố nhỏ với những biệt thự và kho hải quân cũ. Trên một trong những quảng trường lát đá

cuối, Kim phát hiện ra nhà thờ nổi tiếng San Cristobal. Có một buổi lễ đang diễn ra, nhưng chỉ có năm hoặc sáu người tham gia, đều là người già, và dễ dàng bị lấn át bởi số lượng khách du lịch đang đi lang thang.

Không có dấu hiệu trang trí Giáng sinh trên đường phố Havana, và Kim bối rối. Cô hỏi một bạn cùng phòng và chỉ biết rằng, giống như Hà Nội, chính phủ Cuba đã xóa bỏ Giáng sinh như một ngày lễ quốc gia. «Tôi có thể tìm thấy những tín đồ Cơ đốc ở đâu?» cô hỏi. «Không ai theo đạo cả», câu trả lời đến. «Không ai muốn làm chính phủ thất vọng.»

Bị đẩy trở lại vào môi trường nước ngoài xa lạ, Kim vật lộn để tìm một chỗ đứng thoải mái. Không biết rằng chế độ ăn ở bệnh viện, với thực phẩm chất lượng cao và số lượng dồi dào, là ngoại lệ. Tiêu chuẩn thấp của bữa ăn hàng ngày ở ký túc xá khiến cô bất ngờ. Thực đơn hàng ngày là cơm với đậu đỏ hoặc đậu đen và súp làm từ đồ thừa của ngày hôm trước. Kim không phải là người duy nhất nhăn mặt trước đồ ăn. Các sinh viên để lại đồng thức ăn thừa trên đĩa, đặc biệt vào những ngày được phục vụ cá, thường đi kèm với trứng, cả hai đều bị người Cuba ghét và cố che giấu mùi vị bằng cách thêm dầu.

Kim giấu Maritza nỗi cô đơn ngày càng lớn và nỗi nhớ gia đình, bạn bè và lối sống Việt Nam. Trong sáu tháng đầu ở Cuba, cô dành phần lớn thời gian để ngủ. Bốn sinh viên nam Việt Nam ở chung một phòng trên một trong những tầng cao nhất, và Kim thỉnh thoảng gặp họ trong nhà ăn, nhưng cô giữ khoảng cách lịch sự. Vào ngày đầu tiên, một người đã chào đón cô, chỉ cho cô quy trình trong nhà ăn, bảo cô đánh dấu tên lên xô và đề nghị giúp đỡ nếu cần. Khi nghe tin cô nhớ nhà, anh cố gắng mời cô đi chơi, nhưng Kim luôn từ chối. Một phần, Kim coi họ, là người miền Bắc, như những người thiếu kinh nghiệm, sống trong vỏ bọc của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, Cuba là lần đầu họ nhìn ra thế giới. Mặt khác, cô thấy trong sự thân thiện của họ sự tò mò giống Hòa. Cô chắc chắn tất cả sinh viên Việt Nam khác nhìn cô với ánh mắt nghi ngờ, vì thông thường, người miền Nam không được cử đi nước ngoài. Và họ phải thắc mắc về mối quan hệ của cô với Phạm Văn Đồng ; vào dịp Tết, ông đã gửi cho cô, qua đại sứ quán, một giỏ trái cây sấy, hạt dưa rang nhuộm đỏ và vài chiếc đèn lồng giấy thường tặng cho trẻ em, hình con cá và ngôi sao.

Thêm vào áp lực của cảm giác là người ngoài cuộc là sự im lặng đáng sợ từ gia đình và bạn bè cô bỏ lại ở Việt Nam. Trong những lần đến đại sứ quán, cô luôn kiểm

tra danh sách thư được giữ lại cho người Việt ở Havana. Chỉ có một người viết thư cho cô : thầy thuốc Minh. Kim không trả lời thư của ông, cảm thấy khó chịu vì giọng điệu đòi hỏi. «Tôi là hôn phu của em», ông viết. «Gửi cho tôi vé đến thăm em.»

Dù không nhận được thư từ gia đình, Kim vẫn tiếp tục viết vào khoảng trống ngày càng lớn. Cô chao đảo giữa sự bức bối và lo lắng. Cha mẹ cô không đủ quan tâm để viết thư sao ? Có chuyện gì khủng khiếp xảy ra với cửa hàng mì không ? Với sức khỏe của họ ? Kim trở nên sợ hãi, tin rằng Tâm ở Tây Ninh đã tìm cách trả thù cho việc cô trốn thoát khỏi ông ta bằng cách hãm hại những người cô bỏ lại phía sau.

Việc chuyển đến Cuba đã mang lại sự cải thiện ngay lập tức trong hai lĩnh vực : chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Cả hai đều miễn phí ; cả hai đều là thành tựu hàng đầu của cách mạng Cuba.

Trước cách mạng, chỉ người giàu mới đủ khả năng chi trả cho dịch vụ y tế tốt, và khi Castro lên nắm quyền, một nửa số bác sĩ của đất nước đã bỏ chạy. Hai thập kỷ sau, Cuba tự hào rằng họ không thiếu trường y, bác sĩ hay bệnh viện, và dịch vụ y tế là miễn phí. Về chất lượng chăm sóc sức khỏe, Cuba đứng đầu thế giới thứ ba ; Havana có khoảng bảy mươi bệnh viện hiện đại

và các trung tâm y tế chuyên sâu. Cuba, xứng đáng với danh hiệu «một đất nước nhỏ bé nhưng có trái tim lớn», đã nhận những đứa trẻ bị thương trong vụ tai nạn tại nhà máy điện hạt nhân Chernobyl đến điều trị y tế vào năm Kim đặt chân đến đây.

Nếu như trước cách mạng, Cuba có tỷ lệ mù chữ lên tới 24%, thì dưới thời Castro, Cuba gần như xóa sổ nạn mù chữ. Từ chỗ 40% dân số chưa từng đến trường, giờ đây Cuba có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới. Học phí đại học được miễn, cùng với sách giáo khoa, bút vở, và cả chỗ ở trong ký túc xá. Hơn nữa, chế độ Cuba còn trả cho sinh viên một khoản trợ cấp hàng tháng, bắt đầu từ hai mươi peso (khoảng năm hoặc sáu đô la Mỹ) và tăng dần theo mỗi năm học. Với việc chi tiêu cẩn thận, khoản tiền này có thể trang trải các chi phí khác như đi lại bằng xe buýt, quần áo và đồ dùng cá nhân. Đời sống sinh viên còn có những tiện nghi khác. Tại ký túc xá của Kim, mỗi tuần sinh viên đổi ga trải giường bẩn lấy bộ sạch, và mỗi tháng nhận phần xà phòng, giấy vệ sinh, kem đánh răng được phân phối, cùng với băng vệ sinh cho nữ giới. Tòa nhà của cô có bốn chiếc TV, phân bổ theo tầng nào thắng trong cuộc thi giữ gìn vệ sinh và trật tự hàng tháng. Truyền hình Cuba phát sóng các bài phát biểu của Castro và chương trình cách mạng,

nhưng cũng thường xuyên chiếu phim Mỹ và các buổi hòa nhạc rock.

Điều gì Kim nhìn thấy về cách mạng Cuba cũng khiến cô ấn tượng. Havana và các vùng ngoại ô xa xôi đều được phục vụ tốt bởi hệ thống giao thông công cộng vừa rẻ vừa hiệu quả. Thời gian chờ xe buýt dưới mái che bê tông tránh nắng mưa chỉ từ năm đến mười phút. Ở Cuba, vì mọi người đều làm việc cho nhà nước, nên không có ai thất nghiệp. Ai cũng có lương và ai cũng có những thứ thiết yếu. Cảnh vô gia cư, cùng cực, ăn xin và bán thiu ở Thành phố Hồ Chí Minh không hề xuất hiện tại đây. Mỗi hộ gia đình Cuba có một sổ tem phiếu để mua những thứ cần thiết như thực phẩm, giày dép, kem đánh răng đến TV từ các cửa hàng phân phối. Người nước ngoài, kể cả sinh viên, mua hàng ở «cửa hàng song song» với giá gấp ba lần so với cửa hàng nhà nước. Nhưng sinh viên nước ngoài cũng nhận trợ cấp gấp ba lần sinh viên trong nước.

Trong khi ở Việt Nam, mọi người đều phải tìm đến chợ đen hoặc chợ tự do, và ai nấy đều bận tâm tìm cách mua bán hợp pháp lẫn bất hợp pháp, coi thường quy định của chế độ, thì người Cuba tự hào về mục đích trong sáng của cách mạng Castro và luôn kính phục lãnh tụ của họ. Lòng trung thành của giới trẻ với «chủ

nghĩa Fidel» mạnh mẽ đến mức sinh viên xa lánh bất kỳ sinh viên nước ngoài nào bị đồn đoán có giao dịch buôn bán riêng.

Ở Cuba, cả giáo viên lẫn sinh viên đều tuân thủ những chuẩn mực đạo đức cao nhất. Giáo viên không dung thứ cho việc vắng mặt hay đi muộn. Sinh viên chú ý đến cả thành tích học tập lẫn tinh thần cách mạng, tránh để lại bất kỳ vết đen nào trong hồ sơ có thể ảnh hưởng đến công việc sau này. Kim thậm chí còn thích tuyên truyền ở Cuba hơn ở Việt Nam. Giáo dục Cuba thấm đẫm lịch sử đa dạng hàng thế kỷ và giàu văn hóa trí tuệ. Còn ở Việt Nam, chỉ toàn những khẩu hiệu về hy sinh và cái chết cần thiết để giành chiến thắng cuối cùng vào năm 1975. Dù Maritza giúp Kim được miễn ba tuần «lao động tình nguyện» bắt buộc mỗi kỳ ở nông trại - cùng với chương trình thể dục và thể thao hàng tuần - việc rời thành phố không phải là hy sinh. Sống trong lán trại tuy khó chịu và thu hoạch rau củ khiến lưng đau nhừ, nhưng sinh viên trở về lại ca ngợi đồ ăn ngon, rượu rum và những bữa tiệc tối với âm nhạc sôi động.

Nhưng số phận đã định đoạt, năm Kim đến Cuba - 1986 - sẽ là dấu chấm hết cho «thời kỳ hoàng kim» của đất nước này. Cô đến muộn sáu năm. Đầu thập niên 1980, khi Việt Nam đang vật lộn thoát khỏi bờ vực sụp

đồ kinh tế, thì điều ngược lại đang diễn ra ở Cuba. Nhờ thí nghiệm của Castro với chợ nông sản tự do, nền kinh tế Cuba liên tục tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, năm 1986, cải tổ (perestroika) và công khai (glasnost) của Mikhail Gorbachev trở thành làn gió thay đổi mạnh mẽ, đảo ngược di sản của Lenin và khiến thế giới cộng sản rung động. Các quốc gia phụ thuộc vào viện trợ Liên Xô nhận ra bài học mới từ câu nói cũ - Moscow bảo «Thắt chặt dây lưng», thì câu trả lời là «Gửi dây lưng tới» - khi Liên Xô bắt đầu cải cách kinh tế và chính trị sâu rộng, bao gồm cắt giảm mạnh viện trợ nước ngoài và xuất khẩu dầu được trợ giá. Một số nước Đông Âu và cả Việt Nam nhận thấy cần phải thực hiện cải cách. Tháng 12/1986, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức đại hội lịch sử, phổ biến thuật ngữ «đổi mới», mở ra thời kỳ «cải tổ». Hà Nội bắt đầu giảm kiểm soát nhà nước với nền kinh tế và bãi bỏ trợ cấp. Và trong thay đổi mạnh mẽ nhất về lãnh đạo Đảng sau 50 năm thành lập, Hà Nội cho ba nhân vật trong Bộ Chính trị nghỉ hưu, trong đó có Phạm Văn Đồng 80 tuổi (ông cũng rời ghế thủ tướng nhưng vẫn làm cố vấn cho chế độ), gửi đi thông điệp về việc trẻ hóa Đảng từ trên xuống.

Cuba là nước duy nhất chống lại cải cách. Castro lên án các nước khác, cáo buộc họ «thoái trào tư bản chủ nghĩa». Năm 1987, ông phát động chiến dịch «Sửa

chữa sai lầm và Đấu tranh chống các Khuynh hướng Tiêu cực», bắt đầu bằng việc đóng cửa các chợ nông sản thí nghiệm thành công. Mọi người dân Cuba sẽ phải trả giá cho việc Castro quay lại với chủ nghĩa cộng sản chính thống. Sự trở lại của những hàng người dài trước cửa hàng phân phối, vốn gần như biến mất đầu thập niên 1980, sẽ đánh dấu sự suy thoái kinh tế. Trái lại, Việt Nam sẽ kiên định chuyển hướng sang kinh tế thị trường, và cuối cùng khôi phục tăng trưởng sau một thập kỷ suy giảm.

Cảm giác cô lập của kim với bạn bè và gia đình giảm bớt sau bảy hoặc tám tháng đến Cuba. Một giáo viên tiếng Tây Ban Nha sắp xếp cho cô chuyển đến ký túc xá ở Siloney, một ngôi nhà cổ sang trọng với khu vườn rợp bóng cây, nằm trong số nhiều ngôi nhà ở Havana bị bỏ hoang khi người Mỹ rời đi sau khi Castro lên nắm quyền. Ngôi nhà chính có sức chứa ba mươi người ; Kim ở phòng đôi yên tĩnh trong nhà phụ, có phòng tắm riêng. Bạn cùng phòng là Yamilen Diaz, cô gái tóc đỏ dài thướt tha, đang học năm cuối cấp ba và học tiếng Nga. Tình yêu của gia đình cô dành cho Cuba dưới thời Castro đã nuôi dưỡng ước mơ được học tại trường đại học ưu tú nhất thế giới cộng sản, ở Moscow.

Ngay từ đầu, Yamilen đã đưa Kim về nhà vào cuối tuần. Gia đình cô sống ở phía đối diện thành phố, một khu dân cư lao động ở phía đông Havana, đến được bằng cách đi qua đường hầm dưới kênh đào cảng. Nhà Diaz là một gia đình gắn bó. Yamilen là chị cả trong hai chị em gái. Bố mẹ cô chỉ lớn hơn chị gái Loan của Kim một chút. Bố Manuel là thợ máy ở nhà máy lọc dầu, còn mẹ Nuria là hiệu phó trường tiểu học, họ tạo thành một cặp đôi đẹp. Ông bảnh bao với mái tóc đen bóng, tất trắng và giày đánh xi ; bà thanh lịch, trang điểm hoàn hảo, tóc hôm nay nhuộm đỏ, ngày mai đen với một lọn trắng trước trán. Ngôi nhà hai phòng ngủ khiêm tốn mà Nuria thừa kế từ ông bà giúp gia đình Diaz có điều kiện hơn nhiều hộ Cuba khác. Họ có thể mua thứ mà ít người Cuba đủ khả năng : một chiếc xe hơi. Manuel tự chế phụ tùng, sửa động cơ chiếc Ford 1957 cho chạy được, sơn lại thân xe và dỡ chuồng lợn làm chỗ đậu xe. Chiếc xe của ông gia nhập dòng xe Mỹ cổ trước cách mạng chiếm ưu thế trên đường phố Havana, nhiều hơn cả xe Moskvitch và Lada của Nga.

Sự lo lắng của gia đình khi lần đầu tiếp đón một người nước ngoài tan biến ngay khi gặp Kim. Sự gắn kết giữa họ nhanh chóng, ấm áp và lâu dài. Người Cuba thường thể hiện tình cảm qua cử chỉ, và gia đình Diaz thấy Kim cũng vậy. Kim gọi Nuria và Manuel là Mami và Papi,

còn họ coi cô như tia lửa thổi bùng lại nhiệt huyết sống. Bản thân Kim thích ngồi dưới gốc xoài trong vườn, lắng nghe tiếng chim hoàng yến hót. Manuel nuôi khoảng hai chục con, nhốt trong chiếc lồng lớn đến mức có thể đặt những lồng nhỏ hơn bên trong.

Kim chỉ nói về Việt Nam khi nhớ nhà da diết. «Gia đình em xa quá, hãy coi nhà chúng tôi như nhà mình», gia đình Diaz nói. Gần một năm sau, Kim mới nhận được thư từ gia đình. Cô thất vọng khi biết tin từ cha đã cũ, thư được viết gần một năm trước. Cô đọc rằng bạn gái Triệu của cô đã kết hôn. *Giờ cô ấy có thể đã có con rồi, mà mình chẳng biết gì !* Kim nghĩ.

Không lâu sau, Kim gặp một tùy viên quân sự Việt Nam tại Havana. Cô thấy ám lòng khi nghe giọng miền Nam. Anh ta kể về vợ con ở Thành phố Hồ Chí Minh - do tiết kiệm chi phí, chỉ những nhà ngoại giao cấp đại sứ mới được đưa gia đình theo - và Kim bật hỏi : «Anh có thường nhận được thư từ gia đình không ?»

«Ồ, một bức thư từ họ», anh đáp, «có thể mất đến một năm mới tới tay tôi.» Kim hiểu. Thư từ miền Nam bị giữ lại để chính quyền Việt Nam kiểm duyệt trước khi chuyển đi, nếu may mắn. Thư từ của cô, như cuộc đời cô, đều bị giám sát.

Gia đình Diaz hiểu Kim là nạn nhân chiến tranh nổi tiếng. Dù cố tránh chủ đề chiến tranh, họ không lãng tránh vết bỏng của cô. Họ thay phiên thoa kem lên lưng đầy sẹo và xoa dịu cơn đau bằng massage. Kim không ngại đưa kem cho Manuel và ngồi vào lòng ông. Nhưng Nuria nhận thấy Kim coi vết sẹo bỏng như gánh nặng của sự xấu xí. Bà quyết tâm giúp Kim có được sự tự tin để nhìn nhận bản thân không phải là một nạn nhân bị bỏng mà trước hết là một người phụ nữ như bao người phụ nữ khác.

Một cách rất tự nhiên, Nuria bắt đầu khuyến khích Kim tham gia cùng gia đình trong một chuyến đi chơi đến bãi biển, nơi vui chơi yêu thích của người Cuba. Ngay cả những phụ nữ lớn tuổi, với vòng hông rộng như Nuria, cũng mặc bikini. «Em phải đi bơi cùng chúng tôi, hoặc ít nhất là đi dã ngoại !»

Rất ít sinh viên Việt Nam tại Cuba thích bơi lội. Họ hào hứng tham gia trại hè hàng năm kéo dài hai tuần do trường đại học tổ chức, nhưng họ sẽ từ chối đi biển vào ban ngày. Họ coi bãi biển là nơi để đi săn cua vào ban đêm.

Hết lần này đến lần khác, Kim từ chối Nuria : «Nắng quá, cháu sẽ bị cháy da.»

Được Nuria hướng dẫn, gia đình vẫn kiên trì. «Chỉ cần bôi kem chống nắng và đội mũ.» Hoặc : «Chúng ta sẽ đi vào cuối ngày, khi nắng dịu hơn.»

«Cháu không thể đi. Cháu không biết bơi.» Cô còn có những lý do khác : «Cháu không có đồ bơi để che vết bỏng.» Hoặc : «Cháu phải nhờ cha mẹ gửi cho cháu một bộ đồ bơi dài tay.»

Gần một năm sau, Kim đã đồng ý. Cô không biết rằng gia đình đã cố tình chọn bãi biển kém hấp dẫn nhất gần Havana, tại Guanabo, cho chuyến đi đầu tiên - một nơi mà những người đàn ông lớn tuổi câu cá từ sóng biển. Một khi Kim đã xuống nước, thật khó để kéo cô lên, và đi biển trở thành chuyến đi chơi yêu thích của cô. Những người phụ nữ nhà Diaz đã mua cho cô một bộ đồ bơi mới, một bộ leotard khiêu vũ màu trắng điểm hoa màu hồng sáng. Chính Kim cũng mua một cặp kính râm màu trắng khổ lớn để phối đồ.

Sự tự tin nở rộ trong tính dục của Kim được củng cố bởi một tình bạn nữ khác mà cô xây dựng tại Cuba. Cô gặp Helen Le, một sinh viên lớn hơn cô vài tuổi, tại một sự kiện xã hội trên lịch ngoại giao của Havana vào năm 1988. Đại sứ Việt Nam mới được bổ nhiệm, Đỗ Tài, và vợ ông đã tổ chức một bữa tiệc cho một nghìn người tại nhà riêng. Gương mặt mới của bộ máy quan liêu Việt

Nam trong thời kỳ đổi mới, Tài là một người uyên bác, có học thức và mới chỉ ở độ tuổi bốn mươi, vẫn đang nuôi dạy con cái.

Helen là một người đẹp sôi nổi và là sinh viên năm thứ hai ngành lập trình máy tính tại Đại học Havana, và cô ấy với Kim rất hợp nhau. Hai người giao tiếp bằng tiếng Tây Ban Nha ; tiếng Việt là ngôn ngữ thứ tư của Helen sau tiếng Punjab, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh. Sinh ra tại Đà Nẵng trong gia đình một doanh nhân Pakistan và một người mẹ Việt Nam, khi chiến tranh kết thúc, cô cùng cha và gia đình chạy sang Pakistan. Khi ông qua đời, người vợ góa của ông chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh và nhận công việc đầu bếp tại văn phòng lãnh sự Cuba. Helen đến Havana nhờ mối quan hệ của một chuyên gia viễn thông Cuba. Cô sống cùng gia đình một chỉ huy quân đội cấp cao của Cuba nhưng dành những ngày cuối tuần với bạn trai người Syria, Mohammed Haitzam. Anh sẽ đi xe buýt bốn giờ từ Santa Clara, nơi anh đang học ngành công nghệ nha khoa, và hai người sẽ thuê một phòng tại khách sạn Habana Libre cao 25 tầng, trước đây là khách sạn Hilton, được xây dựng vào những năm 1950, nhìn ra Vịnh Mexico. Mohammed có ngoại tệ để chi trả ; anh được hỗ trợ rất tốt từ người cha, một nhà bán lẻ giàu có ở Damascus.

Cùng với Helen và Mohammed, Kim tận hưởng hai thú vui yêu thích của người Cuba. Một là đến Coppelia. Chế độ Castro đã xây dựng cửa hàng kem này vào năm 1966 trên đường La Rampa ở Vedado, một con phố trước đây có nhiều khách sạn, hộp đêm và sòng bạc, tiêu biểu cho Havana của những năm 1950 sôi động, thời của những tay gangster và tay chơi cao cấp. Để chứng minh lời hứa của Castro về một cuộc sống tốt đẹp hơn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước trợ giá rất nhiều cho bánh mì và kem ; vào thời Batista, chỉ những gia đình giàu có, có địa vị mới được thưởng thức. Đặt trong một công viên cùng tên, Coppelia có hình dáng như một chiếc đĩa bay và được trang trí với những đôi chân múa ba lê khổng lồ. Nơi đây phục vụ khoảng ba mươi nghìn khách mỗi ngày và có chỗ ngồi trong nhà và ngoài trời cho vài trăm người. Thú vui thứ hai là đi xem phim. Havana có 170 rạp chiếu phim Cuba và quốc tế. Rạp Yara chỉ cách Coppelia vài bước chân. Cả hai đều rất phổ biến với sinh viên tìm kiếm giải trí buổi tối. Giá vé xem phim và giá một bát kem hai viên tại Coppelia là như nhau : một peso, một mức giá không đổi tại Coppelia kể từ ngày khai trương.

Ảnh hưởng lớn nhất của những người phụ nữ này đối với cuộc đời Kim là việc tái tạo hình ảnh bản thân cô. Ở Helen, Kim tìm thấy hình mẫu của một người phụ nữ

độc lập gắn liền với sự phóng khoáng bốc đồng. Mặc dù có bạn trai ổn định, Helen thường có những tuyên bố thoải mái về tình yêu. Là người Cuba, những người phụ nữ nhà Diaz làm điều đó một cách tự nhiên. Được khích lệ bởi cách cư xử tinh tế như một người mẹ của Nuria, và ngưỡng mộ sự bền vững trong hôn nhân của bà trong một xã hội mà ly hôn và tái hôn là chuyện phổ biến, Kim đã mang đến cho Nuria những câu hỏi e dè về tình yêu và tình dục. Nuria và Yamilen cố gắng truyền cho Kim nét quyến rũ nữ tính mà người Cuba gọi là swing. Cuối cùng, Nuria đã chiến thắng. Kim bắt đầu dùng nước hoa và uốn tóc, thường cài tóc sang một bên với một bông hoa lan, và cô bắt đầu tô điểm khuôn mặt với phấn má, son môi và kẻ mắt. Cô vứt bỏ hình ảnh bản thân là một người yếu đuối và xấu xí, và bắt đầu nghĩ về sức mạnh và vẻ đẹp. Nhiều năm trước, trong bóng tối của cửa hàng mì, Nữ đã dạy Kim khi còn là thiếu niên rằng bị kịch đã làm mờ đi triển vọng tình yêu của cô, nếu không phải là hôn nhân. Nơi Nữ nhìn thấy một cuộc sống bình thường cho con gái mình như một thứ gì đó đã bị đánh cắp, Nuria chỉ cho cô thấy rằng nó vẫn nằm trong tầm với.

Sau khi thời kỳ ĐỔI MỚI bắt đầu, những người Việt trở về từ quê nhà xôn xao về việc mọi thứ đang trở nên tốt hơn. Mọi người có cơm ăn quanh năm, họ lại

được ăn thịt, và thậm chí có thể đến nhà hàng. Cái giá của việc rời xa sự kiểm soát nhà nước là lạm phát phi mã (từ năm 1986, khi chương trình đổi mới bắt đầu, cho đến năm 1988, lạm phát hàng năm là con số khủng khiếp 700 đến 1.000 phần trăm), nhưng nơi mà trước đây những người thuộc phe cũ trong Bộ Chính trị sẽ đập phanh, thì giờ đây giới lãnh đạo mới ở Hà Nội đã làm ngược lại và đập ga. Trong các biện pháp nhằm tăng sản lượng lương thực, hàng tiêu dùng và hàng hóa xuất khẩu, Hà Nội đã mạnh dạn cắt giảm trợ cấp nhà nước, cho phép kinh doanh tư nhân hạn chế, giảm bớt kế hoạch hóa tập trung và mở cửa đất nước với đầu tư nước ngoài. Các chính phủ phương Tây, nhận thấy cơ hội thương mại, bắt đầu đánh giá lại chính sách đối với Việt Nam (trừ Hoa Kỳ, lệnh cấm vận vẫn được duy trì).

Trong bức tường của đại sứ quán Việt Nam tại Havana, có những lời nói đầy hy vọng về việc muốn thuyết phục Fidel Castro về lợi ích của cải cách, ca ngợi cách Việt Nam đã biến thâm hụt gạo thành thặng dư xuất khẩu. Bên ngoài đại sứ quán, những lời nói như vậy là không thể nghĩ đến đối với người Cuba. Phàn nàn về Castro hoặc về điều kiện ở Cuba bị im lặng. Với một cảnh sát trên hầu hết các góc phố, một người có thể bị bắt vì tội phản cách mạng, bị buộc tội «nói dối về nền kinh tế.»

Castro tiếp tục quay ngược thời gian. Đến năm 1987, để đáp ứng cam kết với Liên Xô, chính phủ Cuba đã phải mua đường, «vàng trắng» đã mang lại sự thịnh vượng vô song cho Cuba thời thuộc địa. Người Cuba coi sự suy thoái kinh tế là lời kêu gọi đoàn kết ; đây không phải là lần đầu tiên các Ủy ban Bảo vệ Cách mạng (tương đương với các «tê bào» khu phố ở Việt Nam) kêu gọi họ tái cống hiến cho Cách mạng. Đầu tiên, nó có nghĩa là chịu đựng những hàng dài chờ đợi. Tiếp theo, một danh sách mở rộng các mặt hàng được phân phối ; sau đó, hàng hóa chất lượng kém hơn trong các cửa hàng nhà nước. Những dấu hiệu đầu tiên của sự thiếu thốn ngày càng tăng tại ký túc xá đại học xuất hiện trong dịch vụ ăn uống. Đầu tiên, ít sự đa dạng trong thực đơn ; sau đó, khẩu phần ăn thu hẹp.

Tuy nhiên, quan điểm của chính Kim lại tích cực hơn bao giờ hết. Vì cô bắt đầu học tại viện ngôn ngữ giữa kỳ, nên cô không rời đi cho đến cuối năm học tiếp theo. Với sự tự tin mới vào kỹ năng ngôn ngữ và sự tự tin được phục hồi vào sức khỏe, Kim quyết định vào mùa thu năm 1988 lấy lại giấc mơ về một sự nghiệp trong ngành y. Thừa nhận rằng cô không đáp ứng được yêu cầu của một bác sĩ, cô đăng ký vào khoa dược, dự định làm một công việc mà cô nghĩ là tốt nhất tiếp theo, phân phát thuốc cho người bệnh.

Một ngày nọ, ký túc xá bị mất điện. Các sinh viên phải xếp hàng với xô của họ ở tầng trệt, nơi một máy phát điện khẩn cấp bơm nước, và mang xô đầy nước trở lại lên cầu thang. Không có điện, thang máy cũng không hoạt động. Kim bị đau lưng. Các bạn cùng phòng đưa cô đến bệnh viện bằng xe cứu thương, sau đó nhắn tin cho sinh viên đứng đầu nhóm người Việt.

Được đại sứ quán bổ nhiệm vào vị trí đó, Bùi Huy Toàn là sinh viên năm thứ ba ngành tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha tại khoa ngoại ngữ. Danh tiếng về sự hữu ích của anh - anh là người đã tiếp cận Kim vào ngày đầu tiên cô ở ký túc xá để chỉ dẫn cho cô - và trình độ tiếng Tây Ban Nha thành thạo đã khiến anh được các đoàn Việt Nam chú ý như một liên lạc tốt tại Havana. Thường thì những vị khách như vậy, ngày càng thường xuyên dưới thời đổi mới, sợ rời khỏi khách sạn vì lo lắng sẽ bị lạc.

Toàn đến thăm Kim trong bệnh viện. «Lần sau», anh nói với cô, «hãy đợi anh đi học về để giúp em.»

Anh chân thành quan tâm đến phúc lợi của cô. Khi Toàn nghe Kim kể về việc những vết bồng thường xuyên gây ra những cơn đau đầu và đau nhức sâu, anh bắt đầu ghé qua sau giờ học vài lần một tuần để massage lưng cho cô, điều này giúp ngăn ngừa những cơn đau đó. Là

con thứ tư trong sáu người con, Toàn đã học được trách nhiệm từ năm sáu tuổi sau khi mẹ anh qua đời vì biến chứng khi sinh con. Bà đã trì hoãn chuyển đi đến bác sĩ ở một ngôi làng bên cạnh vì không có ai trông những đứa con nhỏ, trong khi chồng bà làm việc cách xa hàng dặm và những đứa trẻ lớn hơn ở trường. Cái chết của bà buộc các anh chị lớn phải bỏ học để ra sông đánh cá giúp nuôi gia đình, để Toàn chăm sóc hai đứa em nhỏ. Cậu nhớ lại những năm tháng ấy như một thời kỳ không bao giờ có đủ ăn, khi những đứa nhỏ không có quần hay giày dép, và không có áo nào khác ngoài chiếc đang mặc trên người.

Bỏ qua sự dè dặt khi kết bạn với người miền Bắc, Kim chấp nhận lời mời của Toàn tham gia cùng cậu và nhóm bạn. Họ bị cuốn hút bởi nụ cười của cô, và mê mẩn bởi giọng nói miền Nam. Toàn gọi cô là «Mỹ nhân», như thể cô là gia vị làm sống động nhóm toàn nam. Khi ban quản lý ký túc xá chuyển Kim sang tòa tháp khác, cậu xin đi theo để có thể ở gần cô hơn nếu cô cần giúp đỡ.

Toàn hai mươi tám tuổi, hơn Kim ba tuổi. Trong những cuộc trò chuyện về cuộc sống họ bỏ lại ở Việt Nam, cậu nhắc đến một cô gái ở Hà Nội đang chờ cậu trở về để kết hôn. Với Toàn, sự quan tâm ban đầu đã nở

thành tình yêu. Cậu nói với Kim rằng đó không phải là sự phản bội cô gái ở Hà Nội ; cậu đã không nhận được tin tức từ cô ấy hơn một năm. Một tuần sau, một bức thư đã đến.

Riêng tư, Toàn đau khổ. *Tôi không thể yêu hai người cùng lúc.* Sau nhiều đêm mất ngủ, cậu quyết định : *Tôi không thể mang thêm đau khổ cho Kim.* Cậu viết thư cho bạn gái ở Hà Nội. Cậu cố gắng an ủi, nói rằng những người khác đến Cuba đã yêu «những cô gái Cuba xinh đẹp, giàu có» nhưng trường hợp của cậu không như vậy. Thay vào đó, việc giúp đỡ «cô gái là nạn nhân của bom napalm» đã vô tình khiến trái tim cậu hướng về tình yêu.

Trải nghiệm của Toàn với chiến tranh là sống dưới bầu trời đầy lo âu. Gia đình cậu từ làng chài nghèo khó Vi Thanh, cách Hà Nội ba mươi dặm. Máy bay Mỹ liên tục quay lại để đánh bom hai mục tiêu : một đường ray cách đó hơn một dặm về một hướng, và khoa kỹ thuật của một trường đại học cách đó hai dặm về hướng ngược lại. Nhiều khoa từ các trường đại học Hà Nội đã di chuyển đến đây để tránh bom. Chỉ một lần ngôi làng bị trúng bom, khi một quả tên lửa, được cho là rơi từ trời trong một trận không chiến, đã giết chết một người mẹ và ba đứa con vừa ngồi xuống ăn bữa trước túp lều

của họ.

Nhưng nếu không vì sự bất tuân của Toàn với cha, có lẽ cậu đã không bao giờ là sinh viên đại học. Khi người anh trai lớn tuổi hơn gia nhập quân đội Bắc Việt, người cha ra lệnh cho Toàn bỏ học để giúp nuôi gia đình. Bị bắt gặp lén đi học, Toàn thuyết phục cha cho phép cậu đánh cá nửa ngày và đi học nửa ngày. Cậu được miễn đi lính nhờ lời cầu xin của cha rằng ông không muốn mất thêm một người con trai nữa trong chiến tranh - nhiều năm trôi qua không có tin tức từ người anh trai, và gia đình sợ rằng anh đã chết (hai năm sau khi miền Bắc «giải phóng» miền Nam, anh trở về, bệnh nặng vì sốt rét). Toàn là người duy nhất trong số anh chị em tốt nghiệp trung học, và một trong ba người từ trường trung học của cậu vượt qua kỳ thi tuyển sinh. Chế độ cấp học bổng cho cậu đến Cuba.

Sau khi chuyển đến Siboney, Kim bắt đầu đưa Toàn đến nhà Diaz. Cậu thích công ty của Manuel. Hai người thường chơi domino và chia sẻ rượu rum, xì gà rẻ nhưng ngon. Đôi khi, Kim và Toàn mua những nguyên liệu châu Á có thể tìm thấy để Toàn nấu cho gia đình một món Việt Nam ; một lần cậu nấu canh xoài từ vụn thu hoạch của cây nhà họ. Cậu kể lại một câu chuyện đạo đức từ miền Bắc Việt Nam : một người chồng lo lắng

cả ngày về việc vợ mang thai thêm một quả xoài, nhưng một quả xoài có giá bằng một tháng lương. Cuối cùng, anh về nhà tay không, và khi biết vợ đã sảy thai, anh cảm thấy biết ơn vì đã tiết kiệm được tiền.

Gia đình Diaz trêu chọc Kim về «bạn trai» mới của cô. Cô bển lên : «Anh ấy là người bảo vệ em.» Cô thú nhận điều ngược lại trong một bức thư gửi Phạm Văn Đồng. Ông viết lại : «Bác rất vui khi nghe cháu có BẠN TRAI !» Từ này mang ý nghĩa hoàn toàn khác ở Việt Nam so với ở Cuba. Ở Cuba, nó liên quan đến một nghi thức trưởng thành. Nhiều gia đình Cuba tổ chức tiệc ra mắt cho con gái khi họ tròn mười lăm tuổi, độ tuổi họ có thể bắt đầu đời sống tình dục công khai mà không bị gia đình chỉ trích. Trong ký túc xá sinh viên, phụ nữ và đàn ông ở trong phòng của nhau khi bạn cùng phòng vắng mặt. Kim thấy buồn cười khi nghe bạn cùng phòng Cuba tuyên bố «Em sẽ yêu anh mãi mãi» với bạn trai, chỉ để bỏ họ vì người khác vào tuần sau. Ở Việt Nam, một chàng trai và cô gái có thể đi chung xe máy, nhưng quy tắc xã hội đòi hỏi sự thể hiện tình cảm duy nhất nơi công cộng là nắm tay, và chỉ khi họ đã đính hôn. Người Việt ở Cuba, đặc biệt trong nhiệm kỳ của Đại sứ Tài, đã công khai quan hệ tình cảm với người Cuba, bất chấp vợ và gia đình ở lại Việt Nam. Tuy nhiên, Kim vẫn quyết tâm giữ mình cho đến tận hôn. Cô có cảm

giác ham muốn với Toàn, mà cô cho là do «sự cô đơn.» Cô cầu nguyện với Chúa : «Hãy ở bên con và giữ con xa khỏi quỷ dữ.» Sự cảnh giác của cô kiểm chế cảm dổ. Nếu mình có thai thì sao ? Nếu bạn trai bỏ mình thì sao? Cô chỉ cần nhắc nhở bản thân : Trường hợp của mình đặc biệt.

Trong học kỳ đầu tiên học được, Kim làm việc chăm chỉ để đạt thành tích trung bình. Sau đó, vào năm mới, trong kỳ nghỉ giữa học kỳ một và hai, cô đến gặp y tá trong ký túc xá về vấn đề phát ban ở vùng sẹo. Y tá gửi cô đến một chuyên gia. Ông cho rằng vết bỏng của Kim có thể khiến da cô nhạy cảm với hóa chất trong phòng thí nghiệm. Vừa trở lại trường, cô gặp vấn đề sức khỏe nghiêm trọng hơn nhiều.

Một buổi sáng, Kim đi cùng Helen đến tiệm may tư nhân. Kinh doanh tư nhân là bất hợp pháp trong nền kinh tế quốc hữu hóa, nhưng Helen có đủ loại mối quan hệ - thợ may và thợ làm đẹp hành nghề tại nhà ; bác sĩ tư vấn ngoài giờ ; nguồn cung cấp lụa và vải ngoại nhập cao cấp không có ở Cuba. Kim đã tận dụng các mối quan hệ của Helen với các cố vấn Cuba đi và đến Việt Nam. Giờ đây, cô hiếm khi dùng bưu điện để gửi thư cho gia đình, thay vào đó nhờ các chuyên gia Cuba đến các nhà máy đường ở tỉnh Tây Ninh, mà hành trình

lên Quốc lộ 1 sẽ đưa họ qua quán mì của mẹ cô ở Trảng Bàng. Kim sớm tận dụng hệ thống gửi thư này để gửi lời cảnh báo đến anh trai Ngọc. Những bức thư của anh là một chuỗi phần nộ chống lại cán bộ ở Tây Ninh, một danh sách phàn nàn khi anh kể lại nỗ lực kiếm đủ tiền nuôi vợ con thất bại mới nhất. «Nếu anh có miệng lớn, sự tức giận sẽ tuôn ra», Kim viết. «Tức giận chẳng giúp ích gì ; nó sẽ mang nguy hiểm đến tính mạng anh.»

Trên đường về từ tiệm may, Helen và Kim dừng lại ăn kem ở Coppelia. Vào thời điểm tốt hơn, thời gian chờ giữa trưa là mười lăm phút. Nhưng khi nền kinh tế Cuba tiếp tục suy thoái, giá cả tăng trong khi chất lượng giảm ở các cửa hàng tem phiếu, tô kem một peso ngày càng trở thành món hời. Hôm đó, hàng người dài ngoằn ngoèo ra khỏi công viên. Sau hai tiếng chờ đợi, khi Kim và Helen cuối cùng có bàn, họ quyết định tận hưởng tối đa. Kim, người chưa ăn sáng hay trưa, đã ăn mười tô kem hai viên. Helen cũng vậy. Kỷ lục của sinh viên là năm mươi viên trong một lần ngồi. Hai người rời cửa hàng trong trạng thái chệnh choáng, say vì đường.

Vào lúc bình minh ngày hôm sau, như thường lệ, tiếng động của những cư dân đầu tiên cố gắng tranh phòng tắm đã đánh thức Kim. Giữa mùa đông, khi độ ẩm từ biển buổi sáng mang theo chút lạnh, thói quen

của Kim là quần chần quanh người và trở mình ngủ thêm. Sáng hôm đó, cô giật mình khi thấy chần ướt đầm mồ hôi. Kim ngồi dậy. Cô cảm thấy chân bị chuột rút. Căn phòng bắt đầu xoay tròn. Sợ hãi, cô gọi cô gái ở giường tầng trên. Giọng cô lè nhè. Bạn cùng phòng gọi xe cứu thương.

Bác sĩ chẩn đoán tiểu đường. Triệu chứng rõ ràng là việc Kim đổ mồ hôi nhiều do đường huyết tụt. Việc thiếu lỗ chân lông và tuyến mồ hôi ở vùng da ghép rộng khiến nhiệt bị giữ lại trong cơ thể - do đó gây chuột rút. Ý kiến y tế cho rằng bệnh tiểu đường của Kim là hậu quả của cú sốc lớn từ vết bỏng napalm, và thuộc loại triệu chứng không xuất hiện cho đến nhiều năm sau khi khởi phát. Hai tuần sau, Kim trở lại lớp học, kiểm soát bệnh tiểu đường bằng cách tiêm insulin hàng ngày. Hai tháng sau, cô quay lại kiểm tra tại một viện chuyên điều trị tiểu đường. Các chuyên gia kết luận rằng cô là ứng viên tốt để kiểm soát bệnh bằng chế độ ăn. Cô ở lại viện ba tuần, rời đi với kế hoạch ăn uống gồm thực phẩm ít béo và giàu protein, yêu cầu cô ăn vật thường xuyên. Miễn là tuân thủ nghiêm ngặt, cô có thể bỏ tiêm insulin và tránh một cơn tấn công khác.

Tuân thủ chế độ là không thể với giờ ăn cố định và thực đơn của ký túc xá. Vào thời điểm tốt hơn, sinh viên đến muộn giờ ăn chỉ cần vào bếp lấy đồ thừa. Giờ đây, thức ăn hết trước giờ đóng cửa. Thịt và cá, vốn đã hiếm khi được phục vụ, trở nên hiếm hơn. Nếu có cá, sinh viên không còn né tránh. Điểm nhân duy nhất là những ngày, khoảng mỗi tháng một lần, khi hamburguesas, được làm đầy bằng vỏ bưởi, được phục vụ. Giới hạn là một chiếc. Khi sinh viên đến đầu hàng, họ ăn vội chiếc bánh rồi xếp hàng lại, hy vọng đến lượt lần nữa trước khi hết.

Nếu Kim là người Cuba, nhà nước hẳn đã cấp cho cô phiếu tiếp tế đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu đường của mình. Maritza đã ra tay giúp đỡ, cho Kim mượn bếp điện của nhân viên, đồng thời sắp xếp để đầu bếp tại ký túc xá dành riêng cho cô một ít thức ăn, gạo và dầu mỗi vài ngày. Toàn dạy Kim những nguyên tắc nấu ăn cơ bản. «Mẹ em nổi tiếng vì nấu ăn ngon mà,» anh trêu đùa, «vậy mà em còn chẳng biết nấu cơm?» Tuy nhiên, ký túc xá chỉ có thể thường xuyên cung cấp cho Kim chút gạo, ngô và bí đỏ, chứ không có đạm mà cô cần.

Cô đã kêu gọi đại sứ quán Việt Nam. Hòa đã trình bày vấn đề với Đại sứ Tài. Vị đại sứ đã chấp thuận một thỏa thuận cho phép Kim mua sắm tại diplotienda, các

cửa hàng một cửa, nơi được cung cấp đầy đủ các loại thực phẩm chất lượng cao trong nước và nhập khẩu, bao gồm thịt gà đông lạnh tái xuất từ Mỹ, cá đông lạnh từ Canada và phô mai từ châu Âu. Họ cũng có đủ loại hàng hóa, từ nghệ thuật trang trí Cuba đến kem đánh răng và quần áo, máy nghe nhạc và tivi. Mỗi cửa hàng đều có một nhà hàng trong khuôn viên. Vì diplotienda chỉ chấp nhận peso đỏ (đồng tiền ngoại tệ của Cuba), đại sứ quán sẽ đổi một nửa khoản trợ cấp hàng tháng bằng peso nội địa của Kim sang peso đỏ, và cứ hai hoặc ba ngày, cô sẽ đi cùng một nhân viên đại sứ quán đến đó, người có thể thanh toán cho những món cô chọn. Ngoài việc mua thịt, phô mai, trứng và sữa chua, Kim đôi khi cũng chi tiêu thoải mái cho dưa chuột, rau diếp và cà chua. Nửa còn lại của khoản trợ cấp, cô dùng để mua chuối, đậu và các loại bánh kẹo cần thiết để phòng trường hợp khẩn cấp do bệnh tiểu đường.

Cô tự nhận thấy rằng, vì bệnh tiểu đường, sức chịu đựng của cô không còn như trước. Maritza, trong cuộc trò chuyện thường lệ vào giờ ăn trưa với nhân viên bảo vệ ở sảnh, cũng nhận thấy Kim thường xuyên trở về sau các lớp học buổi sáng để nằm nghỉ. Khi cô không xuất hiện kịp giờ cho các lớp học buổi chiều, Maritza lo lắng đã cử người đến kiểm tra. Đôi khi, Kim không tỉnh táo lại cho đến lớp học thí nghiệm buổi tối. Và một vấn đề

sức khỏe dai dẳng vẫn còn đó - phát ban của Kim ; các bác sĩ tiếp tục nghi ngờ việc tiếp xúc với hóa chất trong công việc phòng thí nghiệm là nguyên nhân.

Kim đã đi đến một quyết định. *Tôi đầu hàng !* cô tự nhủ. *Tôi yêu y học, nhưng đó không phải là số phận của tôi.* Biết rằng mình sẽ không tiếp tục theo đuổi ngành dược, cô đã không hoàn thành học kỳ đó. Cô hướng mục tiêu đến năm học tiếp theo, dự định vào mùa thu năm 1989 sẽ đăng ký vào khoa ngoại ngữ để học tiếng Anh. Một lần nữa, cô sẽ là sinh viên năm nhất. Cô đã hai mươi sáu tuổi. Cô không còn thấy những sự xao nhãng, không còn những bước lùi trên con đường đến tương lai của mình. Trong vòng năm năm nữa, cô sẽ trở về quê hương Việt Nam. *Tôi sẽ kiếm một công việc, có thể kết hôn, có thể không ; tôi sẽ xây dựng cuộc sống bình thường ở đó,* cô tự nhủ.

Chương Mười Ba

Đầu mùa hè năm 1989, Đại sứ Tài triệu tập Kim. Thông báo của ông ngắn gọn, cuộc gặp của họ cũng vậy. «Một số người ở Mỹ muốn mời em sang thăm. Chính phủ Việt Nam cho rằng điều này là tốt, nên chúng tôi đồng ý để em đi. Em sẽ chờ chúng tôi chuẩn bị giấy tờ. Chúng tôi sẽ thông báo ngày đi.»

Đúng như lời của Phạm Văn Đồng, cuộc sống của Kim ở Cuba vẫn «yên ắng» trước sự hiện diện của các nhà báo nước ngoài, điều này không khó vì hầu như không có người Mỹ nào đến đó. Nhưng sự hiện diện của cô ở Havana không phải là bí mật với công chúng Cuba ; đã có một bài báo trên trang nhất của tờ Gramma, nhật báo của Đảng Cộng sản. Cuộc phỏng vấn đó bắt nguồn từ yêu cầu của một nữ sinh viên báo chí Angola, và Kim - với sự có mặt của Hòa như thường lệ - đã đáp ứng yêu cầu của chủ nhà Cuba mà không cần suy nghĩ. Kim lại xuất hiện nổi bật trong một chương trình truyền hình thiếu nhi của Cuba để kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ, và phát biểu tại một buổi tiếp tân vinh danh một nhà làm phim Cuba. Nhưng vì lo lắng về vốn tiếng Tây Ban Nha chưa hoàn hảo, Kim khá thích thú với những dịp này. Người Cuba tò mò muốn gặp một người từ Việt Nam,

và họ bị thu hút, dù bối rối, bởi nụ cười rạng rỡ và tiếng cười của cô, ngay cả khi cô nói về chủ đề chiến tranh.

Tuy nhiên, cô đã đoán rằng sự quan tâm của nước ngoài dành cho cô chưa kết thúc. Trong ba năm qua, ba hoặc bốn lần, trong những lần thăm Hòa đều đặn hai hoặc ba lần một tuần, ông đã đặt trước mặt cô bản gốc của một lá thư từ nước ngoài, và bên cạnh là bản nháp thư trả lời, mà ông yêu cầu cô ký. Tất cả đều là những đề xuất từ phương Tây, thường là Mỹ, và mỗi lá thư đều mong muốn cô tham gia hoặc cho phép sử dụng tên của cô cho một dự án nhân đạo. Kim không buồn đọc kỹ các lá thư, chỉ chú ý đến dòng mở đầu thư trả lời của cô : «Tôi rất tiếc vì không thể gián đoạn việc học của mình...»

Kim nghi ngờ rằng đại sứ quán ở Havana có xu hướng từ chối tất cả lời mời, nhưng lần này Hà Nội đã quyết định rằng cô sẽ chấp nhận. Lần trước khi họ ra lệnh cho cô đi Mỹ, cô đã không muốn đi vì cô đã kiệt sức, không thể chịu đựng thêm một sự gián đoạn nào nữa trong việc học. Tuy nhiên, ở Cuba, hết lần này đến lần khác, cô phải đối mặt với những thất bại liên tiếp, đầu tiên là việc phải học tiếng Tây Ban Nha, sau đó là vấn đề sức khỏe, khiến cho việc học của cô hầu như không tiến triển so với khi mới đến. Lần này, Kim hoan nghênh

mệnh lệnh đó.

Ngoại trừ lần đầu tiên trong các cuộc phỏng vấn, khi cô dám hỏi một thông dịch viên tại sao câu chuyện của cô lại thu hút nhiều sự chú ý của truyền thông - anh ta trả lời rằng cô là «tin nóng» - bản thân cô đã không tìm kiếm câu trả lời để giải thích những mệnh lệnh của chế độ. Nhưng trong một chế độ mà việc đặt câu hỏi có thể bị coi là hành vi phản động, việc giữ im lặng là vấn đề sinh tồn. Kim cũng từ lâu đã từ bỏ phần lớn sự tò mò trí tuệ về câu hỏi «Tại sao ?». Được làm mới tinh thần nhờ trải nghiệm những lời cầu nguyện đầu tiên với Chúa, cô đã đặt một góc nhìn mới cho sự đau khổ của mình. Quả bom napalm là điều không biết trước, không ngờ tới, và là một «tai nạn», nhưng cô tin rằng Chúa, khi thấy cần, sẽ mang đến những «tai nạn» khác trong cuộc đời cô để bù đắp những đau khổ và điều ác do quả bom gây ra ; những «tai nạn» này sẽ là những người tốt, những người xa lạ, muốn làm những việc tốt. Bằng chứng đầu tiên là Perry Kretz ; thứ hai là Phạm Văn Đồng. Chuyến đi này, Kim chắc chắn, là một dấu hiệu từ thiên đường rằng đã đến lúc một cánh cửa mới mở ra trong cuộc đời cô, để mọi thứ trong cuộc sống của cô và gia đình có thể thay đổi tốt đẹp hơn.

Kim rời văn phòng của đại sứ, tâm trí tràn đầy những khả năng. Bất kỳ người Việt nào đi du lịch hoặc sống ở nước ngoài đều tận dụng mọi cơ hội để cải thiện cuộc sống của họ và gia đình trước khi trở về. Dù có bao nhiêu ước mơ giúp đỡ người khác, trong thời gian ở Cuba, cô đã không thể giúp đỡ những người thân yêu ở nhà. «Gửi tiền hoặc bất cứ thứ gì nhỏ,» Ngọc viết liên tục. Cô phớt lờ yêu cầu của anh ; tốt hơn là không phải từ chối. Ngọc vẫn kiên trì, trách móc em gái : «Em có nghĩa vụ phải chăm sóc gia đình !» *Làm sao để anh hiểu, Kim tự hỏi, rằng không có người Cuba nào gửi tiền hoặc hàng hóa ra nước ngoài ? Rằng họ dựa vào người thân ở Mỹ để giúp đỡ ?*

Ngọc là người cô viết thư khi muốn chia sẻ tin vui về chuyến đi sắp tới với gia đình. Khi chờ đợi lệnh đi, sự háo hức của cô ngày càng tăng : một khi người Mỹ nghe cô kể về những khó khăn về sức khỏe và gia đình, họ sẽ giúp đỡ. Tuy nhiên, khi ở cùng các nhà ngoại giao tại đại sứ quán, cô kiềm chế sự hào hứng bên ngoài. *Tất nhiên, cô tự nhắc mình, tôi đi dưới sự kiểm soát của họ.* Dù điều tốt nào đến với cô, tốt hơn là với Hà Nội, cô phải tỏ ra vô tội, một nạn nhân của thiện chí. Cô cũng nhắc nhở bản thân rằng chuyến đi của cô chắc chắn có sự chúc phúc của Phạm Văn Đồng. *Cô sẽ không làm ông thất vọng : Tôi sẽ làm hết sức mình ở Mỹ.*

Vào một buổi chiều cuối tháng Bảy, Kim đứng nhìn từ cửa sổ tầng cao của khách sạn Habana Riviera trên đại lộ Malecón xuống bãi đỗ xe bên dưới. Khách sạn, sòng bạc và hộp đêm cao hai mươi tầng bằng đá cẩm thạch và kính này được xây dựng vào năm 1958. Với màn khai mạc của Ginger Rogers, trong thời kỳ đỉnh cao, khách sạn là biểu tượng của kiến trúc hiện đại, với nội thất được thiết kế để vượt xa sự hào nhoáng của Las Vegas.

Kim đã chờ đợi tại khách sạn từ chín giờ sáng. Cuối cùng, cô nhìn thấy một chiếc xe tải nhỏ lái vào và đỗ. Trong số hành khách có hai người phương Tây, hai người Cuba và ba người Việt Nam. Trong số đó, cô nhận ra hai người từ đại sứ quán. Người đàn ông thứ ba mới là người cô quan tâm. Thân hình rắn chắc nhưng đầy đặn của anh gợi lên hình ảnh một người đến từ đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam Việt Nam.

Trong nhóm đến còn có ba nhà báo Mỹ. Cuba đã cấp cho họ thị thực 24 giờ, như thường lệ, với thời gian thông báo vừa đủ để họ chộp lấy bản chải đánh răng và lao ra sân bay. Ba người họ đã đến vào nửa đêm, đi đường vòng từ Los Angeles do lệnh cấm các chuyến bay thẳng từ Mỹ đến Cuba. Đại sứ quán Việt Nam đã sắp xếp buổi phỏng vấn với Kim Phúc vào lúc chín giờ

sáng hôm đó nhưng không nói rõ địa điểm. Vì là Chúa nhật và cũng là ngày lễ của Cuba, Ngày Tử đạo Cách mạng, phải mất nhiều giờ trước khi các cuộc gọi của nhà báo đến đại sứ quán được trả lời. Cuối cùng, lúc hai giờ rưỡi chiều, họ đến Riviera.

Hai trong số các nhà báo đại diện cho The Los Angeles Times, một người viết bài, một người chụp ảnh. Tờ báo đã tổ chức chuyến đi như một hoạt động bí mật. Nỗi lo lớn nhất của họ là các phương tiện truyền thông khác có thể nhận ra nhà báo thứ ba. Đó là Nick Út, nhiếp ảnh gia từ văn phòng Los Angeles của Associated Press, và tờ báo đưa anh đến Havana để đoàn tụ với nhân vật nổi tiếng của mình, Kim Phúc, lần đầu tiên kể từ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc.

«Ôi ! Em cần gặp người đàn ông đó !» Kim đã reo lên đầy phấn khích khi đại sứ quán thông báo. Cô nói muốn cảm ơn anh vì đã cứu mạng mình bằng cách đưa cô đến bệnh viện, mà không nhận ra rằng, dù cô không nhớ sự việc đó, anh đã gặp lại cô ở Trảng Bàng sau vụ tấn công bằng bom napalm.

«Chú Út, cháu rất hạnh phúc», cô khóc nức nở. «Cháu đã chờ mười bảy năm để gặp chú !»

Nick ghen ngào không nói nên lời trong nhiều phút. Thường thì anh hay cười và thân thiện với bất kỳ ai anh quen và thích, cử chỉ của anh càng trở nên đáng yêu hơn bởi thân hình nhỏ nhắn, nhưng hôm nay, Nick lại lo lắng, thậm chí bồn chồn trước sự hiện diện của hai người giám sát người Việt. *Gã nguy hiểm*, Nick nghĩ về một trong hai người miền Bắc.

Trong bữa tối, Kim thoải mái nói về việc mình ít được biết đến ở quê nhà. «Ở Việt Nam, họ nói rằng tôi không có gì đặc biệt, rằng rất nhiều người bị thương trong chiến tranh», cô nói. «Tôi đã xem nhiều bức ảnh khác về chiến tranh. Nhưng đây là bức ảnh của tôi.» Khi đến lúc chia tay, cô lần lượt ôm các nhà báo. Trong vòng tay đó, không thể không cảm nhận được sự căng cứng của những vết sẹo trên lưng cô. Mình biết cô ấy không hạnh phúc. *Mình có thể thấy điều đó trên khuôn mặt cô ấy*, Nick tự nhủ.

«Cô gái trong bức ảnh : 17 năm sau» là tiêu đề chính trên trang bìa của ấn bản ngày 20 tháng 8 năm 1989 của *The Los Angeles Times Magazine*. Bài báo đưa tin rằng Kim Phúc sẽ bắt đầu chuyến đi kéo dài sáu tuần khắp nước Mỹ vào tháng Chín.

Đó là khoảnh khắc kỳ diệu ở Havana, khi bầu trời chuyển sang màu chàm óng ánh trước khi ánh sáng tắt dần. Cô gái trẻ tạo dáng cho nhiếp ảnh gia trên bức tường thấp của bờ kè bên biển, với những đám mây đang bay nhanh làm nền. Cô gái trẻ yêu máy ảnh, và máy ảnh yêu cô. Cô là một Marilyn Việt Nam, nhăn mũi, cười khúc khích và kéo váy. Cô tán tỉnh nhiếp ảnh gia (Nick), muốn tạo dáng áp má vào má anh, cười khúc khích và tung mái tóc được cài bằng một bông hoa màu cam và bạc...

«Nếu tôi gặp những phi công đã thả bom xuống người tôi - hoặc bất kỳ phi công Mỹ nào - tôi sẽ nói với họ : ‘Chiến tranh đã kết thúc. Quá khứ là quá khứ.’ Tôi sẽ hỏi những phi công đó họ có thể làm gì để mang chúng ta lại gần nhau. Có một sự kết nối rất lớn giữa Việt Nam và Mỹ, nhưng đó nên là tình bạn. Không phải sự cay đắng. Không phải kẻ thù. Nhưng tôi không đến Mỹ để nói về chiến tranh. Tôi đến để người Mỹ có thể gặp cô gái trong bức ảnh và nói với họ rằng tôi vẫn sống, về cuộc đời tôi và những gì đang xảy ra với gia đình tôi...»

Cô nói với Nick Út rằng bữa tối hải sản chú đãi cô có giá trị hơn nhiều so với số tiền gia đình cô có thể sống trong vài tháng... Cô hy vọng rằng chuyến đi đến Mỹ sẽ giúp gây quỹ cho gia đình nghèo khó của mình và để cô

trở lại Mỹ học tập và chữa bệnh...

Chiến tranh gọi ra nhiều điều từ con người - lòng nhiệt thành cứu rỗi, nỗi buồn tê tái, chủ nghĩa thần bí, sự hy sinh, tâm lý nạn nhân. Từ những vết thương của Kim Phúc đã nảy sinh một khát khao được sống bình thường. «Tôi muốn sống cuộc đời mình, kết hôn, có con.» Cô thừa nhận rằng bức ảnh của Nick Út đã biến cô thành biểu tượng của nỗi đau. «Nhưng tôi vẫn sống và giờ tôi hạnh phúc !» «Một cô gái trẻ vui tươi», người phiên dịch từ Đại sứ quán Việt Nam tại Havana nhận xét. «Đó là biểu tượng bây giờ...»

Vào tháng một năm đó, Nick đã thực hiện chuyến trở về Việt Nam đầu tiên, mười bốn năm sau khi anh rời đi trên chuyến bay di tản từ Sài Gòn. Anh đi theo nhiệm vụ, cùng với George Esper, trưởng văn phòng cuối cùng của AP tại Sài Gòn. Mỗi người trong số họ được cấp thị thực nhà báo một tháng để đưa tin về chuyến trở lại của sáu cựu Thủy quân lục chiến, những người đến đây để hòa giải với quá khứ.

Trong khi Hà Nội không thể đảm bảo viện trợ kinh tế từ Mỹ, đã có một bước đột phá trong quan hệ Mỹ-Việt vào mùa thu năm 1987. Mỹ sửa đổi quy định cấm vận thương mại để cho phép viện trợ nhân đạo và từ thiện tư nhân đến Việt Nam, đổi lấy sự hợp tác lớn

hơn trong các vụ MIA (quân nhân mất tích). Vào mùa xuân năm 1989, Hà Nội đã gỡ bỏ một trở ngại khác trong quá trình bình thường hóa khi tuyên bố rằng, vào mùa thu, họ sẽ rút toàn bộ 50.000 quân chiến đấu khỏi Campuchia mà không điều kiện. Tuy nhiên, một lần nữa, Washington trì hoãn, yêu cầu Việt Nam đảm bảo hòa bình ở Campuchia, một yêu cầu bất khả thi.

Sau khi trở về từ nhiệm vụ ở Việt Nam, Nick nhận được một cuộc gọi từ New York từ một người phụ nữ anh chưa từng gặp. Merle Ratner và một số nhà hoạt động Đông Dương đang gây quỹ để đưa Kim Phúc đến Mỹ thực hiện chuyến diễn thuyết. Ở Hà Nội, Nick và George Esper đã biết từ hồ sơ của AP rằng Kim đang ở Cuba, nhưng họ luôn bị những người giám sát của cô từ chối mỗi khi hỏi thăm. Theo Merle, Hà Nội đã chấp thuận chuyến thăm của Kim.

Merle là một nhà hoạt động phản chiến, sau khi chiến tranh kết thúc, cô tập trung nỗ lực để Mỹ giúp tái thiết Việt Nam bị tàn phá bởi chiến tranh. Cô mới chỉ là một thiếu niên khi cha đưa cô tham gia một cuộc tuần hành «nhà sĩ vì hòa bình», và cô vui vẻ từ bỏ cơ hội trở thành ca sĩ để hò hét trong các cuộc biểu tình. Sau chiến tranh, cô và một nhóm nhỏ, làm việc cật lực từ căn hộ của mình, tìm cách gây áp lực buộc Mỹ thực hiện lời hứa

của Nixon về bồi thường chiến tranh. Nhận ra rằng đàm phán chính phủ đang đi vào ngõ cụt, họ chuyển sang xây dựng mối quan hệ nhân dân. Vào cuối những năm 1980, làm việc trực tiếp với phái đoàn Việt Nam tại Liên Hợp Quốc, Merle dẫn đầu các chuyến thăm của các nhà hoạt động Mỹ đến Việt Nam và đón tiếp các cựu chiến binh Việt Cộng sang thăm Mỹ.

Merle đã gặp Kim ở Việt Nam. Năm 1986, cô và vị hôn phu, Ngô Nhân, đã đến Hà Nội để được một quan chức cấp cao của Đảng chứng hôn. Nhân đã gặp Kim tại lễ hội thanh niên ở Moscow. Là thành viên của phái đoàn Mỹ, anh đã phỏng vấn cô cho tạp chí Mỹ Nguyễn Thái Bình, được đặt theo tên của một nhà lãnh đạo sinh viên đã hy sinh. Bị Mỹ trục xuất năm 1972 vì những bài phát biểu phản chiến, Bình đã lên máy bay Pan American về Sài Gòn và bị bắn chết trước khi máy bay hạ cánh, được cho là vì đe dọa cơ trưởng bằng lựu đạn nếu không chuyển hướng máy bay đến Hà Nội ; những quả lựu đạn hóa ra lại là quả chanh bọc giấy bạc. Giống như Bình, Nhân đã được CIA lựa chọn để trở thành lãnh đạo thế hệ tiếp theo ở miền Nam Việt Nam, và được đưa đến Mỹ theo học bổng.

Mười lăm năm sau khi chiến tranh kết thúc, các vấn đề và mối quan tâm về Đông Dương bắt đầu nổi lên trong cộng đồng 800.000 người Đông Nam Á tại Mỹ : họ muốn Mỹ cho phép con lai Mỹ-Á và tù nhân chính trị từng làm việc cho Mỹ hoặc chế độ cũ trong chiến tranh được di cư từ Việt Nam, đồng thời cho phép đoàn tụ các gia đình bị chia cắt giữa Việt Nam và Mỹ. Trong mạng lưới của Merle, mọi người lại bàn về cách ảnh hưởng đến công chúng Mỹ để họ không còn quan tâm đến vấn đề MIA. Ai đó nhắc đến bức ảnh cô gái napalm: «Bức ảnh đó được người Mỹ nhận ra ngay lập tức.» Ai đó đề nghị đưa Kim Phúc đến Mỹ. «Không có ai có thể nói về việc chữa lành vết thương chiến tranh mạnh mẽ hơn cô ấy», Merle nhận định. «Nếu cô ấy có thể tha thứ, tại sao những người khác không thể ?»

Merle đã đề nghị Nick nói chuyện về bức ảnh nổi tiếng của anh trước một nhóm khán giả nhỏ, được chọn lọc ở Los Angeles, những người sẽ đóng góp hào phóng cho đặc quyền này.

Chiến tranh Việt Nam đã ám ảnh cuộc đời Nick ở Mỹ. Mỗi khi đi xa, anh không quên mang theo những băng nhạc dân ca phản chiến của Việt Nam. Anh nghe chúng trong phòng khách sạn và khóc. Vào những ngày ẩm ướt, những mảnh đạn găm trong đùi khiến anh đau

đón. Vài tháng trước khi chiến tranh kết thúc, Nick và một nhiếp ảnh gia khác của AP đã đuổi theo tin tức về các cuộc giao tranh trên Quốc lộ 1 gần Trảng Bàng. Nghe thấy tiếng pháo, họ dừng xe và đi về hai hướng ngược nhau, Nick tiến về phía ngôi đền Cao Đài ở đó. Khi trò chuyện với dân làng phía trước, anh nhìn thấy hai người lính chính phủ đứng trên ban công dưới con mắt thần bí lớn. Anh giơ máy ảnh lên. Ngay lúc đó, một quả đạn bay tới. Nick cố chạy nhưng chân không cử động được. Anh nhìn xuống, nghĩ rằng sẽ thấy máu. Nhưng quần áo anh chỉ bị châm kim bằng tro, và có một lỗ thủng trên máy ảnh. Anh lại cố chạy nhưng ngã xuống vì cơn nóng rất sâu trong đùi. Các bác sĩ ở Sài Gòn quyết định để nguyên mảnh đạn trong người. Sợ rằng vận may đã hết ở Trảng Bàng, Nick tránh xa thị trấn này cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Nhiều lần, khi bị vợ đánh thức giữa cơn ác mộng, Nick nhìn quanh và nhận ra mình đang ở nhà tại Los Angeles chứ không phải chiến trường Việt Nam nhờ chiếc TV trong phòng ngủ. Những năm rời Việt Nam, anh cảm thấy bất lực không thể giúp đỡ gia đình mẹ và anh chị em ở quê nhà. Những lá thư họ gửi là tiếng kêu cứu xé lòng : «Chúng tôi rất nghèo. Các em trai cần giúp đỡ. Chúng tôi không có việc làm, thức ăn hay thuốc men. Chúng tôi không có tiền để sống.» Anh làm

như mọi người Việt xa xứ : nhét tiền vào đường may quần áo, tuýp kem đánh răng và chai lọ đồ vệ sinh gửi về nhà. Và anh hy vọng bọn trộm cũng sẽ lơ đãng như những nhân viên kiểm soát tò mò, những người mở thư và dán lại một cách cầu thả. Trong những lá thư gửi bạn bè và gia đình, Nick tự kiểm duyệt bản thân, sợ rằng sẽ làm hỏng cơ hội trở lại Việt Nam để gặp mẹ trước khi bà qua đời, và có lẽ, để sống phần đời còn lại ở đó.

Trước khi chuyến đi kết thúc, Nick đã về thăm làng Long An quê hương. Cuộc gặp gỡ với gia đình và bạn bè tràn ngập sự căng thẳng vì không thể nói chuyện cởi mở. Họ thì thầm cảnh báo anh đừng nói «những điều sai trái.» Hai người anh từ chối kể về thời gian trong trại cải tạo. Một người bạn vẫn chưa trở về. Khi rời Việt Nam, Nick đã lén mang theo hơn một trăm bức thư để gửi từ Mỹ.

Khoảng ba mươi người tham dự buổi gây quỹ của Merle tại nhà một người nổi tiếng ở Beverly Hills. Nick nhận thấy có ba đến bốn người Việt trong số đó. Một là tác giả Lê Lý Hayslip (cuốn hồi ký về chiến tranh của bà, *Khi Trời Đất Đổi Chỗ*, xuất bản năm đó, sẽ được đạo diễn Oliver Stone dựng thành phim cùng tên). Những người còn lại có giọng miền Bắc. Cộng sản, hoặc bạn của Cộng sản, Nick nghĩ, và tránh mặt họ. Anh chiếu

một loạt ảnh chụp ngày bị ném bom napalm ở Trảng Bàng, kết thúc bằng bức ảnh nổi tiếng. Làm nhạc nền, anh chọn «Bài Ca Da Vàng», một bài hát phản chiến nổi tiếng từng bị chính quyền Sài Gòn cấm. Bài hát bắt đầu bằng lời than khóc của một người mẹ hát lời yêu thương cho đứa con đã lạnh lẽo trong vòng tay.

Kim nhìn những món quà lưu niệm từ chuyến thăm của các nhà báo : một bản in 8x10 của bức ảnh nổi tiếng và một chiếc áo phông in hình chuột Mickey. Chiếc áo mua từ cửa hàng ở sân bay, là món quà tốt nhất Nick có thể kiếm được trong thời gian ngắn. Kim không biết rằng anh đã tìm cách nhưng không có cơ hội để lên đưa cô một ít đô la Mỹ. Sau khi chia sẻ những ký ức đầy xúc động, Kim bối rối :

Tại sao chú Út không quay lại cứu cháu ? Nếu Perry Kretz có thể quay lại vì cháu, tại sao chú Út không ? Kim chỉ nhận thấy một điểm khác biệt giữa thế giới của cô và những người sống ở phương Tây : cô sống dưới sự kiểm soát ; họ thì không.

Đầu tháng Chín, người giám hộ của Kim đưa cô đến Phòng Lợi ích của chính phủ Mỹ tại Havana. (Cuba và Mỹ đã thiết lập các văn phòng này tại thủ đô của nhau năm 1977 để tạo điều kiện giao tiếp giữa hai chính phủ.) Mọi thứ đã sẵn sàng : visa và vé máy bay. Rồi một tuần

trước ngày khởi hành, Đại sứ Tài gọi Kim vào. Ông vẫn tươi cười như thường lệ : «Cháu khỏe không ? Mọi việc thế nào rồi ?»

Suốt nhiều tuần, Kim vẫn giữ vẻ bình tĩnh. «Cháu ổn, cảm ơn chú», cô nói.

Rồi ông thả một tin sét đánh. «Kim Phúc, hôm nay chú gọi cháu vào để thông báo rằng chuyến đi Mỹ đã bị hủy.»

Mắt Kim mở to. Tâm trí cô hoảng loạn : Chuyện gì đã xảy ra ? Rõ ràng, cô đã phạm sai lầm. Nhưng là gì ? Một giây quá muộn, cô nhận ra mình phải kìm nỗi sợ và ngăn dòng cảm xúc trào dâng. Khóc sẽ bị coi là tình cảm không đúng chỗ dành cho nước Mỹ. Hoặc tệ hơn, cô có thể buột miệng nói điều gì đó tiết lộ mong muốn được đi của mình.

Mặt cô gượng gạo nở một nụ cười đau đớn. «Tại sao ạ ?»

«Cháu sẽ hiểu rằng cháu không thể đi vì hai lý do. Thứ nhất, vấn đề sức khỏe của cháu, và thứ hai, việc học của cháu.» Vị đại sứ biết cô đang sốc.

«Ai đó nên đến nói chuyện với cô ấy», một người nói với Merle, «thuyết phục cô ấy đổi ý.» Những người tổ chức và tài trợ chuyến đi, trải dài trên mười lăm thành phố, nói ngắn gọn là tức giận vì sự hủy bỏ đột ngột. Công tác gây quỹ hoàn toàn dựa vào cơ sở. Không có tổ chức nào đóng góp. Tuy nhiên, sự quan tâm ồ ạt của truyền thông đã truyền cảm hứng cho những người gây quỹ ; các chương trình truyền hình lớn đã xếp lịch phỏng vấn Kim Phúc và Nick Út.

Merle không thể hiểu điều gì đang cản trở. Chỉ có một chút nghi ngờ về việc liệu chính phủ Mỹ có cấp visa thứ hai theo yêu cầu của Hà Nội hay không, dành cho một người từ bộ ngoại giao Việt Nam đi cùng Kim ở Mỹ. Nhưng chắc chắn Hà Nội hiểu rằng chính phủ Mỹ muốn coi chuyến đi của cô là chuyến thăm không chính thức.

Merle mất hai tuần để xin được visa Cuba trong 24 giờ. Tại đại sứ quán ở Havana, cô thấy Kim đang đợi. Cái ôm của họ phá vỡ lớp phòng thủ cảm xúc của Kim và cô khóc nức nở.

Ba người ngồi quanh bàn : người giám hộ, Merle và Kim. Kim cẩn thận với lời nói ; cô nhận thấy Merle đeo một chiếc khăn rằn, chiếc khăn kẻ ô đen trắng đặc trưng của du kích Việt Cộng trong chiến tranh. Trong

khi Merle hiểu nước mắt của Kim là sự thất vọng, cô tin rằng những lý do Kim đưa ra là của riêng cô. Kim nói về tình trạng tiểu đường không ổn định và việc không muốn gián đoạn việc học. «Học tập là điều quan trọng nhất trong cuộc đời cháu», cô liên tục nhấn mạnh, và ký một lá thư gửi Merle nói điều tương tự. Từ những gì người giám hộ thêm vào, Merle có ấn tượng rằng chính quyền Việt Nam và Cuba coi điểm số của Kim là «có vấn đề», rằng ngoài việc gây nguy hiểm cho sức khỏe, chuyển đi sẽ ảnh hưởng đến việc học của cô.

Người giám hộ cho phép hai người dành phần còn lại của ngày cùng nhau mà không có anh ta đi theo. Merle là con gái của họ, Kim nghĩ, và tự nhủ phải cẩn thận với lời nói. Trong bữa trưa, Kim kể về thời gian khó khăn hơn ở Cuba, mọi người có ít tiền hơn, ít thứ để mua, ít thức ăn hơn. Tại nơi ở, cô mở ngăn kéo để lộ một chồng thư. Mỗi bức, cô nói, là lời đòi tiền từ gia đình. «Họ nghĩ tôi giàu, rằng tôi sống ở thiên đường.»

Merle hỏi Kim liệu cô có đủ thứ cần thiết để điều trị vết bỏng. Khi nghe rằng cô không đủ khả năng dùng kem dưỡng da Nivea hàng ngày, mà phải dành nó như kem massage khi cần giảm đau, Merle kiên quyết : «Để chị đưa em đi mua sắm.» Tại cửa hàng ngoại giao, Kim chỉ mua một lọ. «Em cần gì nữa không ?» Merle hỏi.

«Chị có thể gửi cho em từ New York.» Sau này, cô sẽ gửi một đôi găng tay dài buổi tối, món đồ được phụ nữ Sài Gòn ưa chuộng để che tay khi đi xe đạp.

Khi chia tay, Merle đưa Kim một trăm đô la Mỹ. Cô cũng tháo chiếc dây chuyền vàng đeo trên cổ và đeo vào cổ Kim. Đáp lại, Kim tặng cô một chiếc nhẫn vàng giả từ mẹ của mình.

Vài tuần sau, lần đầu tiên, người giám hộ của Kim hỏi ý kiến cô trước khi soạn thảo thư trả lời. Đó là thư của Merle. Kim Phúc muốn phân bổ số tiền gây quỹ cho chuyến đi của mình vào những mục đích nhân đạo nào? Trong số các lựa chọn có một trường học và một bệnh viện ở Việt Nam. Số tiền là vài nghìn đô la. «Không quan trọng đâu», Kim nói, mỉm cười.

Kể từ khi chuyến đi bị hủy, Kim đã khóc vào gối mỗi đêm. Tại sao ? Tại sao, tại sao, tại sao ? Nghĩ rằng sự tức giận của mình là không đúng với đạo Cơ đốc, cô cầu nguyện để nó nguôi ngoai. Hãy im lặng, hãy thân thiện, cô tự nhủ. Ban ngày, cô đeo lên mặt chiếc mặt nạ tươi cười.

Sau nhiều tuần đau khổ, Kim tìm sự đồng cảm bằng cách tâm sự với Helen và gia đình Diaz. «Hãy bình tĩnh, Kim», là tất cả những gì Helen nói. Manuel và

Nuria nhún vai. *Họ không nghĩ rằng tôi có thể buồn, Kim nghĩ. Họ yêu Cuba quá nhiều ; họ không hiểu.*

Những chấn động khắp thế giới Cộng sản bắt đầu từ chính sách perestroika của Gorbachev ở Liên Xô cuối cùng đã dẫn đến sự sụp đổ đầy kịch tính của khối Xô viết. Khởi đầu cho sự kết thúc của đế chế Xô viết là vào tháng 11 năm 1989, khi Bức tường Berlin bị phá vỡ.

Castro quay lưng lại với điều mà ở nơi khác được coi là sự thay đổi chính trị tất yếu. Vào tháng 1 năm 1990, ông một lần nữa đưa người Cuba ra bảo vệ cuộc cách mạng của mình. Ông tuyên bố «Thời kỳ Đặc biệt trong Hòa bình» và áp dụng các biện pháp kinh tế khắc nghiệt để phân phối nghiêm ngặt hàng tiêu dùng, nhiên liệu, điện và lương thực (sổ tem phiếu hàng tháng từ đó chỉ cung cấp đủ lương thực cho 20 ngày). «¡ Socialismo o muerte !» (Chủ nghĩa xã hội hoặc là chết !) là khẩu hiệu mới kết thúc những bài phát biểu dài dòng của ông ; cái chết như một lựa chọn thay thế cho chủ nghĩa xã hội dường như là một khả năng ảm đạm.

Cuộc khủng hoảng kinh tế của Cuba trở nên thảm khốc chỉ sau một đêm khi Liên Xô, để ngăn chặn sự sụp đổ của chính mình, đẩy mạnh cải tổ kinh tế và siết chặt hơn nữa viện trợ nước ngoài cùng xuất khẩu dầu được trợ giá. Khi Bức tường Berlin sụp đổ, Cuba mất đi các

đổi tác thương mại Cộng sản ở Đông Âu. Chưa đầy một năm sau, Tây và Đông Đức thống nhất. Hungary và Ba Lan bầu ra các chính phủ dân chủ. Chính phủ Cộng sản Tiệp Khắc sụp đổ. Nhà độc tài của Romania bị xử tử. Nhập khẩu của Cuba từ các nước thuộc khối Xô viết cũ giảm một nửa vào năm 1990, và đến năm 1991 gần như chấm dứt, giảm xuống chỉ còn 7% so với mức năm 1989. Việc cắt giảm dầu giá rẻ từ Liên Xô khiến Cuba không còn thặng dư để bán kiếm ngoại tệ thay thế nhập khẩu từ khối Xô viết cũ. Nhận thấy chế độ Castro đang trên bờ vực sụp đổ, Hoa Kỳ đã phản ứng bằng việc mở rộng lệnh cấm vận, bao gồm cấm vận chuyển lương thực và thuốc men.

Thời kỳ Đặc biệt đánh dấu sự kết thúc của mọi hoạt động bình thường ở Cuba. Ngay lập tức, xăng dầu trở nên khan hiếm. Không có nguyên liệu thô hoặc nhiên liệu, sản xuất công nghiệp bị đình trệ. Máy bơm nước không thể hoạt động. Máy móc nông nghiệp không thể chạy. Xe tải không thể chở lương thực đến các thành phố. Việc thu gom rác trở nên bất thường. Bệnh viện thiếu thuốc men. Không có phụ tùng từ Hungary, xe buýt thành phố không thể sửa chữa. Không có sữa bột từ Đông Đức, người Cuba không thể làm bơ ; không có mạch nha từ Tiệp Khắc, không có bia. Chưa đầy vài tuần sau khi tuyên bố Thời kỳ Đặc biệt, tất cả hàng tiêu

dùng trong các cửa hàng nhà nước đều có chất lượng tồi tệ và khan hiếm, từ quần áo đến giày dép, dầu ăn đến dầu gội đầu.

Cuộc sống thoải mái trước đây tại ký túc xá sinh viên trên đại lộ Malecón không còn nữa. Điện bị cắt bốn giờ mỗi ngày. Một thang máy bị tháo dỡ để lấy phụ tùng sửa chữa cho thang máy còn lại. Nước có thể bị cắt đến hai ngày liên tục. Cầu thang ướt sũng vì sinh viên phải xách xô nước từ tầng trệt lên. Nhà vệ sinh bị tắc bốt mùi hôi thối. Rác chất đống ; sinh viên ở các tầng trên bắt đầu ném rác qua cửa sổ, và gió thổi bay vào các cửa sổ tầng dưới. Ga trải giường ký túc xá không được giặt. Trường đại học phát báo thay giấy vệ sinh, muối thay kem đánh răng. May mắn thay, Kim có Toàn và những đặc quyền của cô tại các diplotiendas (cửa hàng ngoại giao) được cung ứng đầy đủ. Và người giám sát của cô cho phép cô giặt đồ tại đại sứ quán, nơi có máy phát điện khẩn cấp duy trì nguồn nước thường xuyên.

Chưa đầy vài tháng sau, tình trạng các bệnh về hô hấp ở dân cư Havana gia tăng đến mức báo động khiến chính Castro phải lên tiếng chỉ trích những chất độc phát thải từ xe buýt thành phố. Trong tình trạng hồng hóc, chúng lợc cộc chạy dọc các con phố, nhả ra những đám khói đen đặc và độc hại. Giống như những người

khác trong ký túc xá, Kim bắt đầu lên cơn hắt hơi liên tục. Một chuyên gia xác nhận cô bị tình trạng do dị ứng gây ra. Mỗi khi Kim lên cơn, trừ khi cô có thể bình tĩnh để giảm bớt sự co thắt ở ngực và làm dịu cơn khó thở, cô sẽ phải được đưa ngay đến bệnh viện.

Trong năm kể từ khi chế độ hủy chuyến đi Mỹ của cô, nỗi lo lắng của Kim về những gì đã xảy ra vẫn không hề giảm bớt. Mỗi lần cảm thấy nỗi đau dâng trào, cô lại nuốt nó vào trong, đến nỗi qua tháng ngày, cô như trương phình vì nó. Cô cảm thấy cuộc đời mình như lơ lửng, tương lai mờ mịt. Cô tự hỏi liệu Hà Nội có bao giờ cho phép cô sang Mỹ nữa hay không. Cuối cùng, cô đi đến kết luận : *chỉ có một người có thể cho tôi biết liệu tương lai tôi có tự do hay không, và người đó chính là Phạm Văn Đồng.*

Cuối năm đầu học tiếng Anh, Kim mua vé về thăm Việt Nam trong một tháng. Cô tự trang trải chuyến đi bằng 100 đô la của Merle và vay thêm 500 đô la từ Toàn cùng một số sinh viên Việt Nam khác. Ở cửa hàng parallel, Kim mua vài chiếc áo phông in hình bãi biển Cuba cho các em trai, cùng áo *guayabera*, loại áo truyền thống Cuba có thêu hoa văn được các cụ ông ưa chuộng, để tặng cha và Phạm Văn Đồng. Tại *diplotienda*, cô mua nước hoa Pháp cùng xì gà Cuba cho cha mẹ, và

một chiếc đồng hồ đeo tay cho Dương, người mà cô hy vọng sẽ đưa mình đến gặp phụ thân anh.

Những người phương Tây trên chuyến bay của Kim tới Hà Nội là dấu hiệu của đổi mới trong nước. Năm 1989, Hà Nội đã phần nào hãm phanh cải cách kinh tế, nhưng nguyên nhân chủ yếu không phải do những vấn đề nội tại mà vì sự kiện Thiên An Môn ở Trung Quốc, khi phong trào dân chủ non trẻ bị dập tắt trong biển máu. Dù vậy, Hà Nội đã thành công trong việc kiềm chế lạm phát (từ 1.000% năm 1988 xuống còn 30-50% năm 1989 và 1990). Kim nhận thấy trên chuyến bay có những người mà cô cho là doanh nhân phương Tây, và trên đường từ sân bay về, cô nghĩ rằng cảnh nghèo đói ở nông thôn có vẻ bớt khắc nghiệt hơn so với bốn năm trước.

Người giúp việc tại nhà Dương ở Hà Nội nói với Kim rằng cô thật may mắn : vào thời điểm này tháng Bảy, người con trai thường đã vào miền Nam với cha mẹ. Tối đó, Dương xuất hiện trên chiếc xe máy của anh tại địa chỉ Kim đã để lại cho người giúp việc. Chưa lập gia đình, anh đã giải ngũ và đứng đầu công ty riêng. Ngoài việc sắp xếp cho Kim gặp cha mình, anh còn đưa cô đi tham quan và trả vé máy bay khứ hồi đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Cựu thủ tướng vẫn sống trong biệt thự chính phủ. Ông Đồng, giờ đã tám mươi tư tuổi, gần như không còn thị lực, nhưng đôi mắt ông vẫn sáng ngời, và trong mắt Kim, ông trông càng giống một thiên thần. Họ ôm nhau và nắm tay. Ông muốn biết về cuộc sống của cô ở Cuba, nhưng dường như không điều gì cô kể về những khó khăn ngày càng tăng ở đó là mới với ông. Khi chủ đề chuyển sang bạn trai người Việt của Kim, cô nhận xét về sự khác biệt giữa quan niệm về tình yêu của người Việt và người Cuba. «Ở Cuba, người ta thay đổi bạn đời rất dễ dàng», cô nói. «Với họ, tình yêu bình thường như một bữa ăn.» Ông cười. «Người Cuba rất tốt», ông nói, «nhưng khi nói đến tình yêu, họ rất tự do.»

Sau bữa tối, Kim cảm thấy đã đến lúc đặt câu hỏi mà cô băn khoăn. «Bác, cháu muốn hỏi tại sao chính phủ hủy chuyến đi Mỹ của cháu.»

Ông gạt đi. «Đừng nghĩ về nó nữa, chuyện đó không quan trọng.»

«Cháu sẽ cảm thấy nhẹ nhõm hơn nếu biết lý do.»

Trong khoảng lặng sau đó là sự kiên trì của Kim, và cuối cùng là sự sẵn lòng của ông Đồng để tin tưởng cô với sự thật. «Mọi người có lý do để tin rằng cháu có ý định ở lại Hoa Kỳ sau chuyến đi», ông nói. «Mọi người

sợ rằng gia đình cháu đã bảo cháu lợi dụng cơ hội này.»

Kim không hỏi thêm nữa.

Ngay khi ông Đồng nhắc đến «gia đình», cô đã nghĩ ngay đến anh trai mình, Ngọc. Cô biết điều gì đã khiến mình bị nghi ngờ. «Khi em đến đó», Ngọc đã viết cho cô, «hãy lợi dụng chuyến đi để ở lại. Đừng quay lại Việt Nam.» Kim cay đắng. Đó là vấn đề của Ngọc, luôn nói thẳng những gì nghĩ trong lòng. Cô đã nhận được lá thư này từ một người liên lạc của Helen ; có lẽ anh ta cũng đã đưa ra lời khuyên tương tự trong một lá thư khác bị chính quyền chặn lại. Kim nhận ra rằng cô đã phải trả giá nặng nề cho sự ngu ngốc của Ngọc. *Họ không tin tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc trốn thoát. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc gây scandal. Họ nghĩ tôi sẽ phản bội họ. Giờ đây, tôi sẽ không bao giờ có được tự do khi sống dưới sự kiểm soát của họ.*

Ngay khi đến Thành phố Hồ Chí Minh, Kim lên đường đi Tây Ninh. Cô tìm thấy Ngọc tại ngôi nhà tồi tàn trên con đường Trương Lai, vẫn chán ghét chế độ Cộng sản như xưa. Dự án mới nhất của anh là mua mảnh tre từ các nhà cung cấp nhỏ để xuất khẩu, nhưng thất bại vì chất lượng kém khiến anh tồn kho và nợ một người miền Bắc. Ba năm sau, Ngọc sẽ phải ngồi tù mười tám tháng vì không trả được khoản vay, số tiền

gốc chỉ tương đương khoảng bốn mươi đô la Mỹ.

Kim cố gắng giải thích với Ngọc lý do cô không thể giúp đỡ anh. Cô miêu tả Cuba nghèo đến mức, dù được bao quanh bởi biển, vẫn phải nhập khẩu muối. Rồi cô nói điều mình muốn, giảng giải như đảo ngược vai trò, như thể cô là chị, anh là em. «Chính phủ hủy chuyến đi Mỹ của em là vì anh.» Sau khi giải thích, cô nhận ra Ngọc cũng buồn như cô đã tổn thương. Cảm thấy mắc nợ lòng biết ơn vì những hy sinh mà anh và vợ đã trải qua để nuôi nấng cô cùng các anh chị em trong những năm tháng khó khăn nhất, giọng cô dịu lại. «Chúng ta phải thật khôn ngoan. Nếu anh nói điều gì ngớ ngẩn như thế, và họ nghe được, sẽ không tốt. Họ sẽ không tin tưởng anh ; họ sẽ càng kiểm soát anh chặt hơn.»

Ngọc không bị nao núng. Sau đó, anh viết thư cho Merle Ratner và Nick Út. Không ai hồi âm. Merle cho rằng bức thư của Ngọc, được viết bằng tiếng Anh, có tính toán. «Vì các bạn đang cố gắng giúp Kim Phúc», anh viết, «liệu các bạn có thể giúp chúng tôi được không?» Biết rằng tình hình ở Việt Nam đang dần cải thiện, Merle nhờ những người bạn biết về Kim Phúc tìm hiểu về gia đình cô, và họ báo lại rằng họ không ở trong tình cảnh tuyệt vọng như bức thư của Ngọc miêu tả.

Ngọc cũng viết thư kêu gọi Phạm Văn Đồng giảm thuế cho cửa hàng của mẹ mình. Trong thư trả lời Ngọc, Đồng bày tỏ tình cảm với Kim Phúc, nhưng nói thêm : «Tôi không thể giúp anh. Anh sống ở Tây Ninh và anh phải kêu gọi họ.» Ngay sau đó, viên chức thuế huyện ở Trảng Bàng yêu cầu Tùng và Nữ đến gặp. «Chúng tôi nhận được điện tín từ Hà Nội», ông ta nói. «Mọi người rất tiếc cho anh chị ; chúng tôi sẽ xem có thể làm gì.» Vì Nữ phải quay về cửa hàng, bà dặn Tùng không được rời đi cho đến khi nhận được giấy hứa giảm thuế. Ông trở về tay không. Bỏ qua sự hẹp hòi, vấn đề của Nữ có lẽ là minh chứng cho sự thất bại của chế độ sau bốn năm cải cách kinh tế trong việc đột phá lên tầm cao mới với những thay đổi căn bản trong chính sách đánh giá và thu thuế.

Trong ba tuần ở Thành phố Hồ Chí Minh, Kim lại ở với Hương và Đại. Giờ họ sống sau những bức tường của một biệt thự thời thuộc địa, chiếm căn phòng chính, rộng đến mức Đại phải dựng vách ngăn để chia thành các phòng ngủ. Cặp vợ chồng và con trai còn có một người giúp việc sống cùng nhà.

Kim thực hiện ba chuyến đi trong ngày đến Trảng Bàng. Cô vui mừng khi được gặp bà ngoại Thảo lần cuối ; bà qua đời hai năm sau đó. Không có chỗ để

Kim ở lại qua đêm tại cửa hàng mì, vì hai con của Loan làm việc và ngủ ở đó. Kim thấy mẹ mình, như mọi khi, không thể nghỉ làm một ngày. «Nhà» là hai chiếc võng treo trong nhà phụ sau ngôi chùa, nơi cha mẹ cô sống không có điện, lấy nước từ giếng và dùng nhà vệ sinh ngoài trời. Nữ tiếp tục nuôi nhiều người bằng thu nhập từ cửa hàng mì. Kim đặc biệt bực bội vì sự lười nhác của người anh ba mươi tuổi, Tâm, có tính ăn chơi và nghiện cờ bạc. Đứa em út mười tám tuổi, dù đã thi đậu đại học, nhưng Nữ không có tiền cho cậu đi học. Khi chào tạm biệt, Kim đưa cho bố một ít đô la Mỹ. «Giấu đi», cô nói. Ông bỏ vào túi áo. «Ở chùa không an ninh», ông nói. «Ai cũng có thể ra vào.»

Con gái của Loan có thể nhắn tin cho Anh rằng Kim đang thăm từ Cuba và muốn gặp Anh. Kể từ lần gặp cuối, Anh đã trải qua ba năm cải tạo ; mục sư của nhà thờ họ vẫn bị giam giữ. Về thời gian trong tù, Anh, người già hơn tuổi, chỉ nói : «Đó là vì tôn giáo của tôi.»

Dù chính quyền cho phép nhà thờ lớn ở đường Trần Hưng Đạo mở cửa, nhưng vì Anh không thể để chính quyền nhìn thấy, Anh đưa Kim đến một buổi lễ nhà thờ Cơ đốc bí mật. Các buổi lễ được tổ chức trong nhà riêng, và không bao giờ ở cùng một nhà hai Chúa nhật liên tiếp. Kim thích thú khi được nghe lời Chúa cùng

những người bạn Cơ đốc. Cô làm như họ, cầu nguyện bằng giọng nhỏ và hát thầm những bài thánh ca được chọn vì giai điệu trầm lắng. Một nỗi buồn với Kim là thấy không ai trong số những người bạn Cơ đốc của cô khá giả hơn, ngoại trừ một vài người có người thân đã sang Mỹ.

Kim ăn bữa cuối cùng với Phạm Văn Đồng trong biệt thự của ông ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ông hỏi thăm gia đình cô, cô than thở về hoàn cảnh của họ. Họ vẫn nghèo, cô nói. Mẹ cô vẫn có việc làm, nhưng không có nhà, và bà phải chịu gánh nặng nợ nần và thuê má nặng nề. Kim so sánh một cách đau buồn : «Các quan chức ở Tây Ninh sống như vua !»

Đồng lắc đầu. «Một số người trong chính phủ đã làm điều sai trái với dân», ông nói. «Những người vô tội phải chịu khổ. Điều đó làm bác buồn, nhưng bác có thể làm được rất ít ; bác chỉ là một người.»

Kể từ cuộc nói chuyện ở Hà Nội, Kim cảm thấy không khí giữa họ đã thoáng đãng hơn. Cô còn một nhiệm vụ cuối cùng. «Bác, cháu muốn chia sẻ với bác trải nghiệm giữa cháu và Chúa.»

Trong quyết tâm làm chứng với Đồng, Kim đã nghĩ rằng có thể cô sẽ không bao giờ gặp lại ông. Ai biết được một người đàn ông già còn bao nhiêu thời gian ? Cô quan tâm sâu sắc đến linh hồn của ông và mong nó được cứu rỗi, và nghĩ rằng, là một người miền Bắc, có lẽ ông không có niềm tin tôn giáo.

«Chúa Giê-su đã đến thế gian để chết trên cây thập tự để chuộc tội cho chúng ta. Chỉ khi chúng ta tin điều đó, chúng ta mới có thể lên thiên đàng.»

Đồng không ngăn cô. Ông ấy sẵn sàng nghe tôi, Kim nghĩ. Cô tiếp tục : «Chúa Giê-su nói, ‘Ta là đường đi, chân lý và sự sống.’ Cháu tin và cầu nguyện nhờ Chúa Giê-su. Chúa mở cửa cho cháu và ban cho cháu đức tin để vượt qua gánh nặng. Bác thấy đấy, cháu không buồn. Cháu không than phiền. Cháu chỉ nghĩ về hiện tại và tương lai, không phải quá khứ. Cháu sống bằng đức tin, vì không có đức tin, cháu chẳng là gì cả.

«Bác cần được cứu rỗi. Cháu biết rằng những người chết mà không được cứu sẽ xuống địa ngục như ngọn lửa của bom napalm. Vì vậy, cháu cầu nguyện để mọi người được cứu và lên thiên đàng.»

Ông vẫn lịch sự lắng nghe.

«Cháu nhận được phước lành vì bị bỏng nặng. Bác thấy cháu không ? Cháu trông bình thường. Mặt và tay cháu không bị bỏng. Chân cháu không bị bỏng để có thể thoát khỏi đám cháy, và để có bức ảnh được chụp. Điều đó cho cháu cơ hội nhận được sự cứu giúp từ những ân nhân.»

Đồng cười hiền hậu. «Tôn giáo đó là từ Mỹ.»

«Cháu sẽ tiếp tục cầu nguyện cho bác», Kim nói.

«Được», ông nói.

Chưa bao giờ Kim tràn đầy sự tôn trọng và ngưỡng mộ dành cho Đồng như lúc này. *Hãy giữ cháu trong tay bác và cháu có thể thoát khỏi sự kiểm soát của họ ; cháu có thể làm mọi thứ, tiếng nói nội tâm của cô nói với ông.*

Trước khi rời Việt Nam, Kim mua sắm ở các chợ tự do của Thành phố Hồ Chí Minh. Cô mua vài chiếc khăn voan và một ít đồ trang sức nhỏ cùng kẹp tóc. Những chiếc khăn là quà cho bạn bè Cuba ; đồ trang sức và kẹp tóc có thể bán được hai hoặc ba peso mỗi cái ở Havana. Kể từ khi Cuba bước vào Thời kỳ Đặc biệt, việc buôn bán nhỏ trong ký túc xá sinh viên, từng không thể nghĩ đến, đang lan rộng, mỗi sinh viên chấp nhận rằng ai

cũng phải làm gì đó để kiếm thêm vài peso. May mắn thay, vì Kim không còn giỏi mặc cả, và cũng không quen với những thủ đoạn gian lận, cô có bạn gái, Triệu, đi cùng. Triệu đang chờ thời gian ở Việt Nam để chồng cô đón sang Canada ; hai người đã định vượt biển cùng nhau nhưng chỉ đủ vàng cho một người. Sau khi giúp Kim mua một ít đồ da cao cấp cho Toàn, Triệu phát hiện người bán đang cố gói một món hàng chất lượng thấp hơn. Còn bản thân Kim, cô mang về từ Việt Nam một món quà từ Anh : cuốn Kinh Thánh và sách thánh ca mới, trong một túi da trắng có khóa kéo.

Trở lại Havana, Kim thấy ở cửa hàng ngoại giao một bức tranh lớn hình chữ nhật, thêu màu hoàng hôn, khuôn mặt Chúa Giê-su, với các thiên thần bay ở bốn góc. Toàn giúp cô đóng khung và treo lên tường phía trên đầu giường. Trong năm đầu tiên của Thời kỳ Đặc biệt, Castro đã nói lỏng thái độ với tôn giáo. Dù Cuba của Castro chính thức là vô thần, tôn giáo chưa bao giờ bị cấm, nhưng việc thực hành nó, vốn không mạnh ngay từ đầu, gần như biến mất. Tuy nhiên, năm đó, Castro cho phép các sứ giả của giáo hoàng đến thăm. Lần đầu tiên sau ba mươi năm, đài phát thanh và truyền hình Cuba bắt đầu phát nhạc tôn giáo, và các tác phẩm nghệ thuật, biểu tượng tôn giáo xuất hiện để bán trong các cửa hàng ngoại giao.

Cả Kim và Toàn đều không ngại ngừng về sự khác biệt trong niềm tin của họ.

«Em là Cơ đốc nhân và em cầu nguyện cho anh», cô sẽ nói với anh.

«Anh là người Cộng sản», anh trả lời.

Toàn, người có thể trích dẫn lời dạy của Hồ Chí Minh, Lê-nin, Ăng-ghe-nh và Mác, coi sự sụp đổ của khối Xô viết là kết quả của những sai lầm nghiêm trọng của các đảng Cộng sản ở những nước đó. Kim sẽ kết thúc nhanh những cuộc thảo luận như vậy bằng câu : «Chúng ta không đồng ý - thôi không nói về chính trị nữa.»

Những câu chuyện về cuộc sống khó khăn ngày càng tăng ở Cuba cũng kết thúc tương tự. «Các nước anh em xã hội chủ nghĩa đã làm Castro thất vọng», là ý kiến của Toàn. «Chúng ta cầu nguyện cho mọi người», là lời cuối của Kim.

Họ cũng không tìm được tiếng nói chung về tương lai của mỗi quan hệ. Mỗi quan tâm đầu tiên của Toàn là xin sự đồng ý của cha. Vì làng của họ không có báo chí hay truyền hình, người cha không biết gì về sự nổi tiếng của Kim Phúc như một nạn nhân chiến tranh và ngạc nhiên khi con trai mình thân thiết với một người miền Nam.

Khi Toàn viết thư mô tả ảnh hưởng của bom napalm lên sức khỏe cô, cha anh viết lại : «Con đã trưởng thành. Con có thể tự quyết định chuyện tình cảm.»

Trong chuyến thăm gần đây với gia đình, Kim cố ý nhắc đến Toàn ở Cuba - người mà cô đã đến thăm gia đình trong một chuyến đi từ Hà Nội - và Anh ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cả Tùng lẫn Nữ đều không nói gì - tốt hơn là con gái có nhiều hơn một người bạn trai ; chỉ một người sẽ khiến cha mẹ phải lo lắng. Như mọi khi, Ngọc có nhiều ý kiến. Kim ca ngợi những phẩm chất của Toàn hy vọng che lấp sự thật rằng anh ta là một người miền Bắc. «Anh ấy là một người bạn tuyệt vời. Anh ấy rất nhạy cảm với mọi người.» Ngọc đã ngắt lời cô. «Anh biết anh ấy là người miền Bắc. Anh ấy tốt hơn cho em so với Anh ; tốt hơn là em kết hôn với một người Cộng sản hơn là một người theo đạo Thiên Chúa.»

Sau khi Kim trở về từ Việt Nam, Toàn đã cầu hôn. Cô không nói đồng ý cũng không từ chối. «Anh rất tốt với em,» cô trả lời, «nhưng em không thể quyết định về hôn nhân lúc này. Em phải nghĩ đến sức khỏe, việc học và tương lai của mình.»

Khi năm học thứ hai của kim với tư cách là sinh viên tiếng Anh sắp kết thúc, đây là bước tiến xa nhất cô đạt được trong hành trình học vấn của mình. Một ngày vào

tháng 5 năm 1991, một lá thư gửi đến địa chỉ nơi cô ở được bưu điện chuyển đến. Kim thường dùng địa chỉ đại sứ quán để nhận thư ; chưa ai từng viết thư cho cô tại nơi ở. Tem bưu chính ghi từ Đức. Tim Kim đập mạnh vì phấn khích. Chắc chắn đây là thư của một người lạ.

Lá thư được gửi từ Zweites Deutsches Fernsehen (ZDF), một đài truyền hình ở Mainz, Đức. Họ đề nghị cử một phóng viên và một quay phim đến Havana quay một ngày để làm phim tài liệu ngắn cập nhật về cuộc sống của Kim. Ngay lập tức, Kim nhận ra rằng lá thư này không đi theo con đường ngoại giao thông thường. Thông thường, yêu cầu phỏng vấn sẽ được gửi đến Bộ Ngoại giao ở Hà Nội, sau đó mới chuyển tiếp đến Havana.

Lá thư tiếp tục : tất nhiên, ZDF sẽ trả công cho cô vì sự tham gia của cô. Nếu đồng ý, cô nên ký và gửi lại bản hợp đồng một trang đính kèm, trong đó quy định khoản thanh toán năm trăm đô la Mỹ.

Năm trăm đô la. Kể từ khi trở về từ Việt Nam vào mùa hè trước, những lời cầu nguyện của Kim với Chúa chủ yếu là xin giúp cô tìm cách trả lại năm trăm đô la đã vay từ Toàn và những người bạn Việt Nam khác. Và cô khao khát giúp đỡ gia đình mình thoát khỏi cảnh khó khăn. Gặp lại họ khiến cô cảm thấy choáng ngợp vì thất

vọng về cách cuộc sống của họ đã diễn ra, về việc họ có lẽ phải làm việc đến tận ngày nhắm mắt. Một lá thư gần đây từ cha cô kể về việc cửa hàng của mẹ cô lại bị đánh thuế đặc biệt. Ông đã đến cơ quan thuế địa phương để tìm lời giải thích. «Bởi vì cửa hàng của bà đã rất nổi tiếng trong bốn mươi năm,» viên chức nói. *Nó nổi tiếng là vì tôi, Kim nghĩ.*

Kim viết «Đồng ý !» ở cuối bản hợp đồng của ZDF, ký tên và đi đến bưu điện trung tâm Havana để gửi nó.

Một buổi sáng tháng Sáu, vừa qua chín giờ, hai người đàn ông Đức đến Havana, thuê một chiếc xe riêng và tài xế trên thị trường chợ đen rồi lái đến nơi ở của Kim.

«Làm sao các anh có được địa chỉ của tôi ở Cuba ?» là câu hỏi đầu tiên của Kim.

Câu trả lời của họ rất thoải mái : «Chúng tôi đã gọi điện đến đại sứ quán Việt Nam ở Bonn (văn phòng liên lạc đã được nâng cấp lên thành đại sứ quán sau khi nước Đức thống nhất) và hỏi, ‘Kim Phúc ở đâu ?’ Người trả lời điện thoại nói cô ở Cuba. Chúng tôi hỏi địa chỉ của cô và anh ấy đã đưa nó cho chúng tôi.»

Kim cảm thấy may mắn vì các lớp học trong ngày đã bắt đầu ; nơi ở đã vắng bóng sinh viên từ lâu. Sau khi quay phim ở đó, ba người họ đến trường đại học và quay Kim trong lớp học, bên ngoài với khung cảnh kiến trúc tân cổ điển, và trên cầu thang đá rộng lớn của trường đại học, nổi tiếng với những bậc thang rộng như thể vươn lên từ Vịnh Mexico đến độ cao của khuôn viên trường.

Cuối ngày, hai nhà báo ZDF đưa cho Kim năm trăm đô la tiền mặt. Họ giải thích rằng bộ phim tài liệu sẽ quảng bá cho một chương trình mới được phát sóng vào mùa hè đó trên ZDF có tên «Những bức ảnh làm nên lịch sử.» Một trong số họ nảy ra ý tưởng : «Cô có muốn đến Đức, đến trường quay truyền hình để giới thiệu bức ảnh của mình không ? Chúng tôi sẽ lo tất cả mọi thứ -»

«Có ! Tôi muốn !» Một lần nữa, Kim thấy Chúa đang mở ra một cánh cửa mới cho tương lai của cô.

Ngay lập tức, cô nhận ra rằng yêu cầu này trước tiên phải đi qua mê cung của bộ máy hành chính Bộ Ngoại giao Việt Nam. «Nhưng,» cô khuyên, «các anh phải xin phép để tôi rời Cuba.» Tâm trí cô nhanh chóng tìm kiếm con đường dẫn đến thành công. «Hãy hỏi đại sứ quán Việt Nam ở Bonn.»

Trong nhiều ngày, Kim lo lắng rằng tin tức sẽ lan đến đại sứ quán Việt Nam rằng cô đã được nhìn thấy với các nhà báo nước ngoài. Cô đã nói với Toàn, nhưng tin tưởng anh sẽ không tiết lộ điều gì. Những ngày trôi qua không có hậu quả gì. Sau đó, Kim bị bao trùm bởi một nỗi sợ lớn hơn, rằng việc ZDF tiếp cận ở Bonn sẽ khiến chế độ nhận ra cô đã hành động sau lưng họ. Điều đó cô không thể chấp nhận được ; chế độ vốn đã coi cô là một rủi ro an ninh, nghĩ rằng cô có ý định đào thoát sang Hoa Kỳ. Kim nhận ra rằng, rất có thể, Hà Nội sẽ từ chối lời mời của Đức.

Cô biết mình phải làm gì. Cô viết một lá thư gửi Phạm Văn Đồng, chọn từ ngữ cẩn thận để thể hiện lòng trung thành với chế độ. Không đề cập đến buổi quay phim ở Havana, cô viết về lời mời của ZDF đến Đức để giới thiệu bức ảnh nổi tiếng của mình. «Cháu rất muốn đến đó,» cô viết, «để nói ‘Xin chào’ với người dân Đức một lần nữa.» Cô kết thúc lá thư một cách trang trọng : «Cháu hứa sẽ trở về.» Cô gửi lá thư tại bưu điện trung tâm Havana. Hai tuần sau, người quản lý của Kim đối mặt với cô. Anh ta tức giận vấy một mảnh giấy, đọc to từ đó : «Chính phủ đã chấp nhận lời mời từ truyền hình Đức» - những từ tiếp theo được nói qua hàm răng nghiến chặt - «*theo nguyện vọng của Kim Phúc.*»

Nước bọt bắn ra từ miệng anh ta. «Tại sao cô viết thư cho Hà Nội ? Tại sao ?»

Cô không trả lời.

«Làm sao Hà Nội biết về việc này ? Làm sao họ đồng ý ?»

Bên trong, Kim đang cười. Hà Nội đã ra lệnh và anh ta, hay thậm chí là đại sứ, có thể làm để thay đổi điều đó.

Vì người quản lý của cô không nói gì về việc giúp sắp xếp giấy tờ, cô tự mình đến đại sứ quán Đức. Kim phát hiện ra rằng ZDF đã lo tất cả các chi tiết : visa, vé máy bay và lịch trình của cô đã sẵn sàng. Vài ngày sau, gia đình Diaz - trừ Nuria, người không thích những lời tạm biệt - đưa cô đến sân bay Havana.

Chương Mười Bốn

Tại Mainz, một thị trấn nổi tiếng với phát minh máy in và việc in ấn Kinh Thánh Gutenberg, Kim đã có vài ngày thư giãn vào đầu tháng Bảy - mà không có người giám sát người Việt nào bên cạnh. Một nhà sản xuất của ZDF đón cô từ khách sạn mỗi ngày, đưa cô đi tham quan và uống trà với mẹ của mình, và vào cuối tuần, đưa cô vào trường quay. Trước một khán giả trực tiếp, Kim xuất hiện cùng người dẫn chương trình «Bild-der, die Geschichte machten», một chương trình hàng tuần gồm các phân đoạn mười phút phân tích một bức ảnh làm nên lịch sử, để giới thiệu bộ phim đầu tiên, «Das Mädchen aus Vietnam». Tại buổi tiệc sau chương trình, các bức ảnh của chương trình được trưng bày. Kim quen thuộc với ba bức khác : vụ hành quyết một nghi phạm Việt Cộng trên đường phố Sài Gòn ; một người lính Nga giương cao lá cờ búa liềm trên đỉnh tòa Reichstag đổ nát ; và một thủy thủ Mỹ hôn một y tá ở Quảng trường Thời Đại vào ngày V-J. Cuối buổi tối, nhà sản xuất yêu cầu cô ký hợp đồng và trả cho cô một nghìn đô la Mỹ bằng tiền mặt. Mặc dù nghĩa vụ của Kim đã hoàn thành, ZDF mời cô ở lại thêm vài ngày nữa tại khách sạn với tư cách là khách của họ.

Không có tranh cãi trong tâm trí Kim : cô nên báo cáo với đại sứ quán Việt Nam tại Bonn. Sáng hôm sau, cô gọi điện từ phòng khách sạn. Cô đề cập đến lời mời của ZDF.

«Chúng tôi mời bạn đến Bonn», là câu trả lời của đại sứ quán.

Kim dự định ở lại một tháng trong khu nhà khách của đại sứ quán tại Bonn, thời gian lưu trú được thanh toán bằng số tiền tương đương mà ZDF gửi cho đại sứ quán để chi trả cho vài ngày thêm ở khách sạn và ăn uống tại Mainz. Trong khuôn viên ở Bonn, cô trở lại dưới sự kiểm soát của chế độ và hành xử phù hợp. Khi ở ZDF, cô đã nhờ ai đó liên lạc với Perry Kretz thay mặt cô, nhưng không ai liên lạc lại với cô trước khi cô rời đi đến Bonn. Một khi ở trong đại sứ quán, ngoài việc bị đe dọa bởi tiếng Đức ở đầu dây bên kia, cô không dám mạo hiểm bị nghe thấy khi cố gắng liên lạc với nhà báo.

Tháng đó trôi qua không có gì đáng chú ý, ngoại trừ một vị khách bất ngờ. Một chàng trai Đức trẻ, cùng tuổi với cô, đã xem bộ phim tài liệu quay tại Havana, được phát sóng vào đầu mùa hè đó, và sau đó là buổi xuất hiện của cô tại trường quay ZDF. Nhận ra rằng Kim phải ở Đức, anh ta đã năn nỉ đài truyền hình liên lạc với cô. Anh đã đến Bonn, mất bốn giờ đi tàu, với hy vọng

gặp cô.

Hai người vật lộn với tiếng Anh. Anh chàng si tình.
«Tôi muốn bạn làm bạn gái của tôi.»

Kim cười khúc khích, thích thú. «Tôi ở Cuba, anh ở Đức. Làm sao chúng ta có thể trở thành bạn trai bạn gái được ?»

«Chúng ta có thể viết thư cho nhau.»

«Chúng ta là bạn, được thôi. Chúng ta có thể viết thư, nhưng bạn trai bạn gái thì không.»

Đại sứ quán sắp xếp một cuộc gặp giữa Kim và người quản lý đứng đầu dự án mà chính cô đã khởi xướng bảy năm trước, vào năm 1984, tại buổi họp báo vào ngày cô xuất viện từ phòng khám bỏng ở Ludwigshafen. Cuối cùng, một cơ sở điều trị bỏng sắp mở cửa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nó sẽ là một phần của Bệnh viện Chợ Rẫy hiện có, cùng một bệnh viện nơi đơn vị Barsky đã hoạt động cho đến năm 1975. Người quản lý đổ lỗi cho những sự chậm trễ làm ảnh hưởng đến dự án là do Việt Nam liên tục gửi những cá nhân không đủ tiêu chuẩn để đào tạo tại các bệnh viện Đức mà Đức phải từ chối.

«Bệnh viện bỏng sẽ được đặt theo tên tôi chứ ?» Kim hỏi.

«Ồ, Bệnh viện Chợ Rẫy đã có tên rồi», người quản lý trả lời.

Với đủ tiền để thỏa sức mua sắm, Kim mua cho mình và Toàn giày da, đồ thể thao và giày chạy Adidas, và cho mình, một máy ảnh Nikon cùng một lượng phim, và một bộ đồ tắm hoa văn da báo. Tại một cửa hàng thực phẩm châu Á, cô tìm thấy một món ngon Việt Nam, xúc xích nấu chín nhồi thịt động vật có vỏ, mùi hăng của nó không được bạn cùng ghé trên chuyến bay về nhà đánh giá cao.

Với số tiền kiếm được từ ZDF, Kim trả hết nợ cho Toàn và những người bạn Việt Nam khác, và cuối cùng cũng có thể gửi gì đó cho cha mẹ và anh trai Ngọc của cô. Tìm kiếm «thứ gì đó nhỏ» mà họ có thể bán lại ở Việt Nam, cô quyết định chọn ống tiêm thủy tinh sản xuất tại Cuba. Cô gửi một hộp đầy, cùng với hai trăm đô la, qua một trong những người chuyển phát của Helen. Không có ống tiêm nào đến nơi nguyên vẹn.

Trở lại Havana, Kim lại chuyển nhà một lần nữa. Các nhà chức trách quản lý khu nhà đã phải đóng cửa các tầng trên cùng của hai tòa nhà ở Malecón. Sự tồi tàn của tầng trệt phản ánh tình trạng tồi tệ của tòa nhà : bàn làm việc của nhân viên bảo vệ đã hỏng ; bề trang trí đã cạn nước từ lâu ; và đất khô trong các chậu cây nơi cây cối

từng phát triển giờ bay khắp nơi. Các đợt cắt điện hàng ngày đã tăng từ bốn lên sáu giờ, sau đó là cách ngày. Để làm mọi thứ tồi tệ hơn đối với cư dân các tầng trên, biển báo «hông» trên thang máy không bao giờ được gỡ xuống.

Trường đại học để lại sinh viên Cuba ở Malecón và chuyển sinh viên nước ngoài đến phía đông Havana, nơi một dãy nhà chung cư thấp tầng của Liên Xô đã trống rỗng sau khi Liên Xô đột ngột triệu hồi công nhân và cố vấn của họ. Cuộc sống ở đó không tốt hơn nhiều so với Malecón. Những tòa nhà này trông thô thiển bên ngoài, tối tăm và ngột ngạt bên trong. Được xây dựng bằng bê tông đúc sẵn của Liên Xô và thiết kế để chịu đựng mùa đông Liên Xô, chúng có ít cửa sổ và không có ban công. Điểm nhấn duy nhất về cảnh quan trước tòa nhà của Kim là bức tượng bán thân của một liệt sĩ Cuba, đặt trong một bồn hoa giờ trống rỗng. Những khu nhà này không có nhân viên bảo vệ kiểm tra thẻ sinh viên, vì vậy bất kỳ đồ giặt nào phơi khô, từ ga trải giường (những sinh viên có peso dư dả bỏ những tấm ga rách nát của trường đại học và mua vải để tự may) đến đồ lót đều bị đánh cắp.

Khi ra khỏi đường hầm vào phía đông Havana, người ta có ấn tượng đầu tiên thuận lợi vì các cơ sở thể thao mới sáng bóng và làng vận động viên được xây dựng cho Đại hội Thể thao Liên châu Mỹ năm 1991. Khi đại hội kết thúc, chỗ ở của vận động viên sẽ được chuyển đổi thành khách sạn cho khách du lịch quốc tế - một phần trong kế hoạch của Cuba để du lịch giúp đưa nền kinh tế Cuba trở lại từ bờ vực. Đại hội, diễn ra vào tháng Tám, đã thành công, làm sáng lên hình ảnh của Cuba và hồi sinh niềm tự hào của họ. Tuy nhiên, vào ngày bế mạc, tin tức quốc tế gây chấn động. Một cuộc đảo chính chống lại Gorbachev báo hiệu sự tan rã của Liên Xô. Vào tháng Mười, chuẩn bị cho Cuba đối phó với hậu quả, Castro tuyên bố đó là «nghĩa vụ thiêng liêng» của mỗi người Cuba để cứu Cách mạng Cuba. Và, để củng cố sự kiểm soát độc tôn của mình, ông tăng cường quấy rối và bắt giữ những người bất đồng chính kiến.

Vào đầu Thời kỳ Đặc biệt gần hai năm trước đó, Cuba đã chuẩn bị cho cuộc khủng hoảng xăng dầu sắp tới bằng cách kêu gọi nông dân thay thế bò cho máy móc nông nghiệp và người dân Havana sử dụng xe đạp - một thứ gần như không thấy trong thành phố cho đến cuối những năm 1960. Năm 1991, những lô hàng đầu tiên gồm 1,2 triệu chiếc xe đạp Flying Pigeon từ Trung Quốc bắt đầu đến với dân số 2 triệu người của Havana,

và vào ngày Quốc tế Lao động năm đó, lực lượng vũ trang Cuba điều hành trên xe đạp.

Một bất lợi cho sinh viên được chuyển đến khu nhà ở phía đông Havana là phải phụ thuộc vào xe buýt để đến lớp. Tuy nhiên, Kim và Toàn nhận lời đề nghị của trường đại học mua một chiếc xe đạp Trung Quốc với giá trợ cấp sáu mươi peso, trả góp hàng tháng. Năm phút đi về một hướng từ khu nhà ở của họ là các khách sạn Panamericano đã được chuyển đổi, và năm phút đi về hướng khác là nhà của gia đình Diaz. Tuy nhiên, đi xe đạp vào trung tâm Havana là không thực tế : tại lối vào đường hầm dưới kênh cảng, người đi xe đạp phải xuống xe và chất xe lên những chiếc xe buýt đặc biệt để băng qua. Trước Thời kỳ Đặc biệt, thời gian chờ và đi xe từ phía đông Havana vào trung tâm Vedado là mười lăm đến hai mươi phút. Trong Thời kỳ Đặc biệt, chỉ riêng thời gian chờ ở phía đông Havana có thể lên đến một giờ. Xe buýt không xuất hiện, hoặc chạy qua quá đông không thể dừng lại. Sự hỗn loạn tại các điểm dừng xe buýt, với một đám đông công nhân cố gắng đi làm, làm Kim sợ hãi. Một hàng người có trật tự chỉ được duy trì cho đến khi xe buýt dừng lại. Và lên xe chỉ là trở ngại đầu tiên ; xe buýt thường chết máy hoặc hỏng hóc.

Ánh đèn của thành phố giải trí đã tắt. Những đợt cắt điện sẽ làm tối các rạp chiếu phim. Thường các quán cà phê và nhà hàng đóng cửa vì hết nguyên liệu. Ngay cả Coppelia cũng mang không khí «chờ đợi Godot». Mọi người sẽ đứng trong một hàng không di chuyển hoặc ngồi tại một chiếc bàn trống trong tối đa năm giờ, với hy vọng nhỏ nhoi rằng cửa hàng sẽ nhận được một lô hàng sữa cho phép nó tiếp tục làm kem. Người nước ngoài có peso đỏ luôn có thể đến các khách sạn và câu lạc bộ đêm du lịch, nhưng với ít tiền dư, Kim hiếm khi chiều chuộng bản thân.

Tuy nhiên, cô rất hào hứng với một đề nghị từ bạn trai của Helen, Mohammed, đề nghị cô ấy cùng anh và Helen - giờ đây họ đang sống chung - mua chung một chiếc xe hơi. Mohammed có bằng lái xe quốc tế. Xe hơi không thể thay thế xe buýt để đi học ; nguồn cung xăng dầu không đủ ổn định. Mục đích của chiếc xe là để xua tan sự nhàm chán và ảm đạm của cuộc sống ở thành phố, giúp họ có thể đi chơi đến bãi biển hoặc tìm kiếm thức ăn ở vùng nông thôn. Mohammed gợi ý Kim nói với người quản lý rằng việc đi xe buýt công cộng gây nguy hiểm cho sức khỏe của cô. Đại sứ quán đồng ý và cung cấp cho cô giấy phép mua xe.

Ở Havana chỉ có một bãi đỗ xe dành cho người dùng peso đỏ. Chiếc xe rẻ nhất họ tìm thấy là một chiếc Lada đời 1984. Khung xe bị gãy, thân xe trầy xước, kính chắn gió trước vỡ tan. Mặc cả là hành vi bất hợp pháp ở Cuba. Chiếc Lada cũ kỹ này có giá 1.200 đô la Mỹ. Người quản lý nhận ra Kim. «Cô nổi tiếng lắm», anh ta nói, nhớ lại câu chuyện và bức ảnh trên tờ Gramma, «và tôi muốn giúp cô.» Anh ta tự nguyện thay kính chắn gió và sơn lại thân xe màu ngọc lam trước khi bán cho họ.

Manuel Diaz sửa chiếc xe để nó có thể chạy được. Mohammed chi trả tiền xăng và một khóa bánh xe để phòng trộm. Phần lớn thời gian, chiếc xe đứng yên với bình xăng trống rỗng. Khi Mohammed có thể mua được xăng, bốn người họ cùng đi chơi trong ngày hoặc cuối tuần, ở nhờ những gia đình cho thuê giường trái phép và dùng bữa với thức ăn chợ đen. Giống như các sinh viên khác, họ có cơ hội tham gia chuyến cắm trại hàng năm, nhưng trong thời kỳ Đặc biệt, khi không có đủ thức ăn mang theo, hai tuần sống trong lều và chống chọi với muỗi trở thành cực hình hơn là đặc quyền.

Gia đình Diaz luôn mở cửa đón Kim và bạn bè, thậm chí còn tiếp đón Đại sứ Tai và vợ ông để ăn mừng Tết. Kim coi nhà Diaz là nơi để giặt giũ, tắm rửa và nấu ăn. Hiếm khi điện nước ở đây bị cắt. Manuel cố gắng duy

trì hoạt động của chiếc máy giặt sản xuất tại Nga, dù bộ phận vắt đã hỏng hoàn toàn, và quần áo có thể phơi ở sân sau mà không cần trông chừng. Để đền đáp những ân huệ này, Kim thường tặng họ những món quà nhỏ như xà phòng, dầu gội, giấy vệ sinh và bột giặt, những thứ luôn có sẵn ở cửa hàng dành cho ngoại giao đoàn, nhưng ngày càng khan hiếm trong các cửa hàng nhà nước hoặc chất lượng quá kém khiến người dân Cuba không muốn mua. Mỗi chiều muộn, con chó trong nhà lại ngồi đăm đăm nhìn ra đường chân trời, chờ đợi bóng dáng một người đạp xe xuất hiện. Một túi ni-lông treo trên tay lái báo hiệu đó là Kim, đang mang theo thức ăn từ ký túc xá sinh viên - một món quà, ít nhất là đối với con chó.

Việc Gorbachev từ chức vào cuối năm 1991 đánh dấu sự tan rã chính thức của Liên Xô thành các quốc gia độc lập. Nga, quốc gia then chốt trong số đó, đang vật lộn với tình trạng kinh tế đảo lộn và lạm phát (sẽ tăng vọt lên 2.500% trong năm tiếp theo), đột ngột ngừng viện trợ và yêu cầu Cuba trả giá thị trường thế giới cho dầu mỏ, thanh toán bằng ngoại tệ mạnh.

Ngay lập tức, đường ống dẫn dầu sang Cuba khô cạn. Thêm vào đó, sức mua từ xuất khẩu đường của Cuba cũng biến mất. Giá đường thế giới giảm mạnh xuống

mức thấp kéo dài trong nhiều năm sau. Sản lượng cũng sụt giảm do nông dân Cuba không thể mua được phân bón, thuốc trừ sâu hoặc xăng dầu. Đến đầu năm 1992, nền kinh tế Cuba suy thoái nghiêm trọng trong thời kỳ Đặc biệt, kéo theo những vấn nạn gợi nhớ thời Batista : lạm phát cao, thất nghiệp và những khu nhà ổ chuột mọc lên quanh Havana. Một số cửa hàng nhà nước treo biển «đóng cửa để kiểm kê», dù kệ hàng trống trơn. Những đợt cắt điện liên tục làm gián đoạn hoặc đóng cửa các nhà máy. Để giảm tải nhu cầu điện ở trung tâm Havana, chính quyền rút ngắn ngày làm việc bằng cách hủy giờ nghỉ trưa của nhân viên văn phòng. Họ huy động hàng chục nghìn công nhân thành phố «tình nguyện» làm việc dài ngày tại các nông trại nhà nước. Nhưng khắp nơi, mọi thứ đều xuống cấp và hỏng hóc. Những vụ xô xát và ẩu đả xảy ra trong các hàng chờ. Người già phản đối những kẻ chen ngang : «Đồng chí, đồng chí, hãy tôn trọng hàng lối.»

Kim đánh giá Thời kỳ Đặc biệt qua góc nhìn của sự chịu đựng. Mọi người mang dáng vẻ và mùi hôi thối của sự suy tàn, quần áo và cơ thể họ bốc mùi mồ hôi ăm ăm mốc. Cô nhận ra mình có những đặc quyền mà người Cuba không có. Cô không từ chối khi các bạn cùng lớp, vì quá đói, xin một viên kẹo, thứ cô luôn mang theo để phòng trường hợp khẩn cấp do tiểu đường. Khi có một

ít peso quý giá, họ nhờ cô mua hộ một quả trứng ở cửa hàng dành cho ngoại giao đoàn trong lần tới. Cảnh sát thường gõ cửa phòng cô ở ký túc xá, biết rằng có người nước ngoài sống ở đó. «Tôi đến kiểm tra xem cô có an toàn không», họ nói. «Thời kỳ Đặc biệt trộm cắp nhiều lắm.» Cuối cùng, họ cũng đủ can đảm để xin một thứ gì đó. Một cái bánh quy ? Một chút xà phòng đủ để tắm ? Một nắp dầu gội ? Kim không bao giờ từ chối ; những yêu cầu này quá nhỏ bé.

Ở trường đại học, cơn đói và sự mệt mỏi làm giảm năng lượng và nhiệt huyết giảng dạy cũng như học tập. Giảng viên và sinh viên phụ thuộc vào xe buýt công cộng thường xuyên đến lớp muộn. Một số giảng viên, bản thân cũng phải xin thức ăn từ sinh viên, dành thời gian trên lớp để tổ chức đi chung xe và phối hợp tìm kiếm lương thực. Những đợt cắt điện từ 6 đến 10 giờ tối buộc nhà trường hủy các lớp học buổi tối. Sinh viên muốn học phải thức khuya sau 10 giờ. Rất ít người có đủ sức để thức khuya dậy sớm. Trong làn sóng người đổ về thành phố vào buổi sáng, một số thanh niên cố bám vào bên ngoài xe buýt, treo lơ lửng với một tay bám vào cửa hoặc cửa sổ mở. Không ít người đã rơi xuống và tử vong.

Toàn, sắp tốt nghiệp, vẫn giữ được nhiệt huyết học tập. Nhưng Kim thì không. Cô kiệt sức vì những khó khăn hàng ngày và chỉ mong không bị điểm kém. Cô bắt đầu lo lắng cho sức khỏe của mình. Những đặc quyền ở cửa hàng dành cho ngoại giao đoàn cũng không còn nhiều ý nghĩa khi giá cả tăng vọt và kệ hàng không được bổ sung. Đôi khi, Manuel Diaz dùng những phiếu xăng quý giá của mình để chở cô và Toàn vào nông thôn tìm gạo, trứng, và nếu may mắn, một hoặc hai con gà. Dù vậy, sức khỏe cô vẫn suy giảm. Những cơn hắt hơi ngày càng nặng. Ban đêm, để dễ thở, cô phải ngồi ngủ trên ghế.

Việc tóc rụng nhiều đột ngột khiến Kim lo lắng và đến bệnh viện. Cô bất ngờ khi được yêu cầu trả phí khám bác sĩ vì là người nước ngoài, một điều chưa từng xảy ra trước đây ở Cuba. Như mọi khi, Helen giúp đỡ bằng cách giới thiệu một bác sĩ làm thêm. Người Cuba đến khám thường trả công bác sĩ Abdala bằng một ổ bánh mì, hoặc nhớ đến ông vào dịp năm mới với vài lát thịt lợn quay ; bạn bè nước ngoài của Helen trả bằng dầu gội hoặc bột giặt. Bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình này nhiều lần giúp Kim vượt qua những cơn tiểu đường và hen suyễn. Ông thừa nhận việc làm thêm của mình là bất hợp pháp bằng cách im lặng gõ nhẹ các đầu ngón tay để cảm ơn, một cử chỉ kín đáo thay cho lời nói. Ông

cho rằng mình đã trả đủ nợ cho cách mạng khi chính phủ Cuba liên tục từ chối cho ông sang Mỹ đoàn tụ với vợ, người đã rời đi từ năm 1960. Một số sinh viên nước ngoài cố gợi chuyện về sự cứng rắn của Castro, nhưng bác sĩ Abdala không muốn bàn luận. «Nói chuyện không giải quyết được vấn đề», ông nói.

Một ngày, một viên chức từ thành phố Hồ Chí Minh bất ngờ ghé thăm Nữ ở tiệm mì. Con trai của Phạm Văn Đồng sẽ đến thăm bà ; bà nên chuẩn bị đón tiếp một đoàn xe bảy chiếc. Tính toán mỗi xe bốn đến năm người, Nữ chuẩn bị phục vụ món bánh tráng nổi tiếng của mình cùng trà. Đúng giờ hẹn, đoàn xe chạy chậm lại, rồi bất ngờ tăng tốc bỏ đi. Vài ngày sau, Nữ nhận được thư của con trai ông Đồng. Anh ta xin lỗi vì không dừng lại ; các quan chức địa phương đi cùng khuyên anh không nên dừng «vì tiệm của bà không đảm bảo an ninh.»

Nữ lại có thêm một tranh chấp với chính quyền địa phương về việc mở rộng và thay đổi tuyến đường Quốc lộ 1 qua Trảng Bàng. Trong suốt tuần thi công, bà buộc phải đóng cửa tiệm. Chính quyền từ chối bồi thường thiệt hại do mất thu nhập. Khi bà khiếu nại, chỉ ra rằng việc mở rộng đường đã xóa sổ chỗ đỗ xe, yếu tố sống còn của tiệm, họ trách móc : «Kim Phúc nhận được

hiều giúp đỡ để rời tỉnh này sang Cuba. Trong những năm ở đó, cô ấy chẳng làm gì để giúp Tây Ninh. Lẽ ra cô ấy nên xin viện trợ nước ngoài xây trường học hoặc bệnh viện cho quê nhà.»

Tin mà Kim sợ nhất và hy vọng sẽ không bao giờ nghe đã đến qua một bức thư. Nó được gửi từ Linh, con gái của Loan. Sau hơn bốn mươi năm, tiệm của Nữ không còn tồn tại. «Mẹ của dì không thể trả nợ, nên cháu đã mua lại tiệm», bức thư viết, «và giờ mẹ của dì đang làm việc cho cháu.» Thư còn nói thêm : «Nếu mẹ của dì có cơ hội, có lẽ một ngày nào đó bà sẽ mua lại tiệm.» Kim tự hỏi đứa cháu gái 23 tuổi lấy đâu ra tiền mua tiệm, và chỉ có thể nghĩ rằng bạn trai từ thành phố Hồ Chí Minh của cô ta đứng sau thương vụ này. Việc mua lại tiệm đánh dấu khởi đầu của một cuộc tranh chấp gia đình. Người cháu sau đó bán lại tiệm, và ba năm sau, tại một địa điểm khác ở Trảng Bàng, cô ta và Tâm - anh trai Kim - mở hai quán ăn cạnh tranh sát bên nhau. Bị Linh xa lánh, Nữ nấu ăn cho Tâm. *Đây là đứa cháu mà tôi đã bế chạy khỏi vụ ném bom napalm, bà tự nhủ.*

Tin tức tồi tệ hơn về hoàn cảnh của cha mẹ cô vẫn chưa dừng lại. Tùng viết thư kể rằng vào mùa xuân năm 1992, mẹ cô đã ngừng làm việc vì vấn đề sức khỏe. Ngọc viết với sự thẳng thắn đặc trưng về điều kiện sống

tồi tàn của cha mẹ họ. «Phúc, cha mẹ đã già và đang sống trong cảnh nghèo khó, tồi tàn. Nếu em không thể kiếm tiền giúp họ, họ sẽ kết thúc cuộc đời trong một túp lều bùn.» Tùng và Nữ buộc phải rời khỏi căn nhà phụ - giáo dân đã phá hủy nó để xây lại ngôi đền bị hư hại trong chiến tranh. Họ thương cảm đôi vợ chồng già nên dựng cho họ một túp lều tre phía sau đền. Nó chật đến mức chỉ đủ kê một chiếc giường nhỏ, một bàn tròn và hai chiếc ghế. Nữ nấu ăn bên ngoài, trên mặt đất. Tùng viết thư cho Kim kể về sự mong manh của túp lều trước gió mưa. «Hãy học hành chăm chỉ và trở về từ Cuba để tìm một công việc tốt», ông nói với cô. «Có lẽ con có thể làm hướng dẫn viên du lịch, tiết kiệm đủ để xây cho cha mẹ một ngôi nhà tử tế.» Trước đây, Kim từng xem những lá thư này như lời đòi tiền ; giờ cô thấy chúng là lời cầu xin cho chút phẩm giá.

Vào mùa hè năm 1992, khi năm thứ ba học tiếng Anh sắp kết thúc, Kim dần mất niềm tin vào cuộc sống dưới «Thời kỳ Đặc biệt». Castro đặt tên như vậy để ngụ ý rằng nó chỉ kéo dài trong thời gian ngắn, nhưng giờ chẳng ai biết khi nào nó kết thúc. Với Kim, thật khó tưởng tượng cô phải sống lại những ngày tháng tuyệt vọng sau chiến tranh ở Việt Nam, khi bụng cô và các anh chị em căng phồng vì ăn thức ăn gia súc và Bác Cả nằm chờ chết.

Kim càng khó tin vào lý do ban đầu cô đến Cuba - để đảm bảo tương lai cho bản thân. Thay vào đó, khó khăn hàng ngày ngày càng đè nặng lên tâm trí cô. Cô biết rằng, với tư cách người nước ngoài, cô có thể sống tốt hơn người Cuba bình thường. Cô may mắn nhận được tiền mặt. Nhưng cô không thể trông chờ vào điều đó mãi. Và cô không có cha mẹ giàu như Mohammed, hay mối quan hệ như Helen. Hai năm học phía trước - nếu sức khỏe cô chịu đựng được sự thiếu thốn ngày càng tồi tệ - giống như một hình phạt, như leo lên một ngọn núi cát luôn trôi tuột dưới chân.

Cô cố hình dung cuộc sống chờ đợi mình khi trở về Việt Nam. Cô chỉ thấy rõ một điều : một khi về nước, cô sẽ càng bị chế độ kiểm soát chặt chẽ hơn. Cô tự nhủ rằng «họ» sẽ quyết định mọi lựa chọn trong đời cô, trước cả khi cô biết đến chúng, nếu có. Kim đoán trước rằng mọi cơ hội đến Mỹ sẽ bị giấu nhem. Những lá thư hoặc chuyến thăm ngẫu nhiên, như từ đài truyền hình Đức, có thể xảy ra ở Cuba, nhưng không phải ở Việt Nam.

Họ ghét tôi, Kim nghĩ. Cô thấy việc chế độ hủy chuyến đi Mỹ của cô là dấu hiệu thay đổi thái độ. Họ ghét tôi, nhưng tôi không thể thay đổi điều đó ; tôi không thể sửa chữa được. Cô nghĩ về việc không còn ai để cầu cứu ;

cô đã lên tận Phạm Văn Đồng. Trong lần gặp cuối, hai người cùng than thở về sự bất lực trước thực tế rằng không cá nhân nào đứng trên chế độ.

Không có đức tin, tôi chẳng là gì cả, Kim nghĩ. Nhưng khi cô tiếp tục cảm thấy mình đang mất dần chỗ đứng ở Cuba và lo sợ cho tương lai ở Việt Nam, nỗi đau quen thuộc lại ập đến. Mỗi ngày khó khăn, mỗi đêm lo âu, nó cứ tích tụ, tích tụ trong cô, đến mức không thể chịu đựng nổi.

Rồi một ngày, áp lực kìm nén đột nhiên *biến mất*. Khoảnh khắc đó, Kim nhận ra chỉ có mình mới có thể giành lấy tương lai từ tay chế độ. Cô chợt nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn mà chồng của Merle Ratner, Nhân, kể ở Moscow. Đó là chuyện về một con chim đẹp sống trong rừng. Một thợ săn mê vẻ đẹp và tiếng hót của nó nên bẫy và nhốt nó trong lồng. Lúc đó, Kim nghĩ Nhân kể câu chuyện như lời cảnh báo rằng cô chính là con chim bị săn đuổi. Khi ấy, cô đang tràn đầy thành công trên trường quốc tế. Giờ, cô hiểu câu chuyện theo cách đáng sợ hơn. Cô đã biết kẻ bị săn là ai, nhưng giờ cô nhìn rõ kẻ săn mồi : chế độ Việt Nam. Kim quyết định : khi còn ở Cuba, cô sẽ tìm cách mở cửa lồng và thoát ra. Không cần chịu đựng nữa, cô tự nhủ, với một cảm giác nhẹ nhõm khôn tả.

Kim tập trung vào điều mà chế độ Việt Nam đã nghi ngờ cô từ ba năm trước : lên kế hoạch trốn sang phương Tây. Bên ngoài, cô không để lộ bất cứ điều gì. Cô tin rằng vào đúng thời điểm, Chúa sẽ mở cánh cửa giải thoát ; nhiệm vụ của cô là tạo cơ hội cho Chúa. Đức tin đôi khi không đủ ; nó phải được thử thách qua trải nghiệm.

Vào một chiều thứ Bảy điển hình mùa hè đó, giữa năm thứ ba và thứ tư học tiếng Anh, Kim là một trong số sinh viên ghé thăm Đại sứ Tài. Vợ ông thường tiếp đón sinh viên vào cuối tuần và thích chiêu chuộng họ bằng những món ăn tự tay nấu. Trong lúc trò chuyện với con trai 17 tuổi của họ, Kim biết cậu sẽ đi nghỉ ba tuần ở thành phố Mexico vào cuối hè. Việc các gia đình Việt Nam ở nước ngoài gửi con đến nghỉ tại các đại sứ quán ở thành phố khác đã trở nên phổ biến.

Kim nghĩ ngay : Mexico giáp biên giới với Mỹ ! Cô quyết định xin phép đại sứ ngay lập tức. Sao ông ấy có thể từ chối mình, cô lý luận, nếu ông cho phép con trai mình đi ? Cô đã đúng. Chỉ trong vài ngày, cô có visa và vé máy bay. Cô chỉ tâm sự với Helen và Nuria. «Đừng lo nếu tôi không trở lại», cô nói bí ẩn. «Nếu có cơ hội, tôi sẽ đi mãi mãi.»

Mohammed cùng Helen và Toàn đưa Kim ra sân bay. Khi máy bay cất cánh, Helen quay sang Toàn : «Bạn gái anh có thể không về đâu.» Anh bật cười. Người Cuba thường đùa về việc rời đi và, nếu có thể, sẽ không quay lại.

Người giám hộ từ đại sứ quán ở thành phố Mexico đưa Kim đi tham quan bằng xe buýt, lịch sự chỉ ra các điểm thú vị. Qua cửa sổ, cô thấy sự tương phản của thành phố đông dân nhất thế giới. Nơi đây phục vụ người giàu - những chiếc xe dài bóng loáng lướt qua đại lộ rộng với những tòa nhà chọc trời hiện đại, mua sắm ở cửa hàng sang trọng và dùng bữa tại nhà hàng quốc tế sôi động - và chỗ cho những người ăn xin, hát lấy tiền ở góc phố hoặc bán kẹo cao su và bánh tortilla cho tài xế khi đèn đỏ. Ở đây, người ta tự do làm điều họ muốn, Kim kết luận. Tim cô đập mạnh khi xe buýt đi qua đại sứ quán Mỹ.

«Chúng tôi muốn giúp cô vui vẻ.» Hai người giám hộ đưa Kim đi tham quan Teotihuacan, một trung tâm nghi lễ của người Aztec. Ngày họ đến, 25 tháng 7, là một trong hai ngày trong năm khi mặt trời lặn đúng giữa đỉnh Kim tự tháp Mặt Trăng và Kim tự tháp Mặt Trời, nằm dọc theo Đại lộ của Người Chết. Kim cố ý nhờ người giám hộ chụp ảnh cô với kim tự tháp làm nền, và

khi xem các quầy lưu niệm, cô tỏ ra hào hứng mua đồ trang sức giả.

Đến tuần thứ hai trong ba tuần ở phòng khách của đại sứ quán, Kim lo lắng vì người giám hộ sẽ không bao giờ để cô đi một mình. Cô chỉ cần vài phút bên ngoài để gọi điện ; cô không dám dùng điện thoại trong đại sứ quán. Những lời cầu nguyện ban đêm của cô trở nên khẩn thiết. Quỳ gối, mặt ướt đầm nước mắt, cô cầu xin: «Chúa ơi, con sợ. Làm sao con thoát được ? Xin hãy cho con một cơ hội.»

Vào ngày áp chót, khi con trai đại sứ đã đến nghỉ, Kim tình cờ đề nghị người giám hộ cho cô đi thăm một người bạn từ Havana, một người Tây Ban Nha từng sống cùng ký túc xá với cô. Anh và vợ Cuba đang thăm người thân ở thành phố Mexico. «Cứ đi đi», người giám hộ nói, chỉ yêu cầu Kim để lại tên, địa chỉ và giờ về.

Kim may mắn. Cặp vợ chồng có nhà và điện thoại.

Đột nhiên sợ hãi, Kim tâm sự ý định của mình với người Tây Ban Nha và xin lời khuyên. Cô cảm thấy cần giải thích : «Tôi không thể ở lại Cuba. Tôi không thể học, không ăn uống đủ -»

«Xin tị nạn ở Mexico không dễ. Có thể thành công, có thể không. Chính phủ Mexico có thể trả bạn về Cuba.» Giọng anh cảnh báo nhưng thái độ đồng cảm.

Kim quay số.

«A lô ? Tôi có thể nói chuyện với Nick Út không ?»

Người bên kia đưa số mới. Cô gọi lại.

Câu trả lời làm cô thất vọng. «Nick đang nghỉ. Tuần sau mới về.»

Về phòng khách ở đại sứ quán, Kim tìm thấy sự an ủi trong lời cầu nguyện. «Chúa ơi, con thất vọng, nhưng con không giận. Ngài biết rõ hơn con. Xin hãy gánh nỗi khổ cho con, và con sẽ quay về Cuba.»

Kim ngạc nhiên khi thấy Toàn vui mừng gặp lại cô, và anh cũng trở nên âu yếm hơn. Chúa đang bảo tôi quay về với Toàn, cô tự nhủ. Anh nhắc lại lời đùa của Helen rằng cô có thể không về. Kim cười. «Tôi đây này!» cô nói. «Chuyện đó đã không xảy ra.»

Người Tây Ban Nha đã đến thăm cô khi trở về từ thành phố Mexico. Với giọng nói trầm thì, anh ta chia sẻ về những khó khăn của cuộc sống ở Cuba. Anh ta đưa ra lời cảnh báo. «Hãy cẩn thận», anh ta nói. «Hãy

rất, rất cẩn thận.» Kim kết luận rằng tốt nhất là nên giữ kín ý định trốn thoát, rằng chiến lược của cô là luôn sẵn sàng nhưng không lên kế hoạch cụ thể, vì điều đó vừa khó khăn vừa nguy hiểm.

Toàn đang tận hưởng mùa hè và tự hỏi liệu đây có phải là mùa hè cuối cùng của anh ở Cuba. Anh ăn mừng việc đã nhận được bằng cử nhân tiếng Anh. Trường đại học đã chấp nhận anh vào chương trình sau đại học hai năm về lập trình máy tính ; anh đang chờ quyết định từ đại sứ quán Việt Nam về việc liệu anh có thể ở lại hay không.

Anh quyết định thử cầu hôn Kim lần thứ hai. Kể từ lần đầu tiên, khi cô từ chối đưa ra câu trả lời, anh đã viết thư cho cả cha mình và cha mẹ Kim, hỏi ý kiến về việc kết hôn với Kim khi cả hai đang ở Havana. Cha của Toàn đã không đồng ý. «Hãy hoàn thành việc học trước khi kết hôn», ông dặn dò. «Đừng kết hôn ở Havana. Gia đình phải có mặt trong đám cưới của con.» Không có hồi âm từ phía cha mẹ Kim. Khi Toàn nói với Kim về sự im lặng này, cô chỉ nói rằng gia đình cô khó chấp nhận tình bạn của cô với một người miền Bắc. Đối với lời cầu hôn lần thứ hai, Toàn nhận được từ Kim câu trả lời mơ hồ như lần trước.

Toàn vẫn lạc quan. Để ăn mừng tốt nghiệp, anh tổ chức một chuyến đi đến Tropicana để xem buổi biểu diễn hàng đêm, một màn trình diễn lộng lẫy với hơn hai trăm nghệ sĩ, chủ yếu là những cô gái gần như khỏa thân hát và nhảy trên sân khấu ngoài trời, một chương trình gần như không thay đổi kể từ năm 1939. Cuối cùng, đại sứ quán Việt Nam quyết định số phận của Toàn. Anh thông báo tin này với Kim rằng chính phủ Việt Nam không thể chi trả cho khóa học sau đại học của anh, và vào mùa thu, anh sẽ phải trở về nhà.

Cô khóc không kiểm soát được. «Nếu anh về nhà, em không biết mình có thể sống ở đây thế nào. Chắc chắn, chắc chắn em không thể hoàn thành việc học.» Nhìn thấy sự tuyệt vọng của cô, Toàn tìm hiểu chi phí để tiếp tục ở lại trường. Anh phát hiện ra rằng trường đại học không tính phí khóa học của anh từ phía chính phủ Việt Nam. Anh đã khẩn khoản xin Đại sứ Tài. «Hãy nghĩ đến Kim», Toàn cầu xin. Vị đại sứ đã mềm lòng.

Vào một tối thứ Bảy cuối tháng Tám, khoảng mười người bạn của Kim tụ tập trong phòng ký túc xá của cô để nấu một bữa ăn. Bữa tối là ý tưởng của Helen - một lời chào mừng muộn màng khi Kim trở về từ Mexico. Ngay khi họ bắt đầu nấu, điện bị cúp. Nhóm bỏ lại bóng tối của ký túc xá để đến quán bar sáng đèn ở khách sạn

Panamericano gần đó. Yamilen Diaz - người đã thất bại trong ước mơ du học ở Moscow - có một công việc ở đó.

Buổi tối kéo dài qua nhiều vòng bia và rượu rum - đối với Kim là nước cam. Những mẫu thuốc lá chất đống trong gạt tàn.

Helen, với tính bốc đồng thường lệ, ném ra một câu hỏi như mỗi câu : «Kim và Toàn, tại sao hai người không kết hôn đi ?»

Helen giống như một đứa trẻ, Kim nghĩ với sự triu mến.

«Chúng ta phải chờ đến bao giờ ?» Helen đóng vai một người đầu giá trước đám đông háo hức. «Tôi sẽ trả tiền váy cưới cho Kim !» cô tuyên bố. Cô biết một người Cuba có tủ đầy váy cưới cho thuê, tất cả đều nhập từ Mỹ.

Mohammed là người tiếp theo. «Tôi sẽ trả tiền tuần trăng mật cho họ : một tuần ở khách sạn Habana Libre.» Những đóng góp liên tục đổ về. Yamilen có bộ veston của Toàn. Ai đó sẽ lo bia và rượu vang. Rượu rum. Thức ăn. Hoa. Trang trí. Thậm chí cả in thiệp mời.

Toàn trông sáng mắt và đầy hy vọng. Tất cả ánh mắt đổ dồn về Kim.

«Được thôi, đồng ý !» Cô cười, tận hưởng trò chơi.
«Tôi sẽ kết hôn !»

Toàn giật mình quỳ xuống dưới chân cô. «Thật sao ? Em nói đồng ý ? Có thật không ?»

«Không - không phải thật. Ý em là, đồng ý. Không, em đổi ý thành không.»

Mọi người, kể cả Kim, đều thương cảm cho Toàn. Ai đó nói : «Em phải nói đồng ý hoặc không thôi.» «Tòa án» ý kiến tuyên bố rằng cô có ba ngày để đưa ra quyết định.

Trong số những người đàn ông mà cô từng gần gũi nhất, Kim nhận thấy Toàn là người chu đáo và hào phóng nhất, trái ngược với Minh, người chữa bệnh và ăn chơi. Nhưng dù vậy, cô và Toàn không có sự gắn kết về niềm tin vào Chúa, như cô đã từng có với Anh. Chỉ vì lý do đó, Kim không thể nâng mối quan hệ với Toàn lên hơn tình bạn. Cô đơn giản không thể tưởng tượng được việc sống với một người không theo Chúa Giê-su. Ngay từ đầu, cô đã đánh giá những điểm yếu đạo đức của Toàn. Anh uống rượu. Và hút thuốc. «Mỗi điều thuốc anh hút

là đốt cháy một phút tình yêu của em dành cho anh», cô đã nói với anh. Ba lần anh cố gắng bỏ thuốc, nhưng không thành công. Cô tự hỏi lại : *Liệu mình có thể chịu đựng được việc sống mỗi ngày với một người không cùng đức tin, người mà mình sẽ thấy hút thuốc và uống rượu không ?* Một câu nói mà mẹ cô từng nói hiện lên trong tâm trí : «Nếu yêu một người đàn ông, ngay cả phân của anh ta cũng thơm.»

Kim quyết định cầu xin Chúa giúp cô quyết định. Cô cho rằng nếu sau ba ngày cầu nguyện, cô cảm thấy bình yên và không lo lắng về việc kết hôn với Toàn, đó sẽ là dấu hiệu từ Chúa rằng cô nên đồng ý. Sau ba ngày, cô có câu trả lời. *Chúa đã ban cho tôi một người đàn ông tốt, cô tự nhủ.*

Mười ngày sau, vào ngày 11 tháng 9, ba trăm khách mời đã đến dự đám cưới, được tổ chức tại nhà của Đại sứ Tài. Đây là lần đầu tiên có một đám cưới trong cộng đồng người Việt ở Havana. Cả Kim và Toàn đều mặc đồ trắng, theo phong cách phương Tây ; cô mặc một chiếc váy dài đến sàn, để lộ vai và cánh tay qua lớp voan ren ; anh mặc một bộ veston trắng, điểm nhấn là chiếc nơ đỏ và khăn túi. Toàn chỉ phải chi tiền mua đôi giày trắng, còn Kim nhờ một người quen của Helen trang điểm và làm tóc. Khi cô dâu chú rể đến, những đám mây đen đe

dọa bỗng mưa xuống. «Hai người sẽ có một cuộc sống vàng bạc !» vị đại sứ nói, lặp lại niềm tin của người Việt rằng mưa trong ngày cưới mang lại may mắn.

Theo truyền thống Việt Nam, lễ cưới là sự kết hợp của hai gia đình ; cô dâu và chú rể không nói một lời nào trong buổi lễ. Vì vậy, Đại sứ Tài đại diện cho Toàn và sĩ quan quân đội cao cấp nhất của đại sứ quán đại diện cho Kim. Sau khi họ ký giấy đăng ký kết hôn, bữa tiệc do các sinh viên Việt Nam chuẩn bị bắt đầu. Hai con heo sữa quay là đóng góp của Manuel, anh đã phải lái xe xa vào vùng nông thôn để mua. Bữa tiệc được bày trong phòng khách, ngoài sân và trong khu vườn được chăm sóc cẩn thận. Kim và Toàn nhận được quà cưới là tiền mặt tổng cộng bốn trăm đô la Mỹ, trong đó ba mươi đô là từ đại sứ quán Việt Nam.

Món quà tuần trăng mật một tuần ở Habana Libre của Mohammed không phải là xa xỉ. Hệ thống ống nước hoạt động không ổn định, hành lang ẩm mốc vì điều hòa đã ngừng hoạt động từ lâu, và hồ bơi trống rỗng. Trong căn phòng vốn là phòng khiêu vũ, giờ là nhà ăn, trần nhà bị dột khi mưa lớn ; và trong nhà hàng, phục vụ bàn mất ít nhất ba giờ chờ đợi. Cuối tuần đó, Toàn dọn ra khỏi phòng ký túc xá và chuyển đến ở với Kim. Những ngày đầu tiên của họ tràn ngập những người

đến chúc mừng. Trong số đó có một người bạn từ đại sứ quán.

«Tại sao hai người không đến Moscow để hưởng tuần trăng mật ?» anh ta gợi ý. «Nhiều người đến đó để vui chơi.» Thành phố đã trở thành điểm đến du lịch phổ biến cho người Việt đang công tác ở nước ngoài, cũng như sinh viên. Dưới thời nhà cải cách Boris Yeltsin, các thị trường tự do đã mọc lên ở Moscow. Những du khách Việt Nam kể về việc có thể mua mọi thứ từ nhỏ, đưa hầu đến áo phông và quần jean.

Trong tuần trăng mật của đôi vợ chồng mới cưới ở Habana Libre, các lớp đại học của Kim đã bắt đầu, và một tuần sau, khóa học sau đại học của Toàn cũng vậy. Trong khi Toàn, luôn là sinh viên chăm chỉ, đã thông báo với giáo viên rằng anh sẽ bắt đầu muộn vài ngày, Kim đã không bận tâm. Hầu hết giáo viên của cô đã tham dự đám cưới, và cô biết Maritza cùng nhân viên của cô ấy mong đợi cô dành thời gian để ổn định cuộc sống hôn nhân.

Ngay khi Kim nghe gợi ý về chuyến đi đến Moscow, tâm trí cô lập tức nghĩ đến một điều : cơ hội ! Hãng hàng không Cubana khi bay từ Moscow về Havana thường tiếp nhiên liệu ở Canada. Cô đã nghe người ta nói : «Canada rất cởi mở, dễ dàng dừng chân ở đó.» Đồn đại

đã lan truyền trong trường đại học nhiều lần về những sinh viên Cuba nhận học bổng đến Moscow, được cho là bị chế độ gọi về nhưng không bao giờ quay lại Cuba. Người vợ Việt Nam của một người Cuba, được cho là không hài lòng với tính đào hoa của chồng, đã đưa con gái họ về thăm Hà Nội ; trên chuyến bay trở về, người ta biết rằng cô ấy đã quá cảnh ở Moscow, nhưng cũng không bao giờ xuất hiện ở Havana. Đồn đại và suy đoán cho rằng những sinh viên đó, cùng người phụ nữ và con gái, đã dừng chân ở Canada, vĩnh viễn.

«Ôi - tuần trăng mật ở Moscow là ý tưởng tuyệt vời!» Kim nói về gọi ý của người bạn.

Đây là món quà từ Chúa, cô tự nhủ. Làm thế nào cô và Toàn có thể trốn thoát, cô nhận ra mình không có ý tưởng gì. Cô tự trấn an : Chúa sẽ lo liệu. Chỉ cần bình tĩnh và đi.

Phản ứng của đại sứ quán Việt Nam đối với yêu cầu đi lại của cặp đôi rất hời hợt : «Toàn có thể đi. Kim không thể. Em đã đến thành phố Mexico và như vậy em đã ra khỏi Cuba một lần trong năm nay.»

«Cái gì ? Chồng tôi đi tuần trăng mật *một mình* ?»

Kim cười và cười, và những người ở đại sứ quán cũng vậy. Chỉ trong vài ngày, cô và Toàn đã có vé trên chuyến bay của Cubana Airlines khởi hành ngày 29 tháng 9 và trở về ngày 15 tháng 10. Kim đặt mục tiêu vượt qua trở ngại tiếp theo : xin được thị thực quá cảnh từ chính phủ Canada. Cô xem thị thực như một cách mở cánh cửa chiếc lồng của mình, để có thể trốn thoát - cùng hoặc không cùng Toàn - khỏi những kẻ muốn kiểm soát cô.

Vào lúc hai giờ sáng, Kim và Toàn đứng thứ ba và thứ tư trong hàng tại đại sứ quán Canada. Mọi đại sứ quán phương Tây ở Havana đều bị người Cuba vây kín, họ đổ xô đến để xin rời khỏi đất nước. Canada, với chính sách nhập cư tự do và hệ thống trợ cấp xã hội hào phóng, được coi là một nơi đáng sống. Một phần do số lượng người đào tẩu từ các chuyến bay quốc tế gia tăng, cùng với nạn buôn người qua biên giới, Canada đã áp đặt yêu cầu thị thực thăm quan và quá cảnh đối với công dân từ một số quốc gia nhất định. Nhiệm vụ ngăn chặn những khách thăm quan có ý định ở lại Canada thuộc về các nhân viên di trú Canada ở nước ngoài.

Buổi phỏng vấn của Kim và Toàn diễn ra ngắn gọn. «Các bạn đi đâu ? Tại sao ?» Ngay sau đó, viên chức Canada từ chối họ, không đưa ra bất kỳ lý do nào, như là quyền của ông ta. Kim bình tĩnh không kém Toàn,

nhưng vì những lý do khác. Cô tự tin nói với Toàn : «Đại sứ quán Việt Nam ở Moscow biết em và sẽ giúp chúng ta.» Thông thường, các hãng hàng không đảm bảo hành khách có thị thực quá cảnh cho chuyến bay về trước khi cho họ lên chuyến bay đi, nhưng Cubana lằng lễ với yêu cầu này đối với hành khách Việt Nam, vì biết họ thường dễ dàng xin được thị thực cần thiết ở Moscow.

Chưa bao giờ Kim cảm thấy mình mạnh mẽ và kiểm soát cuộc đời đến thế. Lời cầu nguyện giúp cô giữ vẻ ngoài bình tĩnh. Cô tâm sự ý định của mình với Nuria: «Mami, con đã quyết định rằng, nếu con có thể xin được thị thực Canada, con sẽ đi mãi mãi, kể cả một mình. Nếu Toàn có thể xin được thị thực, và anh ấy muốn đi, thì chúng con sẽ đi cùng nhau.»

Kim xếp vào chiếc vali mây nhỏ của mình, Toàn cũng vậy, quần áo cho kỳ nghỉ hai tuần. Trong túi xách, cô đặt túi đồ trang điểm, thuốc giảm đau, một chiếc máy ảnh Nikon và hai kỷ vật từ cuộc đời cũ : những tấm phim âm bản từ đám cưới ; và chiếc gương xanh từ bộ đồ dùng cá nhân mà cô đã chọn ở cửa hàng bách hóa Bonn.

Nuria khiến cả gia đình Diaz ngạc nhiên khi khẳng định đòi ra sân bay tiễn cặp đôi. «Nhưng mẹ chẳng bao giờ đi ! Mẹ ghét nói lời tạm biệt !» Yamilen nhận xét. Trong đám đông nhỏ ở đó, Nuria là người duy nhất khóc. Kim ôm bà. «Mami, đừng khóc.» Kim quay lại trò chuyện với những người khác, hy vọng tiếng cười của mình sẽ đánh lạc hướng sự chú ý khỏi Nuria, người đang hành xử như thể đau khổ tột cùng. Kim gọi bà một cách gay gắt : «Mami !» Sau đó, dịu dàng hơn, «Con chỉ đi hai tuần thôi mà !»

«Chúng tôi sẽ giúp các bạn ở lại moscow», những người giám hộ ở đại sứ quán Việt Nam nói với Kim và Toàn. Nếu không phải sự hiện diện của người giám hộ ngăn Kim tiết lộ kế hoạch với Toàn, thì là ai đó trong tầm nghe - một nhân viên đại sứ quán hoặc một vài du khách Việt Nam khác. Ngay cả trong phòng khách riêng tại đại sứ quán, Kim không dám nói gì, vì sợ phòng bị nghe lén. Tuy nhiên, cô nhanh chóng lo thủ tục xin thị thực quá cảnh : cô nhanh chóng nhận được một lá thư, do người giám hộ sắp xếp theo yêu cầu của cô, từ đại sứ quán Việt Nam gửi đại sứ quán Canada, giới thiệu Kim Phúc và Bùi Toàn. Một nhân viên tiếp tân tại đại sứ quán Canada nhận hộ chiếu của họ và nói rằng thị thực sẽ sẵn sàng trong vòng hai mươi bốn giờ.

Ngày hôm đó, trong chuyến tham quan Quảng trường Đỏ, Kim đưa Toàn và mình ra xa nhóm. «Nếu em có được thị thực, em muốn ở lại Canada», cô nói đùa với Toàn, thử phản ứng của anh. Anh hiểu theo nghĩa đó ; những người Cuba trên chuyến bay của họ cũng đã nói đùa như vậy.

Khi nhận lại hộ chiếu với thị thực quá cảnh đóng dấu bên trong, Kim thầm cầu nguyện : «Chúa ơi, hãy giúp con giải thích với Toàn mục tiêu của con.» Vào một trong những ngày cuối cùng của chuyến đi, người giám hộ đưa họ đến một khu chợ tự do, nhiệt tình chỉ ra những món hời và quà tặng đáng mua về Cuba. Toàn mua sắm thỏa thích - một chiếc Walkman, quần jeans, áo phông, những con búp bê Nga lồng vào nhau. Anh không hiểu tại sao Kim lại cố ngăn anh mua. Anh phải khẳng khẳng nhiều lần : «Nhưng anh thích cái này !» Kim ép mình tham gia mua sắm, dù trong đầu hiện lên hình ảnh chiếc vali mây của mình, chất đầy những món đồ mới, bị bỏ lại ở sân bay Havana.

Tại sân bay Moscow, Toàn bị giữ lại ở quầy kiểm soát hộ chiếu. Nếu không có sự can thiệp của một sinh viên Cuba biết tiếng Nga, anh đã lỡ chuyến bay. Sinh viên đó sau đó giải thích rằng viên chức Nga đang cố gắng vùi tiền hối lộ trước khi cho anh qua.

Kim và Toàn ngồi ở hai ghế trong một hàng ba : cô ngồi giữa, anh ngồi cạnh cửa sổ, một người Cuba ngồi cạnh lối đi. Kim kiểm tra : hành khách Việt Nam gần nhất cách họ ba hàng ghế. Dù anh ta có nghe lỏm được, Kim cũng không lo, vì biết anh ta đã lấy vợ Cuba và cả hai chọn ở lại Havana.

«Em không thể tiếp tục cuộc sống ở Cuba», Kim bắt đầu nói chuyện với Toàn. Qua lời nói và giọng điệu, cô thể hiện ý chí và quyết tâm mạnh mẽ mà ít người ngoài gia đình biết đến. Nụ cười và tiếng cười đặc trưng của cô biến mất. Lúc thì cô mạnh mẽ : «Chắc chắn, em không muốn quay lại Cuba, hay Việt Nam. Em thực sự muốn ở lại Canada.» Lúc lại dịu dàng : «Dù chúng ta là vợ chồng, nếu anh không muốn đi - nếu anh không muốn ở cùng em - cũng không sao.»

Toàn, vẫn còn bối rối sau trải nghiệm ở quầy kiểm soát hộ chiếu, sốc, rồi đau khổ. Anh cảm thấy như bị buộc phải chọn giữa đất nước và gia đình, và vợ mình. Anh không thể chịu được ý nghĩ bị trục xuất khỏi Việt Nam. Gia đình anh kính trọng và tôn sùng anh, mong anh trở về để giúp đỡ họ. Nhưng tương lai với người vợ mới thì sao ? «Vợ chồng không nên xa nhau», anh tranh luận.

Kim trách móc : «Tại sao anh muốn quay lại Cuba hay Việt Nam ? Cuộc sống ở đó chẳng là gì cả.» Rồi trấn an : «Đừng lo về tương lai. Một ngày nào đó chúng ta sẽ về Việt Nam. Không phải bây giờ, nhưng một ngày nào đó. Hiện tại, chúng ta sẽ hy sinh nhiều. Chúng ta sẽ mất tất cả ở Cuba và sẽ đau khổ vì nhớ gia đình. Nhưng, một khi ở Canada, chúng ta vẫn sẽ cố gắng giúp đỡ họ.»

Toàn sợ hậu quả của một cuộc trốn thoát thất bại. Nếu chính phủ Canada trả họ về Cuba, hoặc Việt Nam thì sao ? Anh thấy mình trong tù. Ngay cả nếu Canada chấp nhận họ, làm sao anh và Kim sống mà không có gia đình hay bạn bè ? Hoặc tiền bạc ? Họ tính toán ; giữa họ chỉ còn ba trăm đô la. Họ biết gì về Canada ? Toàn nói anh không biết gì. Kim biết ở đó lạnh, lá cờ có biểu tượng chiếc lá phong đỏ - cô đã thèm muốn chiếc huy hiệu như vậy trên áo một sinh viên ở lễ hội thanh niên Moscow. Nhưng dù sao, Toàn không thể vượt qua khó khăn trong việc tìm hiểu cách ở lại Canada.

Kim nói dứt khoát : «Mục tiêu số một của em là ở lại Canada. Em không có mục tiêu số hai.»

Trong vài giờ tiếp theo, cho đến khi chuyến bay kết thúc, hai người ngồi im lặng. Toàn giữ kín suy nghĩ rằng kết quả tốt nhất là khó khăn của việc trốn thoát sẽ buộc họ quay lại. Kim cố gắng lần cuối thuyết phục chồng :

«Nếu anh về một mình sau tuần trăng mật, người ta sẽ nói anh điên !»

Nhận thấy chiếc ghế cạnh hành khách Việt Nam ba hàng ghế đã trống, Kim ngồi xuống đó. «Tôi có một ý tưởng», cô bắt đầu. Cô giải thích, nói rằng cuộc sống của mình như một nạn nhân nổi tiếng của chiến tranh có lẽ không như anh tưởng tượng, rằng vì danh tiếng, chế độ tìm cách kiểm soát cuộc đời cô. Cô kết thúc bằng câu hỏi cần khẩn thiết biết câu trả lời : «Anh có biết làm sao để tôi dừng chân ở Canada không ?»

Người đàn ông Việt Nam choáng váng. «Tại sao cô muốn dừng lại ở Canada ? Người khác muốn và làm, nhưng cô, cô không nên. Nếu cô làm vậy, nó sẽ gây xấu hổ lớn cho Việt Nam !» Anh vừa trở về từ một chuyến thăm đó, và anh nhiệt tình nói về việc Việt Nam đang phát triển và mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài. Anh nói đó không phải là một đất nước nghèo hay bị cô lập như Kim đã rời đi nhiều năm trước. «Cô là một nhân vật rất quan trọng», anh nói với cô. «Cô có thể giúp Việt Nam và Cuba xích lại gần nhau.»

«Nếu Việt Nam tốt hơn nhiều, tại sao anh lại ở cùng gia đình ở Cuba ? Nếu anh không tin vào việc trở về Việt Nam, tại sao tôi phải tin ? Anh chọn Cuba ; tôi sẽ ở lại Canada.» Cả hai cùng cười.

Máy bay bắt đầu hạ cánh xuống Gander, Newfoundland, tỉnh cực đông của Canada. Tại nhà ga, có một sự chậm trễ trong việc mở cửa máy bay. Dường như các tiếp viên chỉ định cho người Cuba rời máy bay, nhưng một số người Nga phản đối, khẳng định rằng họ có quyền mua sắm miễn thuế tại sân bay. Cơ trưởng thông báo rằng không ai được ở lại trên máy bay trong khi tiếp nhiên liệu, chấm dứt tranh cãi. Kim nói nhỏ với Toàn : «Để lại túi của anh để họ nghĩ chúng ta sẽ quay lại.» Vẫn im lặng, anh làm theo, bỏ lại một chiếc túi đựng Walkman, máy ảnh và quần áo nhẹ anh định thay khi về đến Havana.

Những hành khách rời máy bay đi xuống một hành lang rộng với nhiều khúc quanh. Kim nắm lấy tay Toàn. Cô chắc chắn rằng trong số những hành khách đồng hành, hẳn có người đang nghĩ đến việc ở lại và biết cách thực hiện. Mọi người trông đều lo lắng, cô nghĩ, cuối cùng quyết định tập trung vào một người cha Cuba đang nắm tay cô con gái khoảng bốn tuổi. Hành lang kết thúc ở cánh cửa đôi dẫn vào một sảnh lớn, với cửa hàng miễn thuế và quầy thức ăn. Trên tường ở một đầu, những dòng chữ lớn ghi CANADA, phía trên là lá cờ có hình chiếc lá phong đỏ. Ở đầu kia, những chiếc đồng hồ lớn hiển thị giờ ở Gander, Montreal, New York, London và Moscow.

Thấy người đàn ông Cuba và con gái đứng im, có vẻ như đang chờ đợi điểm dừng tiếp nhiên liệu, Kim bỏ Toàn lại để khám phá sảnh lớn. Nơi đó đông đúc hành khách qua lại. Thỉnh thoảng, cô nhìn thấy những cảnh sát Hoàng gia Canada tuần tra, nhưng cô sợ không dám đến gần, nghĩ rằng, giống như ở Việt Nam và Cuba, họ có thể là nhân viên an ninh nhà nước. Thời gian trôi qua; chuyến bay đến Havana sắp được gọi. Đột nhiên, Kim cảm thấy chán nản. Mình không thể quay lại. Sẽ thật khủng khiếp nếu mình quay về lúc này. Cô nhìn xung quanh tìm người đàn ông Cuba và con gái. Không thấy họ đâu. Cô cố kiềm chế cơn hoảng loạn. Mình không thể trông cậy vào ai khác, cô tự nhủ. Mình phải tự tìm cách thôi. Cô ra hiệu cho Toàn, đang trò chuyện với một hành khách người Việt, rằng cô sẽ vào nhà vệ sinh. Trong một buồng khóa kín, cô suy nghĩ thoáng qua về việc trốn ở đó.

Khi ra ngoài, cô nhắm mắt và cầu nguyện : «Chúa ơi, xin hãy mở ra một cánh cửa, làm ơn.» Khi mở mắt, cô nhận thấy một cánh cửa đôi, không phải là cánh cửa mà hành khách đã đi vào sảnh. Phía bên kia, cô thấy, giữa bảy tám người Cuba và Nga, người đàn ông Cuba và con gái.

Kim đẩy cửa bước vào và hỏi nhóm người đó bằng tiếng Tây Ban Nha : «Các bạn đang làm gì ở đây vậy ?»
«¿Que están haciendo aquí ?»

«Queremos quedarnos aquí en Canada,» vài người đồng thanh trả lời. Họ muốn ở lại.

«¡Yo quiero tambien !» Kim vui mừng khôn xiết.
«¿Que tengo que hacer ahora ?»

«Usted tiene que dar su passaporte a ese hombre.»
Khi chỉ cho cô biết phải làm gì để được ở lại Canada như họ, ai đó chỉ vào một người đàn ông đứng sau cửa sổ. Kim quay lại đẩy cánh cửa đôi và gọi Toàn.

Kim lấy hai cuốn hộ chiếu và đưa cho người đàn ông.
Cô chuyển sang tiếng Anh : «Tôi muốn ở lại.»

«Chào mừng đến Canada.» Nhân viên hải quan Canada dùng lời chào theo quy định dành cho người nước ngoài nhập cảnh vào Canada. Khi anh ta hướng dẫn Kim và Toàn chờ với những người khác, một người Cuba trong nhóm bứt ra và lao đến cửa sổ. Anh ta yêu cầu và nhận lại hộ chiếu của mình. Kim, căng thẳng tan biến, nhẹ nhàng hỏi người Cuba : «Sao anh lại khóc ?» Giọng nghẹn ngào, người Cuba nói anh sẽ nhớ gia đình ở Cuba. «Anh có thể bảo lãnh họ sau,» Kim khuyên. «Ồ

lại đây là cách tốt nhất.»

Một lúc sau, một nhân viên Canada dẫn nhóm người, trừ người Cuba đã đổi ý, vào một phòng chờ nhỏ. Cửa sổ một bên nhìn ra hành lang nơi họ đã đi vào sảnh, bên kia nhìn ra đường băng. Kim nhìn những hành khách từ chuyến bay của họ đi qua hành lang, rồi lại xuất hiện để lên máy bay Cubana trên đường băng. Sau khi hành khách cuối cùng lên máy bay, cửa đóng lại, và chiếc máy bay lăn bánh rồi cất cánh.

Chương Mười Lăm

Nancy Pocock bối rối với tin nhắn được để lại. Nhân viên của cô nói một phụ nữ Việt Nam nói tiếng Tây Ban Nha - nhân viên văn phòng của Nancy trả lời điện thoại bằng ngôn ngữ đó - đã gọi từ Gander, Newfoundland : xin gọi lại. Chắc là nhầm lẫn, Nancy nghĩ.

Và giờ người phụ nữ đó lại gọi, lần này nói bằng tiếng Anh. «Bà có biết về cô gái trong bức ảnh nổi tiếng từ chiến tranh Việt Nam - cô bé chạy trong bức ảnh đó không ?»

«Có !» Giọng Nancy trầm, khàn. «Tôi đã đến Việt Nam, và tôi biết bức ảnh đó.» Đã bao nhiêu lần cô nhìn thấy nó, và cùng một suy nghĩ lướt qua : Tôi run rẩy trước những điều sai trái đã gây ra cho một đứa trẻ.

«Vâng, tôi là cô gái trong bức ảnh đó.»

Merle Ratner là người đã gợi ý Nancy. Cuộc gọi đầu tiên của Kim từ Gander là cho Merle ở New York, để hỏi cô về một liên lạc ở Toronto. Sau khi nghiên cứu bản đồ tường trong sảnh khách sạn, Kim và Toàn đã chọn Toronto làm thành phố định cư. Tin từ những người tị nạn khác là thành phố ấm áp nhất Canada là Vancouver. Nhưng, thấy rằng Vancouver ở tận cùng đất nước so với

Gander, và tiền vé xe buýt đến đó nhiều hơn số tiền họ còn lại, họ đã tìm một nơi gần trung tâm bản đồ hơn. Cách phát âm Toronto của Kim nghe như *toronja*, nghĩa là buổi trong tiếng Tây Ban Nha. «Em thích âm thanh đó,» Kim nói với Toàn. «Chúng ta sẽ đến đó.»

Dù chưa gặp mặt, Nancy và Merle biết nhau từ phong trào phản chiến, khi Nancy nhận những người trốn lính Mỹ và sau đó là những người tị nạn Việt Nam đến nhà cô. Cô cũng nổi tiếng vì giúp đỡ những người tị nạn chạy trốn khỏi El Salvador trong cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài 11 năm bắt đầu từ năm 1979 khi những người cánh tả đụng độ với lực lượng chính phủ ở đó. Cô đã tự mình đưa nhiều người qua Mỹ đến một đất nước chấp nhận họ, Canada. Ở Toronto, cô thành lập và điều hành nhiều chương trình, chủ yếu dành cho người tị nạn, dưới sự bảo trợ của tổ chức Quaker.

Mối quan tâm đầu tiên của Kim và Toàn ở Toronto vừa cấp bách vừa đời thường : nhận trợ cấp xã hội, tìm nơi ở, đăng ký khóa học tiếng Anh do chính phủ tài trợ cho người nhập cư mới. Nancy luôn đồng hành cùng họ, hướng dẫn họ quy trình xin tị nạn chính trị và cuối cùng là quốc tịch. Khác với hầu hết những người đến Canada tuyên bố là tị nạn chính trị, Kim và Toàn được miễn phiên xét để quyết định Canada có cho phép họ ở

lại hay trục xuất về nước. Luật sư di trú mà Nancy tìm cho họ đã thành công trong việc lập luận rằng chính phủ Canada nên chấp thuận nhanh chóng và bảo mật trên «cơ sở nhân đạo.» Trong đơn viết, luật sư đã chi tiết hóa sự phản đối mạnh mẽ của Kim Phúc khi bị biến thành công cụ tuyên truyền của chế độ Việt Nam, những xáo trộn và khổ đau mà nó mang lại cho cô, cùng mong muốn tìm nơi ẩn náu cho bản thân và chồng ở Canada, theo lời cô, «để cuộc sống của tôi được yên bình.»

Thời gian chờ đợi một năm để nhận giấy tờ thường trú sau khi được công nhận tị nạn đã trôi qua với cặp vợ chồng. Nhân viên di trú xem vài tuần chậm trễ là chuyện bình thường. Nhưng họ cảm thấy cuộc sống bế tắc của mình bị đình trệ ; tư cách thường trú cho phép họ đi làm - nhưng họ không đủ tiền xin giấy phép lao động - và đi học đại học với mức học phí thấp hơn dành cho sinh viên bản địa thay vì sinh viên nước ngoài. Sáu tháng nữa trôi qua, giấy tờ vẫn biệt tăm. Cuối cùng, bộ phận di trú kết luận hồ sơ của gia đình đã thất lạc ; thủ tục phải làm lại từ đầu. Trước đó rất lâu, Toàn đã phải cầu xin bà chủ nhà đừng tăng tiền thuê khiến họ ra đường, và xếp hàng hàng tuần tại ngân hàng thực phẩm từ thiện để nhận đồ ăn, quần áo, kể cả tã lót cho đứa con mới sinh. Con trai họ, chào đời tháng 4 năm 1994, được đặt tên là Thomas, một cái tên Kim chọn từ Kinh

Thánh. Cậu bé cũng có tên Việt là Hoàng, mang nghĩa «tương lai tươi sáng.»

Bị thúc đẩy bởi hoàn cảnh tài chính tuyệt vọng và nỗi áy náy vì không thể gửi tiền về cho gia đình ở Việt Nam, Kim từ bỏ kế hoạch «sống yên lặng.» Qua sự giới thiệu của Nancy, cô tìm đến luật sư Michael Levine - người sau này trở thành đại diện của cô - để xin lời khuyên. Ông giúp cô bước chân vào làng truyền thông với bài viết đăng trên tạp chí Life số ra tháng 5 năm 1995.

Đến mùa xuân năm 1995, giấy tờ thường trú của cặp vợ chồng cuối cùng cũng tới tay. Lúc này, các biên tập viên tin tức khắp thế giới đang lên kế hoạch đưa tin nhân dịp kỷ niệm 20 năm Sài Gòn thất thủ trước quân Cộng sản. Một tờ báo lá cải Anh, The Mail on Sunday, quyết định tìm lại nhân vật trong bức ảnh nổi tiếng thời chiến. Dựa trên thông tin từ hồ sơ di trú Canada mật được cung cấp bởi một nguồn tin cấp cao người Mỹ, tờ báo cử phóng viên và nhiếp ảnh gia đến Toronto, truy tìm một phụ nữ tên Kim Phúc.

Khi kim và toan trở về muộn sau tuần trăng mật, tin đồn rằng lý do là vì họ đào thoát sang Canada đã đến tai gia đình Diaz. Nuria im lặng, nhưng Manuel và Yamilen than thở rằng nếu biết cặp đôi định ra đi vĩnh viễn, họ đã có thể thuyết phục họ ở lại. Không lâu sau, Yamilen

phát hiện ai đó đã đến phòng trọ của Kim và Toàn trước cô. TV, chăn ga, quần áo, giày dép, thậm chí giấy tờ cá nhân đều biến mất. Chỉ còn lại vài cuốn sách và một con búp bê Nga lắc lư bằng nhựa, với chiếc khăn voan Việt Nam buộc dưới cằm như kiểu khăn trùm đầu babushka. Đôi tay búp bê đã gãy. Yamilen đẩy vào quả cầu phía dưới làm thân búp bê, khiến nó lắc lư kêu lách cách. Cô nhặt nó lên và về nhà.

Đầu năm 1993, Tùng và Nữ ở Trảng Bàng được Tám - viên chức đáng ghét từ Tây Ninh mà họ không gặp nhiều năm - đến thăm.

Hắn không vòng vo : «Hai người có bảo con gái mình trốn khỏi Việt Nam không ?»

«Phúc đang ở Cuba !» Nữ bị xúc phạm. Sao lại hỏi chuyện đó ?

«Nó ở Canada !» Tám quả quyết. «Hãy nói chuyện với con gái các người. Bảo nó quay về Cuba. Nếu không, cả nhà các người sẽ vào tù !»

Vài tháng sau, Nick Út có mặt ở Việt Nam cùng George Esper. Esper đang mở lại văn phòng tại đây cho AP, đánh dấu sự trở lại của hãng tin sau 18 năm vắng bóng. Quan hệ Mỹ-Việt đang được nối lại trên nhiều

lĩnh vực, chủ yếu để chuẩn bị cho các doanh nghiệp Mỹ đầu tư vào Việt Nam. Bước ngoặt trong thái độ của Mỹ với Việt Nam diễn ra vào mùa thu năm 1992. Hà Nội đồng ý giao nộp tài liệu lưu trữ và đồ cá nhân liên quan đến các trường hợp MIA (quân nhân mất tích), và trong vòng hai tháng, Mỹ đã cho phép các công ty ký hợp đồng dự kiến sau khi lệnh cấm vận được dỡ bỏ (Mỹ chính thức dỡ bỏ tháng 2/1994 và hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ tháng 7/1995).

Dù biết Kim Phúc đang ở Canada - «Chú ơi, cháu đã trốn thoát», cô nói qua điện thoại và dặn Nick giữ bí mật - anh vẫn muốn nghe chính quyền trả lời thế nào nếu hỏi thăm cô. «Cô ấy đang học dược ở Cuba», là câu trả lời. Sau đó, tại một nhà hàng ở TP. HCM, một viên cảnh sát nhận ra Nick là tác giả bức ảnh Kim Phúc.

«Giờ cô ấy ở đâu ?» Nick hỏi.

«Là một người đàn bà vô gia cư trong thành phố», viên cảnh sát đáp, nhưng bị một thực khách khác phản bác, người này khẳng định Kim Phúc là dược sĩ đang làm việc tại đây.

Cùng thời gian đó, Vũ Hạc Bông - viên chức tốt bụng từng xin trợ cấp cho Kim khi cô học ở TP. HCM - nhờ Merle Ratner chuyển lời nhắn riêng tới Kim : «Vũ Hạc

Bồng mong em được hạnh phúc.» Trong dịp Tết đầu năm 1994, một viên chức từ TP. HCM mang đến túp lều của Tùng và Nữ một giỏ bánh kẹo lớn cùng một phong bì. Bên trong là số tiền tương đương vài trăm đôla Mỹ. «Đây là quà của Phạm Văn Đồng», người này nói. «Cụ rất quý Phúc con gái các ông bà.»

Sáng ngày 11/11/1996 tại Washington D.C. tràn ngập nắng vàng. Đám đông ba nghìn người tụ họp trong Lễ Tưởng niệm Cựu chiến binh hàng năm tại Đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam. Một cựu binh trên sân khấu, trước phong nền là những tấm đá granite đen lạnh lùng khắc tên những người Mỹ tử trận, giới thiệu diễn giả tiếp theo, một phụ nữ Việt Nam tên Kim Phúc. Tên cô không có trong chương trình, nhưng chỉ cần nhắc đến bức ảnh, hầu như ai trong đám đông cũng nhận ra cô là ai.

Trong số đó có John Plummer, 47 tuổi. Hè năm đó, khi lướt kênh TV, ông tình cờ xem chương trình «Họ giờ ra sao?» của CBS, nói về nhiếp ảnh gia và nhân vật trong bức ảnh nổi tiếng thời chiến. Plummer kinh ngạc khi biết nạn nhân vụ bom napal không sống ở Việt Nam mà ở Toronto, chỉ cách nơi ông ở, Purcellville, Virginia, một ngày lái xe. *Nếu cô ấy nhìn vào mắt tôi, Plummer nghĩ, cô sẽ thấy nỗi đau và sự hối hận vì những gì tôi*

đã gây ra cho cô.

Dấu hiệu đầu tiên cho Plummer biết bức ảnh quan trọng hơn một tin tức nhất thời trên tờ Stars and Stripes xuất hiện vài tháng sau khi ông trở về từ nhiệm vụ thứ hai ở Việt Nam. Khi đó ông 24 tuổi, đã ly hôn, là cha của ba đứa trẻ và chuẩn bị kết hôn lần hai, làm huấn luyện viên bay tại Fort Rucker, Alabama. Một tối, vị hôn thê và bạn cô đọc tạp chí, lật đến trang có bức ảnh đó. Plummer cúi xuống nói : «Tôi là người gọi máy bay thả loạt bom đó.» Phản ứng của họ là sự ghê tởm. Vị hôn thê nhìn ông như muốn nói : *Sao anh có thể tự hào về điều đó ? Tại sao lại khoe khoang ?*

Suốt nhiều năm, Plummer ngày càng tránh nói về chiến tranh. Những ai biết ông từng tham chiến ở Việt Nam thường chỉ hỏi một câu : «Anh có giết ai không?» Ông đã giết ; ông bắn chết một phụ nữ Việt khoảng 20 tuổi, một bóng đen chạy về phía hàng rào căn cứ lúc đêm khuya. Tình báo Mỹ sau đó kết luận người phụ nữ bị Việt Cộng bắt làm lao dịch, đã trốn thoát và đang tìm cách vào căn cứ Mỹ để lánh nạn thì bị bắn. Plummer giữ một bức ảnh thi thể cô, do đồng đội chụp.

Cuộc hôn nhân thứ hai của Plummer tan vỡ. Vợ ông cho rằng ông có «vấn đề tâm lý hậu chiến.» Vợ vẫn, ông tự nhủ. Ông thừa nhận mình nghiện rượu ; nhiều

lần tỉnh dậy trong xe tải hay trên ghế sofa nhà người khác, không biết mình đến đó bằng cách nào. Nhưng ông không tiết lộ với ai rằng có một thứ luôn phá vỡ lớp phòng thủ của mình : bức ảnh cô gái bị thương vì bom napal. Nó xuất hiện khắp nơi - báo chí, phim ảnh, thậm chí trong sách trên giá nhà ông. Mỗi lần nhìn thấy, Plummer lại quặn lòng hồi hận. Tiếng thét của cô ám ảnh những cơn ác mộng chiến tranh của ông.

Chỉ sau khi bị quân đội cho xuất ngũ, nhờ sự hỗ trợ của người sau này là vợ ba, Plummer mới bắt đầu ổn định. Là một tín đồ Cơ đốc ngoan đạo, cô có em trai từng là phi công trực thăng ở Việt Nam. Năm 1991, Plummer vào chủng viện và bốn năm sau trở thành mục sư giáo đoàn Methodist ở Purcellville. Nhờ đức tin, ông chấp nhận rằng Chúa đã tha thứ cho nỗi đau ông gây ra cho cô gái trong ảnh. Dù ngủ ngon hơn, gánh nặng hồi hận vẫn không vơi.

Vài tuần sau khi xem chương trình CBS đoàn tụ nhiếp ảnh gia và cô gái, Plummer tham dự buổi họp mặt cựu binh Việt Nam dành cho phi công và kỹ thuật viên trực thăng. Ông xem qua bàn sách và lại thấy bức ảnh ấy, lần này đi kèm một bài thơ. Cảm xúc trào dâng, Plummer bật khóc. Nhà thơ ở gần đó, không cần giải thích, cùng ông chia sẻ khoảnh khắc cầu nguyện. Hóa ra nhà thơ

này quen Nick Út. Tin tức đến tại một nhà làm phim Canada đang thực hiện phim tài liệu về Kim (nhan đề *Câu chuyện của Kim* : Hành trình từ Việt Nam, lần đầu phát sóng vào đầu năm 1997) và với chính Kim : vị chỉ huy người Mỹ đã «ra lệnh» thả bom napalm khiến cô bị thương, giờ đây là một mục sư, đã xuất hiện. Có tin rằng người đàn ông này không muốn công khai lên tiếng.

Giờ đây, vào Ngày Cự chiến binh, ngay khi Kim Phúc được giới thiệu, Plummer đã choáng váng. Cự chiến binh trên sân khấu nói rằng mặc dù Kim Phúc sống sót sau vụ tấn công, hai người em trai của cô đã không may mắn (một lần nữa là sự nhầm lẫn giữa em họ và em trai). Plummer sốc, tin rằng mình chịu trách nhiệm cho một bi kịch lớn hơn những gì ông từng biết.

Kim bước lên bục phát biểu. «Các bạn thân mến. Tôi rất vui được ở đây hôm nay... Như các bạn đã biết, tôi là cô bé chạy thoát khỏi đám cháy bom napalm. Tôi không muốn nói về chiến tranh vì tôi không thể thay đổi lịch sử. Tôi chỉ muốn các bạn nhớ đến bi kịch của chiến tranh để cùng hành động ngăn chặn xung đột và giết chóc trên khắp thế giới. Tôi đã chịu nhiều đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần. Đôi lúc tôi nghĩ mình không thể sống nổi, nhưng Chúa đã cứu tôi và cho tôi niềm tin,

hy vọng. Ngay cả khi tôi có thể gặp trực tiếp phi công đã thả những quả bom ->

Plummer nghe những lời này và cảm thấy chúng cũng dành cho ông. Ông viết vội trên một mảnh giấy : «Kim, tôi là NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÓ», ký tên Mục sư Plummer.

«- Tôi sẽ nói với anh ấy rằng chúng ta không thể thay đổi lịch sử nhưng có thể cùng làm những điều tốt đẹp cho hiện tại và tương lai để thúc đẩy hòa bình...»

Khi bài phát biểu ngắn kết thúc, Kim ôm một đại tá Không quân Mỹ đã nghỉ hưu, từng là tù binh chiến tranh tại Việt Nam. Cùng nhau, họ đặt vòng hoa trước bức tường tưởng niệm. Tiếng kèn Taps vang lên. Kim lau nước mắt trong khi nhiều người trong đám đông khóc không kiềm được, cảm thấy họ vừa cùng nhau bước một bước trên con đường hồi sinh từ Việt Nam.

Buổi lễ kết thúc, một người dẫn chương trình đưa Kim qua hàng loạt camera truyền hình và micro, dừng lại khi cô dừng lại để bắt tay những cựu chiến binh mong muốn được chạm vào cô. Khi họ đến chiếc xe cảnh sát chờ đưa cô về khách sạn, người dẫn chương trình thì thầm vào tai cô : «Kim, cô biết người đàn ông mà cô luôn muốn tìm chứ ?»

«Vâng ?»

«Ông ấy đang đứng ngay sau cô.»

Cô quay lại và nhìn vào khuôn mặt đầy đau khổ. Cô mở rộng vòng tay.

Plummer rơi vào vòng tay đó. «Tôi xin lỗi. Tôi thực sự xin lỗi...»

«Không sao», cô trả lời. «Tôi tha thứ, tôi tha thứ.»

Một cuộc tranh cãi bùng nổ trên khắp nước Mỹ giữa các cựu chiến binh Việt Nam phản đối lời thừa nhận của Plummer, «TÔI LÀ NGƯỜI ĐÓ.» Truyền thông toàn quốc đưa tin về câu chuyện xúc động về gánh nặng của một người đàn ông được giải tỏa nhờ sự tha thứ của nạn nhân, ban đầu được đăng trên một tạp chí tôn giáo tái bản bài viết của Plummer đăng trên Internet gửi bạn bè cựu chiến binh. Cuộc tranh cãi cuối cùng lắng xuống một năm sau khi Plummer thừa nhận ông không phải, theo nghĩa quân sự, «ra lệnh» máy bay hành động. Tuy nhiên, ông khẳng định mình là một phần trong chuỗi sự kiện dẫn đến cuộc không kích đó.

Sự thật về ký ức là nó mạnh mẽ nhưng không hoàn hảo và chỉ là những mảnh ghép rời rạc. Có sự khác biệt giữa lời kể của Plummer về cuộc không kích và những

gì các nhà báo trên xa lộ ngoài Trảng Bàng ghi nhận. Một phiên bản có cô vấn Mỹ, một phiên bản không, một phiên bản không có máy bay tiền tuyến, một phiên bản có. Liệu những mâu thuẫn này có thể giải thích được ? Có quan trọng không ?

Một nhà sử học quân sự tóm tắt cuộc tranh cãi về Plummer với nhận xét trên tờ The Washington Post : «Tôi có cảm giác [Plummer] đang tự đặt quá nhiều tội lỗi lên vai mình trong khi ông có thể chỉ là một mắt xích nhỏ.» Trong bài phỏng vấn cùng tờ báo, Kim Phúc nói: «Dù ông ấy đóng vai trò lớn hay nhỏ, điều quan trọng là tôi đã tha thứ cho ông.»

«Đó là bức ảnh không bao giờ ngủ yên», Horst Faas nhận xét khi được hỏi về sức ảnh hưởng lâu dài của nó. Ông giải thích phản ứng của mình khi lần đầu nhìn thấy nó, điều khiến ông quyết định công bố rộng rãi. «Nỗi đau giữ bạn tỉnh táo», ông nói.

Trong tiếng khóc không lời của cô bé trong bức ảnh là sự im lặng của tội lỗi, của những khiếm khuyết công khai và riêng tư. Chiến tranh, bất kỳ cuộc chiến nào, không chỉ chiến tranh Việt Nam, đều mang tính mơ hồ về đạo đức. Bức ảnh này cũng mơ hồ : không rõ cô bé chạy trốn ai hay cái gì, mức độ bỏng của cô không rõ ràng, và liệu cô sẽ sống hay chết là một ẩn số. Nhưng

trạng thái lo âu mà ông kính máy ảnh ghi lại khiến người xem tập trung, đồng thời đẩy mỗi người vào lịch sử u tối của riêng họ. Chúng ta vật lộn trong im lặng với giới hạn, sai lầm và sự nuông chiều bản thân trước sự hỗn loạn và tội ác của chiến tranh. Những người sống ở nơi «an toàn» cảm thấy bất lực trước những người sống ở nơi không may mắn.

Người Mỹ, cả tập thể lẫn cá nhân, bị ám ảnh bởi nỗi buồn, và với một số người, là sự xấu hổ và hối hận về chiến tranh Việt Nam - một cuộc chiến gây nhiều tranh cãi và hiếm khi tạo ra anh hùng. Không ai hoàn hảo, nhưng chúng ta hy vọng rằng mình có thể khiếm khuyết nhưng vẫn giữ được giá trị nhân cách. Chúng ta cảm nhận điều đó khi được tha thứ. Nhưng sức mạnh của sự tha thứ chỉ trọn vẹn khi nó được tìm kiếm. Đó là điều mà nạn nhân nổi tiếng nhất của chiến tranh Việt Nam, Kim Phúc, có thể trao đi.

Bức ảnh gây ảnh hưởng mạnh mẽ nhất lên chính cô, nhân vật trong đó. Cô rơi vào tuyệt vọng bởi những kẻ thao túng cuộc đời mình như thể bức ảnh là giàn giáo cho mục đích của họ. Cô đau khổ, trở thành nạn nhân lần nữa bởi những kẻ muốn kiểm soát mình. Bản chất con người là tìm kiếm sự cứu rỗi cho những sai lầm kinh khủng, và với một số người, đau khổ chính là sự

chuộc tội. Kim Phúc không nghĩ vậy. Càng đau khổ, cô càng chìm sâu vào bóng tối cô độc. Cô tái tạo bản thân về mặt tâm linh, từ bỏ một tín ngưỡng và theo đuổi một tín ngưỡng khác, rồi tìm đường thoát ra. Khi tôn vinh cô như biểu tượng sống của nỗi kinh hoàng và đau khổ thời chiến, những người khác, dù có tôn giáo hay không, đều cảm thấy hy vọng có thể cùng nhau xoa dịu bóng tối.

Vòng lặp chiến tranh lặp đi lặp lại, cô bé trong bức ảnh mãi chạy. Bài học rút ra có lẽ đã được báo trước trong câu chuyện dân gian Việt Nam mà Kim được nghe, câu chuyện cô nhớ đến khi quyết định đào tẩu. Kim thấy mình như chú chim được ngưỡng mộ vì bộ lông và tiếng hót, và quyết định thoát khỏi chiếc lồng mà người ta nhốt mình. Tôi chỉ muốn được tự do, cô tự nhủ. Tuy nhiên, câu chuyện gốc có một kết thúc bất ngờ: «Mỗi chú chim gặp phải xạ thủ Yi đều bị bắt. Đó là uy danh của ông. Vì cả thế giới là chiếc lồng của chúng, không nơi nào để trốn.»

Kim Phúc sẽ mãi là cô bé trong bức ảnh.

Lời Kết

Kể từ khi sự hiện diện của Kim Phúc ở phương tây được công chúng biết đến vào tháng 3 năm 1995, sự quan tâm của truyền thông dành cho cô đã lan rộng khắp thế giới. Trong một thời gian, cô tập trung vào việc tham gia cuốn sách này và bộ phim tài liệu đang được quay, *Kim's Story : The Road from Vietnam*. Tuy nhiên, đầu năm 1997, một phóng viên tự tìm đến cửa nhà Kim và Toàn, xin được vào nhà. Một bài báo và bức ảnh sau đó xuất hiện trên trang nhất của The Toronto Star. Bài báo kể về cuộc sống nghèo khó của nạn nhân chiến tranh nổi tiếng ở Toronto, cách cô, đang mang thai đứa con thứ hai, cùng Toàn và cậu con trai hai tuổi Thomas, sống trong một căn hộ chật chội tầng hai. Độc giả đã gửi tiền quyên góp, giúp Kim và Toàn mua một ngôi nhà phố khiêm tốn ba phòng ngủ gần nhà thờ ở Ajax, Ontario.

Trong số những người xem *Kim's Story* đoạt giải, được bán cho khoảng ba mươi quốc gia, có đại diện Canada của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Tổ chức Văn hóa (UNESCO). Đại diện của tổ chức đã xúc động trước câu chuyện chiến tranh của Kim và lòng bao dung của cô như được khắc họa trong bộ phim, đặc biệt là cuộc gặp gỡ giữa cô và John Plummer sau khi cô xuất

hiện tại buổi lễ ở Đài tưởng niệm Cựu chiến binh Việt Nam. Vào tháng 11 năm 1997, UNESCO đã bổ nhiệm Kim Phúc làm đại sứ thiện chí vì một nền văn hóa hòa bình để «truyền bá thông điệp về sự cần thiết của hòa giải, hiểu biết lẫn nhau, đối thoại và đàm phán để thay thế cho đối đầu và bạo lực...» Cùng thời điểm đó, Kim công bố việc thành lập Quỹ Kim có trụ sở tại Chicago nhằm giúp đỡ các nạn nhân trẻ em của chiến tranh. Cô là chủ tịch quỹ, còn Ron Gibbs, một cựu chiến binh Việt Nam, người đóng vai trò quan trọng trong quyết định xây dựng Đài tưởng niệm Cựu chiến binh Việt Nam, đứng đầu quỹ.

Kim và Toàn trở thành công dân Canada vào đầu năm 1998. Đứa con thứ hai của họ, Stephen, sinh năm 1997, cũng có tên tiếng Việt là Bình, có nghĩa là «hòa bình». Cả hai lần mang thai đều khỏe mạnh, ngoại trừ xu hướng tiểu đường của Kim. Nhìn chung, sức khỏe của Kim khá tốt. Tình trạng hen suyễn bắt đầu từ thời Cuba đã biến mất khi cô đến Canada, nhưng cô vẫn bị đau mỗi khi thời tiết thay đổi đột ngột. Những cơn ác mộng về chiến tranh hiếm khi xuất hiện. Đáng buồn là cô và Toàn đã mất đi người bạn thân nhất, Nancy Pocock, người qua đời năm 1998. Cuộc sống của họ xoay quanh gia đình ; vào mùa thu năm đó, cha mẹ Kim, ông Tùng và bà Nữ, đã đến Canada, vé máy bay của họ được một doanh

nhân vô danh ở Montreal tài trợ, giấy phép xuất cảnh từ Việt Nam được thành phố Hồ Chí Minh xử lý nhanh chóng sau nhiều tháng chần chừ từ tỉnh Tây Ninh. Cả hai đã nộp đơn xin chính quyền Canada để được định cư. Đầu năm 1999, ngoài tầm mắt của truyền thông, Kim, Toàn và hai con đã có một chuyến thăm yên tĩnh kéo dài một tháng tại Việt Nam để gặp cha của Toàn và gia đình.

Kim và Toàn, hai con trai và cha mẹ cô sống cùng nhau ở Ajax. Toàn làm hai công việc, một vào ban đêm tại một nhóm nhà và một vào ban ngày, chăm sóc hàng ngày cho một người khuyết tật tâm thần - đồng thời tham gia các khóa học Kinh Thánh tại nhà thờ. Anh hy vọng sẽ trở thành một mục sư. Một tháng sau khi chạy trốn đến Canada, khi cả hai vẫn đang ở trong một khách sạn, Toàn đã chấp nhận Chúa Giê-su là vị cứu tinh của mình, và vài tuần sau, anh được rửa tội tại một nhà thờ ở Toronto. Bố mẹ Kim, những người dành thời gian chăm sóc hai đứa cháu, thường xuyên đi nhà thờ cùng cặp vợ chồng, và khi ở nhà, họ đọc Kinh Thánh bằng tiếng Việt.

Cuộc sống bên ngoài gia đình của Kim liên quan đến việc diễn thuyết và đi khắp thế giới thay mặt UNESCO. Vị trí này là tự nguyện. Cô cũng tiếp tục truyền tải

thông điệp về cam kết của mình với Chúa Giê-su Ki-tô đến các khán giả, chủ yếu ở Canada. «Chính ngọn lửa từ bom đã thiêu đốt cơ thể tôi. Chính kỹ năng của các bác sĩ đã hàn gắn làn da tôi,» cô nói. «Nhưng phải cần đến sức mạnh của tình yêu Chúa để chữa lành trái tim tôi.» Một nhà làm phim người Ý đã chọn Kim làm nhân vật trung tâm trong bộ phim của ông về Cơ đốc giáo vào cuối thiên niên kỷ. Trong khi đó, một nghệ sĩ nổi tiếng ở Toronto đã quyên góp số tiền thu được từ việc bán các bức chân dung Kim, lấy cảm hứng từ bức ảnh nổi tiếng, vào quỹ để trang trải việc học hành cho hai con trai của cô.

Hơn hai thập kỷ rưỡi sau khi chiến tranh kết thúc, các cựu chiến binh Mỹ vẫn tìm đến cửa nhà Nick Út ở California. Họ đến để nói, «Tôi chỉ muốn nói cảm ơn vì đã chụp bức ảnh ; bức ảnh của bạn đã chấm dứt chiến tranh,» họ nói với anh. Trong số những người rời Việt Nam khi chiến tranh kết thúc hoặc trong làn sóng thuyền nhân sau này, một số không thể chịu được khi nhìn vào bức ảnh. «Bức ảnh đó đã khiến chúng tôi thua cuộc chiến,» họ giải thích.

Bảo tàng Tội ác Chiến tranh Mỹ trước đây ở thành phố Hồ Chí Minh đã được đổi tên thành Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh. Trong chuyến thăm của tác giả

vào cuối năm 1996, bức ảnh nổi tiếng về Kim mà chính cô từng bắt gặp trên các bức tường của bảo tàng hơn một thập kỷ trước đó, đã không còn được trưng bày. Tuy nhiên, có cả một bức tường dành riêng cho những bức ảnh về thương vong dân thường trong chiến tranh. Trong số đó có một bức chân dung màu của Kim và Thomas, xuất hiện trong ấn phẩm tháng 5 năm 1995 của tạp chí Life để đi kèm một bài báo về những nhân vật trong bốn bức ảnh đoạt giải Pulitzer, những người «đấu tranh để được công nhận không phải là biểu tượng mà là cá nhân...» Bức ảnh cho thấy Kim, vai và lưng để trần trước máy ảnh, đang nhìn đứa con Thomas đang ngủ trên vai. Trên làn da mịn màng của đứa bé, làn da sọc của cô dường như được tái sinh. Chú thích ghi : «Bà Kim Phúc, từng là nạn nhân 9 tuổi của bom napalm Mỹ. (Hiện cô đang sống ở Canada.) Một bức ảnh của cô và con trai đã giành được Giải thưởng Báo chí Thế giới năm 1996.» Bức ảnh là điểm nhấn trung tâm của bức tường đó.

Denise Chong

Lời Cảm Ơn

Cuốn sách này đã dựa trên sự tin tưởng, lòng hào phóng và dũng cảm của Kim Phúc và bố mẹ cô, ông Tùng và bà Nu, khi tiết lộ và cùng tôi sống lại một quá khứ mà phần lớn họ chưa từng nói đến trước đây. Những người đã đưa Kim và tôi đến với nhau lần đầu tiên, vào đầu năm 1995, là người đại diện của cô, Michael Levine, và người đại diện của tôi, Bruce Westwood, cả hai đều hành động theo gợi ý của nhà xuất bản của tôi tại Penguin Books, Cynthia Good, và biên tập viên của tôi, Meg Masters. Dự án này một lần nữa cho tôi đặc ân được nhận sự thấu hiểu, động viên và tình bạn chân thành từ Meg, và từ Mindy Werner tại Viking ở New York. Cảm ơn Wendy Wolf, người đến với bản thảo muộn hơn và đã có những đóng góp sắc sảo để hình dung nó thành một cuốn sách. Và tôi vinh dự được một lần nữa có Catherine Marjoribanks làm biên tập viên, người đã đặt ra tiêu chuẩn để phấn đấu. Bản đồ được vẽ bởi Molly Brass, và Susan James đã theo dõi quá trình sản xuất cuốn sách.

Những cuộc trò chuyện đầu tiên của tôi với George Esper đã giữ vững trong tâm trí tôi những ký ức sâu sắc về những người nhìn nhận Việt Nam không đơn thuần

là một cuộc chiến, mà là một đất nước và con người của nó.

Nếu không có bức ảnh định mệnh được chụp và lan truyền trên hệ thống của Associated Press, sẽ không có cuốn sách này ; tôi đã dựa vào những hồi ức của Nick Ut, Horst Faas và Carl Robinson. Tôi cũng biết ơn Arlette Salazar, góa phụ của Huỳnh Công La. Theo lời mời của Horst Faas, tôi đã tham dự buổi ra mắt cuốn sách Requiem, một cuốn sách do ông và Tim Page biên soạn về những bức ảnh của các nhiếp ảnh gia đã hy sinh khi đưa tin về các cuộc chiến ở Đông Dương. Ở đó, trong sự hiện diện đầy duyên dáng của George Esper, tôi được nghe những câu chuyện kể của những người từng ở Đông Dương.

Trong số các nhà báo từng đưa tin từ Việt Nam, tôi muốn cảm ơn đặc biệt Fox Butterfield, người đã tìm thấy những ghi chép của mình từ ngày xảy ra vụ ném bom napalm, và David Burnett, người đã lấy từ Contact Press bức ảnh được đề cập trong lời nói đầu. David Burnett, Nick Ut và bố mẹ Kim đã kiên nhẫn chịu đựng việc tôi sử dụng các mô hình, lấy từ đồ chơi của con cái, để tái hiện lại thị trấn Trảng Bàng và những sự kiện dẫn đến vụ ném bom napalm. Những người khác đã giúp tôi từng đưa tin về vụ tấn công hoặc viết bài về

Kim Phúc hoặc về cuộc chiến đến Trảng Bàng. Họ là Peter Arnett, Arthur Lord, Christopher Wain, Michael Blakey và John Graham. Matt Franjola đã đến Trảng Bàng trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến và cung cấp cho tôi những chi tiết từ thời kỳ đó.

Toàn, chồng của Kim, đã chào đón tôi trong nhà của họ và vui vẻ được phỏng vấn. Perry Kretz, luôn hào phóng, đã chia sẻ những hồi ức và tài liệu lưu trữ của mình. Tôi cũng muốn cảm ơn một số người từng làm việc tại Barsky : Tiến sĩ Mark Gorney, Joyce Horn, Tiến sĩ Mỹ Tú Lê và Tiến sĩ Norman Merkeley. Tiến sĩ D. Erdmann của Viện Oggersheim cũng đã giúp đỡ. Trong số những người đã dành thời gian chia sẻ về mối quan hệ của họ với Kim có Merle Ratner và chồng bà, Ngô Nhân, Nancy Pocock đã qua đời, gia đình Diaz, Maritza Yip và Triệu. John Plummer đã vui lòng trả lời tất cả câu hỏi của tôi. Tại Cuba, tôi đã nhận được sự hỗ trợ lớn từ dịch vụ phiên dịch và hướng dẫn của Gregory

Binjowsky. Mechthild Furlani đã hỗ trợ tôi trong việc kết nối với các mối quan hệ ở Đức và dịch từ tiếng Đức sang tiếng Anh. Phần khó khăn nhất trong quá trình nghiên cứu của tôi là những cuộc phỏng vấn tôi thực hiện tại Việt Nam. Người đồng hành cùng tôi là anh trai tôi, Wayne, và chúng tôi cùng nhau vượt qua những

hoàn cảnh thường xuyên căng thẳng. Có một số người tôi đã phỏng vấn mà tôi sẽ không nêu tên để bảo vệ danh tính của họ. Cả Wayne và tôi sẽ mãi nhớ đến một người phiên dịch dũng cảm, người đã dẫn dắt tôi đến những câu chuyện mà cô ấy nghĩ nên được kể và lắng nghe. Cô ấy khiến tôi nhớ đến người bạn Frank Zhao của mình. Bruce Levy đã cho tôi lời khuyên khi ở Việt Nam. Khi trở về Canada, Trần Thu là một phiên dịch viên tài năng, đồng thời cũng chia sẻ những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống mà cô ấy đã rời bỏ ở Việt Nam.

Tôi đã học được rất nhiều về chiến tranh Việt Nam và Đông Dương từ các tác phẩm đã xuất bản, nhiều trong số đó là của các nhà báo lừng danh như Neil Sheehan và Stanley Karnow. Các kho lưu trữ báo chí và phim ảnh cũng tỏ ra vô giá. Tôi cũng đọc những hồi ký xúc động và đau lòng về trải nghiệm của người Việt Nam trong chiến tranh. Có rất ít tài liệu bằng tiếng Anh về những năm tháng sau chiến tranh ở Việt Nam, và tôi rất tiếc vì không thể đọc được tiếng Việt.

Người bạn thân Diana Lary và ông Yim Tse tại Thư viện Châu Á của Đại học British Columbia đã quyết tâm tìm ra câu chuyện ngụ ngôn kết thúc cuốn sách này. Garth Goddard đã thảo luận với tôi về cách sử dụng ngôn ngữ thần học trong bản thảo. Gia đình Barr đã

cho phép tôi bày biện giấy tờ khắp các bàn bếp của họ ở Toronto, tại Point và trên bờ phía nam. Cảm ơn Cory Samonte-Vidal, Phillip Winslow, Susan Hans O'Connor, Michael Schellenberg, Jim Caccavo, Neal Ulevich, Ronald Bedford, Ian Burney, Võ Sửu, Trần Phương, Fiona McHugh, Annick Hillger, Võ Giang và Shelley Saywell.

Và cuối cùng, dù viết sách là một hành trình cô độc, nhưng những người luôn ở bên tôi từ đầu đến cuối, khi mọi thứ chưa được nói ra nhưng đã hoàn thành, chính là gia đình tôi. Cảm ơn Roger, Jade và Kai, bằng cả trái tim tôi.



Hậu quả của vụ tấn công bằng bom napalm ngày 8 tháng 6 năm 1972 tại Trảng Bàng, trước khi Kim Phúc chạy ra. Bà ngoại Thảo bỗng Danh, ba tuổi.

MỤC LỤC

Lời Tựa	6
Chương Một	11
Chương Hai	19
Chương Ba	57
Chương Bốn	98
Chương Năm	136
Chương Sáu	173
Chương Bảy	206
Chương Tám	244
Chương Chín	282
Chương Mười	325
Chương Mười Một	363
Chương Mười Hai	399
Chương Mười Ba	437
Chương Mười Bốn	477
Chương Mười Lăm	518
Lời Kết	533